

HỢP TUYỂN THƠ VĂN VIỆT NAM
VĂN HỌC DÂN TỘC THIỂU SỐ

895
V.115H

HỢP TUYỂN THƠ VĂN VIỆT-NAM

VĂN HỌC
DÂN TỘC
THIẾU SỐ

1463
~~THƯ VIỆN~~
TỈNH LẠI-CHÀU

1353 886
THƯ VIỆN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHO ĐỊA CHÍ

63/444/442

43
THƯ VIỆN TỈNH ĐIỆN BIÊN
PHÒNG MUON

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA
VIỆN VĂN HỌC

**NÔNG QUỐC CHẤN — NÔNG MINH CHÂU
MẠC PHI — HOÀNG THAO — HÀ VĂN THƯ**

biên soạn

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA

NGỌC ANH

TRIỆU KHÍ CHÂU

TRÚC CƯƠNG

BÀN TÀI ĐOÀN

SIU KEN

HOÀNG NÓ

ĐINH SƠN

ĐÀO VĂN TIẾN

HOÀNG HUY TOẠI

CẦM BIÊU

ĐÀO TỬ CHÍ

LẠC DƯƠNG

MINH HIỆU

QUY NHÂN

HOÀNG QUYẾT

ĐINH VĂN THÀNH

NÔNG VIẾT TOẠI

NÔNG TRUNG

VÀI NÉT VỀ VĂN HỌC DÂN TỘC THIỂU SỐ

K HÔNG thể nói hết được nỗi vui mừng của chúng ta khi tập *Văn học dân tộc thiểu số*, một tập trong bộ *Hợp tuyển Thơ văn Việt-nam*, ra đời. Đây là những công trình lao động nghệ thuật của các dân tộc anh em miền Bắc, miền Nam từ bao đời nay chung đúc lại và rất đáng cho chúng ta tự hào. Chế độ ta không những đã làm nảy nở những tài năng mới mà còn chú trọng khai thác những di sản văn học nghệ thuật quý báu của các dân tộc bấy lâu bị mai một dưới ách thực dân phong kiến. Từ hơn ba mươi năm nay, dưới ngọn cờ quang vinh của Đảng, nhân dân các dân tộc anh em đã vươn lên làm lại cuộc đời mình, đã đóng góp nhiều công sức vào sự nghiệp cách mạng chung của nước nhà và đã cất cao tiếng hát đề ca ngợi những ngày sống mới đầy ý nghĩa. Những dân tộc đã lao động cần cù và đấu tranh anh dũng để làm nên lịch sử của mình, đã có những truyền thống văn hóa lâu đời phải là những dân tộc anh hùng. Và, riêng cuộc đời của họ cũng rất đáng ca ngợi rồi. Vậy thì, những kết quả lao động nghệ thuật hàng nghìn năm, hàng trăm năm trước còn chất chiu được qua bao nhiêu bão táp của thời gian, cũng như những tinh hoa mới nảy nở, đều cần được trân trọng. Tập hợp tuyển *Văn học dân tộc thiểu số* này ra đời không những chỉ có ý nghĩa về văn học mà còn có ý nghĩa về chính trị, vì nó góp phần làm sáng tỏ thêm nguyên tắc «đoàn kết bình đẳng tương trợ» giữa các dân tộc, một nguyên tắc căn bản trong chính sách dân tộc của Đảng.

Văn học nghệ thuật phản ánh đời sống, cho nên trước khi nói đến văn học, tưởng cũng cần phác qua một vài nét về tình hình xã hội miền núi nước ta, trước và sau Cách mạng tháng Tám.

Theo tên gọi thông thường, nước ta có trên sáu mươi dân tộc thiểu số, phần lớn sống ở những vùng rừng núi quan trọng về quốc phòng và giàu có về tài nguyên thiên nhiên, bao gồm hai phần ba đất đai toàn quốc. Nhìn chung, từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt-nam, xã hội các vùng dân tộc thiểu số cũng mang tính chất chung của cả nước là thực dân và nửa phong kiến. Nhưng, vốn từ lâu, xã hội các vùng ấy

phát triển không đều nhau nên mỗi vùng lại có những đặc điểm riêng biệt về kinh tế và chính trị: có vùng sản xuất đã phát triển, giai cấp đã phân hóa rõ rệt, trước Cách mạng tháng Tám, chế độ phong kiến hoặc phong kiến sơ kỳ đã hình thành; có vùng sản xuất còn ở trình độ thấp, giai cấp chưa phân hóa rõ nhưng cũng đã có kẻ giàu, người nghèo, có tầng lớp thống trị và tầng lớp bị trị; lại có vùng còn mang nhiều tàn dư của chế độ thị tộc, bộ lạc. Về địa lý, ta có thể tạm chia các vùng dân tộc thiểu số thành bốn khu vực như sau:

1 — Việt Bắc: bao gồm khu tự trị Việt Bắc hiện nay và một số tỉnh tình hình xã hội có nhiều tính chất giống khu tự trị ở giáp biên giới Việt — Trung như Lao-cai, Yên-bái, Hải-ninh. Các dân tộc cư trú chủ yếu có các dân tộc: Tày, Nùng, Dao, Mèo, Nhắng, Hoa, Xán-diu, Xán-chỉ, Phù-la, Tu-dí, Lô-lô v.v...

2 — Tây Bắc: bao gồm khu tự trị Thái — Mèo hiện nay; gắn vào đây có thể kể cả Hòa-bình và miền thượng du Thanh-hóa, Nghệ-an. Các dân tộc cư trú chủ yếu có các dân tộc: Thái, Mường, Mèo, Dao, Puộc, Lự, Xá v.v...

3 — Tây Nguyên: gồm một số tỉnh miền tây nam Trung-bộ như Công-tum, Đắc-lắc, Gia-lai, Lâm-biêng, Đồng-nai-thượng. Các dân tộc cư trú chủ yếu có các dân tộc: Ê-đê, Giơ-rai, Ba-na, Mơ-nông, Xê-đăng, Xrê (1), Xtiêng v.v... Gắn vào đây, có thể kể cả Ninh-thuận, Bình-thuận ở cực nam Trung-bộ có dân tộc Chăm cư trú và cả miền thượng du một số tỉnh dọc dãy Trường-sơn.

4 — Miền tây Nam-bộ: gồm một số tỉnh như Sóc-trang, Vĩnh-long, Trà-vinh v.v... có dân tộc Khơ-me (vẫn gọi là Khơ-me Nam-bộ) cư trú.

Tuy tạm chia như vậy, nhưng trên thực tế, các dân tộc thường cư trú xen kẽ nhau hoặc có những dân tộc ở rải rác trên cả hai khu vực liền nhau (ví dụ: dân tộc Mèo, Dao ở rải rác trên cả Việt Bắc lẫn Tây Bắc, dân tộc Chăm ở cả Trung-bộ lẫn Nam-bộ).

Bốn khu vực trên đây tuy chưa bao gồm tất cả các vùng dân tộc thiểu số nhưng đã mang những tính chất riêng khá tiêu biểu.

Là địa đầu của nước ta, từ trong lịch sử lâu đời, Việt Bắc đã cùng cả nước nhiều phen dấy lên chống thế lực phong kiến nước ngoài tới xâm lược nước ta. Ngót một trăm năm bị đế quốc thống trị, nhân dân Việt Bắc đã cùng nhân dân cả nước luôn luôn nêu cao truyền thống đấu tranh giành độc lập và tự do: khởi nghĩa Bắc-sơn, cao trào Việt Minh, thành lập Khu giải phóng, hội nghị Tân-trào, những chiến công oanh liệt trong Kháng chiến như Sông Lô, Phủ-thông, Đèo Giàng, Đông-kê, Cao Lạng v.v... những sự kiện lớn ấy đều diễn ra trên đất Việt Bắc anh hùng, căn cứ địa hùng hậu của Cách mạng và Kháng chiến.

1 — Còn gọi là Cơ-ho.

Với ruộng đất phì nhiêu và những kho lâm sản phong phú, đáng lẽ nhân dân các dân tộc Việt Bắc phải được hưởng một đời sống ấm no, hạnh phúc. Nhưng vì trước đây, đế quốc và phong kiến thâm tóm mọi nguồn lợi trong tay cho nên người dân Việt Bắc cần cù, giản dị mà vẫn phải khổ cực, đói rét. Ở các rẻo cao, nông dân lao động sống chật vật, mỗi mòn với nương rẫy, nay đây mai đó như chim rừng, ở nơi này vài năm, đất hết màu mỡ lại kéo nhau đi nơi khác. Tình hình xã hội ấy đã rèn giũa cho nhân dân các dân tộc Việt Bắc một ý thức giai cấp khá rõ và một đầu óc thực tế. Họ tin ở sức chiến đấu của bản thân hơn là ở thần linh, Trời, Phật, đồng thời họ cũng rất tự hào về quê hương hùng vĩ và anh dũng của mình.

Tây Bắc gồm cả một vùng rừng núi biên giới giáp nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa và vương quốc Lào, với những dòng sông Mã, sông Đà thơ mộng, với đất Điện-biên lịch sử, là xứ sở của hoa ban, của xòe múa, của những bản tình ca. Nhưng, những người dân Thái, Mường, Xá, Puộc, Mèo v.v... của Tây Bắc cũng đã phải trải qua những thời kỳ lịch sử đau thương, máu hòa nước mắt. Trước Cách mạng tháng Tám, nói đến Sơn-la, Lai-châu là nói đến vương quốc của *phỉa, tạo*; nói đến Hòa-bình, thượng du Thanh-hóa là nói đến xứ sở của *lang, đạo*. *Phỉa, tạo* trong dân tộc Thái, *lang, đạo* trong dân tộc Mường, là giai cấp thống trị có quyền tuyệt đối về kinh tế và chính trị. Trong chế độ phong kiến sơ kỳ đó, ruộng đất tuy danh nghĩa là ruộng đất công nhưng trên thực tế là thuộc quyền *phỉa, tạo, lang, đạo* chi phối. Chúng bao chiếm những vùng ruộng tốt và bắt nông dân làm lưng nuôi béo chúng quanh năm. Người nông dân chỉ được cấy cày những mảnh ruộng xấu. Hàng năm, ngoài số ngày lao dịch không công cho giai cấp thống trị, họ còn phải nộp cho chúng một phần lớn những hoa lợi thu hoạch được. Ở vùng dân tộc Mường, *lang* làm nhà, dựng vợ gả chồng cho con cháu, ma chay, giỗ tết, mọi việc đều bắt dân phải đóng góp và lo liệu. Chúng đặt ra cả một bộ máy thống trị hà khắc với hàng trăm thứ luật lệ tàn ác và quái gở để đàn áp nông dân. Ngoài những thứ đó, chúng lại còn cố tình duy trì mê tín dị đoan để mê hoặc quần chúng. Cơ cực nhất là nhân dân các dân tộc Mèo, Dao, Xá, Puộc... Dưới con mắt bọn phong kiến Thái, Mường, họ chỉ là những «giống người nhỏ yếu», đáng miệt thị. Họ là nạn nhân của một chính sách chia rẽ dân tộc thâm hiểm, chịu đựng một tình trạng bất bình đẳng gay gắt qua những tháng năm dài đằng đẳng.

Thực dân Pháp tới, *phỉa, tạo, lang, đạo* trở thành tay sai của chúng, đời sống một cổ hai tròng của các dân tộc Tây Bắc càng thêm cay đắng. Cách mạng tháng Tám thành công chưa được bao lâu thì giặc Pháp đã trở lại xâm lược lần thứ hai. Lại khủng bố, đồn làng, tập trung dân, tàn sát, cướp bóc, hăm hiếp. Nhưng, dưới ánh sáng chỉ đường của Đảng, nhân dân Tây Bắc đã vùng lên, quyết lấy máu để trả nợ máu. Lửa cách mạng nhen nhóm từ lâu rực cháy trong từng bản

mường hẻo lánh nhất: người dân Tây Bắc đã chiến đấu sống mái với quân thù, đã góp phần xứng đáng vào chiến thắng Tây Bắc (1952) và chiến thắng lịch sử Điện-biên phủ (1954), vĩnh viễn chấm dứt những ngày sống ngọt ngào khổ đau dưới bàn tay đầm máu của đế quốc và phong kiến.

Khác với Việt Bắc và Tây Bắc, Tây Nguyên còn mang trong lòng xã hội nhiều dấu vết của thời kỳ thị tộc, bộ lạc. Phát nương, cuộc rẫy tập thể, bàn bạc dân chủ việc *buôn* (1) là tập quán phổ biến của nhiều dân tộc Tây Nguyên. Người đầu làng do nhân dân bàn bạc dân chủ bầu lên, có nhiều quan hệ mật thiết với nhân dân, được nhân dân tôn kính. Trong mọi việc, từ việc làm ăn đến việc cúng bái và xử kiện, người ta thường hỏi ý kiến các cụ già. Từ trưởng coi từng vùng, từng bộ lạc, nhưng có nhiều liên hệ với nhân dân; có từ trưởng có đến hàng trăm gia nô, nhưng gia nô không bị bạc đãi và bóc lột đến tận xương tủy như người nô lệ ở trong xã hội chiếm hữu nô lệ.

Trong một xã hội như vậy, lại sống gần thiên nhiên hùng vĩ và giàu có, các dân tộc Tây Nguyên: Ê-đê, Giơ-rai, Ba-na, Mơ-nông, Xê-đăng, Xrê v.v... đều có ý chí tự cường, tâm hồn lạc quan và phóng khoáng. Từ khi thực dân Pháp đặt chân lên đất Tây Nguyên, đồng bào Tây Nguyên đã nhiều phen nổi dậy giáng cho chúng những đòn chí tử, có lãnh tụ như A-ma Trang Long (dân tộc Mơ-nông) đã phát cao cờ khởi nghĩa chống thực dân, hùng cứ lâu năm cả một vùng rừng núi. Từ ngày được sự lãnh đạo của Đảng, các dân tộc Tây Nguyên càng phát huy mạnh mẽ truyền thống đấu tranh bất khuất của mình. Trong Kháng chiến, rừng núi Tây Nguyên đã biến thành những nơi từ địa chôn quân xâm lược và hiện nay, đồng bào Tây Nguyên đã và đang phá tan những âm mưu của bọn Mỹ—Diệm định biến Tây Nguyên thành vùng chiến lược của chúng.

Vùng đồng bào Khơ-me miền tây Nam-bộ đã trải qua chế độ phong kiến. Về mặt tôn giáo, đạo Phật có ảnh hưởng khá sâu trong nhân dân. Đồng bào sống tiếp cận hoặc xen kẽ với người Kinh nên có quan hệ về nhiều mặt với người Kinh. Từ khi thực dân Pháp xâm lược Nam-bộ, mặc dầu âm mưu chia rẽ của bọn thống trị, tình đoàn kết giữa hai dân tộc càng chặt chẽ hơn. Hai dân tộc đã sát cánh với nhau trong các cuộc khởi nghĩa chống Pháp, trong thời kỳ kháng chiến cũng như trong cuộc đấu tranh anh dũng chống đế quốc Mỹ và tay sai của chúng hiện nay.

Đặc điểm tình hình xã hội nói trên đã tạo nên truyền thống văn hóa riêng biệt của các dân tộc thiểu số, biểu hiện rõ nhất trong văn học nghệ thuật. Mặt khác, vì sống tiếp giáp với các nước láng giềng hoặc nguồn gốc là những dân tộc từ các nước đó di cư sang, tùy theo khu vực cư trú, các dân tộc thiểu số nước ta đều ít nhiều chịu

1— *Buôn* : làng.

Ảnh hưởng văn hóa của các nước láng giềng đó. Các dân tộc Việt Bắc phần lớn chịu ảnh hưởng văn hóa Trung-quốc; một số dân tộc Tây Bắc chịu ảnh hưởng văn hóa Lào; đồng bào Tây Nguyên chịu ảnh hưởng của văn hóa Chiêm-thành cổ xưa; dân tộc Kho-me Nam-bộ mang nhiều ảnh hưởng văn hóa Cam-pu-chia và phần nào của Ấn-độ. Điều này biểu hiện rõ rệt trong cách kiến trúc nhà cửa, tập quán sinh hoạt hoặc tiếng nói, chữ viết. Chẳng hạn chữ Thái và chữ Lào đều cùng một hệ, chỉ khác nhau ít nhiều về cách phát âm; các dân tộc Việt Bắc như Tày, Nùng, Dao đều dùng chữ Hán hoặc mượn chữ Hán để đặt ra chữ nôm dân tộc và dùng rộng rãi trong văn học.

Hình thái sống xen kẽ giữa các dân tộc trong từng khu vực lại đã làm cho văn hóa các dân tộc chịu ảnh hưởng lẫn nhau. Các dân tộc Tày, Nùng (Việt Bắc) nói tiếng gần giống nhau. Dân tộc Dao thường nói thông thạo tiếng Tày hoặc tiếng Nùng. Đồng bào Xá (Tây Bắc) rất hiểu tiếng Thái. Một điểm nổi bật nữa là các dân tộc thiểu số Việt-nam ít nhiều đều chịu ảnh hưởng của văn hóa người Kinh. Số đông người các dân tộc nói được tiếng Kinh và dùng chữ quốc ngữ khá thông thạo.

Ảnh hưởng qua lại về văn hóa nổi rõ trong văn học dân gian và cả trong văn học thành văn. Một số truyện cổ hoặc tục ngữ, dân ca của các dân tộc có nội dung phản phát giống nhau. Các dân tộc lại dịch tác phẩm của nhau ra tiếng dân tộc mình như đồng bào Thái dịch *Thạch Sanh*, đồng bào Tày dịch *Phạm Tải Ngọc Hoa*, đồng bào Tày, Nùng dịch *Lương sơn Bá Chúc anh Đai* của Trung-quốc v. v... Ảnh hưởng qua lại về văn hóa đã làm cho văn học của các dân tộc anh em càng thêm phong phú.

*
* *

Ngày nay, khi nói đến văn học Việt-nam, người ta hình dung ngay đó là một nền văn học của nhiều dân tộc đã cùng chung sống lâu đời trên một lãnh thổ và có nhiều quan hệ mật thiết với nhau. Các dân tộc thiểu số nước ta, từ những dân tộc đông hơn năm chục vạn người đến các dân tộc chỉ còn lại đôi ba nghìn người, đều có truyền thống văn học riêng và đã góp vào nền văn học chung của cả nước nhiều màu sắc khác nhau. Do những điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội và địa lý khác biệt, văn học của mỗi dân tộc có những đặc điểm riêng. Trong phạm vi bài này, chúng tôi chưa có tham vọng phân tích tỉ mỉ về nền văn học của từng dân tộc. Căn cứ vào những đặc điểm về lịch sử, xã hội và kinh tế có tính chất chung cho từng khu vực cũng như trên thực tế tác phẩm văn học đã sưu tầm được, chúng tôi chỉ xin nêu lên một số nét nổi bật của từng khu vực.

Như trên đã nói, vấn đề đấu tranh giai cấp nổi rõ rệt trong xã hội của đại bộ phận các dân tộc Việt Bắc, vì vậy văn học của số đông các dân tộc Việt Bắc mang yếu tố đấu tranh giai cấp khá rõ. Yếu tố thần linh tuy chưa mờ nhạt hẳn nhưng không nổi bật như trong văn học của nhiều dân tộc thiểu số khác, như các dân tộc Tây Nguyên chẳng hạn. Không phải ngẫu nhiên mà nhân dân Tày đã thấy rõ:

Giàu nên bụt, nghèo nên ma.

Mười kẻ đi buôn không bằng người lộn đất.

hoặc:

Mười kẻ làm quan, chín kẻ bị giết.

Mười kẻ làm lý, chín kẻ bán ruộng.

Mấy câu tục ngữ ấy hàm súc bao nhiêu ý chua chát, mỉa mai. Bản chất gian ác và thối nát của thực dân và phong kiến thống trị cũng bị vạch trần trong nhiều thơ ca của các dân tộc Việt Bắc. Từ chuyện hạt muối:

Chỉ chén muối ầy thối,

Quan Tây phát xuống thầy lý,

Thầy lý phát xuống đến dân;

Thàng thàng quan Tây nhè đòi tiền một lần,

Thầy lý đem tiền đi nộp đủ

Nhưng muối của dân thàng có thàng không.

(Thơ Tày : XUỐNG CHỢ LẤY MUỐI)

NGUYỄN VĂN LÒ

cho đến cái cảnh:

Cực thay số phận làm trai,

Cơm ngày hai bữa quan sai trăm đường;

Quan nào có rộng lòng thương,

Không ra chiến trường quan đòi ruộng công.

(Dân ca NHẮNG)

Ta thấy ở đây ý thức chống đối không còn ở mức trừu tượng chung chung; nó đã nhằm trúng những đối tượng cụ thể.

Có khi sự mỉa mai, châm biếm vượt khỏi cái thế của kẻ bị trị mà biến thành cái thế đứng trên đầu bọn thống trị. Trong nhà tù của đế quốc, nhà thơ Hoàng Đức Hậu cảm thấy:

Thực phong lưu cái cảnh nhà pha;

Ngày hai bữa, Tây thối kén châu chực,

Đi ỉa dài, có lính hầu từng lúc.

(Thơ Tày : NHÀ PHA)

HOÀNG ĐỨC HẬU

Yếu tố đấu tranh giai cấp ấy không những chỉ nổi rõ trong thơ ca mà còn nổi rõ cả trong các loại truyện cổ. Nhìn chung, Việt Bắc có nhiều

truyện cổ tích, ngụ ngôn (và cả truyện tiểu lâm nữa) hơn các dân tộc Tây Nguyên. Những loại truyện mang đậm tính chất đấu tranh giai cấp như *Tiếng chuông trong rừng thẳm* (dân tộc Nùng) *Pù nải hò* (dân tộc Dao) *Con ngựa vàng* (dân tộc Mèo) không phải là hiếm. Trong những loại truyện đó, nhân dân đã sáng tạo được những nhân vật tiêu biểu cho lòng nhân đạo, tinh thần lạc quan và ý chí kiên cường bất khuất của con người lao động đứng trước bạo lực.

Yếu tố đấu tranh giai cấp còn biểu hiện trong ý thức chống đối các tập tục phong kiến nói chung. Nếu như Hồ xuân Hương đã ngán ngẫm cho cái cảnh lễ mọn «*năm thì mười họa nên chẳng chớ, một tháng đôi lần có cũng không*» thì người Nùng cũng chẳng ưa gì cái cảnh:

*Tay hôm chìa khóa giao vợ cả,
Thóc và cám lợn đến cô thôi;
Bát cơm sẻ nửa no sao được,
Đều đau dòng nước chảy làm đôi!*

(*Dân ca NÙNG*)

Những câu dân ca chua chát ấy là những lời tố cáo danh thếp những đời phong bại tục do phong kiến thống trị đẻ ra và nuôi dưỡng. Tệ nạn đa thê cũng như tệ nạn tảo hôn là những bại tục chà đạp lên đời sống tình cảm của con người. Vì vậy, trong khi lớn tiếng phản kháng chuyện «*rau cải còn non mẹ với nhỏ*» thì người dân Việt Bắc đã thẳng thắn tuyên bố quyền tự do yêu đương:

*Việc ta dân phải trò trộm ngựa.
Việc ta dân tựa kẻ giết người.
Vì một nỗi: tình thương dầm thắm*

(*Thơ Nhắc: TÌNH YÊU HAI TA*)

Họ nhận thức rõ chuyện yêu nhau, chuyện lấy nhau không phải là những «trò trộm ngựa, giết người», cho nên lời nguyện:

*Đầu anh dân vì em mà rụng,
Yên giấc vàng vẫn trọn lòng chung.*

(*Thơ Nhắc: TÌNH YÊU HAI TA*)

không chỉ là lời nguyện chung thủy mà còn là một bản tuyên ngôn về quyền tự do yêu đương.

Trong văn học các dân tộc Việt Bắc, đề tài tình yêu không hiếm. Ca dao và các loại dân ca như *lượn* (Tày) *slì* (Nùng), đại bộ phận nói về tình yêu. Cũng như *Tản chú xiết xương* của dân tộc Thái (Tây Bắc), *Phuối pác* của dân tộc Tày, *Hà lều* của dân tộc Nùng là những loại dân ca giống như hát ví dưới xuôi, nội dung mang rất nhiều yếu tố trữ tình. Các truyện thơ dài từ năm bảy trăm cho tới trên dưới hai nghìn câu cũng có khá nhiều và phần lớn đều ca ngợi những mối tình chung thủy. Ngoài những truyện phóng tác hoặc dịch

theo tác phẩm của người Kinh hoặc Trung-quốc như *Phạm Tải Ngọc Hoa*, *Lương sơn Bà Chúa anh Đài* v.v..., các dân tộc Việt Bắc đã có những tác phẩm dài hơi như *Trương mông Ngò*, *Bát tiên cô* (dân tộc Dao) *Nam Kim Thị Đan*, *Kim Quế*, *Lưu Đài Hán Xuân* (dân tộc Tày) v.v... là những tác phẩm rất phổ biến trong nhân dân. *Nam Kim Thị Đan* của đồng bào Tày vùng Cao-bằng, Bắc-cạn, Lạng-sơn là một thiên tình sử éo le bí hiểm. Đôi nhân vật chính trong truyện, Nam Kim và Thị Đan, yêu nhau thắm thiết nhưng vì tục gả bán ép uổng nên không lấy được nhau. Về nhà chồng rồi, Thị Đan vẫn không phút nào quên người tình cũ. Sau một buổi gặp gỡ, họ đã phải chia tay nhau trong một niềm tuyệt vọng tê tái:

*Núi rừng đây bát ngát,
Tiền anh bao giờ hết đường đi,
Mỗi bước thêm một mối sầu em ạ,
Chỉ có lìa, không hợp được nhau!*

Yêu nhau phải đi đến cái chết mới mong được gần nhau, cái kết cục bi thảm của đôi nhân vật trong truyện đã làm rơi không biết bao nhiêu nước mắt. Và, truyện thơ trữ tình này là bản tố cáo một xã hội ngọt ngào đầy rẫy những phong tục tập quán lạc hậu.

*
* *

Nếu yếu tố đấu tranh giai cấp là một đặc điểm của văn học Việt Bắc thì yếu tố trữ tình lại là một đặc điểm của văn học các dân tộc Tây Bắc. Nói như thế không có nghĩa là văn học các dân tộc Tây Bắc kém tính chất đấu tranh giai cấp. Sự khác biệt giữa hai nền văn học nêu lên ở đây là sự khác biệt về mức độ, về sắc thái của hai yếu tố trữ tình lãng mạn và hiện thực tố cáo mà thôi.

Yếu tố trữ tình tràn ngập trong văn học các dân tộc Tây Bắc, đặc biệt là dân tộc Thái và Mường. Cũng như phần lớn các dân tộc thiểu số các khu vực khác, văn học các dân tộc Tây Bắc tuyệt đại bộ phận là văn vần. Nếu có thì giờ lục lại cả một kho tàng ca dao, dân ca, chúng ta sẽ ngạc nhiên vô cùng về số lượng và chất lượng. Chỉ riêng các câu hát thuần túy nói về tình yêu nam nữ của dân tộc Thái hiện sưu tầm được đã có tới trên một vạn câu và được ghi chép lại thành văn bản đã có tới ba trăm bài, gọi chung là *Tản chú xiết xương*. Bên cạnh kho tàng dân ca ấy còn cả một kho truyện thơ dài: *Xống chạ son sao*, *Khan Lú Nàng Ủa*, *Tóng đón am ca*, *Thị thốn* (dân tộc Thái), *Út lót Vi diệp*, *Hùng Nga Hai Mối* (dân tộc Mường) v.v... còn số lên tới gần năm chục tác phẩm.

Dân ca Thái có nhiều hình thức như hát thách, hát đối, hát đố, hát đưa tình v.v... Qua dân ca, ta thấy rõ tâm hồn thơ mộng, phong

phú, nhuần nhị của đồng bào Thái. Từng câu, từng câu, rào rạt những tình cảm chân thành, thấm thiết. Nghe lời dặn dò:

*Em đừng tham dây bồ bông nén,
Đừng tham vàng rồi bạc dây hòm,
Đừng sợ một xó lều anh nghèo khổ,
Đừng ước làm dâu nhà giàu ăn cá ngon,
Đừng vội dứt tình anh sắt son!*

(*Tình ca : TÂN CHỤ XIẾT XƯNG*)

hay lời nguyện ước:

*Lúc tóc ngắn lơ duyên,
Hẹn tóc dài ta nên chồng vợ.*

(*Dân ca THÁI*)

ta tưởng như nghe những tiếng nước nữ, nhen ngào...

Trước kia, đồng bào Thái có tục chơi *hạn khuống* (1). Thú chơi thanh lịch cổ truyền này là một trong những điều kiện giúp cho nền dân ca phát triển và chính trên sân *khuống* trữ tình này, người ta đã sáng tác, thu góp, lưu truyền được những câu ca bất hủ. Và kho tàng dân ca phong phú ấy đã đóng góp rất nhiều vào sự hình thành của các tác phẩm dài hơi mà *Xống chụ son* sao là tiêu biểu.

Xống chụ son sao (*Tiên dặn người yên*), một áng văn chương tuyệt mỹ dài 1.846 câu thơ, là bản tình ca nổi tiếng nhất của dân tộc Thái cũng như của cả các dân tộc Tây Bắc. Nhân dân Thái yêu mến và trân trọng *Xống chụ son* sao như người miền xuôi yêu mến và trân trọng truyện *Kiều*. Tác phẩm ca ngợi một mối tình chung thủy và kết án nghiêm khắc cả một nền đạo lý phong kiến đang bị thế lực đồng tiền lung lay, nền đạo lý chà đạp lên nhân phẩm con người, nhất là người phụ nữ. Trong truyện, đôi bạn tình đã gắn bó với nhau đến cái mức:

*Không lấy được nhau mùa hạ, ta sẽ lấy nhau mùa đông,
Không lấy được nhau thời trẻ, ta sẽ lấy nhau khi góc bực về già...*

*Không lấy được nàng, ta làm giặc giữa núi,
Không lấy được em, anh làm loạn giữa rừng...*

Những lời thơ giàu nhạc điệu, giàu hình ảnh và giàu tính chiến đấu ấy, khơi cho người đọc thấy cả một thế giới tâm hồn phong phú, thấm thiết và quả cảm của nhân dân lao động Thái.

Đời sống tình cảm phong phú ấy mang lại cho yếu tố trữ tình trong văn học Thái những sắc thái thiết tha, đậm lòng nhân đạo.

1— *Khuống* : sân nửa lộ thiên, trai gái thường đến đốt lửa để làm việc, ca hát vui chơi vào những đêm đẹp trời.

Tuy nhiên, nhân dân lao động Thái không hề quên cái thực tế đời sống vật chất cơ cực dưới ách phong kiến và đế quốc.

Tuy ý thức giai cấp chưa thực cao và đứt khoát nhưng trong quan hệ xã hội, họ đã biết tin vào tình thân tương thân tương ái của những người cùng cảnh ngộ. Họ khuyên nhủ nhau:

*Đầu mừng ta là cuối mừng bạn,
Thuyền bè dirt trôi xuôi, người dưới buộc lại,
Voi ngựa xông chạy ngược, người trên buộc lại,
Lợn chó ăn chung; gà vịt ăn cùng.*

Văn học các dân tộc ít người khác ở Tây Bắc như Mèo, Xá, Lự, Puộc v.v... cũng có truyền thống và bản sắc riêng. Ngoài các loại dân ca trữ tình, dân tộc nào cũng có một số truyện cổ đáng chú ý. *Khun Lú Nàng Ủa* của dân tộc Xá mà dân tộc Thái đã mượn cả cốt truyện để xây dựng nên một truyện thơ, là một trong những truyện cổ hay nhất của Tây Bắc.

Nội dung thơ ca của các dân tộc này cũng có những nét riêng biệt. Là những dân tộc trước kia bị khinh rẻ, miệt thị, thậm chí có dân tộc bị dồn đến họa diệt vong, nên họ thường mang một tâm trạng u uất, đắng cay và tâm trạng đó được phản ánh rõ rệt trong thơ ca. Cái cảnh:

*Người uống rượu ta chỉ ăn bã,
Người ăn cá, ta độc nhai xương,
Ta hèn khó như ngọn lá dính đất.*

(Thơ Xá : MỖI KHỜ NGÀY XUA)

LÒ THỊ SO

của một kiếp người làm than, suốt đời làm *nhốc*, làm *cón hươn* (1) cho phong kiến Thái không phải chỉ riêng một dân tộc Xá phải chịu. Nhưng, trong những tháng năm đầy mồ hôi và nước mắt ấy, nỗi đắng cay cơ cực chỉ càng nung nấu thêm ý chí không chịu khuất phục mãi mãi cúi đầu. Chát men phản kháng ấp ủ từ lâu chỉ chờ dịp bốc lên, và, khi được tiếp xúc với Cách mạng, các dân tộc ấy đã:

*Cúi đầu lưng rồi nay phải ngửng lên
và
Ngửng mãi không bao giờ cúi nữa.*

(Thơ Puộc : NGƯỜI PUỘC)

Sự «ngửng lên» ấy không phải là một điều ngẫu nhiên vì trong quá trình lịch sử, trong những tháng năm dài bị bóc lột, đè nén, khinh khi, nhân dân các dân tộc ít người đã biết vũ lên dao đi rừng (2) của mình mà hát những lời đầy tự hào, đầy dũng khí:

1— *Nhốc, cón hươn* : gia nhân, tôi tớ.

2— Đồng bào miền núi ra khỏi nhà thường mang dao theo. Con dao là vật phòng thân và dùng để sinh sống hàng ngày.

Con thỏ có bốn cái chân
 Sống được giữa rừng nữa hưởng chi ta!
 Con hồ vồ thì thỏ luồn qua
 Bám chặt vào vai con hồ;
 Con sói đuổi thì thỏ chui xuống hố;
 Con trăn lùa thì thỏ tót lên cây.
 Qua gió mưa sạt rừng, núi lở
 Con thỏ vẫn sống đến nay
 Để ra con cháu từng bày,
 Làm chủ ngọn rừng, đỉnh núi
 Cũng như người Lự ta đây.

(Thơ Lự: CON THỎ)

Nói về văn học các dân tộc Tây Bắc, cần nhắc đến văn học dân tộc Mường. Dân tộc Mường ở tương đối tập trung vào mấy vùng lớn như Phù-yên (Sơn-la), Thanh-sơn (Phú-thọ), Hòa-bình và miền thượng du Thanh-hóa, tiếp giáp nhiều nhất với người Kinh và người Thái. Văn học Mường cũng rất phong phú, nhất là về văn vần với nhiều thể loại như tục ngữ, ca dao, dân ca, thơ, truyện dài bằng thơ, v.v... Truyện cổ cũng khá nhiều: thần thoại, truyền thuyết ít hơn những loại truyện cổ tích, ngụ ngôn hoặc truyện trào phúng trực diện đả kích vào *lang đạo* là giai cấp thống trị. Đặc biệt trong loại truyện trào phúng này, nhân dân lao động Mường đã sáng tạo được một nhân vật rất lý thú: chú Cuội. Những mẩu truyện trào phúng mà Cuội là nhân vật chủ giác nhiều đến hàng trăm; đồng bào Mường rất thích kể cho nhau nghe và gọi chung là *Truyện Cuội*.

Thơ ca Mường cũng rất giàu tính chất trữ tình. Tính chất trữ tình này mang dấu ấn của một xã hội đã bước qua chế độ phong kiến sơ kỳ lại được tiếp xúc nhiều với dân tộc Kinh là một dân tộc tiên tiến hơn. Vì vậy, nó phản ánh nhiều mặt tâm lý và tình cảm khá phức tạp, khá tinh tế; cái lãng mạn thơ mộng không còn chơi với nữa mà đã bắt liền với thực tế đời sống khá vững chắc.

Một đôi bạn tình:

Biết nhau từ thuở còn thơ,
 Cùng nhau sàng cát vào tờ mo nang,
 Đuổi nhau chạy khắp đường làng,
 Tranh nhau từng chiếc lá vàng rụng rơi,
 Ghét nhau thề chẳng cùng chơi
 Hôm sau gọi có nửa lời tại sang...

lớn lên yêu nhau, rồi vì « biến động đất trời, bản mường tan tác » phải xa nhau, sống cái cảnh đợi chờ khắc khoải:

*Chung nhau một dải sông Bờ,
Anh mong thuyền ngược, em chờ thuyền xuôi...
Xa xôi lắm lắm mình ơi,
Gửi sao cho tới những lời ái ân!...*

(Dân ca MƯỜNG)

Những câu dân ca trữ tình ấy rất gần với dân ca miền xuôi. Trong dân ca Mường cũng như trong dân ca của người Kinh, tính chất trữ tình ấy còn biểu hiện trên nhiều khía cạnh khác của đời sống tình cảm; nó lại thường được kết hợp với tính chất hiện thực sinh động. Một tình yêu xây dựng trên cơ sở thực tế:

*Anh sẵn lòng khen cơm, anh phải đi cho tới mạ,
Anh sẵn lòng khen cá, anh phải đi cho đến khe,
Anh sẵn lòng khen trai xinh gái đẹp, anh phải đi cho tới
làng.*

(Dân ca MƯỜNG)

không thể là một tình yêu xốc nổi; nó là một sức mạnh, một nguồn nghị lực giúp con người vượt qua mọi khó khăn.

Sự kết hợp khá chặt chẽ giữa lãng mạn trữ tình và hiện thực đời sống có thể tìm thấy ở hầu hết các loại dân ca như hát xường, hát dúm, hát ví, ở cả trong các bản dân ca lớn như *Đang tồn nhà* (*Hát mừng nhà mới*) hoặc trong những truyện thơ dài như *Út-Lót Vi Diệu* hoặc *Huyền Nga Hai Mối* (1). Về hình thức, một đặc điểm của thơ ca Mường là thể lục bát được dùng khá nhiều, nhất là trong các bài hát dúm. Bài *dúm Cờ đen* là một tài liệu giúp ta có thể xác định là dân tộc Mường đã sử dụng thể thơ lục bát từ lâu và sử dụng một cách khá điêu luyện. Chi tiết này cho phép ta nhận định rằng, do sự giao lưu văn hóa, dân tộc Mường đã chịu ảnh hưởng của văn học người Kinh nhiều hơn bất cứ dân tộc nào.

Trong những dân tộc mà văn học chịu ảnh hưởng của văn học người Kinh ít hơn cả, phải kể đến các dân tộc Tây Nguyên.

Xã hội các dân tộc Tây Nguyên còn mang nhiều tàn dư của chế độ thị tộc, bộ lạc; các giai cấp chưa phân hóa rõ rệt; kinh tế tự cấp tự túc còn dựa nhiều vào thiên nhiên. Phong cảnh núi rừng khe suối Tây Nguyên lại hùng vĩ, tươi sáng; không trầm mặc, rầu rĩ như Việt Bắc; cũng không bát ngát, thơ mộng như Tây Bắc. Hoàn cảnh xã hội và địa lý ấy đã tạo cho người dân Tây Nguyên một tâm hồn phóng khoáng, kiên cường, hết sức lạc quan trước cuộc sống. Họ nhìn vào đâu cũng

1— Thông thường, người ta vẫn cho đây là một truyện dài mang hai tên. Tài liệu sưu tầm được gần đây cho biết cốt truyện khác hẳn nhau, mặc dù tên các nhân vật đều là một.

thấy chim muông, hoa lá, suối trong, quả lành. Bên tai họ thường vang lên nhạc điệu du dương của một bản hòa tấu muôn điệu của thiên nhiên. Tiếng chim kêu, gió thổi, suối reo thường gợi cho họ những cảm xúc say sưa như khi được thưởng thức một điệu đàn *lơ-rung* thánh thót. Các dân tộc Ê-đê, Ba-na, Giơ-rai cũng như các dân tộc ít người khác, đều say sưa sinh hoạt văn nghệ. Yêu thơ và làm thơ hầu như là một bản tính của đồng bào Tây Nguyên. Già làng xử kiện, hàng xóm khuyên răn nhau, thậm chí có lúc cãi nhau cũng dùng thơ ca. Đức tính yêu thơ đó đã làm cho văn học Tây Nguyên là cả một kho tàng thơ ca phong phú.

Tâm hồn lạc quan và ý chí kiên cường của người Tây Nguyên được phản ánh rất rõ trong văn học, tiêu biểu nhất là những bản trường ca hùng tráng như *Bài ca chàng Đam San*, *Đam Di*, (dân tộc Ê-đê) *Xing Nhã* (dân tộc Giơ-rai) *Đĩa Đon* (dân tộc Ba-na) v.v... Đam San và Xing Nhã là những kiểu mẫu anh hùng, tập trung nhiều tính chất điển hình của những con người có ý thức sâu sắc về địa vị của mình. Có tâm hồn phóng khoáng và ý chí kiên cường cũng như rất nồng nhiệt trong tình yêu.

Văn học Tây Nguyên cũng có nhiều thể loại: tục ngữ, ca dao, dân ca, truyện cổ và nổi bật là những bản trường ca hùng tráng. Truyện cổ và trường ca còn mang nhiều yếu tố thần linh. Đối với các dân tộc Tây Nguyên, *Dàng* (1) là tượng trưng cho công lý tuyệt đối, là nguồn hy vọng, nguồn an ủi, luôn luôn được nhắc đến trong văn học. Tục ngữ, ca dao, dân ca của các dân tộc Tây Nguyên phản ánh tâm hồn, tình cảm của người lao động sống trong một xã hội mà quan hệ giữa người và người chủ yếu là quan hệ đoàn kết tương trợ lẫn nhau. Ta hãy nghe người Ê-đê khuyên nhau:

*Khuyên bảo mà quên thì khuyên bảo nữa,
Nói ra nghe nhau như cùng một tai,
Cùng nói chung một miệng,
Cùng ưng muốn như chỉ có một lòng.*

.

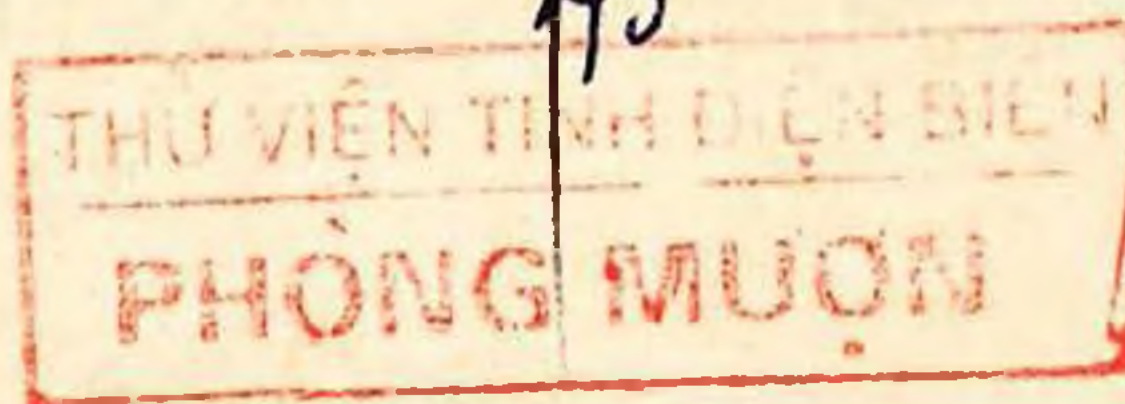
*Cúi nặng, mang giùm,
Nước nặng, cõng giùm,*

.

*Địch như té giác cũng đuổi,
Hùm cũng đánh,
Anh em gặp nạn, phải cứu giúp nhau!*

(Ca dao Ê-ĐÊ)

1 — Dàng: Trời.



Thơ ca các dân tộc Tây Nguyên cũng rất giàu chất trữ tình, một chất trữ tình thanh thoát, hồn hậu, đậm thắm nhưng dung dị, tha thiết nhưng hào hùng. Thơ ca Tây Nguyên đặc biệt giàu hình ảnh, giàu âm điệu, những hình ảnh và âm điệu rất gần gũi với thiên nhiên. Ta hãy nghe một tác giả dân tộc Xrê tả người yêu:

Tiếng cồng,
Tiếng chiêng,
Mừng em ra suối.
Tiếng đàn,
Tiếng sáo,
Mừng em ra nương.
Em leo núi thấp,
Em trèo rừng cao,
Mặt em dang trước
Như mặt trời mới mọc;
Chân em đến đâu:
Cỏ cười chim hót...

(Thơ Xrê: THƠM MÙI SỮA TRẮNG)

Văn học Tây Nguyên chinh phục ta không những bằng những bài dân ca mà chủ yếu bằng những bản trường ca độc đáo. Người nghe kể *khan* (1) không khi nào chỉ muốn nghe một lần. Cả nội dung lẫn hình thức nghệ thuật của nó cuốn hút người nghe, nghe mãi không chán. Trong số hàng chục *khan* đầy chất anh hùng ca, tiêu biểu nhất là *Bài ca chàng Đam San, Xing Nhã* và *Đam Di*. Lời thơ trong *Đam San, Xing Nhã*, mỗi chữ, mỗi câu là một hình ảnh, một nhạc điệu. Hơ-Nhi, trong trường ca *Đam San*, được diễn tả bằng những lời thơ sinh động:

... Nàng đi đứng dĩnh, thân mình uyển chuyển như cành cây bơ-lô sai quả, mềm dẻo như những cành trên đỉnh cây, gió đưa đi đưa lại. Váy nàng dài đến nỗi thân nàng bước đã xa mà váy còn kéo dài mãi đằng sau. Nàng đi đứng rất duyên dáng, ngực nhô ra đằng trước, bàn chân này bỏ xuống đất thì cũng vừa lúc gót chân kia đỡ lên, ai cũng phải khen đẹp. Nàng đi như chim phụng bay, như chim diều lượn trên không, như nước chảy dưới suối. Lúc nàng đứng dừng lại hay ngồi xuống thì chẳng ai duyên dáng được thế. Tiếng nàng thành thót đến tai ta rồi người nàng mới bước tới.

Hoặc những lời *Đam San* sai tôi tớ đánh chiêng, đọc lên như nghe tiếng chiêng ngân:

... Đánh cho tiếng chiêng vượt qua sân nhà vang xuống đất! Đánh cho tiếng chiêng vượt qua mái nhà vọng lên trời và lan ra khắp cả xứ! Hãy đánh cho đến lúc voi và tê giác phải lắng tai mà quên cho con bú!

1— *Khan*: truyện thơ, người kể *khan* vừa kể vừa làm điệu bộ và ngâm hát.

Đánh cholech nhái và dẽ cũng phải lắng tai nghe mà không kêu nữa!

Tinh thần chiến đấu hiên ngang và dũng cảm của Xing Nhã được tả rất sinh động:

... Xing Nhã múa phía trước, một mảng gianh bay theo gió; múa phía sau, một mái nhà bay theo bão. Nhà Gia-rơ Bủ nghiêng dằng tây, ngã dằng đông. Gió từ núi Mơ-dan tới, bão từ núi Hơ-ma đến, thổi xô nhà cửa làng Gia-rơ Bủ. Gà, heo bay như lá rụng...

... Xing Nhã bỏ chiếc khiên. Trời ngừng gió. Nắng hanh. Bầy chim kít, chim kơ-tuôn ăn quả xanh trên cành...

Gần gũi với các dân tộc Tây Nguyên, còn có dân tộc Chăm và dân tộc Kơ-me Nam-bộ là hai dân tộc có lịch sử văn hóa lâu đời. Dân tộc Chăm đã có cả một nền nghệ thuật kiến trúc kỳ diệu thể hiện rõ ở các tháp Chăm còn lại tất phải có một truyền thống văn học nghệ thuật phong phú. Dân tộc Kơ-me Nam-bộ cũng vậy. Đáng tiếc là hiện nay, chúng ta chưa đủ điều kiện để sưu tầm khai thác nên việc nhận định, đánh giá gặp nhiều khó khăn trở ngại. Căn cứ vào một số tài liệu hiện có, ta chỉ có thể biết sơ lược rằng văn học của cả hai dân tộc này có một thời kỳ khá phồn vinh. Riêng văn học Kơ-me Nam-bộ thì giữa văn học dân gian và văn học thành văn đã có ranh giới rõ rệt; hình thức sân khấu đã ra đời từ lâu. Về truyện cổ thì dân tộc đó có một kho tàng hết sức phong phú. Một điểm khác đáng chú ý là, về nội dung, văn học của hai dân tộc Chăm và Kơ-me Nam-bộ mang nhiều màu sắc triết lý của đạo Phật. Điều đó cũng dễ hiểu vì hai dân tộc này sống tiếp giáp hoặc gần với Cam-pu-chia và Ấn-độ là hai nước Phật giáo rất thịnh hành.

*
* *

Trên đây, chúng ta đã điếm qua tính chất văn học của từng khu vực dân tộc, nhận định qua về cả nội dung lẫn hình thức văn học của các dân tộc thiểu số cư trú trên các khu vực đó, chủ yếu là về văn học trước khi có Đảng lãnh đạo Cách mạng. Về đại thể, ta có thể tóm lại trong một số điểm chính:

* Văn học Việt Bắc, nội dung đấu tranh giai cấp nổi rõ rệt, thể loại phát triển khá cân xứng; một số dân tộc chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Trung-quốc. Gần đây văn xuôi và kịch nói đã xuất hiện.

* Văn học Tây Bắc rất giàu tính chất trữ tình; phong phú về thơ ca và các loại truyện thơ dài. Dân ca có nhiều loại. Văn học dân gian có ảnh hưởng rõ rệt đến văn học thành văn. Một số dân tộc chịu ảnh hưởng văn hóa Lào.

* Văn học Tây Nguyên, nội dung đấu tranh giai cấp chưa rõ nét lắm các thể loại phát triển chưa nhiều; đặc biệt phong phú về truyện cổ và

trường ca. Truyện cổ phần lớn là thần thoại, truyền thuyết. Văn học các dân tộc Chăm và Khơ-me Nam-bộ chịu nhiều ảnh hưởng của văn học Cam-pu-chia và Ấn-độ.

Tuy nhiên, văn học các khu vực dân tộc cũng có những nét chung. Văn học các dân tộc thiểu số, ở miền Bắc hay miền Nam, của dân tộc đông người hay ít người, đều phản ánh trung thực đời sống lao động và đấu tranh của các dân tộc. Qua thơ văn, ta thấy tâm hồn, tình cảm đồng bào miền núi rất phong phú; tính nhân đạo bộc lộ rất rõ; tinh thần lạc quan trước cuộc sống, tinh đoàn kết dân tộc, tình xóm làng, tình huyết thống cũng nổi lên rất rõ. Đặc biệt tình yêu nam nữ, lòng thủy chung, được ca ngợi bằng nhiều lời thơ tuyệt vời. Về nghệ thuật, văn học các dân tộc có đặc điểm chung là hồn nhiên, giàu hình ảnh, ngôn ngữ thường cụ thể, kết cấu thường giản dị. Nhưng văn học các dân tộc cũng có một số nhược điểm chung là phát triển mạnh về văn vần, văn xuôi mới phôi thai ở một vài dân tộc; ranh giới giữa văn học thành văn và văn học dân gian nói chung chưa rõ ràng; ngôn ngữ tuy cụ thể, giản dị, nhưng thường chưa thực sự là ngôn ngữ văn học. Những nhược điểm này chính là do trình độ xã hội trước đây để ra. Tuy nhiên, những nhược điểm đó vẫn không sao làm mờ được tính chất độc đáo kỳ diệu và truyền thống văn học vô cùng phong phú của các dân tộc.

*
* *

Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, đồng bào miền núi đã cùng đồng bào miền xuôi vùng dậy chống bọn cướp nước; đặc biệt từ năm 1930, dưới ánh sáng của Đảng tiên phong, các dân tộc thiểu số nước ta đã liên tục tham gia đấu tranh cách mạng và đã góp phần xứng đáng đưa Cách mạng đến thành công, Kháng chiến đến thắng lợi.

Ngày nay, phát huy truyền thống lao động cần cù và đấu tranh anh dũng, đồng bào miền núi đang cùng đồng bào miền xuôi ra sức thực hiện những nhiệm vụ mà lịch sử đặt ra. Thực tế đất nước tạm thời bị chia cắt là một niềm đau xót chung cho cả nước, đặt nhiệm vụ thống nhất tổ quốc là một chuyện sống còn của toàn thể dân tộc Việt-nam. Nhưng, tình hình thực tế ấy cũng đặt ra cho mỗi miền một nhiệm vụ chủ yếu. Trên miền Bắc đã giải phóng, nhân dân các dân tộc đang nỗ lực xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở miền Nam, nhân dân các dân tộc thiểu số đang cùng đồng bào Kinh anh dũng đấu tranh chống chế độ độc tài Mỹ — Diệm, tiến tới giải phóng miền Nam.

Trên bước đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, từ ngày hòa bình lập lại đến nay, nhân dân các dân tộc thiểu số đã thu được những thắng lợi to lớn về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Hai khu tự trị Việt Bắc và Thái Mèo đã được thành lập, cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân

chủ đã thu được thắng lợi có tính chất quyết định, làm cho bộ mặt miền núi thay đổi hẳn; công cuộc cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa làm cho đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc ngày càng được nâng cao. Tình đoàn kết giữa các dân tộc, giữa miền ngược và miền xuôi, tình đoàn kết Bắc - Nam ngày càng thêm củng cố vững chắc.

Riêng về mặt văn hóa nghệ thuật, chính sách đúng đắn của Đảng đã mở ra những triển vọng rất lớn. Đảng đặc biệt quan tâm nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân các dân tộc; Đảng rất mực tôn trọng những di sản văn hóa nghệ thuật, tôn trọng tiếng nói, chữ viết của các dân tộc, hết sức giúp đỡ các dân tộc phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của mình để xây dựng nền văn hóa mới.

Từ sau Cách mạng tháng Tám và nhất là gần đây, công tác thanh toán nạn mù chữ và bồ túc văn hóa đã được tiến hành với một quy mô rộng lớn ở khắp miền núi. Với các dân tộc đã có chữ viết riêng thì xúc tiến việc hoàn chỉnh theo những quy tắc tiền tiến; với các dân tộc chưa có chữ viết thì tiến hành nghiên cứu để xây dựng chữ viết cho các dân tộc đó. Các Sở, các Ty Văn hóa miền núi đã dùng chữ quốc ngữ phiên âm tiếng dân tộc để in thơ ca, in các tác phẩm văn học, phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Một mặt khác, để thúc đẩy, hướng dẫn phong trào sáng tác và sinh hoạt văn nghệ, các tổ chức văn nghệ được thành lập và củng cố. Gần đây, Chi hội văn nghệ Việt Bắc đã chính thức thành lập, Tây Bắc cũng đang tiến tới thành lập Chi hội của mình. Tất cả những sự việc ấy đều được nhân dân các dân tộc thiểu số nhiệt tình hoan nghênh và hưởng ứng.

Tóm lại, ánh sáng của Đảng đang dìu dắt các dân tộc tiến lên bằng đôi hài ngàn dặm. Tương lai đây, chúng ta sẽ được chứng kiến cảnh phồn vinh về mọi mặt của miền núi mà những người tư tưởng không theo kịp hiện thực không thể nào tưởng tượng nổi.

Tình hình trên là nguồn gốc những niềm phấn khởi không bờ bến cho nhân dân các dân tộc thiểu số. Nó là cơ sở cho nền văn học mới của các dân tộc ngày càng phát triển lành mạnh, phong phú cả về chiều rộng lẫn chiều sâu.

Đặc điểm nổi bật của văn học các dân tộc thiểu số từ khi có Đảng lãnh đạo là tính chiến đấu và tính nhân dân quán triệt trong các thể loại, nhất là trong thơ ca. Ngay từ khi ảnh hưởng của Đảng mới thâm nhập vào miền núi, những chiến sĩ cách mạng đã vừa chiến đấu vừa dùng thơ ca làm vũ khí sắc bén để tuyên truyền cách mạng trong nhân dân. Các chiến sĩ cách mạng đã dựa vào các hình thức dân ca quen thuộc như *lượn* của dân tộc Tày, *li* của dân tộc Nùng, để sáng tác những bài tố cáo tội ác của đế quốc, phong kiến và đề cổ vũ nhân dân đấu tranh. Nhiều quần chúng cách mạng cũng sáng tác thơ ca yêu nước kháng Pháp. *Vùng lên* của Nông Văn Bút, sáng tác sau khởi nghĩa Bắc-sơn và trong phong trào du kích Tráng-xá (Võ-nhai —

Thái-nguyên) vạch mặt phát-xít Nhật Pháp và bè lũ tay sai bán nước, là một bài thơ nổi tiếng, lời thơ mạnh, bén, gây cảm thù sâu sắc. *Xuống chợ lấy muối* của Nguyễn văn Lò đã nói lên nỗi khổ cực của nhân dân bị đế quốc hạn chế muối, đồng thời tố cáo tội ác của chúng bằng một giọng chua chát. Ở Tây Bắc, Lò văn Thứ — một nhà thơ Thái — đã thốt lên những lời đầy uất hận, căm thù :

*Dân chúng ta như đàn vịt dưới ruộng,
Lũ quạ đen vây liệng bắt ăn.
« Quà !.. quà !.. » kêu bên núi đá, rừng thẳm,
Dù dòng giống nào, quạ đen cũng không hề thương.*

(Thơ Thái : DÂN NHƯ VỊT, TẠO PHÌA NHƯ QUẠ)
LÒ VĂN THỨ

Ở Tây Nguyên và miền tây Nam-bộ, trong những phong trào kháng Pháp, thơ ca cũng đã trở thành một vũ khí đấu tranh. *Bài ca đánh Pháp* của dân tộc Xê-đăng, *Tiếng gọi của A-ma Trang Long* của dân tộc Mơ-nông, *Hội kín về, sen hồng nở* của dân tộc Kơ-me Nam-bộ là những bài tiêu biểu của loại thơ ca yêu nước và cách mạng.

Cách mạng tháng Tám thành công mở ra trước nhân dân các dân tộc một kỷ nguyên mới : kỷ nguyên những con người bị đè nén áp bức đã vươn thẳng lên làm chủ cuộc đời mình. Một loạt thơ ca ca ngợi những ngày tự do tung bừng, mang khí thế của những dân tộc tin tưởng ở sức sáng tạo của mình và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, đã xuất hiện.

Nhưng, giải phóng chưa được bao lâu thì thực dân Pháp đã trở lại và cuộc kháng chiến toàn dân của ta bắt đầu. Để bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Tám, nhân dân các dân tộc thiểu số miền Bắc, miền Nam đã nhất tề lao vào cuộc chiến đấu một còn một mất với quân thù. Thơ ca chiến đấu từ thời kỳ bí mật được phát triển trên một quy mô rộng lớn và đề cập tới nhiều mặt của cuộc kháng chiến thần thánh. Người sáng tác là cán bộ cách mạng, là chiến sĩ quân đội, dân quân, du kích, là công nhân, nông dân, là cả một khối quần chúng đông đảo, nam nữ, đủ các lứa tuổi. Con người mới : con người chiến đấu, con người sản xuất của miền núi, được miêu tả rõ nét và sinh động trong thơ ca. Trong sáng tác của quần chúng, biết bao nhiêu nhân vật đẹp đẽ, dũng cảm đã được dựng lên và ca ngợi bằng những lời thơ chân thành, nồng nhiệt. Cô gái Puộc xưa bị dọa dẫm khinh rẻ, giờ đây đã biết lựa tiếng thét lên :

*Ai bảo người Puộc ngu ?
Ai chê người Puộc nhác ?
Ai nói lão rằng ta sợ giặc ?
— Người Puộc chỉ nghèo, chỉ đói vì quan !*

và đã biết :

— *Em thương lắm đây, anh du kích bản Mo ơi !
Anh đi làm nương, vai còn đeo súng,
Anh đi tìm nhái, lưng cũng giắt nỏ dài,
Đi đào củ mài, hông lắc lư lựu đạn.*

Tối lại luồn rừng đi bắn súng dọa Táy

(*Thơ Puộc : THƯƠNG ANH DU KÍCH BẢN MO*)

Tình yêu thương dồn về người chiến sỹ ngoài tiền tuyến, hy vọng cũng hướng cả về tiền tuyến. Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng. Hưởng ứng lời kêu gọi ấy, một ông già người Xá dặn con :

Thôi con ơi, hãy nhịn thêm thịt hoẵng,

*Để dành đạn, ta bắn vào thằng giặc,
Đạn súng kíp bây giờ mua đắt,
Đạn còn nhiều cái súng còn vui,
Cái cò kia còn thích liếm tay người,
Cái súng nỏ tròn, bản mừng không mất.*

(*Thơ Xá : DẶN CON*)

Có giữ vững tay súng thì bản mừng mới không mất. Nhân dân các dân tộc miền núi đã giữ vững tay súng vì họ tin vào sức mình và vì bên cạnh họ có những anh cán bộ của *bóck Hồ*, của Đảng, những người mà họ mến thương, tin tưởng. Họ hiểu rõ anh cán bộ người Kinh chiến đấu vì hạnh phúc của họ :

*Anh ở Trung-châu
Không phải ở đây.
Anh là người Kinh,
Không phải người Thượng.
Tình thương anh rộng
Nên mời lên đây,
Chỉ để đánh Táy
Cho mình vui sướng.*

Họ thương khi anh ở và nhớ khi anh đi :

*Đường có hai dốc ;
Chị em tôi thương,
Chỉ thấy dấu chân,
Không thấy hình anh ;
Đợi ngày anh về
Vui đón thăm anh.*

(*Thơ Ba-na : THƯƠNG ANH CÁN BỘ*).

KA-VÂY

Có thể nói nhân dân miền núi hiểu sâu sắc về những người cán bộ của Đảng, về những người cộng sản. Một đồng bào Bơ-nâm đã viết:

— « *O, cộng sản là như thế
Thương quá đi!* »

*Thiếu muối dân làng đốt giành ăn thay được,
Thiếu cơm đào củ sắn, củ môn,
Nhưng thiếu cộng sản không có gì thay được!*

(*Thơ Bơ-nâm : THƯƠNG NGƯỜI CỘNG SẢN*)

Những lời thơ chân thành, mộc mạc nhưng chắc nịch ấy xuất phát từ tấm lòng mến thương cán bộ, tin yêu Đảng, nó là một đặc điểm của thơ ca quần chúng các dân tộc.

Điều đáng chú ý là từ trong phong trào sáng tác của quần chúng đã xuất hiện một số nhà thơ tiêu biểu. Lần đầu tiên, năm 1948, nhà thơ Tây Nông quốc Chấn đưa vào nền thơ ca Việt-nam tính chất hồn nhiên, chân thành của thơ ca miền núi bằng tập *Việt Bắc đánh giặc* (1). Việt Bắc, với khí thế chiến đấu anh dũng, đã được tác giả thể hiện bằng những lời thơ nồng nhiệt, mang nhiều tính chất quần chúng. *Bộ đội ông cụ, Dọn về làng* là những bài được rất nhiều người ưa thích.

Cũng trong thời kỳ này, chúng ta được làm quen với thơ của Bàn tài Đoàn, một nhà thơ người dân tộc Dao. Bằng những lời thơ dung dị đến chất phác nhưng tràn đầy xúc cảm, Bàn tài Đoàn đã kết án đế quốc phong kiến bằng cách phơi bày ra ánh sáng những mảnh đời u tối, khổ cực của dân tộc Dao trong những ngày trước Cách mạng, hoặc ca ngợi cuộc sống mới tràn trề ánh sáng do Cách mạng mang lại. *Đời người Mán, Gặp nhau* là những bài thơ của Bàn tài Đoàn được nhiều cảm tình của bạn đọc.

Ở Tây Bắc: Cầm Biều, Hoàng Nó, Lò văn Mười (dân tộc Thái) Đinh Sơn (dân tộc Mường), cũng sáng tác nhiều bài thơ có giá trị.

Sự nghiệp sáng tác của các nhà thơ này đã đóng góp cho nền văn học Việt-nam nói chung nhiều tác phẩm có giá trị với nhiều phong cách độc đáo. Các nhà thơ ấy đã xứng đáng đứng trong hàng ngũ các nhà thơ của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.

Nhìn lại ở cả miền Bắc lẫn miền Nam, ta thấy rõ ràng sự trưởng thành của nhân dân các dân tộc thiểu số trong Kháng chiến đã làm cho văn học — chủ yếu là thơ ca — của các dân tộc phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, cả về nội dung lẫn hình thức. Điều nổi bật chưa hề có trong lịch sử là tài năng của quần chúng đã được phát huy và chung đúc vào một số tác giả. Sự ra đời các nhà thơ đó là một dấu

1 — Nguyên bản tiếng Tây: *Việt Bắc tức slức*.

hiện trường thành của văn học miền núi, hứa hẹn nhiều triển vọng tốt đẹp về sau.

Từ ngày hòa bình được lập lại, trong sự chuyển mình mạnh mẽ của miền Bắc nói chung và của miền núi nói riêng, trong khí thế đấu tranh bùng bùng vì sự nghiệp thống nhất đất nước, văn học các dân tộc thiểu số càng phát triển rộng rãi và mạnh mẽ hơn. Phong trào sáng tác, nhất là sáng tác thơ ca, lời cuốn đông đảo quần chúng tham gia. Nếu trong thời kỳ vận động cách mạng bí mật và thời kỳ kháng chiến, thơ ca cổ vũ đấu tranh, đánh giặc, thì ngày nay, ở miền Bắc, nó thiên về ca ngợi sự nghiệp kiến thiết hòa bình và ở miền Nam, nó là những tiếng thét căm thù trút lên đầu quân cướp nước và bè lũ bán nước.

Đối với các dân tộc miền Bắc, khung cảnh hòa bình xây dựng là một bài thơ lớn. Mỗi ngày đến, mỗi tháng qua, miền núi lại thêm nhiều đổi mới. Nhà máy, công trường, xí nghiệp, trường học, đường sắt, đường bộ, thị trấn và những cánh đồng lúa chín rạt rào, những đàn gia súc mập mạp, càng ngày càng hiện ra nhiều hơn dưới bàn tay lao động của con người. Khí thế làm ăn tập thể trong hợp tác xã nông nghiệp đã làm chuyển biến mạnh mẽ tâm tình của nông dân theo một hướng mới. Tình đoàn kết thắm thiết giữa các dân tộc trên cơ sở bình đẳng tương trợ càng được củng cố và phát triển. Thật là một cảnh tượng nghìn đời nay chưa hề có. Những ngày sống đầy ý nghĩa trong hòa bình là một nguồn thơ vô tận khiến nhân dân các dân tộc thiểu số vốn yêu thơ không thể không làm thơ, không thể không xòe múa, ca hát. Trên các cánh đồng, nương rẫy của đồng bào Thái vang lên những lời ca phấn khởi:

Bản em đây, mừng em đây :
 Bản hăng say tiến lên hợp tác,
 Bản chuyên cần phát bãi, cày nương,
 Bản đêm sương còn hợp,
 Bản dậy sớm ra đồng,
 Bản bừa kỹ cày sâu, quá hai mươi phân, ngoài
 mười lăm lượt.

(Thơ Thái : HỢP TÁC XÃ BẢN PHANG)
 VĂN YÊN

Những lời ca như thế bằng nhiều thứ tiếng dân tộc cũng đang vang lên từ khắp các vùng rừng núi miền Bắc, hợp lại thành một bản hòa tấu tung bùng. Qua mỗi cuộc thi thơ, văn của các khu, tỉnh miền núi, ta đều phát hiện được những tác phẩm có chất lượng cũng như phát hiện thêm được những tài năng mới. Không còn là hiện tượng một, hai nhà thơ dân tộc thiểu số bên cạnh số đông các nhà thơ, nhà văn miền xuôi như trong Kháng chiến mà văn học các dân tộc thiểu số

đã có thêm một số cây bút trẻ, tuy chưa là bao nhưng cũng đã là một hiện tượng đáng mừng. Những cây bút trẻ như Nông minh Châu, Lạc Dương, Hoàng triều Ân, Hoàng Quyết, Nông viết Toại (dân tộc Tày), Nông văn Bút, Mã thế Vinh (dân tộc Nùng), Nông Trung (dân tộc Nhắng), Quy Nhân, Cầm Liên, Cầm Thương, Lò văn Mới, Pành Túng, Cầm Cường, Lò văn Cay (dân tộc Thái), Triệu khi Châu (dân tộc Dao), Siu-Ken (dân tộc Giơ-rai) Y Hồng, Y Diêng (dân tộc Ê-đê), Đặng công Thành (dân tộc Chăm), Trịnh Yuth (dân tộc Kơ-me Nam-bộ) v.v... hoặc đã sáng tác từ trong kháng chiến, hoặc mới bước vào sáng tác từ hòa bình lập lại, đều đã có những đóng góp đáng kể vào phong trào văn học miền núi.

Hòa bình lập lại cũng tạo thêm cơ hội cho các nhà thơ lớp trước trau dồi thêm tư tưởng và nghệ thuật. Văn bằng điệu thơ hồn nhiên, thấm thiết, Nông quốc Chấn cho ra đời thêm tập *Tiếng ca người Việt Bắc* gồm gần bốn chục bài thơ phần lớn mới sáng tác trong hòa bình. Hình ảnh, tâm tình những con người mới của Việt Bắc được Nông quốc Chấn thể hiện bằng những lời thơ khá điêu luyện với một tình cảm dạt dào. *Việt Bắc — Tây Nguyên, Tìm trâu, Bài thơ dâng Đảng* là những bài thành công nhất. Bàn tài Đoàn cũng đã cho in tập *Muối của cù Hồ*. Trong tập thơ trên ba chục bài này, *Chán trời sáng rực, Muối của cù Hồ, Làm đôi công* v. v... là những bài được nhiều người ưa thích.

Ở Tây Bắc, các nhà thơ Cầm Biều, Hoàng Nó, Đinh Sơn... vẫn tiếp tục sáng tác đề ca ngợi những biến đổi kỳ diệu của núi rừng Tây Bắc và của người dân Tây Bắc. Những bài *Cầu vồng bản của Cầm Biều, Chi em công nhân cầu đường* của Hoàng Nó, *Huổi phạ* của Đinh Sơn là những bài thơ có giá trị, ca ngợi công cuộc kiến thiết từng bưng của Tây Bắc và niềm hân hoan phấn khởi của đồng bào Tây Bắc.

Trong khi ở miền Bắc đời sống của nhân dân càng ngày càng tươi vui, no ấm, thì ở miền Nam, đồng bào chúng ta vẫn còn phải quần quai đau khổ dưới nanh vuốt của lũ côn đồ khát máu Mỹ — Diêm. Trong cảnh nước sôi lửa bỏng ấy, lòng người dân miền Nam nói chung, người dân thiểu số nói riêng, bao giờ cũng hướng về miền Bắc, hướng về Đảng, về bók Hồ kính yêu:

Em hỏi cây kơ-nia :

— *Gió mây thời về đâu ?*

— *Về phương mặt trời mọc.*

Mẹ hỏi cây kơ-nia :

— *Rể mây uống nước đâu ?*

Uống nước nguồn miền Bắc.

(*Thơ Hơ-rê : BÓN CÂY KƠ-NIA*)

Mặc dầu bị tàn sát, khủng bố gắt gao, người dân thiểu số miền Nam vẫn không run sợ. Ngược lại, đồng bào còn lớn tiếng vạch trần dã tâm

của quân cướp nước và bán nước bằng những lời thơ sắc như gươm, cứng như thép:

Ai có gan giết mẹ,
Mỹ đeo lon trên vai.
Ai có gan giết cha,
Diêm gắn mề dầy lên ngực.
Người Thượng chúng ta cực
Lũ Mỹ — Diêm lại cười

(Thơ Ka-tu : NẾU AI CHƯA HIỂU)

Những lời thơ đánh thép ấy chỉ có thể là của những con người có cái khí thế:

Đã giữ rừng:
Đốn cây to phải ngã,
Tát suối sâu phải cạn,
Nhỏ cỏ không còn rễ dưới chân.

.

Đã giữ rừng:
Không sợ bầy chó sói,
Chẳng sợ lũ voi đàn
Không ghê con hồ ác.

(Thơ Ka-dong : GIỮ LẤY RỪNG)

Nhìn chung, từ ngày hòa bình được lập lại, văn học các dân tộc thiểu số đã phát triển không ngừng. Nó đã phản ánh được hiện thực phong phú của miền núi, tiếp tục phát huy được truyền thống của dân ca, của thơ ca yêu nước, của thơ ca kháng chiến. Tính tư tưởng và tính nghệ thuật càng ngày càng cao. Đó là một bước trưởng thành mới mang nhiều triển vọng mới.

Một hiện tượng khác đánh dấu bước trưởng thành của văn học các dân tộc thiểu số anh em là văn xuôi đã bắt đầu xuất hiện, tuy còn rất mới mẻ nhưng đã có nhiều hứa hẹn. Từ trước đến nay, văn xuôi chưa ra đời chính là do tình trạng trì trệ của xã hội miền núi, do ngôn ngữ các dân tộc chưa thật phong phú. Nhưng ngày nay, tình hình đã khác trước. Trình độ xã hội, trình độ văn hóa và ngôn ngữ một số vùng đã tạo được điều kiện cho văn xuôi xuất hiện. Đó là trường hợp các dân tộc tương đối đông người ở miền núi. Nông minh Châu, một nhà văn trẻ dân tộc Tày (Việt Bắc) đã đi đầu trong việc viết văn xuôi bằng tiếng dân tộc qua một số bài bút ký và truyện ngắn đầu tay *Ché Mèn được đi họp*. Tuy là bước đầu nhưng Nông minh Châu cũng đã vận dụng tiếng Tày một cách khéo léo, nâng ngôn ngữ thông thường lên trình độ ngôn ngữ văn học, miêu tả nổi những chuyển biến tinh vi trong tâm tư một nữ thanh niên mới người Tày.

Một số cây bút trẻ khác ở Việt Bắc và Tây Bắc cũng đã bắt đầu sáng tác văn xuôi bằng tiếng dân tộc.

Cùng với văn xuôi, kịch dân ca, kịch nói bằng tiếng dân tộc cũng bắt đầu hình thành và được quần chúng ưa thích. Với đà tiến bộ về mọi mặt của miền núi và với đòi hỏi của quần chúng, văn học các dân tộc nhất định sẽ phát triển một cách toàn diện.

*
* *

Văn học các dân tộc thiểu số của nước ta là cả một kho tàng vô cùng phong phú. Trong việc khai thác kho tàng này, chúng ta không thể không nhắc tới công lao của một số anh em hoặc người các dân tộc thiểu số hoặc người Kinh như Mạc Phi, Ngọc Anh, Đinh văn Thành, Trúc Cương, Hoàng Quyết, Đào tử Chí, Nông viết Toại, Hoàng huy Toại, Đỗ Thiện, Cầm Giang, Minh Hiệu, Nông Trung, Nhật Lai, v.v... là những người trước kia đã sưu tầm, biên dịch và giới thiệu nhiều tác phẩm văn học miền núi với chúng ta, cũng như trong tập hợp tuyển này, có những đóng góp đáng kể. Tập *Văn học dân tộc thiểu số* này tuy chỉ mới giới thiệu được một phần nhỏ kho tàng văn học phong phú của các dân tộc thiểu số, nhưng qua những tác phẩm tiêu biểu được giới thiệu trong tập này, ta có thể thấy được sức sáng tạo nghệ thuật vĩ đại của các dân tộc miền núi.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và sự lãnh đạo của Đảng, văn học các dân tộc thiểu số của nước ta đang phát triển lành mạnh với nội dung mới và hình thức dân tộc. Nó đang đi trên con đường hiện thực xã hội chủ nghĩa. Các nhà thơ và những cây bút trẻ đang nỗ lực trau dồi tư tưởng, nỗ lực học tập các nền văn học tiến bộ, thừa kế vốn văn học quý giá của ông cha để lại và cũng đang hướng quần chúng sáng tác đi theo con đường đó. Đó là một dấu hiệu báo trước tiền đồ rực rỡ của văn học dân tộc thiểu số.

Vị trí của văn học các dân tộc thiểu số, trong nền văn học Việt-nam nói chung, đã được nâng lên đúng chỗ của nó. Chúng ta rất tự hào về văn học miền núi, và, chỉ có dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong chế độ tươi đẹp của chúng ta, nó mới được chấp cánh bay cao. Tập *Văn học dân tộc thiểu số* ra đời, tuy chỉ là một công trình bước đầu nhưng cũng ghi thêm một thắng lợi trong việc thực hiện chính sách dân tộc và đường lối văn hóa sáng ngời của Đảng.

Hà-nội, tháng 9 năm 1961

HÀ VĂN THU

TỤC NGŨ

*Dân tộc TÀY**

Hai tay nuôi miệng ;
Chân bởi mỏ nhặt.

Nhanh loanh quanh hóa chậm.

Tháng Năm chớ đi xuôi đi ngược ;
Đi ngược xuôi người cười cả họ (1).

Làm dâu chớ lười việc nhà chồng ;
Làm rể chớ dối ông vãi (2) đi chơi.

Con không nghe bố mẹ sẽ hư ;
Chó không nghe chủ sẽ vào miệng cọp.

Người khôn hiện ra mặt ;
Người dại hiện ra chân tay.

Ngay thẳng ăn không hết ;
Dối dả ăn chẳng no.

* Dân tộc Tày (còn gọi là Thồ, vùng Hải-ninh gọi là Phén) cư trú ở khắp các vùng thượng du và trung du Bắc-bộ, từ tả ngạn sông Hồng cho tới Vịnh Bắc-bộ, đông nhất là ở Lạng-sơn, Cao-bằng, Bắc-cạn, Tuyên-quang, Hà-giang, Thái-nguyên, Yên-bái... Trong các dân tộc thiểu số, dân tộc Tày là một trong những dân tộc đông người nhất (dân số 437.275 người).

1 — Tháng Năm là ngày mùa. Đi chơi vào tháng đó là không hợp.

2 — Bố vợ.

Tiền bạc ở dưới đất vô số,
Biết làm không sợ khổ bao nhiêu.

Đi rầy chớ mang theo chó ;
Đi ruộng chớ mang theo trẻ con (1).

Bố không ép, mẹ không buộc,
Con muốn ăn nhiều con làm.

Chết đất chôn, sống đất nuôi.

Mười mắt ngó không bằng tay mó.

Ngày không thấy thì hỏi ;
Đêm không thấy thì soi.

Mười con ngựa đợi một cái yên.

Mồ con trâu lấy bốn lạng thịt.

*
* *

Tháng Giêng kiếm cây đắp *lỉ* (2) ;
Tháng Hai kiếm cây đắp phai.

Tháng Giêng đắp phai *lỉ* ;
Tháng Hai đắp vai ruộng.

Dâu da vừa lõ mũi, gieo mạ ;
Lá dong được năm lá thì cấy.

Cấy vào lúc ve kêu,
Không cần *loỏng* (3) đập lúa.

1 — Ý nói : không nên mang theo vì sợ mất việc.

2 — *Lỉ* : dụng cụ đan bằng tre, nứa, dùng để chắn cá.

3 — *Loỏng* : dụng cụ hình dáng giống cái thuyền, bằng gỗ, dùng để đập lúa.

Tháng Ba u ám thì nắng;
Tháng Tám u ám thì mưa.

Tháng Ba đắp chăn,
Mạ không đủ cấy.

★
★

Mười cây cấy muộn
Không bằng năm cây cấy sớm.

Ruộng đợi mạ thì tốt;
Mạ đợi ruộng ít khi được thóc.

Gừng sợ thường luồng;
Khoai sợ cọp (1).

Thóc vào vựa;
Kiệu lên núi (2).

Gieo nương mong mưa xuống;
Cấy ruộng mong nắng vàng.

Bông tốt, không cấm ngọn, người đồn;
Hai tháng, ngò chưa vun, người chê.

Ba *bung* (3) ruộng giữa đồng,
Chưa sáng muốn ra cửa.

1 — Ý nói : trồng gừng thì phải trồng sâu, vun khoai phải vun to gốc thì gừng và khoai mới to củ.

2 — Trồng kiệu trái mùa so với việc trồng các thứ khác (trồng vào mùa rét).

3 — *Bung* : một đơn vị đo diện tích, rộng khoảng 1.200 thước vuông. (ba *bung* bằng một mẫu Bắc-bộ).

Ruộng *coon* (1) khó làm ăn ;
 Ruộng máng (2) khó lấy nước (3).

Cha cho ruộng dưới nương
 Quý hơn lạng vàng để lại.

Mẹ cho ruộng dưới nhà
 Quý hơn mẹ cho hòm bạc trắng.

Tháng Tư ngày nào cũng gieo mạ ;
 Tháng Năm ngày nào cũng cấy ruộng (4).

Nước không ngập ruộng cao ;
 Ruộng phân, ma không sao làm xấu nổi.

Ruộng cấy muộn ;
 Mạ cho già.

Ruộng cày tháng Chạp
 Gánh thóc nặng khó lên vai (5).

Ruộng dài ăn tiền ;
 Ruộng tròn ăn mạ.

Trời vầy cá thì mưa ;
 Trời vắn beo thì nắng.

Lửa cháy kiềng thì nắng ;
 Lửa cháy chảo thì mưa.

1 — *Coon* : bánh xe quay lấy nước dưới suối lên ruộng cao.

2 — Máng dẫn nước.

3 — Ý nói : cả hai thứ ruộng đều khó làm.

4 — Ý nói : bất cứ ngày nào cũng làm việc như thường. (Miền núi, đồng bào Tày có tục kiêng làm việc một vài ngày trong hai tháng 4 và 5).

5 — Ý nói : cày ải đúng lúc thì rất tốt.

Trăm cân lúa giống ruộng hạn
Vác chày sớm tối (1).

Trời sấm trước, sấm hạn.

* *

Thuốc sai, cò bạc có gì hay,
Bán ruộng tổ tiên đốt thành khói.

Kẻ đi buôn ngược bán xuôi
Không bằng người buôn bừa buôn cuốc.

Kẻ buôn bán được tiền ;
Người buôn đất được lúa.

Tiền đầy túi đầy đây,
Đói meo lại tìm lạy gạo thôi.

Mười kẻ đi buôn không bằng người lộn đất.

* *

Rên hừ hừ nhưng bốn bát rượu,
Chưa kể bát đầu và bát cuối.

Bìm bịp qua bờ ruộng đủng đỉnh ;
Con gái lười trồng bông thành cọt ;
Đàn ông biếng làm việc thành hươu.

Chồng lười là để vợ chết đói ;
Vợ lười chồng rách rưới người cười.

Dâu lười, mẹ chồng mắng nên lời ;
Mẹ chồng lười, dâu nói với người, nên chuyện.

1 — Ý nói : ruộng cạn có tốn nhiều lúa giống cũng khó thu hoạch được tốt (Cối giã gạo chống lên quanh năm).

Chớ tham lấy trai tơ hiểng việc ;
Chớ tham lấy gái đẹp lười công.

Chớ lấy rề ngủ trưa, người ta nói ;
Chớ lấy dâu ra ruộng nhìn trời.

Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì chăm (1).

Người làm dở đồ cho ma.

Vịt ăn no vịt chết ;
Người ăn nhiều người lười.

* *

Việc quan khiêng mo (2).

Mười kẻ làm quan, chín kẻ bị giết ;
Mười kẻ làm lý, chín kẻ bán ruộng.

Chớ cạy làm kỳ lý lên râu,
Ngày chết sẽ lấy chó về kéo.

Nghèo nên ma ;
Giàu nên bụt.

Chó chết bỏ cũng chết ;
Hổ chết không hết vằn.

* *

Nước cá nấu cá ;
Đất ruộng be bờ ruộng.

1 — Câu này giống một câu tục ngữ miền xuôi.

2 — Mo (mo can hoặc mo vầu) là thứ nhẹ. Ý nói: làm việc quan thì chỉ nên làm việc nhẹ, làm từ từ.

Ngày công đổi bát cơm;
Ngày sống làm đề phòng ngày chết.

Gạo vào túi thành ít;
Cá đánh sâu thành nhiều.

Trời mưa chóng tối;
Nàng dâu đi, bà vải chậm về.

Tiền ngựa ít, tiền yên nhiều.

Ăn quả chua không mời;
Về nhà chồng không chào.

Kim không nhọn hai đầu.
Nói nhiều, lúa *lài* (1) không chắc hạt.

NÔNG MINH CHÂU, NÔNG VIẾT TOẠI,

THÂN VĂN LƯU sưu tầm

NÔNG VIẾT TOẠI dịch

*Dân tộc XÁN - DIU**

Có tiền muốn ra đường;
Không quần áo lười ra cửa.

Người tốt khó được gặp;
Người khỏe thấy hàng ngàn.

1 — *Lài*: một thứ lúa ngon nhất trong các loại lúa nương.

* Dân tộc Xán-diu (còn gọi là Trại) ở tập trung đông nhất vào mấy tỉnh Thái-nguyên, Tuyên-quang, Hòn-gai, Hải-ninh. Dân số đông khoảng 34.000 người.

Trên rừng còn có cây sống nghìn năm ;
Trên đời khó gặp người sống trăm tuổi.

Người không độc, mắt không mù ;
Trâu không độc, sừng không ngang.

Tranh vợ người,
Chiếm ruộng người,
Phú quý vinh hoa được vài năm thôi.

Người nhanh không bằng lửa nhanh ;
Lửa nhanh không bằng cho nhiều củi.

Chăn trâu phải xem trâu,
Chăn ngựa phải xem ngựa,
Giữ nhà phải biết đuổi gà.

Người ác người sợ, trời không sợ.
Người thiện người khinh, trời không khinh.

Nuôi con trai không dạy được, thà rằng nuôi
lừa ;
Nuôi con gái không dạy được, thà rằng nuôi lợn.

Con dẫu thầy cúng mồn
Không bằng diệp cày trắng (1).

Mồ cha không lễ, lễ đồng mối.

BẰNG BẮC HẢI
sưu tầm và dịch

1 — Ý nói : lao động nhiều (diệp cày mồn trắng) hơn là làm thầy cúng.

*Dân tộc MƯỜNG**

Cơm *mường* Vó, *lọ* (1) *mường* Vang.

Nhất Bi, nhì Vang, tam Thàng, tứ Động (2).

Lang (3) đến nhà như ma đến cửa.

Gần *lang* mất gà.

Lang đi chợ để nợ cho dân.

Nòi nhà *lang* là dòng máu chó;
Nòi kẻ khó là máu *khú*, máu rông (4).

Nhỏ là con bố con *mệ*, lớn là con *bậu*
con *ngài* (5).

Trăm thứ hoa không bằng hoa con gái,
Trăm thứ trái không bằng trái *hông còm* (6),
Trăm thứ hương thơm không bằng thơm
con *mái* (7).

* Dân tộc Mường (ở Mai-đà còn gọi là Ao-tá, ở Quảng-bình gọi là Nguồn hoặc Sách, ở Quý-châu gọi là Thổ) là một dân tộc cư trú thành một dải dài từ Yên-bái qua Phú-thọ, Sơn-la, Sơn-tây, Hà-đồng, Hòa-bình, Ninh-bình cho tới vùng thượng du Thanh-hóa — Nghệ-an. Dân số đông 366.738 người.

1 -- Cơm gạo ngon có tiếng ở vùng xóm Vó, xóm Chiềng (Tân-lập, Lạc-sơn, Hòa-bình). *Lọ* : lúa.

2 — Tên bốn địa phương nổi tiếng nhiều lúa tốt của tỉnh Hòa-bình.

3 — *Lang* : một chức quan của phong kiến Mường.

4 — *Khú* : rông đất.

5 — Con *bậu* con *ngài* : con họ con hàng.

6 — *Hông còm* : lúa gạo.

7 — *Mái* : con gái.

Em vợ với anh rề như vòng hạt đeo tay ;
Em chồng với chị dâu như măng *mu*, rau *trúc* (1).

Lấy được một dâu mất ba trâu tám lợn.

Lấy được một dâu hết rượu hết cơm.

Lấy được dâu thì rầu cả dạ ;
Cười xong rồi lo khốn khổ chẳng ai hay.

Đưa chết làm kiết cho đưa sống.

Con cả thì bỏ, con *trở* (2) thì yêu.

Ngọt như dấm mẽ ;
Lành như *con kê*, *mệ ý* (3).

Bánh đúc đời nào có xương,
Đời nào *mệ ý* có thương con chồng (4).

Thương nhau dựa vào nhau cũng ấm ;
Chẳng thương nhau chần êm đệm ấm cũng
không thân.

Yêu nhau đắp vó cũng ấm ;
Chẳng yêu nhau chần bông đệm gấm cũng chẳng
nên.

Khi đói cùng chung một dạ ;
Khi rét cùng chung một lòng.

1 — Ý nói : anh rề em vợ dễ thân nhau, chị dâu em chồng hay ghét nhau như hai loại măng đắng và rau chát.

2 — Con *trở* : con thứ.

3 — *Con kê* : con chồng. *Mệ ý* : mẹ ghẻ.

4 — Hai câu này giống tục ngữ miền xuôi.

Công trồng sớm hơn công trồng trưa,
Công đi bừa hơn công ở nề (1).

Cây dâu bằng cây tre,
Luống dâu bằng luống ngô,
Một tháng chín lúa tằm,
Một năm chín lúa kén (2).

Một người đàn ông không dựng nổi nhà ;
Một người đàn bà không cắt nổi gianh.

ĐÀO VĂN TIẾN
sua tầm và dịch

*Dân tộc THÁI**

Của không bằng người.

Còn người còn của.

Quý kẻ xốc vác ;
Chuộng kẻ ham làm.

Chăm làm người mới chuộng ;
Xốc vác người mới quý.

1 — Ở nề : ở rồi, không làm việc gì.

2 — Ý nói : chần tằm rất lợi.

* Dân tộc Thái cũng là một trong những dân tộc thiểu số đông người nhất (dân số 336.738 người), cư trú tập trung ở Sơn-la, Lai-châu Khu tự trị Thái Mèo), thượng du Thanh-hóa và Nghệ-an. Dân tộc Thái (có 2 ngành chính : Thái đen và Thái trắng. Ở các vùng Thanh-hóa và Nghệ-an, người ta còn gọi dân tộc Thái là Tày Đeng, Tày Mười, Tày Khang, Tày Pọng, Tày Hạt, Mán Thanh, Hàng Tổng v.v...

Chiều chồng không dệt được cửi ;
Chiều con không làm được ăn (1).

Lành tốt ở tại mình, mình có làm mới thành.

Hạt thóc dưới đất,
Miếng ăn trên rừng.
Ai khéo cuốc, thành ruộng,
Ai khéo đắp, thành làng,
Ai chẳng chịu làm, cả đời dùm dó.

Hết gạo, hết mọi thứ ;
Có lúa, có mọi đường.

Nương rọp mắt không bằng ruộng một thửa.

Làm nhà tỉnh gianh ;
Làm ruộng tỉnh mạ.

Vàng bạc ngồi dưới ;
Thóc lúa ngồi trên.

Tim người hiểu biết thì hiếm ;
Kiếm kẻ ba hoa đầy *mường*.

Thiếu trâu bò đến già vẫn thiếu ;
Hết thóc gạo ba tháng mà thôi.

Tiền sắp hết tậu trâu ;
Tiền có nhiều hãy tậu ngựa (2).

Lấy vợ xem bà vải ;
Tậu trâu xem con cái đầu đàn.

1 — Ý nói : không nên quẩn quýt với chồng con nhiều, sẽ mất việc.

2 — Ý nói : có tiền nên chi dùng hợp lý, có tính toán.

Đi đến *mường* nào lấy cây *mường* ấy làm lạt;
Sinh ở *mường* nào lấy cây *mường* ấy làm cơm (1).

Ăn khắc hết;
Làm khắc xong.

Gạo mua không đủ, gạo xin chẳng no.

Làm ăn có tháng, làm nhà có ngày.

Đời người như ngựa chạy;
Làm ăn như én bay.

Làm ruộng tận tháng Ba (2), được ruộng không
được lúa;
Uống rượu tận gà gáy, được rượu không được ngủ.

Hỏi đường hỏi người già;
Xin cơm xin cô gái.

Già vì ruộng nương ngồi trên;
Già vì năm tháng ngồi dưới (3).

Một mình nghĩ không tròn;
Một thân lo không xong.

Có bạn có đàn mới nổi;
Vào phường hội theo người mới tốt.

Giỏi một người không được;
Chăm một người không được.

1 — *Lam cơm*: nấu cơm bằng ống nứa hoặc ống dăng, không nấu bằng nồi (Cho gạo ngâm sẵn vào ống dăng, đổ nước sấm sập và dẩy nút kín rồi đem đốt, chừng nào cháy hết lượt vỏ xanh ngoài ống thì cơm chín).

2 — Tháng Ba lịch Thái là vào tháng Chín âm lịch.

3 — Ý nói: người nhiều kinh nghiệm quý hơn người có tuổi.

Võ tay phải nhiều ngón;
Bàn kỹ cần nhiều người.

Hợp nhau người nể, lia nhau người khinh.

Lắm miệng thắng rái cá, già mồm thắng hùm beo.

Cây chống chuối, chuối tựa cây;
Hồ cây rừng, rừng cây hồ.

Đóng thuyền buộc nhiều bến
Gạo sẵn ngâm trong chậu nhiều *mường* (1).

Đầu *mường* ta là cuối ~~mường~~ *bạn*,
Thuyền bè đứt trôi xuôi, người dưới buộc lại,
Voi ngựa xồng chạy ngược, người trên buộc lại,
Lợn chó ăn chung, gà vịt ăn cùng.

Anh em cùng cha như ong cùng tổ;
Chị em cùng mẹ như quế cùng rừng.

Nhiều chồng thì nhẹ;
Nhiều cột thì bền.

Trâu lia đàn nó kêu;
Em lia anh đau lòng.

Gà ngủ, cáo không ngủ.

Hồ vồ lợn mới đi chữa chuồng.

Ăn phải dành, có phải kiệm.

Chìa lưng đợi đòn, sắp áo đợi rét.

Ăn lắm thì nghèo, ngủ nhiều thì khó.

1 — Ý nói: biết giao du đoàn kết với mọi người thì đi đâu cũng có thuyền chờ sẵn, đến đâu cũng có cơm mời ăn.

Đừng ăn quá miệng, đừng diện quá đáng.

Mười sắp có không bằng năm cầm tay.

Cá sấy không trở lại dễ;
Gà sấy không trở lại ấp.

Nhiều người, đắp bồi thành vững;
Nhiều người, ghét bỏ thành thác.

Yêu nhau ở bát canh, quý nhau ở lời nói.

Anh em lên nhà đừng đập chó;
Chú bác lên nhà đừng đánh con.

Yêu nhau nói thẳng, không yêu nhau nhẩn lời.

Người mở trap đừng nhòm;
Người mờ lợn phải giúp.

Mong người khổ, ta khổ;
Mong người giàu, ta giàu.

Nhồ bọt nhìn khe sạn, ngồi xồm nhìn bẹn.

Người đã van xin đừng giết;
Ngựa đã van xin đừng cưỡi.

Ở núi này hóa thấp, ngắm núi nọ hóa cao.

Tắm rửa nơi này, cọ chân nơi kia, không nên;
Làm ruộng nơi này, khoe tốt nơi kia, không nên.

Bạn rượu là bạn đắng (1);
Bạn chung đau khổ mới là bạn thân.

Có ăn có những chín bà bác;
Không có ăn một chàng em vợ cũng không.

1 — Ý nói: bạn xấu.

Không bịt nồi nước nguồn, không gói nồi khói bay.

Đan rào không lấp nồi hang thường luồng ;
Đan phen không chắn được mặt trời.

Đường vào bằng đường sóc ;
Đường ra bằng lối chuột.

Đừng chui vào vườn rau ;
Chớ ăn trộm vườn dưa.

Than không hồng, đuôi cá không cong.

Đầu bằng chiếc đũa, đuôi bằng chiếc quạt (1).

Trâu mộng húc nhau, nát rừng cỏ cần.

Cáo bắt trứng gà nhà khó ;
Lửa cháy trứng áo kẻ không có vợ.

Trâu trắng đi đến đâu cũng trắng ;
Trâu đen đi đến đâu vẫn đen.

Không sợ gấu gặp gấu, không sợ hồ gặp hồ.

Ở *bản* là trâu đực, tới *mường* là trâu cái (2).

Gần lửa thì nóng, gần roi thì đau.

Chín đất người không bằng ương đất mình.

Người đẹp mà lòng xấu, người xấu mà lòng đẹp.

1 — Ý nói: việc thực thì nhỏ, tiếng đồn phóng đại thành to.

2 — Ý nói: ở làng thì hăng, ra ngoài thì nhát.

Đừng ăn ong của *nàng*, đừng ăn nai của *tạo* (1).

Con quan biết chữ làm quan;
Con dân biết chữ vác đòn càn xin ăn.

Gheo ma ngủ mả, trêu *phìa* (2) *tạo* ngủ gông ngủ cùm.

Quan khéo phán, tớ khéo nịnh.

Muốn sẻo thì trêu gấu,
Muốn béo húp trêu ong,
Muốn khôn khỏ trêu *tạo*, trêu *phìa*.

Kẻ nói ngọt có hổ trong ruột;
Kẻ nói khéo có gấu trong lòng.

Cá quả ăn con, ốc nào lại không xoi bùn.

Tớ nhà quan như gà đậu chuồng,
Đã bắt con nào chẳng kêu xin được.

Thịt không dứt đừng để rơi khỏi thớt;
Lời không hòa đừng để đến *tạo*, đến quan.

Khôn ngồi đầu nhà quan không bằng kẻ lang thang
khắp *mường* *.

* *

Bố mẹ dạy không bằng thầy dạy,
Thầy dạy không bằng suy nghĩ **.

1 và 2 — *Nàng*: (cô *nàng*) con gái nhà quan. *Tạo*, *phìa*: hai chức quan của phong kiến Thái.

* Phần tục ngữ từ đây trở lên là của dân tộc Thái các châu thuộc khu tự trị Thái Mèo, do Hà văn Năm sưu tầm và Mạc Phi dịch.

** Phần tục ngữ từ đây trở xuống là của đồng bào Thái vùng Yên-thượng (thượng du Thanh-hóa) do Đào văn Tiến sưu tầm và dịch.

Học khôn học đến chết;
Học khéo học đến già.

Tuổi mười hỏi tuổi hai mươi.

Đừng nuôi con cộp,
Chớ chứa con dài,
Đừng đại nuôi rắn.

Chơi dao đứt tay.

Trêu gà, gà mổ mắt,
Trêu chó, chó liếm môi,
Trêu chày, chày đánh vào đầu.

Đánh bạc mất trâu;
Đánh bài thì mất vợ.

Sừng trâu cong khó uốn;
Người ương ngạnh khó dạy.

Muỗi đốt sừng trâu.

Đừng đánh người tốt;
Đừng giết người hiền.

Khéo dạy con được ăn thịt ăn da;
Vụng dạy con chịu tình chịu tội.

Mất của dễ tìm;
Mất lòng khó kiếm.

Nuôi con không biết bụng;
Nuôi em không biết lòng.

Hồ vằn ngoài da;
Người vằn trong bụng (1).

1— Ý nói: lòng người khó lường.

Lòng muốn, miệng nói không.

Người khôn trông vết chân đi ;
Người khéo trông dáng điệu cử chỉ.

Không có cửa đừng đi buôn ;
Không có vườn đừng nuôi tắm.

Người đẹp, đẹp đủ mọi đường ;
Người xấu, xấu hết chỗ nói.

Cây nào lá ấy,
Cây mềm lá mềm, cây gai lá gai.

Quen voi chớ sờ ngà ;
Quen chó chớ mó răng.

Quen nhà đừng quen phép ;
Ép người đừng ép rượu.

Voi có ngà, trâu có sừng.

Gần lửa thì nóng, gần men thì say.

Gần nước trôi sông, gần lửa rát mặt.

Nước sâu cá ăn kiến ;
Nước cạn kiến ăn cá.

Của chân tay như nước suối rõ giọt ;
Của bố mẹ như nước lụt dâng.

Làm ruộng đừng bỏ rẫy ;
Nuôi lợn chớ quên gà.

Mượn trâu mùa cày, mượn chăn mùa rét (1).

1 — Ý nói: không kén làm những việc bất hợp lý và nếu có làm thì cũng không làm được.

Cò nước có cá, có ruộng có lúa.

Nhiều người lắm miệng;
Nhiều miệng lắm điều.

Nói dối thành thầy *mo* (1);
Biết lo hỏi được vợ.

Tất cả người nói dối đều chết;
Tất cả vãi sọc đều phai.

Chim đẹp nhờ bộ lông, người đẹp nhờ bộ cánh.

Trâu béo nhờ cỏ,
Trẻ mồ côi khôn lớn nhờ họ nhờ hàng.

Chim trong muốn ra, chim ngoài muốn vào.

Đi đường rậm về đường quang.

Đi bộ, không mang nỏ, thấy chim đậu;
Đi thuyền, không mang chài, cá đến gần.

Đường đi ở miệng.

Nhiều cây làm nhà mới đẹp,
Nhiều cột chống vững sà,
Đồng anh em nhà vui vẻ.

HÀ VĂN NĂM, ĐÀO VĂN TIẾN
sưu tầm

MẠC PHI, ĐÀO VĂN TIẾN
dịch

1 — *Mo* : thầy cúng.

Dia tộc BA-NA *

Quăng lửa vào gianh, quăng lửa xuống đất (1).

Mình nhớp, bụng no (2).

Miệng nước, bụng lửa (3).

Bỏ than theo ngọn lửa.

Bỏ than theo khói.

**Không có voi mà làm bánh,
Không có búa rìu mà làm chốt.**

Nặn đá ra nước, nặn ruột dê đực ra con (4).

Hôm qua không được, hôm nay được.

Người không mài mà lạng, không đánh mà kêu (5).

Chân ngoài rừng, tay trong nhà (6).

* Một dân tộc cư trú nhiều nhất ở các dãy núi phía đông tỉnh Công-tum và phía nam cao nguyên Công-tum; một số nữa cư trú ở vùng rừng núi phía tây nam tỉnh Bình-định. Dân tộc Ba-na chia ra nhiều ngành: Ba-na Công-tum, Dơ-lâng, Bơ-nâm, Gơ-la. Tô-lô, A-la-công v.v... Dân số đông khoảng 99.000 người.

1 — Ý nói: lửa gần rơm lâu ngày cũng bén, lửa gần đất sẽ nầy mầm.

2 — Ý nói: xét người chớ ngó bề ngoài.

3 — Ý nói: ngoài miệng tử tế nhưng trong lòng thì ác độc.

4 — Ý nói: khó khăn không thể làm được.

5 — Ý nói: có tài, có đức, người ta tự nhiên khắc biết, không cần khoe khoang.

6 — Ý nói: siêng năng.

Con trai mang *gùi*, ông già mang *giỏ* (1).

Thấy cá ở dưới sông, thấy sao ở trên trời (2).

Nói người khác con mang tức thì mình hóa **con**
nai.

Vỗ tay một bận làm sao kêu được.

NHƯCẢNH

sưu tầm và dịch

1 — Ý nói: ai phận sự người ấy.

2 — Ý nói: quý, không thể nào có được.

THO CA

*Dân tộc TÀY**

PHUỐI PÁC

Phuối pác nghĩa đen là đối thoại, một loại dân ca đối đáp có nhịp điệu. Nó không ngân nga dài như các điệu lượn, khắp hay yếu⁽¹⁾. Thường thường, người ta hát qua nó rồi mới hát lượn. Phuối pác được dùng nhiều nhất trong hai trường hợp: khi đôi bên mới gặp nhau và khi tạm biệt nhau. Về nội dung, nó khác với lượn ở chỗ ít theo sách vở. Khi gặp nhau, đôi bên tùy theo cảm xúc mà nghĩ ra và hát. Về nội dung, phuối pác — nhất là loại châm biếm — thường sắc cạnh hơn lượn. Nội dung chính của phuối pác là ca ngợi tình yêu. Do tính chất trữ tình và phong cách đơn giản của nó nên nhân dân rất ưa thích.

Dưới đây là một số câu phuối pác đã sưu tầm được ở Việt Bắc.

Hôm nay em đi chợ về tối,
Tay áo vẫy mặt trời không lại;
Mặt trời thì vượt đèo về núi,
Tối nay em cất chân đến trọ.

Chàng ơi, nón cọ hay nón bạc?
Nón anh đội hai người được không?
Đội được, em xin đi cùng đường.

Anh cũng mong trồng chuối đầy vườn
Để dễ dàng lấy lá ngày tết.

* Xem chú thích ở trang 29.

1 — Các thể dân ca của đồng bào Tày.

Chờ lừa nhau đặt lò trên cây,
Biết bao giờ mới được gặp cá.

Khi ăn quả nhiều cây quên canh,
Cá uống nước nhiều khúc sông quên vực,
Đi trước, nhớ em đằng sau với.

Anh xa em, anh ăn cơm với cá,
Em xa anh, em chan nước mắt thay canh.

Cây nghiêng đỉnh núi mười hai lá,
Em không yêu anh còn yêu ai?

Thương nhau, nước đựng sàng không chảy,
Không thương nhau, nước đựng chậu còn trôi.

Thương nhau, giấy gói lửa không cháy,
Chặt chuối để chẻ đuốc cũng cháy.

Trời ơi, sao không loạn
Đề đôi ta đồn *bản* lại với nhau !

Nuôi tầm mong quây kén được tơ,
Trồng chuối mong ra buồng được quả.

Ngày tháng như nước trôi xuống thác,
Chia tay, nước mắt như mưa;
Chim bay về tổ đoạn rồi,
Còn anh trở lại bơ vơ.

Mắc bẫy dưới đất sao được phượng,
Đơm lò ngọn cây sao thấy cá?

Anh cũng mong bắc cầu cho thông,
Cây ngăn không thể mong nối được.

Mắt bạn như mắt chài không gõ,
Giấy rơi xuống nước khó gấp thành tờ.

Vợ chồng như đũa có đôi,
Xa nhau làm sao và được cơm !

Bắc thang sao lên tới trời,
Lấy sào vạt mặt trời sao được ?

Rau cải trong vườn không tủa,
Sao lại nhặt lá dấp ngoài đồng ?
Lá dấp lẫn cỏ gianh với rác.

Thân anh như hoa mẫu đơn trước chùa,
Em như quả đậu leo cành cây khô ;
Quả đậu còn người xin làm giống,
Hoa mẫu đơn chỉ để già bỏ không.

Lá trâu bằng cái ô
Nửa ăn nửa đem bán ;
Cho anh xin ăn không một miếng,
Coi như vút lên núi cho khỉ,
Coi như vút xuống đất cho gà.

Trầu em, trầu rưng già,
Nhả (1) em, *nhả* rưng to,
Chấm em, *chấm khâu thương* (2) leo cây,
Thiên hạ không nuốt nổi mới còn
Làm sao lại để anh ăn được !

Chờ lừa chuột lên gác cất thang,
Chờ lừa em đun bếp bắc nồi không,
Chờ lừa em dựng bếp để không ;
Sông cạn rồi bỏ cát nắng soi,
Trời hạn để ếch nhái than thân,
Kêu khản cổ không mưa mới khốn.

1 — *Nhả* : một loại trầu không hoang, mọc trong rừng.

2 — *Chấm* : một loại vỏ đề ầu trầu ; *khâu thương* : một loại *chấm* độc dùng để ruốc cá.

Đã ai lấy nửa tộp đóng bè,
 Cá vống đầu mắc chài dây sắn ;
 Ai đã thấy khỉ ăn quả *hẻo phía* (1),
 Đi làm nương bỏ ruộng, ai thấy ?

Phượng hoàng bạn phượng hoàng mới xúng,
 Phượng hoàng bạn với quạ mấy khi ;
 Phượng hoàng tung cánh trời xanh,
 Chim chích muốn bay theo sao được ?

Có ai lại bỏ gà nuôi quạ,
 Đi làm nương mà bỏ ruộng mấy khi !

Con rồng sánh con rồng mới đáng,
 Chim nhạn sánh chim nhạn mới xinh,
 Rồng trời sánh rồng đất sao bằng,
 Phượng ăn thóc lẫn gà mất duyên,
 Cà chua ước đào tiên không đáng,
 Phượng với gà làm bạn sao bằng !

Quạ khoang với quạ khoang một giống,
 Thóc rẫy với thóc ruộng một nhà ;
 Người đẹp với người xấu cũng là người,
 Làm sao giờ đây lại chê nhau ?
 Nhà em có ngựa voi yền vàng,
 Ngày chết cũng chôn đất như người ta.

Mưa rơi trận tiếp trận,
 Nước không qua mắt cá.

Ngày xưa nặn thóc còn dính,
 Ngày nay nặn bột còn rơi (2).

1 — *Hẻo phía* : một loại quả mọc trên núi đá, loài khỉ không bao giờ ăn quả này.

2 — Ý nói : trước kia yêu nhau thì việc gì khó cũng làm được, nay không yêu nhau thì việc dễ làm cũng không xong.

Phát rẫy gì « xì xòa »,
Về với anh ăn ruộng lúa nếp.
Thửa ruộng ba nghìn tư không ăn
Sao để khổ cái thân đi phát nương trên đá?

Nhát mai hai ba củ khoai sọ,
Nhát cuốc năm sáu quả dừa;
Em không tham ăn lúa nếp với anh,
Làm rẫy còn được ngồi nghỉ trên cây,
Làm ruộng không nằm được trên nước;
Làm ruộng thì áo ướt tận vai,
Ruộng này em đây em không thêm.

Gánh thóc còn được mấy quan tiền?
Gánh dừa ăn bữa *lèng* (1) không đủ!

Bim bíp chê sáo mỏ đen,
Vịt già chè ruộng lầy không kiếm;
Ai chè thóc già không ngon,
Có ngày còn ăn mon (2) chấm mẻ.

Nước sông chảy tràn đầy vô số,
Bắc máng vào nồi tự có là hơn.

Ngày trước sương tủa xuống đồng không lấy,
Ngày nay sương lên núi mới tìm.

Làm người chớ coi hèn nhau quá,
Trời sinh ra trai gái tại số,
Thiên hạ còn người giàu người khổ.
Đàn ông dở khôn dở dại
Đeo tay nải đàn bà.

1 — *Lèng*: một bữa ăn ăn thêm, dở chừng, giữa hai bữa ăn thông thường.

2 — *Mon*: một loại khoai, giống khoai sọ.

Đàn bà dở khôn dở dại
 Thấy đàn ông đeo tay nải cũng cười.
 Mai sau em về nhà chồng mới biết,
 Có ngày còn đeo nặng hơn cả đàn ông.

Trên trời thiếu gì mây,
 Thiên hạ thiếu gì người,
 Mặt đất thiếu gì hoa?
 Ngoài đó hoa không thiếu,
 Lại đây tìm kén tôi làm bạn.

Trên trời thật thiếu mây,
 Thiên hạ thật thiếu người,
 Mặt đất thật thiếu hoa.
 Thật thiếu hoa ngoài đó
 Mới chọn đến đường xa kết bạn.

Phát nương gì xao xác
 Cho anh xin cùng phát xem sao?
 Gọi là đề học tài công lao em vậy.

Hoa *lôm* (1) nở bờ ao non nhị,
 Nước quật rề thì rung.
 Phận em là gái tơ vừa lớn,
 Lời nói còn lăn lộn gió bay,
 Làm sao dám kết anh thành bạn.

Hãy ở lại, hoa mạn trắng nở,
 Hãy ở lại, hoa đào hồng trẻ,
 Anh phải lìa về chốn xa xôi,
 Em hãy ở cùng chồng định giá.

Lìa về nước khác dòng,
 Lìa về ruộng khác *lái* (2),
 Lìa về bông khác nương,
 Lìa về chung giường với vợ.

1 — *Lôm*: một thứ hoa thơm nhưng không bao giờ kết quả.

2 — *Lai*: chỗ để nước từ ruộng trên chảy xuống ruộng dưới.

Người lia hồn không lia,
Hồn anh về theo trên trán;
Hồn anh đậu ngọn khăn về cùng,
Về đậu ở cây chuối ngoài vườn,
Về đậu ở đầu nhà, chái bếp;
Bữa ăn em chia đĩa trên mâm,
Nhớ thêm một đôi cho hồn anh với.

Anh đi, anh còn về,
Em hãy ở giường hoa đợi anh.

Yêu nhau, yêu cho nặng,
Đố nhau đố cho lâu.
Ngày nào hươu lia rừng mới thôi,
Khi nào trâu lia cỏ mới bỏ,
Khi nào mức nước đầy sọt mới lia,
Ngày nào khỉ lia quả rừng xanh,
Thì anh mới bỏ em ngày ấy.

Nón cọ hay nón mây?
Còn con gái hay đã có con?
Có con rồi thì thôi,
Còn con gái mới *lượn* (1).

Bên chiếu anh còn rộng hay không rộng?
Bên chăn anh còn thừa hay không thừa?
Để em xin ngủ cạnh một giấc,
Gà gáy em sẽ về trước gà.

Rau cải mọc trên soi nhiều giống,
Đàn bà (2) có nhiều lòng lật lọng,

1 — Hát *lượn*.

2 -- Nếu nữ giới dùng câu này sẽ thay chữ « đàn ông » vào. Tái cả các câu khác cũng vậy.

Yêu nhau chưa đến giờ đã biệt,
Thuyền xuống thác khó mà quay lại,
Chài rách còn tung đâu được cá!

Giỏi không bằng hàng chài quăng lưới,
Hàng chài còn rơi thuyền ướm áo,
Suýt nữa còn nộp thịt cho cá,
Hấp tấp chạy thoát chết lên thuyền,
May ra số trên trời còn giúp.

Khôn không bằng chim khướu má trắng,
Chim khướu còn mắc bẫy đuôi bò (1).

Người đồn rằng cây ó mọc thành chùm,
Cây ó gánh bí đao được không (2)?

Chiếc áo nhuộm gần chết mới sinh,
Áo em nhuộm mười cân chàm mới tốt,
Lấy cơm về ném áo có tội suốt đời;
Hạt cơm chín hạt mồ hôi,
Ai đem cơm ra vãi, tội với trời.

Trai gái chơi có mùa,
Văn thơ chơi có tháng,
Nhớ nhà nhớ có ngày,
Nhớ người yêu nhớ suốt đời.

Hoa *mạ* nở, cảnh *mạ* trắng hồng (3),
Hoa đào nở, cảnh đào bông đỏ,
Yêu nhau thật, hãy ngó tận nhà
Để thành đôi thông gia đi lại.

1 — Dân miền núi thường lấy lông đuôi bò hay ngựa để làm bẫy chim.

2 — Ó: một thứ cây trong ruột rỗng, vỏ ngoài đẹp. Ý câu này muốn nói là loại cây rỗng ruột có gánh được những thứ nặng không.

3 — Hoa *mạ* trên rừng thường có hai sắc.

Lá trầu tươi khác bãi ăn ngon,
Yêu nhau hãy gửi lời đi lại.

Hoa muống nở trong ao trắng đẹp,
Bởi lâu ngày đã lên cành cao;
Hoa ra quả cau (1) nhiều cành,
Càng ngắt càng ra ngọn ra lá;
Lòng em ước người nào là nói,
Đừng để anh chờ đợi lâu ngày.
Ước bạn như ước gì quên việc,
Hay lòng em không nhớ là thôi.
Đời ta không đủ đôi đến già,
Lòng em muốn ở lẽ cũng toan.
Nếu em còn ở đâu cũng nói
Để anh ở khác chốn biết tin.

Nón em nón hai phen,
Bên đội, bên còn treo, chờ đợi.
Không dám chê thiên hạ cùng đường,
Về nhà chớ để thổ công hờn dỗi.

Ngày nay em xuất giá, giờ không lành,
Được gặp đôi chim hồng ra lượn;
Chim hồng đã có bạn có đôi,
Thiệt hại để khác nơi (2) còn lẻ.

Đường to sao không bước?
Đường cái sao không đi?
Về theo đường rừng rậm sao được?
Về nhà vợ con khóc ai đỡ?

Về thì về,
Chớ mang bừa hai chiếc,
Chớ dặn em nhiều lời;

1 — Ý nói: cây cứng như cau.

2 — Nguyên văn: *táng tử*, nơi ở của người yêu của mình.

Về nhà muộn vợ mắng,
 Về nhà chậm vợ mong,
 Vợ tưởng anh chết lũ (1) mất rồi.

Trời sao không giết kẻ gian
 Vừa yêu nhau nửa đường liền bỏ.
 Bỏ nhau để lơ lửng, người đồn,
 Bỏ nhau để khác *mường*, người nói.

Phát *mường* phát dất suốt bờ,
 Khi nào hết sức khỏe sẽ thôi.

Em ơi! cấy lúa có mấy dảnh,
 Để anh chung một dảnh được không?
 Chung được, anh xin giúp đắp bờ.

Anh đối em leo lên cót rồi cất thang,
 Anh đối em đun lửa nôi không,
 Anh đối em ăn tro thay muối,
 Lừa để em cười hồ thay ngựa,
 Lừa để em ăn cỏ như trâu,
 Lừa để em ở chờ đến già,
 Gái đầu bạc hoa quế, như người.

Mong bạn như mong trăng rằm,
 Mong trăng còn gặp tháng một lần,
 Mong bạn ở cách phương vắng biệt,
 Mong bạn ở xa lắc khác *mường*,
 Nhớ quá không biết tìm phương nào.
 Lạc số tận trời, định xuống rồi
 Nên phượng phải lìa đôi cách khuất,
 Cá mới lìa nước khác vũng ;
 Đi trước hãy nhớ em sau với.

1 — Chết đuối nước lũ.

Kết nhau lại không được lấy nhau,
Nhạn lia én về tổ còn nhớ;
Về nhà hãy ăn ở nghiêm trang,
Chớ theo lòng gian của thiên hạ.

Ngọn *liềng* (1) bằng ngọn cọ;
Em chê anh nhà nghèo không lấy,
Em đi tìm nhà giàu nuôi mẹ
Có khi phải chồng già hơn ta.

Hoa *lôm* (2) cùng hoa *lạ* (3)
Hẹn nhau đến ngày rằm cùng nở;
Hoa *lôm* bắt nhân lại nở trước,
Hoa *lạ* mặt khôì ngô nở sau;
Hoa *lôm* không có quả là đáng.

Dây bi dây bầu bao nhiêu giống,
Con trâu kéo hai óng khó mang.

Ngày xưa là *dậu* (4) tốt dựng đồ,
Bây giờ hóa *dậu* rách dựng cám.

Làm nhà phải có tông, có giát,
Làm người sao không nói, không mồm!

Em mong đánh đường to qua đèo
Để hai ta đi lại ngày đêm.
Liệu có gì ngăn đường không nhỉ?

Thân anh như hoa đào trong vườn,
Thân em như *ôi ưởng* (5) bờ ruộng;
Ôi ưởng không vừa mắt, trâu dẫm.
Cỏ gianh không vừa ý, trâu chê.

1 — *Liềng* : một loại cây giống cây cọ.

2 — *Lôm* : một thứ hoa thơm nhưng không bao giờ kết quả.

3 — *Lạ* : một thứ hoa rừng có kết quả.

4 — *Dậu* : sọt.

5 — *Ôi ưởng* : một loại mía rừng, rất nhạt.

Phát rẫy, phát cho dày,
 Suồng nương, suồng cho sạch.
 Ngày mai cỏ rậm đầy nương
 Anh sẽ đến đôi công hai buổi.

NÔNG VIẾT TOẠI, NÔNG MINH CHÂU,
 HOÀNG HẠC sưu tầm

NÔNG VIẾT TOẠI, NÔNG MINH CHÂU dịch

*
 *

LƯỢN THÁNG*

Tháng Giêng, mừng một đầu năm
 Chưa thấy hoa bông⁽¹⁾ hoa cam nở
 Hoa bông, hoa cam sao chưa nở?
 Mới có hoa mạn nở đầu năm.
 Tháng Giêng, mừng một đốt hương liền,
 Đốt đèn hai ngọn lên châu tiên,
 Đốt đèn hai ngọn lên châu bụi,
 Hết bác, cạn dầu nhớ bạn liền.

Tháng Hai, xuân tới trăm hoa nở,
 Liệu mà xuất giá chị em ơi!
 Cách xa đã có người đưa đón,
 Chơi xuân thế mãi hại duyên thôi.
 Tháng Hai, xuân đến trăm hoa nở,
 Bướm ong bay lượn xin kết đôi,
 Ong bướm lượn bay xin kết bạn,
 Kết bạn cùng hoa chờ để rời.

Tháng Ba, phát rẫy bông chân núi,
 Vọng lên đỉnh núi sương tỏa lại.

* *Lượn*: một loại dân ca của dân tộc Tày. Bài này là bài vịnh các tháng trong một năm.

1 — *Bông*: bưởi.

Mỗi mệt bởi những tiếng côn trùng,
Nhắc được chân trái mỗi chân phải.
Tháng này nắng dịu nắng tháng Ba,
Cánh cửa màn che ngày chờ ngủ,
Trai ở phòng thư, thư ngại viết,
Gái mắt lim dim ở góc nhà.
Tháng Ba, mùa bông lại mùa chàm,
Khảm khắc (1) buồn thân đi vọng than,
Trai ở học đường, thư ngại viết,
Gái ở phòng hương, *tính* (2) ngại đàn.

Tháng Tư, đám mạ mọc xanh xanh,
Dồn dập mùa công thêm hát đình,
Dồn dập mùa công thêm hát bội,
Ai xui khiến bạn lập gia đình?
Tháng Tư, ruộng mạ đã gieo rồi,
Ngày mùa đến nghe *tứ quý sui* (3),
Bốn phía núi rừng hoa rụng cả,
Cách chốn tìm đâu, quân lòng tôi.

Mùa cấy đến rồi, đã tháng Năm,
Nhỏ mạ đến bờ, bóng chữa râm,
Nhỏ mạ đến bờ, trời vẫn nắng,
Đặt mạ trên bờ, trông bóng trắng.
Tháng Năm là mùa tiếp mùi hương,
Bỏ mạ trong tay, lòng nhớ thương,
Bỏ mạ trong tay, lòng nhớ bạn,
Bao giờ xong cấy, định lời thương.

Tháng Sáu, tháng này ta làm cỏ,
Cúi mặt xuống đất, áo ướt sương;
Bên bạn có đôi làm được chóng,
Đơn thân lẻ thiếu bỏ ruộng không.

1 — *Khảm khắc* : một loại chim kêu rất buồn, thường kêu về đêm.

2 — *Tính* : một thứ đàn của đồng bào Tày.

3 — *Tứ quý* : một loại chim hót quanh cả bốn mùa nhưng thường hót nhiều nhất vào tháng Tư. *Sui* : kêu vọng.

Tháng Sáu, mùa lúa ngập bờ,
Đôi ta xa cách những mong chờ,
Đôi ta cách núi thêm xa ngắt,
Lòng buồn xin gửi gắm trong thơ.

Sương mù luôn luôn ngày tháng Bảy,
Ve kêu rưng rưng tiếng nỉ non,
Ve kêu rưng rưng tiếng non nỉ,
Ve hỡi ăn gì tiếng vọng luôn?
Tháng Bảy, mùa này lá lúa bay,
Kết bạn với nhau sẽ sao đây?
Kết bạn cùng nhau lo chẳng xứng,
Xem chừng không xứng trả lời ngay.

Tháng Tám, ngoài đồng bông lúa trắng,
Bạn hỡi! thiếu liềm đi chợ mua,
Bạn hỡi! thiếu liềm đi chợ sắm,
Thượng tuần tháng Chín bạn gặt mùa.
Tháng Tám, đến rồi lúa trở bông,
Nhớ bạn nhân tình, thư gửi thăm,
Nhớ bạn nhân tình, thư gửi tới,
Tiếc không gần gũi mọi ngày trông.

Tháng Chín là mùa lúa chín vàng,
Nhớ bạn xa nhau mỗi ngày buồn;
Giá được ở gần nhau bạn nhỉ,
Gặt hái cho giùm được nhờ ơn.
Tháng Chín, mùa này lúa chín vàng,
Phong thư xin gửi tới nhắn nài,
Lúa đã chín rồi về giúp gặt,
Họa hoằn đi lại bữa cơm xoàng.

Tháng Mười này đồng rộng thênh thênh,
Ong bướm xiêu bay khắp mọi miền,
Ong bướm xiêu bay khắp mọi xứ,
Man mác lòng thương nỗi tình duyên.
Tháng Mười là mùa ta gặt hái,

Cho chàng cái hái, cái đòn dây,
Chàng đi gặt cho chàng đòn, hái,
Chàng xem liệu gặt hái trong tay.

Tháng Mười-một là tháng rạ rom,
Rừng núi côn trùng *sui* bốn phương,
Côn trùng rừng sâu *sui* bốn xứ,
Nhớ nhung nhàn ngãi mỗi ngày buồn.
Tháng Mười-một, ngoài đồng những rạ rom,
Cắt én một đôi đi dạo *mường*,
Cắt én một đôi đi dạo xứ (1),
Lúa gặt vào bồ, bỏ rom vàng.

Tháng Chạp là tháng rét đại hàn,
Tuyết trắng như bông rơi xuống sà, n,
Nửa đêm khuya vắng, nằm thao thức,
Khảm khắc sui than lạnh tâm can.
Tháng Chạp, tuyết rơi, trời lạnh lắm,
Bát tự (2) nhân duyên đã được đều,
Bát tự duyên ta xưa đã định,
Dòng suối chảy đi lại uốn theo.

Một năm mười hai tháng xoay vần,
Nhớ bạn trong lòng mong được gặp,
Nhớ bạn trong lòng mong được biết,
Năm, tháng trôi đi, xuân vẫn còn.

NÔNG VIẾT TOẠI
sưu tầm và dịch

1 — Ý nói : tháng Mười-một là tháng rỗi rãi, trai gái thường tổ chức kéo nhau đi chơi.

2 — So *bát tự* : một phương pháp bói toán, nhằm so tuổi xem trai gái có hợp nhân duyên nhau hay không.

XUỐNG CHỢ LẤY MUỐI

NGUYỄN VĂN LÒ

Chuyện bán muối thật là xao xác
 Như tranh quả trên núi rừng xanh.
 Người già, người trẻ, Mán, Tày, Nùng, Kinh...
 Có người mất cả tiền lẫn thể,
 Tranh không được, ngược mắt kêu trời.
 Nhưng trời nào có thấu !
 Chỉ có đồ mồ hôi,
 Cả con gái, con trai,
 Ai xông khỏe thì họa may được muối ;
 Đừng ai rụt rè xấu hổ nhìn lưng người.
 Thì ra, mua muối cũng phải dùng cái hăng, cái ác !

Đàn bà cũng phải góm ghê quát lác,
 Xông thẳng vào, gạt linh tráng ra rìa :
 Nếu then thò thì về nhà nhìn muối.
 Có người tranh kém, ngồi khóc thăm.
 Rủ nhau tất cả lên kêu quan,
 Quan phủ không nói, viết *đờ-măng* (1) ;
 Quan sứ cho muối bán về xã
 Mỗi đầu người một chai muối là quá,
 Trẻ con ba tháng không tỉnh là đầu người.

Chỉ chén muối ấy thôi,
 Quan Tày phát xuống thầy lý,
 Thầy lý phát xuống đến dân,
 Tháng tháng, quan Tày nhè đòi tiền một lần ;
 Thầy lý đem tiền đi nộp đủ
 Nhưng muối của dân tháng có tháng không.

Bắc-cạn, 1939

lúc già tự dịch

THƠ MIỀN NÚI

Nhà xuất bản Văn nghệ — 1957

1 — *Đờ-măng* : đơn (phiên âm chữ Pháp : demande).

ĐI BỘ ĐỘI

NÔNG VIẾT TOẠI

Cha ơi con xin nói,
Khỏi kém với người ta.
Hôm qua đi khai hội
Con tình nguyện tòng quân.

Cha ngày càng già tuổi,
Mẹ con đã mất rồi,
Hai ba em thơ dại,
Nó chưa biết việc đời.

Chưa đánh tan giặc Pháp,
Nước mất thì nhà tan.
Con phải đi bộ đội,
Cha hãy lo sớm tối.

Dù chưa mãn tang mẹ,
Còn thân già, cha lo.
Con yên tâm thu xếp,
Chớ có bận tâm cho.

Lo gì mấy *bung* (1) ruộng,
Trâu ta còn mấy con.
Đắp mương phai, đóng *coon*,
Cha sẽ giúp vợ con.

Cha nghĩ lại năm xưa
Cũng vì giặc Pháp tới,
Nó đi lên đốt lán,
Bắn mẹ con trên núi.

1 — *Bung*: một đơn vị đo diện tích của đồng bào Tây, ba *bung* bằng một mẫu Bắc-bộ.

Ngồi mà lau nước mắt,
Mẹ không sống lại rồi.
Mộ trên đồi vợ con săn sóc,
Con hãy cứ đi thôi.

Chớ có lo với cha,
Liệu thu quần gấp áo,
Không riêng trả thù cho mẹ.
Con còn trẻ con đi Vệ quốc quân,
Ta đi cũng vì dân vì nước ;
Con đi cha mong ước đằng sau
Diệt tan quân xâm lăng Pháp - Mỹ
Mới là người báo đáp công ơn
Trả thù cho nhân dân và mẹ.

Cha không muốn nói nhiều,
Dọn mâm lên ăn cơm,
Ăn xong còn thu xếp,
Chung chình lại hóa trưa !

Vợ con đi trồng bông,
Ghé bà vải sao rồi ?
Con dặn gì thì dặn,
Hòn dôi cứ làm thình.
Làm chàng trai xinh đẹp,
Vợ câu một câu hai ;
Rồi tìm đường lẩn tránh,
Con chớ có như ai.

Đàn bà ta lắm người quen thói,
Chồng đi xa hòn dôi rửa nguyên,
Mắt họ không có nhìn thiên hạ,
Có lúc như đã điên rồ,
Cơm đến bữa ngần ngơ không biết,
Vợ thế này còn thiết làm chi ?
Đã xung phong đi, con hãy ghi hãy nhớ,
Chớ có lưỡng lự, vợ nói rồi nghe,

Nó còn không muốn cho lìa một bước.
 Chẳng qua cha nói vì thế thôi,
 Con dâu cha là người tốt lắm
 Biết con đi đã toan sắm cho con ;
 Đi bà vải chạy ít tiền
 Lo với con về dưới Thái-nguyên,
 Thúc gì cũng đồng tiền mới được.
 Vợ con đi lấy cây hôm trước,
 Ngồi nghỉ bờ ruộng có nói rằng :
 — « Ta không đi bộ đội sao đành,
 Ai chả biết duyên tình là thương nhớ
 Nhưng lòng thành không cứ phải ở cạnh nhau.
 Bao giờ Việt-nam mai sau yên ổn,
 Ngày ấy người chiến sĩ sẽ từ chốn xa về,
 Cây sẽ nở lá hoa, mùa xuân hồi ! »

4-1952

tác giả tự dịch

VIỆT BẮC CHÚNG TA

NÔNG VIẾT TOẠI

Chúng ta có Việt Bắc
 Rừng núi điệp điệp trùng trùng,
 Đồi xanh xanh trâu bò ăn cỏ,
 Những con sông, con suối chảy giữa rừng xanh ;
 Có con sông Hiến chảy quanh Cao-bằng,
 Vịt le trắng trắng từng đàn bay lên khi ánh nắng,
 Nó bay, nó vỗ cánh, nó tắm giữa dòng sông.
 Đây những khu rừng, ngày xưa lán của quân
 du kích
 Việt Minh ra đánh Tây, đánh Nhật ;

Bản này bản Phai-khắt, Nà-ngần (1)
 Không phai được những vết chân của Giải
 phóng quân!

Ai qua Võ-nhai, Tràng-xà
 Những núi đá sắc nhọn dưới màn sương tỏa
 ngoài đồng.

Lâu nay, tiếng đồn Chu văn Tấn
 Bằng súng kíp, đã bắn giặc Pháp tới bờ
 Bắc-sơn còn truyền mãi trên đời ;
 Tây đốt nhà giết con bắt vợ,
 Quân du kích lẫn lộn trên núi rừng chống
 bọn quân man rợ
 Đánh chúng nó để quyết giữ ruộng vườn.

Tuyên-quang có dòng sông Lô,
 Mồ quân thù chôn đó,
 Cơ quan trong rừng nửa,
 Bóng cây đa còn râm mãi ở giữa Tàn-trào.

Đây Sa-pa, đỉnh núi cao gió mát,
 Dưới màn sương nghe tiếng hát của thông reo,
 Xuân hạ thu đông gió thổi sớm chiều,
 Lá vẫn xanh mặc dầu già buốt.

Bắc-cạn có Ba Bề đẹp xinh,
 Trên là núi, men là bãi soi (2) trắng xóa
 Đất bồi lên trồng bẹ (3) để chăn lợn nuôi gà ;
 Ai đến bản Pác-ngỏi, bản Vài,
 Ngồi cuối sàn ngắm bóng trắng soi dưới nước ;
 Động Puông, cửa rộng thoáng gió mát,
 Ai qua đây cũng muốn vào thăm ;
 Mùa mưa xuống nước bề tràn đầy,
 Chảy xuống thác Đèo Đẳng để cá chầy đẻ trứng.

1 — Tên hai đồn binh của Pháp ở Việt Bắc, bị Giải phóng quân
 mới thành lập và xuất quân hạ ngay trong trận đầu.

2 — Bãi soi là một bãi cát nổi lên ở giữa hoặc cạnh dòng sông.

3 — Bẹ : ngô (cũng có nơi gọi là bắp).

Bên kia, trông xa xa rìng núi nhấp nhô,
 Đỉnh núi Tây-côn-lĩnh sương mờ;
 Đây Hà-giang, xem bản đồ cao hơn cả,
 Họ đi làm dâu kêu đường xa quá
 Nhưng họ vẫn đi;
 Đường xa nhưng lòng vợ chồng vẫn thắm.

Ruộng đồng đắp nước vào mương,
 Có mỏ phân Cam-đường (1) ta bón,
 Mùa sa nhân Bắc-can của ta,
 Em bé mua áo hoa mậu dịch;
 Ngày chợ kéo ninh nich chân đôi,
 Bình-gia họ gánh hời đi bán
 Khi trở vai rung cả đuôi thắt lưng,
 Vừa đi vừa đùa nhau, từng quãng đường vừa
 đợi;
 Sáng sớm, còi xe lửa vọng về,
 Trông thẳng tắp, con đường sắt nằm giữa
 những cánh đồng quê.

Vừa rồi đi chợ Nguyên-bình,
 Qua Phia-đen khi ánh bình minh hừng nắng,
 Đồi cỏ xanh, những đàn bò vàng, cừu trắng
 Bỏ ăn cỏ, đuôi vẫy đánh mòng;
 Trai gái vun khoai trên núi, đứng trông,
 Nghiêng nón ngắm những đoàn ô-tô lên dốc;
 Xe mười bánh chở đầy,
 Hai men đường bụi bay lấp cỏ,
 Lên Tinh-túc dựng nhà dựng cửa
 Để lấy sắt, bạc, vàng.

Ngày nay và ngày trước khác nhau,
 Anh công nhân xinh trẻ
 Giờ nghỉ ngâm điệu thuốc, nói cười
 Nghe đồng chí Liên-xô đang vui chơi kể chuyện.

1— Mỏ a-pa-tit ở Cam-đường (Lao-cai). A-pa-lit là một loại quặng dùng chế phân hóa học bón ruộng.

ĐAN ĐÔI DẬU HOA

HOÀNG QUANG TRỌNG

Chớp nhoáng thu đến rồi,
 Có cô gái Tày cài dao vỏ chạm rồng
 Giữ trâu bên suối cạnh đường to ;
 Tiếng lượn « ừ hời » (1) ngân xa,
 Tay thoăn thoắt lạt hoa đan *dậu* (2) mới.
 Đường lạt uốn như dẹt đường sợi,
 Dẹt bên *dậu* những bông hoa xinh,
 Nắng thu đưa hình cô xuống suối,
 Cô nhìn gương nước mặt đẹp tươi.
 Tay đang đan mà lòng đã nghĩ :
 « *Dậu* này sẽ ra đồng gặt lúa
 Bạn cùng bao *dậu* khác, gánh đầy kho,
 Ai dám chê *dậu* này loi lẽ !
 Ngày chợ, *dậu* còn ra mậu dịch,
 Bán xong thóc, mua thêm chiếc gương tròn.
Dậu đây còn trên đường ra kho thuế,
 Ra đồng, *dậu* lẳng lặc thóc vàng,
 Mỗi năm mùa càng đầy *dậu* mới. »

11-58

NÔNG MINH CHÂU dịch

1 — Tiếng đưa hời trong khi hát lượn của đồng bào Tày.

2 — *Dậu* : sọt.

HOÀNG ĐỨC HẬU

(1890 — 1945)

Người dân tộc Tày, sinh tại thôn Lam-sơn, xã Hồng-việt, huyện Hòa-an, tỉnh Cao-bằng. Có làm nghề dạy học chữ Hán nên người ta còn gọi là thầy đồ Hậu.

Là một nhà thơ trào phúng có tài, Hoàng đức Hậu đã sáng tác nhiều bài thơ bằng tiếng dân tộc (cũng có đôi bài bằng tiếng Kinh hoặc chữ Hán), tác phẩm rất được nhân dân ưa thích.

Thơ của Hoàng đức Hậu đã được sưu tầm, dịch và xuất bản thành một tập (THƠ HOÀNG ĐỨC HẬU—Nhà xuất bản Văn hóa—1961). Những bài dưới đây đều trích trong tập sách ấy.

NHÀ PHA

Hai chữ ghi truyền nhân bạn ta,
Thực phong lưu cái cảnh nhà pha (1) !
Ngày hai bữa, Tây thời kèn châu chực,
Đi ỉa đái, có linh hầu từng lúc.
Không lo hồ: nhà ngói, ván dựng tường cao,
Cổng đá to, cửa sắt chắc: chẳng sợ giặc vào.
Bữa ăn dè xén hai lạng thịt,
Chẳng biết nhà ta khổ hay giàu !

QUAN GÌ QUAN NÀY ? *

Quan gì quan thế chỉ mưu toan,
Bắt dân đi phu làm suốt tháng;
Đầu mùa, chợ búa, bao nhiêu đường bận rộn,
Mỗi người dân vớt hết việc nhà,

1—Nguyên văn có bài ghi là nhà pha, có bài ghi là nhà tù. Vì chưa đủ điều kiện để khẳng định chữ nào là chữ của tác giả dùng, chúng tôi tạm dịch và dùng đầu đề: Nhà pha.

* Bài này khi sưu tầm được không có đầu đề. Đầu đề này là do người dịch thêm vào.

DI PHU

4 -- Nguyên văn : *pja phả*, cá sấn sất. Đồng bào Tày thường ví quần áo rách rưới tả tơi của người nghèo như vậy và đuôi cá sấn sất.

DÀNG BA HUYỆN *

1

Người đồn rằng ba huyện dễ nhiều *dàng*
Chàng ới ới (1), loài nói điêu, mò đoán.
 Xòe quạt ra, liền thấy ma vào chén,
 Giơ tay khăn, vờ đồng bóng xuống chơi.
 Những *nàng dâu* (2) tranh đầu gôi đến ngồi,
 Hón hờ dựng đuôi lên (3), già lẫn trẻ ;
 Lời « *noọng ới* » (4) làm say mê đến thế,
 Sẽ có ngày ung ruột mọc đầy người.

2

Chết thì chết không bỏ bộ *kim cang* (5),
 Cơm chiều xong, thích rủ nhau xem *dàng* ;
 Anh Thiểm về nhà rồi, cô nhớ lắm,
 Chàng Tường tiếp đến, gây bao nỗi mê man.
 Mặc canh khuya, giành nhau cầm tai *tinh* (6),
 Lúc vắng người, xúm lại cảnh nhớ nhăng.
 Cái lũ mãi mê chơi như thế đấy,
 Chết thì chết không bỏ bộ *kim cang*.

* *Dàng* : tên gọi các người làm nghề mê tín.

Ba huyện : nhân dân Cao-bằng thường gọi *tam châu*, tức là Quảng-uyên, Trùng-khánh và Hạ-lang. Ở đấy, ngày xưa có nhiều người làm nghề mê tín.

1 — *Chàng ới ới* : « *chàng* » là tiếng các địa phương khác gọi người của ba huyện. *Chàng ới ới* : ý châm biếm người làm *dàng*.

2 — Nguyên văn : *lúa nàng*, nghĩa đen là *nàng dâu*. Ở đây chỉ những cô gái đẹp được mời đến thắp hương, tằm trầu phục vụ *dàng* trong buổi lễ.

3 — Nguyên văn : *ngheĩ tằng thang*, nghĩa đen là *dựng đuôi lên*. Ở đây ám chỉ sự quan hệ bất chính giữa nam nữ trong làng khi đi xem *dàng*.

4 — *Noọng ới* : em ới. Khi các anh *dàng* giả vờ có ma nhập, thì hẳn được các *lúa nàng* đến mời nước. Lúc đó là lúc các anh *dàng* dùng đủ mọi lời đẹp để cảm ơn *lúa nàng*. Câu nào cũng gọi « *noọng ới !* »

5 — *Kim cang* : bộ nhạc bằng đồng hay bằng sắt, các anh *dàng* dùng đệm đàn *tinh*.

6 — *Tinh* : một loại đàn của dân tộc Tày.

KHÔNG ĐỀ *

Cớ sao cô lại tu chay
 Rêu xanh ngập cả đường đời còn chi?
 Tuổi hai tám việc gì nhân nhục...
 Mùi đời ba nghìn thức bỏ qua!
 Bạn nào? Gối lẽ canh khuya
 Chấn đơ đâu có ai về đắp chung.
 Chi bằng củi lửa gần cùng,
 Kéo sau lại oán má hồng đa đoan!

TÀU BAY

Trí tuệ con người khôn khéo (1) nhất,
 Sắt đồng đã biến thành tàu bay.
 « Ừ ừ » đỉnh núi, đi lên mưa mây,
 « Pư pư » trên không, vang như sấm sét.
 Ngõ Phù Đồng thiên vương phi ngựa sắt,
 Giống như tiên nữ cười kỳ lân.
 Một giờ bay khắp ngàn núi muôn sông,
 Trí tuệ con người khôn khéo nhất (2).

NÔNG QUỐC CHẤN dịch

* Bài này nguyên văn làm bằng chữ Hán, không có đầu đề.

1 — Nguyên văn : *kí kiáo*, kĩ xảo, khéo léo, trí khôn của con người.

2 — Câu cuối, theo bài của Nông viết Toại sưu tầm, khác câu cuối bài của Nông cần Vương sưu tầm. Nguyên văn câu đó là « Phép biến trường phòng bầu phính phân » nghĩa là: biến phép trường phòng đã là tài nhưng chưa ăn thua gì so với máy bay.

NÔNG QUỐC CHẤN

Người dân tộc Tày, sinh năm 1923 ở xóm Bó-xlăng, xã Lê-lợi, huyện Ngân-sơn, tỉnh Bắc-cạn (Khu tự trị Việt Bắc).

Tham gia cách mạng từ năm 1940, làm các công tác: vận động thanh niên, tuyên truyền, tham gia du kích và đội Việt-nam tuyên truyền giải phóng quân. Sau Cách mạng tháng Tám lời nay, một mặt tham gia công tác đảng và chính quyền Khu tự trị Việt Bắc, một mặt hoạt động văn nghệ.

Nông quốc Chấn làm thơ từ trước Cách mạng tháng Tám.

Từ 1945 về đây, vẫn tiếp tục sáng tác và nghiên cứu thơ ca cổ. Năm 1948, xuất bản tập thơ Việt Bắc tức sắc (Việt Bắc đánh giặc). Năm 1960, xuất bản tập thơ Tiếng ca người Việt Bắc. Năm 1951, bài thơ Dọn về làng được giải nhì trong cuộc thi thơ tại Đại hội liên hoan Thanh niên và Sinh viên thế giới ở Bà-ling. Một số bài thơ của Nông quốc Chấn đã được dịch ra tiếng Trung-quốc, Triều-tiên, Hung, Pháp...

BỘ ĐỘI ÔNG CỤ

Đồ ăn đã sẵn đủ rồi
Măng vầu, phjéc pàn (1), nồn chuối,
Lợn, bò, gạo nếp, gạo nương...
Các bản người người đưa tới.
Làng như sắp đám cưới,
Lần này nhộn nhịp hơn mọi khi.
Tại sao? Ta sẽ đón người gì?
Ai cũng mong để được xem bộ đội.

Cơm trưa xong, nắng lui về ngọn núi,
Anh giao thông đến đưa gói thư.
Tin bay đi bản trên xóm dưới,
Già già trẻ trẻ đợi hoan hò.
Lớp học tan, tiếng riu rít của học trò,
Tiếng của đồng bào gọi nhau tập hợp.

1 — Phjéc pàn: một loại rau rừng, thường ăn độn với nồn chuối.

Bộ đội đã đến kia!
 A *lúi* (1)! Những người là người!
 Đeo súng ngắn, súng dài, súng dóp...
 Hoan hô! Hoan hô!
 Nhìn không chớp mắt.
 Có cả người mũi lõ tóc quăn
 Hai con mắt màu gio như lính Pháp (2);
 Lại có cụ già chân đi đất
 Mặc bộ quần áo Nùng
 Tay cầm cái gậy mây rìng
 Miệng ngâm một điệu can không khói
 Bộ râu dài vừa trắng vừa đen
 Chân tay nhanh nhẹn như thanh niên...
 Cụ già cười, vẫy chào người đứng đón.
 Dân chúng rí tai nhau:
 « Bộ đội gì toàn những người lạ lạ?
 Có lẽ đây là người *gốc trở* (3). »

Khi ăn cơm chiều
 Bộ đội đếm: « một, hai »... ngồi trật tự.
 Cụ đi từng bàn xem bát đĩa,
 Cho thối còi rồi Cụ ăn sau.

Mọi người rủ nhau
 Đốt đuốc đến xem quân ông Cụ.
 Người già đến, Cụ mời ngồi niêm nở,
 Trẻ con lại, Cụ bế, xoa đầu.
 Cụ nói, dân nghe rõ từng câu:
 — « Muốn cách mệnh thành công mau
 Ta phải kết đoàn như bó đuốc...! »

1 — A *lúi*: một tiếng trầm trở khi ngạc nhiên.

2 — Mấy người Mỹ (danh nghĩa đồng minh) cùng ở trong Giải phóng quân đánh Nhật.

3 — *Gốc trở*: ông tổ.

Gà đã gáy lượt đầu
Nhưng tiếng vỗ tay còn như nửa nỗ
Còn vang vang tiếng hát của thiếu nhi.

Hôm sau, Cụ rời *bản* lên đường,
Cho bộ đội xếp hàng
Đứng trước sân hát chào dân chúng.
Cụ cảm ơn, Cụ trả tiền — dù chủ nhà không nhận,
Cụ bắt tay từng người.
Cụ đi khỏi rồi
Ai cũng thương cũng nhớ.
Người hỏi người không ai biết rõ
Tên cụ già là chi
Tóc bạc vẫn còn đi.
Nhất định đây là người *pổ cốc* (1),
Dàn ta sắp tới ngày độc lập.

Bước sang rằm tháng Bảy
Nhận được một tin mừng:
« Giải phóng quân đã vào Hà-nội
Khắp nơi mở hội tung bừng...! »
Có nhiều ảnh Chủ tịch HỒ CHÍ MINH,
Nhìn đôi mắt, bộ râu ta nhớ nhớ
Giống cụ già trước đến *bản* ta.
Đúng! đích đúng!
Đấy là Ông Cụ!
Sung sướng thay! *Bản* ta toàn nam nữ
Lần đầu tiên đã được đón Cụ Hồ.
Chúng ta xin gửi một bức thư
Rằng: « Cả *bản* mừng vẫn nhớ lời Người nói. »

7-1948

tác giả tự dịch

TIẾNG CA NGƯỜI VIỆT BẮC
Nhà xuất bản Văn học — 1960

1 — *Pổ cốc* : người đứng đầu, người gốc.

THƠ GỬI BA BÈ

Tặng đồng bào Bắc-cạn.

Ta chia tay từ mùa xuân năm đó,
Qua những Quảng-khê, Nhu-viên, Sáu-hai,
Đến Thành-công... rồi trở về thị xã...
Xuân hồi Xuân! Sao Xuân đi nhanh quá!
Thấm thoát đã đến mười năm rồi.
Dấu chân ta in hết mọi rừng đồi,
Leo mọi núi cao có dáng mây phơi phới,
Ta lội bao nhiêu khúc sông và khe suối...
Đến ngày nay, ngồi xe lửa, ô-tô,
Ở nhà trắng mấy tầng cao mái đỏ màu cờ,
Điện sáng choang như sao rằm tháng Tám.
Tiếng hát vang buổi chiều buổi sáng...

Nhưng hôm nay khi đón tiếp mùa xuân,
Tai nghe pháo nổ, trống, chiêng,
Mắt nhìn hoa trong vườn đỏ thắm,
Sao lòng ta lại rộn ràng, lạ lắm!
Ngủ không được, ta ra ngắm ánh trăng.
Trăng ơi Trăng! ở trên trời Trăng chiếu
Có thấu lòng người hạ giới không nào?
Người, ta xa cách hồ Ba Bể
Lòng ta vẫn bay bổng khắp hồ rộng núi cao.

Một buổi sáng gió lùa nước lăn tăn gợn sóng,
Từng đoàn thuyền, mái chèo gặt thuyền đi;
Nắng sớm lên, nắng trôi theo dòng nước,
Trên cảnh hoa xuân, ong kêu chim hót,
Hòa một nhịp với tiếng *lượn* của người.

Ta đi theo những trai gái vui cười,
Mặc áo chàm, áo hoa, áo trắng
Ra bến đợi chị đỏ đến đón,

Lên gò An-mã hội *lồng tổng* (1),
Múa kỳ lân, đánh trống, tung *coon*...

Ta đi thăm những nhà mới của bà con,
Cây nêu ở dưới thềm xanh lá,
Trước bàn thờ dán lên toàn giấy đỏ,
Khói hương bay thơm phức một mùa xuân.

Trẻ đánh quay, đòi xe dây riu rít,
Chàng rẽ mới về lễ bái tổ tiên,
Tiếng *tàu linh* (2) réo rắt của nàng *then*
Chúc mọi người hưởng ngày xuân tươi đẹp.

Ta gặp bạn xưa—Người chỉ thiết,
Đưa ta thăm *bản* dưới, *bản* trên,
Thăm Lũng-chuông, Bó-lù, Cốc-tộc... (3)
Đường vào lán thành ổ gấu, beo... cỏ mọc
Mà lòng người bao ngày tháng vẫn không quên.

Ta men ngược sông Năng
Thăm hang Puông, hoa mím cười trên núi đá,
Thăm bãi soi có người dọn người cày,
Thăm Đèo Đẳng (4), thác nước trời cuồn cuộn ;
Ngày nay sức nước còn uy hiếp sức người,
Nhưng đến ngày mai
Sức người sẽ chỉ huy sức nước,
Cỏ đèn điện đêm ngày,
Thay đèn dầu thấp bắc...

Lòng ta nhớ mong không ngớt,
Viết bài thơ ta biết tặng một người nào ?
Vì quả tim ta máu chảy mạnh làm sao !
Người người, ta cũng đều nhớ cả.

1 — *Lồng tổng* : một hội đầu xuân của đồng bào Tây.

2 — *Đàn linh*.

3 — Tên mấy nơi ở bờ hồ Ba Bể.

4 — Thác Đèo Đẳng ở cuối hồ Ba Bể.

Trên rừng, dưới ruộng, người già, người trẻ,
 Người Chợ Đồn, Bạch-thông, Chợ Rã
 Người Na-trì, người ở Ngân-sơn...
 Ta xin chúc lời tươi thắm của ngày xuân!
 Ta xin chúc lời thương yêu quý!
 Yêu *bản mường* — Tổ quốc ta đẹp đẽ!

Người chúng ta cách núi cách sông
 Nhưng lòng ta nghìn năm vẫn nhớ;
 Nhớ những ngày qua đánh Tây đánh phi,
 Sương muối rơi, ta đốt củi sưởi nồng,
 Không còn gạo, ta nuốt tạm ngô bung,
 Lán, ta chia đôi, kê giường, bàn giấy,
 Thuyền, ta mỗi người một cái đi về,
 Tháng Giêng, tháng Bảy cùng vui cười ăn Tết.

Nước bề mênh mông
 Cũng còn lúc cạn đi, bỏ riêng mình cát.
 Hoa mùa xuân biết bao màu sắc
 Cũng có mùa rơi rụng rời cành;
 Nhưng chúng ta có lời nói mỗi tình
 Nghìn xuân không bao giờ phai nhạt.

Hà-nội, 5-7-1957

tác giả tự dịch

TIẾNG CA NGƯỜI VIỆT BẮC
Nhà xuất bản Văn học — 1960

KHÂU ÁO

Khi nghe gió thổi qua Phja Bjoóc (1)
 Em biết mùa thu đã hết rồi.
 Sáng dậy mái nhà sương muối buốt,
 Thương anh bộ đội vượt rừng đồi.

1 — Tên một quả núi cao ở tỉnh Bắc-cạn. *Phja bjóoc* nghĩa là núi Hoa. Trước Tổng khởi nghĩa ít lâu, được đặt tên mới: *Núi Cừ Quốc*. Đây là một trong những căn cứ địa của Cách mạng và Kháng chiến ở Việt Bắc.

Muốn lên khung cửi suốt ngày đêm
 Không để con thoi đứng lại xem,
 Dệt chóng kịp khâu quần áo ấm
 Gửi ra mặt trận cả lòng em!

Bom giặc ném tan những rẫy chàm,
 Chỉ còn đủ nhuộm một màu lam;
 Tim nâu hòa lẫn cho thêm thắm,
 Thương nhớ thì nâu cũng hóa chàm.

Kháng chiến còn chưa có chỉ màu,
 Tam dùng chỉ trắng để em khâu,
 Mỗi đường kim chỉ bao lần nghĩ:
 « Cá nước tình ta mãi khắc sâu ».

Các anh chiến sĩ của nhân dân!
 Hãy nhận với em áo ấm thân,
 Đánh giặc có sòn, em vá lại,
 Hết mùa đông lạnh sẽ sang xuân.

Bản Hậu, 10-1958

tác giả tự dịch

TIẾNG CA NGƯỜI VIỆT BẮC
Nhà xuất bản Văn học — 1960

VIỆT BẮC — TÂY NGUYÊN

Mười bốn lần ăn rằm tháng Bảy
 Nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.
 Từ Cụ Hồ về, ta đứng đây,
 Ta mời hay: có anh em ta!

Tôi biết *buôn* anh cũng có rừng,
 Có nương màu mỡ... có đàn *lơ-rung*,
 Có voi chở lúa đi ngang núi,
 Có những người con thật anh hùng...

Nhưng anh như lúa ở bên khe
Mới thấy mặt trời mây đã che,
Hết gió lại mưa, tám tối mãi,
Anh mong ánh sáng Bắc phương về.

*
* *

Anh bạn Tây Nguyên nghĩ đúng rồi!
Thái Mèo, Việt Bắc... của chúng tôi
Bao nhiêu tiếng nói, bao màu áo,
Tay nắm tay đi bước tuyệt vời.

Anh đã nghe « Tiếng nói Việt-nam » :
Vùng cao vùng thấp tới đồng bằng,
Người nương, người ruộng đang ca hát
Hợp tác cùng nhau dựng xóm làng.

Nhiều suối dừng chân, núi cúi đầu,
Đất không được nghỉ, lúa thay nhau,
Đến đây nhìn lúa như rừng sậy,
Người lạc vào trong chẳng thấy đâu.

Anh biết Thái-nguyên cạnh sông Cầu,
Núi ngồi núi đứng xếp hàng nhau;
Ngày nay lại mọc thêm nhiều núi:
Mái ngói đỏ tươi nhuộm một màu.

Anh nghe Tinh-túc với Tà-sa,
Tiếng máy, tiếng còi lẫn tiếng ca,
Cô thợ người Nùng ngồi vặn máy,
Nhìn cô và máy, ngỡ nhìn hoa.

Những bản nhà sàn ở núi cao,
Tiếng chim thánh thót trên hàng rào,
Từng đoàn con trẻ ra trường mới,
Chim với người thi cất tiếng ca...

*
* *

Anh bạn Tây Nguyên, anh bạn ơi,
 Làm sao kể hết chuyện quê tôi!
 Hơn mười năm ấy thay nhiều lắm,
 Cách mạng ăn sâu đất lẫn người.

Quê tôi chưa phải chỗ thiên đường,
 Còn áo vá vai, ăn bắp nương,
 Lối bước còn gai, còn khúc khuỷu
 Nhưng theo Đảng vạch sẽ quang đường.

Ngày nay của tôi, mai của anh,
 Lòng sắt dạ gang, ta đấu tranh,
 Phải lật đổ nhào quân Mỹ — Diêm,
 Mây tan mưa tạnh, trời trong xanh...

8-1959

tác giả tự dịch

TIẾNG CA NGƯỜI VIỆT BẮC
Nhà xuất bản Văn học—1960

TÌM TRÂU

Đám ruộng bờ mương,
 Đã sáu mươi năm hơn cày cấy.
 Ngắn, dài, thẳng, cong... Chỉ tôi ghi từng sải;
 Bao nhiêu thứ đá xếp bờ dọc bờ ngang,
 Bao nhiêu loại cỏ *văng* (1)
 Tôi đều phân biệt.
 Nhưng đêm qua tìm đàn trâu bị tuột
 Dưới ánh trăng rằm,
 Bốn bề sóng lúa mênh mông,
 Hai vợ chồng như bơi ngoài biển...
 Gọi nhau nghe rõ tiếng

1 — *Văng*: một loại cỏ hay mọc ở ruộng mạ và ruộng lúa, là gần giống lá lúa.

Muốn nhìn nhau mà chẳng thấy bóng người.
 — « Bố thẳng cu ơi!
 Đây một con rồi! ». Cây lúa rung rung động,
 Góc bên này cũng nấp con trâu mộng,
 Tôi chịu không thấy đường đi.
 Nhiều bông lúa xum xuê
 Gió quạt làm diếc tai tối mắt.
 Đợi bà con chằm cho bó đuốc
 Soi mãi mới thấy bờ...
 Dắt trâu về nhà,
 Vợ bảo: « Từ nay, con buộc chặt!
 Chớ để lọt vào rừng — lúa thôn hợp tác! »

29-12-59

tác giả tự dịch

TIẾNG CA NGƯỜI VIỆT BẮC
Nhà xuất bản Văn học — 1960

BÀI THƠ DÂNG ĐĂNG

Trên trời có nghìn vạn ngôi sao
 Nở như hoa khi về chiều tắt nắng,
 Ánh sao rơi cả đồng bằng, thung lũng.
 Nhưng sao trên trời chỉ sáng ban đêm
 Không bằng những ngôi sao trên mặt đất.
 Một ngôi sao mà ngày đêm sáng rực
 Đã ba mươi năm không tắt bao giờ,
 Cả Việt-nam nhìn ánh sáng bước đi.

Trong rừng sâu biết bao nhiêu cỏ thụ,
 Bao cánh tay ôm không khắp gốc to,
 Bao núi đồi đều bị rễ chui qua,
 Lá xum xuê, cành bắc ngang khe suối.
 Nhưng cây to lâu năm cây già cỗi,
 Đứng lâu năm càng thêm lộc thêm chồi,
 Rễ đi sâu từ mọi chốn mọi người,
 Cả xứ sở, nhân dân nhờ bóng mát...

Dòng suối trôi qua muôn nghìn dặm đất,
 Không chớp mắt nào nước đợi nhau đi
 Ra sông biển lại bốc tỏa, rơi về,
 Nước nhiều lắm, nuôi người trong cuộc sống.
 Nhưng có khi nước bỏ rơi cát trắng
 Nếu lâu ngày lửa cháy trên mặt trời,
 Còn Đảng thì, dù chết cũng không rời
 Đường mình đi có chông gai... thẳng tắp,
 Dân mình dựa, khó đến đâu cũng dắt.

Núi đá cao, mây vờ vẩn dưới chân,
 Núi chọc trời giữ đất, vững vò ngàn,
 Nhưng người còn chấp cánh bay trên núi,
 Người đứng lên thì Thái-sơn cũng cúi.
 Còn Đảng ta? Quay về địch, ngằng đầu,
 Súng, bom... Mặc! Đảng có sợ chi đâu!

Ba mươi năm làm long trời lở đất,
 Cảm ơn Đảng đã đổi đời dân, nước.
 Bà con ơi! Từ trên núi dưới đồng..
 Thóc đầy cót, nhìn sung sướng tràn lòng;
 Sớm hôm vui nghe mõ kêu hợp tác;
 Áo trắng, áo hoa, con ta cặp sách
 Dắt tay nhau reo hát đến nhà trường;
 Khi ra chợ, ta bước trên cầu đường
 Không còn lính « nha » « đồn » ngăn tra thẻ;
 Lên ngọn đồi, ta ngắm xem tứ phía:
 Trên dòng sông, những bè mảng ngược xuôi;
 Thênh thang đường cái, vun vút xe hơi;
 Trời trong xanh, máy bay ta vùng vẫy;
 Tiếng nói, tiếng ca vang vang từ loa máy;
 Nhà mới mọc lên như măng nửa tháng Ba..
 Tươi đẹp thay! miền Bắc Việt-nam ta!

Đảng vẻ vang! Người đào mương khơi giếng!
 Đảng vẻ vang! Người vun cây ươm giống!
 Đảng vẻ vang! Người nhóm lửa bờ sông!
 Muôn muôn năm, Đảng của ta anh hùng!

Ta qua cầu, nhớ ơn người đã bắc,
Ăn quả ngon, nhớ người giồng, chăm sóc,
Đời chúng ta không rời Đảng thân yêu.
Đảng chỉ là đi, không lưỡng lự ít nhiều,
Dựng vườn hoa khắp quê hương miền Bắc.
Ta nhắn lời với đồng bào nửa nước:
Nhớ ngày xưa chìm nổi biết bao nhiêu,
Thuyền cách mệnh, Đảng lái về cập bến.
Thì ngày nay, Đảng ta thêm mạnh lớn,
Vượt phong ba, thuyền cách mệnh cứ đi!

Lạng-sơn, 15-12-1959

tác giả tự dịch .

TIẾNG CA NGƯỜI VIỆT BẮC
Nhà xuất bản Văn học — 1960

*Dân tộc NÙNG**

OÁN ÔNG THẦY SO BÁT TỰ

Há còn giấu giếm làm chi nhỉ!
 Xin tỏ cùng anh hết nỗi niềm:
 Yêu anh tình nặng như non ấy,
 Chữ sách chi mà lại cấm duyên?
 So không đúng sách, lấy không được,
 Sợ gánh tình chung gầy giữa đường;
 Biết thế đừng tin so *bát tự*,
 Lấy được ba ngày, lòng cũng cam.
 Tai ác ông thầy so tuổi họ
 Làm cho duyên phận luống cô đơn.
 Đời này truyền lại cho đời khác
 Nhớ cuộc tình duyên đã lỡ làng;
 Chờ mượn ông thầy so *bát tự*,
 Chữ sách chuyên nghề bịp thế gian.

* Một dân tộc sống xen kẽ với dân tộc Tày, tập trung đông nhất ở các tỉnh biên giới Việt—Trung như Lạng-sơn, Cao-bắc, Hà-giang, Bắc-giang v...v... Dân tộc Nùng có nhiều ngành: Nùng Phàn-sinh, Nùng Cháo, Nùng An, Nùng Tùg-xin, Nùng Inh, Nùng Lôi, Nùng Quý-rin v...v.. Dân số đông 246.183 người.

LẤY CHỒNG BÉ

Mẹ cha dở dại, dở khôn,
 Nuôi con lớn chẳng biết đường gả con.
 Nhiều nơi đến cầu hôn không gả,
 Cứ tham nơi ruộng cả ao liền,
 Người thì duyên được xứng duyên
 Như là Sơn Bá đứng bên Anh Đài (1).
 Lấy phải chồng bé ai không chán,
 Khác chi sao làm bạn với trăng;
 Mẹ cha ép uổng khăng khăng,
 Sự đời nghĩ thật khó khăn, tủi hờn.
 Đêm nằm có lúc còn làm nũng,
 Có thuyền nhưng chèo chống biết chi;
 Người ăn thịt đến ngấy đi,
 Hầm hiu duyên phận ta thì cơm chay.
 Nửa đêm ngủ không say, ngán nôi,
 Nôi đoạn trường trăm mối vò tơ,
 Thường tình, trông thấy cửa chùa
 Không nuốt nước miếng dễ hồ có ai?

Ty Văn hóa Lạng-sơn sưu tầm
LẠC DƯƠNG dịch

LÒNG MẸ NƠI ĐỊCH HẬU

LẠC DƯƠNG

Buổi sáng sớm, bất thình lình Tây đến,
 Chiếc hầm con chỉ chứa đủ một người.
 — « Con chạy đi! quen đường còn thoát được.
 Và anh hãy mau ăn xuống hầm thôi! »

1—Dân tộc Nùng đã dựa vào truyện Lương sơn Bá — Chúc anh Đài của Trung-quốc để phóng tác thành một truyện thơ dài và truyện này rất được phổ biến.

Hai bài *Oán ông thầy so bát tự* và *Lấy chồng bé* trên đây là hai bài *si*, một loại dân ca của dân tộc Nùng.

Anh cán bộ dùng dằng chưa nhất quyết,
Bà cụ đã đẩy vội xuống hầm ngòi.

Đoạn cụ mới lên cửa sau sơ tán
Mãi đến chiều, Tây rút, lại quay về.
Trên đường về, bước chân già gấp gấp
Qua cánh đồng... bỗng sững sốt!... Ô kìa!
Con trai đã sóng soài trên vũng máu.
Ôm con khóc... qua giây phút nặng nề
Vội đứng dậy bước nhanh về thôn xóm.
Mở nắp hầm, mới hết cơn lo lắng:
Mừng thấy anh cán bộ vẫn an toàn.

Rồi từ đó trái tim già sắt lại,
Trên mũi súng, thề trút nỗi căm hờn;
Vào du kích, quyết xung phong giết giặc.
Suốt trong hai mươi bảy trận chống càn
Dân trong xóm không ai việc gì hết
Mà quân giặc thì nằm chết ngồn ngang.

Giết cho sạch giống tham tàn
Súng kia là bạn, trai làng là con.

5-1954

tác giả tự dịch

BẮC CẦU SANG LÀNG CAO

NÔNG VĂN BÚT

Tôi thấy thương ông giáo Tiếp
Tối tối phải mò đi làng Cao,
Sớm sớm lại trở về làng Phật,
Vì muốn hai làng biết chữ như nhau.

Nước suối có lúc cạn lúc lũ,
 Nước trên rừng có lúc hiền lúc dữ.
 Mùa mưa, thương ông, mùa mưa tới rồi;
 Người làng Cao mỗi người một ý
 Đóng góp nhau mua một khóm mai
 Bắc nhịp cầu giữa làng Cao làng Phặt.
 Cầu chúng ta vừa cao vừa chắc,
 Chẳng còn lo nước lũ suối sâu,
 Cùng đón ông giáo Tiếp sang cầu
 Để người già mừng khỏi khi mình chết
 Không biết chữ nào, bụng người còn tiếc.

Chúng tôi cùng thương ông giáo Tiếp,
 Bảo nhau bắc cầu qua làng Cao.

1-1956

tác giả tự dịch

THƠ MIỀN NÚI

Nhà xuất bản Văn nghệ — 1957

NHÌN QUA BÀN EM*

TRƯƠNG MAI

Chim *vi chệp* (1) cất tiếng trước nhà,
Nhinh (2) liền nghĩ: « Nhà ta có khách! »
 Miệng nói, nhưng lòng ước khách nhà,
 Liếc trộm ra đầu làng bên giậu,
 Tưởng khách qua trước cửa âm âm,
 Lòng già gạo thình thình náo nức,

* Bài này nguyên văn làm bằng tiếng Ngái (Ngái là một ngành thuộc dân tộc Nùng).

1 — *Vi chệp*: một giống chim kêu vào buổi sáng, người ta thường cho là nó kêu báo tin.

2 — *Nhinh*: chỉ.

Tự nghĩ then cười chuyện ngày xưa.
 Nhớ hôm ấy vợ chồng tạm biệt
 Tiên nhau ra đầu lồi ven rừng
 Còn đưa tay nải chàm vừa giặt,
 Tay ngắt lá, mặt tự đỏ lên,
 Máy lần định đưa tiền :
 Chỉ một đồng—xấu quá—sợ người chê.
 Trộm nhìn qua vành nón theo sau,
 Khuất bóng anh mấy lần miệng hổi,
 Không được nhả hết lời mới biệt...
 Má lúm, môi nở tươi nụ cười :
 Người ngoài biết, ta mong chồng về Tết.



Xuân về ong lượn vòng hoa nở,
 Én nhận khắp chốn cũng vui xuân.
 Vải chàm thấm ánh ngoài sân mới,
Nhinh ngồi thêu hoa xuống váy mới,
 Khúc khích tiếng cười, khâu màn, khâu chăn gối.
 Môi hồng trầu, tay chị chỉ tay em,
Bản làng từ đây có ngày vui mới.
 Thóc nếp vất xà nhà,
 Từng đàn chim sẻ bay vào bay ra,
 Chủ nhà cũng ít đuổi như mọi khi;
Nhinh dệt vải, *sli* vang khung dệt,
 Quyết tâm làm chăn đẹp đợi chồng.
 Tay vất tóc, trộm nở nụ cười
 Ước ngày nào chồng về tới *bản*
 Cũng là lúc em dệt xong chăn.
 Tiếng sáo thổi mọi nơi vui Tết.
 Em đưa em so sánh áo hoa :
 — Năm xưa em áo cũ rách nhàu,
 Năm nay em còn nhiều hơn bạn;
 Nhóm kia thấp giọng nói chuyện gì,
 Nhóm này tranh nhau chạy ra *bản*.

Đầu hôm trong *bản* vang tiếng *lượn*
 Trai gái ngồi cùng nhau « *ừ hời!* » (1)
 — Yêu nhau dù sông núi cũng đi,
 Yêu nhau dù muện xa cũng tới,
 Đề yêu nhau thành đôi,
 Đề *bản* làng giữ mãi tuổi xuân vui.

1-1957

NÔNG MINH CHÂU dịch

HIẾN PHÁP BAN HÀNH NHƯ MÙA XUÂN

MÃ THẾ VINH

Cầm bảo giờ xem dòng tiếp dòng
 Lời Bác rõ ràng như hoa nở:
 « Năm mới vừa đến, hiến pháp mới
 Hiến pháp thứ hai nước Việt-nam ».
 Hiến pháp ra đời như mưa sớm
 Mưa sớm vườn hoa lá lá tươi
 Hoa đỏ, hoa đào đua khoe sắc
 Như lòng người dân tộc Việt-nam.

Giờ đây hòa bình vui ngắm cảnh
 Chúng ta nhớ ơn người dẫn đường,
 Nhớ mãi công ơn người đại biểu
 Quốc hội nhân dân ta vẻ vang.

Hồi nghĩ hiểm nghèo năm bốn năm
 Việt-nam như trẻ mới lọt lòng
 Được nước về, rửa không có chậu
 Tà áo bọc mình hờ dăng chân.
 Công lao mẹ cha nuôi dưỡng lớn

1 — Tiếng *đưa hời* trong khi hát *sli*, *lượn* của đồng bào Tây, Nùng.

Mười lăm tuổi, hiểm nghèo gian nan,
 Tám, chín năm trời qua bom lửa,
 Ngày nay lớn như núi Phia-giang (1).
 Thế giới, người người lòng khâm mến,
 Lớn mãi sáng chói như hào quang;
 Để quốc thực dân hoa mắt chói
 Nhìn không thấy được, đậm xiên quàng.
 Người ta mài dao về dẫn gồ,
 Mỹ—Diệm mài răng cắn Việt-nam!
 Cắn chuối, cắn bánh thì mới dễ
 Kẻ nào cắn đứt được Việt-nam!
 Việt-nam lớn theo sông Hồng chảy
 Gặp Cửu-long giữa Thái-bình-dương.

Hiến pháp ban hành mùa xuân mới
 Việt-nam lớn tựa núi Phia-giang
 Trường-sơn gắn chắc Trung Nam Bắc
 Cản tay bao kẻ hay làm quàng,
 Không cho bản đồ Việt-nam mất
 Như thời Nhật - Pháp, sống lầm than.

Lời *slì* nói thay sao được hết:
 Năm 60 này năm vẻ vang.
 Hiến pháp mở đường xây xã hội,
 Nhà máy trường học với nông trang.
 Khói tỏa bầu trời như mây trắng,
 Người đi mặt đất như hoa ban,
 Tím, hồng, đỏ, trắng... muôn vản sắc
 Quây quần lấy Bắc, lấy Trung ương.

1 — Còn gọi là núi Mẫu (Mẫu-sơn) ở Lục-bình (Lạng-sơn).

Đảng ta ba mươi, vừa trai tráng,
Thằng Diệm như chó nấp găm giường;
Mặt trời chói lâu, nước sẽ nóng
Ngập hết chó trắng ở miền Nam;
Rửa sạch nhà pha làm bệnh viện,
Nam Bắc xiết tay miệng ca vang:
« Việt-nam đời đời chung một dải,
Sáu mươi dân tộc tiến một hàng ».

1-1-1960

tác giả tự dịch

TUYÊN TẬP THƠ

Nhà xuất bản Văn học — 1960

Dân tộc NHẮNG*

CHỒNG ÉP DUYÊN

Rau cải còn non mẹ vội nhỏ
 Vì nổi khổ : mẹ hám canh ngon.
 Tay còn mẫn chưa biết cầm đũa,
 Mẹ tham tiền đã hứa trước sau ;
 Chân còn non chưa biết tựa vách,
 Mẹ hám hừ đã thách bánh xôi ;
 Mẹ tham mâm đầy thịt lợn béo,
 Mẹ tham cỗ đầy bánh dày to (1);
 Chia hai tay mẹ hừng xôi thịt,
 Con không ăn. Quyền cha mẹ ép,
 Cỏ gà thấp không lẩn được cỏ môi (2).
 Không đi thì không ai thay thế
 Đi thì như ai gánh đòn gánh,
 Như ai phải vịn chiếc váy cộc,
 Như ai phải ngồi ngay giữa dốc,
 Không bằng phẳng, ngựa nghiêng lông lốc...

* Một dân tộc tập trung đông nhất ở các vùng Bát-xát, Mường-khương, Bảo-thắng (Lao-cai), Đồng-văn (Hà-giang), Phong-thồ (Khu tự trị Thái Mèo). Dân tộc Nhắng còn có tên nữa gọi là Giầy. Dân số đông 14.387 người.

1 — Theo tục lệ của đồng bào Nhắng, đám cưới nào cũng phải có bánh dày.

2— Ý nói: phận làm con không thể lẩn được quyền cha mẹ.

Thân em nằm, giấc tỉnh giấc say,
 Giấc say mong được chồng ân ái,
 Chồng chề dại, chẳng đoái hoài nhau.
 Đi về rình trước sau mà rửa,
 Miệng chưa hé, tay dùng roi gậy,
 Em trông cây tựa buồng nấu thân
 Mẹ cha đâu? Cũng chẳng ai gần!
 Nhát dao này gấp trăm lần nhát búa (1).
 Búa thép kia cũng khi long gậy,
 Vợt tốt dây còn đứt huống chi!...
 Bên chồng thời hết bề cay ác,
 Thân em nào khác hoa không nở,
 Như đầu bèo đã rơi xuống thác,
 Như thân bèo tan tác trên sông!
 Bạn hữu thương, dốc lòng không kịp,
 Đường đi vắng, lạc còn có bạn,
 Tình gia đình lạc vạ khổ đau!

NÔNG TRUNG
 sưu tầm và dịch

TÌNH YÊU HAI TA

Không sợ! Hỡi em yêu đừng sợ
 Nước có chảy, không sợ trôi rêu,
 Tuổi có lữ, không lo mất bèo,
 Quan bắt tội, bắt treo, cứ mặc!
 Dầu việc nặng ngàn cân ngàn yến
 Anh không để em phiền;
 Dầu việc mất trăm tiền nghìn bạc
 Anh không để em lo.

1 — Ý nói : lời day nghiêng nhẹ nhưng đau đớn vô cùng.

Giữ mỗi tình như lò rực sáng,
 Đòi tim lồng tựa thánng với năm ;
 Việc ấy dù lệnh quan đòi bắt
 Đòi ta cùng dắt diu nhau đi.
 Tiền vào cổng lo gì? Anh có,
 Tiền vào cửa khó gì? Anh cho.
 Việc ta đâu phải trò trộm ngựa?
 Việc ta đâu tựa kẻ giết người?
 Vì một nỗi : tình thương đắm thắm
 Gửi đời trong say đắm yêu đương.
 Mong duyên số hơn đoạn đường trường,
 Mỗi bước đi, tình thương càng đậm ;
 Ba mươi cân sắt nặng xích chân (1)
 Tựa dây bạc tay cầm quẩn cổ ;
 Bắt cùm kẹp, nỗi khổ như bông,
 Bắt đeo gông, được thời sung sức.
 Hỡi quan ! Ới hỡi vua !
 Bắt hành tội, thân này đâu sợ !
 Bắt tội ta nhẩy xuống ao sâu
 Vui cùng cá đánh bầu đánh bạn ;
 Bắt tội ta nhốt trong ngục tối
 Vui thánng Ba tránh gió giá chân ;
 Bắt nhốt ta trong hầm dơ bẩn
 Vui thánng Tư trú ẩn gió mưa (2).
 Núi có lở, tim tro như đá,
 Chết ! em ơi ! Anh có há chi.
 Vịt non đầu đã rơi vì quạ (3)
 Nhưng vịt đâu sợ quạ !

1 và 2 — Các câu thơ từ số 1 đến số 2, ý nói : những hình phạt của vua quan cũng không ngăn cấm nỗi tình yêu ; tác giả ví những hình phạt đó như những trò chơi.

3 — Ý những câu tiếp sau là : tình yêu sẽ thắng.

Cả kia đã rơi đầu vì đom,
 Cả vẫn lao vào đom.
 Đầu anh, đầu vì em mà rụng,
 Yên giấc vàng vẫn tròn lòng chung.

NÔNG TRUNG

sưu tầm và dịch

BÀI CA CÁCH MẠNG *

Lại đây nhắc chuyện xưa,
 Cùng nhau ôn chuyện cũ.
 Xưa kia ta kém cỏi,
 Giặc Tây tới cai trị
 Áp bức mấy mươi mùa;
 Nhà cửa ta tan nát,
 Đời ta khổ như bò,
 Thân ta khổ như trâu,
 Không được mở mắt và mở miệng.
 Có miệng không được nói,
 Đứng giữa làng như thừa,
 Đứng giữa nước thì khổ (1).
 Giặc chia Nhặng, chia Kinh,
 Lại chia Mèo, chia Mán;
 Giặc gây thù, gây oán
 Để dân ta giết nhau.
 Giặc Tây buộc đuôi ngựa chung tàu
 Cho bao ngựa đá nhau toí tả (2),
 Cai trị mấy mươi thu.

* Đây là bài ca cách mạng đầu tiên, rất được phổ biến trong dân tộc Nhặng.

1— Ý nói: trở thành vô dụng, không có quyền của một người dân.

2— Ý nói: giặc chia rẽ, làm các dân tộc thù ghét, chém giết lẫn nhau.

Điều hay đẹp không biết,
 Nồi khô cực thì nhiều,
 Không một điều lợi ích,
 Năm tiếp năm, lấy thê,
 Thông lọng thắt cổ ta,
 Gạo rau luôn thu nạp,
 Bắt ta kẻ tội đòi.

Bổng mùa thu Ất Dậu,
 Ngày Mười chín tháng Tám,
 Cách mạng đã thành công
 Dân ta theo Cụ Hồ.
 Cụ Hồ dạy dân ta :
 « Toàn dân hãy đứng chắc (1)
 Mau mau làm cách mạng
 Rửa thù nhục năm xưa ! »
 Nay sông đã đổi dòng,
 Giữa núi, rừng vươn vai,
 Nay thác biến thành vũng,
 Cây trong rừng lại xanh.
 Tất cả, hỡi chúng ta !
 Không kẻ trẻ già, trai gái...
 Vùng lên đánh giặc Tây,
 Đuổi chúng ra bờ cõi
 Ta hiệp lực đồng tâm.
 Bốn phương rực cờ đỏ
 Chói lợi ánh sao vàng
 Phấp phới trên cột cao
 Ca khúc chào thắng lợi.

NÔNG TRUNG
 sưu tầm và dịch

1 - Ý nói: đứng cảm.

MẶT TRỜI MỚI

NÔNG TRUNG

Mặt trời xưa chiếu, đâu thấy tỏ,
 Mây mù u đậm thở nhói tim,
 Chân đi khối óc đặc im lìm,
 Đời kể đời quen chim và núi.
 Dòng suối trong uất tủi đục ngầu
 Lặng lẽ trôi buồn rầu quanh *bản*.
 Sợ quan Tây, sợ cả chúa làng
 Chầy nin thở, thầm vang bên suối
 Lặng theo người chim dưới bùn đen.
 Mùa cốm thơm, trắng lên ngắc ngoải,
 Im chày, lặng *loông* (1) rãi qua canh.
 Núi rừng tuôn lệ rơi thành suối,
 Tiếng oán kêu than vọng gió ngàn.
 Dân Nhặng ta lắm than cực khổ
 Sầu tủi nhiều chất đổ thành non.
 Tim ấm no đôi mắt mỗi mòn,
 Một năm bốn mùa con ăn cháo,
 Quanh năm đông, hạ mảnh áo xô;
 Việc làng, việc nước dựng cơ đồ,
 Chẳng chút quyền bằng tơ, bằng tóc.
 Sống thực vất vưởng, đâu dám mơ:
 Những ngày no ấm lũ trẻ thơ,
 Ruộng xanh cây lúa chẳng cấm cò (2),
 Vui tràn lòng dạ mãi tuổi thơ.
 Bỗng một ngày rông vuron vai mạnh,
 Nước đang trôi vụt bỗng đổi dòng,

1-- *Loông*: máng to dùng để giã cốm.

2— Theo phong tục mê tín xưa, khi ruộng lúa không tốt hoặc có sâu thì đồng bào Nhặng thường cấm cò giầy nhuộm tiết chó để xua đuổi ma quái. Ruộng không phải cấm cò là ruộng tốt.

Mặt trời mới non sông rực sáng,
 Nước mới (1) về lai láng niềm vui.
 Từ khe sâu vượt lên đỉnh núi,
 Từ bùn lầy dậy tấm hương sen.
 Suối nước trong reo lên rộn rã
 Uốn quanh làng vồn vã người thương.
 Hết quan Tây, hết bọn chúa *mường*,
 Mùa cốm thơm, đường đường hương tỏa,
 Chày *loỏng* mừng rộn tiếng ngân nga.
 Núi rừng vang bài ca : Đã sống !
 Sưởi ấm lòng, ấm cả non sông,
 Sầu tủi hết, đời không nô lệ ;
 Rộn *bản* đêm ngày, tiếng a, b ;
 Bước đi, tìm óc nặng lời thề,
 Việc làng, việc nước hã hê thấy
 Đảng giao mình gánh lấy từ đây.
 Dân Nhắng ta, ơn dày nghĩa nặng,
 Núi Mường-hum đề khắc tên Cha (2).
 Cơm mới thơm, hương tỏa đầy nhà,
 Già trẻ hòa bài ca : Đã sống !
 Ôn Đảng giấc mơ thành sự thật :
 Muôn đời no ấm lũ con thơ,
 Ruộng xanh nương lúa rợp sao cờ ;
 Ôn dòng nước mới, họa bài thơ.

tác giả tự dịch

1 — Đêm giao thừa, đồng bào Nhắng có tục đi múc nước mới về pha trà và luộc gà vịt để cúng tổ tiên.

2 — Đồng bào Nhắng cũng thường gọi Hồ Chủ tịch là Cha già.

ANH HÃY TRỞ VỀ *

GIANG LÝ

Lúa chín ruộng chín đồng,
Em ngóng chồng thao thức,
Càng cảm tức giặc Tây,
Thù cao đầy hơn núi.
Anh bị lừa theo giặc
Hại bản, hại nước ta.
Đi cướp của, đốt nhà,
Đường thẳng anh không đi,
Đường quang anh không bước,
Bước theo đường đầy cỏ.
Nương anh bỏ um tùm
Ruộng thành rừng muông thú.
Tìm bố, hú (1) đâu ra
Nhận nhầm bác bên nhà
Niu áo òa lên khóc
Lệ rơi khắp xó nhà
Như gà con tìm mẹ.
Ruột em như dao cắt,
Nhớ anh, nước mắt khô,
Vắng anh, bồ thóc cạn,
Cối đau lòng dưới cối,
Chầy nện tiếng xót xa;
Suối quanh nhà than khóc
Róc rách lệ nước rơi;
Rừng kêu trời nức nở
Xào xạc gọi tên anh ;

* Bài này là một bài ca địch vận rất được phổ biến trong đồng bào Nhặng ở vùng Bát-xát (Lào-cai) thời kỳ kháng chiến, do bà Giang Lý truyền lại.

1 — Đồng bào miền núi đi rừng thường tránh không gọi tên mà chỉ hú để gọi nhau.

Con trâu cày chậm bước
 Đôi mắt ngược tìm anh ;
 Chim xanh đậu trên cành
 Buồn rĩ không tung cánh ;
 Trăng rằm gác đầu *bản*
 Đau lòng mờ mờ soi
 Dội sán coi đâu thấy ?

Ơi anh ! Ơi hỡi anh !
 Em hằng mơ có ngày
 Cảnh vui vầy sum họp,
 Con cười vang khắp xóm,
 Lửa tình nhóm lòng em,
 Bồ đầy thêm thóc mới,
 Tiếng chầy cối ngân nga,
 Hòa suối, nhà ca hát,
 Rừng bát ngát mừng reo,
 Tin vượt núi vượt đèo
 Rằng : « Anh theo tiếng gọi
 Trở về với *mường* ta ».

Từ nay bé có cha,
 Sớm chiều nhà tỏa khói,
 Com mới ngào ngạt thơm.

Anh ơi ! Mau trở về !
 Đừng để nước mắt con thành suối,
 Đừng để lòng em trĩu nặng sầu đau !

NÔNG TRUNG
sưu tầm và dịch

*Dân tộc XÁN-DÌU**

LẠI CHUNG CƠM

Trông thấy sai:

Con cò lên rừng ăn rêu đá,
Con chim xuống giếng mò cua,
Con dâu quá lời với cha,
Không thể được!
Mặt trời xuống tây, sớm lại mọc ở đông,
Cùng họ, đồng hiệu, cùng đầu dây,
Chém phải ngón tay bèn chảy máu,
Nước mắt chảy hai hàng đau tim gan.
Cùng đi chuyển đồ, chung tay chở,
Nước sóng vào thuyền, để sao đang!
Ta nhớ câu đoàn kết nhất trí
Người hiền, người khỏe đi chung một đường.
Chuyện xấu trước kia bây giờ bỏ,
Nói lại với nhau cho đẹp lời,
Chém củi về đun, chung nồi nấu
Cơm chín một nồi, chung ăn, không lia nhau.

BẢNG BẮC HẢI
sưu tầm và dịch

* Xem chú thích ở trang 35.

*Dân tộc DAO**

MƯỜI HAI THÁNG HOA

Tháng Giêng năm mới xuân lại về,
 Núi rừng sương tỏa, màu xanh đẹp,
 Gói bánh lá dong chờ bạn về,
 Cảnh đào ra hoa, đợi có quả.

Tháng Hai giữa xuân, mùa *hoa lê*,
 Leo cây định hái mà không hái;
 Hoa đẹp, hoa thường, cây đủ loại,
 Hoa hái chưa xong, gió thổi rồi!

Hoa vông tháng Ba đỏ trên cành,
 Ra thuyền vượt bể tìm mua vải,
 Mua được vải hồng mười hai sắc
 Đem về khâu áo, thêu thắt lưng.

Trong rừng *hoa sỏ* nở tháng Tư,
Hoa sỏ màu hồng, tùm thành bó,
Hoa sỏ còn nở hãy còn xuân,
 Hoa xuân không phải riêng một chỗ.

* Dân tộc Dao (trước kia gọi là Mán) là một dân tộc ở rải rác khắp các tỉnh miền thượng du, trung du Bắc-bộ, thượng du Thanh-hóa, tập trung đông nhất ở các tỉnh Hà-giang, Tuyên-quang, Cao-bằng, Lào-cai, Yên-bái, Sơn-la... Dân tộc Dao chia ra nhiều ngành như: Mán tiền, Mán đỏ, Mán quần chẹt, Mán sơn đầu, Mán đại-bản, Mán làn-tẻn, Mán quần trắng v.v... Dân số đông 168.614 người.

Tháng Năm *hoa nẻng* nở bông tròn,
Đôi gianh xanh biếc, *hoa nẻng* trắng ;
Đâu đâu cũng nở hoa đẹp lắm,
Đóa đẹp khác nào ánh mặt trời.

Bông gạo tháng Sáu ngổ như hoa
Màu trắng trên cành, trên mái nhà,
Tay nhặt đem về lại lo nát,
Để vào mồm ngậm sợ tan ra.

Mặt nước tháng Bảy nở *hoa sen*,
Tháng Bảy *hoa sen* đôi trắng hồng ;
Hoa lá khác màu chen đầy ao,
Mỗi cây đua nở tranh đua sắc.

Tháng Tám mùa thu lúa vườn xanh,
Lá tròn cây đứng để ra bông,
Lúa lúa ra đồng, mong mưa tưới.

Tháng Chín, *thau cát* lan đôi gianh,
Thau cát nở hoa khắp mọi đồi,
Trên núi, trong rừng, đều đi đến,
Đi đường con, gặp hoa sang ngang.

Tháng Mười mùa rét, *hoa mào gà*
Góc vườn dành chỗ màu hồng đẹp,
Có việc, đem về cắm bàn thờ,
Không việc, đem về chỉ cầm tay.

Tháng Mười-một chính giữa mùa đông,
Hoa mơ sữa soạn để tung cành.
Muốn đẹp bàn thờ, cùng ra hái,
Hái bông thứ hai, bạn tay về.

Tháng Chạp rét buốt khắp mọi miền.
Hoa chè vẫn trắng trong rét đông,
Hoa nở, gió lùa cơn lạnh ngắt,
Gió đi đông bắc, hoa vẫn sáng trong.

Mười hai tháng, năm bốn mùa,
 Một năm có hoa tháng tiếp tháng,
 Hoa tốt hoa xấu, vẫn qua mùa,
 Con người thêm hoa là thêm tuổi.

TRIỆU KHÌ CHÂU sưu tầm
 NÔNG MINH CHÂU dịch

ĐỈNH NÚI PHA-LUÔNG*

Tôi đứng trên ngọn Pha-luông
 Sớm chiều đón vạt sương buông,
 Dãy nhà đất mọc trên sườn núi
 Khum khum hình những chiếc nắm đong sương
 Nhả ra từng dải khói lam
 Trong hơi khói có hơi thịt nướng.
 Quay phía hang, tôi nghe tiếng vượn
 Lăn theo tiếng bò tót rống đàn.
 Vai đeo súng kíp, chân bước lên hang:
 Thành trì mọc trên đỉnh núi (1).
 Nghe cha mẹ, ông bà, thường nói:
 — « Cách đây chẳng biết mấy đời người
 Có ông tướng đem quân lên đóng
 Giữ đất đai, yêu người Dao như con.
 Quân nhà vua lên đánh mấy lần
 Lần nào cũng đi nhiều về ít.
 Đến khi ông tướng chết
 Để lại một đàn bò câu;
 Người Dao mến yêu ông tướng
 Không ai nỡ bắt bò câu ».
 Bước đến hang, cánh chim phủ trắng đầu,
 Tôi ngồi rình con gấu thật lâu,

* Bài này do cụ Tin Wong thuộc và đọc lại cho người dịch ghi chép.

1 — Ở núi Pha-luông có một cái thành vuông thiên nhiên bằng đá rất to nằm trên dãy núi đất, tiếng Dao gọi là *Pon-seng* (núi thành). Ở đây hiện nay cũng còn rất nhiều chim bò câu.

Nhìn xuống, *khon* (1) tôi đang lên khói,
 Theo gió vọng, tiếng chày khua cối,
 Dòng suối vắt ngang sườn núi
 Như đàn bà thắt vải trắng ngang lưng.
 Pha-luông ơi! hiền hậu tựa nắm rừng,
 Xinh đẹp như môi người con gái
 Điềm nụ cười theo những bông hoa *ngải* (2),
 Ấm áp làn hơi vợ trẻ nũng chồng,
 Hay ngọt ngào bát nước rượu ủ sâm,
 Thơm mát quả táo Vân, đào Quảng...
 Pha-luông ơi! Đừng bao giờ tắt nắng,
 Không chìm vào đêm sâm tối đen;
 Gió vuốt ve những mái tóc mềm,
 Pha-luông vững vàng, êm trong tiếng vượn,
 Hang núi vẫn cao, bờ câu vẫn lượn,
 Có người trai cầm súng kịp ngồi đây!

CẦM GIANG

sưu tầm và dịch

THÀNH RỒNG THÀNH HỒ

Nhà xuất bản Phổ thông — 1957

CHIẾN THẮNG*

Đêm qua nghe súng nổ nhiều,
 Đứng trên núi lòng lo, tôi đếm
 Súng nào của bộ đội, súng nào của Tây.
 Nghe tiếng nổ to, thấy đồn bốc cháy,
 Bộ đội thắng rồi! Mắt tôi quên nháy,
 Tôi vào đốt lửa nướng xôi.
 Sao hôm nay tôi ghét ông trời
 Gà gáy mà còn lâu sáng thế!
 Chờ lâu, lòng vui tôi lại kể

1 — *Khon*: làng.

2 — Hoa *ngải*: hoa hình cái loa, giữa vàng, ngoài tám cánh đỏ tía, mùi thơm hết mùi lạc rang.

* Bài này do cụ Chi Wong thuộc và đọc lại cho người dịch ghi chép.

Cho bà con trong *bản* cùng nghe :
 — « Ngày xưa có cụ Lùng Chuya
 Họp con trai lại tập võ...
 Dùng đá, dao, bẫy nỏ, gậy tre
 Đánh tan bọn giặc hay về bắt gái.
 Người Dao ta còn nhớ mãi,
 Người Mèo cũng phải khen,
 Cùng tôn cụ làm cha mẹ cả vùng
 Nhưng cụ không nhận, chỉ muốn làm dân.
 Tên Lùng Chuya là ngọn đuốc sáng ngàn
 Soi sáng đầu gái trai người Dao.
 Bây giờ người Dao lại đánh Tây,
 Hơi thở Lùng Chuya làm đỏ thêm dòng máu,
 Muốn như làm sáng cả óc người Kinh,
 Vì Lùng Chuya của cả nước chúng mình... »
 Bà con cười vui, trời đã sáng,
 Người Thái, người Mèo, người Mán
 Người Puộc, người Xá, người Lự xuống núi rồi !
 Kia áo xanh, áo đỏ, như hoa khắp đồi,
 Ta cùng đi nhanh cho kịp !
 Gái trai lấy áo đẹp mặc vào,
 Quấn cái khăn cho thật tròn, thật lớn,
 Đeo những cái vòng thật trắng,
 Lên dây đàn chéo cho căng,
 Đem theo cả rượu nếp mấy *coong* (1)
 Xuống ta vui với các anh bộ đội.
 Chắc bộ đội có nhiều người Dao chúng ta,
 Tất cả của người Việt-nam ta,
 Vì trong máu cũng có hơi thở Lùng Chuya.
 Bà con ta nhìn kia !
 Cái đồn tan tành, thẳng Tây ngồi cùi mắt,
 Các anh bộ đội vui cười đến đón ta.

CẨM GIANG

suu tầm và dịch

THÀNH RỒNG THÀNH HỒ

Nhà xuất bản Phổ thông — 1957

1— *Coong* : vò, hũ.

BÀN TÀI ĐOÀN

Người Dao (Mán tiên), tên thực là Bàn tài Tuyên, sinh năm 1912 ở xóm Xi-kềng, xã Hoàn-mu, nay là xã Quang-thành, huyện Nguyên-bình, tỉnh Cao-bằng. Sinh trưởng trong một gia đình bản nông, trước khi tham gia Cách mạng, ông chỉ biết lăm bõm một ít chữ Hán.

Năm 1942, tham gia hoạt động cách mạng, bấy giờ mới bắt đầu học chữ phổ thông và tập làm thơ. Từ sau Cách mạng tháng Tám, Bàn tài Đoàn liên tục sáng tác thơ bằng tiếng dân tộc mình, đồng thời vẫn tham gia hoạt động công tác đoàn thể và chính quyền của Khu Việt Bắc. Năm 1960 đã xuất bản tập thơ Muối của Cụ Hồ (Nhà xuất bản Văn học).

RA SỨC GIẾT GIẶC TÂY

Trước đây còn ở trong rừng rậm
 Nghe lời Bác bảo đánh Nhật Tây,
 Tin lời Bác nói ở trong bụng
 Nắng mưa rét buốt cũng không sờn.
 Đêm tối không trăng, cấm đốt lửa,
 Đưa cơm cho đồng chí trên rừng;
 Lửa ta mới nhóm, củi khô tốt,
 Mùa Thu tháng Tám sáng bừng lên.

Bây giờ chúng ta còn bị khổ,
 Giặc Tây trở lại hại dân ta;
 Bác Hồ bảo ta còn phải đánh,
 Mọi người ra sức giết giặc Tây.
 Người có sức thì góp sức,
 Người có của thì góp của,
 Tăng gia sản xuất cho nhiều thóc,
 Quân ta no đủ thắng quân thù.
 Giặc có tàu bay làm gì nổi,
 Quân ta đánh phá bốt đồn tan,
 Giặc chết mất cả quân cả tướng
 Như ở Hòa-bình, Nghĩa-lộ kia.

Giấc chưa chết hết còn đánh nữa,
 Không để đâu còn bóng giấc Tây.
 Làm cho khi nào sóng lặng gió yên,
 Con ta đêm yên ngủ giấc ngon.
 Khi nào giấc Tây nó chết hết,
 Ta còn xây dựng nước nhà thêm,
 Chữa đường, bắc lại cầu vững chắc,
 Ô-tô đưa muối lên làng ta.
 Chính phủ xây thêm nhiều nhà máy
 Làm cho đèn điện sáng như sao ;
 Dân ta đời sống không nghèo khổ,
 Đời đời được hưởng nhiều ấm no.

11-1952

tác giả tự dịch

CHÂN TRỜI SÁNG RỰC

Từ khi súng ngừng nổ,
 Mẹ con ta rời lán về nhà
 Đã đón hai mùa xuân về với chúng ta,
 Đêm nằm yên ngủ không lo giấc cản tới.

Nhà ta hãy còn xơ xác
 Từ khi chạy giấc lên rừng ;
 Hố bom giữa vườn chưa lấp,
 Mái nhà mục nát, vách nhà xiêu,
 Đêm đêm mẹ thao thức năm canh
 Lo sao cho đời con của mẹ
 Áo ấm thân mùa đông tháng giá,
 Bốn mùa cơm đầy bát con ăn.

Con ở nhà cùng với bà với cô.
 Để mẹ đi cùng đoàn cùng tổ,

Các anh cày đi trước,
Mẹ cầm hạt theo sau
Luống sâu hạt tốt bỏ vào,
Phân đầy ta bón cây nào cũng to,
Lúa bông dài nặng trĩu,
Cuộc đời con mẹ như cò gió bay.

Sáng nay đi cày ruộng
Mẹ nói thầm cùng trâu :
— « Trâu ơi, đi trước kéo cày
Cùng ta trâu găng đêm ngày góp công ».
Năm nay ta thách cùng làng xóm
Không để một tấc đất bỏ hoang !

Sức ta vò đất đen ra gạo,
Tay ta đãi cát trắng ra vàng.
Mỗi khi đi chợ xuống núi,
Mẹ gánh nâu đi đổi muối,
Gót chân mê mãi đường trường,
Lòng vui bao cảnh lạ,
Ai qua đây cũng dừng chân,
Ngắm xem một công trình lớn
Là nhà máy Tinh-túc, Tà-sa
Ngày đêm núi rừng rộn rã.
Ta nghe như thời gian lùi ngán lại,
Cả miền Bắc tự do chuyển động rầm rầm,
Những bàn tay xây dựng công nông
Đang tiến lên như gió thổi không ngừng.
Mỗi bông lúa thêm một sức mạnh,
Mỗi củ nâu thêm một mối tình,
Mỗi hòn than bao mã lực đấu tranh
Cho khúc ruột Bắc Nam nối lại.

Đây mới là những bước đầu tiên
Bác dẫn ta lên con đường sáng sửa,
Đi theo người anh cả Liên-xô
Tiến về phía chân trời sáng rực,

Tìm lấy nhiều hạnh phúc
 Cho cuộc đời ngày mai,
 Bao nhiêu điều mơ ước
 Trong đáy lòng mẹ con.
 Ngày nay ta làm chủ đất nước,
 Ước vọng gì tự sức làm nên,
 Bàn tay ta sẽ làm theo ý muốn,
 Không gì ngăn nổi sức mình vươn lên.
 Lòng ta tự hẹn một ngày mai
 Sẽ thấy máy thay trâu cày ruộng,
 Chốn này rừng hoang bãi rậm
 Bốn mùa hoa nở dưới cờ tự do.

24-3-56

*tác giả tự dịch***MUỐI CỦA CỤ HỒ***Nhà xuất bản Văn học — 1960*

LÀM ĐỔI CÔNG

Trước kia nghe mẹ nói
 Nhớ trong đáy lòng mãi không quên :
 Một cây gỗ không làm nên nhà ở,
 Một cây tre đóng mẩu làm sao nổi,
 Một sợi chỉ không thêu thành cái áo,
 Một hòn đá đập không thành cái phai,
 Guồng một ống mức sao nước đầy ruộng,
 Một cái nan đan rổ cũng không thành.

Nay nghe Bác Hồ bảo :
 Muốn ăn no đủ phải làm đổi công.
 Trong làng anh chị cùng họp lại
 Bàn nhau cho thấu mọi người thông ;
 Người người thông hiểu làm mới tốt,
 Chung tay làm rẫy mới mau xong ;

Nương anh mọc cỏ đã nhiều lắm
Một mình anh nhỏ khi nào mới xong?
Làm lâu cỏ cần lúa buồn tủi,
Khi thu thóc lúa không đầy bồ,
Làm riêng làm lẻ việc không chạy,
Dù có thi đua vẫn không kịp người.
Anh hãy cùng với em vào tổ,
Làm vui không biết ngày dài đâu;
Muôn nghìn người cùng một ý chí,
Đi vật với núi núi cũng thua;
Nư kiến cùng tha đất làm tổ,
Nư ong cùng lấy nhụy làm mật,
Anh với em cùng vào một tổ,
Không phải bảo nhau, đừng ghét nhau.
Có sai gì cũng nhỏ tiếng bảo,
Đừng cho gai cắm nổi lòng ai,
Cái gì bé nhỏ cùng vứt bỏ,
Không nên ăm ức nói xấu nhau;
Có rượu có chè cùng nhau uống,
Có gánh nặng ta cùng nhau khiêng;
Chúng ta làm theo lời Bác dạy,
Trong vườn trồng cây sẽ mọc cành,
Có ngày nở hoa kết thành quả,
Cuộc đời không sợ đói anh ơi!

4-1958

tác giả tự dịch

MUỐI CỬA CỤ HỒ

Nhà xuất bản Văn học—1960

GIẤC MƠ

Ngày xưa còn bé nhỏ
Nằm trong lòng mẹ, tôi ước mơ:
Mơ đi chơi bạn bè làng xóm,
Mơ được tắm áo mới mặc ấm thân,

Mơ ăn một bát cơm ngon,
 Mơ ở một nhà cao cửa rộng,
 Mơ chăn đàn trâu ăn cỏ ngoài đồng,
 Mơ chăn đàn vịt bơi đùa suối con,
 Mơ đi trong vườn hoa đang nở;
 Đẹp biết bao, một cuộc đời như thế!

Nhưng khi tỉnh dậy chẳng thấy đâu,
 Chỉ sờ thấy mảnh áo sờ rách rưới,
 Mảnh chăn xui đắp đầu hỏ chân,
 Gió thổi rét buốt tận xương tủy.
 Sáng dậy, mẹ ra đi
 Kiếm măng, đào củ mài,
 Rau xanh ăn một ngày không đủ.
 Mẹ đi hỏi vợ cho con,
 Mẹ áo rách không nhà nào tiếp chuyện.
 Bốn phương trời toàn những mây u ám,
 Đêm đã dài ngày lại dài thêm...

Đêm qua tôi lại mơ,
 Khi tỉnh dậy tôi đưa mắt nhìn quanh,
 Ngày trước mơ ngày nay mắt thấy
 Cuộc đời đau khổ đã qua rồi.
 Như cây rừng trái mùa sương muối,
 Lá vàng rụng, lá non mọc xanh tươi.
 Không còn những đám mây đen u ám,
 Chỉ thấy những vì sao hiện khắp bầu trời.
 Tôi ao ước mẹ tôi
 Làm sao từ dưới mồ sống lại
 Cùng con dâu ngồi suốt đêm dệt vải,
 Sáng đi nương cùng tởm đồi còng,
 Chăn đàn gà, lợn đầy chuồng;
 Chặt cây dựng lại ngôi nhà mới,
 Đã có bát cơm đầy trên mâm,
 Mà không có mẹ tôi ngồi cùng.

Mẹ tôi không còn sống,
 Nhưng tôi còn người mẹ thân yêu

Ngày đêm chăm sóc tôi nhiều,
Hơn cả mẹ sinh tôi ngày trước.
Đó là ĐẢNG!
Đó là Bác HỒ CHÍ MINH!
Tôi xin chúc Người sống mãi ngàn thu
Như những ngọn núi cao rừng rộng,
Như những dòng suối nước trong xanh.

6-1958

tác giả tự dịch

MUỐI CỦA CỤ HỒ

Nhà xuất bản Văn học — 1960

MUỐI CỦA CỤ HỒ

Mẹ nhìn con cười thâm trong bụng,
Nay con không giống mẹ ngày xưa,
Đời con như hoa đào trước cửa,
Xuân đến ngày ngày thêm nở tươi.

Người Mèo ngày xưa bao đời lại
Ở đất Đồng-văn đói khổ nghèo;
Ngẩng đầu thấy núi cao chót vót,
Cúi đầu thấy đá chồng chất nhau;
Bấp vùi xuống đất trên khe đá
Cỏ mọc lên, không chịu ra hoa,
Con khóc đòi ăn cơm chấm muối,
Mẹ tìm đâu được hột muối cho con?
Mẹ dỗ: — « Con ơi đừng khóc nữa
Bố gánh củi đi chợ đổi muối rồi ».
Con nín nghe theo lời mẹ bảo,
Bố về được muối chấm đầu dưa ngon,
Cánh cửa nát xơ: « kẹt », hé mở
Vui sướng biết bao thấy bố về.
Nhưng sao im lặng bố không nói,

Con hỏi muối đâu, bố lắc đầu,
 Không đủ tiền người giàu không bán,
 Niềm mong thất vọng đến với con,
 Nước mắt con chảy quanh má nhỏ,
 Bố chỉ nhìn con biết làm sao?

Đến ngày nay không có tàu bay qua lại,
 Giặc Pháp nó phải bỏ Hà-giang.
 Một buổi sáng bình minh ấm áp
 Nắng non dọi chiếu qua đầu làng,
 Thấy có một anh người xa lạ
 Trên người mặc bộ quần áo nâu
 Nói tiếng gì mẹ nghe không hiểu,
 Anh tìm đến hỏi những nhà nghèo.
 Mẹ hỏi: — « Anh người ở đâu đến?
 Vào đây sưởi lửa uống chè xanh ».

Người lạ tươi cười đáp lời mẹ:
 — « Tôi là người cán bộ Cụ Hồ ».

Từ khi cán bộ Cụ Hồ đến
 Ngoài chợ có bán nhiều thứ hàng:
 Có hàng bán muối tha hồ lấy,
 Có hàng bán vải đỏ vải xanh;
 Cụ Hồ mang áo về cho mặc,
 Cụ Hồ đem muối về cho ăn.

Nay Bác bảo ta đi đào đất
 Mở thêm đường cái lên Đồng-văn,
 Có xe mang thêm nhiều muối đến
 Người Mèo ta không sợ đói nghèo.

3-4-1960

tác giả tự dịch

MUỐI CỦA CỤ HỒ.

Nhà xuất bản Văn học — 1960

*Dân tộc MƯỜNG**

HÁT MỪNG NHÀ MỚI

(ĐANG TỒN NHÀ)

Đồng bào Mường vốn có truyền thống đoàn kết tương trợ trong lao động. Hát mừng nhà mới là một bài dân ca dài, kể lại một cách chân thực và thi vị quá trình lấy gỗ dựng nhà... Bản Hát mừng nhà mới dưới đây sưu tầm được ở vùng đồng bào Mường ở bản Thái (Phù-yên, Khu tự trị Thái—Mèo). Đồng bào rất thích nó, không những hát trong những dịp khánh thành nhà mới mà còn hát cả trong những bữa rượu cưới, những buổi họp vui chung.

Đứng dậy từ nhà chúng tôi bước xuống,
Bước từ sàn, từ thang,
Dậy bước chân đi,
Bước cho nhanh, bước cho mau,
Mạnh chân đi mới đến.
Đến nhà đến cửa cha mẹ chúng tôi,
Hò lên : — « Đến chốn đây, nơi này ! »
Trông lên mái, mái rách hở xà ngang, rách
phơi xà nữa,
Trông xuống sân, thấy đục lăm chuôm ao,
Trèo lên nhà thấy cả trăng sao.
Cha mẹ rách cửa để chúng tôi làm cửa,
Cha mẹ rách nhà để chúng tôi làm nhà.
Dặn nhau quăng chường buổi sớm,
Bữa nay xong thôi tiếp bữa mai.

* Xem chú thích ở trang 57.

Ngồi *sổ trúc* (1) trông ra đường cái
 Thấy đoàn người đội nón đi qua.
 Cha mẹ hỏi: — « Người Kinh ở chốn kinh kỳ
 Lên đây buôn gì, bán gì?
 Có rìu thì mang tới cha mẹ mua cùng ».
 Người Kinh mau miệng gửi thưa:
 — « Vâng, cha mẹ có lòng thương mua giúp
 Qua chốn đây nơi này, chúng tôi nghe chân đã
 ngại ».

Người Kinh ở chốn kinh kỳ,
 Cha mẹ chúng tôi hết lời nhắn xuống
 Dặn đánh rìu đầu uốn gang tốt, thép già.
 Cha mẹ chúng tôi trả tiền hậu hĩ
 Cho nhà buôn thêm vốn,
 Tạ lòng anh em đã tới chốn đây.
 Cha mẹ mở dó, mở rương, tháo quan tiền ra đổi,
 Mở hòm, mở bị, nhắc lạng bạc ra mua;
 Mua được rìu đã đủ, mau mau làm cửa,
 Mua được rìu đã sẵn, mau mau dựng nhà.
 Bèn bảo cháu con rủ nhau mà đi đèo cọt,
 Sắp sẵn lương ăn mà đi nằm rừng.
 Người ta đồn ngược, đồn xuôi chỗ nào có cây
 tốt lõi,
 Người ta đồn lõi, đồn mau nguồn nước chảy
 có cây to cao.
 Dậy sớm quăng chường buổi mai,
 Cho còm vào túi đan dây rừng,
 Lương ăn để túi đan dây gai,
 Cả *bản* xóm vác rìu to tìm chân nguồn nước.
 Nghếch trông lên núi Bỏ-măng (2)
 Thấy có cây lõi sến;
 Cha mẹ dặn đừng tham gỗ nọ
 Là cái giống hại rìu.

1 — *Sổ trúc*: cửa sổ của gian giữa trông ra phía trước mặt nhà.
 xa giường thờ, nơi người ta thường ngồi chơi nói chuyện.

2 — Một trái núi thuộc tỉnh Hòa-bình.

Cột gỗ chò, gỗ *pi* là loài dễ đổ,
 Cột gỗ *pi*, gỗ chò là giống dễ làm,
 Dầu sao, cửa nhà lâu năm thảng vẫn phải làm lại.
 Cột gỗ chò là giống chịu nước,
 Thay gianh ba lần cột vẫn tốt,
 Thay gianh sáu lần chân vẫn bền;
 Cha mẹ yên tâm, lần này thôi cần phải nói!
 Đổ gỗ chắc làm lẹm,
 Chém cây cứng làm nệm,
 Gọt cây nặng làm vồ nện,
 Nghe tiếng nệm ăn xuống rền vang.
 Mồ hôi đổ thành cơn mưa dội,
 Ráo cơn này liền tuôn cơn khác, cái cây nẻ ra.
 Đổ cho dài làm thành mọi cột,
 Phát dao, đánh dấu gốc ngọn rồi ta kéo về.
 Nhấn người già trong *bản* đi ra phát đường,
 Phát được đường, được lối để ta kéo đi.
 Nhấn người già trong *bản* cầm đòn lẩn đòn bẩy
 đi sau xem xét;

Bảo bốn mươi người đi ra cầm đòn kéo dây,
 Ba mươi người đi ra cầm dây kéo lái,
 Kia những cánh tay vẫy lên phát đường,
 Lùi mau sang hai bên cho cây tôi đi giữa!
 Vừa kéo vừa giật mình nhớ lại
 Con đường leo núi Bỏ-măng,
 Hò lên: — « Đến chốn đây, nơi này! »
 Tất cả *bản mường* xông thẳng vào nguồn nước
 mỗ:

Cha mẹ chúng tôi đã đủ lăm than luồn rừng
 chui cỏ,
 Đã đủ dầm mưa dãi gió nguồn cơn lặn nguồn.
 Nào thốc qua dốc Đá,
 Kéo theo lòng suối Xắc-xé,
 Kéo ra theo đường đá É-ong (1)

1 — Dốc Đá, suối Xắc-xé, đường đá É-ong, đường dốc Bỏ đều thuộc Hòa-bình, có thể ở vào vùng *mường Bi*, *mường Thàng*, *mường Cao-phong*.

Bố nở lòng cười chạy sau líu riu.
 Vui một lần cha mẹ chúng ta lấy cột,
 Người già cầm đòn xeo đi sau quan sát
 Xem cháu, xem con cho chúng kéo cây đi,
 Hò lên: — « Đến chốn đây, nơi này! »
 Bỏ đòn choàng để nghỉ,
 Cha mẹ chúng tôi ngẫm nghĩ sao đây?
 Nào phải trâu bò mà mạnh về ách,
 Hãy tìm đường dễ cho chúng tôi kéo cây!
 Lại hồn hển kéo qua dốc Bỏ (1)
 Thấu tới đường thiên hạ đi trưa về sớm, (2)
 Chân bước chậm bởi nổi cái cây quá dài.
 Kéo qua *mường*, mọi người ra reo ồn ồn,
 Vui một lần cha mẹ chúng ta lấy cột.
 Kéo qua *bản*, mọi người ra reo ào ào,
 Kéo về gác chật ngang bờ ruộng;
 Đã như nước chảy, tay ta cầm cữ
 Mà đòi chân còn phải bắt bước cho đều (3).
 Tra thêm đòn lẩn, cái cây xuôi trôi,
 Cố gắng lần này, tự khắc sẽ đến.
 Bỗng nghe giọng tiếng mẹ cha chúng tôi
 Trên cửa trên nhà đang lao xao tỉnh phần ắp uống.
 Kéo ngược theo từng bến nước,
 Kéo lẩn gác chật bờ ao,
 Tất hết cả *bản*, cả *mường*
 Cùng hạ đòn tay phịch xuống, rầm vang như đàn
 ong vù bay!



1— Xem chú thích ở trang 123.

2— Ý nói: đường cái lớn.

3— Hai câu này ý muốn ví nhiều người hứa nhau kéo cái cây đi xuôi lọt như đặt trên dòng nước nhưng vẫn không phải là đã dễ dàng vì tay vẫn phải cầm cữ, chân vẫn phải bước vững, bước đều.

Đứng dậy từ nhà chúng tôi bước xuống,
 Bước từ sàn, từ thang,
 Dậy bước chân đi,
 Bước cho nhanh, bước cho mau,
 Mạnh chân đi mới đến.
 Đến nhà, đến cửa cha mẹ chúng tôi,
 Hò vang: — « Đến chốn đây, nơi này! »
 Bố chúng tôi khiến tôi phải hát,
 Thừa rằng chúng tôi xin hát;
 Mẹ chúng tôi khiến tôi phải *đang* (1),
 Lại rằng chúng tôi xin *đang*.
 Câu *đang*, hát thì nghe đã sẵn.
 Trước chúng tôi xin thưa
 Đám hát hôm nay vui lòng đua thi.
 Kho lúa cha mẹ rách chúng tôi làm kho,
 Nhà cửa cha mẹ xiêu chúng tôi làm nhà,
 Nhà này cũ, nhà sau thay mới.
 Chẳng làm Tư, Năm, mùa mưa nhiều, việc lắm,
 Đợi về Một, Chạp, Hai, Ba, đồng rừng ráo khô
 Cha mẹ chúng tôi dựng nhà.
 Trở dậy giữa khoảng đầu hôm
 Thấy cắm chan chan những cọc ky nhà,
 Báo người già trong *bản* đi ra xem qua,
 Phải ngắm cùng nhau chờ để *sổ trúc* hướng vào
 chân Đá-cái (2).
 Ngắm suốt hàng *sổ trúc*, *sổ ngang* (3),
 Ngắm hết *sổ* con trai, con gái (4).

1— *Đang*: hát, chỉ chung mọi bài hát, khúc hát, sự việc hát.

2— Đá-cái: núi đá thuộc tỉnh Hòa-bình. Ý nói: mặt nhà không nên ngoảnh vào chân núi đá.

3— Nhà đồng bào Mường trở nhiều cửa sổ, tính cửa sổ phía mặt nhà có ba thứ cửa sổ có tên gọi riêng: theo dọc nhà, cửa sổ gian đầu tiên gọi là sổ đầu, cửa sổ gian giữa gọi là sổ trúc, theo chiều ngang nhà, cửa sổ ngay thang lên gọi là sổ ngang.

4— Nhà chia nhiều gian tính từ đầu kê giường thờ đồ đi thì gian sát giường thờ là gian cha mẹ ngủ, rồi đến gian con trai, gian con gái; cửa sổ thuộc gian con trai gọi là sổ con trai, cửa sổ thuộc gian con gái gọi là sổ con gái.

Chờ để sỗ ngang ngoảnh về phương mặt trời
mọc dây (1).

Nhờ cụ già trong bản bước ra xem hộ,
Cầm dây đo cho đều để ta đào hố,
Đào đủ hố rồi ta dựng khung.
Dựng khung giả bằng buong với nứa,
Báo người già chẻ nứa mang ra đo ky.
Dựng thẳng tắp rồi ta lại tháo,
Dựng xong hai hàng cột chính chúng ta lùi xem,
Bẻ nứa, nâng dây, chúng ta đo lại.
Luồn qua lỗ đục con, lỗ đục cái,
Kéo, khênh khừ nặng đưa lên lắp cột.
Thấy đâu hỏng chúng ta lại chữa,
Chêm, đâm, lắp mộng cho vừa.
Giát trái đã bằng chẳng còn ghếch lên cửa sỗ (2),
Đóng đổ rồi ta tra gióng,
Dựng khuôn rồi ta lắp vách;
Lắp từ hàng sỗ *trúc* nhà cha mẹ chúng tôi lắp lại,
Lắp từ hàng sỗ con trai, con gái lắp đi.
Cửa cái đã tra ván,
Gian phụ cầu thang đã đóng danh ghép liền (3).
Cha mẹ chúng tôi dựng nhà vất vả,
Ngày ngày trăm phen vào rừng
Như người ta khuân củi.
Một ngày vào rừng trăm phen
Như người ta lấy nước.
Người ta khuân củi lấy nước
Chỉ một lúc buổi sáng, một lúc buổi chiều.

1 — Sỗ ngang ở đầu nhà theo chiều ngang. Nếu để sỗ ngang ngoảnh về hướng Đông thì sáng, chiều đều bị nắng dọi vào đến giữa lòng nhà vì cả hai đầu nhà đều có sỗ ngang.

2 — Nếu trái giát không khéo thì sẽ bị lõm giữa, đầu giát ken lên ghếch vào bạo cửa sỗ.

3 — Thường gian này làm riêng ra rồi sau đó ghép liền với cửa cái và các gian chính.

Cha mẹ chúng tôi vào rừng
 Mỗi ngày vào rừng trăm phiên, chực thứ (1),
 Đã rách đủ bao nhiêu sống áo,
 Vác nứa chẳng khi nào lìa vai,
 Quần áo cha mẹ chúng tôi rách tan đến cả đấng
 trước (2),
 Dựng nên cửa nhà êm ấm, nghỉ lại khi vào
 rừng mà nghe trong mình dần đau (3).
 Nhớ từ lúc chọn cây bèn, tìm cây cứng,
 Thực đã nhiều lần khuyên cháu dạy con ;
 Đường hái dâu cũng chẳng còn lạ,
 Lối hái dâu *mường* này cũng chẳng còn quên (4).
 Nay được ngày nhàn buổi rồi,
 Cha mẹ chúng tôi mời cả *mường* đến lợp.
 Nhờ người già cầm gậy, cầm sào chỉ dẫn (5)
 Coi từ chân rui lên đến trên mái.
 Lợp cho hết để ta chuyển sang,
 Lợp hết hàng rồi ta lộn lại (6).

1 — Ý đoạn này muốn nói: làm nhà phải đi rừng vất vả như kiếm củi, lấy nước; còn hơn cả kiếm củi, lấy nước vì kiếm củi lấy nước chỉ một hai bận vào lúc sáng và chiều; chuẩn bị làm nhà thì đi về suốt ngày tính đến trăm phiên, mỗi phiên lo lấy đến hàng chục thứ như nứa, lát, dây, chảo v.v...

2 — Áo thường rách vai và lưng, đấng này đến cả vạt trước cũng rách tan đủ tỏ là rất vất vả.

3 — Ý nói: khi làm nhà hăng vui quên cả mệt mỏi, nay nhà dựng xong mới thấy công lao và nỗi nhọc mệt.

4 — Hái dâu trong rừng không có đường nào lối nào, chỗ nào là dâu tốt thì rẽ cỏ vào mà hái. Ý câu này nói: đi lại mãi quen thuộc đến nỗi nhớ cả những đường, lối không thành đường, lối.

5 — Người già cầm sào, gậy chọc lên mái để chỉ cho người lợp biết những chỗ nào mau thưa.

6 — Lợp hết mái bên này rồi mới chuyển sang mái bên kia, lợp hết hàng dưới mới lên hàng trên.

Khi chuyển mái, gói trầu cau chuyển tay này sang
tay khác, chúng ta nhai trầu (1).

Lợp dần dần lên cao tới nóc,
Trông xuống hàng hàng đầu gianh đâm ngược
mà nên cửa nhà yên vui (2)..

Cha mẹ chúng tôi đủ lời khuyên dặn,
Khan hết tiếng, cạn hết lời.

Cha mẹ chúng tôi cũng đã đủ bày, đủ giải,
Nhà mà được thẳng thật là được nhờ dây căng, đo (3).

Nhà đã rộng lại vừa lắm song,
Nhà lắm song lại vừa nhiều sỗ,
Trông xa lồng lộng khác nào một con voi nằm.
Lần này nhà cha mẹ chúng tôi vững vàng chẳng
biết mấy nghìn trăm năm mới xiêu (4).

Cha mẹ chẳng thể cho ai về không,

Chẳng nỡ cho ai về sông, đi vôi,

Còn có vật mỡ, vật nấu (5)

Mời người già trong *bản* ở lại,

Mời cả con trai, con gái

Ở lại ta cùng hát ca,

Chúng tôi đứng dậy tạ lòng cha mẹ chúng tôi
khôn kể xiết.



1 — Theo lệ, khi lợp nhà, đàn ông trèo lên mái, đàn bà thổi xôi, tèm trầu ngay dưới chỗ đang lợp. Khi người ở trên lợp xong một bên mái thì đã thành công một nửa, ở dưới đề nghị ở trên nghỉ và đưa trầu cau lên mời, chuyển tay từ người đầu đến người cuối.

2 — Ở trên mái đang lợp nhìn xuôi xuống thấy đầu gianh đâm ngược lên theo hàng thẳng tắp, hàng đầu gianh càng tiến lên thì công việc càng sắp hoàn thành.

3 — Câu này có nghĩa bóng: nhà làm được tốt là nhờ có sự chuẩn bị kỹ và nhờ có kinh nghiệm của người già cả bảo ban.

4 — Cũng là một lời nói ngoa, cốt ý tỏ rõ sự vững chắc của ngôi nhà mới.

5 — Cách nói khiêm tốn, không chắc đã có lợn gà ngon lành nhưng biết chắc thế nào cũng có mỡ nấu một con vật nào đó.

Đứng dậy từ nhà chúng tôi bước xuống,
Bước từ sàn, từ thang,
Dậy bước chân đi.,
Bước cho nhanh, bước cho mau,
Mạnh chân đi mới đến.
Đến nhà, đến cửa cha mẹ chúng tôi,
Hò vang: — « Đến chốn đây, nơi này! »
Đi đến cửa nhà cha mẹ chúng tôi ở chốn nơi này.
Chúng tôi thấy cha chúng tôi xuống bắt lợn ở nơi
rãnh mái,
Mẹ chúng tôi ra bắt gà ở nơi rãnh sàn,
Bố chúng tôi vác chài đi quăng cá ao Lồ,
Đi tháo cá ao Lèo,
Đánh cá ao sen trước sồ.
Lấy càn gai sọc cá,
Sọc từ dưới lên trên,
Sọc từ trên xuống dưới.
Đánh được con cá trôi hình thon chiếc thuyền,
Đánh được con cá trắm mình to như bẹ mo nang.
Đem về, mang lên nhà,
Bỏ vào nồi đồng, xanh gan,
Cha mẹ chúng tôi kén cá,
Cá to dành riêng làm giống,
Cá nhỏ mới nấu măng dăng;
Thịt lợn sắp trên lá quít (1),
Thịt gà lát trong đĩa hoa,
Cha mẹ chúng tôi mang mời nhắm rượu,
Canh sáo chim câu, măng vầu thái ngon (2),
Cá tát được dành làm cơm trưa,
Thịt ướp cha mẹ chúng tôi móc ra,
Thịt khỉ cha mẹ chúng tôi lấy bày;

1 — Đứng ra, thịt lợn phải sắp trên lá dong, lá chuối. Nói lá quít để thêm ý vị và tỏ lòng quý hóa, cầu kỳ; lá quít thì nhỏ, thịt lợn thì nhiều, phải ngắt nhiều lắm mới đủ lá để bày mâm.

2 — Măng vầu là món ăn thường nhưng lại quý ở chỗ bỏ gốc, chỉ lấy ngọn măng mềm.

Thấy từ con tôm diu cho đến tôm càng (1),
 Tôm đã to lại vừa rang thơm.
 Bát vẽ hoa men sứ mới lấy đom côm,
 Bát vẽ hoa men sứ mới lấy đom canh,
 Đom canh đom sao đom khéo!
 Đom côm đom sao đom nhanh!
 Chúng tôi thấy khênh bàn cơm ra,
 Trước xin đứng dậy tạ ơn cha mẹ trong nhà,
 Sau là tạ ơn các chị các anh trong bản,
 Sắp nên bàn cơm thết của ngon vật lành tươm tất.

MẠC PHI

sưu tầm và dịch

HÁT XƯỜNG*

NAM NỮ ĐỐI CA

NAM

Thương... Thương thiệt, thương nhiều (2)...

Lâu năm không ra sông, nhớ thuyền nhớ bến,
 Gọi đầu nhớ lá cây chua,
 Xa ruộng xưa nhớ người cấy hái,
 Tình yêu trai gái, nhớ đến chỗ ngồi,
 Thổi sáo vui chơi, nhớ đến cây nứa,
 Quần áo mặc vừa, nhớ đến thợ khéo may,
 Đeo vòng chạm trong tay, nhớ người thợ khéo đúc.

1 — Thịt ướp, thịt khỉ, tôm càng là những thức ăn quý.

Xường là một loại dân ca của dân tộc Mường. Trai gái thường hát *xường* để tỏ tình với nhau. *Xường*, tiếng Mường, nghĩa là thương. Những bài *xường* do Minh Hiệu và Sơn Minh sưu tầm, dịch và in ở đây đều là những bài hát của đồng bào Mường vùng thượng du Thanh-hóa. *

2 — Câu mở đầu thông thường trước khi hát.

NŪ

4 — Có nơi hát là : « vừa cáo dẫm lại vừa chuột cắn ».

Nơi cấy nhà em không hết buổi gặt (1),
 Nơi gặt nhà em không đủ buổi gánh (2),
 Mất mùa, riêng một mình một thân.
 Đất nhà em tháng Năm ăn cơm trộn ngô tẻ (3),
 Tháng Sáu ăn ngô tẻ trộn kê,
 Em ra sức làm mùa luôn tay mà không khỏi đói.
 Năm thì khát miếng muối,
 Năm thì đói miếng cơm,
 Đất nhà em chẳng nên thân gì mà anh phải
 khen, anh ạ.
 Anh sẵn lòng khen cơm, anh phải đi cho đến mạ,
 Anh sẵn lòng khen cá, anh phải đi cho đến khe,
 Anh sẵn lòng khen trai xinh gái đẹp, anh phải
 đi cho tới làng,
 Anh sẵn lòng khen núi gỗ to phải đi cho tới gốc;
 Khen gốc, khen hết mọi lá,
 Khen lá, khen hết mọi cành,
 Cành nhỏ chưa dài dây ra lá,
 Cành lớn cành to chưa có ra hoa ra quả,
 Cành nào cũng còn thanh thoi chờ ra bến ra sông,
 chờ anh yêu mến.

* * *

NAM

Nghe đồn đất *mường* nhà em
 Trên núi trồng kê, dưới ruộng trồng lúa.
 Đất giàu, *mường* có,
 Một gốc lúa được chín mười khiêng;
 Vào một bụi riềng có năm, ba tổ ong khoái;
 Vào một rừng gianh bái được chín, mười tổ
 ong rừng;

1 và 2 — Ý nói: ruộng quá bé và lúa quá xấu.

3 -- Giữa tháng Năm tháng Sáu gặt lúa về mà vẫn phải ăn độn. Ý nói: nghèo khổ lắm.

Vào một bụi cây vông, năm, ba tổ ong mền mền (1);
Nuôi một thúng kén, được chín, mười nên tơ mắng;
Trồng một bụi *lành lẳng*, được năm ba chậu hoa
bạc;

Đẹp bên, lành nước lại vừa đẹp đồng
Ở nhà vui chung,
Ở đồng vui lắm;
Người nhiều chăm ẵm như bụi mây song,
Trâu với bò nhiều như bụi tre, lá *bái*.
Lúa bỏ đi như rừng bông (2) *bái*,
Lúa bỏ lại như rừng cây lau,
Tiếng đồn giàu từ lâu cho nên anh phải đến xem
lại.

NỮ

Ơn lời anh hỏi thăm như thế,
Nhưng đất nhiều cơm là đất Mỏ-má,
Đất nhiều cá là đất Kim-diền (3),
Đất nhà em làm mùa liên miên mà không đủ
tiền góp.

Ban đêm thì nghe mõ hợp,
Ban ngày thì nghe trống rao,
Lại còn phải mài rìu, mài dao
Lên núi Pu-luông mà đi làm đường, làm sá;
Ở nhà bắc mạ, phải cái chỗ giữa đường,
Phải con lòi (4) con mang (5) nó dầm,
Cụm lúa tỏa ra xè xè,
Nước lũ sông Đầm, sông Đè dâng lên hay bị lụt,
Nơi sâu mất lụt,
Nơi cao lại mất cạn,

1 — Ong mền mền : ong ruồi.

2 — Bông : hoa, ngọn.

3 — Kim-diền : ở Hồ-diền, thuộc xã Thiết-ống, huyện Bá-thước, Thanh-hóa, nơi nhiều gỗ lim và có nước trong hang núi chảy ra, rất nhiều cá.

4 — Con lòi : lợn lòi.

5 — Con mang : con nai.

Ước chi em dẹt lảnh ở nơi *móng lại* (1),
 Anh đan chài, đan lưới ở nơi *móng trong* (2),
 Chọn tháng tốt ngày lành,
 Ra rào (3), ra sông, ta đi đánh cá.
 Đánh được con cá *râm* bằng cái ván nấc (4),
 Đánh được con cá rốc bằng tấm ván chèo,
 Về nhà đèn treo cao cho em xem cá.
 Em ơi!
 Đói bụng về thưa bố mẹ đừng vội ăn rau má,
 Đói dạ về bảo bố mẹ đừng ăn lá rau xanh (5),
 Hãy đợi cơm tốt canh lành với con rể hiếm,
 Đừng vội bắt *rể chiêm* (6) trong nhà để dạ anh thương.
 Em ở đằng xa đất,
 Anh ở đằng xa *mường*,
 Xa tình, xa phương
 Lòng quanh vắng vắng.

MINH HIỆU
 sưu tầm và dịch

HÁT ĐÚM*

ĐI LÍNH THỦ

Anh nay đi lính thuở nhà vương (7),
 Việc quan khó nhọc nàng có thương anh cùng!

1 — *Móng* : cửa nhà sàn, *móng lại* là cửa nhà ngoài.

2 — Cửa trong.

3 — Rào : sông nhỏ.

4 — Nấc : thuyền lớn.

5 — Ý nói : đừng vội gả cho người hèn kém.

6 — *Rể chiêm* : rể ở gửi trong nhà gái.

* Hát *đúm* cũng là một loại dân ca của dân tộc Mường. Bài *đúm Đi lính thủ* này sưu tầm được ở xã Nguyệt-ấn, huyện Ngọc-lạc, tỉnh Thanh-hóa. Khác với *xường*, các bài *đúm* thường làm bằng tiếng phổ thông và theo thể lục bát.

7 — Nhà vua

Ở nhà có biết gì không?
 Đón cây hái củi ngoài đồng ngẩn ngơ.
 Chạp tối lại phải canh giờ,
 Nằm đất, nằm cát, nằm nhờ bóng sương.
 Không chiếu, lại không cả giường;
 Nằm đất, nằm cát, có thương chăng là?
 Ngồi trong cửa lũy trông ra,
 Thấy núi chỗ nọ, thấy nhà chỗ tê (1).
 Kêu quan, quan chẳng cho về,
 Thảm thiết nhiều bề, tiền hết gạo không.
 Ngó xuống sông nước chảy xa xá,
 Ngó lên rừng những lá cùng cây,
 Chua xót trong dạ anh thay!

MINH HIỆU
 sưu tầm

QUEN NHAU TỪ NHỎ

Biết nhau từ thuở còn thơ,
 Cùng nhau sàng cát vào tò mò nang;
 Đuổi nhau chạy khắp đường làng,
 Tranh nhau từng chiếc lá vàng rụng rơi;
 Ghét nhau thề chẳng cùng chơi,
 Hôm sau gọi có nửa lời lại sang.
 Em như khung cửi tơ vàng,
 Anh như suốt chỉ nhịp nhàn thoi đưa.
 Em có nhớ:
 Những buổi chiều thu gió mát,
 Trên nương về, đường lau, gió lách,
 Nghe rì rào tựa tiếng hát ngàn reo.
 Giữa đường mẹ chỉ cây lau
 Bảo ta là mía, nhìn nhau ta cười.

1 — Chỗ kiề.

Bỗng đâu biến động đất trời,
Bản mường tan tác, cuộc đời loạn ly...
Mẹ em bế em chạy trước,
Cha anh cồng anh chạy sau.
Thế là ta phải xa nhau,
Kẻ xuôi người ngược biết đâu đợi chờ!
Chung nhau một dải sông Bờ,
Anh mong thuyền ngược, em chờ thuyền xuôi.
Giờ anh muốn thả thuyền trôi,
Ngại qua ngòi Nách có người ngăn sông ;
Ngòi Va sợ có thường luồng,
Đôi bên cách trở đôi đường đôi nơi.
Xa xôi lắm lắm mình ơi,
Gửi sao cho tới những lời ái ân !

ĐINH SƠN

sưu tầm và phỏng dịch

VỀ LÀM DẤU

Vịt vào làng đông đàn thẳng lũ,
Con muốn đi thương nhớ mẹ nhiều.
Em chẳng đi, chồng hối hả giục đi.
Đi bỏ giát năm vàng bóng,
Đi bỏ nơi cối giã hàng ngày,
Đi bỏ bãi ném coon,
Đi bỏ cử hoa mới đóng,
Đi bỏ nơi cửa sổ khi tựa, khi nằm,
Em đi, bỏ nong tầm sắp nên nong kén ;
Đi xa bạn gái trong làng,
Xa bạn bè trong xóm ;
Đi bỏ gối cho anh lại nhặt,
Bỏ nón cho anh thêu hoa ;
Đi cuối tháng này, cuối tháng sau em xin trở lại,
Anh hãy nán lòng ở lại !

— Em đi đừng cho tàn đóm lau đốt cháy quần
anh mà hại,
Đừng cho tàn đóm nửa đốt cháy áo anh mà
thương.

— Em đi chẳng biết nên cửa nhà được chẳng ?
Hay như đối em chú một lần xin nở,
Đối nhà chồng một độ hoa sen (1);
Đi ba năm chẳng quen, em cũng xin trở lại
Như con ong khuôn mặt hoa tươi.
Chẳng biết anh còn nhận cho em làm đôi bạn
nghèo hay chẳng, anh ơi!

MẠC PHI

sưu tầm và dịch

THAN THÂN

Em thấy ráy đâm bông vàng rươi
Cây duối cá ra hoa vàng tươi,
Trong *mường* không có người
Nên em phải đông dài tìm bạn.
Em yêu anh, yêu lần thứ nhất,
Sao anh lại đành nhẫn tâm ?
Anh mặc áo kếp quần chùng,
Áo kếp sờn vai đến rách ;
Rồi anh chê hoa không đẹp, áo không lành.
Áo không lành, sao anh còn cài khuy đơm cúc ?
Chê em là dòng cùng khổ,
Anh say mê dòng họ nhà sang.
Anh đã bước lên kiệu ngọc, kiệu vàng
Em đâu dám cùng anh hoài lời thừa gửi, anh ơi !

MẠC PHI

sưu tầm và dịch

1 — Ý nói: hay là về nhà chồng chỉ được một thời gian ngắn rồi phải quay trở lại.

NGÀY CƯỜI CỦA EM

Từ ngày mẹ đẻ anh ra,
Uống nước sông Đà, ăn cơm ở sông Lam.
Phát rừng, xới núi anh làm,
Mình mặc áo chàm, hông đeo chặt nấp dao;
Ngại gì rừng rậm núi cao,
Chân khỏe khi nào cũng như sắt như lim.
Từ ngày anh được gặp em,
Lòng trẻ muốn mềm, mắt như thấy nhiều hoa;
Hai nương một lối đi qua,
Sáng sớm, chiều tà, bốn mắt lại gặp nhau;
Em tươi như những nồn dâu,
Sao sáng trên đầu còn thua ánh mắt em.
Tình yêu dần lẫn tình quen,
Khi lắng tiếng kèn, khi vui hát quên trưa;
Hẹn nhau mặc nắng, kệ mưa,
Khi đợi lúc chờ, soi bóng nước làm duyên.
Thấy đời như búp hoa sen,
Như tổ chim *tuyền*, như bó lúa, sọt bông;
Hẹn nhau mùa nực, mùa đông,
Nên vợ nên chồng đời êm tựa giường xa...
Hôm nay em lấy người ta,
Chân bước khỏi nhà, lòng anh xé ruột gan.
Tiếng chiêng như tiếng khóc than,
Người dầm trên sàn như dầm giữa ngực anh.
Mặt em buồn rười, đợt xanh,
Hoa đã gãy cánh, chim én đã lìa đôi...
Từ đây cây úa lá trôi,
Em bước đi rồi, tiếng khóc vẫn bên anh...
Vì anh không có trâu xanh,
Nghèo đói nên đành phải chịu để em đi.
Trời cao trời có biết chi!
Họ chúc những gì trong ngày cười của em?

Ông BA NGẠN sưu tầm

CẦM GIANG dịch

CẦU VÀO BẢN

Nhà xuất bản Văn học — 1960

ANH CÁN BỘ NGƯỜI KINH *

Hồi anh cán bộ người Kinh
 Anh bỏ gia đình lên mãi tận trên đây;
 Anh đi có nhớ mẹ thầy,
 Nhớ vợ đêm ngày vẫn chờ đợi trông mong?
 Anh đi có nhớ ruộng đồng,
 Đam cả cái lòng lên sống với *chòm* tôi.
 Người Mừng lại được thêm người,
 Cây lá cũng cười anh vui nhận làm con.
 Anh lên cho tiếng học ròn,
 Bông lúa thêm tròn, củ sắn cũng thêm to.
 Anh lên bắt thắng Pháp thua,
 Phụ nữ gặt mùa, du kích chặn giết Tây.
 Cụ Hồ cái bụng tốt thay,
 Đưa đến *chòm* này người cán bộ giỏi đang.
Chòm tôi thắng tám lượt càn,
 Dù được linh về hàng, tránh được tàu bay;
 Thêm thân người Xá, người Tày,
 Trai gái nên tài, làm cán bộ như anh.
 Cụ Hồ đưa giấy đòi anh,
Chòm xóm phải đành trả lại đứa con..
 Người Mừng nay đã giỏi hơn,
 Tranh đấu vững vàng giữa địch hậu Sơn-la.
 Anh về thừa lại cùng cha
 Người Mừng sông Đà đang thắng lợi đi lên.

CẨM GIANG

sưu tầm và dịch

THÀNH RỒNG THÀNH HỒ

Nhà xuất bản Phổ thông — 1957

* Bài này do bà Nai, người tỉnh Sơn-la thuộc và đọc lại cho người dịch ghi chép.

MỘ BÊN ĐƯỜNG

Đường quanh đời nay héo lá,
Rêu phủ lá, cành đọng sương,
Mười năm mộ mọc bên đường,
Qua một đêm nghe súng nổ.

Thương người Muờng, thương quê bố,
Đời xấu số ở lại đây,
Các con tôi đi đánh Tây,
Gặp nhau rồi chưa biết mặt.

Người trong Nam hay ngoài Bắc,
Người nên bác hay nên con?
— Biết đêm qua, dân trong chòm
Lần ven khe ra phối hợp.

Đồn Cồ-lũy chưa hết giặc,
Máu nước mắt còn đang rơi,
Có các con nằm đây rồi,
Thêm vững lòng người kháng chiến.

Nếu thẳng giặc dám mò đến,
Rừng kín tiếng mộ đất hoang,
Nhưng nhân dân đến cảm nhang
Thì các con là người sống.

Người bên nương khi sáng sớm,
Kể đi săn lúc xế chiều,
Nhìn đường rừng thấy thêm yêu
Những năm mồ người cứu nước.

Ai khỏi đau quên đơn thuốc,
Ai uống nước quên ơn nguồn,
Ai sỏi củi quên ơn rừng,
Cũng không quên ơn liệt sĩ.

Bổ râm đây mười bụi bí,
 Tìm thứ quý cảnh hoa ngâu,
 Thành rừng rộng đẹp mai sau,
 Các con em đều đến viếng.

Suối xa xa ngân nhẹ tiếng,
 Lòng nói chuyện, núi cúi đầu,
 Địch bị đánh một trận đau
 Nhưng đường *chòm* : mười năm mộ.

Thương người Mừng, thương quê bố,
 Đời xấu số ở lại đây,
 Các con ơi ! dân *chòm* này
 Thương các con hơn ruột thịt.

1952

VI VĂN CHÊNH — VI VĂN THỜI sưu tầm
 CẨM GIANG dịch

CẦU VÀO BẢN

Nhà xuất bản Văn học — 1960

DẪN ĐƯỜNG

Có đoàn bộ đội đi qua
 Muốn vượt sông Đà nhưng trời tối như bưng;
 Loanh quanh đi lạc vào rừng,
 Bụi rấp nẻo đường, núi chắn cả lối ra.
 Càng đi đường cũ càng xa,
 Càng vắng sông Đà : giặc chạy thoát đêm nay !
 Vang vang tiếng hú xa bay,
 Xé rách đêm dày, có tiếng hú đáp theo.
 Từ trên vách núi cheo leo,
 Du kích lần trèo xuống lắng kỹ từng câu.
 Tin rồi ! Lên tiếng gặp nhau,
 Câu chuyện thì thảo vòng lối tắt đường quen.
 Tiếng chân xéo lá trong đêm,
 Đã thấy bóng thuyền, gợn nước bạc lăn tăn...

Xa xa tiếng súng vẫn vang,
 Bộ đội hỏi rằng: — « Anh du kích ten chi? »
 Chào xong, anh vội quay đi:
 — « Biết tên làm gì? Tôi người Mường Việt-nam! »

1953

HÀ VĂN LUNG sưu tầm
 CẨM GIANG dịch

CẦU VÀO BẢN
 Nhà xuất bản Văn học -- 1960

ĐÌNH SƠN

Người dân tộc Mường, tên thật là Đình văn Ngổ, sinh năm 1914, quê ở xã Tân-phong, châu Phù-yên, Khu Tự trị Thái-Mèo. Tham gia cách mạng từ năm 1945. Sau ngày toàn quốc kháng chiến, trong khi hoạt động gây cơ sở hậu địch, Đình Sơn đã sáng tác thơ ca để động viên nhân dân kháng chiến, vạch rõ mưu gian của giặc, kêu gọi những người lầm đường quay về với tổ quốc, nhiều bài được nhân dân thuộc lòng và có một tác dụng giáo dục lớn. Đình Sơn là là cờ đầu của phong trào thơ ca cách mạng Mường, đồng thời cũng là một trong những nhà thơ cách mạng đầu tiên của các dân tộc thiểu số Tây Bắc.

ĐỪNG NGHE LỜI NÓI DỐI CỦA GIẶC TÂY

Đất nước chiến tranh, chim trên cành không yên
 chỗ đậu,
 Bản mường giặc giã, mọi người dân khốn khổ
 đau thương.
 Giặc Tây tới, chúng đốt bản, đốt làng rồi nói dối
 Rằng: « Việt Minh cộng sản, đã đầu hàng,
 Chỉ còn vài đũa lang thang
 Nay mai cũng sẽ ra hàng quan Tây ».
 — Chúng nói láo, bịt mõm chúng lại

Bằng lưỡi lê, bằng dao mác, cung tên.

Thù nhà thù nước ai quên

Lúa chiêm bị đốt còn rên bên đồng.

Anh em *mường bản* thấy không?

Ta ra hỏi lúa, hỏi đồng mà xem!

Bản mường ơi! chớ vội tin.

Đất nước ta còn rộng,

Bản mường ta còn lắm,

Toàn dân ta hai mươi năm triệu kia mà.

Nào có phải như lời Tây nói dối

Chúng chiếm cả châu trên và huyện dưới,

Đó là mưu lừa bịp ta hàng.

Tin gì bọn quỷ xâm lăng

Đến đâu cướp phá, đốt làng, ruộng nương.

Gây bao tang tóc đau thương,

Giết chồng cướp vợ, trăm đường đắng cay.

Rượu cần càng uống càng say,

Đau thương càng lắm thù Tây càng nhiều.

Màn tang phủ kín nương chiều

Còn vang tiếng súng đương tiêu diệt thù.

Còn nhiều căn cứ chiến khu

Tấn công đồn giặc, trả thù nước non.

Sông còn cạn, đá còn mòn,

Dân ta kháng chiến không sờn đấu tranh.

Đánh cho thằng địch tan tành,

Bản mường yêu quý quyết giành về ta.

Toàn dân trai gái, trẻ già

Cùng nhau đoàn kết là ta thắng thù.

Chống bắt lính, chống bắt phu,

Nắm tay đập nát lao tù cùm gông.

Kìa xem *mường bản*, nương đồng

Lau chen với cỏ, đồng không hoang tàn.

Từ thẳng lĩnh đến thẳng quan

Ngày ngày hạch sách miếng ăn rượu, gà,

Bắt tiếp tế cả đàn bà,

Một ngày khổ nhục, bằng ba bốn đời.

Căm thù cái kiếp làm tôi,

Dân mình vất vả, chúng ngồi chúng ăn.

Mẹ già ôm cháu má răn
 Lệ thương còn ướt tà khăn nhuộm chàm
 Trâu giết hết, ruộng ai làm,
 Lợn con mất mẹ, vườn cam trụi cành.
 Cúi đầu chịu nhục sao đành
 Cùng nhau đứng dậy để giành Tự do.
 Theo lời Đảng, theo Bác Hồ,
 Người người đánh giặc, cùng lo cứu *muờng*.
 Giặc tan, yên ổn bốn phương,
 Ta xây đất nước, *bản muờng* đẹp vui.

1948

tác giả tự dịch

HUỒI PHẠ *

(trích)

.

Đất Muờng-thanh (1) đồng côm vừa thóc
 Chẳng năm nào đủ nước cấy mùa;

Thường thường vụ được vụ thua,
 Đồng khô nước cạn, chờ mưa mới cày.

Đất Muờng-thanh, đất bằng lắm bãi,

Đây cỏ *văng* (2) kia lại cỏ gianh,

Nhiều nơi lau sậy rợp xanh,
 Đồng cao khó nước cũng đành bỏ hoang.

Muờng-thanh lắm *bản* nhiều làng,

Dân Muờng-thanh cũng lắm,

Ruộng Muờng-thanh cũng nhiều,

Núi rừng đẹp biết bao nhiêu
 Vườn cam rừng quýt nắng chiều hừng tươi.

* — Tên một con suối ở Điện-biên, cuối năm 1958 đầu 1959, đã xây dựng một công trình thủy nông ở đây.

1 — Tức Điện-biên phủ.

2 — Cỏ *văng*: một thứ cỏ mọc xen lẫn cây lúa, trông cũng giống cây lúa.

Nhưng người dân Điện-biên
 Vẫn tháng ngày quần quật
 Bên đồng khô chống hạn
 Vất vả biết bao đời ;
 Trai thiếu vục sông sâu chài lưới,
 Gái thiếu bến giặt tã cho con,
 Những đêm trăng đẹp gác non
 Ít khi được ngắm trăng tròn đồng quê...

*
* *

. . . Ngày nay bờ Huồi-phạ đắp cao,
 Ao Huồi-phạ dài hơn cây số.
 Có chỗ rộng lại có chỗ hẹp :
 Chỗ rộng bằng vục Quàn-ang (1)
 Chỗ hẹp bằng bến dò ngang phố Vạn (2).
 Có chỗ cạn lại có chỗ sâu :
 Chỗ cạn đo được bốn sải dây dù
 Nơi sâu đo được mười ba thước đứng.
 Có cửa cống xếp bốn hàng
 Nước nhùng đến đâu, ta mở đến đó.
 Hồ Huồi-phạ, có thể tưới cho một nghìn năm
 trăm mẫu mùa,
 Đồng chua nước cạn, tưới được bao nhiêu mẫu
 chiêm.
 Hồ còn kiêm cả việc thả cá,
 Mỗi xã góp vài chục con ;
 Cùng nhau trông nương gai non
 Đan chài nay mai đánh lấy.
 Làm được như vậy
 Cũng nhờ có Chính phủ, anh em giúp đỡ,
 Tốt chúng tốt bạn anh em mọi *mường*.
 Ngày tổng kết công trường, bầu được 11 chiến sĩ,
 Đó là niềm vui của khu ta.

1 — Một vục lớn ở sông Đà.

2 — Phố Vạn-yên thuộc châu Phù-yên, Khu Tự trị Thái - Mèo.

Hồ Huổi-phạ mai đây còn là nơi bơi lội,
Sẵn sàng chờ đón các bạn thanh niên trong khu
đến thăm.

Thuyền ghép ván cây âm, bơi đi thật thoải mái,
Thi bơi sải rồi lại thi bơi nhái,
Dân Mường - thanh cùng nhau hoan hô phần
khởi

Trông lên đồi trắng xóa cánh hoa ban
Mừng Điện-biên, khu ta đang đổi mới.
Quyết tiến lên chủ nghĩa xã hội với anh em các
mường,
Quyết xây dựng phát triển khu ta mai sau vui
yên rạng sáng.

1959

tác giả tự dịch

*Dân tộc MÈO **

ANH CƯỚP EM VỀ

Con khỉ có đôi,
 Chim ngói có đôi,
 Ý anh muốn được
 Sao sáng trên trời
 Để cùng có đôi
 Là em xinh đẹp.
 Đôi mắt em liếc,
 Cái miệng tròn tròn,
 Đôi má ửng hồng,
 Ai mà không mến?
 Anh muốn tìm đến,
 Lại sợ mẹ cha,
 Muốn gọi em ra
 Nhưng em nhiều việc.
 Không yêu thì tiếc,
 Không đến thì sầu,
 Không gặp mặt nhau
 Thì sinh ra ốm.

* Dân tộc Mèo (còn gọi là Mông) là một dân tộc cư trú trên các
 rẻo cao, nhiều nhất ở các vùng Đồng-văn (Hà-giang) Lùng-phìn, Xin-
 ma-cái, Pha-long, Mường-khương (Lao-cai), Tủa-chùa, Tả-sìn-thàng,
 Than-uyên, Trăm-tấu, Lang-nhì, Phù-yên, Điện-biên phủ (Khu Tự trị
 Thái-Mèo). Dân tộc Mèo chia làm 5 ngành: Mèo trắng, Mèo hoa,
 Mèo đỏ, Mèo đen, Mèo mống-sua. Dân số đông 182.747 người.

Đàn môi bé tiếng,
Sợ không lọt phen,
Nhỡ em ngủ quên
Thì ai nghe hộ !
Gầy to sợ lộ,
Bố mẹ đánh em,
Đến nương làm quen,
Đông người em thẹn.
Gặp nhau bàn chuyện
Anh cướp em về(1),
Anh hẹn ngày kia,
Em gặt đầu khế.
Giấu cha, giấu mẹ,
Em mặc váy hoa,
Mắt ướt nhìn nhà,
Chạy ra đầu *bản*,
Miệng vờ hô hoán :
— « Trai họ cướp tôi !... »
Nhưng đến đây rồi,
Lên lưng, anh cồng ;
Làng nổi chiêng trống
Chạy đuổi theo ta,
Càng chạy càng xa,
Chân anh như gió...
Nghe em nói nhỏ :
— « Ta đã được rồi ! »
Nhìn em anh cười,
Ta là sức mạnh.
Trai làng kiêu hãnh,
Đã cướp được em,
Đàn môi gầy lên
Cho em ca hát.

1 — Xưa kia, đồng bào Mèo có tục cướp vợ. Trai gái yêu nhau, nếu vì lẽ gì ngăn trở không lấy được nhau thì người con trai có thể tổ chức « cướp » người con gái về nhà mình và lấy làm vợ. Khi ấy không ai có quyền can thiệp được nữa.

Vừa đúng mùa gặt,
Em càng thêm xinh,
Đôi mắt thêm tình,
Lưỡi liềm thêm sắc ;
Anh đàn em hát,
Ta cùng yêu nhau...

CẨM GIANG

sưu tầm và dịch

THÀNH RỒNG THÀNH HỔ
Nhà xuất bản Phổ thông — 1957

TA ĐI HOẠT ĐỘNG *

Con sâu khoét gỗ mọt,
Bới đất nước không yên
Ta mới đi hoạt động,
Để bố mẹ ở với núi rừng.

Vì giặc bắt anh cùng em
Chia cắt nhau ra,
Ta mới không đồng tâm.
Vì giặc Pháp bắt anh cùng em
Chia cắt nhau ra,
Ta mới không đồng lòng.
Giặc Pháp bịt mắt ta
Không cho thấy xa
Để cướp nương, cướp ruộng.
Giặc Pháp bịt mắt ta
Không cho thấy rộng
Để cướp đất, cướp ruộng.
Nó không biết dân ta khó nhọc,
Vãi mồ hôi mùa cũ, mùa mới,
Cướp ruộng đất của ta
Đem đi ăn ngon và uống tốt,

* Đây là bài ca kháng chiến của đội du kích Cao-phạ (Son-la).

Đề ta ăn rau với cá mễ ;
 Cướp trâu bò ăn no phè phỡn,
 Đề ta ăn sắn với rau.

Con sâu đục khoét gỗ.
 Bối đất nước không yên
 Ta mới đi hoạt động,
 Đề bố mẹ ở rừng xanh.

LÊ TUẤN VIỆT
sưu tầm và dịch

NHỚ ĐẾN CHÍNH PHỦ *

VŨ THỊ DUA

Nhờ mặt trời cộng với ánh trăng
 Soi sáng đất nước đêm ngày.
 Nhờ Chính phủ và Hồ Chí Minh
 Lãnh đạo các dân tộc chúng mình.
 Lãnh đạo các dân tộc chúng mình
 Có mâm thịt đầy lại có hũ rượu.

Như ánh đèn dọi chiếu
 Thấy rõ lòng dân,
 Chính phủ, Hồ Chí Minh
 Bảo các dân tộc đoàn kết một lòng,
 Các dân tộc đoàn kết một lòng
 Và đã cùng nhau đứng dậy.

Đất nước hòa bình như cây hoa
 Cây hoa khi đã nở.
 Các dân tộc, nhất là người Mèo
 Mặt đã được lộ ra.
 Tất cả đều mỉm cười
 Tất cả đều mỉm cười sung sướng!

BÙI LẠC dịch

* Bài này do Vũ thị Dưa, một cán bộ phụ nữ người dân tộc Mèo, sáng tác. Bài này rất được phổ biến.

NHỚ THÁNG BẢY 1958

GIÀNG PÁO LÝ — GIÀNG A SÚA
VỪ A SỪNG — SỪNG A SINH

Đông rét qua rồi, xuân mới đến,
 Năm cũ đã qua, năm mới về.
 Nhớ đến tháng Bảy học tập
 Tay cầm bút, lòng đầy phấn khởi
 Sung sướng tựa hoa đào nở mùa xuân.
 Năm nay chữ Mèo nở ra trên đất này,
 Đó là nhờ đường lối của Đảng Lao động.
 Rồi một ngày mai chữ Mèo ta nổi tiếng
 Trong cuộc sống yên vui và hạnh phúc,
 Như chim muông đua liệng giữa trời xanh,
 Như ngàn hoa đua nở trên đất lành.
 Nhớ đến tháng Bảy ngày này năm ngoái,
 Khắp không gian chữ Mèo sáng chói
 Như ánh dương và mặt trăng dọi tới.
 Chính phủ luôn luôn dạy bảo
 Cho người Mèo đời sống thênh thang.
 Tên tuổi Hồ Chủ tịch đẹp đẽ
 Dắt tay ta vượt qua đời đau khổ.
 Chia ruộng cho ta làm,
 Gieo chữ cho ta học,
 Thật ấm áp lòng ta.
 Thời người Mèo có chữ phải vui mừng
 Và ta ra sức học hành,
 Như trâu già hủ dạ gặp mùa xuân cỏ non,
 Như chim họa mi, chim liểu điểu nhảy hót mùa
 xuân.
 Chữ Mèo ta đâm chồi nảy lộc trên trần gian.
 Nhớ ơn Hồ Chủ tịch khắc sâu trong đáy dạ
 Và mãi mãi nhớ lấy hình ảnh Đảng Lao động đẹp đẽ.

Các tác giả tự dịch

Dân tộc THÁI *

TÌNH CA

(TẢN CHỤ XIẾT XƯƠNG)

Tản chú xiết xương, dùng nghĩa là những lời cảnh khỏe và thương yêu trao đổi giữa trai gái — Tình ca là một tuyển tập những bài dân ca về tình yêu nam nữ của dân tộc Thái; căn cứ theo những bản đã sưu tầm và sao chép lại được thì nó gồm từ 129 đến 140 bài, khoảng trên dưới 3.500 câu. Tác phẩm ra đời từ bao giờ, do những ai sưu tập, hiện nay vẫn còn chưa rõ.

Mộc mạc nhưng lễ nhị, bay bướm mà vẫn hồn nhiên, Tình ca ghi lại cả một quá trình yêu đương của nam nữ thanh niên lao động Thái, từ lúc ươm hời họ, lên, hoàn cảnh gia đình đến khi đã qua trao đổi tâm tư, bộc lộ tình yêu, cùng nhau cất màn ăn thề, dặn dò chung thủy, rồi đến những nỗi nhớ nhung, dằn vặt, những niềm ước vọng tha thiết về cuộc đời chung sống bên nhau. Những bài dân ca sưu tập trong Tình ca nói lên sâu sắc lòng yêu mến, tin tưởng, tinh thần lạc quan của nhân dân lao động Thái đối với quê hương, đất nước, đối với công việc lao động sản xuất và người suốt đời đồng lao cộng tác với mình; đồng thời cũng biểu lộ lòng căm ghét, khinh bỉ của họ đối với những áp bức, bất công, lừa gạt, phản trắc đầy rẫy trong xã hội cũ. Cũng như Tiến dặn người yêu (Xống chú son sao), Tình ca là một tác phẩm trữ tình lớn, được yêu quý, phổ cập trong nhân dân Thái trước kia và ngày nay.

Những bài trích dịch dưới đây là căn cứ theo bản của Phòng Văn nghệ (Sở Văn hóa Khu Tự trị Thái - Mèo), có so sánh đối chiếu với các bản của các ông Lường Văn Vương ở xã Mường-lăm châu Sông Mã, ông Cầm Văn Vạt ở xã Chiềng-chung châu Mai-son, và ông Cà Văn Chung ở xã Còi châu Mường-la.

* Xem chú thích ở trang 39.

LÀNH ĐỒN XA

Đồn về xuôi, tiếng đồn bằng thuyền,
 Đồn lên ngược, tiếng đồn bằng em (1),
 Đồn lên trời, tiếng đẹp bằng rồng,
 Đồn xuống nước, cá đồn đến ngấm,
 Đồn lên núi, rừng cây xuống ngấm,
 Đồn vào hang đá, rồng bay đến thăm.
 Rặng hoa sen đã biến thành em,
 Hoa *mạ* (2) mà hóa thành mình.
 Thân em như sao tở,
 Mặt mình như sao băng,
 Sao băng còn không sáng trong.
 Cha nuôi em lột xác hóa rồng.
 Mặt em như cô gái Kinh,
 Lưng mình như cô gái Lự (3),
 Diễm trang dáng đẹp như rồng ;
 Người trong vùng nhắc thấy muốn khóc,
 Em đi đường bằng, sáng rực bốn phương,
 Em đi đường núi, uyên ương nghiêng lượn,
 Đường như ngọc hoa đá (4) đã hóa nên mình.
 Người nhìn, người mềm lòng muốn khóc,
 Cây nhìn, cây mềm cành gãy đôi,
 Chồng nhìn, chồng bỏ vợ chết liền.

1— Ý nói: tiếng đồn về xuôi chỉ nói tới thuyền vì ở xuôi còn có sông to, bề rộng, nhiều thuyền; tiếng đồn lên ngược chỉ nói tới em vì trên ngược chỉ có em là đẹp nhất, giỏi nhất.

2— Hoa *mạ*: một thứ hoa màu vàng, đẹp và thơm, được nhắc luôn trong thơ ca như một thứ hoa quý.

3— *Lự*: một dân tộc thiểu số ở Tây-Bắc.

4— *Ngọc hoa đá*: theo truyền thuyết, đá cũng có tinh thể, linh hồn, tinh thể đá kết lại thành ngọc, thành hoa, có thể biến hóa thành con gái xinh đẹp, tài giỏi.

Mặt em đỏ hồng hoa vông,
 Hai cánh tay thon dài con chỉ (1),
 Ai được ấp ủ bên mình sẽ lột xác hóa rồng, em hỡi!

*
* *

Em yêu mặt cười tươi, tiếng ròn,
 Mặt cười vui, tiếng êm,
 Đón đả chào khách xa đến,
 Tiếng đi và tiếng lại tung bừng,
 Như đàn tiên, tiếng ngọt ngào trên lưỡi,
 Tiếng bên vách ấm êm lòng người,
 Như cuộn chỉ vàng, tiếng nói cùng anh em.
 Em yêu khéo gói và khéo mở,
 Khéo chuyện và khéo nói,
 Tiếng hát vào núi đá thành vôi,
 Em hát cùng chài gấp nên tấm áo (2),
 Hát cùng rau sẽ mọc thành sen,
 Hát cùng chồng bằng quên mất vợ,
 Hát cùng trăng sao rơi xuống thành đá,
 Hát cùng suối rộng, cá cháy về đầy,
 Hát cùng ruộng đồng, vàng ươm thóc lúa,
 Hát cùng trời, tháng Chín, tháng Mười (3) quên mưa.
 Hát cùng *bản*, cùng *mường*, người người muốn
 khóc, em ơi!

*
* *

Em yêu đan vỏ nên hình chim công,
 Vả chài thành hình lượn con rồng,
 Đưa nhát kéo thành chấm sao quạt (4).

1 — Con chỉ có lõi giữa, quay bằng xa, hai đầu nhỏ muốt.

2 — Ý nói: hát vào núi đá, đá tan thành vôi; hát vào cái chài (chài để quăng cá vốn mắt thừa) thì chài biến thành vải, thành áo.

3 — Tháng Chín tháng Mười lịch Thái (khoảng tháng Tư, tháng Năm âm lịch) là mùa mưa.

4 — Sao quạt (*lao vi*): một chùm sao gần dải sao Ngân Hà, xếp thành hình chiếc quạt nan, chỉ ngày mùa mới thấy rõ.

Em yêu úp tay trái nở ra hoa đào,
 Ngửa tay phải thành hoa tươi Mường Hồ (1),
 Khép ngời may lụa thành võ cánh bay (2).
 Em quay sợi thành hoa so se (3),
 Em ngồi cửi thành đường kẻ thẳng,
 Em dệt vải thành dòng kẻ vàng.
 Người khác phương liếc nhìn muốn khóc
 Ước được đưa em về thêu khăn đào, em hỡi!

ƯỚM HỎI

Thấy áo mới nhưng áo còn cuộn,
 Thấy khăn phơi sần nhưng còn khuất che,
 Biết là em yêu nhưng còn tên, còn họ?
 Tên em hời còn đỏ (4)?
 Tên mình từ còn thơ?
 Mẹ đeo cho vòng bạc tay phải,
 Ông bà địu bằng lĩnh bằng là đặt tên.
 Tên em gọi bằng gì?
 Tên mình gọi sao đây?
 Vòng bạc trắng của ai?
 Vòng vàng đỏ của ai (5)?
 Con nuông chiều nhà ai lạc mẹ?
 Mặt xinh tươi hoa cải,
 Con quý ngồi cửi đỏ (6),

1 — Mường Hồ: tên gọi nước Trung-hoa.

2 — Người con gái Thái khi ngồi xồm rất có ý tứ, hai gót chân khẽ nhấc lên, dáng điệu kín đáo, mềm mại, tựa như chim xoe cánh sắp bay.

3 — So se: một thứ hoa rừng, màu trắng và vàng, hơi giống và nhỏ hơn hoa cúc, hái về gói dầu thơm, sạch.

4 — Hời còn đỏ: hời mới đẻ

5 — Ý hỏi: là người tình nhân yêu quý của ai?

6 — Cửi đỏ: cửi dệt mặt chần đỏ (người khéo tay mới dệt được mặt chần).

Con yêu ngồi cửi lưa,
Bên lầu nhà ai, em yêu dấu thêu thùa?
Con ai đây, lạc bạn?
Cháu ai đây, lạc đường?
Con yêu bên cửa sổ êm đêm,
Con quý nơi buồng trong nhà ai?

..

Gió thổi hoa na
Khăn đào của ai phơi sân gió thổi?
Gió thổi khăn rơi
Khăn rơi, rơi xuống mặt đường,
Bạn tình ai, người đẹp của ai?
Hoa trắng nơi vườn dưa,
Hoa đỏ nơi vườn mía,
Mặt trắng hồng, vợ yêu quý của ai lạc đến?
Áo mình tô dấu son (1),
Thân em hồng nước rượu (2),
Vợ ai kia, bạn chung đời ai đấy?
Mặt em sáng tươi hoa sen,
Chải đầu hoa đào phủ tóc,
Vợ ai kia, rồng kết bạn rồng ai đây?

..

Anh được nhai trầu còn chưa biết rế,
Được ăn quả, lá còn chưa hay,
Nhà em ở đâu, anh chưa được rõ.
Nhà em ở Thanh, Than, Muối, La (3)?

1 — Ý nói: người đẹp như có dấu riêng, đi đến đâu cũng nổi bật, không trộn lẫn được.

2 — Ý nói: da dẻ hồng hào như vừa nhấp rượu.

3 — Tức là Mường-thanh (Điện-biên), Mường-than (Than-uyên), Mường-muối (Thuận-châu), Mường-la (Sơn-la).

Nhà em Ló, Cha, Púa, Sang (1) nơi nào?
 Nhà em ở đất Hỏ, đất Hán (2) sang giàu
 Hay So, Là (3) giàu có, nơi đâu?

..

Đầy thuyền trôi trôi đá nhọn giữa ghềnh, không
 người chèo lái giúp anh.
 Người khô rồi, em yêu không thương,
 Người xanh vàng, không chờ,
 Có đâu quay mặt liếc trông?
 Anh nghèo xơ như bã quả chanh,
 Nghèo dính như vỏ măng quả sung,
 Nghèo mặc áo vỏ coi, nằm đệm vỏ liếng (4),
 Thành vợ anh, em sẽ đeo lẵng chạy nhà dưới
 xin muối,
 Đeo lếp (5) đảo nhà trên xin cơm,
 Phải ăn nâu trộn bốn thay mùa (6).
 Đời nào em yêu bỏ nhà ấm đi ngủ lều trạm (7),
 Vượt rừng cây đi ngủ lều rơm,
 Không phải người thừa, ai lại cùng anh tỏ tình
 kết nghĩa?

..

1 — Tức là Mường-lò, Mường-cha (Nghĩa-lộ), Mường-púa (Phù-yên) Mường-sang (Mộc-châu).

2 — Đất Hỏ, đất Hán: đất Trung-quốc.

3 — So: Mường-so (Phong-thổ), Mường-là (một mường người Thái thuộc tỉnh Vân-nam — Trung-quốc).

4 — Liếng: một thứ cây gỗ rắn dùng làm cột nhà rất bền, vỏ tròn mỏng, dính chặt vào thịt cây, không bửa ra được. Thông thường không ai nằm đệm bằng vỏ liếng.

5 — Lếp: một thứ giỏ đan bằng tre có dây chòng qua vai đeo bên sườn, vật dùng thông thường của phụ nữ Thái.

6 — Ý nói: thay cơm suốt năm, cả đến ngày mùa cũng phải ăn nâu, ăn bốn.

7 — Lều trạm: lều dựng sơ sài trên những quãng đường vắng, dùng làm chỗ nghỉ chân cho các khách bộ hành tránh tạm mưa nắng.

Đời nào đóng nên thuyền buộc bến !
 Nói cạnh vãi nhuộm dễ gai dấn nâu (1),
 Đời nào thành khăn vắt tay phải thăm nhau !
 Anh yêu nói cạnh suối đá chồng nước tràn,
 Suối đá nháp lũ dâng,
 Đời nào thành thuyền bè dập diu chèo lái !
 Nói cạnh đi điệu củ bán rong,
 Đời nào nên vợ chồng chung buồng, anh hỡi !

CHUNG LỬA CHUNG NƠI

Đôi ta cha mẹ nuôi chung nôi nhà cô,
 Ông bà cồng chung điệu nhà chị ;
 Lớn chung áo cha mẹ ta bọc,
 Lớn chung khăn mẹ yêu ta che ;
 Đôi ta lớn chung gạo nơi bịch cao,
 Chung cá nơi vục sâu,
 Ở cùng *bản* ta lớn cùng lửa ;
 Lửa cùng lửa, ta nô đùa,
 Thời cùng thời, ta vui chơi,
 Áo chung áo, áo mới ta khoác,
 Thân chung thân, đôi thân quấn quít, người yêu
 ta ơi !

*
* *

Đôi ta chung họ chung phương trời,
 Chung nòi, chung mặt đất.
 Họ ta họ yêu *bản* (2) không phai,
 Họ yêu *mường* (3) không mờ,

1 — Ý nói: vãi xấu, vãi thô.

2 và 3 — *Bản* : một thôn, một làng hoặc một xóm nhỏ. *Mường* gồm nhiều *bản* hợp thành, tương đương như một tổng ở xuôi trước kia. Nói *bản*, *mường* cũng tức là nói quê hương đất nước.

Chung gốc bầu, cùng lỗ khoan xưa (1).
 Đôi ta chung họ cả người Kinh,
 Chung dòng cả người Xá,
 Không phải đưa con lang giặc ngoài mang tới (2).
 Đôi ta chung dòng mười hai ngã,
 Chung giống bốn phương trời,
 Cùng chung nòi, lớp lớp anh em.
 Sinh chung họ, ta ở chung nhà,
 Được chung mâm, ta nằm chung chái,
 Cùng giống cùng dòng, ta đắp chặn đôi (3), **minh**
hỡi !

Đôi ta cách *bản* nhưng cùng phương,
 Cách *mường* nhưng cùng hướng,
 Cùng nguồn nước Đà, Thao, U, Khong (4).
 Đôi ta ăn chua (5) cùng mổ muối,
 Đi thuyền cùng bến đò,
 Qua đất ngoài (6) cùng chuyển xe lửa.
 Đường xa nhưng chung vùng,
 Đường vòng nhưng chung nẻo ;

1 — Theo truyền thuyết Thái, ngày xưa trái đất hoang vắng, Trời thả xuống một trái bầu nhưng bầu không tự vỡ ra được. Trời cầm dùi khoan một lỗ, do lỗ khoan đó mà loài người chui ra. Người Xá chui ra trước dính nhọ nên da hơi đen, rồi đến người Thái, người Mèo, người Kinh...

2 — Ý nói: không phải là kẻ quên gốc, quên nòi, lang thang theo giặc ngoại xâm tới cầu sung sướng.

3 — Chặn đôi: chặn rộng hai người đắp. Đắp chặn đôi tức là thành vợ thành chồng.

4 — Đà: Sông Đà; Thao: sông Thao; U: sông Nậm-u (hoặc Nậm-hu) một chi nhánh của sông Cửu-long chảy trong địa phận Thượng Lào; Khong: sông Cửu-long.

5 — Ăn chua: ăn trái chua, quả chua. Người Thái có lệ ăn chua vào buổi trưa để giải nhiệt.

6 — Đất ngoài: chỉ đất xa lạ chưa biết tới, ngoài nơi mình đã sống. Đất ngoài đây có ý chỉ miền xuôi.

Đôi ta, ở xa diện chung khăn,
 Ở xa quần chung áo,
 Cặp bạn tình chung *khuống* (1) trắng tà.
 Đôi ta xa nhau một lối chỉ,
 Cách nhau một cùi bông,
 Cách cùi bông kéo thành tấm khăn.
 Nghìn lá trầu không hãy biến thành đá (2),
 Lời trao gửi nên duyên, hãy cho hợp số đôi ta,
 mình hỡi!

ĐỜI THANH XUÂN

Đôi ta thăm hoa khi hoa nở
 Hoa nở rồi rụng cuống hoa tàn,
 Kết bạn tình khi tuổi xuân em chớm dậy.
 Đời em như hoa *ban* (3),
 Đời mình như hoa *khảm* (4),
 Hoa biến thành rêu khi dầm nước,
 Hãy yêu nhau giữa lúc thanh xuân.

1 — *Khuống* (*hạn khuống*): sàn nửa lộ thiên dựng ở một địa điểm trung tâm của *bản*, mùa đông-xuân khô ráo, trai gái tụ tập lên *khuống* đốt lửa, quay xa, ca hát, thổi kèn sáo v.v... vừa học hỏi, vui chơi, vừa tìm hiểu lẫn nhau. Phong trào *hạn khuống* xưa kia rất thịnh, từ năm 1919 trở lại đây thì tiêu điều dần.

2 — Người Thái có lệ ăn hỏi, dạm mặt bằng trầu cau. Ý nói: những lời trộm dạm hãy làm cho vững chắc không thể lay chuyển đời đời được nữa.

3 — Hoa *ban*: hoa của núi rừng Tây Bắc, cánh trắng muốt, nở rộ vào giữa mùa xuân. Khi hoa *ban* rộ là lúc mùa xuân đẹp nhất, sau đó hoa bắt đầu tàn, xuân cũng chuyển sang hạ. Ý nói: đời người con gái chỉ đẹp có thời, có lúc.

4 — Hoa *khảm*: tên hoa gặp nhiều trong thơ ca nhưng trong đời thực chưa ai thấy. Cứ theo nghĩa đen, nghĩa thông dụng của chữ *khảm* thì đó là thứ hoa muôn màu, muôn vẻ. Đời người con gái may có, rủi có, xấu có, đẹp có, người thế này, người thế khác, muôn màu, muôn vẻ như hoa *khảm* vậy.

Voi vào rừng không dẫm lại dấu chân chốn cũ,
Voi vào núi không quay về chỗ buộc găm sào,
Duyên số dở dang, không thể quay về kén bạn.
Sợi xe đôi không quay về cuộn,
Sợi bện rồi không trở lại guồng,
Đã nên vợ người còn lượn chơi óng ả được sao?
Đôi ta đùa vui đời tấm khăn (1),
Reo ca đời coi trầu (2),
Chuyện bên nhau lấy đời trai gái, em ơi!

*
*
*

Ngày hết, ngày không trở lại,
Tháng hết, tháng không quay lại.
Lúa lên đồng, lúa sẽ thành rơm,
Thương nhau khi đôi ta còn trẻ.
Đời gái trai như đời sợi tơ,
Sợi xe sợi thành cuộn sợi,
Tơ cài tơ thành mặt chắn tơ.
Trông nhau khi mắt sáng,
Nhìn bạn tình khi mắt liếc long lanh,
Em lấy chồng phương xa rồi sẽ không còn gặp mặt.
Đời bạn tình, đời hoa,
Hoa tàn rơi, lìa gốc,
Hoa ủa rụng, lìa cành,
Trao gửi tâm tình hai câu, ba câu, mẹ em yêu sẽ
 nắm gáy lôi lên nhà chồng, em hỡi!

*
*
*

Đôi ta yêu nhau như đất, núi tạc vết,
Như bát nước đầy không sóng sánh,

1 và 2 — Đời tấm khăn: người ta chỉ quý khi tấm khăn còn mới đẹp. Đời coi trầu: người ta chỉ chuộng khi coi trầu vừa nhấc lên tay, còn đầy tình nghĩa. Ý nói: đời trai gái như đời tấm khăn, như đời coi trầu, cái sung sướng, vui đẹp không hề bền lâu.

Lời thương nhau không chút đơn sai.
 Đôi ta chơi hoa sung khế bọc,
 Chơi hoa *chăn* (1) khế rào,
 Mưa ào cuốn lá đừng cho hoa rụng,
 Cha mẹ mắng, ngăn, đôi ta đừng e.
 Con người xui câu khôn, câu dại, hòng đôi ta
 lìa, chớ lìa.

Lời tình dấn bọc trong khăn đào,
 Lời tình trao gói vào khăn lụa,
 Gói khăn lụa lời tình trao lấp lánh thành vàng,
 Lời thành vàng em mang đi đánh
 Thành dây xà tích cầm trên tay phải, em ơi !

* *

Lòng em ràng chỉ vàng (2),
 Lòng anh một niềm thương,
 Quyết cùng nhau nên nghĩa vợ chồng.
 Lòng thẳng ngay, lòng trung với khăn,
 Một lòng, lòng cuộn với áo.
 Nhớ chỉ nhớ áo cũ thường mặc,
 Nhớ khăn đào phấp phới thường dùng,
 Nhớ người tình cũ hằng thương;
 Nhớ người yêu má ỉm thường đùa;
 Nhớ người tay thon hát múa;
 Nhớ chỉ nhớ áo hai mình ta khoác,
 Thân bên thân, đôi thân ta quên;
 Lòng nhớ riêng em, không mơ màng con gái ông phủ,
 Lòng quán bên mình, không tơ tưởng cô *nàng*
 con quan.

* *

1 — Hoa *chăn*: một thứ hoa đỏ rất đẹp, thường được nhắc tới trong thơ ca, trong đời thực thì chưa ai thấy.

2 — Ý nói: lòng đã ràng buộc vào một mối tình đẹp đẽ, cao quý không còn có thể dời đổi.

Hai ta nói lời không e thành trận gió,
 Dốc nổi lòng e thành nước tan.
 Hãy chém đá trắng để vết,
 Tạc đá đen đúc hình,
 Nâng bát ăn thề máu hòa nước trong.
 Hai ta thắt chặt hai tiếng rắn chắc thành đá,
 Hòa lẫn hai lời tinh khiết thành vàng,
 Lời vàng gói vào khăn lụa,
 Hai lời quấn trên hai lưỡi, chín kiếp không phai.
 Hai ta thề thấu đất, thấu núi đá dựng,
 Nhũ cùng trời nhận chứng đôi ta, mình hỡi!

*
* *

Hai ta lấy nhau đắp nước làm hai guồng cọn
 Dẫn nước vào đầy hai nương (1),
 Nước đầy nương, cả *mường* gieo mạ.
 Em cầm mai, anh sẽ cầm rìu,
 Cầm rìu đi chặt cành đa (2),
 Vun xới phương trời kiếm sống.
 Hai ta sức đập đá, san đồi, dựng *bản*,
 Chấn vũng suối thành ao nhà,
 Nước ao đời đời không cạn.
 Ta thả cá chiên, đầy đàn cá nỏ,
 Cá nỏ đầy đàn, cá lượn,
 Để ta bữa bữa thay rau, mình hỡi (3) !

1 — Tục làm ăn cũ, một phai kiêng không được dẫn nước vào hai nương. Có câu nói: « *nước hai nương, mường hai chủ* ». Câu này ý nói quyết tâm, phá bỏ lệ luật, cùng lao động xây dựng hạnh phúc.

2 — Ý nói: cầm rìu đi chặt cây, phát hoang, khai khẩn ruộng mới.

3 — Mỏ cá chiên ăn thay rau xanh. Ý nói: cuộc đời nghèo khó đã trở thành sung túc.

DẶN DÒ

Em đừng tham đầy bồ bông nén (1),
 Đừng tham vàng rồi bạc đầy hòm,
 Đừng sợ một xó lều anh nghèo khổ,
 Đừng ước làm giàu nhà giàu ăn cá ngon,
 Đừng vột đứt tình anh sắt son !
 Đừng mê vải nhiều *châu* (2), bạc đúc tràn kho,
 Đừng thích ăn không trên đồng của chất to.
 Em ơi, chẳng bằng sức của ta, ra sức ta làm ;
 Vàng với bạc như dòng nước qua thác,
 Của trong sạp như trận gió, cơn mưa.
 Ăn ở xấu sẽ như gươm, đao sắc bén
 Giết chết chủ như nước lũ bất ngờ.
 Người xấu, vàng bạc như sắt rỉ đồng vụn,
 Chẳng bằng được ta, mai vác, dao đeo, tay làm
 nên của,
 Đời đang thì đang lứa, ngày thêm ngày no đủ,
 em ơi !

*
* *

Em yêu ăn cá chiên chua sông Mã
 Đừng quên gốc măng riềng bãi bằng ;
 Ăn thịt nai to rừng thẳm
 Đừng quên bát canh *cản* nấu sông ;
 Em ăn cỗ bát đầy bàn nặng,
 Đừng quên anh trái lá ăn cơm ;
 Em ngồi xe, mình quán vọc lĩnh
 Đừng quên anh thả bè dọc suối khoác chài.

1 — Đồng bào tỉnh bông bằng nén, mỗi nén bông bằng mười lạng cân ta. Bông tỉnh thành nén chất đầy bồ, mỗi bồ kể có trăm nén. Nhiều bông nén là chỉ sự giàu có.

2 — *Châu* : đơn vị đo chiều dài, dài 4 sải tay (khoảng 6 thước mét).

3 — Rau *cản* : một thứ rau mọc ở ruộng, vị nhạt, thức ăn bất đắc dĩ của người nghèo.

Em ngồi hàng buôn bạc triệu vào cửa
Đừng quên đồng kềm anh đi củi trầy vai.
Em về nhà người, ngủ buồng riêng dâu mới,
Thong dong ngắt hoa vàng, hoa đỏ cài đầu
Đừng quên anh cô đơn canh xó nhà mẹ.
Em yêu ăn gạo bịch lớn bằng núi
Đừng quên anh ngựa tay xin vốc qua ngày.
Em yêu ăn lườn gà lôi
Đừng quên anh ăn đùi chim chích,
Đừng quên khi cày để bẻ đôi.
Em vào vườn đẹp hái bông sen tươi
Xin đừng quên hoa bầu (1).
Mười chín kiếp trời, chớ quên lời anh căn dặn,
em ơi!

MẠC PHI
trích dịch

HÁT THÁCH*

Thách dắt dê qua mạng nhện.

— Cha yêu em và mẹ yêu em
Khóc dắt bò đi trên mặt phai,
Khóc dắt trâu đi trên cánh dang,
Khóc dắt dê đi trên mạng nhện,
Anh nhận chẳng, nhận có được chẳng?

— Anh sẽ cào đất dày xuống đắp,
Hất đá tảng xuống kê
Thành chiếc phai to ngăn vực sâu, sông lớn.

1— Khi cùng túng, hoa bầu vị đắng chát cũng thành thức ăn. Văn là ý nói được sung sướng đừng quên khi nghèo khổ.

* Dân ca của dân tộc Thái có nhiều thể, trong đó hình thức *hát đối*, *hát đối*, *hát thách* thường được sử dụng.

Cành dang anh chặt, đặt lên mặt phai,
 Mạng nhện anh cài liền ngay tại đó;
 Rồi anh dồn trâu, rồi anh dồn bò,
 Bò đi trên mặt phai,
 Trâu đi trên cành dang,
 Dê đi trên mạng nhện,
 Được nhường ấy, cha mẹ em yêu nhận gả cho
 chẳng?

Thách nộp thịt chim

— Cha yêu em và mẹ yêu em
 Muốn ăn chim chích chín ngàn nôm (1),
 Chim *phay* chín ngàn lông,
 Chim *sủm* mười triệu con,
 Chim *ô bố* một con,
 Chim *sen hỏm* (2) và chim bói cá;
 Anh nhận chẳng, nhận có được chẳng?

— Anh sẽ đi mua tơ Mùong-chiến,
 Quay tơ tận Mùong-trai (3),
 Được tơ anh sẽ đan lưới.
 Đan lưới đan mắt đứng,
 Hai ba tối đan xong.
 Một lưới cắm tận Năm-u (4) đầu dòng,
 Một lưới cắm tận Năm-khong (5) đầu sông,
 Hai lưới cắm ở cửa sông Thao, sông Đà.
 Anh bàn cùng ba mươi anh con chú,

1 — Nôm cá, bắt chim chích bỏ vào đầy nôm cá mới là được nhiều.

2 — Những tên chim rừng.

3 — Mùong-chiến (cũng gọi là Ngọc-chiến) và Mùong-trai: hai xã thuộc châu Mùong-la hiện nay, xưa nổi tiếng nhiều tơ tốt.

4 — Năm-u (cũng gọi là Năm-bu) : một nhánh của sông Cửu-long chảy trong địa phận Thượng Lào.

5 — Năm-khong : sông Cửu-long

Hai mươi hai chàng anh em
 Cũng là người trong họ trong nhà,
 Mới đi vây chim tận *mường* dưới,
 Đuổi chim tận đất Kinh ;
 Chim bay thấp dính liền vào lưới anh đặt,
 Chim bay cao mắc chặt vào lưới anh dăng.
 Anh đã có chim chích chín ngàn nôm,
 Chim *phay* chín ngàn lông,
 Chim *sủm* mười triệu con,
 Chim ó bố một con,
 Và chim *sen hỏm* lượn quanh bầu trời đến bầy.
 Nhưng hãy còn chim bói cá,
 Con chim bói cá nó lặn vực sâu ăn cá,
 Anh vót que dính nhựa dài mười sải, hai mươi
 sải lặn theo.
 Được nhường ấy đến nộp cha em yêu và mẹ em
 yêu,
 Trên giường cao, cha em yêu đáp lời cho chẳng?
 Dưới giường thấp, mẹ em yêu nhận gả hay chẳng?

Thách nộp thịt thường luồng và H.

— Cha yêu em và mẹ yêu em
 Muốn ăn thịt thường luồng đuôi cuộn ướp chua,
 Thịt hồ con đuôi vẫn ướp muối,
 Anh nhận chẳng, nhận có được chẳng?

— Anh mới đi lấy lá dáy đắp nước,
 Lấy lá vả ngăn phai (1);
 Nước mới cạn, mất thác,
 Nước mới cạn, mất vực:
 Thường luồng dưới nước nổi lên,
 Thường luồng trong hang chui ra,

1 — Đắp phai muốn cho kín thường phải ken nhiều lá to vào giữa rồi đắp đất, bùn, rơm lên trên. Lá dùng đắp phai thường là lá dáy, lá vả.

Bắt con cú đứng làm chủ hồn,
 Bắt con ruồi đến làm bà sứ (1).
 Trời thấy, Trời gầm lên,
 Trời thấy, Trời thét tướng,
 Trời mới nắng tràn ban đêm (2).
 Lưỡi gươm bén của anh mới vút bay lên,
 Lưỡi kiếm sắc của anh liền vút bay đến,
 Bay đến rách lấy gan Trời,
 Cắt lấy phổi Trời về sấy,
 Cắt lấy bầu dục Trời về nướng,
 Lấy cả lưỡi lẫn óc ma *Then*.
 Được nhường ấy nộp cha em yêu và mẹ em yêu,
 Trên giường cao, cha em yêu đáp lời cho chẳng?
 Dưới giường thấp, mẹ em yêu nhận gả hay chẳng?

MẠC PHI, HÀ VĂN NĂM
 CẦM CẦU, QUANG THỊ ÚM
sưu tầm, dịch

NAM NỮ ĐỐI CA *

NAM :

Nàng, khi đến, đến bên nước hay đến bên đồng?
 Đến bên nước, trai (3) xin hỏi thăm cá,
 Đến bên đồng, trai xin hỏi thăm lúa;

1 — Đoạn này tả cảnh tế trời, một tục tế lễ đặc biệt «long trọng» mà tế vật là rắn và nhái chết, con cú đứng làm chủ tế, con ruồi thay cho bà «một mường» (một chức thần quyền khá lớn).

2 — Ý nói : Trời giận quá, sinh quần trí nhầm lẫn, hết cả linh thiêng, tài giỏi.

* Những đoạn *Nam nữ đối ca* dưới đây đều sưu tầm ở vùng đồng bào Thái Yên-thượng (Thanh-hóa).

3— *Trai, anh, chàng* : tiếng người con trai tự xưng, cũng như tiếng *nàng, út, em* là tiếng người con gái tự xưng khi hát với nhau. Những tiếng đó cũng có thể là tiếng bên bạn hát và gọi lại. Ví dụ : người con trai cũng gọi người con gái là *nàng*. Và *nàng* gọi *chàng* là *trai*.

Hỏi thăm lúa *cai củ cai củ* nhà út có đủ hái;
 Hỏi thăm vịt chân đen viền vàng dầm giọ;
 Hỏi thăm dê tai dựng móng viền bạc,
 Dê tai dựng móng viền vàng;
 Đũa đây nắm ném xuống có còn đủ (1),
 Bố mẹ vây quanh còn đủ hay chẳng?
 Hôm út đến đã chặt mắt dây ngựa qua mương;
 Chặt đi dây *ca nương*, dây tơ hồng qua suối;
 Đã cắt tình yêu đẹp đến bên sân
 Tình yêu trắng trong ở bên cạnh đồng vui
 hội (2).

Tôi xin ngừng lời để út đáp lời...

NỮ:

Lời trai dứt ở trong sân cho út xin quý,
 Lời chàng rơi trong bãi cho nàng xin nhất.
 Vịt nhỏ mới học đẻ, chưa đẻ khắp đồng,
 Gà nhỏ mới học gáy, chưa gáy khắp vùng,
 Gáy chẳng nên, tiếng gáy còn run, xin chàng chờ
 chửi,
 Xin cùng bông hoa *cây* (3) đừng để lòng trách chê.
 Em không biết, em đến học,
 Út vung về nên đến đua theo,
 Giã tấm gạo đến theo học với chàm (4).
 Xin lên theo với ngọn trâu bạc,
 Xin đua theo ngọn trâu vàng,
 Xin kết hôn với chàng nghìn năm cho quen,
 Xin thừa thực với hoa *cây* có chỗ qua lại,
 Đi buổi sáng, ghé vào nhà ăn cơm,
 Qua buổi trưa, ghé vào nhà xin uống nước,
 Đi buổi tối xin gửi giấc ngủ say...

1— Ý nói: gia đình có còn đông đủ không?

2— Mấy câu này có ý hỏi xem nàng đã có hứa hẹn với ai chưa, và nếu có thì đã cắt đứt hay chưa.

3 và 4— Hoa *cây*, nước chàm là hình ảnh đẹp và quý, người ta dùng để ví với người bạn tình của mình.

NAM :

Nàng thích trai, nhai trầu chung coi,
 Nàng thương trai, nàng hút chung một điếu ;
 Trai có nghịch trộm bạn của người khác để bói (1)
 Thì nguy hiểm đó, trai không sợ.
 Thanh kiếm cắm qua gác bầy lượt, tôi bước đi,
 Nàng có thương trai, đừng quên tình nghĩa,
 nàng ơi !

NỮ :

Cây ở trên ngọn núi chưa có dây leo,
 Cây trong lũng đất to chưa có dây nào bám,
 Chưa uốn theo cây này cây nọ đến gần ;
 Thân em hãy còn trong vẹn vẹn,
 Chén rượu đầy nguyên chưa đổ bên nào.

NAM :

Trong lòng trai lo được lúa tẻ vàng lại cấy
 đồng bên,
 Lo được nàng về lo liệu việc nhà.
 Nàng nỗ lòng nào để cho cơm ở mệt không ai quạt,
 Để cho nhà tôi không giữ được tốt, không ai coi giữ,
 Để cho sân tôi rậm không tay ai quét,
 Để cho thân trai ngày đại này chẳng có đôi !

NỮ :

Ngài đừng nói nịnh, ông chớ nói phỉnh,
 Thân tôi còn thiếu sót hơn biết bao nhiêu !
 Hay là trai thấy nước vũng sâu đem cây chọc thử,
 Thấy nước vũng cạn đem chọc thử mà chơi,
 Ghét em nhiều nên nói nịnh cho biết ý ?
 Trong lòng em muốn đi ăn cơm khác đồng (2),

1 — Ý nói: ướm thử.

2 — Ý nói: muốn lấy chồng người khác bản, khác mường.

Ngum nước lã để bạn giải mệt không có,
 Miếng trầu đưa tay hỏi thăm (*cũng*) không.
 Đi rẫy, út gượng hái lá cỏ gianh,
 Đi ruộng, em gượng hái lá *rì rì*,
 Tôi cũng gượng hái lá cây trong rừng lại dọn,
 Mời *mường* bạn, *mường* anh ăn trầu thăm tôi,
 Mời bông hoa đẹp (1) ăn vỏ chay thăm em.
 Miếng nào tốt đẹp, anh thân mến hãy nhai,
 Miếng nào khô héo xấu xa rút bỏ hẳn,
 Miếng nào đắng ném về cho chủ nó.
 Ăn không được, xin đừng nhổ vào lửa,
 Ăn không được, xin đừng bỏ trôi sông,
 Đừng có lấy chân đạp, chân bới cát, cát vùi lấp
 đấy nhé, anh phương xa tôi ơi !

CẢM ƠN NGƯỜI ĐẸP ĐƯA TRẦU

Ôn nàng, bạn vàng ngọc, chia đưa,
 Nàng sắm được của sang trọng tươi đẹp như
 hoa đào nở,
 Lấy đến đón, tôi mừng rỡ (*được*) ăn nhờ,
 Đem đến, người đắng cay (2) gior tay nâng lấy,
 Đưa cho người nghèo khổ (3) như ngọc cầm tay,
 Tôi không nhai, trầu cũng tự đổ tươi.
 Ôn tình yêu (4) quý muôn phương trong sáng,
 Được sống lâu muôn thuở như núi đá cao,
 Như núi Hàm-rông đổ xuống ngăn sông Mã,
 Như tôi dưới nước nâng lên nguyên cả.
 Ôn cả túi dây hoa lẫn bạc chấp nối hạt trai,

1 — Ý chỉ người bạn.

2 và 3 — Người đắng cay, người nghèo khổ là những chữ người hát tự nhún mình.

4 — Ý chỉ người tình của mình.

Ôn cả dao thủy tinh, ngà voi, cán ngọc xà cừ,
 Ôn cả ống vôi hoa bít vàng tám cạnh ;
 Tôi ước gì nên cái trâm cài chặt búi tóc trên đầu,
 Ước gì nên hoa vàng, hoa bạc để nàng rửa mặt,
 Để chín muôn thuở (1) cho nàng rửa chân tay ;
 Tôi nhờ nước trầu xuống nước sáng trong suốt
 hai mươi sáu,
 Nhờ xuống ruộng (nở) nên muôn chum hoa cà,
 Nhờ về bên trên nên dây hoa đường mật,
 Giọt rơi lên trời nở ra hoa buồng bạc,
 Giọt rơi lên trời nở ra hoa buồng vàng,
 Thức ăn của nhà nàng hàng ngày bởi có dây ông
 Trời đưa biếu.

LÊ VĂN ÁN — MINH HIỆU
 sưu tầm và dịch

BÔNG HOA GẠO *

Có đi phát nương mới biết rừng rậm,
 Có đi săn đêm mới biết suối dài,
 Muốn ăn thịt con hoẵng, con nai
 Phải chịu gianh cửa tay, gai đâm gót.
 Có già mới biết đau cái ruột,
 Nhớ từ khi mới biết nghĩ làm người :
 Chạy lùa nhau dưới gậm vui cười
 Hay niu váy bà tập giã gạo ;
 Tưởng đời như cái bông hoa gạo
 Đỏ đẹp suốt mùa , nở thành quả thành bông,
 Mượt mà sơ bay, màu đẹp trắng trong...

1 — Thành ngữ, có nghĩa là muôn đời muôn kiếp.

* Bài này do cụ Teng ở Sơn-la thuộc và đọc lại cho người dịch chép. Theo cụ Teng thì bài này xuất hiện từ khi thực dân Pháp bắt đầu làm con đường 41 (đường Hòa-bình — Sơn-la).

Nhưng cái đời con người lại khác:
Cha chết vì đi làm phu cho giặc,
Xác ở đâu mẹ cũng chẳng hay;
Vạch than lên đầy cột đếm ngày,
Nhà sàn nhỏ cứ xiêu dần xuống suối,
Sàn gãy, chạn hư, mái gianh mưa dột,
Như lưng bà còng xuống sườn nương,
Như váy mẹ nhiều màu vải vá.
Sớm chiều mẹ nhìn đàn qua
Bay đen trời phủ lòng mẹ thêm đen.
Chuối rừng xơ xác tàu nghiêng
Vẫy gọi mẹ đường đi nương sớm tối
Nhật trám rơi, chiều buông vôi vôi
Mẹ nựng con, khoe quả trám to to...
Hôm cúng ma *mường*, hũ rượu mẹ bị dò
Không còn hơi men, *tạo phía* chửi mắng,
Chúng bần nhau phạt mẹ thật nặng.
Vì ông *phía* chưa có vợ thứ năm
Mà đầu mẹ tóc hãỵ còn xanh
Nên sau nhiều lần bị phạt,
Vì cô này hay vì lẽ khác,
Mái nhà xiêu nay nó lại xiêu hơn...
Nhiều đêm bên bếp mẹ khóc với con,
Con ngủ gục đầu vào lòng mẹ.
Ông linh lên nhà khen mẹ còn trẻ,
Ông Tây qua đường gặp mẹ cũng theo;
Con nhớ một đêm mẹ khóc thật nhiều,
Gió mùa đông rít qua kẽ liếp
Lùa theo vào làn sương mù bụi tuyết,
Mẹ ôm con ủ chặt vào lòng.
Trên đầu con, nước mắt mẹ ròng ròng,
Tuy ôm con, mẹ thấy như xa cách.
— Mẹ ơi! sao mẹ cứ khóc?
— Con biết gì, cứ ngủ cho ngon!
Ngày mai giao cho bà nuôi con,
Mẹ về nhà *phía* nên chồng nên vợ...

Bà cháu rời *mường* vào dòng suối nhỏ
 Nên dân *cuông* (1) của ông *tạo* người giàu.
 Tôi lớn lên thấy cái núi vẫn cao,
 Suối vẫn chảy như khi tôi còn nhỏ;
 Cây gạo vẫn ra bông hoa đỏ,
 Vẫn rải xuống *mường* những lớp bông trong.
 Nhưng bà tôi thì đã chẳng còn,
 Khi chết không một ngum rượu cần,
 Không quả trứng, nắm bông đưa vía.
 Đời tôi không có nhà có cửa,
 Đi hầu quan, lòng héo hắt quặn đau;
 Ngựa chạy trước, ôm tráp chạy theo sau,
 Quan ăn tiệc, bụng mâm rót nước,
 Con quan nghiện, tôi ngồi tiêm thuốc,
 Quan xem xòe, tôi đứng quạt sau lưng,
 Quan thềm thịt nai, tôi vác súng lên rừng,
 Quan muốn ăn me, tôi trèo, kiến đốt...
 Quan bảo tôi nghèo tôi đốt
 Tại cha tôi làm nên điều ác,
 Công quan nuôi tôi lớn đến nay.
 Ố ời!... ông Trời, ông Sấm có hay,
 Ma rừng, ma núi có ở đây
 Chỉ hộ tôi: ai nên lành, nên ác?
 Cái nước này có nhiều *mường*, nhiều đất,
 Bao nhiêu ngọn núi, bao nhiêu cái rừng,
 Sao tôi vẫn tức tối cái chân
 Muốn bước đi có dây trói lại.
 Ô ời ời!... ông Trời, sao bắt tôi khổ mãi!
 Cái tuổi càng nhiều, cái tức càng to,
 Nghe tiếng khèn khuya trong *bản*, tôi lo,
 Con gái đều chê: « Không cha không mẹ,
 Không giỏi thổi khèn, không hát cười vui vẻ ».
 Cái nghèo, cái khổ bao bọc quanh thân,

1 — Dân *cuông* : dân phục dịch riêng cho một tên quan, gần như những người nô lệ. Ý nói: phải đi ở cho nhà quan.

Bụi lá khô bám chặt áo quần,
Gặp mặt quay đi, mình tôi cúi thủi...
Cái hang thì sâu, gọi ai mà nói,
Ra mộ bà : đã thành đồng mối,
Nhìn lên ông sao : cao lắm, không nghe.
Tôi về nói với mẹ bên kia,
Mẹ còn khổ hơn tôi, chỉ khóc.
Tôi muốn thành ra con sóc
Nhảy tung tăng khắp cả khu rừng ;
Tôi muốn xin đôi cánh hóa ra chim
Bay lượn khắp đỉnh núi này, núi khác,
Kiếm mỗi ngon ăn no rồi hót,
Nhảy trên cành dừa với hoa *ban* ;
Tôi muốn thành con cá có đàn
Ngược suối ăn rêu, uốn đuôi bơi lội ;
Tôi muốn thành con nai biết nói
Nhỏn nhơ soi bóng nắng giữa đồi gianh ;
Tôi mong làm con sói tinh nhanh
Sủa vang rừng kêu lên cái khồ ;
Tôi muốn Trời cho thành ra con hổ
Nhảy về *mường* ăn thịt đừa hại tôi ;
Hay thành ra con gấu, con đười ươi
Khoét mắt, móc gan những đừa hay làm ác,
Đạp những « giường quan » cho gãy nát,
Cho *bản mường* đều được sống bằng nhau,
Cái núi, cái rừng, cứ tốt cứ cao ;
Nhưng tôi vẫn là một người biết nói,
Nước vẫn chảy lùa rêu trên dòng suối,
Ngựa nhà quan còn hí gọi tôi ;
Tóc trên đầu đã muốn bạc rồi,
Trên da tay vết chàm gần phai hết,
Đôi má dưng răn thêm nhiều vết,
Tôi vẫn đi hầu, vẫn ở chầu ngựa nhà quan.
Thành người già không vợ không con,
Không nhà cửa, không con dao, cái nỏ.

Cây gạo vẫn ra bông hca đỏ
 Vẫn rải xuống *mường* những lớp bông trong,
 Tôi còn sống đây, còn cả cái lòng!...

CẦM GIANG

sưu tầm và dịch

THÀNH RỒNG THÀNH HỒ

Nhà xuất bản Phổ thông — 1957

LÒ VĂN GIÁ, THANH NIÊN YÊU NƯỚC

(trích)

LÒ VĂN MƯỜI

.

Giặc Pháp chiếm nước ta
 Bầy mưu ác giết người ngay lành;
 Đày đi xa quê nhà,
 Côn-đảo và Sơn-la,
 Bắt tội tù khổ nhục,
 Súng gươm giết người yêu nước...
 Dân *mường* động lòng thương. Tây nói:
 — «Lính tráng cùng lũ dân
 Chờ làm quen, chờ gần
 Bọn tù tội là quân ác xấu!...»
 Nhưng, mỗi lúc càng quen nhau...
 Toàn người lành, nào đáng sợ đâu...
 Bụng tốt, trí tài giỏi,
 Yêu nước, yêu dân *mường*;
 Quyết đuổi Tây đi
 Cho nên Tây ghét.

*
 *

Có Lò văn Giá, Mường-la...
 Từ nhỏ mồ côi cha
 Vừa đi trường học

Đã phải thôi về nhà.
Anh thoáng hiểu tại sao mình khổ,
Gia đình quanh năm đói khó.
Cùng anh em tù đi lại thành quen,
Càng quen càng dũng cảm thêm :
Đời thanh niên sao chịu khuất phục
Để giặc Tây dè dặt tủi nhục !
Anh hiểu ra đường lối đánh Tây,
Đem lời đi cùng chúng bạn tuyên truyền,
Lâu lâu thành một nhóm thanh niên :
Đồng tâm giết Tây
Cho đời khỏi cực...

* *

Anh em trong tù lúc ấy
Cần một người dẫn đường để trốn.
Lò văn Giả anh hùng xung phong
Dù sau Tây biết, không sòn
Để đồng chí anh em thoát khỏi toàn vẹn
Về tới nơi tập trung anh hùng,
Do việc này, công tác thành công ;
Do dự sẽ vỡ lở
Chậm mất việc cứu *mường*,
Cuộc vận động đánh Tây nay mai
Không thành, việc nước sẽ bại.
Anh đi lên, hăng hái
Đưa bốn đồng chí vượt khỏi Sơn-la,
Xuống đến tận Hòa-bình tỉnh to.
Đẹp lòng, không vấp trở ngại,
Anh quay về quê nhà.

* *

Tây phải bao người lòng sục
Lòng chẳng được bèn thôi.
Nhưng tội chó làm tôi cho giặc

Hốt lên quan : — « Lò vắn Giá vắn nhà ».
 Tây bắt anh đến tra,
 Xiềng xích sắt trói chặt,
 Ném vào ngục tối.
 Anh dững cảm không khai,
 Mặc chúng đồ dành, không khai.
 Chúng tức, đòn roi tra tấn,
 Rồi ngọt nhạt đồ dành ;
 Đã bao nhiêu lần chết đi sống lại
 Vẫn chỉ một câu trên miệng anh :
 — « Tao không đưa, không biết !... »
 Chúng bắt nhin ăn cơm, uống nước,
 Dọa tù đầy lâu ngày,
 Anh vẫn không khai.
 Chúng dẫn vợ con anh đến dụ...
 Con thơ đang chờ bố,
 Mẹ già vịn cửa mong con,
 Nhưng anh Giá anh hùng không khuất phục :
 Nhổ nước bọt vào đầy mặt giặc,
 Ngậm miệng không nói năng,
 Mặc chúng lôi anh đi bắn.

*
* *

Anh đã hy sinh cuộc đời
 Nhưng tinh thần còn sống ;
 Năm tháng không nhòa
 Gương trung trinh chói lọi không phai.
 Thanh niên chúng tôi
 Tiếp tục theo anh chiến đấu,
 Giết hết giặc Tây ác xấu,
 Giành lại nước Nam độc lập, giàu mạnh,
 Trả thù cho những người ngay lành,
 Nước Việt-nam độc lập muôn năm !

9-1946

MẠC PHI dịch

EM LÀ CON GÁI CHÂU YÊN *

Rừng châu Yên có nhiều cây khế,
 Suối châu Yên có lắm tai chua,
 Có nhiều cái mỏ thật to
 Nhưng con gái châu Yên không chua không chát;
 Ngọt ngào như tiếng cười câu hát,
 Giỏi đánh cồng, ham xòe quạt,
 Thích gội đầu lá sả tóc như râu;
 Thích làm nương, đi xúc (1), dệt, thêu,
 Ghét lắm những người đi làm giặc.
 Suối châu Yên chảy nhanh nhiều thác,
 Nhiều đá ngầm, hang thẳm, vực sâu,
 Nhưng bàn tay con gái Yên-châu
 Lại mềm hơn cánh hóp, ngọn lau
 Đồ xôi nếp xôi thêm dẻo,
 Nướng quả ớt, thấy mùi thơm đĩa chéo,
 Đựng vào khung cửi vải thành hoa,
 Tung nắm tấm thành ra đàn gà,
 Khua cái chày hóa ra gạo trắng,
 Đựng vào cỗ thì cỗ chết nắng,
 Vuốt lên lúa, bụi lúa ra bông,
 Sáng vòng bạc, khéo cả ôm chồng.
 Rừng châu Yên có nhiều rắn, nhiều ong,

* Bài này, một số nói tác giả là một ông cụ ở vùng Thuận-châu nhưng lại có một số khác nói tác giả là một chị phụ nữ ở Yên-châu, vì cả hai vùng đều có hát. Ở Thuận-châu thì hát là *con gái Thuận-châu*, ở Yên-châu thì hát như bài trên. Theo ý tôi thì có lẽ là của tác giả ở Yên-châu vì ở Thuận châu rất ít quả nẻ và xòe quạt. Xòe quạt xuất xứ từ vùng Yên-châu. Hơn nữa lại có câu:

Châu Yên pên té nương yên

nghĩa là:

Yên-châu là dùng châu yên.

N.D.

1 — Đi xúc cá.

Có đười ươi, có nhiều con hổ,
 Có cả voi đàn, trăm gió, gấu đôi,
 Nhưng gái châu Yên hiền như lá sồi,
 Lành như con chim, con rúi;
 Cha mắng sợ run không dám nói,
 Em trai cãi cũng làm thinh,
 Chồng ra nương, lên lút ngoại tình
 Cũng chỉ biết ôm chồng mà khóc;
 Nhật quả mơ, hái rau khó nhọc,
 Chị em nghèo muốn san sẻ cùng nhau,
 Gái châu Yên ấm như bông vải, ngọt như canh rau,
 Mà thơm mùi quả nê, cao gác (1),
 Miệng nên khướu khi hát,
 Chân nên công lúc xòe,
 Êm ái ru con ngủ đêm khuya,
 Thủ thả làm hiền khi chồng đang giận.
 Nhưng, khi thẳng giặc đến giết người Thái trắng
 Thì gái châu Yên cũng giỏi bắn,
 Cũng làm nên cái bẫy, cái chông;
 Còn dữ hơn cả con gấu coi hùm,
 Cũng biết pha từng đùm thuốc độc.
 Thương người châu Yên thì khóc,
 Lo việc cho chồng bạn đánh nhau:
 Để thẳng Tây kinh cái đất Yên-châu,
 Để thẳng nguy sợ người còn gái,
 Bọn thổ phỉ không dám qua lại.
 Yên-châu là đúng châu yên,
 Con gái châu Yên vẫn đẹp vẫn hiền,
 Vẫn mềm mại như bông lau, cành hóp...

CẨM GIANG

sưu tầm và dịch

THÀNH RỒNG THÀNH HỒ

Nhà xuất bản Phổ thông — 1957

1 — Cao nấu bằng gác hươu, sừng hươu.

THƯƠNG ANH *

CẨM THỊ LÃ

Anh nói anh vẫn yêu em,
 Em nói em cứ thương anh.
 Em ở *bản* nuôi con, đánh giặc,
 Anh làm đường mặc quần áo nguy binh.
 Thương anh, vì chồng vợ chúng mình
 Chung gọi tiếng mẹ cha, con cái;
 Cái đầu, cái bụng đều là người Thái,
 Rau rừng, củ *bón* đắng chát đã cùng ăn,
 Ngon thơm lúc miếng thịt đi săn;
 Đêm dậy em bế con, anh thổi lửa;
 Vắng anh buồn cái nhà, cái cửa,
 Em thương anh xa con suối, khoảng nương,
 Xa đứa con, xa cả *bản* nương.
 Anh ơi! về đây có chồng có vợ,
 Thương anh đi theo giặc, làm đường!

1951

CẨM GIANG dịch

THÀNH RỒNG THÀNH HỒ
 Nhà xuất bản Phổ thông — 1957

EM TẮM

BẠC VĂN Ừ

Sao anh lại rình
 Trộm xem em tắm?
 Da của em ngần trắng,
 Da của *ái* của *ém* (1);
 Tay của em lấm lem,
 Tay của than của bụi,

* Bài này do anh Lò văn Xuân thuộc và đọc lại cho người dịch chép. Theo anh Lò văn Xuân thì bài này do chị Cẩm thị Lã sáng tác.

1 — *Ái, ém* : bố, mẹ.

Tay của rừng, của núi,
 Tay của đất, của nương.
 Em tắm xong lại sạch,
 Vẫn ngát thơm hoa rừng,
 Da của em trắng ngần
 Là của anh tất cả,
 Không phải người xa lạ
 Việc gì mà trộm xem!
 Em tắm suối giữa *mường*,
 Tắm trong mối yêu thương.
 Có anh đang đứng giữ
 Chớ để Tây đến *mường*

CẨM GIANG dịch

THÀNH RỒNG THÀNH HỒ
 Nha xuất bản Phổ thông - 1957

NHỚ VỢ

CẨM VINH UI

Tôi nhớ vợ tôi lắm,
 Xin anh về hai ngày,
 Nhà tôi ở Mường-lay
 Có con sông Nậm-rôm (1).

Ngày kia tôi sẽ đến
 Lại cầm súng được ngay,
 Tôi còng bắt đúng Tây
 Vì tay có hơi vợ.

* Theo người dịch, bài này sưu tầm được ở Mường Cheng. Bài thơ ghi bằng bút chì, trên bẹ nứa.

1 — Câu này có một chỗ khả nghi: Mường-lay không có một con sông hoặc suối nào tên là Nậm-rôm. Có lẽ vì ghi bằng bút chì trên bẹ nứa khó đọc nên người sưu tầm được chép sai chăng? (NXB)

Cho tôi đi, đừng sợ,
Tôi không chết được đâu,
Vì vợ tôi lúc nào
Cũng mong chồng mạnh khỏe.

Cho tôi đi anh nhé!
Về ôm vợ hai đêm,
Vợ tôi nó sẽ khen:
— « Chồng em nên người giỏi ».

Ngày kia tôi về tới,
Được đi đánh cái đồn
Hay được đi chống càn
Là thế nào cũng thắng.

Nếu có được trên tặng
Cho một cái bằng khen,
Tôi sẽ rọc đôi liền
Gửi cho vợ một nửa.

CẨM GIANG dịch

THÀNH RỒNG THÀNH HỒ
Nhà xuất bản Phổ thông — 1957

CHÀO ĐẤT NƯỚC

QUANG VĂN XƯƠNG
(KIM XƯƠNG)

Đồng thanh chào đất nước
Muôn sao soi sáng bầu trời.
Rừng bên, hươu nai gò,
Gà cỏ gáy ran suối khe,
Gáy ran chào đất nước đẹp đẽ...
Đầy cảnh đời đến ngủ,
Rừng cây rì rào cơn gió,
Cơn gió đưa lá thắm thom lừng.

Hoa đượm sương thêm đẹp rức rỡ,
 Rợp nương hoang, *bó thón* (1) đua nở ;
 Đỉnh núi đá, vượn hót vang
 Chẳng lo giặc trở lại cướp nữa.
 Núi đá cao ngất đứng liền một rặng,
 Ong mật về làm tổ trong hang.
 Suối sông đầy cá vượt thác,
 Chép trăm lượn đớp mỗi hàng đàn.
 Chân tay ta rũ bỏ xiềng xích,
 Nằm say ngủ, đợi gà gáy vang.
 Chúng ta cùng nghe tiếng gà gáy ran !
 Chim từ quy kêu hòa tiếng dây đồng,
 Tiếng hát ca chen tiếng bát bông.
 Khắp nơi chào mừng Cụ Hồ về đứng gốc *bản*
mường (2) ;

Đều vắng vắng tiếng thoi đưa, cửi chạy ;
 Sông lượn vòng, đầy thuyền ngược, thuyền xuôi ;
 Lúa trĩu hạt, rom vàng tươi ;
 Khắp gầm trời, súc vật sinh sôi nảy nở.
 Gần xa đều nức tiếng ngợi ca,
 Cả anh em nước ngoài cũng hoan hô cùng ta.
 Mùa nước dâng, nước chảy vào ruộng,
 Nước qua rãnh xẻ ào ào, cá tụ đến đón,
 Đón mừng đất nước giải phóng,
 Trước là ước mong, nay ta thỏa lòng...

1954

MẠC PHI dịch

1 — *Bó thón* : một thứ hoa dại hay mọc ở nương hoang, ở cạnh đường cái, được coi như tượng trưng cho tình yêu bị lừa dối, bị hắt hủi nhưng vẫn chung thủy.

2 — Ý nói : làm trụ cột cho mọi người tin tưởng.

TRỞ LẠI

QUY NHÂN

Cá sẩy trở lại dễ,
 Gà sẩy trở lại gáy (1),
 Bấu mài dẻo lại thành xôi,
 Hạt cốc (2) rơi xanh vỏ thành tươi,
 Kẻ vẫn xin ăn nay lại có lúa,
 Cụ già đầu bạc nay trẻ lại rồi,
 Tất cả mọi người thành dân nước mới.
 Thóc đổ vào bồ trắng ra thành gạo,
 Quan nha, *phia tạo* hết thời,
 Mặt lớn tai to tiết giống.
 Tay muôn dân dựng nước muôn dân
 Đời tổ tiên không thấy,
 Cả đời cha ông không hề có vậy.
 Nước nhà độc lập, sướng vui dân ta,
 Cây rừng đâm biết nói,
 Rau cải cần cũng mọc lá đơm hoa.
 Dân chúng ta nay chẳng ai khờ dại,
 Trâu ta, ta nuôi béo, để ruộng ta, ta cày,
 Ai dám cấm ngăn như ngày xưa cấm ngăn.
 Lợn gà ta, ta nuôi ta ăn,
 Nương chăm ta, chị em ta trồng,
 Ruộng tổ tiên ta, ta cày cấy,
 Bao cái khổ xưa lừa theo lũ trôi...
 Nhờ Đảng Lao động dắt lên khỏi hố,
 Ta làm sao mà đền ơn đây ?
 Chào Tổ quốc muôn năm, phải quyết chí
 Vén vun dựng nước hòa bình!

1952

MẠC PHI dịch

1 — Có câu tục ngữ: *Cá sẩy không trở lại dễ, gà sẩy không trở lại ấp*. Câu thơ ý nói: việc không thể có nay đã xảy ra.

2 — Một thứ quả rừng muông thú hay ăn, khi rụng, vỏ nứt, hạt rơi ra ngoài.

ƠN ĐẢNG

QUY NHÂN

Nghĩ như xưa kia,
 Tưởng đã chết hoài đời không gặp nhau,
 Có chăng, chỉ khẩn trời thương đau.
 Bởi ai cũng khốn khổ
 Xót xa từ nhỏ, nào biết sướng vui gì đâu !
 Vo vo tiếng chửi mắng
 Ngồi ăng cổ ẩm ừ,
 Đi rồi đến thân thờ,
 Cơm không tránh khỏi mồm, gương nuốt.
 Mở mắt to chỉ thấy tối mù,
 Đau buồn ai an ủi cho !
 Mơ thấy quê hương, cực lòng vô hạn.
 Con chim trong rừng tìm bạn
 Đêm đêm kêu khắc khoải gọi đàn.
 Mọi bụi cây đều đã ngủ,
 Mọi suối lũ cơn mưa đều lội,
 Mọi rừng cỏ bụi gai sông Mã đều phát chát mà qua.
 Ruộng khắp gầm trời nhưng không phải ruộng ta,
 Miếng cơm chạy nhà trên tất tả,
 Hạt muối xin nhà dưới xuýt xoa,
 Con rầy khóc vì chần mỏng quá,
 Chồng cày ruộng bắt đi phu tải.

..

Mà đến ngày nay,
 Lòng ta ước ao, không phải ước hão,
 Lời ta đã nói, lời không nói suông.
 Đảng Lao động về dắt dìu dân *mường*,
 Giấc mơ xưa kia đã hóa thành thực.
 Như thấm qua thịt da, Đảng đã vào sâu lòng ta.
 Ta nương tựa Đảng, như măng nhờ gốc,
 Ta nương tựa Bác, như cành nhờ cây,
 Xây dựng được nhà, nhờ Đảng chỉ bảo.

Được lúa đừng quên ruộng,
Được cá không quên nơm,
Lúa đổ đầy bồ, xin nhớ ơn Đảng ta chia cho.
Ơn Đảng vôi vôi như núi Pha-mò (1),
Được có ngày nay, nhờ ơn Bác Hồ.
Xong bữa cơm, chớ quên đũa,
Được yên vui nhớ mãi công ơn.
Ơn Đảng thoát khỏi xiềng xích,
Ơn Bác Hồ mới có cá trộn cơm.
Ơn Đảng bước theo Đảng mãi mãi,
Ơn Bác Hồ xin vâng lời Bác Hồ,
Gắng tăng gia, cùng bạn lứa thi đua.
Hết sức hết lòng đi đường của Đảng
Kiến thiết nước nhà như nước Nga, Liên-xô.
Nay ta đã có trâu cày nhờ Đảng.
Ai mang đến năm xôi lớn?
Ai mang lại miếng cá to?
Ai giành lại đất nước cho tay ta xây đắp cơ đồ?
Địu dẹt hình sao ta địu con cháu,
Khi nhớn như xưa đàn gà đầy chuồng.
Vải dẹt xong, vợ tiếp tục kéo guồng quay xa,
Cháu chắt tấp nập rủ nhau học chữ vang nhà,
Nhưng kẻ phá hoại vẫn còn, ta vẫn lắng tai cảnh
giác.
Tổ quốc ta độc lập hòa bình,
Ta xây dựng *mường bản* sáng tươi muôn năm,
Xứng đáng làm người dân của Việt-nam mới.
Lúa trong bồ kia ta giã thành gạo,
Bao nỗi lòng đau khổ hết rồi.
Đảng Lao động như mặt trời sáng soi,
Như cột trụ đồng, như ngôi sao Mai,
Hãy muôn đời bền vững cho nhân dân nhờ cây !

1954

MẠC PHI dịch

1 — Một trái núi lớn có tiếng ở Thuận-chậu.

CÂY VÀ - QUẢ TAI CHUA

CẨM GIANG

Đầu *bản* em có cây vả mật,
 Cuối *bản* anh, tai chua quả óng vàng.
 Từ xưa, người ta bảo rằng:
 — « Vả ky tai chua »,

Thù hằn dằng dặc.

Mùa sôi lũ dâng thêm nước mắt,
 Nhựa vả quăng trôi dính gốc tai chua.
 Đến lần vả chín sáu mùa,
 Vẫn len lét thâm yêu

giấu cha giấu mẹ.

Đi hỏi, đẩy đưa câu: — « Còn bé »
 Tuy tóc dài đã nên búi, tròn khăn.

Ước gì lau nở suốt năm
 Lấy về làm gối, trắng rằm hẹn nhau.

Nước reo trắng xóa dưới cầu,
 Gốc tai chua đỏ lẳng câu tự tình.
 Họ đốn cây, rắp lối chúng mình,
 Đào rãnh, phá cầu, cản đường qua lại.
 Vì anh người Thái,
 Em con gái Xá đen,
 Tai chua miệng em ăn quen,
 Vả chín nhiều lần anh hái.

Có ky đâu? — Càng thắm tình qua lại,
 Thương nhau như chim *bắt cột trời có...*
 Sách nào chép? Ai đặt? Tự bao giờ?
 Sao không bảo: — « Trừ cho đôi ta tục ấy ».
 Nếu sách đặt: tìm xé nát giấy,
 Nếu là người: giương nỏ bắn chết tươi!
 Giữa rừng mộc nhĩ đua cười,
 Con cú còn tự do chọn đôi,
 Sao Thái-Xá lại cấm chung tình đẹp?

Tiếng em trong như dao gỗ thép,
 Mắt anh nhìn chiếu dọi tựa sao mai.
 Rộn tiếng cười — đào sẵn, quăng chài,
 Vui giọng hát — đi săn, nhặt nắm.
 Tất bẵng nụ cười, mím môi nghe tiếng: « Cấm ! »
 Tai chua vàng, vả chín cứ mùa qua...
 Một buổi sáng ấm nhà,
 Phá tan lớp sương mù phủ *bản*,
 Hang sâu bừng lửa sáng,
 Đoàn kết nhau — Khu Tự trị — đang nêu.
 Lá tai chua, cành vả cùng reo,
 Gió xạc xào ngân lên tiếng hát,
 Thổi lòng ta trong mát,
 Thổi bay tục xấu, suối cuộn trôi,
 Cầu treo, gốc vả lại tiếng cười,
 Đồi sẵn, nương ngô nói câu: « Phải lửa ! »
 Đồi chim khuyen hót trên cành nửa,
 Nhịp cánh bay ngang núi lưng trời.
 Giọng em hát ấm hơi,
 Câu tiếng Xá dân ca chìm bỗng,
 Lời ái ân, say sưa, ca tung
 Anh hát câu tiếng Thái — Nhịp kèn rung....
 Dưới cầu, nước trắng bọt tung,
 Gốc tai chua đỏ lắng lòng yêu đương.
 Cùng ném còn giữa *bản*,
 Đêm cười vui giữa *mường*,
 Vò rượu thơm, cần tỏa bốn phương,
 Hai dân tộc — Hai gia đình —
 Đôi chồng vợ.
 Ngọt miệng anh, *bản* em quả vả,
 Mát lòng em, *bản* anh quả tai chua.

tác giả tự dịch

THƠ MIỀN NÚI

Nhà xuất bản Văn nghệ — 1957

NGHĨ VỀ MƯỜNG-MUỘI

CÀM LIÊN

Thân gái dặm Lào, hướng nhìn quê cũ:
Mường-muội nơi kia, thương bao nhiêu mà nhớ
bao nhiêu!

Trông vời nào thấy bóng em, hình mẹ,
Cha mẹ anh em có được mạnh lành chẳng hỡi!
Mường-muội xa xôi, trời thấp mây mù,
Có hang đá cũ rỗng thường bay thẳm,
Rỗng bay thẳm, rỗng liệng qua làng,
Rỗng đến giữa *mường*, đỉnh non cao lấp lánh
hào quang.

Rặng núi Khâu-tù vươn theo đường cái,
Ta ước chi đến được, hồn muôn đời sống mãi,
hồn ơi!

Ta mơ nhìn Pha-mó, Ấm-poi (1) đá tảng mượt
xanh,

Bản Huông kia, mỏ nước trong lành vẫn tắm,
Dòng suối nọ, Bó-luông lối cũ đi về.
Nước nguồn Bó-hầu ngày lại ngày tuôn chảy đều
chẳng?

Rêu Nong-hoi ngọt bụi dịu mát (2)
Bạn vẫn thường lội vót cùng ta.
Mẹ, em, dì, thím hỡi!
Cô bác xa gần nội ngoại,
Bạn bằng vai vừa lứa ta ơi!
Chắc đã tha hồ làm lung vui chơi,
Nuôi dạy cháu con, hẳn đã đường hoàng nơi ăn
chốn nghỉ.

Thiệt phận riêng ta, giặc dữ bịp lừa
Bỏ nhà bỏ cửa

1 — Tên những trái núi có tiếng ở Mường-muội.

2 — Tên một cái ao lớn nổi tiếng có rêu ngon.

Nương náu đất người hun hút,
Giấc ngủ li bì, đau lòng nhức nhối nhớ quê.
Ước sao mọc cánh bay về,
Lướt qua lũng quanh Nà-linh (1) ven ao
Bay đến núi rừng Mường-muội!

1956

MAC PHI dịch

BỎ ÁO RÁCH

PÀNH TỬNG

Chúng tôi là người Xá, trên đồi cao núi cả
Nghĩ lại xưa còn thời giặc Tây:
Nhốc cuống (2) lao dịch, hết chuồng lợn lại
chuồng xi,
Đến bữa ăn, bát canh sông chỉ chấm nào được
húp,
Nghĩ tủi nhục muốn chạy sang Lào.
Bà con khuyên, phải nuốt đắng ở lại
Rằng: — « Thuở ông cha đời đời cũng vậy;
Đi đâu cũng chẳng thoát cổ ngựa, củi, lá cho
bọn quỷ ma! »

Ruộng nương ta nào đâu có biết,
Con đói, vợ nhịn, đi xin hàng bữa;
Chặt mây chẻ lạt vôi đan ghế,
Lảo đảo bước đi, đổi từng hạt cơm,

1 — Tên một làng ở gần Mường-muội.

2 — Nhốt công: chế độ lao dịch, làm việc không công cho bọn phong kiến Thái.

Làm thế nào sống được quanh năm!
 Ước ao thần phù hộ dân Xá,
 Trời sập đất vỡ làm người kiếp mới.

*
* *

Giờ đây số không chết, ta còn trông thấy
 Ánh mặt trời chiếu vào khe sâu,
 Tưởng rằng: thời chinh phủ (1) càng khổ như
 dao hai lưỡi.

*
* *

Thì ra vừa lòng dân tất cả nòi giống.
 Nhờ Cách mạng tháng Mười, Liên-xô anh dũng
 Cù Hồ ta học lấy đem về.
 Bảo nhân dân đoàn kết đánh tan bọn giặc quỷ,
 Đem rơm ra đốt sạch bọn hôi hám,
 Chân đạp cổ chúng xuống sông sâu vực thẳm;
 Thằng nào bướng, đi xuống bùn đen,
 Lấy phiến đá to chẹn đầu chúng lại.
 Từ đó các dân tộc góc cỏ thẳng người,
 Dân Xá nay mới nói ra tiếng;
 Có nhà ở, có nồi nấu, có bát ăn,
 Da thịt đỏ dần, có vải hoa may mặc.
 Từ đây vút theo giặc những quần áo rách và
 trăm mảnh.
 Bây giờ ta lấy gì đền ơn Cù Hồ ta?
 Xin hứa phát nương, núi đồi thành vựa lúa
 Để chấm dứt củ rừng và xin ăn quanh năm.

9-1957

CẨM BIỂU dịch

1 — Chính phủ đây ý nói là chế độ mới của ta, lúc đầu tưởng chế độ ta cũng chẳng khác chế độ thực dân phong kiến trước.

NGHE MƯA

LÒ VĂN NÓI
(PHÓNG NÓI)

Thời giặc Tây — ở trong bóng tối
 Con mưa về trăm bề lo lắng:
 Lo đường trơn ướt mai ngày kiếm măng,
 Lo cho váy lấm hố mai,
 Lo cho nhà đột, con sai vợ đau.
 Chỉ có bọn cướp của cười ròn đặc chí,
 Nhe hai hàm phơi cả bộ nanh,
 Vì mưa xuống bao nhiêu phân rác
 Trôi vào ruộng gần *bản* quyền chức quý ma (1).
 Vợ người mặc áo cúc hoa,
 Thướt tha chải chuốt lân la bên chồng;
 Vợ ta lấm lét cả ngày
 Khóc nhìn đồng *bón* (2) hố mai quanh năm;
 Con người com nường bọc đường (3),
 Con ta ngâm khúc mai sượng ngồi lê;
 Con người môi đỏ má phính,
 Con ta gầy đét như mèo vô chủ.
 Ta mong đêm mong ngày thoát khổ,
 Kể từ ngày mặt trời hừng đỏ,
 Đàng kéo tay ra khỏi hố mai,
Bản nương tươi sáng tiếng cười ròn vang.
 Nghe mưa xuống mọi người vui vẻ,
 Người đom, kẻ đỏ, người vó, kẻ vọt
 Đổ ra đồng kiếm cá trạch, trê.
 Chồng vác mai đập nương, sửa máng,
 Vợ xách nôi, mang sanh ra hừng mái gianh.
 Rồi thay váy áo đi nhanh

1 — Bọn ký hào làm việc cho Pháp thường chiếm ruộng gần *bản* là ruộng tốt nhất, vừa mưa xuống có nước phân chảy vào, không phải bón.

2 — *Bón*: một thứ củ ăn thay com.

3 — Nhà giàu thường hay bỏ đường vào trong năm com xôi nường ăn lót dạ.

Cùng dắt tay nhau tiến về một lối ;
 Bản trử vôi, kiếm lá diệt sâu,
 Bản được chọn đứng làm gương trong châu.
 Bốn bề vang tiếng khen ngợi,
 Nưôm nượp bạn đến tham quan,
 Không quá đáng, chẳng sai lời :
 -- « Họ sớm dậy họp nhau dưới kèng,
 Phân công con trẻ lấy lá làm phân,
 Đang tuổi thanh xuân thì cày « năm mốt »,
 Chị em cô bác theo ra học dần.
 Họ cùng gánh củi, cùng sắp đồng chung,
 Họ đau dùng thuốc, khỏe vẫn uống phòng,
 Chẳng cuống quít bói ma rừng, ma bản... »
 Bản nâng niu những lời Đảng dạy,
 Bản kết đoàn, cần kiệm khuyên nhau ;
 Gà không ốm, lợn không đau,
 Bản thóc vào kho, bản đi bước trước
 Đôi mới ăn làm, trăm người một dạ,
 Bản cấy dày mau mắn nhất vùng ta,
 Bản vén vun từng chút phân, cọng rác,
 Bản quý yêu từng người lại kẻ qua;
 Điều mới học nhau, bản sẵn lòng cùng anh em
 trao đổi

1959

MẠC PHI dịch

VỘI VÃ ĐÓN CỤ HỒ

LÒ VĂN CẠY

Mẹ ra bến sao lâu chưa về,
 Cha đi ruộng sao chậm về tới,
 Hay mẹ cha mãi xem cuộc hội (1)
 Quên con nhỏ ở nhà đang đợi?
 Con ăn cá, vịn đầu thang mong,

— Đại hội liên hoan quân dân ngày 7-5-1959 (chú thích của tác giả).

Thấy người trong bản tất tả, âm âm cười mừng,
 Tóc trên đầu không kịp búi cũng có,
 Lại có người quên cất xôi đã rở ra mâm.
 Con ngậm vú điệu ngang ẩm đi,
 Bà cụ già cười chống gậy lọc cọc,
 Bà đi quên rủ cháu theo cùng,
 Con vẫy gọi, cụ cứ bước không dừng,
 Người chạy tới như bướm bướm phấp phới,
 Người mặc áo, cánh tay phải còn chưa kịp lồng,
 Con không thấy mẹ, nhón nhác, òa khóc,
 Không biết người chạy xô tìm gì,
 vui đông âm âm!

..

Rồi mẹ ra bến, học tốc chạy về,
 Cha đi ruộng về, vác cày nhào tới.
 — « Hay tin Cụ Hồ lên thăm bé, bé ơi!
 Đời ta thương quý Cụ qua tấm hình trong ảnh
 thôi,
 Nay sắp thật mắt thấy rõ ràng, bé ạ! »
 Rồi, vợ cùng chồng dắt nhau liu diu
 Ôm chăm lấy con đi ngay.
 Chân bước gấp, tay vung nhanh hầu quên cả lối,
 Tới nơi, người đã chật nêm như cát dày.
 Mắt hoa lên, đầu cùi chen lẫn,
 Nhìn mãi chẳng biết Cụ Hồ đứng đâu,
 Rằng ai với ai, chưa biết, chưa thấy.
 Bỏ cuống quit vòng qua và lộn lại,
 Mắt đưa tìm Cụ Hồ,
 Chưa biết Cụ trẻ già nhường nào?

..

Bỗng thấy người người hò reo ào ào
 Rằng Cụ mạnh khỏe, đẹp lắm,
 Tóc trắng bông, da đỏ hồng hào.
 Lúc đó mới biết Cụ Hồ ta thế đó.
 Lòng ta hừng hực vui quá,

Mẹ nó vội bế con xán gần
 Bảo : — « Ôi, giống hệt như bức ảnh trên vách ! »
 Cụ nói chuyện, vẫy tay thăm hỏi nhân dân,
 Lòng thật yêu thương đủ mọi dân tộc.
 Yêu quý thay, Cụ mặc áo như người dân thường,
 Cụ yêu nước, cứu dân *mường* từ nhỏ,
 Trăm nguy khó, Cụ đều phát sạch quang vượt
 qua ;
 Thật may mắn quá, Cụ lên tới đây thăm ta !

*
* *

Từ ngày *mường bản* vui yên
 Thương nhớ Cụ Hồ không phút nào quên.
 Trái bẫy năm ngắm ảnh trên vách
 Nay được thấy Cụ rõ ràng nhường này
 Tưởng đâu như thân mọc cánh bay.
 Cụ Hồ chí Minh, cây trụ gốc *mường bản*
 Lúa đầy bịch nhờ Cụ đem lại,
 Ruộng « ông quan » về tay dân nghèo
 Nên mới được cống cháu ra theo đón Cụ.
 Hoa *ban* nở trên khu Thái Mèo
 Sẽ mọc lá xanh, rộ đều
 Trắng xóa bay hương không mùa nào lui...
 Kính chúc Cụ sống lâu muôn tuổi,
 Sức khỏe, không mệt mỏi, lại mỗi năm một lần
 lên thăm.

*
* *

Toàn thể bà con, anh em miền núi
 Đồng lòng hứa quyết tâm thi đua
 Bước lên đường hợp tác hóa rầm trời,
 Vui sướng thi đua dựng Tổ quốc mới.
 Lấy sức mình sản xuất đón Cụ hàng năm,
 Lấy thành tích lao động đền ơn Cụ Hồ yêu kính !

1959

MẠC PHI dịch

LÒ VĂN THỨ

(1884 — 1948)

Người dân tộc Thái, quê ở bản Muối-nội, xã Chiềng-sinh, châu Thuận-châu, tỉnh Sơn-la (nay là châu Thuận-châu, Khu tự trị Thái-Mèo). Trước Cách mạng tháng Tám, làm hương sư ở Mường-lăm, chân Sông Mã. Là một nhà thơ yêu nước, có xu hướng dân chủ, Lò văn Thù sáng tác và dịch thuật khá nhiều nhưng vì chiến tranh, tác phẩm hầu hết bị thất lạc, đến nay vẫn chưa sưu tầm, thu thập lại được bao nhiêu.

DÂN NHƯ VỊT, TẠO PHÌA NHƯ QUÀ

Dân chúng ta như đàn vịt dưới ruộng,
Lũ quạ đen vây liệng bắt ăn.
« Quà quạ » kêu bên núi đá, rừng thẳm,
Dù dòng giống nào, quạ đen cũng không hề
thương.
Chúng kiếm chác khắp cả thiên hạ,
Không nề mặt người chung giống, chung dòng,
Chỉ biết « quạ quạ » lượn quanh tìm mồi.
Bao giờ tiết giống lũ quạ
Chẳng còn con nào đến đòi chia ăn,
Gia súc mới sinh sôi nảy nở đầy nhà,
Dân chúng ta mới mở được mắt... (1)

1931 — 1932

MẠC PBI dịch

1 — Bài này còn một đoạn dài nữa, chưa sưu tầm được.

CẨM BIÊU

Người dân tộc Thái, sinh năm 1920 tại bản Mường-chanh, xã Mường-chanh, châu Mai-son, tỉnh Sơn-la (nay là châu Mai-son, Khu tự trị Thái-Mèo). Làm thơ từ năm 1940, thơ Cẩm Biêu hồi này có tinh thần phản kháng xã hội bóc lột cũ, có xu hướng tiến bộ. Từ năm 1945, một mặt tham gia cách mạng, mặt khác tiếp tục sáng tác phục vụ cách mạng một cách kịp thời, nhạy bén. Cẩm Biêu là một nhà thơ hiểu biết rộng về vốn cũ dân tộc, năm 1957, đã viết cuốn Thơ ca Hạng khuống, sơ bộ giới thiệu dân ca Thái với bạn đọc toàn quốc. Từ sau khi thành lập khu tự trị Thái-Mèo (7-5-1955), Cẩm Biêu đã dành nhiều công sức vào việc xây dựng và phát triển phong trào văn nghệ ở Tây Bắc.

LÚA CHÓ DẬY *

Chiềng-quen (1) có tiếng nếp thơm
 Bỏ vào ống thành cơm lam dẻo,
 Hàm răng yếu khó mà kéo nổi.
 Gạo trắng ngon ngâm nước giếng ngọt,
 Đồ xôi lên, cả làng thơm phức,
 Lũ Vện phương xa quen nghề đánh hơi,
 Vẫy đuôi, liếm lưỡi kéo đến vây.
 Chị rẽ xôi, sơ ý quay đi đáp chuyện,
 Chó đớp luôn, tranh nhau cắn xé,
 Khi ngoảnh lại đã hóa cơm thừa của chó.
 Chị bùi ngùi, đưa cả buồng tay
 Nền lũ Vện thừa cơ càng vẫy đuôi phè phỡn.
 Nhưng, đất trời còn đó;
 Chó quấy người chỉ có một thời,
 Của trong tay, quen hơi chủ nó,
 Bọn quen đớp, cứ chấp cánh mang bay trước đã!

* Tiếng Thái là *khầu ma túm*, một thứ lúa nếp rất thơm, đồ xôi lên, hơi bay tới đâu là làm cho những con chó đang ngủ cũng phải vùng dậy chạy tới. Do đó đồng bào Thái đặt tên là lúa chó dậy.

1 — Nay là xã Mường-chanh.

Bốn cẳng ba chân cứ phóng đi trước đã !
 Ta sẽ ra chợ kiếm thịt về nướng thật thơm,
 Đặt gần mũi bọ chó tham lam,
 Rồi thủ sẵn một chiếc đòn gỗ *kết* (1).
 Như ma rừng nghe hơi người ốm,
 Nhìn chẳng được, chó sẽ liều thân
 Nhảy tót qua bàn cơm ta đang dọn.
 Rút chiếc đòn, ta chỉ nện một phát
 Trúng vào gáy, chó phải gục xuống
 Miệng há, lưỡi lè, hộc máu ra,
 Nhả hết xôi thơm, ta sẽ tha,
 Rồi xích cổ lại lôi ra chuồng xí,
 Rình đớp mồi, nghề chó từ xưa.

1940

tác giả tự dịch

NHỚ BẢN CŨ

Mười *bản* không bằng *bản* cắt rốn,
 Mười chốn không bằng chốn chôn rau.
Bản ta xưa bố mẹ dịu dàng,
 Phiến đá bằng, mẹ yêu giặt tã ;
 Rừng măng nhỏ, em thương kiếm tìm,
 Ao cá hẹp bên sân ruộng vó, hỡi ơi !

Này đây gốc muồm bé trên đường trâu cọ,
 Con cọ, con vượn sừng dài, quần quần quanh
 quanh,
 Con quần quanh, con kêu nài ta quay gót lại.
 Voi về núi chẳng quên nơi đang ăn cỏ,
 Voi lại rừng còn nhớ dây rìu khi xưa.

1 — *Gỗ kết*: một thứ gỗ nặng và rất chắc, người ta thường dùng làm gậy để đánh kẻ trộm.

Lòng đi, lòng ghen ngào,
 Lòng còn vương vấn nhường bao!
 Thương hồi thương, vệt lên nương cùng cô,
 Nhớ hồi nhớ, lối ra ruộng cùng chị,
 Đường hái bông, cùng bạn làng rúc rích nơi đây;
 Lúa tuổi bằng vai, ném còn bay lùa,
 Thuở nào anh cùng em xuống sân mừng bạn,
 Ngắm trời mây trôi lẫn sao bay,
 Bóng trăng rằm đôi ta ngồi sán.

Trót nghe lời giặc, cách nhà xa *bản*,
 Song, đường dù quanh co vẫn nhớ lối về.
 Hàng mi còn chớp mở,
 Đôi mắt còn đưa đầy nhìn,
 Há chịu bỏ mình đất lạ hay sao!
 Tim còn đập, cổ còn thoi thóp,
 Dù gươm sắc chắn lối ta quyết rạch đường quay
 lại,
 Phóng tầm mắt thẳng tắp trời mây,
 Dầu nắm xương khô trở về *mường* cũ
 Lấy đất quê hương chôn cất
 Nghìn năm mới yên giấc ngủ, bạn hồi người ơi!

1955

MẠC PHI dịch

CẦU VÀO BẢN

Bản của em và *mường* của ta
 Đường đi lại quanh co uốn khúc,
 Đường đi mãi hết đèo lại dốc,
 Đường chui qua rừng *dương*, luồn rừng *dang*,
 Và đi theo ven suối về làng;
 Dòng suối nhỏ chạy quanh búi nhót
 Rồi chảy lọt giàn dưa.

Mường của anh có cầu gang, cầu sắt,
 Bản của em có cầu lim lõi chắc,
 Cầu lõi chắc bắc đôi cho anh qua lại
 Thăm nhau, dù nắng mưa không gì ngại.

Từng đoàn người màu đen, màu trắng,
 Phía chợ lên những khiêng muối nặng,
 Phía bản đến, gánh củi chen gánh lá,
 Trên đồi xuống những sọt bông trắng xóa,
 Thung lũng ra, cô em khoe đôi *bung* (1) đầy nếp hạt,
 Tiếng cúc bạc, tiếng vòng ngà xô nhau vang chan chát,
 Chen vai nhau qua chiếc cầu xinh mới bắc,
 Dập dìu tựa mùa bướm đua bay,
 Mừng hoa *ban*, buổi vừa giải phóng,
 Xe đạp anh lượn bánh từ phố chợ thẳng tới
 chân thang.

Chân thang em có trường mới dựng;
 Buổi nào ấy, các em ở *bản* dưới,
 Khi mưa lũ, nhìn trường thêm mái mới,
 Bây giờ tay cầm tay riu ra riu rít
 Đến đầu cầu nháy hót tung tăng,
 Kéo đuôi nhau lũ lượt về trường,
 Rồi anh bộ đội, anh cán bộ khi được phép về thăm,
 Chân đi giày ung dung (2), âm vang tiếng hát;
 Qua cầu mới mến cảnh dừng chân,
 Thấy hai cô nhặt ốc giữa dòng,
 Hỏi rằng: — « Nhìn coi dưới nước, còn không,
 vết giày đinh giặc Pháp? »
 Hai cô đáp: — « Thừa anh, nước lũ trôi, rêu phủ
 lấp đi rồi ».

Bất thành linh, hai cụ quăng chài gần đó
 Phì cười lên, bông lời góp chuyện:
 — « Ngày nào ấy cũng bến nơi đây,

1 — *Bung*: đậu, sọt gánh lúa của đồng bào Thái.

2 — Ý nói: có cầu, không phải cõng giày lội qua như trước.

Khốn kiếp thay bọn quỷ giặc Tây
 Vào sục *bản*, vịt kêu, chó sủa, bò hắt hơi,
 Người bỏ chạy, vườn không nhà trống.
 Hũ rượu cần (1) mới tra men hai tối,
 Chúng bới, chúng mút
 Như bày nhặng xanh đậu đồng phân xanh, bĩ ỏi.
 Du kích thét, chúng chạy bán chết
 Đến bến này, kêu như bò rống, ngã như trâu
 đầm,
 Quần ướt, giày tuột, mũ áo trôi ».

Rồi tất cả cười phá lên như nửa nồ
 Rằng: — « Thời Tây đem gai gốc lấp đường chúng
 đi là đáng kiếp,
 Thời ta không còn gì uy hiếp,
 Ta với ta, ta bắc cầu đôi,
 Dù mưa nắng, mỗi tình đôi ta không hề bị ngắt ».

Rồi mỗi người mỗi chuyện kể tiếp,
 Hỏi đáp nhau, miệng nói tay đưa:
 — « Suối nhỏ nguồn dài,
 Cầu ta tuy bé, tình dài nghĩa sâu;
 Theo cầu ta muốn đi đâu
 Tới đường cái lớn, tới cầu Long-biên,
 Đến Hà-nội, vào thăm nơi gốc,
 Đem lời răn Cụ Hồ về *bản* làm ăn.
 Theo cầu này đi mãi đường không hết,
 Các nước anh em trên đường Đoàn kết,
 Đến Liên-xô, nơi nguồn cách mạng,
 Trí dũng cảm, mỗi tình trong sáng,
 Kho kinh nghiệm đấu tranh tự giải phóng
 Cũng theo cầu này dẫn tới tim ta.
 Sức ta lớn mạnh phải là
 Cầu gang cầu sắt, có ngày ta sẽ bắc,
 Đường to xe lớn ắt kéo vào *bản* ta.

tác giả lự dịch

CẦU VÀO BẢN

Nhà xuất bản Văn học — 1960

HOÀNG NÓ

Người dân tộc Thái, tên thật là Cầm văn Lương, sinh năm 1925 tại bản Kèo, xã Mường-mưa, châu Mai-son, tỉnh Sơn-la (nay là châu Mai-son, Khu tự trị Thái — Mèo). Tham gia cách mạng từ tháng 6-1945. Sau khi tỉnh Sơn-la bị giặc Pháp trở lại chiếm đóng (1947), Hoàng Nó gia nhập đội tuyên truyền xung phong Quyết Tiến, gây cơ sở địch hậu ở vùng Hát-lót — Nà-sủn và sáng tác nhiều thơ ca, dùng thơ ca làm một vũ khí đấu tranh cách mạng. Từ ngày thành lập Khu tự trị Thái—Mèo (7-5-1955), chữ Thái được đúc in máy, phong trào văn nghệ phát triển rầm rộ, thơ Hoàng Nó càng được phổ biến và càng được độc giả yêu thích.

CHÂN ĐỒN GIẶC

Mặt trời lặn xuống núi,
 Ngày hết, trời tối mù.
 Con ve sầu run giọng ve ve,
 Con chim kêu tổ cũ bay về.
 Dưới núi, chân đồn giặc đóng
 Cảnh suối Pàn dâng lũ đỏ ngầu.
 Nghe tiếng trẻ thơ khóc gào
 Mong mẹ về mau, ấm con cho bú,
 Mẹ về mau âu yếm ấm ru.
 Trẻ khóc thét dưới lều chuối vàng,
 Đầy đồn người không một kẻ thương
 Vì chúng toàn quân gian, quân cướp, quân xấu.
 Chúng lâu bầu nhieć chửi điếc tai.
 Thôi, trông cây, rình bóng mẹ về thôi !
 Nhưng đau đớn thay, mẹ lìa bỏ con rồi,
 Mẹ đã chết chân gốc cây
 Đầu mẹ chôn ngay giữa hố mai
 Mẹ không thể ấn tay đụn trở lại ;
 Mẹ đã kiệt lực vì nhịn cơm
 Ăn nẫu, bởn suốt ba tháng ròng.
 Thương thay, con trẻ khóc mong
 Những tưởng mẹ về khi nắng tắt.
 Tiếng chim non trong tổ chip che, mẹ nó mớm mồi

Công nuôi nấng mẹ con vui ấm quá!
 Tại sao lòng người đứt đoạn, kém thua cả tổ chim
 con?

Bao nhiêu ngọn cây cay đắng
 Không gì bằng nỗi đắng cay mất mẹ;
 Bởi giặc Pháp bắt dân về đồn làm nô lệ,
 Áp bức dân ta bỏ cửa, bỏ nhà,
 Bỏ ruộng nương, cây cấy,
 Về khuôn vác, làm tôi tớ giặc.
 Nộp *bốt* (1) cho Tây, nộp *nguyệt* (2) cho *phía*,
 Làm *cuông* (3) cho chúng róc tủy róc xương.
 Ngày ngày nhịn đói, thân còm cõi,
 Còn đánh, cùm, tù tội luôn luôn;
 Mọi nỗi khổ không một điều được sướng.
 Mau mau dân cùng khổ vùng đứng nhanh lên
 Cánh sát cánh vắn chặt một khối
 Xông lên cùng giết giặc!
 Ta có Cù Hồ làm gốc thương ta,
 Cờ đỏ sao vàng phấp phới bay chỉ lối.
 Xông lên, chém Tây chết toi bời
 Mới thoát khổ lúc *bản mừng* ta có giặc.

1949

lác giả tự dịch

CHỊ EM CÔNG NHÂN CẦU ĐƯỜNG

Quãng đường đỏ cheo leo
 Vắt vẻo qua sườn núi.
 Bàn tay xinh, tay nhỏ
 Nắm chắc búa, xà beng

1 — Đồn (do chữ Pháp phiên âm ra --- poste).

2 — *Nguyệt*: một hình thức địa tô.

3 — *Cuông*: một hình thức nô lệ, giống như nông nô.

Kích đá xuống ầm ầm.
 Đường càng rộng, đời mới càng tươi thắm,
 Mắt long lanh sáng rực ngọn đèn pha.
 Khăn *piêu* nhuộm nắng mưa sa
 Sánh cùng nam giới vang ca một lời.
 Vì chị là người
 Công nhân trẻ tuổi.

* *

Xưa kia,
 Dưới mái gianh bếp lửa,
 Khách tới nhà, then đổ mặt tránh xa.
 Chị hằng nghe thấy lời cha :
 — « Thờ chồng, nuôi con, chăm cối nước,
 Vui nơi ruộng vườn, mái gà, nái lợn,
 Chờ rời khung cửi, chờ bỏ giường xa ;
 Ngoài đời mặc kệ người ta ! »

* *

Cách mạng đã đập tan ngày đen tối
 Điện-biên rừng rực cháy nốt vòng xiềng cuối.
 Chị rời giường xe chỉ,
 Rời đàn gà, cối nước,
 Rời những ống tre bương,
 Rời gia đình êm ấm,
 Ra gánh việc *bản mường* ;
 Làm chủ lấy quê hương
 Chị tràn đầy sung sướng.
 Đồng ruộng, thông bao miền hẻo lánh
 Cho áo, *piêu*, thắm chỉ đỏ xanh,
 Cho canh măng đậm muối,
 Cho đầy đủ riu, dao,
 Cho em nhỏ đón nhiều trang sách mới,
 Cho đèn dầu sáng những bữa cơm,
 Cho khúc gỗ để đường xuôi châu thổ
 Ngọn song mây gần bó ngược xuôi.

* *

Từng hòn đá nhỏ
Gắn kín mặt đường
Là keo sơn gắn mối tình xa,
Nối *bản* nhỏ với thành thị gấm hoa.
Đường là mạch
Dẫn máu đi theo nhịp trái tim.
Tôi chào chị :
Người công nhân trẻ tuổi
Của dân tộc mở đường đi lên.

1959

CẨM CƯỜNG dịch

Dân tộc XÁ *

ĐỜI NÔ LỆ **

.

Nhà của « ông » bắt làm toàn cột đẽo,
 « Ông » chỉ mỗ chó bé canh với hoa chuối cho ăn.
 Gấp hai ba lần không được miếng thịt
 Chỉ toàn bã gừng nhỏ nhiều hơn.
 Ăn *bon* (1) nhiều ngứa cổ đau bụng,
 Kiếp làm tôi ông *pọng* Mừng-muối (2) nặng nề thay!
 Muốn trốn đi Mừng-húa (3) sợ xa cô,
 Muốn đi đi Mừng-quài (4) sợ xa chủ.
 Ước gì nước lũ ngập ngọn *cùm* (5),
 Ngập cả ngọn dâu da,

* Một dân tộc ở tản mát trong một số vùng có người Thái, nhiều nhất là ở Thuận-châu, Sông Mã, Tuần-giáo, Mừng-la, Mai-sơn, Mừng-lay, Mừng-tè (Khu tự trị Thái-Mèo) và Tương-dương (Nghệ-an). Dân tộc Xá có nhiều ngành: Xá Khao, Xá Cầu, Xá Xíp, Xá Phó, Xá Kha v.v... Dân số đông 18.872 người.

** *Đời nô lệ* (*Pang khởi pược*) là một bài dân ca cổ, phổ biến ở vùng đồng bào Xá Khao xã Nong-lay, châu Thuận-châu. Theo đồng bào kể lại thì tác giả bài này là Khun Sảng, một thanh niên Xá, làm ra đề chữ tên *pọng* Thuận-châu khi anh bị tên này bắt hát mừng hấn trong bữa tiệc dựng nhà mới, cách đây gần một trăm năm.

1 — *Bon*: một thứ khoai nước ăn ngứa cổ.

2 — Ông *pọng* Mừng-muối là tên kỳ mục thứ hai ở Thuận-châu.

3 và 4 — Hai nơi thuộc châu Tuần-giáo hiện nay.

5 *Cùm*: một thứ cây cao.

Chết cả Thái lẫn Xá,
 Chết cả ngựa dưới sàn thắng yên,
 Chết cả lũ quân quan sắp hàng uống rượu.

CẨM BIÊU
 sưu tầm và dịch

NỖI KHỔ NGÀY XƯA

(trích)

LÒ THỊ SO

.
 Ngày xưa dân Xá cơ cực
 Nai lưng phục dịch « ông » (1) đến rách áo,
 Làm bằng trời, rút cục không còn chiếc cốt lõi lưng.
 Muốn có áo thời phải bóc vỏ đường,
 Muốn có chăn thời lột vỏ xui,
 Không quần, không áo thân trần mốc,
 Cả nhà không có vật gì đáng giá.
 Dao díp để mổ cá không có,
 Dao găm để mổ sóc cũng không,
 Tròn bát để giã ớt hàng bữa cũng không.
 Nhặt vỏ bưởi thay đĩa,
 Nhặt vỏ quýt thay bát,
 Nhặt vỏ ốc làm chén chè đắng.
 Bỏ đời vì đói gạo,
 Bỏ mạng vì thiếu canh,
 Chết nhìn canh nhìn bữa nằm co.
 Hải cẩu hoang ăn độn mài sượng,
 Nước xáo trong veo cầm hơi,
 Nuốt cỏ cây trong rừng trừ bữa.
 Người uống rượu, ta chỉ ăn bã,
 Người ăn cá, ta độc nhai xương,
 Ta hèn khó như ngọn lá dính đất,
 Khách qua đường ai người đoái thương!
 Bước chân dẫm nát vào bùn lấm,

1 — Chỉ bọn cường hào quan lại.

Đời ta như ngọn rau dền giữa đường để người
ta ngắt.
Mưa không tới, nầy mầm sao được !...

.

CẦM BIỂU dịch

QUE CÙI

NUI ÓT

Que củi trôi là que củi mục,
Bong ong mật là bong ong ngon ;
Cây đã mục trôi mãi cũng mòn,
Nhưng mật ong để lâu càng sánh...
Người Xá ta có hai tay mạnh,
Hai chân không biết mỏi đi rừng,
Như ong đốt đau nhưng mật ngọt,
Không như que củi mục trôi xuôi.
Người Xá ta chịu khổ mãi rồi,
Phải sánh lại như mật ong chín thàng !
Hai cái chân đi theo cách mạng,
Hai cái tay giương nỏ bắn kẻ thù,
Cũng như việc phát nương trồng lúa.

CẦM GIANG dịch

THÀNH RỒNG THÀNH HỒ
Nhà xuất bản Phê thông—1957

DẶN CON •

Thôi con ơi, hãy nhin thềm thịt hoẵng,
Bố cũng thềm, mồm cũng như con ;
Sau này ta ăn thịt hoẵng càng ngon,
Để dành đạn, ta bắn vào thẳng giặc.

* Bài này do cụ Bềng thuộc và đọc lại cho người dịch chép.

Đạn súng kíp bây giờ mua đắt,
 Đạn còn nhiều cái súng còn vui,
 Cái cò kia còn thích liếm tay người,
 Cái súng nổ ròn, *bản mừng* không mất.
 Ta còn giữ được cái đất,
 Con hoẵng vẫn là của chúng ta,
 Để sau này nó càng lớn, càng đẻ ra,
 Ta bắn về ăn mừng độc lập.

CẨM GIANG dịch

THÀNH RỒNG THÀNH HỒ

Nhà xuất bản Phổ thông — 1957

CÁI LẾP - VÒNG TAY*

HÀ SINH HÁY

Anh cho em cái vòng tay,
 Em quý lắm nhưng sợ cha, sợ mẹ
 Phải giấu kín; chị em không dám hé,
 Khi nào đi họp mới dám đeo.
 Em cho anh cái *lếp*,
 Anh về treo lên gác bếp,
 Vì sợ gái trai trong *bản* cười trêu;
 Sợ xấu anh chẳng dám đeo,
 Khi nào lên dây đi bắn
Lếp em mới được áp lưng anh.
 Anh là con trai Thái Mường-thanh,
 Bố mẹ có bao giờ cho lấy
 Em là người Khá Huối-lề;
 Các cụ trong *bản* cấm anh.
 Nhưng cất lâu sợ vòng rỉ đen,

* Theo người dịch, bài này là của dân tộc Khá. Nhưng người Khá chỉ là một chi của dân tộc Xá (Xá Khá) nên xếp chung vào phần thơ ca dân tộc Xá.

Treo mãi cái *lếp* thành que mực.
Em phải nói thật
Xin bố mẹ để được lấy anh;
Anh cũng phải nói thật
Xin *bản mường* để được cưới em.
Bố mẹ đánh em đau, có anh bóp lá,
Bản mường phạt anh nặng, có em chịu tiền.
Nhưng anh à, bố mẹ thành người hiền
Bảo bây giờ lấy ai cũng được.
Các cụ *bản* anh, cái lòng khác trước,
Không phạt anh mà còn về uống rượu cần.
Em ngập ngừng, cầm vòng bạc phân vân,
Anh cầm *lếp*, gái trai đùa vui quá!

CẨM GIANG dịch

THÀNH RỒNG THÀNH HỒ
Nhà xuất bản Phổ thông — 1957

*Dân tộc LỰ**

CON THỎ

Con thỏ có bốn cái chân
 Sống được giữa rừng nữa hưởng chi ta!
 Con hồ vồ thì thỏ luôn qua
 Bám chặt vào vai con hồ;
 Con sói đuổi thì thỏ chui xuống hố,
 Con trăn lùa thì thỏ tót lên cây.
 Qua gió mưa sạt rừng, núi lở,
 Con thỏ vẫn sống đến nay,
 Để ra con cháu từng bầy
 Làm chủ ngọn rừng, đỉnh núi
 Cũng như người Lự ta đây.

CẨM GIANG dịch

THÀNH RỒNG THANH HỒ

Nhà xuất bản Phổ thông — 1957

* Một dân tộc cư trú ở vùng Sinh-hồ, Phong-thổ (Khu tự trị Thái Mèo). Có thuyết cho rằng người Lự là một chi của dân tộc Thái nhưng thuyết này chưa được chính thức xác nhận. Dân số đông 1.254 người.

Hai bài thơ này, bài *Con thỏ* do cụ Khang Tông, bài *Có hai người* do anh Khang Vại thuộc và đọc lại cho người dịch chép.

CO HAI NGƯỜI

Ơi bản mường ơi !
Mọi cái nhà sắp đổ,
Đêm khuya, gà gáy ran trong ồ,
Suối ngừng cả lại rồi,
Gió lay chuyển động trời,
Núi sạt nhanh xuống đất,
Rừng cây rạp đổ tất,
Vì dưới thang có hai người
Đang trộm ôm nhau, đang đòi cái hơi.

• CẨM GIANG dịch

THÀNH RỒNG THÀNH HỒ

Nhà xuất bản Phổ thông — 1957

*Dân tộc PUỘC**

THƯƠNG ANH DU KÍCH BẢN MO

— Em thương lắm đây, anh du kích *bản* Mo ơi!

Anh còn trai trẻ mà chẳng được đi chơi

Đề thời khèn, ngắm ông trăng trên đỉnh núi ;

Anh ăn ngô rang đi phục kích đến tối,

Tối lại luồn rừng đi bắn súng dọa Tây...

— Em thương lắm đây, anh du kích *bản* Mo ơi!

Anh đi làm nương, vai còn đeo súng,

Anh đi tìm nhái, lưng cũng giắt nỏ dài,

Đi đào củ mài, hông lặc lư lựu đạn ;

Anh học chữ, học rình, học bắn,

Cái thắt lưng, cái áo cũng bằng tre (1).

— Em thương lắm đây, anh du kích *bản* Mo ơi!

Địch vây rồi bốn ngả, năm nơi,

Chúng kéo lên, anh lại đánh cho chạy xuống ;

Hòn đá, cái cây giỏi hơn cái súng,

Anh bế dân, công lũng vào rừng sâu,

Mỗi ngày một nơi, chẳng ở kể đâu,

Anh rập đường, cắm chông lừa giặc,

Lặn lội dẫn đường cho bộ đội đến mau...

* Một dân tộc cư trú ở vùng Văn-chấn, Yên-châu, Sông Mã, Mường-tè, Mai-sơn (Khu tự trị Thái-Mèo). Dân số đông 3.658 người.

1 — Trong những năm 1948 — 1950, vì hoàn cảnh kháng chiến thiếu thốn nên anh em du kích Sơn-la làm thắt lưng và áo bằng tre đề mặc.

— Em thương lắm đây, anh du kích *bản* Mo ơi!
 Em cố học để cho mau biết chữ,
 Viết công anh gửi lên chính phủ, Bác Hồ;
 Anh thắng giặc rồi em đứng trên núi hoan hô,
 Anh lại đi làm nương với em, với mẹ.
 Và làm nhiều bầy cầy, anh nhé,
 Cho em được ăn thịt chuột, thịt nai;
 Em về *mường* có người hỏi là ai,
 Em sẽ nói là người *bản* Mo, Mai-thuận.
 — Em thương lắm đây, anh du kích *bản* Mo ơi!

CẨM GIANG

sưu tầm và dịch

THÀNH RỒNG THÀNH HỒ

Nhà xuất bản Phổ thông — 1957

NGƯỜI PUỘC *

Ai bảo người Puộc ngu?
 Ai chê người Puộc nhác?
 Ai nói lão rằng ta sợ giặc?
 — Người Puộc chỉ nghèo, chỉ đói vì quan,
 Người Puộc khổ vì thiếu đao, thiếu vải;
 Người Puộc có nhiều con trai, con gái,
 Có cái tay giỏi bắn, giỏi đan;
 Bao nhiêu người đến mua, đến đổi,
 Cái mồm không giỏi nói,
 Nhưng có nhiều ngọn suối nói hộ ta.
 Váy con gái Puộc không có hoa
 Nhưng có hoa trên môi trên mắt;
 Có nhiều hoa mọc ở tay, ở ngực,
 Ai muốn thăm, đừng sợ độc, lên đây...

* Bài này do anh Na-ca Riêng ở Huối-ngo thuộc và đọc lại cho người dịch chép.

Nghe tiếng đàn cật nửa bằng dây,
Cái nhà hẹp nhưng rừng núi rộng,
Cái bát cái mâm có bản (1)
Nhưng ép cơm vừa trắng vừa thơm.
Thịt chuột, thịt nai dăng kín khắp sàn,
Cái lũng đấu tranh ở kín,
Thằng Tây đào nát núi cũng chẳng ra;
Chặt hết cây rừng không thấy một nhà
Nhưng khi về là gặp ngay du kích.
Nuôi bộ đội, người Puộc nhiều gạo nhất,
Có Cù Hồ, người Puộc giỏi từ đây;
Từ khi nào, người Puộc giỏi xưa nay.
Giỏi bằng người Mèo, giỏi như người Tày;
Người Puộc yêu *mường* ghét giặc,
Tay chăm làm, lòng thương cháu, thương con,
Cúi đầu lưng rồi nay phải ngửng lên
Và ngửng mãi không bao giờ cúi nữa!

CẦM GIANG

sưu tầm và dịch

THÀNH RỒNG THÀNH HỒ

Nhà xuất bản Phổ thông — 1957

1 — Tục xưa, người Puộc ăn cơm xong không rửa mâm rửa bát; hàng năm chỉ rửa có một lần và trước khi rửa phải cúng bái. Ngày nay, tục này đã bị dần dần xóa bỏ.

Dân tộc **VÂN-KIỀU**•

O - OÁT**

Làng *bủn* anh xa, anh gửi lời anh theo chim *ka-*
công(1),
 Bản làng anh cách, anh gửi lời anh theo chim
pông-ka-le(2).

Em đi làm rẫy,
 Gan mật bồn chồn,
 Bữa ăn lòng dạ em sôi lên,
 Ngủ ban đêm không yên giấc,
 Ngủ mà lòng vẫn giầy vò từng khúc.

Bóng em in xuống suối nước trong,
 Chao ôi, như giọt nước đọng trên lá môn.
 Dạ ưng nhau hung, anh đi tìm đến,
 Lòng ưng nhau quá, anh đến chỗ hẹn hò,
 Lòng nhớ em nhiều, anh đến nơi đây,
 Anh bước lên cái chòi, anh thương anh nhớ.

* Một dân tộc cư trú ở vùng rừng núi miền tây Quảng-bình và Quảng-trị, dọc dãy Trường-sơn. Dân số đông 23.000 người.

** O-oát: một loại dân ca thanh niên nam nữ thường hát đề tỏ tình với nhau. Khi hát thường đệm theo bằng kèn *pi* (kèn bằng ống sậy).

1 và 2 —Hai loài chim khỏe, bay được xa và hót rất hay.

Nửa đêm tỉnh giấc em đi tìm anh,
Khuya khoắt em nằm trần trọc;
Thương nhau, ta thỏ lộ mỗi tình khi gặp,
Ứng nhau rồi ta chẳng kể ngày đêm...

Đi qua một khe, hai khe
Vẫn vắng nghe tiếng chày em giã gạo;
Lội quá một suối, hai đèo
Còn nghe thấy lời em nói;
Dù đi đã mấy miền mấy núi
Vẫn đến gặp mình để hỏi để han.

GẶP NHAU GIỮA ĐƯỜNG

NAM :

Khi đi đường xa
Gặp em đây hay lời hay lẽ,
Hỏi em làm vợ, em có ưng không?

NỮ :

Em xa chàng
Như vàng xa lửa,
Quả tim em rắn thành hòn đá,
Giọt máu em thành giọt sương;
Chừ đây gặp gỡ bên đường
Mật gan em quện lấy chàng, chàng ơi!

NAM :

Trước chào sau thăm,
Một bên chữ nghĩa văn chương,
Vua quan cũng lắm, bạc vàng cũng đông;
Một bên dốt nát tay không,
Hỏi em như vậy em ưng ngả nào?

NỮ :

Trông thấp rồi lại trông cao,
Đất kia tuy rộng biển nào có thua.

Dù bên có mấy đời vua,
 Dù bên ba họ rách xơ em cũng tìm.
 Không sum họp, nhà to cũng dột,
 Có sum họp, nhà nhỏ cũng lành.

TRÚC CƯƠNG
sưu tầm và phỏng dịch

KHI GAN MẬT ĐÃ ỨNG NHAU

Khi gan mật đã ứng nhau
 Bới cho nhau ăn miếng cơm trong *tóp* (1).
 Khi lòng dạ đã thương
 Cởi áo đưa cho nhau mặc.

Vì sao ta chưa thấy mặt nhau?
 Suối to ta cũng lội,
 Mưa lớn ta cũng tìm,
 Dù lội lầy, ướt át, mưa tuôn;
 Lòng đã ứng, ruột gan mình càng muốn,
 Ta tìm nhau cho thỏa nỗi lòng.

Dù nằm trên cát ướt,
 Dù ngã giữa cát lầy:
 Phải tới gặp được nhau,
 Phải nhìn cho tường mặt.
 Dù Kinh dù Thượng đầu có gì khác,
 Dù Thượng dù Kinh cũng chỉ một nhà.

TRÚC CƯƠNG
sưu tầm và phỏng dịch

1—*Tóp*: loại giỏ đựng cơm, người Vân-kiều thường đeo bên hông khi đi rẫy, đi rừng.

NHÀ TA XA, BẢN TA XA

Nhà ta xa, *bản* ta xa,
Ta chung một mặt trời.
Nhà ta xa, *bản* ta xa,
Ta chung một mặt trăng.

Ta kéo làng ta đi ở một vùng,
Ta kéo nhà ta đi ở một chòm,
Đừng cho rú cách xa rừng,
Đừng cho khe lại xa dòng nước lớn.
Thượng và Kinh ta ưng gặp lại,
Cùng nhau một dạ một lòng;
Rủ nhau dựng nhà, nhà đã dựng xong,
Rủ nhau làm rẫy, rẫy lên xanh tốt.

Nhà cách nhà muốn cho gần lại,
Bản cách nhau ta muốn nối liền,
Khe chảy xa muốn kéo lại cửa này,
Trâu khác bãi muốn ăn cùng một bãi,
Cây khác rừng muốn cho hợp lại,
Cây khác đèo muốn cho mọc một rừng xanh.

TRÚC CƯƠNG
sưu tầm và phỏng dịch

TÔI BƯỚC LÊN CÁI CHÒI CỦA EM

Tôi bước lên cái chòi⁽¹⁾ của em ;
Muốn lắm quả dừa, dừa ở cành cây,
Ưng quả mít, mít còn xanh trên ngọn,
Bưởi vẫn lủng lơ trên *bản*,
Lúa gạo ở trên sàn,
Tôi hoảng hốt lòng, dù muốn ưng em...

1 — Nơi vui chơi của trai gái trong làng.

Nếu em hóa ra đá, tôi đập đá mang về,
Nếu em hóa ra đất này, tôi quyết đem về một nắm,
Nếu em hóa thành hoa và cây cối, tôi quyết lấy
đem về trồng.

Thương em đến nỗi sâu,
Nhớ em đến tận ốm,
Ước gì gan mật em trở về anh mãi mãi.

TRÚC CƯƠNG

sưu tầm và phỏng dịch

*Dân tộc BA - NA**

ĐAM SO

Tôi làm *đam so* (1),
 Người ta không muốn ;
 Làm chàng « trai lão »,
 Họ cũng tránh xa ;
 Làm cây vừa ra,
 May thì bạn chặt ;
 Làm thử muối rắc,
 May họ nấu canh ;
 Làm cây ổi rừng,
 May thì bạn hái ;
 Biến thành lúa bãi,
 May họ xúc về ;
 Biến thử chim ri,
 May bay trốn biệt ;
 Làm con diều ác,
 May quắp gà con ;
 Biến thử đường trơn,
 May thì bạn ngã ;
 Biến thành chì thử,

* Một dân tộc cư trú nhiều nhất ở các dãy núi phía đông tỉnh Công-tum và phía nam cao nguyên Công-tum. Một số nữa cư trú ở vùng rừng núi phía tây-nam tỉnh Bình-định. Dân tộc Ba-na chia ra nhiều ngành: Ba-na Công-tum, Dơ-lâng, Bơ-nâm, Gơ-la, Tô-lô, A-la-công v.v... Dân số đông khoảng 99.000 người.

1— *Đam so*: thanh niên cũ, thanh niên ế vợ. Bài dân ca này tả tâm trạng một anh ế vợ.

May điều dán vào (1);
 Biến thử thành dao,
 May em chặt lá;
 Biến thành chim chẻ,
 May họ bắt nuôi;
 Biến thử chim *giông* (2),
 May người ta thích;
 Biến thử chồn đất,
 May được mía ăn;
 Biến thử áo xen,
 May con gái mặc;
 Biến thử mù sương,
 May trùm khắp núi;
 Biến thử tầm gửi,
 May dính vào cây;
 Biến thử đường đi,
 May thì bạn bước;
 Biến thành cái lược,
 May họ chải đầu;
 Biến thử thành com,
 May thì bạn chén;
 Biến thử thành thùng,
 May được họ đan;
 Biến thử thành thoi,
 May luồn vào cửi
 Dệt vải cho làng.

Y BƠ-RON, SIU PHÍCH sưu tầm
 SIU PHÍCH, TRÚC CƯƠNG dịch

1 — Đồng bào Ba-na thường dùng chi đề dán vào ống điều cho thêm đẹp.

2 — *Giông* : còn gọi là chim *nhông*, một loài chim giống chim sáo.

KHÓC ĐÚP*

HƠ-PHÍT

— O' Đúp!

Cái chòi này
 Gãy cái ràng,
 Cái chòi hở nóc,
 Cái chòi rách!
 Cái chòi mới dựng lên,
 Bỗng thỉnh linh sụp đổ;
 Cái người em thương nhớ,
Giàng ơi! đã chết rồi!...

— O' Đúp ơi!

Em đã nói
 Hết lời...
 Ai có xui
 Anh mặc quần *sọc* (1),
 Anh khoác áo tơi,
 Anh sống cái đời
 Một tên linh giặc?

— O' Đúp!

Tiếng anh nói, anh cười
 Giờ thôi vắng ngắt!...
 Con chim đẹp
 Nuôi trong lồng
 Giờ đã chôn dưới đất.

* Theo người dịch, bài hát này chính là của một thiếu phụ Giơ-rai. Chồng chị tên là Đúp, đi lính cho Pháp và bị chết. Đang đi rừng, được tin đau đớn ấy, chị mang cả *gui* rau, ôm lấy một cây đổ bên đường, than khóc thảm thiết thành một bài thơ. Đây chỉ là một đoạn của bài đó được ghi lại bằng tiếng Ba-na nên chúng tôi xếp vào phần thơ của dân tộc Ba-na.

1 — Quần *sọc*: quần cộc (bởi chữ *short* của tiếng Anh đã Việt hóa). Quân đội viễn chinh Pháp trang bị cho lính ngự toàn quần áo ngắn để mặc về mùa hè.

Ghét anh theo giấc
 Mà vẫn thương anh.
 Trong bụng thầm mong
 Anh về *buôn* (1), rầy.
 Nhưng giờ đâu thấy?
 Cắt đứt nhớ thương,
 Như chiếc màn buông,
 Em khóc...

— O Đúp!
 Những ngày cơ cực,
 Những đêm lạnh lùng,
 Ai trùm cái chấn?
 Ai trông cái lửa?
 Thôi còn đâu nữa,
 Cắt đứt nhớ thương,
 Cái xác không hồn!...

Người em
 Trống rỗng
 Không tim gan,
 Giữa bữa ăn
 Nghẹn tràn nước mắt.
 Đời em,
 Cái bầu không nước,
 Cái đĩa không cơm,
 Cái nhà trống trơn
 Không người, không vật.

— O Đúp!
 Lòng em căm tức;
 Cái thằng Tây,
 Chỉ tại mày
 Đã cướp đi
 Cái con người yêu quý.

1 — *Buôn*: làng, xóm.

Giàng ơi!
 Hãy bắt lấy
 Cái thằng Tây,
 Mồ bụng nó ra này
 Ăn gan cho hả giận !

NHẬT LAI
 sưu tầm và dịch
 THƠ MIỀN NÚI
 Nhà xuất bản Văn nghệ—1957

THƯƠNG NGƯỜI CỘNG SẢN*

Ngày xưa, người Tây Nguyên khổ quá,
 Đêm nằm cứ mơ thấy hoa sung (1).
 Hoa sung nở, người Tây Nguyên vẫn cực...

Lạ quá ! Biết tính thế nào ?
 Năm bảy ông già đang bàn chuyện vót chông
 Thì thằng Tây mang giày đinh đến dọa :
 — « Hỡi dân Bơ-nâm mọi rợ !
 Chúng mày không đứng dậy nổi đâu,
 Đừng đại dốt theo quân « cộng sản » !
 Nó chỉ biết chui luồn
 Như con sên, con chim trong rừng ;
 Làng nào có lúa ăn, có rượu uống, chiêng kêu
 Là chúng bò ra cướp hết ».

Năm bảy ông già vẫn ngồi vót chông,
 Bụng sôi như lửa ;
 Không theo chúng nó

* Bài này là của một tác giả người Bơ-nâm (một ngành thuộc dân tộc Ba-na).

1— Theo truyền thuyết, hoa sung nở là đời no ấm.

Bây giờ theo ai?

Khồ lắm!

Không thể sống với bầy ó (1) trắng,

Cái xâu, cái thuế đê nặng

Như trăm ngàn hòn đá lớn trên lưng.

Phải đứng dậy, rào làng,

Cắm mang cung khắp rừng khắp rú.

Khồ trả khổ,

Đầu phải trả đầu!

Nhưng không biết các anh em

Ở cùng con nước, ở mãi núi cao

Có cùng nhau một bụng?

Các cụ già ngồi vót chông

Suy tính mãi,

Hai ba trắng tròn chưa hiểu,

Chín mười trắng nở chưa ra.

Khồ lắm!

Sống mãi thế này sao được?

Chim *gơ-lung* (2) hát khản cổ rồi;

Mày muốn ta vùng dậy phải không chim,

Nhưng làm sao có cánh?

Cách mạng tháng Tám về,

Các cụ già nghĩ gì không biết,

Bỏ rựa trên sàn chẳng vót chông;

Hai cụ ra đi,

Năm đèo chín núi,

Ba bốn đêm mắt trời lặn mới về.

Đêm ấy,

Đêm đầu tiên

Dàn làng nghe hai cụ già cười nói:

—« O'!... không phải ai đánh Pha-lăng (3) đuổi
Nhật đâu,

1— Ó: một loài chim ác.

2— Gơ-lung: một loài chim đẹp, khỏe và hát hay.

3— Pha-lăng: Pháp (phiên âm chữ Français)

Chinh là Việt minh, là Cộng sản đó thôi.
Họ là người Kinh, người Ba-na,
Người Ê-đê, Mơ-nông Đắc-lắc,
Trên hết có Cụ Hồ
Mắt sáng bốn ông sao... »

Rồi hai cụ già ngồi đánh chiêng
Vui bụng kể về người Cộng sản :
— « Người Cộng sản cũng như ta
Có mẹ cha, vợ con, nương rẫy.
Nhưng, họ được Cụ Hồ cho cái đầu nỏ hoa sung,
Cái đầu ấy bày cho dân làng trồng khoai
Thì củ khoai mau lớn;
Bày phụ nữ nuôi gà lợn
Thì gà lợn mau to ;
Cái đầu ấy chỉ dân làng cầm dao định đánh Tây
Là thằng Tây chạy trốn ».
Nghe kể, dân làng đều vui sướng,
Họ cười vang :
— « Ô ! Cộng sản là như thế
Thương quá đi ! »
Nghĩ sâu trong bụng,
Một cụ già
Rồi cả làng cùng hát theo,
Tiếng hát cao như núi :
— « Ở anh Cộng sản !
Cái chết của anh cầm bằng lá (1),
Cái khổ của anh nắm chắc trong tay,
Nhưng không bao giờ anh sợ chết.
Lòng tốt của anh đi nhanh quá (2)
Đẹp như vó con ngựa quý,
Mang áo cơm chạy khắp núi, khắp rừng ;

1—Ý nói : tiếng lành đồn xa.

2— Ý nói : chết một cách dễ dàng.

Thiếu muối dân làng đốt gianh (1) ăn thay được,
 Thiếu cơm đào củ sắn, củ môn
 Nhưng thiếu Cộng sản không có gì thay được ».

NGỌC ANH
sưu tầm và dịch

ÁNH SÁNG MÙA XUÂN
Nhà xuất bản Văn học — 1960

THƯƠNG ANH CÁN BỘ *

KA-VẦY

Anh ở Trung-châu
 Không phải ở đây ;
 Anh là người Kinh
 Không phải người Thượng.
 Tình thương anh rộng
 Nên mới lên đây
 Chỉ để đánh Tây
 Cho mình vui sướng...

Anh tới xứ này :
 Cái núi cũng khác,
 Cái rẫy cũng khác,
 Nhưng anh cũng cố
 Chung giúp đồng bào,
 Anh phải làm theo
 Cái phép người Thượng.

1 — Than củ gianh vị hơi mặn, có thể dùng ăn tạm thay khi thiếu muối.

* Bài này do một cô gái Ba-na ở phía nam Kông Pơ-lông hát nhân đêm liên hoan chiến thắng Kông Pơ-lông. Bài này đã được giải thưởng văn nghệ của Mặt trận miền Tây.

Anh muốn ăn cá,
Xuống suối anh tìm;
Anh muốn ăn thịt,
Lên rừng anh lấy;
Muốn ăn con nhái,
Chờ ngày mưa to...

Đến mai anh đi,
Đường có hai dốc;
Chị em tôi thương,
Chỉ thấy dấu chân
Không thấy hình anh;
Đợi ngày anh về
Vui đón thăm anh.

1954

NGỌC ANH và NGỌC T. dịch

*Dân tộc GIƠ-RAI**

TÔI BIẾT GHÉT TÂY VÌ CÓ ĐẢNG

KƠ-SO BƠ-LÊU

Hồi còn nhỏ, tôi nghe mẹ cha, thương em,
Khi lớn lên, tôi mến anh, mến chị.

Tôi bước khỏi nhà :
Thương mẹ thương cha ;
Tôi đi xa làng :
Nhớ nương, nhớ rẫy,
Nhớ bến câu cá,
Nhớ rừng bẻ măng,

Tháng Tám, ngày Mười chín,
Cách mạng Mùa Thu bùng nổ ;
Tuổi tôi mười chín, hai mươi
Cất cánh bay cao như chim *phí* chim *sương*,
Lội giữa suối trong, như cá *nền* cá *rối*.

Tôi qua biết bao đồi núi,
Lên đèo, lên dốc,
Nhọc nhằn quản chi !...

* Một dân tộc cư trú ở cao nguyên Pơ-lây-cu. Dân tộc Giơ-rai chia ra làm nhiều ngành như Hơ Đơ-rung, Hơ-ban, A-rap, Tơ-buăn v.v... Dân số đông khoảng 160.000 người.

Càng đi càng biết ghét xâm lăng,
 Càng đi càng hăng đánh Pháp.
 Tôi nhớ sâu tiếng gọi lời thề :
 — « Giết giặc, bảo vệ quê hương,
 Giữ đất mẹ làm rẫy,
 Giữ đất cha xây làng,
 Giữ đất ông bà yêu quý từ ngàn xưa !... »

Tôi biết yêu nước,
 Tôi biết ghét Tây :
 Vì có Đảng

tác giả tự dịch

ƠI GIÀNG ! *

SIU KEN

Sáng hôm nay bầu trời tươi đẹp lắm,
 Bước ra từ nhà
 Chan hòa ánh sáng,
 Đóm nắng từ chân mặt trời chiếu xuống
 Lọt qua kẽ lá cây...
 Nghe qua lại bên mình,
 Thật muốn những buồn thương xao xuyến.
 Những tiếng chim kêu
 Tiếng chim cu gáy...

Từ hôm nay còn im ắng,
 Còn xa vắng đó, *Giàng* ơi !
 Chia ly nhau từ bến nước,
 Cách trở nhau từ vườn nương,
 Năm tháng nào mới thấy lại đây ? ...

Hôm nay tôi ngồi đơn chiếc,
 Đứng lẻ loi,
 Tai chẳng còn nghe,
 Muốn rơi nước mắt ;

* *Giàng* : trời.

Ngày đến ngày, nhớ thương tràn ngập.
Không biết chuyện gì để nói nữa đây!...

Dù có nhớ đến đâu thì nhớ
Không biết lấy gì làm khuây;
Dù có thương đến đâu thì thương
Không biết làm sao cho khỏi...

Ơi Giàng đó!

Thành ngay chim *kơ-tia* (1) đi, tôi sẽ sải cánh bay
khắp vùng,
Thành ngay chim *giông* đi, tôi sẽ bay thẳng
về một hướng,
Biết hóa phép sao đây thành ngay con *giàng* ấy
Tôi mới được về thăm viếng hỏi han
Làng mẹ quê cha xưa,
Đất ông bà cũ...

Trường-nhượng 28-3-1947

TRÚC CUONG
dịch cùng tác giả

NHỚ LẠI MẸ CHA

SIU KEN

Ơi mẹ, Ơi cha!
Ngủ ban đêm, con thấy trong chiêm bao,
Năm ban ngày, con nghĩ suy, mừng tưng;
Con ngấm ngời vớ nhớ nhung,
Con xót thương cha mẹ khôn cùng!...

Lột lòng con ra từ bụng mẹ,
Tay khua vầy,
Cổ lắc lư,
Đêm tối còn chưa hiểu biết điều gì.

1 — *Kơ-tia*: một loại chim nhỏ, màu nâu, hay lượn vòng trên nương lúa.

Mẹ với cha,
Các người cười vui đầy lòng đầy dạ,
Sung sướng đầy thân;
Thấy hôm nay cha ẵm mẹ ôm,
Ngày mai cha thương mẹ nựng,
Ngồi hôn con luôn luôn
Khi con còn trứng nước;
Lúc còn thơ, mẹ cha mệt nhọc trăm chiều,
Sức lực hai thân hao tổn mỗi mòn;
Có con bông hoa, mẹ cha cũng nhớ,
Có con tôm nhỏ, cha mẹ cũng phần;
Chút gì kiếm được ngon lành,
Mẹ cha cũng nhin
Cất dành cho con.



Giờ đây bên tai tôi
Còn văng vẳng, mênh mang
Nghe xao xuyến những tiếng
Từ năm xưa mềm mại dịu dàng...
Tiếng gọi vô về, tiếng gọi nằng niu:
— « Ở Mố, ở Đam!...
Ở Tun, ở Vang!...
Ở Nô, ở Rố!... (1)
Con trai tôi, con gái tôi xấu xí! »

Ơi mẹ, mẹ thương!
Mệt thân lau chiếu rửa giường,
Xi dái, bật soi ngọn lửa,
Ngủ rục đêm hôm...
Nếu con ốm đau,
Đهن sài nóng sốt,

1 — Những tên dùng để gọi nựng con.

Thì cha thương,
 Mụ kêu,
 Thầy rước,
 Cầu nguyện cúng *Giàng*,
 Người đi bẻ lá, đội *công* (1)
 Nửa đêm gà gáy
 Lúc sắp tàn canh...

Con chưa biết đi, cha dìu,
 Chưa biết ăn, mẹ mớm,
 Thấy chưa hiểu đủ điều đủ tiếng,
 Mẹ bảo ban, cha dạy dỗ đêm ngày...

Tim cha đau, lòng mẹ bận trăm chiều :
 Sinh con trai mong dạy chuyện đi rừng,
 Để con gái dạy cán bông kéo sợi,
 Biết chải go, biết sàng nia, sảy thúng,
 Biết đêm hôm tìm cối hỏi chày...

Giờ đây cha mẹ gọi con không thấy trả lời,
 Nhìn qua lại vẫn còn vắng bóng ;
 Không biết bao giờ năm qua tháng đến,
 Không biết khi nào con trở lại quê hương?...

∴

Đừng buồn thương mong nhớ,
 Đừng day dứt quá mẹ cha,
 Nhất định mai sau sum họp một nhà,
 Hôm nay tạm thời xa cách.
 Ta xa nhau vì giặc Nhật đến vây (2),
 Vì giặc Tây đến cướp nương lúa, núi sông mình.

1 — *Công* : vòng. Theo tục lệ, lúc cúng, người đứng cúng đội một chiếc vòng lên đầu.

2 — Những ngày đầu của Kháng chiến, giặc Pháp còn núp sau lưng quân đội Nhật để tấn công ta.

Mẹ cha ơi !...

Bão ngập tràn nhớ thương thấm thía

Công lao cha mẹ vất vả vì con ;

Con còn nhớ lại bấy nhiêu,

Không thể nào dãi tỏ,

Không thể nào kể đủ, mẹ cha ơi !

Con dừng lại đây vì không nói nổi nên lời.

Quảng-ngãi—1947

TRÚC CƯƠNG

dịch cùng tác giả

LÀNG CHÚNG TA

SIU KEN

Làng chúng ta năm xưa vui sướng lắm

Ngờm ngợp người đông đúc trong nhà *rông* (1),

Rực rỡ sắc màu, người ở trong sân

Con gái cũng nhiều,

Con trai cũng lắm.

Con người cũng duyên cũng dáng,

Mồm miệng cũng xinh.

Nói như chim *giông* riu rít,

Như chim *két* chuyện trò...

Sớm mai, nắng ấm nhòm ngó, hện hò

Đi tát nước làm *kơ-rao* (2), đi ngăn sông chài cá...

Tới ngày rượu mở

Ăn lợn, bò, trâu,

Ché rượu một trăm,

Ngọn cần một bó (3),

Ăn uống thỏa thuê,

Kể ca người mùa...

1— *Rông* : nhà công cộng của một làng.

2— Làm *kơ-rao* là chặn một khúc suối lại, tát cạn để bắt cá.

3— *Cần* dùng để hút rượu, làm bằng những cây trúc nhỏ, dài.

Làng chúng ta hôm nay điêu tàn quá!...
 Vì lũ giặc Tây, mất đi tất cả,
 Cái chòi không lành,
 Cái nhà chẳng có,
 Đi ở rừng già, nay đây mai đó,
 Ở chốn rừng thưa, trong cái hốc cây,
 Ở ven suối rừng, theo từng hang đá...

Tây đốt cháy nhà, đốt chòi ngô lúa,
 Đi bắn lợn trâu, ăn thừa ăn bữa,
 Bắt người đánh trời, bắn chết, phanh thây,
 Dân làng ta đói khổ đêm ngày.

Bởi vậy hôm nay tất cả dân làng
 Nghe một tiếng, dồn thành sức mạnh,
 Quần tụ lại, vùng lên bắn chém
 Không thể để giặc Tây ở lại đất nước mình.

Ta sẽ làm rẫy lúa rộng to,
 Tim đất trồng khoai, trồng lúa cho nhiều,
 Có lúa, có ngô, no đủ dân mình,
 Nước độc lập mọi người đều sung sướng!

7-1953

TRÚC CƯƠNG dịch

CON CÚ ĐI SAU LƯNG CHÚNG BAY

NAY PHIN

Mỹ - Diêm
 Dữ hơn con cọp
 Ghét những người thiệt tốt
 Biết thương đất nước,
 Nương rẫy, giống nòi.

Mỹ - Diệm

Bay chia đất nước, bắn, tù đầy
Hàng loạt người ; từ trước tới nay,
Không biết bao nhiêu người đã chết?

Mỹ - Diệm

Gần đây lại gây ra
Vụ Phú-lợi giết hơn ngàn anh em ta,
Tội ác này, ai ai cũng biết.

— Hỡi anh em trong nước!

Hỡi anh em gần xa!

Đồng bào ơi! Chúng tôi đã chết!

Chết vì Mỹ - Diệm đầu độc,

Chết vì Mỹ - Diệm bắn tràn,

Chết vì Mỹ - Diệm đốt, càn,

Chết vì Mỹ - Diệm phun nước,

Già trẻ chúng tôi bị chết oan!

— Hỡi anh em trong nước!

Hỡi anh em gần xa!

Chúng tôi bị chết ức,

Linh hồn chúng tôi reo ;

Chúng tôi bị chết ức,

Linh hồn vẫn trong veo,

Đi khắp bốn phương,

Bay khắp bốn phương,

Kêu khắp rẫy cũ,

Kêu khắp núi sông,

Các anh đừng quên

Nhân mạng chúng tôi!

Mỹ - Diệm

Lũ bay

Cứng cái miệng,

Cao trên lời (1),
 Sao không biết yêu thương
 Con trai một họ,
 Con gái một dòng?
 Ai bóp cổ?
 Ai giết oan?
 Giết hơn một ngàn người bị giam
 Chết cháy ruột gan vì thuốc độc?

— Hỡi thanh niên
 Trăm nóc nhà,
 Hãy ra ngưỡng cửa!
 Anh bước tới,
 Tôi cũng bước tới !...
 Hàng trăm người đánh trống trước,
 Hàng ngàn người đánh trống sau,
 Sống chết không lùi bước.
 Phải kéo đến
 Hỡi Diệm:
 — « Xương cha đâu? »
 Phải kéo đến
 Đòi Diệm:
 — « Mạng mẹ đâu? »
 Ai bán đất cho Mỹ?
 — Diệm ma quỷ!
 Ai giết anh em ta ở Phú-lợi?
 — Diệm ma quỷ!

Con cú đi sau lưng lũ bay,
 Chớp giật, sét đánh xé xác lũ bay!

NGỌC ANH dịch
 CẦU VÀO BẢN
 Nhà xuất bản Văn học—1960

1— Ý nói: Mỹ-Diệm chỉ nói tốt, nói cao xa nơi miệng, thực tế trong bụng chúng rất xấu.

Dân tộc Ê-ĐÊ

GIÚP NHAU MỌI VIỆC

Cúi nặng, mang giùm,
 Nước nặng, công giùm,
 Nhà làm dở, giúp cho xong;
 Đau ốm, hãy đến thăm,
 Lúc còn sống, đến uống rượu cho nhiều,
 Lúc chết, đi chôn cho đông;
 Khuyên bảo mà quên thì khuyên bảo nữa;
 Nói ra, nghe nhau như cùng một tai,
 Cùng nói như chung một miệng,
 Cùng ưng như chỉ một lòng;
 Người trong một nhà, dân trong một buôn,
 Tất cả chú bác anh em mọi nơi,
 Chúng ta cùng giúp nhau cả.

LỜI THỀ KẾT BẠN

Hỡi Thần! Nhận cho chúng tôi dâng rượu gà kết
 bạn thân.

Thần núi giữ gìn chúng tôi,
 Thần sông cho chúng tôi khỏe mạnh,
 Cho sống lâu, sống đến già, cho đến lúc tóc bạc,
 Rồn lên vầy;

* Một dân tộc cư trú khá tập trung ở cao nguyên Đắc-lắc. Dân tộc Ê-đê chia ra nhiều ngành như Kơ-pa, A-đơ-ham, Kơ-tun, Diê-ruê, Bơ-lô, Mơ-thua v.v... Dân số đông khoảng 120.000 người.

Nếu trời làm anh với em lia nhau đó
 Giống như ngựa đứt cương,
 Trâu tuột chảo.
 — Đàn ông với đàn bà chẳng lia bỏ được nhau!

Em ngủ đêm nay em chiêm bao thấy
 Cột với rui một gốc,
 Suốt với rui một ngọn nối đầu nhau;
 Em chẳng nhớ sai đâu,
 Anh với em làm rẫy trong rừng rậm phía tây
 làng.

Ở *pơ-ră* (1) yêu thương, tay anh nâng cây *đinh-*
kơ-biá!
 Ở *pơ-ră* yêu thương, tay anh cầm ống *đinh-pi*!
 Nếu anh cầm kèn *ki-pá*,
 Nếu anh đeo thêm nữa, miếng vỏ lá trầu...
 Càng như thế đó hỡi anh,
 Em không có yên lòng đâu mà ăn uống!

Y YUNG sưu tầm
 VINH PHẦN, TRÚC CUONG dịch

ĐÀN BƠ-RỐ

Ở *bơ-rố* (2), ở *bơ-rang* (3)!
 Mày nường vào đàn *bơ-rố*,
 Mày nói giúp với gió,
 Mày cười giúp với gió,

1 — Tiếng gọi người thân yêu.

2 và 3 — Đàn *bơ-rố*: một nhạc cụ gồm một ống tre làm thân nối liền với trái bầu khô; đàn có 6 dây, âm thanh mỗi dây khác nhau. Người gảy lấy nhiều ngón tay búng vào dây cùng một lúc để đệm theo những bài hát tình tứ. Ở *bơ-rố*, ở *bơ-rang*: giống như khi ta nói « nước nổi, gà què » — chữ *bơ-rang* có tác dụng như một tiếng đệm.

Nếu không có sáp *hìn-giú* (1), lấy nhựa cây *đơ-lông* (2),

Nếu không có dây đồng, căng bằng dây thép,

Sợi nhỏ sợi to từng khúc

Đến hỏi xin lũ làng,

Họ muốn tức cười nở ròn khúc khích.

Ơ *bơ-rố*, ơ *bơ-rang* !

Gầy lúc sớm sợ trẻ con khóc,

Gầy khi rạng mặt sợ trẻ con đau,

Gầy khi gà gáy sợ trẻ con dứt giấc ngủ say.

Chàng *đam Giú* (3) gầy bên dưới, chết con cộp con,

Gầy bên trên, chết ông Thần Mắt

Gầy giữa nước, cá *kìm* không ở được trong hang,

Con giun không thể ẩn trong bùn,

Con rắn nước leo lên cây quẩn lại,

Con cộp con ra khỏi hang,

Kiến gió kiến càngh thời không đùn đất,

Ve sầu kêu hót,

Tre *a-lê*, *mơ-ô* (4) chết, mọc hột hoa (5).

Đàn *bơ-rố* chàng Y Gi thân nó ba

Vú nó sáu (6),

Kêu ngâm ngâm

Không biết nói nên câu chuyện

Những gì tôi kêu tôi gọi?

1 — *Hìn-giú* : loại sáp đen để gắn đàn.

2 — *Đơ-lông* : nhựa một thứ cây có thể thay sáp đen để gắn đàn.

3 — *Đam Giú* : chàng trai đen, tiếng chỉ những tay sành sỏi đàn sáo.

4 — *A-lê* : tre đực, thân nhỏ; *mơ-ô* : tre cái, ống to.

5 — Khi tre ra hoa lấm tấm như hột gạo cũng là lúc tre chết.

6 — Đàn *bơ-rố* có sáu núm để vặn dây gọi là vú đàn.

Nếu gầy buổi sáng, vắng đến chàng Pơ Kơ-vây (1),
 Nếu gầy buổi trưa, vắng đến nàng Bang Ê-ra (2) ;
 Hoa buổi tối nở to,
 Thần Mắt lên nghe
 Âm âm đất chuyện
 Con ông Thần Mắt chết mệt ba ngày ba đêm.

Y YUNG sưu tầm
 VĨNH PHẦN, TRÚC CUONG dịch

CHUYỆN NHỚ

Gặp chim khóc trên non em đứt lòng vì nhớ,
 Anh nói cũng không sáng,
 Nói cười cũng không chẵn,
 Anh ở trong rừng chỉ khóc,
 Cũng hai ba lần nước mắt nước mũi rơi.

Chim chóc chỉ khóc vì thương,
 Chim *mơ-linh* (3) hát vì nhớ cây sáo trúc ;
 Anh thấy em hôn hờ chỉ vì lòng anh vui,
 Giống như khi em nhớ đến anh ;
 Anh nghe em chỉ ngồi khóc,
 Anh chẳng có chuyện trò,
 Em cất tiếng cười cũng không ra tiếng.

1 — *Pơ Kơ-vây* : tên một người trai trong thần thoại, nghe và đánh đàn rất giỏi.

2 — *Bang Ê-ra* : tên một người con gái trong thần thoại, nghe và đánh đàn rất giỏi.

3 — *Mơ-linh* : một loại chim to, lông màu đen, phía dưới cánh màu trắng óng ánh như bạc.

Nghe con chim té đỏ chỉ vì thương,
 Nghe cây sáo trúc đỏ chỉ vì nhớ,
 Nghe tiếng em gái ngây thơ, nhỏ bé
 Khiến anh ngồi tưởng nhớ khôn nguôi.

NHẬT LAI sưu tầm
 TRÚC CƯƠNG dịch

ANH ĐẾN TỪ NƠI XA

Anh đến từ nơi xa,
 Anh mang theo chim *mơ-linh* từ nhà,
 Chim *mơ-lang* (1) từ *buôn* ;
 Anh nghĩ rằng em là con gái chưa tơ vương,
 Anh con trai xinh trong trắng,
 Đẹp cánh tay, thuận nói thuận cười,
 Bắp vế muốn vắt ngang, bảo đùi đặt chéo,
 Mồm miệng muốn đến ăn miếng thuốc lá trầu.
 Thang úp muốn lật ngửa,
 Tầm cửa đóng muốn mở (2),
 Em là con gái xinh ít miệng (3),
 Vòng muốn đến làm quen, hạt cườm muốn ướm,
 Áo quần muốn mặc ;
 Em đừng nên nũng nịu,
 Em chớ có làm eo,
 Em chớ lắc đầu như thế !
 Anh con trai không đẹp chuyện chit khấn, đóng khổ,
 Không xứng nói cười được với em sao ?

Vương dầy để anh theo đi cắt,
 Vương gốc đi chặt,
 Vương cây đa nhà Trời để anh cùng đi gỡ,

1 — *Mơ-lang* : một loại chim to, lông màu nâu.

2 — Ý nói : đến thăm nhà người yêu, thấy thang úp thì lật ngửa ra để bước lên sàn, thấy cửa đóng thì mở ra để vào.

3 — Ý nói : thùy mị, kín đáo.

Vương cây cọ đề anh theo đi chẻ,
 Vương cây cau đề anh cắt làm đôi.
 Tốt hơn là em nói ở đây,
 Ta đi một hàng, ta chạy một đường,
 Tê giác và voi đi đến nơi hò hẹn.

NHẬT LAI sưu tầm
 TRÚC CƯƠNG dịch

HÔI BẠN HƠ-INH, HƠ-RINH !

Y HÔNG

Hỡi bạn Hơ-inh, Hơ-rinh (1)
 Hãy đi thối cơm cho những người trai trẻ,
 Nấu canh cho những người con gái,
 Kiếm củi nước cho giai cấp mình khổ cực từ xưa !

Ta cầm rựa đi chặt ruột cây dừa nước (2),
 Cầm rìu đi bổ gốc cây đa khô,
 Cây già, con ong đậu,
 Ta đi đốn thử, coi con ong đất ong rừng !

Cành cây ta làm trục quần vải,
 Thân cây ta làm bàn đập khung cửi,
 Chị Hơ-gung, Hơ-dung (3) hơn hờ biết dệt cửi
 đưa thoi
 Dệt vải một gang, biết thêu được hình người...

Chúng mình từ xưa chưa biết nắm trứng tay go,
 Chưa biết cuộn cây quần vải,
 Chưa biết thêu thùa, dăng chỉ thạo tay,
 Chưa biết quay xa và dệt vải.

1 — Tên thân mật thường dùng gọi chung các chị em người Ê-đê.

2 — Ruột cây dừa nước dùng làm thức ăn.

3 — Tên các nhân vật đảm đang, tài giỏi trong thần thoại Ê-đê.

bằng ống đựng thuốc (1), hình cong như cuốn bầu đựng nước, vỗ vỗ vào miệng điệu, nghe như tiếng chim gõ mõ. *Bók* lấy cây lửa châm vào điệu, bập bập miệng, khói thuốc bay, uốn tròn như khói đốt rẫy tháng Hai.

Bók kêu lên :

— Ô cháu, ơ cháu Bờ-râu ! Khi này có việc gì mà cháu đánh trống đó ?

Bờ-râu nói từng tiếng, thông thả :

— Giấu cũng chẳng được, vượt cũng chẳng qua(2). Hôm nay, tất cả dân làng ta phải cùng nhau đi đánh đuổi Hơ-rit lên tận núi cao.

Dân làng nói đều một miệng :

— Muốn lắm đấy, nhưng làm thế nào ? Bờ-râu to *gan* hãy đứng đầu làng đi ! Có đuổi được Hơ-rit thì rẫy mới được nhiều lúa, suối mới được nhiều cá !

Tức thì tất cả già trẻ, gái trai trong làng cùng Bờ-râu chuẩn bị tên, nỏ, *khiên*, đao, mác, kéo đi chặt phá nhà *rông* của Hơ-rit. Tiếng thét vang như sấm, đao vút lên, chặt xuống loang loáng như ánh chớp, tiếng *khiên* đụng nhau « soàn... soạt... » Nghe động đất, Hơ-rit uốn lưng, vùng dậy, nhảy hai, ba nhảy đã đến cửa nhà *rông*. Hắn hỏi lớn :

— Ô, đứa nào ở đầu mà dám đi chọc tức Hơ-rit con vua, con quan đó ? Lũ bay có biết từ xưa đến nay chẳng có ai địch nổi tao sao ?

Bờ-râu nắm chặt cán đao có chạm hình ngôi sao, hình hoa thị màu xanh đỏ, từ đằng xa lướt tới hướng nhà *rông*, dáng hiên ngang như một con hổ. Chàng đứng thẳng trước mặt Hơ-rit.

Hơ-rit thấy nóng trong bụng, hắn tưởng như ai đã xé *gan* ruột của hắn ra từng mảnh.

Bờ-râu nói to như sấm gọi núi đá :

— Ra đi, ra đi ! Ơ tên Hơ-rit ! Mày phải chạy trốn vào ở trong rừng sâu, nơi voi không đến, hoa cỏ không mọc. Nếu mày không đi thì hãy coi chừng sau trước, Bờ-râu này sẽ vằm nát nhà *rông* mày đấy. Mày ác lắm, xấu lắm !

1 — Ống đựng thuốc làm bằng ống nira già.

2 — Ý nói : không im tiếng mà qua được.

Chúng ta cùng chung sức
Chống thù dữ hành hung.

Hỡi anh chị em mình !
Từ nay đà ngao ngán
Kiếp giữ bò cho vua,
Đời đời đi giữ trâu
Cho bọn chủ nhà giàu.

Con cháu ta đói nghèo
Bởi làm phu chúng nó ;
Rẫy không, chòi không có,
Rẫy bỏ không ngày gieo,
Pháp bắt làm không nghỉ,
Cuộc đời quá gieo neo.
Bò trâu chúng nó dắt,
Bạc tiền cướp mọi người,
Đàn bà nộp *yêng* áo,
Trai tráng nộp lúa kê,
Không kể cả cụ già,
Bắt ngồi đan nia, mệt.

Gan ruột sôi lên rồi,
Chúng ta vùng đứng dậy
Phá lao tù giành lại
Đất tổ mấy ngàn xưa.
Ta không cho thắng Pháp
Lấy mất một cái cây
Lấy mất một sợi mây ;
Hãy cùng với mọi người
Gìn tự do mãi mãi
Cho muôn đời về sau !

NHẬT LAI dịch

THƠ MIỀN NÚI

Nhà xuất bản Văn nghệ — 1957

GIỮ ĐẤT NƯỚC KHÔNG CHO VÀO TAY KẼ XÂM LƯỢC

Y HỒNG

Sao ta chẳng luyến thương
Đất bà làng ông cũ,
Xứ sở anh em xưa?
Đất ta quen làm rẫy,
Cái bến nước ăn,
Nơi chúng ta thường cất chòi dựng lán.

Rừng xanh ta làm rẫy,
Bến nước uống trong xanh,
Rú rừng ta đi kiếm cây xuất cá,
Đồng ta nghỉ ngơi, *buôn* làng ta ở,
Nơi ăn uống hàng ngày,
Nơi ta thường chờ đón năm xuân.

Vực sâu ta thường xúc, ao ta tát,
Nơi ta thường tuốt rau *bơ-lê*, rau *ban* (1),
Chốn ta thường chặt nốn chuối,
Rú đồng xanh, đất rừng sâu,
Rừng cây to rậm lá,
Bãi rộng ta chăn mãi bò trâu,
Đất màu ta ở, rừng rậm hái rau,
Ta coi con ong cây ong đất.

Nơi ta đã tự do dựng nhà,
Nơi ta đã tự do dựng *buôn*,
Đất cũ ông bà ta đất nước tổ tiên,
Không cho quạ bay dọc ngang trên núi!
Không cho chim phượng sãi cánh lượn ra làng!
Không cho trâu bò chạy vào rừng Hơ-diêng (2)
nữa!

1 — *Bơ-lê*, *ban*: hai loại rau ngon.

2 — Tên một cánh rừng sâu ở vùng đồng bào Ê-đê.

Rừng thưa đất đỏ,
 Rắn rết gai cấn,
 Ta vẫn thường thấy kẻ thấy lửa,
 Sao chẳng luyến thương từng mảnh rừng, giọt
 nước

Trong cánh rừng Hơ-kung Y Du (1) thuở trước?
 Xứ sở không cho bọn ngoại xâm chiếm đoạt,
 Rừng rậm không cho kẻ cướp xéo dày,
 Bến nước ông bà từ trước đến nay
 Không cho tê giác và voi lừng hút uống!

NHẬT LAI *sinh năm*

TRÚC CƯƠNG *địch*

1 — Tên hai vợ chồng làm lụng và may vá giỏi trong thần thoại Ê-đê. Khi chết, hai vợ chồng được ở với mặt trời và mặt trăng.

*Dân tộc MƠ-NÔNG **

TIẾNG GỌI CỦA A-MA TRANG LÔNG**

— *Ơ buôn sang* (1) !

Ta giữ *buôn* xưa,

Ta giữ rẫy cũ ngàn xưa,

Ta sẵn sàng chống những ai đến cướp.

Quyết giết giặc cho *buôn* vui

Cho ngoài rẫy lúa chín.

Dân Mơ-nông ơi, vùng lên đi !

Phụ nữ đánh bằng chày giã gạo,

Con trai cầm dao găm, dáo, mác,

Tất cả giờ lên như bông lau lách,

Giết bằng được tên Hăng-ri Mét,

Thế ta mới yên cái bụng làm rẫy, xây làng.

SÔNG HING

sưu tầm và dịch

CẦU VÀO BẢN

Nhà xuất bản Văn học — 1960

* Một dân tộc cư trú ở cao nguyên Lang-biang và vùng tây-nam cao nguyên Đắc-lắc. Dân tộc Mơ-nông chia ra nhiều ngành: Ga, Rơ-lam, Đíp, Kín, Đì-pơ-ri, Bu-no, Pơ-rê, Nông v.v... Dân số đông khoảng 40.000 người.

** A-ma Trang Lông là một anh hùng của dân tộc Mơ-nông, người huyện Đắc-min. Năm 1914, ông cầm đầu nhân dân địa phương nổi dậy chống thực dân Pháp, giết tên giám binh Hăng ri Mét.

1 — *Ơ buôn sang*: ở dân làng !

NHỚ EM HƠ-BIA

XƠ-RI

Anh đi xuống Trung châu
 Gặp người con gái cười,
 Về nhà nằm nhớ Hơ-bia (1).
 Nhỏ xâu cườm trước ngực,
 Nhớ hôm mẹ đòi,
 Em đến cho gạo;
 Nhớ hôm em đau,
 Mẹ đến cho thuốc;
 Nhớ hôm đi suối,
 Gặp em lên rừng;
 Hai ta cùng cười
 Hát vang bên suối.
 Ở con chim *gơ-lắc* (2)
 Mày hát mãi thế sao?
 Không lo đi tìm mồi
 Về nuôi con, nuôi vợ;
 Tao đi nương, đi rẫy,
 Làm lấy lúa, lấy khoai
 Về nuôi lấy mẹ già;
 Thôi, tao mày cùng đi!
 Đêm nằm mơ, thấy cườm trước ngực,
 Tưởng em thương tìm đến gặp anh...
 Bỗng tiếng chiêng kêu gọi giết mình
 Thức dậy. Ồ, không phải Hơ-bia!
 Nằm nhớ em, thương em,
 Mong nương lúa mau chín,
 Mong gà vịt đầy chuồng,

1— Tên người con gái. Còn có nghĩa là “nàng”.

2— *Gơ-lắc*: chim chàn ràn, ngoài Bắc gọi là chim liến điểu.

Mong con heo mau lớn,
 Mong ghè rượu mau đầy
 Để cưới em, Hơ-bia ơi!

TẠ MINH HỘI
sưu tầm và dịch

CẦU VÀO BẢN
Nhà xuất bản Văn học—1960

BÀI THƠ CA NGỌI

Xưa kia,
 Rừng núi Tây Nguyên
 Chập chùng cao ngút,
 Nương đầy lúa, rẫy đầy khoai,
 Núi sông đầy cá nước hoa ngàn,
Giàng cho con gái cườm đeo quanh cổ;
 Đêm, chị trăng không ngủ
 Về đánh suối đàn *tơ-rung* (1);
 Chim *pơ-rơ-tốp* (2)
 Tha mồi nuôi con trên cành sù (3);
 Hoa *gơ-nu* (4) thoảng hương thơm
 Như con gái ngực tròn.

Thế rồi,
 Rừng đỏ, suối đỏ,
 Rẫy nương *buôn* làng ngập lửa,
 Suối đàn *tơ-rung* đang đánh cũng ngưng;

1 — Đàn *tơ-rung*: một thứ đàn làm bằng nhiều ống tre đủ các cỡ khác nhau, ghép lại và căng trên mặt suối; khi nước chảy thốc vào các ống phát thành những âm cao thấp khác nhau.

2 — *Pơ-rơ-tốp*: một loài chim khoe, hót hay.

3 — Cây sù, lá to, hoa đỏ tươi nở vào mùa xuân.

4 — *Gơ-nu*: một loại hoa chùm, màu trắng.

Con gái không lên rừng lấy củ,
 Con trai không dám xuống sà nhà;
 Chim *pơ-rơ-tốp*
 Mang con chạy tìm chỗ sống;
 Trên núi, hoa *gơ-nu* không thềm cười,
 Núi rừng đang sống êm đềm tươi đẹp
 Tây trắng về cướp giết tan tành.

Ôi khồ!
 Cơm trong nồi không được ăn,
 Thiếu muối phải đốt rế gianh thay,
 Con khóc vì đói,
 Vợ không vải may áo,
 Chồng không vải quần thân!
 Ôi khồ!
 Vì thẳng Tây mũi trắng.
 Các anh em dân tộc
 Cùng một núi một rừng
 Ở đâu cũng đều khồ;
 Thiếu tiếng đàn, tiếng hát
 Như thiếu muối thiếu cơm.

Ôi khồ,
 Dân Mơ-nông!
 Nhưng khồ không mãi đâu!
 Ma Trang Long đã về
 Kêu dân hỏi: — « Ai làm khồ? »
 Dân chỉ lên núi cao
 Đồn thẳng Tây mũi trắng.
 Ma Trang Long! Ma Trang Long!
 Mắt sáng ngời,
 Cùng dân làng mài gươm dáo
 Đi trả thù cho dân tộc Mơ-nông.
 Trắng lại về nghe suối đánh đàn,
 Hoa *gơ-nu* nở màu tím tím
 Chào chim *pơ-rơ-tốp*.
 Nhưng được sướng không lâu

Tây trắng lại về
Đốt phá, giết người Mơ-nông như cũ.

Ôi khồ !
Muôn ngàn khồ !
Mong ai ?
Vì Ma Trang Long không còn nữa.
Mong mãi,
Mấy chục mùa nương,
Tới Cách mạng tháng Tám.
Ồ lạ !
Một hôm Tây đi, bỏ đồn,
Nửa đêm dân đốt đuốc kéo lên
Châm cho mỗi lửa, đồn cháy rực
Như bông hoa đỏ nở giữa rừng.

Trở về,
Đi luôn xuống An-khê
Tìm cho ra người anh hùng Ma Trang Long ;
Tìm mãi chỉ thấy người Kinh, người Ba-na,
Ê-đê, Giơ-rai

Đốt lửa rước ảnh Bác Hồ.

Họ nói :

— « Đó, Ma Trang Long về đây ! »
Mãi về sau, dân Mơ-nông mới hiểu
Người cứu dân tộc mình,
Đánh đuổi bọn Tây trắng
Cho suối đánh đàn, hoa *gơ-nu* nở,
Cho nương đầy lúa, rẫy đầy khoai,
Cho núi sông đầy cá nước hoa ngàn,
Cho con gái cườm đeo quanh cổ
là **BÁC HỒ CHÍ MINH**

TẠ MINH HỘI
sưu tầm và dịch

CẦU VÀO BẢN
Nhà xuất bản Văn học — 1960

Dân tộc XÊ-ĐĂNG *

ĐỢI ANH NHIỀU

Em ơi ! đợi anh nhiều
 Như nàng Ơ-dơn, Ơ-dớt (1);
 Em ơi ! thương anh nhiều
 Như chim bắt cô trói cột (2).

Xa nhau dù mấy mưa
 Cũng đừng quên chuyện cũ;
 Cách nhau dù mấy núi
 Cũng đừng quên làng xưa.

Lúa ngoài rẫy đã gieo
 Phải có ngày lúa mọc;
 Lửa đã châm rừng lách
 Lửa bốc nhanh như thổi.

Lách tàn, gianh lại mọc,
 Chim *túc-nao* (3) lại về;

* Một dân tộc cư trú rải rác khắp miền núi phía bắc Công-lum, tây Quảng-nam và tây Quảng-ngãi; đặc biệt các ngành Xê-đăng thường ở cách nhau rất xa. Dân tộc Xê-đăng chia ra nhiều ngành như Tơ-đơ-rà, Kam-râng, Đơ-ruôn, Hơ-rê, Ta-co (hoặc Ko), Hà-lang, Ka-dong v.v... Dân số đông khoảng hơn 80.000 người.

1 — Tên hai nhân vật nổi tiếng về lòng chung thủy trong truyện dân gian Xê-đăng.

2 — Người Xê-đăng rất yêu thích loại chim này.

3 — *Túc nao*: loại chim có giọng hót hay, mùa thu bay đi, mùa xuân lại trở về hót cho dân làng lên rẫy. Ý nói: chồng về.

Khoai lúa cũng trở về,
Buôn làng vui biết mấy!

Trời sáng, anh lên rẫy,
Trời cao, anh bắt chim;
Em múc nước suối trong,
Đôi bờ vang tiếng cốc...

NGỌC ANH
sưu tầm và phỏng dịch

KHĂN ĐỎ

Ài quẩn chiếc khăn đỏ
Đi trên sườn rẫy cao
Cho lòng tôi nao nao
Nhớ người yêu ngoài Bắc
Vẫn quẩn chiếc khăn đỏ của tôi.

Chiếc khăn tôi dệt cho người yêu
Tươi hơn mặt trời nở,
Đỏ hơn huyết cây hoa lan (1),
Đẹp như máu trong tim người dũng
cảm.

Ài đợi chiếc khăn đỏ
Đi trên sườn rẫy cao
Cho lòng tôi cồn cào,
Đêm nhớ dài như mưa lụt,
Ngày nhớ dài như gió bão;
Nhưng nước mắt tôi không bao giờ rõ
Vì trong chum (2) tôi còn một vuông
khăn đỏ.

1 — Hoa lan : theo thần thoại Xê-đăng thì ngày xưa, thần cây này dùng ánh sáng và hoa làm ra một cô gái đẹp da hồng như ánh mặt trời.

2 — Chum : một loại giỏ của con gái dùng để đựng đồ vật.

Người yêu tôi trái tim to như núi,
 Nhưng không núi nào sánh nổi đâu
 Vì núi chỉ biết mọc lá xanh
 Mà không biết thương người dệt khăn đỏ.

Đêm qua nằm bên mẹ,
 Tôi mơ thấy người yêu về.
 Người yêu tôi quần khăn đỏ
 Đứng cười bên bếp lửa.
 Tôi sung sướng nắm tay anh
 Cùng đi ra bên bờ suối,
 Nơi in dấu chân năm xưa.

NGỌC ANH

sưu tầm và phỏng dịch

VĂN NGHỆ, số tháng 2-1961

GIỮ LẤY RỪNG*

Người Tây Nguyên
 Đã giữ rừng:
 Đốn cây to phải ngã,
 Tát suối sâu phải cạn,
 Nhỏ cỏ không còn rễ dưới chân.

Người Tây Nguyên
 Đã giữ rừng:
 Phải làm cho
 Hồ kêu sau núi
 Lợn trong chuồng không giật mình;
 Sấu trườn dưới nước
 Người đang tắm không chạy lên bờ;
 Điều hâu lượn trên trời
 Gà không sợ mất con.

* Bài này là của một tác giả người Ka-deng (một ngành thuộc dân tộc Xê-đăng).

Người Tây Nguyên
 Đã giữ rừng :
 Không sợ bầy chó sói,
 Chẳng sợ lũ voi đàn,
 Không ghê con hồ ác.
 Hồ muốn phá rừng già :
 Lùng rừng mắc mạng cung,
 Lên đồi gặp tên thuốc,
 Xuống núi trúng dao mác,
 Vào buôn gặp dân làng.

Người Ka-dong không theo con cú vọ,
 Người Mơ-nông không theo con diều hâu,
 Chúng ta theo hoa đỏ,
 Chúng ta theo Cu Hồ.
 Người Tây Nguyên theo ông sao miền Bắc,
 Sao miền Bắc sáng trên núi Tây Nguyên.

NGỌC ANH
 sưu tầm và phỏng dịch

LÀNG •

HƠ-RAT

Nhớ xưa
 Làng vui lắm;
 Tiếng đàn
 Tiếng hát
 Vang dội rừng xanh;
 Làng xưa,
 Những đêm

* Bài này là của một tác giả người Ta-co. Theo cuốn *Các dân tộc thiểu số ở Việt-nam*, đồng bào Ta-co (còn gọi là Ko) cũng chỉ là một ngành của dân tộc Xê-đăng. Như người Hơ-rê, gần đây cũng có một thuyết cho rằng đồng bào Ta-co là một dân tộc khác và thuyết này cũng chưa được chính thức xác nhận. Vì vậy, chúng tôi vẫn tạm xếp thơ của đồng bào Ta-co vào cùng chỗ với các ngành Xê-đăng khác.

Chị trắng về,
 Vang tiếng cấy gĩa gạo,
 Vang tiếng hát rừng già,
 Ngoài suối ai thổi sáo...

Nhớ làng xưa
 Ngày ngày vui rộn rịp,
 Uống rượu cần
 Bàn chuyện giết Tây.

Nhớ làng xưa,
 Đốt lửa
 Rước ảnh Bác Hồ;
 Rừng Tây Nguyên
 Xanh nương xanh rẫy
 Chờ người về
 Tuốt lúa bẻ ngô.

Nhớ làng xưa,
 Em ra rừng lấy củi,
 Thổi cơm xôi
 Cho anh đi với Bác Hồ.
 Bây giờ anh lớn hơn nương,
 Lớn hơn dòng nước suối,
 Chờ ngày về
 Thăm lại làng xưa.

TẠ MINH HỘI
sưu tầm và dịch

CẦU VÀO BẢN
Nhà xuất bản Văn học — 1960

*Dân tộc HƠ-RÊ **

GỌI BẠN GÁI

Ơ bạn gái mình ơi!
Chúng mình đi kiếm củi.
Kiếm xong rồi mình ra tắm suối,
Chúng mình lội tắm bên nước giữa dòng,
Bến nước giữa dòng có cây đa mọc.

Bạn ơi! tôi thấy con trai đẹp như trái *pơ-li-kô*,
Màu da nó tựa gan nai.
Người con trai chẳng có cánh tay,
Người con trai giống gốc đa chẳng chịt!

Chị em mình không thương sao được?
Chị em mình chẳng nhớ sao đây?
Tôi ăn cơm chẳng được rồi,
Tôi ăn cơm cũng chẳng trôi vào cổ;
Nước mắt tôi rơi lã chã,
Nước mũi tôi chảy ròng ròng,
Nước miệng tôi cứ chảy hoài...

* Còn gọi là Chăm-rê, một dân tộc cư trú ở các huyện Sơn-hà, Minh-long, Ba-tơ (Quảng-ngãi) và An-lão (Bình-định). Dân số đông khoảng 90.000 người.

Tôi chẳng biết làm sao,
 Tôi không biết thế nào,
 Tôi trở về sao nôi !
 Nhờ ông Tơ trên đầu xe duyên chấp mối,
 Nhờ bà Nguyệt trên cao buộc hộ duyên này.

ĐINH ÚT, TRÚC CUƠNG
sưu tầm và dịch

NGƯỜI ĐẸP

Con gái có một người
 Giống bông hoa *pa-đê* (1),
 Giống mặt trăng vừa mọc,
 Giống như trăng lưỡi liềm mỏng một;
 Trăng mỏng hai ra tựa con dao,
 Trăng nhú qua đồi ra cái gương soi...
 Không thể nào quên được nhớ,
 Không thể nào bỏ được thương...

Con gái có một người
 Giống bông hoa *đa-vai* (2),
 Giống quả dưa vừa mọc,
 Giống như trái dưa leo,
 Giống như con cá *linh*,
 Con cá *linh* giữa dòng Kơ-lốt,
 Con cá *hơ-mốt* giữa suối Chi-reng,
 Con cá *hàm-leng* suối người qua lại,
 Cây tre rũ ngọn giữa ngã ba sông...

1 — *Pa-đê*: một loại hoa màu đỏ, cánh to, hay mọc bên suối.

2 — *Đa-vai*: một loại hoa cánh to, màu vàng.

Con gái có một người
 Không cho ra khỏi xóm.
 Con gái mẹ một đứa
 Không cho ra khỏi thôn.
 Cất kỹ bỏ trong hòm,
 Gói dành cho vào giấy,
 Không cho nó bị cháy
 Không cho nó bị nhơ.

ĐINH ÚT, TRÚC CUONG

chữ tâm và dịch

BÀI KÊU GỌI CHÍ-XÊNG

Anh em *chí-xêng* (1)!
 Mẹ cha kêu về,
 Chính phủ gọi về,
 Về làng làm ăn
 Với nương, với rẫy.

Cha mẹ kêu anh,
 Ruột rà gọi anh;
 Ruộng rẫy chờ anh,
 Về mà cày cấy!...

Đi cầm súng Pháp,
 Đi vác súng Tây,
 Đi xuống trung châu
 Bắn ai dưới tỉnh?

1 — *Chí-xêng*: nghĩa đen là rau đắng, chỉ anh em thanh niên. trong Kháng chiến, lầm đường theo giặc Pháp. Bài hát này là một loại khí tuyên truyền vận động nguy binh rất sắc bén, đã làm hàng ngũ *chí-xêng* tan rã từng mảng trong thời kỳ kháng chiến.

Bắn ai đó?...

.
.

Cuộc đời của anh
Không phải vài phin,
Linh hồn của anh
Đâu phải vài bâu!
Vài ú cửa giặc là xương,
Vài phin là tủy,
Anh có nhớ không?

Ơi anh *cái-xẻng*!
Anh còn đi trên đường của mẹ,
Anh còn uống nước suối của cha
Mà sao, ai khiến ai sai anh
Theo cái nghề bắn súng?

..

Cái chết của anh
Không thấy mặt bà con
Bỏ xác trên đồn,
Chẳng ai đục cho hòm chôn,
Không ai cho chiếu bó;
Anh chết dưới nước sẽ làm mồi
cho cá,
Anh chết trên rừng lũ quạ kiến ăn,

Ơ anh *chí-xẻng*!
Mẹ cha gọi anh nhiều...

NGỌC ANH
sưu tập và dịch

CẦU VÀO BẢN
Nhà xuất bản Văn học — 1960

THÔI NGỦ ĐI CON !

— Con ơi, khóc đòi gì ?
— Con tôi khóc đòi cơm,
Con tôi kêu đòi cá,
Con tôi la đòi nước ;
Đòi nước không biết ai mà nói,
Đòi cá chẳng biết ai mà tìm...

Thôi nằm gọn vào, con để con ơi !
Thôi thu người đi, con chuột !
Thôi co người lại ngủ cho say,
Thôi nhom người lại ngủ cho ngon !...

— « Con hỏi con !
Cha con đi đâu rồi ? »
— « Cha con đi bộ đội,
Cha con đi mang súng. »
— « Cha con mang súng bắn ai ? »
— « Cha con mang súng bắn quan,
Cha con mang súng bắn Tây... »

Mai một cha con về đây,
Ngày mai cha con trở lại,
Về lối xóm,
Về đến làng,
Làng cha con yên vui,
Xóm cha con đẹp dễ...

ĐINH ÚT sưu tầm

ĐINH ÚT, TRÚC CƯƠNG dịch

ĐƯỜNG BÓK HỒ

Đường dốc,
Làng cheo leo,
Người cán bộ Hơ-rê
Mang *gùi* cơm, nắm muối
Đi theo đường *bók* Hồ xuống trung châu.

Chim *pơ-rát* kêu to,
Chim *siên* (1) kêu nhỏ,
Năm tháng rồi!
Cây hoa *hóng* khô lá,
Hoa *ma-lá* (2) rụng lần;
Người cán bộ mang *gùi*,
Hát giọng thật cao
Trèo dốc trở về làng công tác.

Bók Hồ kêu đi học,
Vợ mong con nhớ;
Nay về:
Nương rẫy cười,
Người vui mừng nhón nhịp,
Rừng lại ca hát
Cho cây hoa *hóng* ra lá,
Cho *ma-lá* nở hoa.

Từ nay
Dàn siêng đi rẫy,
Khoai lúa đầy nương,
Nhờ công anh hay nói,

1 — *Pơ-rát*: một giống chim kêu vào mùa lúa sắp chín, tượng trưng cho sự được mùa no ấm. *Siên*: một giống chim nhỏ giống chim sáo, hót rất hay.

2 — *Hóng* và *ma-lá*: hai loại hoa màu sắc rất đẹp mà đồng bào Hơ-rê thường ưa thích.

Nhờ công anh hay làm ;
Sáng nào con chim *xơ-lát* (1)
Cũng hát khắp nẻo rừng
Khuyên dân làng ở sạch,
Đau ốm có thuốc rừng
Đừng vội tin cái không có
Tất cả cũng là do anh.

Ô! *bók* Hồ thật hay,
Dạy khôn người cán bộ làng mình,
Bày nó nay nó về bày lại ;
Mới có một mùa rẫy
Mà làng đã có trường,
Mà làng đã có rẫy ;
Đầu làng rào « kháng chiến »,
Cuối làng cắm bẫy chông,
Cắm thẳng giặc Pháp vào.

Một mùa nương qua,
Bók Hồ lại kêu đi học.
Có năm người lại đi,
Hết hạn mang *gùi* về
Thấy rừng xanh hoa nở,
Thấy nương lúa bay thơm.

Nước nhiều nguồn nhưng chỉ có một sông,
Người khác nhau nhưng cùng một cội,
Cùng một kẻ thù
Chúng róc thịt xương ta.
Năm người Hơ-rê đêm đó
Treo cờ Đảng giữa nhà
Hợp lại nhau thành một,
Theo lời dạy *bók* Hồ
Lấy tấm lòng mến thương
Kết tình đồng chí.

1—*Xơ-lát*: một loại chim lông đỏ, mỏ dài, hót nghe rất êm tai.

Từ đó
 Dân Hơ-rê có Đảng.
 Đảng dẫn nẻo chỉ đường
 Đánh đuổi bọn độc ác,
 Đem lại áo cơm
 Cho dân Hơ-rê sung sướng;
 Cho chim *pơ-rát* kêu to,
 Cho chim *siên* kêu nhỏ,
 Cho cây hoa *hóng* xanh lá.
 Vì nước nhiều nguồn đã hợp thành sông,
 Người khác nhau đã cùng một chí,
 Ở mọi ngã nhưng cùng một *bók* Hồ.

Nước chảy mãi về sông
 Sóng đã mạnh!

TẠ MINH HỘI

sửa tầm và phỏng dịch

ÁNH SÁNG MÙA XUÂN

Nhà xuất bản Văn học — 1960

BÓNG CÂY KƠ-NIA

Buổi sáng, em làm rẫy
 Thấy bóng cây *kơ-nia*;
 Bóng ngả che ngực em
 Về nhớ anh không ngủ...

Buổi chiều, mẹ lên rẫy
 Thấy bóng cây *kơ-nia*;
 Bóng tròn che lưng mẹ
 Về nhớ anh, mẹ khóc...

Em hỏi cây *kơ-nia*:
 — « Gió mây thổi về đâu? »
 — « Về phương mặt trời mọc. »
 Mẹ hỏi cây *kơ-nia*:

— « Rễ mày uống nước đâu ? »
— « Uống nước nguồn miền Bắc ».

Con giun sống nhờ đất,
Chim *phí* (1) sống nhờ rừng,
Em và mẹ nhớ anh
Uống theo nguồn miền Bắc
Như bóng cây *kơ-nia*,
Như gió cây *kơ-nia*...

NGỌC ANH
sưu tầm và phỏng dịch

1 — *Phí*: một loài chim nhỏ đẹp, hay lượn trên nương lúa.

*Dân tộc KA-TU **

BÀI HÁT CON TRÂU

Trâu của tôi, trâu béo to, lạc trong rừng trong núi,
 Tôi gọi to, sao chẳng thấy nó về?
Giàng, Giàng hỡi! Nghe chẳng lời tôi gọi?
 Trâu của tôi, trâu béo to, lạc trong núi trong rừng.

Ở trong làng, nó là con to nhất,
 Lạc vô núi, chỉ bằng hạt gạo con.
 Bầy cạp dữ nuốt nó rồi, nó chết,
 Trâu của tôi, trâu béo to, lạc trong núi trong rừng.

Bốn đêm rồi, tôi đi kiếm đi lùng
 Và tôi gặp cô gái làng Pa-rốt.
Buôn Pa-rốt đẹp dễ biết là bao
 Nhưng đẹp thua gái chủ làng Pa-rốt.

Tôi sẽ cưới nàng, nếu tìm được con trâu,
 Của bắt vợ thì nhiều, nhưng của tôi nghèo quá!
Giàng, Giàng hỡi! Nghe không lời tôi gọi?
 Trâu của tôi, trâu béo to, lạc trong núi trong
 rừng.

NGỌC ANH

sưu tầm và dịch

CẦU VÀO BẢN

Nhà xuất bản Văn học — 1960

* Một dân tộc cư trú ở miền Bến Hiền, Bến Giàng (tây-bắc tỉnh Quảng-nam). Dân số đông khoảng 20.000 người.

NẾU AI CHƯA HIỂU

Gió tây,
Bão đông,
Chuyện phải trái
Có những người chưa hiểu !...

Mỹ - Diệm
Âm mưu tìm chuyện,
Củ rừng ngó tìm đào●,
Bắt bao người chết đứng như cây lách,
Bắt nhiều người chết rạp như cỏ gianh.

Tủy xương mình nó gặm,
Diệm đi buộc, đi treo (1),
Gài chuyện nọ, việc kia :
Bảo làm « ông lớn » kin,
Bảo làm « quan » công khai,
Nó muốn cho dân ta
« Lấy chân rùa bỏ vào miệng rùa » (2).

Ai có gan giết mẹ,
Mỹ đeo lon trên vai.
Ai có gan giết cha,
Diệm gắn *mề-day* trên ngực.
Người Thượng chúng ta cực,
Lũ Mỹ - Diệm lại cười ;
Ngày mai chúng ta vui,
Mỹ - Diệm ôm nhau khóc.

Mỹ - Diệm ác quá chừng !
Ta lên rẫy, nó núp nhìn sau cột,
Ta xuống bến nước, nó nhìn sau lưng,
Ta vô rừng, nó đánh hơi theo dấu.

: gán ép.

: nôi da nấu thịt.

Trê, trầu (1) chết vì tham ăn tôm tép,
Nai sa bẫy vì lạc mất luồng đi.

Gió đông,
Bão tây,
Chuyện phải trái
Có những người chưa hiểu !...

BƠ-LÊU, NGỌC ANH
sưu tầm và dịch

TÊN

Hai vợ chồng lên rẫy,
Chồng cầm ná bắn tên.
Mũi tên bay vun vút
Không biết chắm mảy nào.
Anh quay, cười bảo vợ :
— « Chẳng cao nào cao hơn ! »

Vợ nghiêng mình hỏi chồng :
— « Thế Bác Hồ và Đảng
Bay trên đầu chúng ta
Cho dân làng lúa khoai,
Cho dân nghèo rửa muối,
Cho rừng hát suối đàn,
Ơn nào cao hơn được ? »

Hai vợ chồng vô núi.
Chồng hái quả *nam trân* (2)

1 — Trầu : cá quả.

2 — *Nam trân* : một loại quả quý đặc biệt có nhiều ở miền tây Quảng-nam.

Trên đầu cành cao nhất,
Bỗng lại thấy mũi tên
Của mình bay hôm trước.

Chiều về, chồng bảo vợ :
— « Tên ta bay thấp rồi,
Lời em nói đúng sao !
Đảng, Bác Hồ cao thăm thăm... »

NGỌC ANH

sưu tầm và phỏng dịch

VĂN NGHỆ, số tháng 2-1961

*Dân tộc XRE **

THƠM MÙI SỮA TRẮNG

Tiếng cồng
 Tiếng chiêng
 Mừng em ra suối;
 Tiếng đàn
 Tiếng sáo
 Mừng em ra nương.
 Em leo núi thấp,
 Em trèo rừng cao,
 Mặt em đẳng trước
 Như mặt trời mới mọc,
 Chân em đến đâu
 Cỏ cười, chim hót.
 Gót chân em
 Vang khắp núi rừng
 Thơm mùi hoa *triu* (1),
 Thơm mùi hoa *kông* (2),
 Thơm mùi sữa trắng
 Của người đi suối,
 Của người đi nương.
 Em đi trên cao,
 Bóng em nhỏ lại;

* Còn gọi là Chô-Xrê hoặc Cơ-Ho, một dân tộc cư trú ở phía đông Di-rinh và rải rác cho tới tận Đơ-răng. Dân số đông khoảng 30.000 người.

1 và 2 — *Trin*, *kông*: tên hai thứ hoa có màu sắc rất đẹp và hương rất thơm.

Nắng đem hình em
Đề trên nường anh.
Giù em trên vai
Đựng những vật chi ?
Váy em vài gi
Mà thơm mùi sữa ?
Em cười với suối,
Em vui với rừng,
Em hát với nường,
Em đùa với rầy.
Thế rồi
Bóng em lên cao,
Gió thổi về nường
Thơm mùi hoa *triu*,
Thơm mùi hoa *kong*,
Thơm mùi sữa trắng
Của người lội suối,
Của người trèo nường.

TẠ MINH HỘI
sưu tầm và dịch

CẦU VÀO BẢN
Nhà xuất bản Văn học — 1960

*Dân tộc CHĂM **

BÀI THƠ ĐỊCH VẬN

Nghĩ lại, em người phụ nữ vô phúc.
 mấy năm nay em chịu nhục với xóm làng!
 Chồng người còn chịu cực, chịu khổ
 Ra đi kháng chiến, cứu xóm làng bị giặc giày xéo;
 Chồng em đây không suy, không nghĩ,
 Cúi luôn theo giặc để có tiền tiêu, áo mặc;
 Ham tiền giặc, chồng em bỏ cả gia đình,
 Bỏ con bỏ vợ mồ côi lạnh lùng.
 Mấy năm nay, chồng em không biết mệt, biết mỏi
 Đi theo giặc đốt phá xóm làng,
 Giữ *bốt* đồn làm những việc dã man,
 Lục soát của nhân dân không bỏ một ai.
 Nhân dân đem cá gạo, anh đồ lấy,
 Đánh đập nhân dân không sót trẻ già
 Làm cho em phải mang tiếng xấu,
 Chịu bao như nhục với xóm làng.
 Anh nghĩ lại những việc anh làm đấy,
 Mẹ già anh buồn thảm sắp chết kia,
 Mẹ sinh anh, mẹ định nhờ cậy anh,
 Nhờ anh chăm sóc tấm lá giang, sợi lác;
 Anh đi theo giặc bỏ ở nhà mình em,
 Bỏ con thơ dại, mẹ già vắng vẻ;

* Còn gọi là Chiêm-thành hoặc Chăm-pa. Dân tộc Chăm cư trú ở đồng bằng Phan-rang, Tuy-phong, Phan-ri, Phan-thiết, thuộc vùng Ninh-thuận, Bình-thuận. Dân số đông khoảng 45.000 người.

Ruộng vườn ở nhà không ai xem ngó,
 Nhà rách, cột xiêu, nhà hư, sàn cỏ;
 Sớm hôm mẹ chờ anh trở lại,
 Cùng nhân dân giành lại xóm làng.
 Anh ơi! Nghĩ thấy thế nào
 Nhắn cho em trở về nói với mẹ.

(Ru con)

Chim trong rừng còn đi về thăm tổ,
 Vợ với chồng đêm nhớ ngày trông,
 Anh đi hơn tám chín năm,
 Ở nhà, con nhớ, vợ mong sớm chiều.

ĐẶNG CÔNG THÀNH
 sưu tầm và dịch

ĐẦU NĂM NHỚ QUÊ

THẠCH XÂY MANH

Lòng dạ, *pơ-ran* (1) ơi, nhớ thương không thể nào
 với được,
 Ngả mình mà thương nhớ vẫn ấp ủ trong tim;
 Giữa đêm khuya, vắng im, lặng lẽ,
 Nước mắt, một mình, ứa ở vành mi...

Nhớ làng quê, nhớ một mái nhà,
 Nơi ấy, mẹ già tôi một mình thui thủi...
 Lũ Mỹ - Diêm đêm ngày gầm gừ răng chó sói...
 Ôi, những đau thương đang thiêu cháy tâm hồn!

Nhớ bao nhiêu lạch ngòi ngang dọc,
 Ruộng đất chạy dài tận chân trời xa tắp...
 Chiều vàng ngọt, mặt trời rơi xuống thấp,
 Chim *thơ-lom* (2) khóc náo nùng...

1 — *Pơ-ran*: thân thể và tâm hồn.

2 — *Thơ-lom*: một loài chim nước, tiếng kêu nghe buồn thương.

Hoa *kơ-roong* (1) xưa leo trên bờ rào nở đẹp,
 Sao hoa bỗng thôi bay mùi hương ngào ngạt?
 Ôi, ta muốn xới vua thêm cho nhành hoa đẹp,
 Ôi, lòng ta sao chẳng nhớ thương hoa!

..

Chân bước khỏi bờ sông ngày ấy
 Tiếng khóc người thương còn vắng mãi bên tai;
 Gan mật và trái tim ta rửa từng mảnh nhỏ,
 Tiếng sóng dội âm âm — tiếng quê hương ta đó...

Kia tàu giặc nóng hun, chảy mồ hôi,
 Đây tiếng chửi rửa tặc tăn (2);
 Tội hung ác, bắn người chẳng gờm tay, sững sờ
 trước mắt,
 Sóng sông cái đập dội vào bờ, va nhau vỡ nát,
 Chim hải âu bay xiên ngang, xiên dọc, từng cặp
 từng đôi.

Nhưng, mũi Ô-cấp kia rồi, màu khăn như màu
 hoa

Vây gọi nhau trên tàu nước bạn (3)...
 Dinh chân núi, sát gần với biển,
 Tàu máy, thuyền buồm dăng mắc lại qua,
 Biển thăm sâu xanh, mây trong tit đỉnh trời...

Mẹ ơi! Con lìa xa mẹ đó rồi
 Nhưng gan mật và trái tim con không lìa xa đâu,
 mẹ!

Con phải tạm xa mái nhà gianh cũ
 Bởi tiếng gọi thiêng liêng giục già con đi

..

1 — *kơ-roong*: một loại hoa leo rất đẹp.

2 và 3 — Tác giả đi tàu địch khi rời làng đề tập kết ra Bắc và khi đến mũi Ô-cấp thì chuyển sang đi tàu của nước bạn Ba-lan.

Từ buổi con lìa xa mẹ,
Đảng dạy cho con từng bước chân đi,
Đảng dạy cho con tấm lòng thương mẹ
Là gìn giữ quê hương, là nắm chắc ngọn cờ.

Con học tập đêm ngày, con làm việc,
Cùng đồng chí, con làm mạnh giàu đất Bắc;
Ôi, đất Bắc thân yêu có hình mẹ trong lòng,
Hạnh phúc sẽ trở về với mẹ, với em,
Sẽ trở về trong mỗi mái nhà xóm cũ !...

Ôi, sướng vui sao ngày Bắc - Nam đoàn tụ!
Con sẽ mời Bác đến với quê ta.
Mẹ sẽ sống bên con... (Ôi, tiếng hát mẹ già
Ru thuở ấy... dưới gốc dừa Nam-bộ...)
Bóng ma giặc chẳng bao giờ còn chập chòn quê
mẹ.

Hạnh phúc, ấm no ôm ấp mỗi mái nhà,
Khắp xóm khắp làng, điện sẽ dẫn đến ánh đèn
sáng rực,
Chim *thơ-lom* về tổ xưa không còn buồng tiếng
khóc,
Rào hoa *kơ-roong* lại tới mùa ngan ngát hương
quê...

TRÚC CUONG
dịch cùng tác giả

Dân tộc KHƠ-ME NAM-BỘ*

HỘI KÍN VỀ, SEN HỒNG NỜ**

(trích)

Đời xưa đời xưa
 Đất nước ta rộng lớn vô chừng
 Có chùa vàng, cá bạc nước Mê-kông (1),
 Có rừng cây cao chạy dài xanh ngắt.
 Ruộng đất ta rộng lớn thênh thang
 Trời đo không bao giờ hết được,
 Chim bay mỗi cánh chết mất hàng đàn,
 Ngựa chạy mau dù vạn khúc sông (2)
 Cũng chưa giáp nửa vòng ruộng đất.
 Gạo trắng quê ta tìm đâu không có,
 Muối mặn quê ta ở khắp mọi miền,

* Một dân tộc cư trú nhiều ở miền tây Nam-bộ, đông nhất là ở các tỉnh Sóc-trang, Trà-vinh, Rạch-giá, Bắc-liêu, Vĩnh-long, Châu-đốc và Hà-tiên. Dân số đông trên 450.000 người.

** Bài này làm theo điệu hát *du-kê*. *Du-kê* là một hình thức hát trên sân khấu, có âm nhạc đệm theo. Đồng bào Khơ-me Nam-bộ rất nhiều người biết bài này nhưng không mấy ai thuộc hết vì nó rất dài. Trên đây chỉ trích dịch một số đoạn trong tác phẩm đó.

Theo đạo Phật, hoa sen tượng trưng cho sự trong sạch, cao quý. Đồng bào Khơ-me rất tôn quý hoa sen nên dùng hình ảnh đó để ví với sự xuất hiện của « Hội kín » (danh từ này, đồng bào dùng để chỉ Đảng Cộng sản Đông-dương).

1 — *Mê-kông* : một con sông rất lớn chảy qua đất Nam-bộ, qua các khu vực có đồng bào Khơ-me cư trú.

2 — Ý nói : ngựa đi ngàn dặm.

Cả ngọt quê ta, hoa quả trên cành,
 Không có nơi nào giàu như vậy ;
 Không người đâu làm lụng giỏi hai tay,
 Không người phương nào trồng bông dệt vải
 Giỏi như cô gái Khơ-me.
 Mắt cô gái trong như nước dừa Xiêm,
 Môi tròn tựa như miếng đường *thốt-nốt* (1);
 Trai trẻ Khơ-me mạnh như sóng ngoài khơi,
 Đủ sức bắt Trời cao trối lại.
 Tay con gái đêm đêm quay sợi,
 Ngồi xa nghe như nước chảy qua cầu,
 Sợi chỉ dài kéo mãi lên cao
 Nối trời đất chung quanh trong một dải ,
 Đầu trên, cột căng ông trời kéo lại,
 Đầu dưới, bắc thẳng một chiếc cầu dài
 Cho trai gái lên Ngọc hoàng (2) xem hội.
 Kéo chỉ thật nhiều dệt *xà-rông* (3) sắc sỡ
 Cho người yêu đi lễ chùa xa,
 Cho cha mẹ đi lễ chùa gần ;
 Bán lấy tiền mua trầu cho mẹ,
 Mua thuốc lá cho cha,
 Mua cho chồng đôi guốc,
 Mua chiếc gương tròn bầu bĩnh xinh xinh
 Đằng sau có hình cô Ba (4),
 Đằng trước có hình mình,
 Nhìn lại nhìn qua giống nhau in hệt...

.....

Đó là chuyện đời xưa đời xưa
 Chờ còn bây giờ,
 Chờ còn bây giờ

1 — Miếng đường ăn làm bằng cây *thốt-nốt*.

2 — Ý nói: lên trời.

3 — *Xà-rông*: một kiểu y phục giống chiếc váy, rất đẹp, chỉ mặc vào những lúc đi lễ chùa hoặc dạo chơi.

4 — Hình một cô gái đẹp mà một hãng chế tạo mỹ phẩm ngày xưa lấy làm nhãn hiệu.

Làng tôi nghèo từ xóm trên đầu dưới,
 Làng tôi đói từ xóm dưới đầu trên,
 Một trăm thứ thuế, một vạn khó nghèo
 Do địa chủ giàu có trong xã,
 Do Tây trắng ngoài ngõ ở xa
 Qua đây hút máu dân ta hiền lành.
 Ruộng dân nó lấy, lúa chùa nó giứt,
 Không còn cơm cùng sãi (1),
 Không còn cá dưới ao,
 Không còn rau ngoài ngõ.
 Bụi sả chúng nhỏ, bụi gừng chúng bưng,
 Măng tre chưa cao chúng đem dao chặt,
 Chỉ chưa kéo chúng cũng lấy ngang;
 Chim trên trời không bắt được con nào,
 Cá dưới nước không một con câu được;
 Người trai trẻ không giữ trâu phát sậy (2)
 Mà phải lên đồn cầm súng gác canh;
 Con gái lớn không dám ra đường,
 Tây gặp phải, không tài nào chạy được.
 Nó hành nó hạ trăm chiều khổ nhục
 Khi tha về còn có chết mà thôi...

.

Tây trắng đến từ mùa sen năm trước
 Đóng đồn cao trên xóm, treo cờ dài.
 Qua mùa sen nở năm sau
 Đồn Tây trắng bị dân đốt cháy.
 Cuối làng tôi có một đám rừng
 Cây chi chít không ai đếm xuể.
 Nơi đó có hai người dân Kơ-me

1 — Các vị thầy tu, sư tăng là những người có uy tín nhất trong nhân dân Kơ-me.

2 — Sậy : loại cây mọc ở ruộng nước, khi làm ruộng phải lấy phảng chặt đi. Ý nói : không làm ruộng được nữa.

Được vào « Hội kin » (1) từ lâu lắm,
 Về đây xốc nách người nghèo đứng dậy,
 Về đây nói phải, nói nhiều,
 Một lời nói mà ngàn người đứng thẳng
 Hiên ngang như cây *pô* (2) lớn sau chùa;
 Về đây gọi dân Khơ-me mài lưỡi *phăng* (3)
 Chờ Tây vào thi toàn thể ra chùa
 Bao vây chúng lại, chặt hai cái đầu;
 Một cái vì chúng đốt chùa giựt lúa,
 Một cái vì chúng hiếp gái bán người.
 Hai anh về đây đoàn kết mọi nhà,
 Giữ gìn làng xóm, trâu bò ngoài ngõ.
 Trong rừng cây có nhiều bầy ong mật,
 Ở đây nhiều người muốn làm con ong,
 Cùng một tổ thì tha hồ mà sương.

..

Nhưng yên ổn mới được một mùa mưa,
 Tây trắng nói: đất của người Khơ-me,
 Địa chủ nói: lúa của người Khơ-me,
Mê-khum nói (4): ruộng của người Khơ-me
 Bị người Việt dụ dỗ giựt hết.
 Trống trên chùa, Tây đánh inh ỏi,
 Tù và địa chủ thổi inh ỏi,
 Cả *sóc* (5) Khơ-me lội qua sông
 Đánh người Việt lấy đất đai lại
 Theo lời nói ngọt của Tây, địa chủ.
 Nhưng Tây to tiếng thì Tây chết,
 Địa chủ to tiếng thì địa chủ chết,

1 — Đảng cộng sản Đông-dương.

2 — *Pô*: loại cây thân chắc, cao vút, tượng trưng cho sự mạnh mẽ và bất khuất.

3 — *Phăng*: một loại dao dài, ngang khoảng 7 phân, dài từ 1 thước trở lên, chỗ gần cán uốn cong, dùng để phát sậy và làm ruộng.

4 — *Mê-khum*: xã trưởng, người cầm đầu một xã.

5 — *Sóc*: làng, xóm.

Vì người Khor-me người Việt là một.
 Sông có nước, chim trời có ổ,
 Người Khor-me có « Hội kin » dẫn đầu,
 Nghe lời « Hội kin » là hay hơn cả.
 Vả lại Phật không một chút vừa ý,
 Sư sãi không một chút bằng lòng,
 Người Khor-me không đồng tình mây may.
 Chỉ tại Tây trắng mũi trâu ở xa lờ,
 Cùng địa chủ ở gần xúi giục;
 Miệng chúng độc như rắn hổ lửa,
 Bụng chúng ác như điều hâu bắt gà,
 Bây giờ mọi người biết là tại bọn chúng;
 Không có « Hội kin » còn giết nhau nữa,
 Không có « Hội kin » chết hết Khor-me lẫn Việt,
 Người Khor-me liệng *phảng* xuống sông,
 Người Việt cho mượn xuống bơi về,
 Cho luôn thùng lúa, con gà mái,
 Nhỏ bụi *ngải* (1) sau vườn gửi theo cho
 Đem về mà dịt vết thương trên trán.
 Người « Hội kin » của Khor-me và Việt
 Đi mỗi nhà nói chuyện Tây, địa chủ ác,
 Xi xóa hiềm khích vì là một nhà.
 Trai Việt sang sóc Khor-me lấy vợ,
 Gái Khor-me sang làng Việt lấy chồng;
 Người « Hội kin » bắc cầu cho hai làng **qua lại**.

..

Bây giờ là lúc mùa sen nở,
 Ruộng lúa chín vàng, cò bay mỗi cảnh;
 Đầm sen có một đóa sen hồng
 Nhưng quanh đó còn biết bao sen trắng nở.
 Sen nở làm cho tươi môi người gái đẹp,
 Làm cho trái khỏe như sóng ngoài khơi
 Đủ sức đánh tan loài Tây trắng.

1 — Ngải : loại cây có củ, dùng làm thuốc chữa các vết thương.

Sen nở mãi bên những người « Hội kín » ;
 Như sóng ngoài khơi âm âm chuyển động
 Nhân dân Kho-me theo « Hội kín » đi lên,
 Vì « Hội kín » thơm như đóa sen hồng
 Nở trong lòng người dân Kho-me,
 Nở bên bờ sông này mãi mãi...

ĐINH TÂN, ĐÀO VĂN SỸ, ĐINH VĂN TỰ,
 TRẦN VĂN NỀN, HỨA VĨNH HÒA sưu tầm
 DANH KIM, TRẦN NHEM, TẠ MINH HỘI dịch

ÁNH SÁNG MÙA XUÂN
 Nhà xuất bản Văn học — 1960

NIẾT-BÀN CÒN XA MÀ TA VẪN SƯỞNG *

TRỊNH YUTH

Ông cha ta khờ,
 Đời ta càng khờ,
 Nhìn con nhìn vợ,
 Lòng thêm xót xa...
 Nhìn cái nhà đập (1),
 Nhìn cánh đồng xa,
 Đất nước giàu đẹp.
 Ấy thế mà ta
 Đầu tắt mắt tối,
 Đời người kiếp ma (2).

* Vốn theo đạo Phật, đồng bào Kho-me hằng mong ước được lên Niết-bàn như người công giáo mong ước được lên Thiên-đàng. Đối với đồng bào theo Phật giáo, Niết-bàn mới là nơi giải phóng tuyệt đối. Ý bài thơ này muốn nói: nhờ Cách mạng mà đồng bào Kho-me, tuy chưa tới được Niết-bàn nhưng cũng đã sung sướng như được tới Niết-bàn rồi vậy.

1 -- Nhà đập: nhà ở tạm bợ, tồi tàn, đập một cái là đổ.

2 -- Kiếp ma: kiếp ma cà rồng, sống lên lút về ban đêm.

Đau khổ tủi nhục,
 Không chỉ riêng ta,
 Bao giờ có nhà?
 Bao giờ có ruộng?
 Bao giờ sung sướng
 Hạnh phúc chan hòa?
Preah (1) dạy chúng ta:
 — « Đời là bề khổ,
 Giải phóng còn xa!
 Niết-bàn còn xa! »

..

— Ô!...
Preah Anh, Preah Prum
Preah Puth, Preah Thoam
Preah Song (2) chứng giám:
 Lòng tôi không tham,
 Tội lỗi không làm,
 Tim lành, lánh dữ,
 Đoàn kết tương trợ,
 Rạt rào lòng nhân,
 Bồi thí thí ân,
 Trước sau như một;
 Túng thiếu quá lắm
 Đi chùa vãn chằm,
 Cung kính lễ *Preah*,
 Nuôi dưỡng chư tăng,

1 và 2 — *Preah*: Phật tổ. (Ngày xưa, trước khi tiếp xúc với đạo Phật, đồng bào Khơ-me theo đạo Bà-la-môn. Tàn tích đạo Bà-la-môn nay còn sót lại trong một số tập quán cúng bái và trong ngôn ngữ). *Preah Anh*: thần Anh-đơ-ra trong Ấn-độ giáo; *Preah Prum*: đấng tạo thiên lập địa (tức là *Brahma*); *Preah Path*: đức Phật tổ; *Preah Thoam*: Phật pháp; *Preah Song*: đại đức chủ tăng. Những tiếng này là lời nói mở đầu lúc cúng bái hoặc thề thốt. Tiếng *Preah* còn là tiếng dùng để xưng hô tỏ lòng tôn kính, giống tiếng « đức » của người Kinh.

Ăn hiền ở lành,
Cớ sao, ô! *Preah*,
Chưa thấu trời xanh?

• •

Bọn kia tàn bạo
Chọc thùng nồi cơm,
Đập bể nồi cháo,
Vắt mồ hôi uống máu
Tất cả người nghèo;
Hám tiền như mèo
Khi nhìn thấy mỡ,
Đầy dọa khổ sở
Già, trẻ, bé con
Không chút lòng nhân
Như *Preah* hằng dạy.
Có lúc ức hiếp
Coi rẻ chur tăng,
Trắng trợn làm xằng
Khinh trời, rẻ *Preah*;
Tiền nhiều tội nhẹ
Địa ngục không lo,
Nhà nhỏ nhà to
Lâm lừa mờ rộng
Và cái chuồng bò
Còn to, còn tốt
Hơn lều nhà nông!...
Những người cực khổ
Mà lại tay không.
Chúng thường *nhôm-vát* (1),
Chúng là *lót-thum* (2),
Hội tề quý sĩ
Quanh chúng quây quần;

1 — *Nhôm-vát*: chủ chùa.

2 — *Lót-thum*: quan lớn.

Dựa Tây, thế lực
 Chúng mạnh hơn thần,
 Áp bức lương dân.
 Cờ sao, ô *Preach*,
 Chưa thấu trời xanh?

..

Việt Minh nổi lên,
 Dựng cờ người nghèo,
 Cờ Hồ *Neayôk* (1)
 Như *Preah* giảng sinh,
Preah hat thom murk (2)
 Đứng của chúng mình,
 Đêm tối đang chết
 Kìa ánh bình minh!
 Cờ Hồ giỏi thật,
 Hiền ta hơn ta (3),
 Biết ý ta muốn,
 Biết lòng ta mơ,
 Màu da không kè,
 Người khờ một nhà;
 Khơ-me — Việt đoàn kết,
 Anh em ruột rà,
 Nước ta về ta,
 Hạnh phúc về ta.

..

Cuộc xanh (4) vừa đi,
 Cờ trắng (5) trở lại,
 Hung thần *Ba-răng Set*

1 — Cờ Hồ *Neayôk*: cờ của Hồ lãnh tụ. Đồng bào Khơ-me vẫn gọi Hồ *Neayôk* như ta gọi Bác Hồ.

2 — *Đấng Cứu thế* mà đồng bào Khơ-me thường mong đợi, tin tưởng nhất.

3 — Thành ngữ Khơ-me, nghĩa là hiền mình hơn mình.

4 — Tiếng lóng, chỉ bọn phát-xít Nhật.

5 — Tiếng lóng, chỉ bọn Pháp.

Đe dọa nước nhà.
 Nhân dân đánh đuổi,
 Chúng dùng mưu thâm
 Cố gây chia rẽ
 Anh em ruột rà,
 Để cho Khơ-me — Việt
 Lòng này cách xa.
 Số ít chưa rõ,
 Số nhiều đã rõ
 Âm mưu điều ngoa
 Của loài rắn độc,
 Của quỷ *Méaria* (1).
 Dân Khơ-me Bát-sắc (2)
 Tin Hồ *Neayok*,
 Đoàn kết đậm đà
 Kết nghĩa *tăng-ni* (3)
 Bạn Việt *xne-ha* (4),
 Đánh Tây ngã gục,
 Được đất được nhà,
 Được lúa, được cá,
 Có vịt có gà.
 Khi khách đến nhà,
 Khi lễ *Đôn-ta* (5),
 Lúc lễ *He-Phkar* (6),
 Vợ con đi dự...
 Lúc vui *Ok Om-bóc* (7)

1 — *Quỷ Méaria*: Ma-vương (theo đạo Phật).

2 — Tên thường gọi người Khơ-me Nam-bộ để phân biệt với người Khơ-me trên Cao-miên (Cam-pu-chia).

3 — *Tăng-ni*: tiếng thông dụng của người Khơ-me lẫn người Việt trong vùng, để chỉ người bạn chí thân kết nghĩa anh em. Danh từ này nguồn gốc tiếng Trung-quốc.

4 — *Xne-ha*: thân yêu.

5, 6 và 7 — Tên các lễ theo tôn giáo và phong tục tập quán. Lễ *Đôn-ta* là lễ cúng ông bà đã quá cố. Lễ *He-Phkar* (hay lễ dâng hoa) nhằm hiến áo cà sa, vật dụng cho nhà chùa. Lễ *Ok Om-bóc* (hay lễ ăn cơm đẹp) là lễ cúng trăng rằm tháng Mười, có tổ chức đua thuyền rất rầm rộ, vui vẻ.

Ta đua *tuk-ngôa* (1),
 Ta hát *Hayơ...* (2),
 Ta múa theo nhịp
 Tiếng cồng rộn rã...
 Đờn đờ vát vát
 Vì đã có trâu,
 Bữa kỹ cày sâu
 Ruộng ta ắt tốt.
 Sướng nhất là được
 Được làm người ta :
 « *Niết-bàn còn xa*
Mà ta vẫn sướng! »

...
 Còn bọn hung ác
 Lòng vốn bất nhân,
 Hãm hại nhân dân
 Nay phải đền tội.
 Số còn sót lại
 Thì cũng phải là
 Cải ác phục thiện
 Dân này mới tha.
 Rõ ràng Cách mạng
 Và Đảng, Cụ Hồ
 Công bình sáng suốt
 Hơn hẳn trời xa.
 Hồ *Neayôk* hằng dạy :
 Yếu ghét rõ ràng,
 Yếu nước, chống giặc,
 Chăm lo làm ăn,

1 — *Tuk-ngôa* : loại thuyền đua, dáng dài, thon như con rắn, rất đẹp, chỉ dùng đua trong lễ Ok Om-bôc.

2 — Điệu hát « *Hayơ!.. Yơ!.. Hayơ!... Yơ!* » : điệu hát đặc biệt lúc đua thuyền Ok Om-bôc. Trước khi chính thức đua, giữa hai chiếc thuyền có cuộc hát đối đáp thách thức nhau và sau mỗi câu hát mọi người lại cùng hát « *Hayơ!... yơ!.., hayơ!... yơ!* ».

Đoàn kết tương trợ
Kẻ xa người gần,
Trên khắp thế giới
Bao người bạn thân.
Lòng người lao khổ
Còn tốt hơn vàng,
Thân quyền giàu sang
Lòng xấu hơn nhiều.

★ ★

Kháng chiến kéo dài...
Lúc đầu còn ngại,
Lúc sau đã hiểu,
Cần quét không sợ,
Oanh tạc không nao,
Nhà cháy, chùa cháy,
Ta cất lại mau ;
Người chết lòng đau,
Chỉ ta không chết ;
Nhân dân đoàn kết,
Giặc quyết phải thua,
Kháng chiến thắng lợi
Như ta được mùa
Là nhờ cố gắng ;
Lòng rực ánh sáng,
Vững tin Liên-xô
Xây dựng cơ đồ
Những người nghèo khổ.
Người nghèo hết khổ,
Sống cõi thiên đàng
Ngay ở trần gian
Tự do sung sướng.
Kăm, Pía (1) nghiệp chương
Bổng chốc hòa tan.

1 — *Kăm, Pía* : cả hai chữ đều có nghĩa là nghiệp chương (theo thuyết luân hồi của đạo Phật).

Nhân dân có Đảng
Mạnh hơn thiên thần.
Người định số phận,
Không sợ trầm luân,
Kiếp số gian truân
Sẽ không trở lại
Hãm hại người ta.
Niết-bàn còn xa
Mà ta vẫn sừng!
Ơn Hồ Neayók
Sánh tựa biển trời.
Ơ! Hồ Neayók ơi!
Xin Người sống mãi!

tác giả tự dịch

ANH SÁNG MÙA XUÂN
Nhà xuất bản Văn học — 1960

TRUYỆN THƠ

*Dân tộc TÂY**

NAM KIM - THỊ ĐAN

Nam Kim - Thị Đan là một truyện tình bằng thơ của dân tộc Tây. Đôi trai gái Nam Kim và Thị Đan yêu nhau tha thiết. Vì Nam Kim nhà nghèo lại mồ côi nên bố mẹ Thị Đan không gả Thị Đan cho Nam Kim, và bắt nàng phải lấy con trai một nhà « tử tế ». Thị Đan đành phải về nhà chồng. Tuy đã có chồng nhưng Thị Đan vẫn yêu Nam Kim tha thiết như xưa. Nam Kim cũng vậy. Qua bao nhiêu đắng cay gian khổ, hai người đành phải tìm đến cái chết để giữ trọn tình chung thủy. Đoạn trích dưới đây là đoạn Nam Kim đến thăm và ra về, Thị Đan đưa tiễn ; hai người than thở cùng nhau.

.
Gà vỗ cánh gọi sáng dăng đông,
Thị Đan dậy bắc nồi cơm sớm.
Trời mờ sáng lọt vào cửa trước,
Đánh thức Nam Kim — Khăn mặt trao tay.
Nắm cơm sáng đã bày gian giữa,
Cất lời yêu mời bạn ngồi ăn.
Nam Kim chưa ngồi mâm, vội đáp :
— « Em hỡi ! yêu nhau cũng lắm xuân,
Hãy ăn với anh một bữa.

* Xem chú thích ở trang 29.

Ngồi chung mâm, chỉ có lần này,
Ăn cơm sáng như cơm chiều em ạ ! »
Xót lòng, Thị Đan chỉ biết đáp :
— « Em quyết bạn anh đề ra đi. »
Nói xong, xách cơm *lẻng* tiễn bạn.
Nam Kim thấy vậy vội ngăn :
— « Con nhận, đã giao xong. »
Mặc cho lời ngăn lòng xót
Thị Đan vẫn xách cơm tiến bước.
Đỉnh núi cao, hai người dừng chân,
Thị Đan tỏ mọi nỗi tâm tình,
Mời Nam Kim ngồi, nói câu tạm biệt ;
Bẻ lá xanh làm chiếu cả đôi.
Nam Kim cất tiếng yêu thương :
— « Núi rừng đây còn bát ngát,
Em tiên bao giờ hết đường đi !
Mỗi bước theo một cái sào em ạ.
Em xuất giá, đã có chồng,
Mặc anh, như một cây trơ trọi,
Theo gót anh, để anh đứt ruột sầu lòng.
Ý em còn thật như xưa không
Hay miệng ngọt, ru anh không biết bước
Rồi để anh có tội với đất trời ? »
— « Không tin em, hãy cắt máu ra thề »
Nói xong, tay ngắt lá xanh hứng máu,
Tay đưa dao về phía Nam Kim.
Để bạn hiểu rõ nỗi lòng
Nam Kim đưa ra cắt trước.
Trên lá xanh, máu cả hai đọng thành giọt ;
Cùng đứng lên nguyện khắp bốn phương
Đề trời đất chứng minh lòng trai gái.
Máu tươi đã xuống họng hai bên
Thầm khóc, tự nói với nhau bằng mắt :
« Thiên hạ, có ai như đòi ta
Cắt máu làm lời thề xuống họng ! »
Còn ai đây để hiểu lòng nhau,
Chân tay rụng rời cả đôi trai gái ;

Nam Kim cất tiếng nói cuối cùng :

— « Rừng sâu, ta cũng nhìn lọt trước.

Chỉ có lia, không hợp được nhau.

Yêu nhau chỉ nhìn trời trông đất,

Nhìn núi non sương tỏa bốn mùa,

Nhìn về em, em về gia thất. »

Thị Đan chưa bày tỏ được lời

Đã lẫn mình ra trước mặt,

Tiếng than khóc như xé hết hơi

Chỉ biết nói : — « Làm sao nổi này

Đáng lẽ em chết đi cho trọn !

Anh để lại những lời dao cắt ruột,

Nếu em cứ buộc về nhà chồng,

Đời em cũng chỉ ngắn như giọt máu.

Chết đi còn hơn mang tiếng phụ tình. »

Thị Đan hết lời dặn Nam Kim :

— « Anh đi, anh nhớ tấm lòng còn tin,

Xấu tốt đã cùng nhau thổ lộ ;

Nếu còn quả đất mặt trời,

Em sao quên được những lời hôm nay ».

Nam Kim quay lại đáp một niềm :

— « Trời đất còn chứng kiến đời ta

Chết đi hồn vẫn còn mơ,

Mối tình bạn gái, phải chia hai đảng ».

Dặn nhau chưa hết lời, chân bước,

Núi trước mặt, Nam Kim leo,

Bước đi người vẫn rung rung.

Đằng sau tiếng khóc Thị Đan xé lòng :

— « Anh ơi ! Hãy dừng chân ngồi lại

Cho thân em tỏ nỗi cảnh lia nhau ».

Nàng vội cởi áo trong thân,

Áo chàm ướt lệ trên tay,

Manh bước tới, trao ngay bạn nghĩa.

Nam Kim ngần ngại

Cắt câu từ chối :

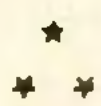
— « Một lòng vững chắc là hơn,

Áo khăn có buộc đâu được lòng đời ta !

Chung tình là đủ còn gì ước mong;
 Em hãy cầm áo về dùng ».

Mặc lời chối, Thị Đan vẫn tặng :
 — « Áo em xem mặt, ghi lòng ».

Nam Kim càng nặng lòng thương,
 Tay cầm áo vẫn vương lòng dạ.
 Trên đời hoang, chứng kiến phút chia lìa,
 Bốn phương cây cỏ buông lá vàng...
 Rừng già, cất tiếng thở than ve chiều...
 Thị Đan quay lại lối nhà,
 Nhìn không rõ lối, chân đưa lên đường.
 Thân bớt áo mà lòng nhiều việc.
 Nam Kim lên núi, áo rung tà,
 Mặt trời lặn non, anh cũng vừa khuất núi.
 Thị Đan quay lại không còn bóng anh
 Nhưng vẫn còn tiếng nói bên tai.
 Đêm dài buông khắp quê hương,
 Lời dặn nhau còn vương trong trí,
 Khuyên rằng : « Đừng nhớ, đừng buồn.
 Vui lên đừng khóc, đừng than.
 Về nhà chồng cứ một bề ăn ở,
 Mỗi tình ta dang dở nguôi cơn,
 Nhớ ra lại thêm buồn, hỡi ơi ! »



Từ ngày vắng Nam Kim cách chốn
 Mỗi mắt chờ mà chẳng thấy đâu ;
 Nhớ hôm đưa tiễn bên nhau,
 Khuất non, vắng bóng người yêu
 Tưởng đến lúc sánh đôi bên suốt.
 Lòng nước một đôi bóng dưới chân.
 Nhớ hôm cởi áo trao tay,
 Bẻ cành lá rải gốc cây bên đường,
 Bây giờ để lòng thiếu ai mà vắng.
 Trăm điều nhớ khúc ngắn khúc dài.
 Trên khung dệt tay lại đường chỉ
 Dệt khăn tay gửi tặng Nam Kim.

Khăn càng trắng lòng càng trắng,
Nhờ Thị Giao cách núi đưa giùm,
Như chuyển đến tấm lòng Thị Đan;
Khăn này để anh rửa mặt,
Để anh tin được lòng người cô đơn,
Một thân, ngày không ngắn mà đêm lại dài,
Ước sao anh hiểu nỗi lòng nhớ thương.
Thị Giao nhận khăn đưa tới,
Đường đi rẽ lối bên đồi,
Bản làng san sát núi đồi ngồn ngang...
Hiu hiu gió nhẹ bên đàng,
Không bao buổi, đến quê chàng,
Đến nhà vội kể truyền tin đưa lời.
Trên tay khăn mới còn tươi
Như chấp đường chỉ hai người.
Thị Giao nào hay đâu mà biết
Nỗi lòng đôi bạn đêm ngày
Như chim cùng tổ con bay con nhin,
Như hai chiếc đũa có dây vắn vào.
Có ai nắm được hai tâm tư,
Một bên ở bụng, một bên ở khăn!
Nỗi buồn hiện nét Thị Đan hôm nào,
Phận gái nhỏ, nỗi ngày thơ,
Nam Kim cũng vừa tuổi rể.
Thị Giao vội kể lẽ đôi lời :
— « Vừa qua, đến quê ngoại mấy hôm
Thăm mẹ già, thăm em gái Thị Đan;
Em dặn chị, chuyển tin đưa lời,
Khăn này chính tay em tự dệt ».
Nam Kim môi nở nụ cười
Hỏi thăm mọi việc con người phương xa ;
Tay nhận khăn, lòng lại xót xa,
Trông khăn mềm mại khác nào Thị Đan.
Cánh đào đôi bướm đang vờn cánh,
Lấy gì để nén được lòng :
Nỗi thương, nỗi nhớ, nỗi mong!

Tiền Thị Giao, cảm tạ, nén lòng cười thính,
Đường mấy ngả để lòng một lối.

••

Thị Đan từ ngày ấy về đây
Đi như không đất, ngủ như không nhà.
Thái Quan, ngựa khỏe, roi mây
Đến ngay nhà mẹ, đòi ngay cô nàng.
Tay gặt lệ, Thị Đan sấm sủ
Lên đường theo vó ngựa hí vang.
Nghênh ngang đi trước có Thái Quan.
Tiếng than rền rĩ, cô nàng theo sau.
Áo xanh, lệ trắng, má sầu,
Đêm dài đường khuất đưa nàng
Xuất giá như ngày xuất tang.
Nghĩ thân mỗi một sầu riêng,
Ngày trôi đêm đến, buồn càng nhiều.
Bỗng đến một ngày lo lắng:
Hai mươi tháng Tám, quá tuần trăng;
Ốm đau đưa đến liệt giường,
Má đào ngày một héo hon;
Xót thương nàng vội nhắn tin xa gần,
Họ hàng nội ngoại người thân,
Nỗi thương thiếu nữ đến thăm.
Tin nàng ốm truyền nhanh như gió
Bay đi đến xóm dưới *bản* trên,
Bay về quê cũ mẹ hiền lên thăm.
Cả Thị Giao cũng biết tin biết tiếng
Bỏ ngày công về tận Thái Quan.
Buồn thương chị hỏi cô em:
— « Sao em không nói không rằng
Chị đây có phải ai đâu lạ lòng? »
Thị Đan mở dần đôi mắt
Rồi lại khép lại, nửa tỉnh nửa mê.
Bỗng trừng trừng nàng đưa con mắt,
Cố nhớ ra những tiếng nên lời,
Ấm thầm một nhọc đôi môi,

Dặn khế chị mấy lời to nhỏ :
— « Chị ở sau... trông lo con chị
Được yên lành mọi việc mọi điều ;
Còn em vĩnh biệt chia lìa
Gửi lời cho chị tin về anh em.
Gửi mẹ già : — Mẹ ơi ! Mẹ đến trước về sau,
Con còn tuổi nhỏ xin vẹn một đời,
Hiếu thảo lòng con đầu đến nơi !
— Bạn ngọc hỡi Nam Kim khác chốn,
Vắng anh lúc này là lúc cuối,
Biết chẳng em sắp hết đời,
Chết đi, liệu có còn ngày gặp không ?..
Anh ở lại anh lo cho xong.
Vui lên đừng có buồn, anh nhé !
Mọi bề mọi việc anh may mắn ».
Nghĩ càng sâu, nàng càng mê mẩn,
Lúc còn bé mẹ cha dạy lớn
Lớn lên như một bông hoa
Ai ngờ hoa rơi lại gãy nhị,
Phận hèn hay tại duyên đen ?
Cha đã chết để tang nhà cửa,
Để phận con ép gả Thái Quan.
Mười tám tuổi, hoa đang nở
Cũng là tuổi gặp gỡ Nam Kim
Kết nhau thành bạn ân tình,
Ý hợp ý, lòng hợp lòng,
Tiến nhau từng bước qua đèo
Máu đào đã trộn trên cành lá.
Buổi sớm kia cánh cửa vừa sáng mở :
— « Mâm cơm sớm, cơm chiều, em ạ » ;
Đường dốc đi chợ cheo leo,
Nàng tay dìu bước em theo ;
Nhớ lại hội xuân đình sớm nọ
Đôi ta gặp mừng rỡ đón xuân,
Theo nhau như bóng với hình
Bên suối nọ còn in vết chân,
Chim rừng còn hót chúc xuân bên đường.

Đỉnh núi nọ còn vương lòng nhớ,
 Quả đào tiên anh nửa em bên.
 Chơi núi như chơi cung tiên,
 Gió vẩy tóc cả hai mát rượi.
 Đồi núi nối nhau, đi không hết
 Hỏi nhau : — « Đất trời rộng quá nhỉ ? »
 Bưng má, hai nụ cười...
 Đất rộng thật, lòng người lại hẹp,
 Ngần cả hai, đôi lúc lặng thinh ;
 Nạn bất công đâu đâu cũng có :
 Người ăn thừa, người thiếu tim không ra.
 Gió đâu thổi dạt nổi buồn,
 Lại cười lại nói nhìn hai ta,
 Núi xanh xanh cả bốn chân,
 Trời quang để lại én thoi vẩy vùng
 Bay trước mặt như báo duyên lành...

Cuộc đời ngắn, thêu lên khối óc
 Rồi buông lời... từ đó đêm dài...
 Tết Nguyên đán, mừng mười xuân đến.
 Phút lia trần cổ nhả Nam Kim
 Để chàng những tiếng cuối cùng.
 Chiều tà thân phận cũng chiều,
 Lòng dao cắt, Thị Giao lên tiếng :
 — « Nam Kim em ơi ! hãy đến đây,
 Em tôi nhắm mắt cắt ngày làm đêm ».

Chung quanh mọi người đến đầy,
 Ngậm ngùi những tiếng « than ôi »...
 Khấn đất, khấn trời phù hộ,
 Khói hương bay, bỏ tàn phủ thành áo,
 Tim khăn áo liệm thân
 Để Thị Đan yên giấc nồng,
 Thế là nhàn hạ một đời thanh xuân.
 Lời hẹn ước Nam Kim còn đó,
 Tắt thở lâu mặt vẫn tươi
 Như còn đang chờ những lời...

Mẹ già gán ép lấy chồng
Thì con sẽ quyết bỏ tuổi xuân con về...

..

Xuân đến đông qua,
Nam Kim nhớ tới câu hẹn hò năm trước
Ven rừng nọ, đôi ta giao ước,
Nam Kim mới cất bước ra đi.
Xuất hành ngày mồng bốn tháng Giêng.
Cất chân lên đường « lầy lầy »
Mong đến ngày được gặp Thị Đan.
Quê hương của bạn hiện ra rồi,
Núi đồi còn đỏ chưa hề rơi,
Tự nhiên lòng vương điều lạ lạ...
Bước lên nhà « khách lạ » chưa ngồi
Thị Âm (1) liền cất lời chua xót,
Chưa kể gì, giọt lệ đầy mi :
Giờ đây em còn nói được gì.
Thấy Nam Kim mà vắng mặt Thị Đan,
Trời đất hỡi, để bên nặng bên nhẹ !
Thị Âm cất lời nhỏ nói qua :
— « Thị Đan về nhà chồng dịp tết
Đúng mồng tư giữa buổi chiều tà,
Không chịu làm ăn nhà chồng,
Quyết lòng nằng bỏ tuổi xuân,
Giây phút chia ly còn nhắn lại đôi lời.
Nhắn anh hãy ở đằng sau,
Hãy lo cho sống cuộc đời,
Hãy vui lên chớ lo xấu theo em.
Số ngày xưa giao xuân đã định,
Giờ đây hai số phận em lìa,
Âm dương nay đã chia hai ngã...

.

NÔNG MINH CHÂU
dịch và chủ thích

1 — Ở một bản nôm khác chép là Thị Giao (chị của Thị Đan). Có người nói cả Thị Âm và Thị Giao đều là chị của Thị Đan. Điều này còn cần được tra cứu thêm.

Dân tộc **MƯỜNG***

ÚT LÓT - VI ĐIỀU

Út Lót - Vi Điều là một truyện thơ dài của dân tộc Mường. Út Lót, con gái thứ ba của ông cun (1) Tú Gia và bà cun Tú Ó, là một cô gái đẹp và có tài. Gặp khi bố đang lo lắng không có con trai thừa tự để thay mình vào châu vua Kinh, Út Lót bèn xin cho nàng mặc giả trai để vào châu vua thay bố. Dọc đường, Út Lót gặp Vi Điều, con trai ông cun Khô Khăm và bà cun Rắm Bong cũng cùng vào châu vua Kinh. Hai người kết bạn. Trong ba năm trời gần gũi, cũng có lúc Vi Điều nghi Út Lót là con gái cải trang nhưng Út Lót vẫn giấu. Hết hạn châu vua, trên đường trở về quê nhà, Út Lót mới thú thực với Vi Điều. Song lúc hai người hiểu rõ nhau, yêu nhau thì cũng là lúc phải mãi mãi xa cách nhau : ở nhà cha mẹ Vi Điều đã cưới vợ cho chàng. Không lấy được Út Lót, Vi Điều thất vọng, lâm bệnh rồi chết. Út Lót xin cha mẹ cho nàng lấy chồng người ở về hướng mồ chôn Vi Điều. Khi rước dâu qua, Út Lót xin xuống thăm mộ Vi Điều lần cuối cùng. Nàng vừa tới nơi thì tự nhiên nắp quan tài Vi Điều mở ra : nàng bước vào quan tài Vi Điều, nắp quan tài đóng lại như cũ. Quan hầu của Út Lót mất chúa, bơ vơ và hóa thành một đàn bướm trắng.

Xét kỹ về nội dung, truyện thơ này phỏng phát giống truyện Lương Sơn Bá — Chúc Anh Đài của Trung-quốc.

Tuy nhiên, truyện thơ Út Lót - Vi Điều vẫn được nhân dân Mường hết sức yêu thích, truyền khẩu lại từ đời này sang đời khác nhưng hiện nay mỗi người chỉ nhớ một đoạn. Toàn bộ tác phẩm vẫn chưa sưu tầm lại được đầy đủ. Dưới đây là mấy đoạn rải rác vừa sưu tầm được trong toàn bộ tập truyện thơ dài này (đoạn I tả lúc Út Lót mới sinh ra đời ; đoạn II tả lúc cha Út Lót được lệnh vào châu vua Kinh ; đoạn III tả Út Lót mặc giả trai thay bố đi châu vua Kinh).

* Xem chú thích ở trang 37.

1 — Lang cun : chức quan cai quản một xã.

.

Hôm nay ông *cun* Tú Gia
 Nằm bên cửa sổ,
 Nghe bên trong có tiếng trẻ con khóc,
 Sầm sầm bước chân vào
 Chia tay ra hỏi : — « Trai hay gái ?
 Trai ta nuôi nổi dỗi,
 Gái ta nuôi làm chi ?
 Thân kiếp không ra gì đã có hai con gái... »
 Bà Tú Ó thấy thế cất tiếng nói rằng :
 — « Không có lúa nếp ta cấy lúa tẻ,
 Không có cơm *cắm* ta cấy cơm *móc* (1),
 Không có con trai ta lấy con gái nổi đời,
 Chẳng qua trời không thương nên ta không thấy ! »
 Nghe vậy, ông *cun* Tú Gia bảo người nhà
 Đum ra cho người xem bóng.
 Bóng thấy bóng con gái mà lại tương con trai,
 Mai sau cha mẹ có thể được nhờ...

— « Ta lấy gan chim gì mớm cho con ta (2) ? »

— « Lấy gan chim khướu mớm cho con để nó
 chóng biết hót.

Lấy gan chim *cót* (3) mớm cho con để nó chóng
 biết reo,

Lấy gan chim chào mào mớm cho con để nó
 biết nói tiếng xuôi kẻ chợ

Không còn quấy mẹ đòi lấy những cái chi chi ».

Ông *cun* Tú Gia bảo người nhà

Giật lấy nõ cánh sắt tên gang đem ra lại bắn.

Bắn được con chim khướu, lấy gan mớm cho
 con, quả nó chóng biết hót ;

1 — Cơm *cắm* : một thứ cơm nếp dẻo, thơm. Cơm *móc* : cơm nếp cứng.

2 — Theo tục lệ, khi mới sinh con, phải mớm cơm thịt cho ăn ngay để nó chóng lớn.

3 — *Cót* : một thứ chim giống như gà lôi.

Chị đang đi châu chợ,
 Đang đi châu hàng,
 Châu vua *lang* thay cho bố mẹ.
 — « Không, không đâu em ơi !
 Không, không đâu em à !
 Chị sinh trước nhưng mà chị kém,
 Em sinh sau nhưng mà em khôn.
 Em về đây để chị nói một điều thương bố,
 Em về đây để chị nói một điều thương mẹ.
 Của cải bạc vàng sau này chị không lấy cái chi,
 Sanh đồng, chén ngọc,
 Muôi rượu, trâm vàng,
 Ang bạc, chảo tám quai,
 Thửa ruộng mười hai máng nước,
 Cột nhà khảm trai, sân *ang* chơi,
 Lược ngà, cối đá, chày gỗ *kiêng*,
 Chiêng vàng đánh vui hơn bễ réo,
 Vò rượu lớn cầm hết một nghìn hai trăm cái cần,
 Khung cửi dệt tơ,
 Hạt huyền, đai vàng, lược ngà gài tóc,
 Của đấy chị nhường cả cho em.
 Trong nhà, *ninh* (1) đồng ba rãnh,
 Cái ấy là của bố của mẹ mang đi ăn nương ở
 rẫy nuôi binh *bản mường* ;
 Thửa ruộng cả, ruộng trường chân làng nhiều
 phân tốt lúa,
 Trâu đực nhà ta ăn đầy bãi,
 Trâu cái nhà ta ăn đầy ba quả đồi,
 Em muốn con nào em đi chọn lấy.
 Chị chỉ xin một cái vồng mui rỗng
 Để chị đi nhà chồng, che mưa che nắng... »

Nàng Út Lót mới nói lại rằng :

— « Đồ vàng bạc đúc hình chim cắt nó sẽ bay về
 theo *cun* Bi (2),

1 — *Ninh* : một thứ nồi đồng cao dùng để úp chỗ lên trên mà đồ xôi.

2 — Ông *Cun* ở Mường Bi (Hòa-bình).

Hình con chim từ qui nó sẽ bay về Đạo-pháng,
 Hình con chim điều hầu (1) nó sẽ bay về *lang* Lồ,
 Ech đôi sẽ về *cun* Khâm,
 Năm hoa sẽ về *lang* Sàng,
 Chiêng vàng vui hơn bể rêu
 Của bố của mẹ để lại ba đời,
 Chị ơi ! hòng mất, chị em ta không hòng được (2) ! »

..

Tháng Tám nhá quả mơ vàng,
 Cho ba nàng ngâm giấy (3).
 Nàng cả nhả ra, nước phẩm lạt phai,
 Nàng hai nhả ra, giấy đà nát hết,
 Còn nàng Út Lót nhả ra lành lộn
 Như tờ giấy xếp ở trong hòm.
 Nhòm đi soi lại :
 — « Con gái út bố quả có khôn hơn,
 Con ta đáng đi châu chợ,
 Con ta đáng đi ở hàng,
 Châu vua *lang* thay cho mặt bố.
 Bố may cho con một cái sống để con mặc giả
 người Tảo (4),
 Bố may cho con một cái áo để con đóng giả con
 trai, khăn đai vàng để con giấu vú ;
 Con ta phải giấu một ngày cho hay một tháng,
 Giấu một tháng cho sáng một năm,
 Đi đường xa xăm đừng cho người nó ôm nó ấp ;
 Thấy con người vui bè đùa bạn ban đêm
 Con đừng vui bè đùa bạn ban đêm

1 — Thời xưa, những nhà giàu thường đúc các hình chim muông bằng vàng bạc để làm cảnh chơi.

2 — *Hòng mất, không hòng được* : theo phong tục xưa, nhà *lang* nào không có con trai, khi chết, bao nhiêu của cải thu lại cho nhà *lang* khác, coi như nhà ấy không có con, con gái không được gì.

3 — Đây là ông Tú Gia thử con, xem cô nào khôn hơn, mưu trí hơn nên ngâm giấy trong mồm mà không ướt.

4 — *Người Tảo* : người Kinh.

Mà khi cứng, khi mềm như cơn gió cuốn.
 Thấy con người vui bè đùa bạn ban ngày
 Con ta sẽ vui bè đùa bạn ban ngày ;
 Con ta rời chân đi cho chóng trở lại,
 Đất nhiều trai lắm gái, nhiều sông lắm sào,
 Cánh hoa đào ong qua bướm lại
 Con gái ta nhớ mãi lời cha !... »

... Hôm nay ông *cun* Tú Gia dậy đánh ba hồi
 chiêng năm,
 Binh, dân trong *mường* đến đông như nêp dưới
 sàn.

— « Nhà *lang* tôi có việc chi bối rồi ?
 Có việc chi vội vàng ?
 Giặc từ dưới đánh lên
 Hay có giặc từ trên đánh xuống ?
 Hay *lang* tôi muốn tìm phương hướng kén rẽ
 đường xa ? »

— « Không, không có việc chi bối rồi,
 Không có việc chi vội vàng.
 Ta muốn cho cô nàng đi cầu chợ,
 Đi châu hàng, châu vua *lang* đường xuôi kẻ chợ.
 Không có cơm, bay đi giã lúa giống,
 Không có cá, bay đi thả dằm tháo ao,
 Ngày mai đi theo cô nàng trẩy sớm.
 Ở nhà, bay gọi là nàng,
 Ra đường, bay gọi là anh chàng Út Khứ.
 Gặp người Thái, bay đừng nói quàng,
 Gặp ông *lang* *mường* nào, bay đừng nói nhảm,
 Nói ra không kín, vua sẽ chu di tội chém ba đời ».

..

— « Con gái út bố hãy lại đây để bố nhắn
 Để bố chọn cho dứa rẽ trước khi con đi vắng,
 Nó ở nhà lo lắng nuôi nấng mẹ cha ».

— « Không, không đâu bố ơi !
 Không, không đâu bố à !

HÙY NGA - HAI MỐI *

Hùy Nga — Hai Mối là một truyện thơ kể mối tình bi thảm của một đôi thanh niên nam nữ Mường.

Hùy Nga là con gái một lang cun và Hai Mối là con trai một lang khác vùng. Hùy Nga rất xinh đẹp, tiếng đồn khắp mường trong bản ngoài. Hai Mối biết tin, tìm đến và hai người yêu nhau. Nhưng, yêu nhau chưa được bao lâu, Hùy Nga bị một tên chúa đất khác có uy quyền đến hỏi làm vợ. Cha mẹ Hùy Nga, một phần vì chức vị thấp, một phần vì tham tiền tham bạc, gả Hùy Nga cho tên này. Hùy Nga vội biên thư cho Hai Mối. Được tin, Hai Mối quyết tâm tìm đến để chiếm lại người yêu. Thế lực Hai Mối không chống lại nổi nhưng chàng được gặp lại Hùy Nga. Hai người vẫn yêu nhau nhưng không thể chung sống cùng nhau. Để trọn lòng chung thủy, hai người hẹn nhau đến sông Chu bến Động là nơi gặp gỡ nhau khi xưa và cùng nhau tự vẫn.

Truyện này là một truyện khuyết danh, rất phổ biến trong dân tộc Mường nhưng mỗi nơi kể một khác chút ít. Phần trích dưới đây sưu tầm được ở một vùng Mường Hòa-bình. Chúng tôi tạm trích dịch 4 đoạn chính của truyện (đoạn I tả lúc Hùy Nga Hai Mối gặp nhau; đoạn II tả lúc Hùy Nga bị ép buộc đi lấy chồng khác; đoạn III tả lúc Hai Mối nhận được tin và quyết tâm đi tìm Hùy Nga; đoạn IV tả lúc Hùy Nga và Hai Mối cùng chết để giữ trọn lời thề).

••

* Truyện thơ này còn một số người gọi là Út Lót - Vi Điều. Số người này vẫn cho Hùy Nga - Hai Mối — Út Lót - Vi Điều là một truyện vì tên các nhân vật hoàn toàn giống nhau.

Ý kiến này chưa hẳn đã đúng vì xét kỹ về nội dung, Út Lót - Vi Điều khác hẳn Hùy Nga - Hai Mối (xem Út Lót Vi Điều do Đinh Sơn sưu tầm và dịch ở trên). Tuy nhiên, dù sao đây vẫn là một vấn đề quan trọng cần nghiên cứu kỹ lưỡng hơn. Trong điều kiện hiện nay, chúng tôi chỉ tạm nêu vấn đề lên đồng thời trích tuyển những đoạn có giá trị nhất của cả hai tác phẩm.

Huy Nga con ông Tú Gia
 Con bà Tú Ó;
 Một buổi nọ, xin cha mở chợ,
 Xin mẹ mở hàng
 Ở nơi sông Chu bến Động
 Để sớm hôm đi về
 Cho có công có việc.
 Ngày mở chợ:
 Ba hồi trống đánh,
 Hết làng trên xóm dưới,
 Con trai đến đầy sân,
 Con gái đến đầy cửa đầy nhà.
 Cơm trong mồm chưa kịp nhá,
 Cá trong miệng chưa kịp nhai,
 Trầu trong khăn chưa kịp lấy,
 Bốn mươi làng dưới,
 Chín mươi làng trên
 Đều mang bương (1) giành ra mở chợ;
 Mở ra cửa hàng trầu hàng nước,
 Ra cửa hàng gương hàng lược,
 Ra cửa hàng vải hàng xén.
 Nàng Nga rửa chân rửa tay,
 Đeo vòng tay chạm hoa thông trúc,
 Mang vòng cổ chạm hình rồng leo phượng múa
 Ra mở chợ bán hàng.
 Từ đấy, dưới đồn lên trên đồn xuống,
 Tại sông Chu bến Động
 Tiếng nàng Nga đẹp nết, tốt lòng
 Là con ông Tú Gia
 Con bà Tú Ó.

Lúc ấy
 Có anh chàng Hai Mối
 Cùng em là chàng Thị Hoa

1— Bương : một loại tre, mỏng mình, to ống, gần giống vầu.

Ở phủ Yên-hoa
xã Uyên-lạc

Nghe tin nghĩ rằng:

« Chẳng mưa sao lại có gió
Chẳng có ai nở đờn sai? »

Và

Đem một nghìn trâu đen đóng sọc (1),
Đem một nghìn bò trắng đóng vai (1)
Đề lên vùng sông Chu xem chợ.

Thị Hoa khuyên rằng:

— « Bố ta thiếu gì bạc,
Mẹ ta thiếu gì vàng,
Mang trâu làm gì cho người chê khó,
Mang bò làm gì cho người chê nghèo!

Hãy vào xin bố xin mẹ
Bốn mươi nén bạc đúc,
Bảy mươi nén bạc rời,
Lên vùng sông Chu xem chợ! »

Hai chàng vào lay bố, lay mẹ,
Lay bố trên giường,
Lay mẹ dưới chiếu,

Xin bố mẹ lo lắng cho con,
Vì chưa có người thổi cơm sàng gạo,
Chưa có người thức khuya dậy sớm,
Chưa có người đi chợ xem hàng.

Con xin

Bốn mươi nén bạc đúc,
Bảy mươi nén bạc rời,
Đề con lên sông Chu kén vợ.
Nghe họ đồn rằng có hai chị em nàng Nga
Khôn mồm tốt miệng,
Đẹp nét tốt lòng,

1 — *Đóng sọc, đóng vai*: ý nói trâu bò vừa đến tuổi sỏ sọc, vục cày rục bừa.

Con xin đi xem mặt.

Lý ấy :

Bố ngồi trên giường,

Mẹ ngồi dưới chiếu,

Hai chàng lạy bố, lạy mẹ,

Bước chân khỏi cửa khỏi nhà.

Đi qua

Bốn mươi đồng ruộng,

Ba mươi đôi gianh,

Đến một quãng sông, nghỉ lại.

Thấy thuyền qua lại

Tấp nập đông vui ;

Hai Mối thấy một mũi thuyền rồng

Đang chèo qua chèo lại ;

Hai chàng hỏi rằng :

— « Thuyền qua sông cho tôi sang với ! »

Mế (1) lái hỏi lại :

— « Hai chàng ở đâu⁷ mới lại,

Có biết tin ông Tú Gia mở chợ,

Các nơi về hội rất đông ? »

Hai chàng đáp rằng :

— « Ông *cun* Tú Gia

Cũng họ nhà tôi,

Xin mế cho tôi qua với ! »

Từ xa, tiếng chiêng vọng lại :

Hiệu nàng Nga ra chợ.

Mọi người buôn đứng lại một bên,

Mọi người lạ dừng sang một góc.

Nàng Hùy Nga ra chợ

Có người theo quây lảng hoa vàng, hoa bạc.

Hai Mối hỏi rằng :

— « Hoa này nàng bán hay là nàng mua ?

Nàng có bán thì để tôi mua

Đem lên chùa dâng hương tiến Bụt ».

1 — Mế : mẹ ; cũng dùng để gọi các bà già.

Nàng rằng :

— « Cửa này để bán, chẳng phải tôi mua,
Nếu chàng mua thật tôi chẳng dám thôi ».

Và nàng nói :

— « Một bông hoa là hai trăm tiền,
Cả gốc lẫn cành là hai trăm bảy ».

Hai chàng đáp lại :

— « Hai trăm bảy thì hai trăm bảy,
Chúng tôi muốn cả gốc lẫn cành,
Chúng tôi muốn cả bông hoa không rời chủ nó.
Hoa thì đem lên chùa
Dâng hương tiến Bụt,
Còn chủ thì đem về nhà :
Thức khuya dậy sớm
Trông cửa trông nhà
Đi chợ đi hàng... »

Lúc ấy, nàng Nga cất tiếng nói rằng :

— « Cơm em ăn một ngày hết ba gánh gạo,
Rượu em uống một ngày hết những ba *lu* (1),
Sống áo một ngày em thay những ba lượt,
Anh có giàu của, giàu trâu mới mua em được ».

Hai chàng đáp rằng :

— « Nàng nói thật thế chẳng ?

Hay là

Người khôn thử dạ,
Người lạ thử tiếng thử lời ? »

Hai Mối nói tiếp :

— « Cơm anh ăn một ngày hết năm gánh gạo,
Rượu anh uống một ngày hết những năm *lu* !
Anh chẳng giàu mà cũng chẳng sang,
Sớm hôm chiều tối

1 — *Lu* : hũ bằng đất nung.

Có chín mươi trâu cày,
Có một trăm bò bừa,
Cơm thừa bỏ ế.
Nên tình, ta sẽ tới cửa,
Nên duyên, ta sẽ tới nhà.
Trời nắng, ta trú bóng râm,
Mưa lâm thâm, ta vào hang đá,
Chín tấm lụa đen sẽ rải làm chiếu,
Chín tấm lụa vàng sẽ đắp làm chăn ».
Hai Mối lại nói thêm rằng :
— « Tiếng rằng anh quen đường đất
Mà chẳng quen đường làng,
Chưa biết tên *mường* em là gì để hỏi ».
Nàng Nga đáp rằng :
— « Đây là Cầm-thủy, Thanh-hoang
Nơi sông Chu bến Động
Là đất ông Tú Gia
Là *mường* bà Tú Ó.
Anh còn qua lại anh sẽ vào chơi ».
Hai Mối nói rằng :
— « Bảy giờ anh phải trở về
Đề thừa lại mẹ cha ».
Rồi chàng để lại
Cái áo đang mặc,
Cái lược, cái khăn.
Nàng Nga cũng thề rằng :
— « Nếu sai hẹn ước
Sẽ chết nơi sông Chu bến Động ».
Và từ ngày đó, nàng Nga trở về,
Cơm chẳng buồn nhá,
Cá chẳng buồn ăn,
Trầu trong khăn cũng chẳng buồn lấy.
Bố mẹ nàng hỏi rằng :
— « Con tôi đi đâu về,
Cơm chẳng buồn nhá,

Cá chẳng buồn ăn,
 Trầu trong khăn cũng chẳng buồn lấy,
 Hay con lo việc bố việc mẹ?
 Nàng Nga đáp rằng:
 — « Con đi chơi ậu (1) Khả làng dưới,
 Ăn cơm uống rượu nên mệt chẳng buồn ăn. »



Một năm đã qua.
 Lúc ấy có ông vua Ai Ước
 tận bên nước Thượng Lào
 Đem trâu dòng bò mộng
 Đến ông *cun* Tú Gia
 Đến bà Tú Ó
 Xin nàng Nga về làm vợ.
 Bố nàng đà tham vàng,
 Mẹ nàng đà tham bạc,
 Chú bác họ hàng đà tham ăn tham uống,
 Đã gả nàng cho ông vua Ai Ước.
 Nàng đi tìm nhờ cậy chim *cù* (2)
 Đưa thư đến anh chàng Hai Mối.
 — « *Cù* ơi! em giúp chị với!
 Em chuyển thư này cho chị kẻ thương.
 Em sẽ đến *mường* chàng Hai Mối
 Đưa thư này giúp chị, hỡi *cù*!
 Tối, *cù* hãy ngủ cây gạo giữa đồng
 Đừng ngủ hang sâu mà sợ rắn;
 Ngủ cũng đừng đậu cành trên
 Mà sợ chim *trèo trèo*;
 Cũng đừng ngủ cành dưới
 Mà sợ con cáo, *cù* à!
Cù hãy ngủ cành giữa vừa râm vừa kín;

1 — Ậu: một chức dịch trong *mường*.

2 — Cù: chim bồ câu.

Hỡi ai có vợ thì thương ! »
 Và nó thả thơ nàng Nga xuống đất.
 Hai Mối ngả lòng bàn tay đón được
 Thì thư đã từ mùa năm ngoái năm xưa ;
 Hẳn lúc này nàng Nga đã về nhà
 òng vua Ai Ước.

Hai Mỗi trở về
Đánh ba hồi trống cái nhà thờ,
Hết làng chờ (1) làng trên đến họp
Chàng nói rằng:
— « Giặc bên Bắc đang muốn tiến vào,
Giặc bên Lào, bên Ngò đang tiến xuống,
Ta phải cất quân đi sông Chu bến Động!
Trên bờ cắm chông,
Dưới sông thả cạm thả bẫy,
Để đón nàng Nga qua đây giữ lại. »

Một buổi nọ
Gặp một *mế* già đi qua, giữ lại.
Quan quân hỏi rằng:

— « *Mế* là ai?
Phải người buồn mắt cho xem một đọi (2),
Phải người buồn muối cho xem một bát! »
Mế đáp rằng:

— « Tôi chẳng phải người buôn muối.
Tôi là mẹ già bà nằng
Con ông cun Tú Gia,
Con bà già Tú Ó,
Đưa nàng Nga đi về nhà chồng bữa nọ
Ở tại nhà ông vua Ai Ước
bên nước Thượng Lào

Bây giờ trở lại.
Hai Mỗi nghe thôi dứt đoạn

1 — Chữ này chưa rõ nghĩa.

2 — Đoi : bát.

Ngã chết sắp không rời.
 Chàng Thị Hoa nói rằng :
 — « Thiếu gì nước đun *viếng* (1),
 Thiếu gì tiếng nói ra,
 Mẽ phải làm sao cho anh tôi sống lại ! »
 Lúc ấy *mẽ* già dậm chân kêu rằng :
 — « Hỡi ai ở dưới đất thì lên,
 Hồn ai ở trên trời thì xuống,
 Hai phương, bốn phương quay lại mà nghe !
 Nàng Thái đi làm dâu cả,
 Nàng Nga còn ở nhà nuôi mẹ ! »
 Lúc ấy chàng Hai Mối mới sống lại
 Thu quân trở về.
 Đến cửa đến nhà,
 Bảo em là chàng Thị Hoa rằng :
 — « Nàng Nga đã đi ăn riêng, ở đậu ;
 Giờ em ở nhà thay anh cho vừa lòng bố mẹ,
 Nuôi cha cho trọn đời,
 Nuôi mẹ cho trọn kiếp,
 Anh nhường cho em
 Bốn mươi làng dưới,
 Chín mươi làng trên,
 Nhường hết từ bờ tre, bụi nứa,
 Em trông cho yên đất yên *mường*
 Để anh đi tìm cho được Hùỵ Nga ».
 Lúc ấy mọi người khuyên chàng rằng :
 — « Dưới *Mường-khương* đất rộng,
 Dưới *Mường-vống* đất dài,
 Còn nhiều nàng tốt nết
 Chẳng phải chỉ nàng Nga là một ! »
 Chàng đáp lại rằng :
 — « *Mường-khương* tôi đã được đến,
Mường-vống tôi đã được qua,
 Chẳng ai nên như nàng Nga em ấy ! »

1 — *Viếng* : nồi nước đáy nồi đồ xôi.

Lúc ấy cha chàng nói rằng :

— « Ai khuyên được con tôi ở nhà,
Thưởng công ba nghìn mụ giữa đồng,
Chín đôi vòng bạc,
Mười hai đôi vòng vàng ».

Lúc đó hết thầy *bản mường*

Từ con gái đến ông già
Đều ra ngăn đường, chắn cửa.

Con trai khuyên, chàng tuốt dao,
Con gái khuyên, chàng tuốt kiếm,
Và chàng quyết tâm ra đi tìm cho được **nàng**
Nga.

Chàng đã đi qua

Bốn mươi đồng ruộng,

Ba mươi đôi gianh ;

Gặp đàn em bé chắn trâu,

Hỏi thăm rằng :

— « Đình *mường* ta ở đâu thờ Vua,

Chùa *mường* ta ở đâu thờ Bụt ?

Nay anh đi xa đường dài

Muốn vào chùa lạy Bụt. »

Các em chắn trâu nói rằng :

— « Bụt ở bên chùa Thái-thức

lại chùa Thái-thông.

Muốn lễ Bụt chùa này

Phải tìm cho được trái quýt làm hoa,

Phải tìm cho ra sáp ong làm nến ! »

Chàng lại ra đi

Hết rừng trúc qua rừng mai,

Tim đến chùa Thái-thức

xin Bụt phù hộ.

Rồi chàng lại đi

Bốn đêm trăng,

Bảy ngày rông,

Chẳng thấy đâu là làng là xóm,

Chỉ thấy ngàn cây bát ngát xanh xanh...

Lúc ấy Bụt mới hiện ra

Chỉ đường lên chùa quán Ai,
 Chàng Hai Mối đã đến được
 đất Thượng Lão,

Tìm đến chợ
 Ông vua Ai Ước,
 Giả làm kẻ bán hàng
 Ngồi ở ngã ba đầu làng.
 Một buổi sáng nọ,
 Thấy *chấu*, *hóa* (1), binh *mường*
 Cầm roi ra dẹp lối;
 Hết thấy người buôn đứng lại một bên,
 Hết thấy người lạ đứng sang một góc,
 Cho nàng Nga ra xem chợ.

Chàng Hai Mối rao rằng :

— « Kim chỉ ở đây mời nàng lại lấy ! »

Nàng Nga đi thẳng chẳng ngó sang,

Đi ngang chẳng ngó lại.

Chàng Hai Mối lại đón chặng thứ hai, rao rằng :

— « Kim chỉ ở đây mời nàng lại lấy ! »

Nàng Nga quay lại nói rằng :

— « Đất tôi hãy còn chỉ bạc,

Mường tôi chưa thiếu chỉ vàng ! »

Lúc ấy chàng Hai Mối vút kim chỉ xuống đất

Ngẩng mặt lên nhìn nàng Nga.

— « Trời ơi ! Khổ hại thân tôi !

Hôm nay gặp bạn giữa *mường* hàng,

Gặp chàng giữa chợ,

Không còn ngờ là giặc chiêm bao !

Anh ơi !

Em phải đi ăn nhờ ở đậu,

Tại vì bố em đã tham bạc,

Mẹ em đã tham vàng,

1 — *Chấu, hóa* : những chức dịch giúp việc trong bộ máy cai trị dân của nhà Lang.

Chú bác họ hàng
Đà tham ăn, tham uống,
Đề em chịu tiếng bất nhân,
Mang thân con người bất nghĩa
Vời công anh, anh ơi!
Em gửi thư cho anh từ mùa năm ngoái,
Em nhắn tin cho anh từ mùa năm xưa,
Em ăn chực ngồi chờ đã đau lưng mỗi gối,
Sao anh chẳng lên?
Sao anh không chặt cây khế giữa đàng,
Sao anh không chặt cây sang giữa lối,
Cho em nên rồ, nên dại
Để nó trở lại cùng anh, anh ơi!
Hôm nay,
Anh mặc sống áo rách
Cho nên em chẳng nhận được ra ».
Hai Mối nói rằng:
— « Bây giờ em về nhà ông vua Ai Ước
Để anh giả chước kẻ khó người nghèo theo sau,
Để anh cầm gươm đao chém nó
Cho em cùng anh
Như cây trở lại liền cành! »
Nàng rằng:
— « Nhà nó chín lần hào, mười hai lần giậu,
Đồn trong điểm ngoài, anh khai đao sao được!
Bây giờ xin anh trở lại
Bên sông Chu bến Động,
Nơi gặp gỡ buổi xưa;
Em sẽ xuống làm cửa làm nhà
Cho trọn vẹn lời thề ước xưa. »
Hai Mối trở lại nhắc rằng:
— « Bến mong dò làm sao
Đò mong bến làm vậy. »

Lại nói nàng Nga trở lại
 Khóc đứng khóc ngồi,
 Ngó ngược nhìn xuôi
 Chẳng thấy ai đâu là bạn.
 Lúc ấy ông vua Ai Ước cất tiếng hỏi rằng :
 — « Em đi chợ đi hàng
 Sao về nhà lại khóc ? »
 Nàng rằng :
 — « Gặp người nhà quê kẻ chợ,
 Được tin bố em đã hết đất về trời,
 Em thương cha nên phải khóc ! »
 Vua Ai Ước khuyên rằng :
 — « Đừng khóc làm chi đề anh sẽ liệu ».
 Rồi đánh ba mươi hồi trống cái nhà thờ
 Cho lệnh quân Lào, quân Ngô kéo đến.
 Lệnh rằng :
 « *Bố cun* Tú Gia, mẹ già Tú Ó
 Nay đã hết đất về trời,
 Giờ phải lo :
 Trăm trâu đen đóng sọ,
 Trăm bò vàng đóng vai,
 Gạo rượu sẵn sàng ;
 Ngày mai xuống viếng ông *mộng* (1) ».
 Và vua Ai Ước định thắng ngựa đều đi.
 Nàng rằng :
 — « Em xuống trước, anh xuống sau,
 Nếu anh đi cùng em
 Sợ gặp bùa mê, bả quái
 Có kẻ nó hại thì sao ? »
 Ai Ước để nàng xuống trước :
 — « *Mấy ngày nữa anh sẽ xuống sau.* »
 Lúc ấy nàng Nga xuôi về sông Chu bến Động ;
 Nửa đường cho thịt chín trâu, mười bò
 Cho đoàn quân Lào, quân Ngô ăn no trở lại.

1 — Ông mộng : bố vợ.

Về đến cửa đến nhà,
 Ông *cun* Tú Gia, bà già Tú Ó
 Hỏi rằng:
 — « Về làm chi mà đem lăm trâu nhiều bò vậy ? »
 Nàng rằng:
 — « Đem xuống làm ma cho chàng Hai Mối,
 cha oi ! »

Lúc này:
 Hai Mối đã về chờ trước nhưng lâu quá
 Tưởng nàng trở lại nên đã tự tử chết.
 Hai Mối thất cồ
 Ở rừng Đò-cốc,
 Ở khe Đò-ma,
 Ngã ba sông Chu bến Động.
 Ngày sau, làm ma, nàng khẩn rằng:
 — « Hỡi hồn anh ở dưới đất thì lên,
 Hỡi hồn anh ở trên trời thì xuống,
 Hỡi hồn anh ở sông Chu bến Động thì vào !
 Sống ta không nên cửa nên nhà
 Đợi em chết xuống làm nhà bên nhau. »
 Khẩn xong,
 Nàng cởi chiếc áo đang mặc,
 Cầm cái gương cái lược đang cài
 Là vật kỷ niệm ngày trước
 Lao đầu xuống sông Chu bến Động
 Để cùng chàng Hai Mối
 Giữ trọn lời thề xưa.

.

Theo tài liệu của Ty Văn hóa Hòa-bình

*Dân tộc THÁI **

TIỀN DẶN NGƯỜI YÊU (XÔNG CHỤ SON SAO)

Tiền dặn người yêu là tác phẩm xuất sắc nhất của nền văn học dân tộc Thái, kết tinh của nguồn dân ca phong phú và trở lại bồi đắp cho dân ca rất nhiều.

Tiền dặn người yêu là tiếng kêu than đau đớn của tình yêu bị giày xéo, chà đạp dưới chế độ xã hội bất công cũ. Kêu than đau đớn mà không hề tuyệt vọng, dẫu hàng. « Không lấy được nhau mùa hạ, ta sẽ lấy nhau mùa đông, Không lấy được nhau thời trẻ, ta sẽ lấy nhau khi góa bụa về già ». Cuối cùng, tình yêu chung thủy và lòng tin tưởng, hy vọng đã thắng, tuy tuổi thanh xuân của đôi bạn tình thì đã một qua không trở lại.

Thơ Tiền dặn người yêu trau chuốt, đậm đà, nhưng lại trong sáng, dễ hiểu, dễ thuộc. Tác phẩm ra đời trong hoàn cảnh lịch sử nào, tác giả là ai, hiện nay còn chưa rõ. Nhưng từ lâu, trong đời sống tình cảm của nhân dân Thái, Tiền dặn người yêu đã giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Có thể nói không một người Thái nào không thuộc lòng đôi đoạn thơ Tiền dặn người yêu.

Toàn bộ tác phẩm dài 1846 câu (theo bản chính thức mới được khảo dị và hiệu đính lại hồi cuối năm 1960 của Phòng Văn nghệ - Sở Văn hóa Khn tự trị Thái Mèo). Đoạn trích dưới đây là đoạn tiền dặn người yêu về nhà người chồng thứ nhất.

* Xem chú thích ở trang 39.

.

Anh đã tỉnh mà tỉnh không đủ,
 Anh đã lo mà lo chẳng tròn,
 Như trèo cây cao lộn cổ
 Dầu tiếc thương đời cũng lỡ,
 Đành nhìn em yêu bước về nhà chồng.
 Nhà em, tiệc rượu đang nồng gian trong,
 Mẹ hiền ngoài, tíu tit gánh *bem* (1) đã đợi;
 Dối nhìn em yêu đến chào cô chủ.
 — « Chào bác trai, bác gái nhà trên,
 Chú cùng thím nhà dưới.
 — Chào chị em dâu rề trong nhà,
 Dầu năm qua tháng qua cũng nhớ lại thăm em
 với nhé!
 — Con chào, cha của con ơi, mẹ yêu dấu hỡi!
 Xin đau đừng đau luôn,
 Xin ốm đừng ốm nặng,
 Nóng lạnh bất kỳ xin gửi lời nhắn gọi con hay.
 — Xin chào vườn gừng nhỏ bên kia bờ suối
 Vườn riêng xinh trước ngõ ta chăm.
 — Chào gái cùng trai đang thời sen ngó (2);
 — Chào bốn mặt đàn mau, sần *khuống* (3) nhỏ,
 Đàn mau như đàn cót,
 Dập diu trai gái cười;

1 — *Bem*: một thứ hòm đàn bằng mây hoặc đang, hình bầu dục. Khi người đàn bà về nhà chồng, trừ rượu là dùng *dậu* hoặc sọt để gánh còn quần áo, chăn đệm, cửa hời môn đều xếp vào trong *bem* hoặc đặt trên nóc *bem* gánh đi.

2 — Nguyên văn: *sao bua, báo bua* (trai sen, gái sen). Sen (*bua*): có hai thứ sen mọc ở đầm và sen mọc ở cạn, màu trắng. Ý nói: trai gái đang tuổi vui tươi, trong trắng, quây quần với nhau.

3 — *Khuống* (*hạn khuống*): sần nửa lộ thiên dựng ở một địa điểm trung tâm của bản, mùa đông - xuân khô ráo, trai gái tụ tập trên *khuống* đốt lửa, quay xa, ca hát, thổi kèn sáo... vừa học hỏi, vui chơi, vừa tìm hiểu lẫn nhau. Phong trào *hạn khuống* xưa kia rất thịnh, từ 1919 trở lại đây thì tiêu điều dần.

Gái đến thời phải đắp chăn chung cùng mẹ (1),
 Gái lớn rồi phải đắp chăn chung cùng chồng.
 Còn đây, lứa tuổi bầy em đang tươi
 Mời chiều qua ngắm vuốt xuống sào.
 Mưa không rơi đừng nỡ bỏ không sào buồn,
 Trời không buồn đừng nỡ bỏ không sào quạnh,
 em ơi!

Hãy khiến mười ngày (2) bạn trai xa đến gầy
 đàn môi (3) vầy *khuống*.

Thóc đồ bồ chẳng mang xuống gặt,
 Gái lên nhà chồng không thể lại về đưa vui!

— Xin chào cột cái đuôi cá thon,

Cột con đuôi nhọn xòe (4),

Lướt chân gianh xén bằng,

Hàng rui theo hàng mè san sát,

Tấm gianh kia phủ trùm kín mái nhà thân.

— Xin chào quán vơi quan ngồi sắp theo hàng
 uống rượu,

Bầu nước trong nhà mẹ mát lạnh.

— Xin chào khung cửi, guồng xa, con thoi, cái
 suốt,

— Chào trâu, chào ngựa, chào bò, mùa Tết vui
 gặm cỏ non xanh.

1 — Thông thường, khi con gái đến thời, có nhiều tâm tư thầm kín, đều được cha mẹ cho đắp «chăn riêng», nghĩa là ngủ riêng một màn, một đệm. Ở đây, câu thơ nói lên một sự trái lẽ thường bằng một giọng như là thuận lẽ cho hợp với câu sau đề hàm một ý chua chát, cay đắng.

2 — *Mười ngày*: ở đây có thể hiểu theo hai nghĩa, hoặc là luôn luôn, hàng ngày, hoặc là thỉnh thoảng, đôi ba ngày một lần.

3 — *Đàn môi*: đàn nhỏ làm bằng một miếng đồng lá dài như chiếc lá tre; ngậm đàn trong miệng, tay gảy cho miếng đồng rung, dùng hơi tạo nên những bồi âm để diễn tả. Đàn môi là đàn của tình yêu. Tục lệ cũ, con trai đến thăm bạn gái đêm khuya, trước hết phải gảy đàn môi đánh tiếng, nếu không sẽ bị nghi ngờ là có dụng tâm xấu.

4 — Cột cái, cột con đều dẽo thon bên trên thành hình đuôi cá, đuôi nhọn.

— Xin chào đàn vịt thương mần đẻ,
 Đàn gà thương chặm gáy ta ơi;
 Mười ngày (1) ta chẳng được nắm gạo trắng xuống
 vãi,
 Vốc gạo vương xuống rơi!
 — Chào nơi nền cối ta nêm chầy,
 Lòng máng (2) nơi hăng đơm giã,
 Nái lợn đen dưới thang,
 Nái lợn lang gặm sắn,
 Mười ngày ta chẳng được xách *dậu* thóc xuống giã,
 Xách *dậu* cám xuống chăn!
 — Xin chào nơi góc chạn đặt cuộn lá chuối,
 Giàn cao (3) nơi đặt chậu gạo ngâm,
 Đầu gác bếp (4) nơi treo cơm dẻo, cơm nguội,
 Ổ tầm dăng tơ (5) một đục,
 Núi lạt tết bướm (6) tơ nhện vương.
 — Xin chào lòng bếp khói cuộn,
 Hòn đầu rau khói vờn,
 Chĩnh, hũ đựng rau, dưa, muối,
 Bạc cửa lớn đi qua,
 Khuôn cửa rộng, đi lại,
 Đầu thang đường bước lên;
 Hỡi nơi gặm sắn thường hay chui cúi,
 Đẳng đẳng tháng năm người sẽ chẳng gặp ta;
 Ta bỏ bạn tình, lìa mẹ, lìa cha,

1— Mười ngày ở câu này có nghĩa là hàng ngày, luôn luôn.

2— *Lòng máng*: máng gỗ dài, đục bằng nguyên một khúc gỗ, dùng để đơm gạo bằng tay. Nay ở một số vùng đồng bào Thái trắng và đồng bào Mường ở Phù-yên (Khu tự trị Thái Mèo) vẫn còn dùng xen với cối giã bằng chân để tuốt lúa, giã cốm, hoặc khua vui ngày Tết, ngày cúng.

3— *Giàn cao*: một thứ giàn hình ống, cao, dùng đặt chậu gạo nếp ngâm lên trên để súc vật khỏi ăn vụng.

4— *Gác bếp*: một thứ giàn tre hình mặt phẳng, treo bên trên bếp lửa để đặt các thứ lạt vạt và sấy khô thức ăn.

5— *Ổ tầm dăng tơ*: ổ hình tròn hoặc bầu dục, nhỏ, tết bằng lạt, để tầm bám vào đấy dăng tơ, làm kén.

6— *Núi lạt tết bướm*: núi lạt buộc khéo, hai đầu lạt gài tách ra như hai cánh bướm.

Yêu em, anh tiễn đưa em đến tận đầu đường,
Đến tận nhà chồng, em với anh hẹn ước nên
duyên.

Nhưng, phép cả có gốc tùng,
Phép thiêng có gốc quế,
Phép lớn mẹ hiền anh thôi giữ trong tim (1).

Anh đi, mẹ hiền ngăn anh hai bận,
Giữ anh ba lần,

Ôm chặt cổ con niu lại:

— « Không đi, không, không đi,
Không đến, không, không đến, con ơi!

Sợ gươm sắc con người sẽ kề dùi,

Gươm bén, con người sẽ chặt cổ,

Bát canh, người sẽ bỏ bùa mê,

Bát cơm, người sẽ trộn thuốc chết.

Không đi, không, không đi,

Không đến, không, không đến! »

Anh yêu mới nói:

— « Không sợ, không, không lo!

Gan óc liền đây, đầu nối cổ (2),

Việc bấy nhiêu con tính đủ rồi.

Gươm con người, gươm mỏng, gươm tồi

Chặt tàu chuối mà quắn,

Phạt bãi phân khô mà mẻ.

Gươm con đây, gươm sắc, gươm thép Kinh (3),

Mũi đến chuôi, một lưỡii sáng lòa! »

Ta chém đũa kia, giành lại vợ.

1 — Ba câu thơ ý nói: tục lệ, phép và luật cản trở, sừng sững uy nghiêm như gốc tùng, gốc quế. Dù vậy, cả đến phép tắc trong gia đình (phép của mẹ hiền) được coi là phép lớn cũng vẫn vì tình yêu mà gác bỏ ra ngoài.

2 — Ý nói: người hãy còn sống, còn đủ mưu trí và lòng dũng cảm.

3 — Thép do người Kinh đúc là thứ thép tốt nổi tiếng ở Tây Bắc ngày xưa.

Không lấy được nàng, ta làm giặc giữa *phủ* (1),
 Không lấy được em, anh làm loạn giữa *mường*.
 Cha mẹ ngăn, dây tình dằng dặc,
 Cha mẹ giữ, đường tình không nghe;
 Chết trong lòng người đẹp,
 Chết trong lòng người yêu,
 Được chết cùng em, không hề tiếc hận.
 Mất bạc nén xem bằng đồng vụn,
 Vải năm trăm (2) coi như chỉ thừa (3);
 Há quên ư, lời thề ước năm xưa!
 Đá tảng giữa trời ta chém bằng
 Rồi sẽ ra sao mặc lòng.
 Dù khăn trắng bay lên ngọn móc,
 Dù khăn đen quấn chặt ngọn gươm (4);
 Chuôi gươm gãy găm sán thành củi,
 Dù đầu, mình, chín khúc phanh phui.
 Nhai miếng cơm xin nghĩ giúp, mẹ ơi!
 Chết giữa ngày, xem bằng sưỡi nắng,

1 — *Phủ*: (nguyên văn cũng viết là *phủ*) tên chỉ một đơn vị hành chính trên huyện và châu. Danh từ *phủ* có thể bắt đầu xuất hiện từ nửa cuối thế kỷ XV, thời Lê quang Thuận (1460—1470) sau việc triều Lê đổi châu Phúc-lễ thành *phủ Yên-tây* và lộ Gia-hưng thành *phủ Gia-hưng*, lệ vào thừa-tuyên Hưng-hóa (phủ Yên-tây gồm khoảng đất từ Mường-mùn thuộc châu Tuần-giáo ngày nay và châu Quỳnh-nhai trở lên. Phủ Gia-hưng gồm những châu Thái vùng dưới, một phần đất thuộc các tỉnh Phú-thọ, Yên-bái, Hòa-bình ngày nay). Từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX, *phủ* vẫn giữ nguyên, chỉ thêm bớt số châu bên dưới. Năm Thiệu Trị thứ nhất (1841) lại đặt thêm *phủ Điện-biến*, cắt các châu Tuần-giáo, Lai-châu lệ vào. Sau năm 1896, giặc Pháp hoàn thành cuộc xâm lược Tây Bắc, *phủ* bị bãi bỏ, các châu Thái trực thuộc hai tỉnh Sơn-la và Lai-châu. Ngày nay, danh từ *phủ* vẫn còn hơ hoẩn thấy dùng với ý nghĩa là một nơi cửa quyền uy nghiêm lộng lẫy.

2 — *Vải năm trăm*: vải dài năm trăm *châu*, mỗi *châu* là bốn sải, dài khoảng 3.000 thước.

3 — Ý nói: dù có bị lệ làng, phép quan phạt và nặng nề bao nhiêu cũng không coi ra gì.

4 — Ý nói: dù có xảy ra huyết chiến, khăn của người này bay lên bụi móc, khăn của người kia cuộn vào ngọn gươm cũng không run sợ.

Chết giữa rừng cỏ lặng, coi như ngủ ngày!
 Không nói dối, mẹ anh không thả,
 Không nói quanh, mẹ hiền không buông.
 Anh yêu mới nói:
 — « Không đi, con không đến,
 Không đến, con không đi,
 Con mẹ nay bụng đói rã rời,
 Hãy nấu cháo con ăn khỏi đói,
 Hãy nấu canh làm thuốc lại người.
 Dù cơm thừa của cô vẫn tốt,
 Cá em bỏ mứa càng ngon,
 Xôi lạnh queo đáy giỏ (1) càng bùi.
 Súng đẹp, súng bền chắc,
 Nỏ đẹp, tên thuốc nhọn, bước lên.
 Con sẽ đi, nhắm ngọn bồ quân, bắn sóc,
 Nhắm ngọn dầu da, bắn chuột,
 Nhắm ngọn tre xanh, bắn *náy* (2),
 Nhắm ngọn sấu, bắn rơi con sóc chuyền cành ».
 Và dối mẹ, anh đi, đưa tiễn bạn tình.

Phút giây, một lát nhanh,
 Lên trần ruộng thang, chồng quảy gánh;
 Quảy gánh qua đồng rộng,
 Người đẹp anh yêu nhắc bước theo chồng.
 Vừa đi vừa ngoảnh lại,
 Vừa đi vừa ngoái trông,
 Chân bước xa lòng càng đau nhớ.
 Em tới rừng ớt, ngắt lá ớt ngồi chờ,
 Tới rừng cà, ngắt lá cà ngồi đợi,
 Tới rừng lá ngón (3), ngóng trông...
 Anh tới nơi, em bẻ lá xanh anh ngồi;
 Được nhủ đôi câu, anh mới đành lòng quay lại,

1 — Giỏ đựng cơm xôi, hình tròn, có nắp đậy và dây treo, đan bằng mây hoặc *mạy* ở (một thứ cây mọc ở ven sông, ven ao).

2 — *Náy*: một giống chuột rừng nhỏ, lông xám, có một sọc vàng giữa mình.

3 — *Lá ngón*: một thứ lá độc, màu xanh bóng, ăn vào chết ngay

Được dặn đôi lời, anh yêu em mới chịu quay đi.
 Không quay đi, sợ chồng em sẽ pha thuốc chết,
 Không quay lại, sợ chồng em sẽ bỏ thuốc mê.
 Trâu ăn cỏ đầm sen,
 Bò vừa gặm, nai vàng (1) đến phá.
 Hun hút trên đường, vẽ trắng trong một đóa
 hồng tươi!

Xin hãy cho anh kẻ vóc mảnh,
 Quấn quanh vai ủ lấy hương người,
 Cho mai sau lửa xác đượm hơi (2),
 Một lát bên em, thay lời tiễn dặn.
 Con nhỏ hãy đưa anh ẩm,
 Bé xinh hãy đưa anh bông,
 Cho anh bế con dòng đừng nguơng,
 Nặng con rồng, con phượng đừng buồn.
 Bé ngoan giống bố không?
 Hay là bé giống chú?
 Giống bên họ mẹ trắng hồng?
 Hay má lúm như người tình cũ?
 Hãy đưa tay cho anh đeo nhẫn,
 Nâng cánh tay cho anh tra vòng;
 Tra vòng này, vòng nén (3), bé ơi!
 Mà nay, tre sậy ngã vàng là rụng,

1 — *Nai vàng* : nai quý. Câu này có thể có ý tự ty, vì mình như bò vừa gặm bị kẻ tình địch như nai vàng đến phá.

2 — Người Thái đen có tục hỏa táng (thieu xác). Muốn xác cháy đượm, cần có hơi, hương của người thân yêu nhất. Người ta đốt cùng với xác chết khăn, vải, áo lót hoặc hai, ba sợi tóc của người thân, coi như thêm dầu cho giàn hỏa. Người ta tin rằng kẻ cô đơn, không người thân thiết, xác thieu không cháy hết, càng quèo, đang dở, vong hồn không siêu thoát. Ý câu này nói : không lấy được nhau thì suốt đời không còn ai thân yêu, đành mượn hơi hương da thịt người yêu ngay từ lúc này để mai sau có chết cũng không đến nỗi thành kẻ cô quạnh ; lửa xác được nhờ hơi hương ngày nay mà sau này cháy đượm, vong hồn được siêu thoát.

3 — *Vòng nén* : vòng nặng một nén. Cũng có thể có ý nói vòng đúc bằng bạc nguyên nén, bằng bạc tinh, không lẫn tạp chất.

Hầm trứng sâu đã nở bướm rồi,
Bướm nở rồi, bướm lượn, bướm bay.
Anh yêu em, lẽ tiên đưa em đến tận nhà chồng,
Nhưng chim chích trên cao lượn vòng
 gọi anh quay lại, anh quay lại,
Chim nhạn dưới thấp bay quanh
 nhủ anh quay đi, anh quay đi.
Chào chốn rừng xanh thường lui tới ;
Nước đập bẻ chim,
Sóng xô bẻ vờ,
Bẻ chim trôi ba tuổi (1) mất rồi.
Đôi ta yêu nhau chưa tròn một ngày,
Chưa đầy một khắc,
Của không mua lẽ đâu được giữ liền tay ;
Chỉ cá liền với nước,
Chỉ lúa liền với ruộng ;
Tiên đưa em, thôi anh quay lại, em ơi !
Em yêu bèn nói :
— « Đừng vội, anh đừng vội !
Sao *Khun Lú* (2) trên trời còn đợi,
Áng mây kia vương vấn còn chờ ;
Đôi ta xa nhau, dằng dặc nỗi niềm tương nhớ.
Mưa sắp rơi ào đồng cỏ,
Đừng bỏ em tro trọi giữa rừng,
Đừng bỏ em giữa dòng sông thác trào dâng !... »
Thác trào dâng, ngang dòng củi vương,
Gặp nhau đây thoát bỗng chia lìa.
Đôi ta yêu nhau đợi tới tháng Năm lau nở,
Đời mùa nước đỏ, cá về (3),

1— *Ba suối* : ba nhánh của một dòng suối. Câu thơ ngụ ý : tình thế đã trở nên tuyệt vọng.

2— Dẫn tích truyện cổ *Chàng Lũ — Nàng Ủa* của dân tộc Xá. Đôi bạn không lấy được nhau, cùng tự tử chết, hai tấm linh hồn bay dính lên bầu trời thành hai ngôi sao, lấp lánh nhìn nhau (xem *Chàng Lũ — Nàng Ủa* ở phần *Truyện cổ dân tộc Xá*).

3 — Mùa nước đỏ: mùa nước lũ.

Đợi chim *lăng ló* (1) hót gọi hè,
Không lấy được nhau mùa hạ, ta sẽ lấy nhau
mùa đông,
Không lấy được nhau thời trẻ, ta sẽ lấy nhau
khi góa bụa về già.

Góa hai lần, góa ba lần,
Góa cò cao thêm mấy ngấn,
Góa vẫn tươi dòn, đỏ đấn,
Góa đẹp hơn hồi con gái trắng ngần,
Góa đầy đà hơn thiếu nữ đang xuân.
Lời tình tự lắng sâu trong dạ,
Yêu em, anh tiên đưa em tới tận nhà.
Đôi ta rõ gót đường dài,
Đạp gót đường xa;
Đi tới rừng lá ráy ủa vàng,
Bước tới gốc tơ hồng (2) đầu *bản*,
Cây *sở* (3) tung bừng nảy lộc khai hoa;
Quấn quýt vợ chồng chim nhận,
Đôi uyên ương ngấp nghé cửa hang;
Hoa *áy* (4) rập rờn trôi ngang sông *Mã* (5);
Còn thương nhau xin sắp gối riêng chờ,

1 - *Tăng ló*: tên gọi (theo tiếng chim kêu) một giống chim xanh và đẹp, tiếng hót cao và buồn.

2 — *Gốc lơ hồng*: tạm dịch chữ *tồn hương cảm*, một thứ cây leo hay mọc ở gần *bản*, thân vàng, óng đỏ rất đẹp.

3 — Sỗ : một loại cây to có quả vị chua và ăn được, thường mọc ở ven đường, ven suối.

4 — Hoa *áy*: một thứ hoa nhẹ như hoa lau, nở và rụng khoảng đầu mùa đông, lúc chiều gió mạnh.

5 — Sông Mã, một trong hai con sông lớn ở Tây Bắc, phát nguyên từ vùng *bản* Sẻ, Mường-lời, châu Điện-biên, Khu Tự trị Thái Mèo, chảy dọc châu Sông Mã, qua một phần đất Thượng Lào rồi qua Hối-xuân, Thanh-bóa ra biển. Câu thơ ý nói: hoa nhẹ nổi trên mặt nước, trôi xuôi nước chảy nhưng lại nổi một trận gió to đưa hoa rập rờn qua sông rộng sóng lớn (Ngụ ý: dầu khó khăn nhưng không phải đã là tuyệt vọng, vẫn có thể xảy ra những chuyện may mắn đặc biệt. Ngụ ý này càng rõ thêm ở hai câu liền tiếp).

Duyên phận mai sau hoặc sẽ có ngày thỏa
nguyện.

Đôi ta yêu nhau, duyên *bản* duyên đừng *úa*,

Tình *mường* tình chờ phai.

Rẽ đi và qua đi,

Cùng sánh vai, vòng đi và thẳng tới,

Núi tiếp núi trập trùng,

Bãi tiếp bãi gập ghềnh,

Tới gốc muôm xanh đỉnh đèo trâu cọ,

Con cọ, con vượn sừng dài quanh quất

Con quăn quanh níu gọi anh về;

Nhưng anh không về! Yêu em, anh đưa em tận
bản,

Thương em, anh tiễn em thẳng tới tận nhà!...

.

MẠC PHI dịch

TIỀN DẶN NGƯỜI YÊU

Nhà xuất bản Văn hóa — 1961

CHÀNG LÚ — NÀNG ỦA

(KHUN LÚ — NÁNG ỦA)

Chàng Lú — Nàng Ủa là một truyện thơ Thái dài ngót 1800 câu được lưu truyền khá rộng trong nhân dân Thái. Tác giả và thời kỳ xuất hiện của tác phẩm hiện còn chưa rõ.

Tác phẩm được xây dựng theo một truyện cổ Xá, cùng tên. Truyện cổ Chàng Lú — Nàng Ủa (1) mang nhiều tính cách truyền thuyết, phản ánh một thời kỳ xa xăm của lịch sử, trong đó, quan hệ hôn nhân và quan hệ giai cấp đang trở thành phức tạp, gay gắt. «Trời», theo quan điểm của truyện, cũng không còn công bằng và liêm khiết nữa, luy vẫn còn *mộc mạc*, đơn sơ và rất gần với người. Chàng Lú — Nàng Ủa, truyện thơ, lược bớt một số chi tiết, sáng tạo thêm hình tượng mới và phát triển sâu vào khía trữ tình của truyện, nhưng

1 — Xem phần *Truyện cổ dân tộc Xá*.

trên căn bản, vẫn giữ khi vị độc đáo của Chàng Lú — Nàng Úa, truyện cô. Hiện nay, truyện thơ Chàng Lú — Nàng Úa và truyện cô Chàng Lú — Nàng Úa vẫn được song song truyền tụng và được nhân dân dùng để bổ sung cho nhau khi ngâm, khi kể.

Thơ Chàng Lú — Nàng Úa bố cục mạch lạc, dễ hiểu, lời văn trôi chảy, vần điệu chặt chẽ, nhiều đoạn trong sáng, cảm động. Đoạn trích dưới đây là đoạn kể từ khi nàng Úa bị mẹ kéo trở về để gả chồng khác và sau khi nàng Úa tự tử, chàng Lú lo ma chay cho nàng và đau đôn, thương khóc nàng.

.

Mẹ vịn tay nàng lòi xuống,
 Lú khăng khăng kéo lại không buông.
 Úa đau hồ chết ngất
 Bèn van xin chàng và mẹ hãy thương:
 — « Mẹ không buông, Lú buông!
 Ngực vai em xoạc rách hết rồi!... »
 Nàng gào kêu rất cô, khàn hơi:
 — « Hỡi người, tay em muốn rụng! »
 Và Lú bàng hoàng thương vợ
 Buông tay giữ Úa;
 Cả hai lẫn lộn khóc trời.
 Khuôn cửa nửa, nàng quờ tay bám mãi không
 thôi.

Trút một đầu nàng, cha (1) chửi,
 Cùng đi, cô mắng nhiếc vang nhà.
 Cật nửa sắc, tay phải xinh thon tuốt mạnh,
 Nàng chết nửa người (2) vật ngã,
 Máu đỏ hồng hồng máu đỏ...
 Chuyện đời mãi mãi truyền xa
 Rằng: « Giọt rơi trước cửa nên hoa mào gà
 thắm đỏ,
 Giọt rơi ra ruộng thành chua me đất cuống
 hồng,

1 — Cha cùng đi và cô của chàng Lú. Lúc này nàng Úa đã trở lại ở cùng chàng Lú.

2 — Chết nửa người: thành ngữ, ý nói: đau đôn gần chết.

Giọt rơi xuống nước thành loài đồ đuôi cá
bống... »

Nàng vừa đi vừa nhớ vừa thương,
Vượt đèo xa, vừa bước vừa buồn;
Nhắc trông muôn vật thấy đều đẹp lú
Mà duyên nàng trời đặt ngửa nghiêng;
Vút lên trời, nàng sẽ hóa vì sao bay biển,
Rồi trở lại nhà vật vã
Thân cô đơn gào khóc thương chàng,
Bởi đâu nẫu ruột đôi ta,
Tình oan trái cứ sao ra thế này?
Chỉ biết một người: chàng Lú,
Ôi, Ừa xinh đau khổ bao nhiêu!
Chết mà xa vắng chồng yêu,
Áo đẹp vắt tay buổi ấy,
Khăn đào choàng cổ che vai.
Nàng cùng hoa ven lối khóc hoài
— « Ở lại sau, chờ tỏa hương thơm, hoa nhé!
Ừa phải lên trời bay biển thành sao.
— Lú ơi, chồng hỡi! Em chào,
Hãy chết cùng em khi tin tới,
Đừng nán lâu mà lạc mất nhau.
Lên đến tận trời gặp *then* (1) ta hỏi,
Then nữ còn cưỡng ý ta sao?
Lú hỡi chàng ơi! Đừng bỏ em lâu, chàng hỡi! »
Đắng cay đợt đợt lệ rơi,
Ừa tới rừng xanh tự tận;
Thân treo từng bách, lên trời,
Xa cách chồng yêu, chết không giáp mặt, thương
ôi!

.

..

1 — *Then*: tên chỉ chung các loại vua chúa trên « cõi trời ». Theo quan niệm xưa, trên vòm trời (vòm Tể-la) có nhiều *then* mỗi *then* coi một việc có quan hệ đến cõi người.

Giờ hãy kể sang chuyện Lú.
 Lú khóc ròng nhớ Úa không người,
 Bỗng nghe qua đen kêu lạ,
 Tiếng liệng bay thẳm thĩ khắp trời.
 Lời xuống vù bay đến Lú :
 — « Úa xinh tươi đã thất cô rồi ! »
 Nàng chết ư ? Chuyện sao chuyện lạ !
 Thương thay nàng giẫy giữa cây treo !
 Úa chết rồi ư ? Lìa nhau mãi mãi ?
 Khoác áo lên người, Lú khóc,
 Khăn đào choàng cổ che vai,
 Theo lối phẳng, vượt rừng cây,
 Một quyết theo nàng, cây treo cành lớn, lên trời,
 Dùng dăng ở đời, chẳng chịu dăng cay nổi nữa.
 Bước tới rừng già, bách lớn từng cao vút ngọn,
 Chàng ghéch tìm nào thấy Úa đâu.
 Ròng ròng nước mắt tuôn nghiêng,
 Dấu chân ai đã vào khiêng xác nàng.
 Thẳng lối ven sông quanh vắng,
 Theo đường cuối thác gập ghềnh,
 Chàng thấy những cụ già tóc trắng
 Đi về tiu tit bên sông.
 Lú buông lời thăm hỏi :
 — « Các mẹ già đáng kính của con ơi !
 Lời đồn có nàng kia vừa chết,
 Mẹ biết chẳng, nàng ấy con ai ? »
 Và các mẹ già đáp lại :
 — « Mẹ biết đâu, đừng hỏi lắm, con ơi ! »
 Lời nghe mà ghen cả lòng,
 Nước mắt ròng ròng như nước lũ dâng ;
 Lú lại lê mình cất bước.
 Bến sông đầu *mường*, chàng tới,
 Nghe âm âm vang dậy suốt thôn
 Chiêng lẫn thanh la, lạ lòng sao ai đánh ?
 Trống vui động *bản* trống buồn.
 Lú nghỉ chân hỏi khách qua đường :
 Thật rằng Úa xinh đã chết.

Vật mình khóc thảm, thương thay !
 Chàng Lú bèn quay trở lại,
 Cùng cha, cặn nhẽ thừa bày
 Bao nỗi niềm đau khổ bấy nay
 Rằng : — « Vợ yêu con, nàng Ủa,
 Bền duyên nhau từ thuở còn thơ.
 Đòi lứa yêu nhau từ tuổi trong địu, trên nôi,
 Đã hẹn thương nhau khi còn trong bụng.
 Nhưng rẽ duyên, ép uồng lứa đôi.
 Cha ơi ! Ủa mới vào rừng thất cô,
 Bỏ thân treo tùng bách, lên trời.
 Con xin trâu làm lễ nhả nàng thay mặt,
 Tiến lên trời để chớ lạc nhau ».

Lú khóc than mọi nỗi buồn đau :
 — « Lay phép cha, xin chớ cứng lòng con trẻ ! »
Khun Păng (1), cha chàng, trách mắng :
 — « Giết mười voi nộp nó cũng bằng thừa,
 Lễ đâu mà còn gặp Ủa ư ? »
 Cha mắng, Lú không nghe,
 Càng quặn tim gan rầu rĩ.
 Lời cha nghe con muốn chết cho rồi !
 Bởi đã thương nhau canh cánh không nguôi,
 Không phải chửi, đời cũng xem như đã hết.
 Lời đau như đá ném lên người,
 Như đá treo núi đá,
 Dặng trên đầu đày đoạ dặng cay ;
 Lời xót lòng như rạch dao xát muối.
 Lú ngọt ngào thừa lại :
 — « Chết về trời cả hai không tiếc hận, cha ơi !
 Đánh chết đi cho hồn được kết đôi ».

Miệng Lú nói toàn việc chết,
 Tay vươn ra cướp lấy một trâu ;
 Cha giận mắng chàng, giật lại,

1 — *Khun Păng* : Păng là tên người ; *Khun* : tiếng Xá, dùng để gọi những người đáng tôn kính, đáng được trọng vọng. *Khun* không phải là một chức, khác với *tạo* của dân tộc Thái.

Nghẹn ngào nước mắt rơi mau ;
 Lủ nắm chặt đuôi trâu kéo tới,
 Nhắm nẻo đường xa bước vội.
 Tiếng khóc gọi nàng đứt ruột,
 Người người nghe đều động lòng thương.
 Dưới gầm sàn, lão bộc can chàng
 Sợ Lủ sẽ lừa trâu đi mất.
 Lủ nặng lời mắng họ :
 — « Bay nói chi mà ngăn cả tai,
 Bởi vợ chết nên phải lo tiên dận về trời ».
 Lủ chọn đoàn trai dũng cảm :
 — « Giọng ai tốt như giọng ve tháng Chín (1)
 Hãy theo anh đến khóc hồn nàng.
 Tiếng buồn thương như tiếng kêu *i liếng* (2),
 Tiếng ngân dài như tiếng *ngoang* (3) hãy đi ;
 Tiếng gầm gừ như hổ xám vờn mồi,
 Tiếng inh tai như sét đánh đừng đi.
 Tiếng ai hay, đẹp như tiếng lòng anh hãy đến ! »
 Lủ chọn đoàn trai sấm sanh lễ vật,
 Có tám chàng giọng tốt đi cùng,
 Băng băng qua ruộng qua đồng,
 Thoắt tới đầu *mường* lối rộng.
 Lủ đi sau
 Dắt đồ lễ vật một trâu ;
 Phía trước đoàn trai bước gấp.
 Lại kể đám lão bà già gạo
 Mong manh nghe tiếng gió đưa về
 Rằng Lủ được trâu dắt tới,
 Cùng đoàn trai tráng đang đi ;
 Họ đến đây mang rượu thịt dâng nàng,

1 — Tháng Chín lịch Thái là khoảng tháng Tư, tháng Năm dương lịch.

2 — *I liếng* : một loại ve rừng, tiếng kêu rất hay, người ta thường ví với người tài hoa có giọng hát tốt.

3 — *Ngoang* : một loại ve rừng tiếng ngân dài, hay kêu vào tiết cuối hạ.

Đến đây cùng hồn Ủa thở than.
Ai nấy ồn ồn tranh nói :
— « Chình nó gây ra cái chết của nàng,
Phải hòa nhau giết Lú không thương.
Đập trúng đầu, nào hãy giờ chầy, phục sẵn ! »
Khi đoàn trai tráng đi qua,
Đám lão bà đồ xô lờ đón.
Đoàn trai đồng loạt thưa :
— « Chàng Lú đi sau chưa đến ! »
Lão bà nghe đắc chí bèn cười
Lăm le nhắc chầy lên đời.
Và kia, Lú đã đến rồi,
Lú đến rồi, vẻ mặt hồng tươi,
Nhác trông đẹp như tiên giáng :
Cổ tròn, da mịn trắng bong,
Răng đều hạt đen nhưng nhức,
Chiếc quạt cầm tay phe phẩy.
Rồi đám lão bà già gạo
Nhìn Lú qua, tim đập thình thình,
Chầy giờ lên, chầy dòn xuống đất,
Chạy nhanh, reo đón Lú xinh.
Tiếng tiếng vang câu hồ hởi,
Người người bối rối tâm can.
— « Trách chi Ủa chết vì chàng ! »
Nói nói, cười cười, rộn rã
Rồi ngã lộn buông chầy chết ngất
Bởi chung lòng quá si mê.
— « Ước gì quả héo khô nhúng nước lại tươi,
Được cùng chàng Lú chung đôi !
Ước biết lột da trẻ lại,
Một chết theo chàng làm vợ,
Ước sánh duyên mãi mãi cùng người ».
Chàng Lú mắng :
— « Nói chi những lời kinh tởm !
Người già đầu rối như bụi gai,
Mình hôi, lưng còng, mặt xám đen như quạ,
Đôi mắt răn y hết cánh dơi,

Mặt gầy mặt hoảnh,
 Héo hon như quả *sím* (1) quắt khô ! »
 Nói rồi, Lú cứ thẳng đường
 Bước tới nhà nàng tất tả,
 Rủ nhau đều giọng khóc thương :
 — « Anh than trước các chú hòa theo anh nhé ! »
 Nghe vang vang một điệu khóc buồn.
 Chàng Lú ời ời cất giọng,
 Hoàn trai, chiêng dón hòa theo ;
 Rền rền, chiêng kêu, trống dậy,
 Tiếng than bốc thẳng tới trời.
 Họ khóc vật mình theo Lú,
 Thương thay ! Chàng kể lẽ trước sau.
 Ngân Liếng (2) vươn tay ôm cổ chàng than thở :
 — « Con yêu ơi, Ủa hỡi !
 Anh con đây, chàng Lú đây rồi !
 Từ *Then* đúc thành người đã nên đòi lửa.
 Mẹ hối trót lằm, trót đại
 Ép buộc con, oan trái đời con ! »
 Và cùng chàng nức nở lệ tuôn.
 Lại tiếp đám lão bà đầu bạc
 Kéo nhau theo để liếc trông chàng.
 Xúm đông, mặt nhìn đối mặt,
 Sân *ang* (3) sụp nhào, nát vụn dầm rui,
 Đám lão bà hết kiếp, về trời...
 Họ chết, thành chim *thua lạng* (4)
 Rầu rĩ đêm ngày rừng cỏ (5) núi xanh vang dậy

1 — *Sím* : một thứ quả rừng dùng pha nước chua, khi héo thì tóp lại chỉ còn cái vỏ.

2 — Ngân Liếng : mẹ nàng Ủa.

3 — Sân *ang* : sân sán.

4 — *Thua lạng* : một loài chim rừng mình nâu, đầu trắng, không hay đậu, bay luôn. Khi kêu thì kêu cả đàn, tiếng to, vang động cả rừng như tiếng loài thú. Dưới xuôi, có nơi gọi là chim liểu diều hoặc lão đảo.

5 — *Rừng cỏ* : rừng cỏ gianh.

Tiếng nao nao như tiếc luyến gọi chàng.
 Trở lại đoàn trai đau đớn khóc nàng:
 — « Bời trời đặt duyên ngang trái,
 Đòi ta ra đời chung mệnh (1),
 Cùng chung bụng mẹ nằm thai.
 Đã hẹn yêu nhau từ ngày trong địu trên nôi,
 Những tưởng trời sẽ giùm ta kết lứa,
 Cha mẹ thương cho con trẻ thành đôi.
 Dè đâu cưỡng gả *khun* Chai (2) nên nỗi!
 Sao không thể thành chồng thành vợ?
 Sao thân em phải phải chết thảm thê?
 Hãy nhớ em ơi, đến trời, em hãy nhớ
 Em lên kia, ở đó chờ anh,
 Chờ lại sánh duyên cùng trai *tạo* mừng trời
 (3) em hỡi!

Ta đã cùng nhau thề thốt, em ơi! »
 Lú dạn nàng chứa chan nước mắt:
 — « Thương anh chẳng, còn nhớ anh chẳng,
 Anh cũng chẳng còn nán lâu xa Ủa! »
 Lú khóc than héo ruột vàng người:
 — « Ủa em ơi, vợ yêu xấu số anh ơi!
 Kể từ ngày đòi ta bé dại
 Đã hẹn cùng nhau chung mệnh, chung đời,
 Nghĩ đến điều này, hỡi ơi, khổ buồn hết nỗi!
 Tưởng đâu như giấc mộng dài
 Được sống bên em khi vừa chết,
 Anh quyết cùng em bay biến lên trời;

1 — *Mệnh* : theo quan niệm mê tín xưa, người ta cho rằng mỗi người sinh ra đời đều do *Then* đúc nên, và có sẵn một sợi dây hoặc một cái móc móc số mệnh treo trên trời. Chung một mệnh thì sẽ lấy được nhau, ăn ở với nhau, hòa hợp đến già.

2 — *Khun* Chai: *Khun*, tiếng gọi tôn kính; Chai, tên người. *Khun* Chai là người tù trưởng đã cưỡng lấy nàng Ủa.

3 — Quan niệm xưa cho rằng bên trên cõi người có cõi trời, cõi trời cũng giống y như cõi người, cũng có *tạo* (quan), cũng có bắt công đe dọa.

Ngậm tủi, nuốt cay, anh không chịu nổi,
Còn sống chi, thiên hạ người cười ! »
Khẩn nằng xong, Lú bèn quay gót
Trở về nhà, mỗi hước một đau.
Nước mắt tuôn trào mưa lũ,
Khi đi, lúc nói, rầu rầu ;
Ngó trời cao điệp trùng thăm thẳm,
Nỗi khổ khôn nguôi, ruột quặn...

.

MẠC PHI dịch

*Dân tộc BA-NA **

ĐĨA ĐON

Đĩa Đon là một trong những truyện hay của dân tộc Ba-na (Tây Nguyên) kể theo lối hò - môn, phổ biến nhất trong vùng An - Khê, Đal - bốt. Truyện này do Hờ-môn, Y Gơ - ri, Phui, Khru, Bin, Sum suu làm và Như Cảnh, Ngọc Anh dịch.

Hờ-môn giống lối hát tuồng miền xuôi: có vần, có điệu. Khi người nào lên giọng hát là tất cả trai gái, già trẻ đều quây quần chung quanh để nghe, có khi nghe lại đến hai, ba đêm không chán.

Nhân dân Ba-na vô cùng khâm phục và yêu mến các nhân vật anh hùng, nổi bật hơn cả là hai anh em Đĩa Đon đã đi đánh lên tù trưởng gian ác Hơ-rit, giữ cho buôn làng được hạnh phúc, yên vui.

Trời nắng gắt gao, chói chang khắp nẻo. Lúc này Hơ-rit đang đi súc sạo đó đây, tìm lá rau bèn sườn núi, lá go (1) vừa xanh mơn vừa vàng ánh, mọc dọc bờ sông Ba (2), nơi đó có những đám gianh mọc menh mông, đứng im như một đũa nhỏ ngủ gà...

Hơ-rit lấy thuốc trong chiếc túi xếp có kết cườm vàng, cầm ống điều nho nhỏ, mạ bạc một nửa, mạ vàng một bên, do tay người Kinh chế ra và cô gái đẹp người Kinh đánh bóng. Hơ-rit hút thuốc xất thật nhỏ như sợi chỉ, khói bay thơm như

* Xem chú thích ở trang 49.

1 — Go : loại rau ăn ngọt.

2 — Một con sông lớn ở Tây Nguyên.

nước cây *toát* (1), ngọt như mật ong *kơ-đơ-rót* (2). Bước hẳn đi bệ vệ ra dáng con quan, ra vẻ oai phong như con tù trưởng đang chiếm giữ đất nước, đang hùng cứ một phương, tưởng không ai địch nổi.

Hơ-rít ghen ghét, dòm ngó đồng bào khắp nước, khắp làng đang sống vui sướng tự do dưới bầu trời, trên mặt đất. « Sao họ không thù ghét nhau, không hề nhìn nhau bằng con mắt gấu? », hẳn muốn mọi người phải theo như bụng hẳn nghĩ, như tay hẳn làm. Ruột hẳn sôi sục, hậm hực như một đêm tối mưa lụt không sao. Hẳn hung hăng muốn tìm một cơ gì để đánh nhau, như con dơi chuột đang ngóng đêm về để kiếm ăn.

Trong khi ấy, chàng Bờ-râu cứ ở miết, ở mãi trong nhà *rông* (3), năm đời bảy kiếp khổ cực lắm, không muốn ló mặt ra ngoài. Suốt ngày, chàng cặm cùi đan chiếc *gui* hoa *kô-rưng* (4), hoa giống như những dấu chân chó xếp chum từng hàng. Bờ-râu đứng dậy, chùm lục lạc đeo dưới chân kêu « leng keng », hòa với tiếng kêu của những chiếc vòng đồng đỏ.

Bờ-râu trèo lên đỉnh nhà *rông*, mái cao vút sát tầng mây trên trời. Chàng lấy dùi trống giáng « ðùng ðùng » ngàn vang; vừa đánh trống Bờ-râu vừa kêu: « Ở ở lũ làng! Lên nhà *rông*, mau mau!.. Teng, teng, teng, teng!.. »

Tiếng hú của chàng mới bay ra khỏi nhà *rông*, gái, trai, già, trẻ lập tức chạy tới, miệng cười riu rít như chim *nhông* (5), liu lo như chim sáo.

Bók (6) Rơ dáng đi cà kheo, vừa tới nhà *rông*, nghe tiếng *ngáy* ò ò như lửa đun trong bếp. *Bók* đến gian giữa nhà *rông* là nơi chỉ dành cho những cụ « rầu mép uốn mấy vòng, rần cầm cuốn mây lợp » (7) ngồi uống rượu. *Bók* lấy ống điều to

1 — Cây *tiết* nhựa thơm như sáp.

2 — *Kơ-đơ-rót*: ong vò-vẽ.

3 — Nhà *rông*: nhà làng.

4 — *Kô-rưng*: hoa cánh nhỏ, như dấu chân chó.

5 — *Nhông*: một loại chim giống như sáo.

6 — Tiếng để gọi người già.

7 — Chỉ người già cả.

Ho-rit đứng trong nhà *róng* thấy binh lính của Bờ-râu đông quá, hấn lấy đao, mang *khiến*, nhảy phóc qua chái nhà nghe « sạt » một tiếng rồi lủi mất. Hấn trốn vào hướng rừng xanh lắm cành nhiều lá; hấn đã trốn khỏi nơi đất của mẹ cha, trốn xuống đất người Kinh, về vùng người Giơ-rai, làm ăn ở đó. Hấn đi vào trong rừng sỏi cần cỗi, hấn theo các thần dịch tễ, thiên lôi hung ác. Nước mắt trào ra từng giọt, hấn tìm mưu chưa ra, bày kế chưa được. Hấn đi lung khắp rừng núi âm u, về xuôi, lên ngược, xuống vùng người Chăm, người Ka-dong(1). Ho-rit đi từ lúc ông trăng sáng đến lúc ông trăng tàn, đi qua sông Kơ-rong, vòng núi sỏi có cành lá *dút* vàng biết nói, biết nguyên rửa, trừng phạt, có đám gianh vàng biết khinh khi, chửi bới. Ho-rit nhìn thấy làng của anh em Địa Đơn, dựng bên bờ sông Ba. Dòng sông chảy như mùa lượn bao bọc lấy làng. Làng của Địa Đơn có tám lớp hàng rào bằng bạc, chín lớp hàng rào bằng sắt, có rập gai xương rồng.

Ho-rit ngừng mắt nhìn nóc nhà *róng* của Địa Đơn cao sát trời, chọc tới ngàn mây. Hấn thấy cô con gái đẹp như nàng tiên Lor-niêm(2), đẹp như hoa suối, đang đi mức nước; chân cô gái đeo vòng sáng chói như chớp, óng ả như ánh bạc của những con cá bơi lượn theo khe.

Tim Ho-rit nổi gai lên(3), hấn tìm cách dụ dỗ, chọc ghẹo cô gái. Hấn suy nghĩ, đứng đứng, ngồi ngồi trên hòn đá trong rừng núi hoang vắng. Ho-rit chợt nghe tiếng chiêng của làng *bók* Dang Buôn, từ mấy lớp núi điệp trùng bay đến. Hấn đứng dậy, lần theo tiếng ngàn của chiêng, lòng hấn vui như chim *bồ-cha*.

Hấn qua đường hẻm, đi theo hướng bắc, đến hàng rào làng *bók* Dang Buôn.

Ho-rit hỏi :

-- Ở lủ làng! Làng ta có kiềng cũ gì không? Nếu kiềng cũ, hãy đem lửa cho ta hút thuốc, đem bầu nước cho ta uống.

1 — Hai dân tộc ở sát vùng dân tộc Ba-na.

2 — Tiên đẹp như Hằng Nga.

3 -- Ý nói: đã say đắm.

Bók Dang Buôn nói nhỏ :

— Im, im lặng! Anh em tôi tớ im đi! Kia, tiếng kêu của khách lạ ở núi nào tới, hay của trai tơ ở đâu về! »

Tất cả đều im hết. Con gà không mổ mồi, con lợn không táp miệng. **Bók Dang Buôn** cầm ống điếu bằng đồng to và dài, dặt ống điếu vào khố, vắn mình, đứng dậy, bước đi cà kheo, **bók** ra ngõ dò thăm và tiếp **Hơ-rit**.

Bók Dang Buôn hỏi :

— Ơ **Hơ-rit**! Mày đi đây đi đó, tao chưa hề gặp mày, kể từ khi ông trăng lặn xuống rồi nhiều lượt, ông sao đã trốn đi mà!

Hơ-rit nói :

— Chà, chà!... Giấu cũng chẳng được, vượt cũng chẳng qua, bây giờ **bók** cho cháu ở lại trong làng đi!

Bók Dang Buôn nói chậm, giọng ngắt từng tiếng như lá rụng :

--- Ai lại thèm, ai lại muốn, đất trời, ma quỷ nào bắt mày ở theo cái làng của lão!

Hơ-rit tiếp lời :

— Không không! ơ **bók** ơi! Cháu muốn ở thật, cả chân tay, con mắt và gan ruột cũng đều thật.

Bók Dang Buôn dẫn **Hơ-rit** lên nhà *rông*, nói chuyện đủ điều. Tiếng **Hơ-rit** như tiếng củ thối lửa (1), hẳn kể từ chuyện cái *ná*, cái *khiên*, cái *đao*, đến cái lá *pun* (2) đi mưa, cái lá *rách* nhỏ xiu ngoài bụi. **Bók** kêu tôi tớ hãy đánh chiêng, đánh trống, thổi tù và lên, đổ rượu cần (3), mổ lợn, cúng trời đất, xin cho **Hơ-rit** được ở trong này. Tôi tớ chuẩn bị xong xuôi, **Hơ-rit** nhấm phép (4) một ngụm rượu, trao lại cho **bók Dang Buôn**. **Bók Dang Buôn** uống xong, đến lượt tôi tớ. Họ lôi kéo, mời mọc nhau, uống hết *ché* này đến *ché* khác; họ choàng vai, nắm tay nhau, nằm ngồi nghiêng ngửa; miệng họ cười nói như chim *nhông* huyết gió, như chim sáo liu lo.

... « Tạch, tạch xê!... Ti lưng, tơ lưng, tơ lưng!... »

Chiêng trống đánh đủ ba đêm ba ngày, **Hơ-rit** được ở lại làng. Hết ông trăng này sang ông trăng khác, **Hơ-rit** luôn bởi

1 — Ý nói: độc ác.

2 — *Pun*: lá tán rộng, có thể dùng tạm để che mưa.

3 — Rượu đổ vào bình, cắm những ống trúc rỗng để hút lên miệng.

4 — Uống mời khách.

muru này, đảo muru nọ để đi đánh làng của Địa Đon tận cuối suối O-pa (1). Hẳn nhớ lại ngày trước, dấu chân của hẳn đã từng dọc ngang in trên bãi cát, đập trên đồi Kông Kò-ring (2). Trời nắng chang chang. Mây vàng cháy từng mảng. Trời sáng nhưng lòng hẳn tối đen như hòn núi rậm. như cây *bơ-lang-cua* (3) gai góc, như bầy ong vò vẽ ồn ào bu vào nhụy hoa hút mật.

Hơ-rít hỏi :

— O *bók* Dang Buôn! *Bók* có đi xúc cá không? Nếu không, *bók* cho tôi được đi chơi một mình, đi dọc con nước O-pa, đi theo đám gianh mọc lút đầu phủ lúa nghe!

Bók Dang Buôn nói :

— Chàn mày đi chơi được, nhưng mắt mày không nên theo hướng đầu sông, phía đám gianh xanh, nơi suối ghềnh có nhiều cá.

Hơ-rít suy đi nghĩ lại : « Lão nói thế có gì đáng sợ ! » Hẳn kiêu căng, đầu hẳn cứng và liều lĩnh như sừng con tê giác, như nanh con lợn lòi. « Hơ-rít này xưa nay chưa từng sợ ai đâu ». Rồi Hơ-rít cầm lấy đao, trên chuôi đao có khắc ngôi sao, hoa thị ; hẳn đi dọc sông, chỗ nước sâu nhất, lá rừng dày đặc che khuất, nơi lá *nhao* (4) và cỏ dại lút đầu. Hẳn ngồi câu nơi suối ấy nhưng không có một con cá nào mắc câu. Hẳn bước đến hòn đá nọ, nhón người lên, ngóng về phía dưới, thấy rạch nước bị người ta dùng đá chặn lại để bắt cá. Biết là cửa Địa Đon, hẳn phá sạch. Dòng nước chảy ào ào như nồi cơm sôi, như sương mù bốc. Tai hẳn đỏ phừng phừng, tóc dựng ngược lên, Hơ-rít núp vào bụi cỏi.

Lúc đó, làng *bók* Rôk (5) đang ngã trâu đẻ cún. *Bók* có ngờ đâu sáng nay *bók* ra đi sẽ có sóng to, gió lớn, nắng gắt, mưa dội, sấm sét nổ ầm ầm, rung chuyển cả trên trời, dưới đất. *Bók* vừa ra khỏi cổng làng, chim *bồ-chao* kêu giạt lại (6).

1— Một suối chảy nhập vào sông Ba ở Tây Nguyên

2— Có thể là một đồi gianh rộng ở huyện Pơ-la-công.

3— *Bơ-lang-cua* : cây có lá dày và rậm.

4— *Nhao* : lá mỏng (cây *nhao* mọc nhiều bên suối ở Công-tum).

5— Cha của Địa Đon.

6— Ý nói : điềm xấu.

Đon nói:

— Thôi thôi, ở cha! Cha không đi được đâu, sợ kẻ lạ rình mò ta, phá hại ta. Chắc ta không được ăn trâu đâu. Ở cha! Cha đi rồi ai sẽ cúng bái cho làng ta?

Bók Rôk nói:

— Tao còn nhớ đêm qua, tao nằm mơ thấy con chim báo điềm xấu chỉ có hai ngón tay, nhưng chim báo điềm tốt lại bằng ba ngón tay mà (1)!

Lập tức, *bók* đứng dậy ra đi một mạch, đi tới sườn núi Kông Kơ-ring cao thoai thoải, chân núi trườn ra đến bãi cát. *Bók* nhìn phía dưới sông. « Po... ơ...! ». Thật là tan tác, các bờ đơm đó cá đều bị ai phá sạch, rã rời từng mảnh. *Bók* kêu lên:

— Ở con chó lười đen nào dám phá đập chặn nước này của tao? Bắt được nó, tao giết, tao vằm chết!

Từ lâu, Hơ-rít núp trong bụi cỏ, nghe tiếng *bók Rôk*, hấn lách ra, hấn đi mơn men, im lặng. Bỗng một tiếng nổ « đùng » dữ dội, hấn hóa phép bay vút lên giữa lưng trời, cất tiếng gọi *bók Rôk*. Giọng hấn nghe reng róc như tiếng chồn:

— Ở lão Rôk! Hãy lên đây mà lượn như con diều, đảo tròn như chim én, múa vòng như bầy sáo cùng ta!

Bók Rôk nói:

— Hãy chờ, chờ đó, có gấp gì!

Bók Rôk liền cầm dao chặt « phấp » một nhát, bẫy gốc tre già ngã « reng róc » làm động rừng, dậy nước. *Bók* lấy chiếc diều nhỏ, một nửa bịt bạc, một nửa mạ vàng, chờ lúc Hơ-rít liệng xuống đất, nhắm lúc sơ hở, *bók* đập mạnh ống diều vào đầu hấn, máu phụt ra như chiếc cầu vòng lửa.

Hơ-rít bay vút lên tầng mây Chò Rò (2) cao nhất. *Bók Rôk* và Hơ-rít đánh nhau trên trời, ba ngày, ba đêm, cầm dao chặt, cầm *khiên* né, xô nhau nhanh như mưa gió, sấm chớp. Cuối cùng *bók Rôk*, không địch nổi hấn liền biến mất, trốn vào trong *gùi phép* của Kơ-rên (3). *Bók Rôk* nói:

— Ở tên nhỏ kia! Mày giỏi cột tao đi, mày giỏi chặt tao đi!

1 — Ý nói: điềm tốt báo nhiều hơn.

2 — Chò Rò: mây nằm cao nhất trên trời.

3 — Kơ-rên: một vị thần chuyên làm điều tốt lành.

Hơ-rit đi tìm *bók Rôk* từ khi ông trăng nở đến lúc ông trăng tàn mà chẳng thấy đâu. Hơ-rit kêu lên :

— O' mẹ ! Lão ta biến mất rồi !

Đào bới ra được muru, hấn liền đánh lừa :

— Thôi ! Thôi, tao tìm không thấy mây rồi. O' lão *Rôk* này ! Mây chạt tao đi, mây cột tao đi !

Bók Rôk nghe hấn nói liền hiện ra, đi tìm khắp đầu sông, ngọn suối, tìm về hướng nam, sang hướng bắc mà vẫn không gặp. Hơ-rit núp sau cái *khiên*, núp mãi cho đến lúc núi mòn sông cạn. Thấy *bók Rôk* tới, hấn nhảy vọt lên, giơ đao chém một nhát, đao lia sáng như ánh chớp chói chang rồi tắt, tiếng thép chạm vào nhau nghe choang choảng.

Hơ-rit hỏi *bók Rôk* :

— Mây sẽ chết đến bao nhiêu năm, đến bấy nhiêu ngày mới được sống lại ?

Bók Rôk nói :

— Tao chết trong bảy năm, năm đời, nhưng lông chân tao sẽ bay đi khắp đất nước người Gio-rai, nẩy nở ở đất Gio-rai, đi khắp đất nước người Kinh, nẩy nở ở đất người Kinh để tìm mây mà trả thù.

Rồi *bók Rôk* hỏi lại :

— Còn bao giờ mây sẽ chết ?

Hơ-rit nói :

— Tao còn đánh đến bảy trăm năm, quá năm trăm đời, càng đánh càng mạnh, không bao giờ chết đâu. Mây không biết Hơ-rit này là con quan, con tù trưởng giàu có sao ?

Rồi Hơ-rit vung đao chém « phập » vào *bók Rôk* một cái. Đầu *Rôk* rơi xuống đất. Đầu *Rôk* bị gió thổi đến gần trụ cột trâu cúng trời của Đĩa Đon. Đon thấy trên đầu cột đâm trâu⁽¹⁾ lúc lắc. Đon gọi Đĩa :

— O' Đĩa ! Hãy lấy lửa ra đây ! Mau ra xem cái trụ kia sao lung lay thế ?

Nhờ ánh lửa đuốc, Đĩa và Đon nhìn thấy được đầu cha. Những người đang múa nhảy ca hát đều ngừng lại. Họ mang đầu *bók Rôk* về nhà, khóc lóc ; họ mổ lợn, đâm trâu để cúng linh hồn cho *bók Rôk*. Dân làng đi đào huyết, giã gạo, sàng lúa. Hai anh em Đĩa Đon ôm lấy đầu cha, kêu khóc thảm thương.

1 — Cột để buộc giết trâu khi cúng lễ.

Những người già trong làng khiêng xác *bók Rók* đi chôn ngoài khu nhà mả.

Dựng mồ cho cha xong, hai anh em Đĩa Đon leo lên nhà *róng*, đánh trống, thổi tù và, kêu gọi tất cả già trẻ, trai gái trong làng sắm sửa nồi đồng, gạo, *ná*, *khiên*, dao để đi trả thù cho *bók Rók*.

Dân làng bầu Đĩa Đon đứng đầu đàn. Hai chàng lấy khố vắt quanh, thắt lưng cho bụng thóp lại, cho ngực nở ra, vuốt nếp khố ba lần, vắt lại đuôi khố rồi thả lỏng thông xuống chân, tiếng lục lạc đồng kêu leng keng hòa với tiếng lục lạc vàng ngân vang lên tận trời xanh; trên đầu hai chàng chít khăn lụa vàng có tua cho gió thổi tung bay, ra dáng đôi thanh niên khỏe mạnh.

Hai anh em Đĩa Đon cầm lấy *khiên*, nắm cán dao có khắc ngôi sao, hoa thị xanh đỏ, vung lên vun vút. Đĩa Đon bay vút lên, rồi nghiêng mình, bay nhẹ nhàng, nhẹ nhàng... như những cánh chim giữa lưng trời. Dân làng đi dưới đất. Khi đến làng Hơ-rít, Đĩa Đon chia quân bao vây khắp chốn, xông vào nhà *róng*, đốt sạch, cướp hết của cải của làng Hơ-rít.

Hơ-rít chống lại không nổi. Tiếng nổ « đùng » một cái, hấn hóa phép bay vút lên trời. Để đuổi kịp theo hấn, Đĩa Đon lấy đầu gối của mình ấn xuống⁽¹⁾, tức thì cả làng Hơ-rít ngập chìm trong nước lũ, biến thành một cái hồ rộng mênh mang.

Hơ-rít kêu lên :

— Cột nó lại ! Trói nó lại ! Ơ Đĩa Đon ! Bay giỏi bay lên đây mà đánh !

Đĩa Đon hét lớn :

— Hãy đợi, đợi, chạy đi đâu mà vội thế ?

Đĩa Đon liền rượt đuổi theo. Hai bên đánh nhau, kéo dài bảy năm, liên miên, không dứt. Hơ-rít lừa cơ định chặt Đĩa nhưng không trúng. Bên Hơ-rít đánh càng lâu càng yếu, càng tan rã. Hai anh em Đĩa Đon thu mình sau những chiếc *khiên*. Hơ-rít đi tìm họ từ lúc trăng mọc đến lúc trăng lặn vẫn không thấy. Hơ-rít bực tức vung tay lên chặt « phấp » một cái trên vành *khiên*. Cây dao bị gãy làm đôi.

1 — Ý nói: để lấy sức bật cho khỏe.

Hơ-rit kêu lên :

— Thôi, thôi, cán dao đã bị gãy rồi ! Bây giờ tao chỉ múa *khiên*, bay giỏi thì chém đi !

Hơ-rit núp sau *khiên* nhưng không kín được tóc, không kín được khăn đỏ. Đĩa Đon thấy vậy nhảy đến, giơ dao chém « phập » một cái mạnh như tiếng sét của *Xung bók* Gơ-lây (1). Đầu Hơ-rit rơi xuống đất, hấn chết ngay.

Anh em Đĩa Đon đứng dậy, dáng hiên ngang, đặc thẳng, thúc quân, thổi tù và « u u u... » để báo tin thắng trận. Dân làng mổ lợn, giết trâu, uống rượu làm lễ « trả nợ máu » (2). Họ tắm rửa sạch sẽ để làm lễ mừng Yang Bơ-ngôn (3) đã phù hộ cho dân làng.

Đĩa Đon đánh chiêng trống vang vang, khui lên bảy ghè rượu qui nhất. Họ uống rượu say sưa, ca hát riu rít rộn ràng như chim ăn hoa buổi sáng.

Kể từ đấy, *buôn* làng của Đĩa Đon được sống vui sướng, tự do làm rẫy, trồng lúa. Họ giữ quê hương êm ấm, hạnh phúc đời đời.

NHU CẢNH, NGỌC ANH
dịch và chú thích

NGHIÊN CỨU VĂN HỌC
số 8, tháng 8-1961

1 — Riu của Thần Sét.

2 — Ở Tây Nguyên có tục : ai ức hiếp làng thì làng đánh lại để trả thù. Đánh thắng đối phương thì làm lễ « trả nợ máu ».

3 — Yang Bơ-ngôn : thần No Ấm.

Dân tộc GIO-RAI*

XING NHÃ**

Trước kia, Gia-rơ Bù kết bạn với Gia-rơ Kô!. Gia-rơ Bù làm ăn chóng giàu có. Chính sự giàu có ấy đã xô hẳn ta chìm đắm trong cuộc sống xấu xa gian ác.

Một hôm, đứng trên rẫy, hẳn nghe tiếng chiêng nhà Gia-rơ Kô! đánh vang vang để làm lễ cầu Trời cho con trai là Xing Nhã chóng lớn khôn. Lòng ghen tức nổi lên, khi Gia-rơ Kô! mời hẳn đến nhà dự lễ thì Gia-rơ Bù tìm mọi cách thoát thác và chỉ cho một mình vợ đi mà thôi. Xong cuộc vui, gia đình Gia-rơ Kô! gửi lúa, thịt, rượu về biếu Gia-rơ Bù. Mụ vợ hẳn cũng là người xốn, đi dọc đường, mụ ăn thịt để lại xương uống hết rượu đổ nước lã vào và lấy cát trộn với thóc mang về cho chồng, vu khống với chồng là gia đình Gia-rơ Kô! ỷ giàu có, ooi khinh Gia-rơ Bù. Gia-rơ Bù, ghen tức với sự giàu có của bạn, một mặt khác, bị vợ xúc xiêm, liền kéo nô lệ đi đánh giết bạn, bắt vợ bạn về làm nô lệ và cướp của, đốt làng của Gia-rơ Kô!.

Xing Nhã nhờ Trời cứu nên thoát chết. Khi lớn lên, Xing Nhã đã được nàng Bơ-ra Tang yêu. Bơ-ra Tang là con gái một tù trưởng giàu mạnh. Nàng chính là người đã chỉ cho Xing Nhã biết kẻ giết cha chàng và bắt mẹ chàng. Xing Nhã liền đi đánh Gia-rơ Bù để trả thù cho cha và giải phóng cho mẹ. Trên đường đi trả thù, Xing Nhã gặp nàng hơ-bia Bơ-lao xinh đẹp và trung thực. Hai người yêu nhau...

Sau khi chiến thắng Gia-rơ Bù, Xing Nhã được dân làng đồng ý cho lấy hơ-bia Bơ-lao vì nàng là người đã hết lòng giúp đỡ cho Xing Nhã trả thù..

Đoạn trích dưới đây tả lúc Xing Nhã được Bơ-ra Tang gọi lại mối thù xưa... Xing Nhã đi trả thù và được gặp hơ-bia Bơ-lao giúp đỡ, Xing Nhã chiến thắng Gia-rơ Bù và lấy hơ-bia Bơ-lao làm vợ. Đây cũng là đoạn kết của truyện.

* Xem chú thích ở trang 236.

** Trường ca Xing Nhã chính là của dân tộc Gio-rai nhưng nó cũng được phổ biến cả ở trong dân tộc Ê-đê. Khi dịch, người dịch có tham khảo bản chính bằng tiếng dân tộc do Y Yung, Y Vung và Ma-khê sưu tầm.

, ,

Trăng tròn đủ ba đêm. Mặt trời lên khỏi núi. Hạt sương trổn nắng, Xing Nhã đến gốc gòn của anh Đam Di, không thấy Bơ-ra Tang, Xing Nhã vào bụi nằm chờ.

BƠ-RA TANG, *vừa đến*. — O con gà con trong *buôn* ra đi! O con gà rừng nhỏ trong hang ra đây! Hoa *é-pang* đã đến rồi!

Nhìn xung quanh không thấy ai cả, Bơ-ra Tang tức đỏ mặt, ném gói cơm, ném cả con gà, vừa đi vừa chửi.

BƠ-RA TANG. — O cái giống trái *pút-kơ* đang nứt, trái *ko* đang chín, cái thằng lừa gạt con gái, làm chết phụ nữ giàu sang!

Cũng không thấy ai trả lời, Bơ-ra Tang liệng *gùi*, vùng vằng quay trở về. Xing Nhã núp trong bụi gianh, chạy ra gọi.

XING NHÃ. — O em Bơ-ra Tang! Anh ở đây. Tại sao em chửi cha chửi mẹ anh, tại sao lại nói chuyện giàu nghèo với anh?

BƠ-RA TANG. — Tại anh làm cho em kêu đến đau cả cổ.

XING NHÃ, *cười*. — Anh thử xem hoa *é-pang*, hoa *é-ring* có héo với nắng không? Cái bụng của em có thật lòng yêu anh không?

Hai người rủ nhau ra bến nước chuyện trò. Xing Nhã ngồi ở bờ sông, Bơ-ra Tang xuống xúc cá. Nàng xúc phía tây trúng cá *roi*, phía đông trúng tôm tép. Dáng điệu của nàng uyển chuyển như bước đi con gái mới lớn lên. Đôi chân, bộ đùi của nàng đẹp hơn măng non. Nàng theo con nước xúc miết, xúc mãi, xúc loay hoay, loanh quanh vẫn cứ trở lại bến nước cũ.

XING NHÃ. — O em Bơ-ra Tang! Khóm chuối mọc từ trước, gốc dừa, bụi mía lớn nhiều đêm ở đây, trước là làng của ai? Bến nước, cây cau, nền nhà dài ở giữa hết như một *buôn* giàu có.

BƠ-RA TANG. — Ai mà biết được?

XING NHÃ. — Em có nghe dân làng kể chuyện không?

XING NHÃ. — Nếu em không nói cho anh biết làng này xưa của ai, thì chiếc *cồng* đồng, xâu cườm, chiếc vòng sẽ trở lại tay em, vì anh và em đã không đi cùng một đường như voi và tê giác.

BƠ-RA TANG.— Anh có bỏ em thì em cũng không biết nói sao.

XING NHÃ.— Nếu em không nói thì anh sẽ đi theo đường cây đa ngã, cây *mơ-ô* gãy.

Không nghe Bơ-ra Tang nói gì, Xing Nhã tức, bỏ đi. Anh không quay nhìn lại. Bụng của Bơ-ra Tang cồn cào như thào nước xoáy, đôi mắt đen láy của nàng sừng sốt, xoay chong chóng, nhìn cây một hóa thành hai. Nàng nghĩ mãi: « Nếu nói cho Xing Nhã biết thì sợ tuổi còn non, không đủ sức trả thù cho cha mẹ, nếu không nói thì nàng sẽ mất người yêu ». Nàng đành cất tiếng gọi lớn:

BƠ-RA TANG.— Ô anh! Trên cái rẫy cao trước mắt anh có tổ ong to lắm, trở lại đây!

Xing Nhã biết có chuyện gì xảy ra, chàng quay trở lại. Hai người đi song song cạnh nhau, rẽ xuống bờ sông.

BƠ-RA TANG, *đưa mắt dò ý người yêu*. — Nơi đây là *buôn* cũ của Gia-rơ Kôt. Cha anh trước đây sáng lo làm rẫy, chiều lo bẫy chim, chỉ biết thương yêu vợ con, Gia-rơ Bú nó thèm ăn trái chua, tham ăn mùi nấm, kéo đến đánh cha anh tại *buôn*, mẹ anh tại nhà, cướp phá của cải, chiếm *ché* nhà anh. Mẹ của anh là *hơ-bia* Đá bị nó bắt làm nô lệ, cha của anh bị nó chặt đầu vớt dưới đồng gianh. Xing Yuê và Bang Ra không phải là mẹ cha đẻ ra anh đâu!

Bơ-ra Tang thấy đôi mắt người yêu đỏ như chớp lửa. Xing Nhã vội vàng chạy đến đồng gianh mục, tìm cái đầu cha, kêu khóc thảm thiết.

XING NHÃ, *khóc*. — Ô cha! Cha mua con voi đực bằng cây lúa trên rẫy, cha đổi *ché tuk*, chiếm nùm, chiếm bằng với con lợn và trâu bò dưới chuồng. Cha không đụng chạm của ai, việc lớn việc nhỏ không hề có, chỉ tại người ta thèm của cải gia đình ta như thèm trái chuối chín, cây mía ngọt.

Xing Nhã chạy về nhà dậm chân khóc.

BANG RA, *hoảng hốt hỏi con*. — Ô con! Có việc gì xảy ra thế?

XING NHÃ. — Con khóc vì nhớ mẹ con bị bắt làm nô lệ, nhớ cha con bị chém mất đầu. Thân con bây giờ giống như một trái chuối, mẹ là dì ruột nuôi con.

BANG RA. — Cha mẹ của con ở đâu nữa ? Ta là mẹ đẻ của con đây !

XING NHÃ. — Không đúng đâu ! Mẹ của con là *hơ-bia* Đả đã bị Gia-rơ Bú bắt làm nô lệ rồi !

Sáng hôm sau, mẹ cha đi làm rẫy. Nồi cơm hòn đã mọc rễ trong bụng Xing Nhã. Chàng lên giàn gác, thấy cái *khiên* của Xing Yuê, cầm tập thử. Chàng quay mạnh quá, chiếc *khiên* không chịu nổi, bắn ra từng mảnh.

Buổi chiều, cha mẹ đi rẫy về, Xing Nhã ngồi hỏi chuyện cha.

XING NHÃ. — Buổi chiều con lên giàn nhà ăn chuối, thấy chiếc *khiên* của ai đã bị một ăn sắp vỡ rồi.

Xing Yuê chưa kịp đáp, Xing Nhã hỏi dò luôn.

XING NHÃ. — O cha ! Cha chính của con có *khiên* không ? Bây giờ *khiên* đó ở đâu ?

XING YUÊ. — Ủa ! Con có cha nào khác đâu ?

XING NHÃ. — Trên giàn nhà có phải cái *khiên* của cha con không ? *Khiên* cha con nhỏ quá nên mới bị thằng Gia-rơ Bú giết !

Đêm hôm ấy, Xing Nhã trằn trọc mãi, ngồi không được, ngủ không được, mà đứng cũng không yên. Ngoài bờ suối, con chim *pu-pút* điểm canh từng hồi dài một. Xing Nhã ra ngoài hè, bước lên lại bước xuống cầu thang. Lòng thương mẹ, nhớ cha đã xui giục Xing Nhã đến nhà Bơ-ra Tang giữa đêm khuya khoắt. Nghe tiếng bước chân làm rung rinh sàn nhà, Bơ-ra Tang thức dậy, chạy ra nhìn mặt, hỏi.

BƠ-RA TANG. — O anh ! Anh muốn hút thuốc, tại sao không tới từ lúc chiều, muốn ăn trầu, tại sao không đi từ lúc sớm ? Nửa đêm rồi, anh tới hỏi em có việc gì ? Nếu anh muốn ăn cơm tẻ trên gác bếp, ăn cơm nếp trong nồi, bày trai gái nhà em đã lo xong từ tối.

XING NHÃ. — Anh đã ăn cơm rồi. Anh muốn em hãy cho anh xin một thoi chỉ dài đem về sửa soạn chiếc *khiên* cho anh.

Bơ-ra Tang vào trong buồng lấy cho Xing Nhã một thoi chỉ trắng. Xing Nhã trở về nhà. Trời vừa sáng. Con chim *pu-pút* đã ngừng kêu. Gặp cha, Xing Nhã hỏi :

XING NHÃ.—Ơ cha ! Cha hãy gọi cho con một trăm người khỏe, một nghìn người mạnh đi tìm cây to làm *khiên* cho con.

Cả đoàn người lũ lượt kéo tới ruộng lầy có chuối mọc, đến thác đang hoa nở, tới bờ sông lớn, gốc cây xoài ngã nghiêng. Họ kéo tới vùng bà Hơ Bút (1) bà Hơ Tang (2) đang dệt vải, nhìn thấy mái nhà mẹ Đung (3), mẹ Đại (4), thấy cây *kơ-pa* cao, cây *kơ-lon* lớn, ngọn nó đụng tới mặt trời. Xing Nhã đo gốc cây vừa tròn một thoi chĩ. Gốc cây *kơ-lon* lớn đến nỗi phải đi vòng một năm mới giáp gốc, năm tháng mới mút cành, lá dài một cánh chim bay.

Xing Nhã cho dân làng đốn miết, đốn mãi, đốn từ mùa này sang mùa khác mà cây không ngã, mà gốc không nghiêng. Xing Nhã gọi cha là Xing Yuê đốn thử. Cây vẫn đứng trơ trơ. Cuối cùng, Xing Nhã mời bạn Tông Á và Tông Uê đốn một bên, Xing Nhã đốn một bên. Những nhát rìu của Xing Nhã tóe lửa, bắn những mảnh cây *kơ-lon* tung bay từ phía, bay tới nhà Gia-rơ Bú trúng trai gái ở bến nước, trúng bà già đi hái củi, trúng nhà Gia-rơ Bú gãy xà ngang, tan xà dọc, bể ché *tuk* (5) trị giá bằng con voi, bể ché *ba* (6) trị giá bằng con bò.

Những mảnh gỗ của Xing Nhã bay đi, làm cho con tè giác không dám ở trong bãi, con voi không dám ở trong rừng, trâu bò chạy lung tung trên bãi cỏ.

Những mảnh gỗ của Xing Nhã bắn lần thứ hai làm đứt cả canh chỉ của nàng *hơ-bia* Bơ-lao đang dệt.

Mấy ngày sau, cây *kơ-lon* mới đổ. Xing Nhã tiếp tục chặt cành. Một tháng, hai tháng, ba tháng, Xing Nhã mới làm xong chiếc *khiên*. Hàng trăm, hàng nghìn dân làng nhắc *khiên* không nổi. Xing Nhã bước tới, một tay nâng *khiên*, một tay giơ lên đầu đội về *buôn*. Về tới nhà, ở một ngày, nghỉ một tháng. Xing Nhã suy tính chuyện đi đòi xương cho cha, đi trả thù cho mẹ.

Buổi sáng, Xing Nhã ngồi nắn lại vành *khiên* của cha. Phía dưới *khiên* đồ đồng, phía trên đồ chì, vành *khiên* nam bạc

1,2,3 và 4 — Những loại thần lao động, theo thần thoại dân tộc Giơ-rai.
5 và 6 — Các loại chum qui đựng rượu.

sáng chói. *Khiến* làm xong, Xing Nhã múa thử. Chiếc *khiến* múa xoay phía dưới chết con cọp, xoay phía trên chết con voi, *khiến* xoay theo đường cái, đất bụi dấy mịt mù, trời nổi giông to gió lớn.

BANG RA, XING YUÊ.— Ta hãy lấy bảy *ché* rượu ngon, bảy con trâu đực trắng, cúng cho *giàng* Trời, *giàng* Đất phù hộ con trai ta khỏe mạnh. Ta hãy lấy con gà cúng Thần Nước, lấy con lợn cúng Y Rit (1), phù hộ cho con trai ta lớn khôn, đừng đi chết bỏ xương ở đất khác.

Cúng xong, mẹ cha Xing Nhã lấy dây nhờ hai bạn Tông Á và Tông Uê trói Xing Nhã lại.

BANG RA. — Mẹ buộc mẹ trói con vì mẹ không cho con đi. Con còn non. Mẹ sợ con bỏ cái đầu ở đất người, bỏ cái xương đất khách. Gỏi cơm canh, mẹ không đem theo được. Con chết trong làng, mẹ làm cho cái hòm bằng gòn, chết trong nhà, mẹ sắm cái hòm bằng vàng. Mẹ không muốn con đi chết ở *buôn* giàu sang.

XING NHÃ. — O' mẹ! Mẹ buộc con bằng dây da bò, trói bằng sợi dây da trâu, đứt dây này con đi, mẹ nhé!

Trói xong, Xing Nhã cựa mình, các sợi dây đều đứt hết.

XING NHÃ. — Dây đứt rồi, con xin đi đây!

BANG RA. — O' *giàng*! O' làng! Bắt trói giùm con tôi! Dân làng chạy đến trói Xing Nhã bằng sợi mây *pông*.

XING NHÃ. — O' mẹ! Đứt dây mây *pông* con đi, mẹ nhé!

Xing Nhã cựa mình, dây cũng đứt. Lần thứ tư, Bang Ra trói Xing Nhã bằng sợi dây sắt cũng đứt nốt. Bang Ra lấy dây xích của Xing Nhã dùng để đánh quay trói chặt lại, Xing Nhã cố vùng vẫy, lát sau hòn của Xing Nhã bị *giàng* Trời bắt Xing Nhã chết.

BANG RA, *khóc*.— O' con trai yêu quý! Mẹ nói con không đứng lại, cha gọi con không chịu ở. Con đốt lửa đuốc chạy đi đêm. Tốt hơn, con chết trong làng, mẹ làm cho cái hòm bằng

1 — Loại thần ở giữa trời và đất.

gòn, con chết trong nhà, mẹ sắm cho cái hòm bằng vàng, chứ chết nơi *buôn* người giàu sang, mẹ sẽ không thui được trâu bò, không đem được rượu cơm. Ở chị *hơ-bia* Đá! Chị để con trai *Giàng* không cho, để con gái *Giàng* không thương, phí công chị cùng bò trâu, mệt sức chị giần bụng (1) hơ lửa, mệt sức chị ngủ gật ban đêm. Ở con cưng của mẹ giấu trong cái rọ, cất trên cái giàn! Con mẹ chết vì tại miệng con dĩ Bơ-ra Tang. Đồ quý! Đồ cộp cấn! Đã giết hại con trai ta. Con tôi chết, nằm trong nhà như nhân bạc rơi trên chiếc chiếu hoa.

Buôn trong, *buôn* ngoài biết tin Xing Nhã chết, từ người Bih Kơ-rong, người Mơ-nông vút răng (2), gái hóa bụi tóc, từng làng, từng làng một, lửa bỏ đến cùng, dắt trâu đến làm lễ an táng, khóc cho Xing Nhã. Nhưng linh hồn của Xing Nhã đã bay đến nhà cụ Ghôn (3). Gia-rơ Kôt ở trên trời, nghe tiếng con nói xin cụ Ghôn được gặp con.

GIA-RƠ KÔT. — Ông! Ông *Giàng*! *Giàng* mở cửa cho tôi ra để tôi được gặp mặt con. Nó đến đây làm gì? Ông cho con tôi về lại để đòi Gia-rơ Bú bả vai, bàn tay, đầu óc của tôi (4).

CỤ GHÔN. — Cháu đừng lo. Xing Nhã được lên đây uống thuốc. Cụ quay sang Xing Nhã. — Ông Xing Nhã! Cháu có muốn uống thuốc không?

XING NHÃ. — Thuốc gì hở *Giàng*?

CỤ GHÔN. — Thuốc *mơ-đơ-rê*, *mơ-đơ-riêng*, thuốc *pơ-riêng* có con chim đậu. Cháu uống xong thuốc này, dứt ba tháng, đủ ba chiều, người cháu sẽ chuyển nóng như điên, không ai dám đem cơm nước.

XING NHÃ, *lo nghĩ*. — Cháu không thích đâu, *Giàng* ạ!

CỤ CHỖN. — Sao vậy? Thuốc này biết lượn, biết ném, thuốc sẽ đưa cháu lên tận trời xanh, tận núi xanh, không ai theo kịp, chẳng ai chém được. Cháu muốn không?

1 — Ở Tây Nguyên, khi đẻ, người đàn bà có tục hay lấy cây giần trên bụng, gọi là để cho chắc ruột.

2 — Tên những tộc người ở nam Tây Nguyên, gần dân tộc Ê-đê. Bih Kơ-rong là người Bih bên sông. Người Mơ-nông có tục vút răng nhọn.

3 — Cụ Ghôn: vị thần cao cấp nhất trên trời.

4 — Ý nói: để trả thù cho người đã bị giết.

XING NHÃ. — Ơ !... Cháu muốn nhiều lắm !

CỤ GHỖN, *Saa khi cho Xing Nhã uống thuốc, bảo.* — Xing Nhã về đi ! Cháu có nghe tiếng vợ cháu là nàng Bơ-ra Tang khóc không ?

Con chim cúc cù bay đến nhà Bơ-ra Tang, nó đậu trên sào phơi chỉ đen, chỉ trắng, phơi khăn dẹt đủ màu. Chim cúc cù báo tin cho Bơ-ra Tang biết là Xing Nhã đã chết rồi. Bơ-ra Tang nghe xong, buồn ủ rũ. Nàng ngồi một mình, tay đỡ cằm, ngồi nhớ thương Xing Nhã. Nàng cời cườm trong cổ, rút đôi hoa trên tai, mặc cái váy tới bắp chân, mặc áo ngắn quá khuỷu tay (1), tóc lú xù bối rối. Nàng bắt con voi đực đóng bánh mây, bắt con voi cái đóng bánh *é-tieng*, khiến con voi nghiêng ngà chở rượu, dắt trâu, đến làm lễ tang cho Xing Nhã. Vừa tới nhà Bang Ra, Bơ-ra Tang thối thuốc ngủ. Cả làng say thiếp hết. Nàng sẽ đến chỗ Xing Nhã nằm, nhẹ nhàng mở bảy lớp chắn, lật ba lớp vải, sờ quả tim Xing Nhã nghe còn nóng.

BƠ-RA TANG, *ru nhẹ nhẹ.* — Ơ anh ! Em tưởng là anh và em sẽ thương nhau đến khi đất sụp, đến lúc đất lở, bảy đời chín kiếp, anh và em cũng ở gần nhau. Chúng ta sẽ ăn cơm một lá, uống nước một bầu, đến khi tóc bạc hoa râm, tóc vẫn cắt cọt cũng không xa nhau. Sao anh sớm bỏ đường ta đi lấy củi, rẫy ta lên đủ vùng, bỏ nơi gái trai thường đánh nẻ, đi xuất cá, đi tìm măng nữa, măng le. Ơ anh ! Chỗ đôi ta ngồi chơi sẽ đầy những cỏ xanh, đã đầy cảnh nửa gầy. Anh ơi ! Hãy dậy đi ! Dậy đòi xương cho cha, trả thù cho mẹ. Nếu anh không về nữa thì hãy đến bắt em đi theo để cho nước *mơ-đơ-ru* (2), nước mắt chúng ta cùng chảy, để cho nhà mồ của đôi ta cùng chịu ướt hạt sương.

Bơ-ra Tang ôm mặt Xing Nhã khóc, xác Xing Nhã dần dần ấm lại. Nàng bàng hoàng sững sốt.

XING NHÃ, *cựa mình, mắt từ từ mở.* — Mẹ ơi ! Con muốn uống nước !

1 — Dấu hiệu là người có tang.

2 — *Mơ-đơ-ru* : nước của xác chết chảy ra.

BƠ-RA TANG, *lật đật lắt nước*. — Nước đây anh. (*thấy Xing Nhã hồi tỉnh, nùng càng khóc mạnh*) Sao anh sớm bỏ đường ta đi lấy củi, tìm măng nữa, măng le! Ở nhà, chỗ đôi ta nằm chơi đã đầy những cỏ xanh, đã đầy cành nữa gãy.

XING NHÃ, *nghe tiếng khóc, hỏi*. — Ai khóc đấy? Em *hơ-bia* Sun phải không?

BƠ-RA TANG. — Một người yêu anh đã có.

XING NHÃ. — Ai khóc đấy? Em Bơ-ra Ting phải không?

BƠ-RA TANG. — Hai người yêu anh đã có.

XING NHÃ. — Ai khóc đấy? Em *hơ-bia* Bơ-lao phải không?

BƠ-RA TANG. — Ba người yêu anh đã có.

XING NHÃ. — Ai khóc đấy? Em Bơ-ra Tang phải không?

BƠ-RA TANG. — Anh có nhiều người yêu quá!

XING NHÃ. — Các chị ấy ở đâu cả rồi?

BƠ-RA TANG. — Họ yêu anh nên ngã tuột cả váy.

XING NHÃ, *cảm động*. — Em thương anh nhiều quá! Em thức giữ anh mấy đêm nay?

BƠ-RA TANG. — Em hãy lấy củi *kơ-tu* đun lửa, củi *ê-ba* nhiều cành, củi *mơ-đông* nhiều gai, cây ké nhiều khói, củi *ê-rang* cháy lửa đồng thau, nấu cơm cho anh ăn.

Ăn cơm chiều xong, Xing Nhã theo Bơ-ra Tang về nhà. Trong nhà, tiếng chiêng, tiếng trống bỏ hết tai người này sang tai người khác. Ra khỏi cổng phía đông, Xing Nhã hét to lên, báo cho dân làng thức dậy. Mẹ Xing Nhã cũng giật mình hoảng hốt.

BANG RA. — Ai ác, ai vui sướng gì mà la to thế? Con trai nhẵn vàng nhẵn bạc của ta đã chết thối lú uá cổ rồi!

Bang Ra chạy đến mở bảy lớp chắn, lật ba lớp vải, không thấy Xing Nhã đâu cả liền chạy ra hè phía đông, ngoảnh mặt sang phía tây. Mặt trời còn đi chào hoa cỏ trên sông A-đung Mé⁽¹⁾ chưa lặn.

1 — Một nhánh của sông Ba.

BANG RA. — O' tôi tớ! Dậy đi! Dậy tìm con ma con quỷ độc ác nào đã đem xác con trai ta đi thui ăn trong rừng sâu. Hãy nhìn kia! Mặt trời còn say rượu trên núi đỏ.

Dàn làng chạy lối nhố như một bầy ong đất, tỏa ra tứ phía. Núi nào, rừng nào, họ cũng chỉ nghe tiếng các con chim rền mỏ kêu. Họ lại chạy về giữa nhà, nhìn trên nóc, thấy một lô gianh trống.

BANG RA, *ra ngoài hè dẫm chân khóc*. — O' Xing Nhã, con yêu quý của mẹ! *Giàng Núi* đã bắt con ta. *Giàng Nước* đã hại con ta. Bầy ma quỷ không thương con yêu trong tay mẹ nữa. Chị *hơ-bia* Đá ơi! Chín phần máu của chị, bảy phần lửa của em đã bị bầy ma quỷ cướp rồi!

Xing Nhã còn ở ngoài *buôn*. Hai bàn chân chàng dẫm xuống đất, đất kêu ục ịch, nghe đều hơn tiếng chày giã gạo của hai mươi cô con gái, khéo hơn bốn vó chân dậm lại của một con nghé tơ đang nhảy.

XING NHÃ. — O' mẹ! Cây gòn của anh Đam Di đã nở hoa đỏ, rặng *rơ-păng* của chàng Đam Dú đã ra hoa trắng, con còn sống đây! Nhưng nếu mẹ không cho con đi thì chẳng khác nào như mùa xuân không cho hoa đẹp nở trên núi, mùa hạ không cho nước suối chảy xuống sông. Mẹ đừng khóc nữa, cho con đi mẹ nhé!

BANG RA. — O' con trai yêu quý của mẹ! Ngày hôm nay đâu phải là ngày đi vãi giống! Nếu còn sống thật, con hãy trở về đây. Mẹ sẽ cúng cho con bằng một con trâu, cha sẽ cúng cho con bằng một con bò để trời phù hộ cho con đánh thắng người ta.

XING NHÃ. — Thôi mẹ ạ! Con về, sợ mẹ trối giữ lại, không cho con đi nữa.

Rồi Xing Nhã đi một mạch về nhà Bơ-ra Tang. Nàng đi trước, Xing Nhã theo sau. Hai người vừa đi, chân ấp chân, bóng ấp bóng. Mắt Xing Nhã nhìn theo búi tóc của Bơ-ra Tang đu đưa như đuôi một con chồn đẹp. Tiếng *khiên* của Xing Nhã kêu rùng rỗng làm cho hàng trăm nô lệ chạy xuống đất.

BƠ-RA TANG. — O' bầy nô lệ! Hãy đi lấy *ché* rượu nào ngon nhất cúng cho chồng ta đi đánh được giặc.

NÔ LỆ. — Lấy *ché* rượu nào hờ bà?

BƠ-RA TANG. — Lấy *ché tuk* mà mười lần ta thêm com, hai lần ta thay lá, lấy cái *ché* đen có bảy tai, miệng rộng bằng một cánh tay, *ché* rượu năm năm năm trên nhà, mười tháng chôn dưới đất, *ché* to tám người khiêng, năm người bê dưới đít, uống ngày đêm không nhạt, uống năm tháng rượu không chua.

Bầy nô lệ chân nối chân, khiêng *ché* rượu đến, ràn chặt để giữa nhà. Bơ-ra Tang mời Xing Nhã cầm cần. Dưới sàn trải hai chiếc chiếu trắng và hai chiếc chiếu đỏ.

BƠ-RA TANG. — Bầy nô lệ! Hãy lên rừng phía đông, lưng rừng phía tây, tìm cho ta một con trâu thật to đi!

NÔ LỆ. — Rừng cao nghi ngút, núi rậm rì rì, trâu ta ăn khắp đồi, khắp suối, giờ biết chọn con nào hờ bà?

BƠ-RA TANG. — Hãy đi lừa con trâu đực sừng dài bằng một sải tay, đi bắt con trâu cái nào có cái lưng bằng để bát nước lã không đổ.

Ăn uống xong, vai vác *khiên*, tay cầm đao, Xing Nhã đi về phía mặt trời lặn.

BƠ-RA TANG, *chạy theo dặn*. — O' anh! Anh vào rừng cọp núi rần, anh xuống ao cá sấu đỏ môi, nhớ coi phía trước, đằng sau. Nhà Gia-rơ Bú có thuốc nổ xương, có thuốc nứt da, có cây *mung* (1) biết đánh, sợi dây mây biết trói người. Anh ơi! Anh đã đứng cao gần bằng cổ cha, so bằng vai mẹ. Mẹ không nhớ cái mặt con trai nữa đâu. Anh hãy đem cái váy này, ngày xưa chính tay mẹ dệt đó, đừng thêu hoa, mũi kim này là của mẹ.

Xing Nhã gật đầu chào Bơ-ra Tang và đi mãi. Anh đi qua không biết bao nhiêu rừng sâu, vượt không nhớ bấy nhiêu suối sâu. Anh đi mãi. Ngày đi, đêm ngủ lại. Anh tới gốc cây đa năm, gốc cây *kơ-nia* đứng, là nơi của Y Ku, Y Ly (2)

1 — *Mung*: cây gậy, gỗ tốt, dùng để đánh nhau.

2 — Tên hai nhân vật sống gần các thần.

thường săn bắn. Giữa đường, Xing Nhã bỗng gặp hai con thú dữ ăn thịt người, đầu to bằng bồ lúa, con mắt giữa trán, mắt tròn như trái *hơ-dung* (1).

XING NHÃ, *hỏi*. — Ai đây ? Nếu chính là con của *Giàng Nước Giàng Núi* thì tránh cho tôi đi, nếu là người thì lại đây ; còn nếu là vật ăn thịt người thì bay hãy chạy trốn ngay lên rừng sâu, núi cao, trong rừng nào mà thần chưa đến, thánh chưa thăm.

ÁC THÚ, *giọng ồ ồ*. — Chúng tao muốn hỏi ăn thử tim của mày to hay nhỏ, muốn uống thử máu của mày lạnh hay nóng.

Nghe tiếng động, mũi hơi thối bốc gần, Xing Nhã vùng dậy, chạy đến, một tay nắm tay phải của một con thú, tay trái nắm cổ một con thú khác, bóp ọc ọc.

XING NHÃ. — Tại sao các anh muốn ăn tim của ta ? Nói mau đi, không thì ta sẽ chà đạp như con sên, con vắt đây !

ÁC THÚ, *thấy sức mạnh của Xing Nhã, chúng run sợ van xin*. — Xin ông đừng giết, chúng tôi sẽ chỉ đường cho ông đến nhà Gia-rơ Bú.

XING NHÃ, *hét lớn*. — Được. Mau lên !

ÁC THÚ. — Ông đi đường bên phải sẽ gặp bầy ma quỷ. Mặt chúng đỏ như lửa rừng, răng to bằng mu con rùa núi ; gặp người lạ nó hỏi ăn gan. Đi đường bên trái, ông sẽ gặp nàng *hơ-bia* Bơ-lao giữ rẫy cho Gia-rơ Bú.

Lũ yêu tinh đã chỉ xong đường, Xing Nhã giờ grom chém thử, đầu chúng nó rơi lộp bộp như sung rụng. Chàng lại tiếp tục đi về hướng tây. Trước mắt là cái chòi cao của *hơ-bia* Bơ-lao ở giữ lúa.

XING NHÃ. — Ở cái rẫy ai to quá, lúa chín vàng rực, ngô vàng nửa trái, bụi nghệ xanh xanh, luống thuốc *kơ-soa* màu tím tím, nhưng tại sao ông không thềm đậu, chim không thềm hót thế này ?

1 — *Hơ-dung*: một loại quả tròn màu đỏ bầm, mũi thối.

HƠ-BIA BƠ-LAO, *cất tiếng đuổi chim*. — O chim *nghiếc* bay cao, o chim *kơ-trao* bay thẳng, o chim *kơ-tía* lượn vòng! Chim đừng ăn lúa, do công mẹ ta trồng buổi sáng, do công cha ta tía buổi chiều. Bơ hơ!... bơ hơ!... o... o...

Nàng *hơ-bia* Bơ-lao giật dây buộc mỏ vang « tặc tặc ». Bầy chim *phí* cánh nâu, cổ đỏ, bay rất, lượn trên đầu nàng, ca hát riu rít. Xing Nhã mạnh dạn bước đến gần. Trên chòi, một cô gái trẻ, cổ đeo cườm, tay tròn trĩnh, đang ngồi kéo sợi. Ngực nàng cúi xuống, làm cho cái lưng của nàng uốn cong dịu dàng như một lá mía.

XING NHÃ, *cất tiếng hỏi*. — O bà giữ chim! Có nước không cho tôi uống với!

HƠ-BIA BƠ-LAO. — Chào anh! Nếu anh muốn hút thuốc thì leo lên chòi, muốn uống nước thì bước lên cầu thang, việc gì mà phải xin ở dưới đất.

XING NHÃ. — Tôi muốn uống thử nước ở suối này có được không?

HƠ-BIA BƠ-LAO. — Sao lại không được! Nhưng nước suối này nồng mùi lá cây mục, thối mùi rơm khô. Xin mời anh lên chơi.

XING NHÃ, *nhìn hơ-bia Bơ-lao, lòng rạo rức yêu thương*. — Từ khi mẹ tôi cho tôi chơi con quay, cho tôi chơi lượn con diều, tôi muốn đi tìm uống nước suối có mùi lá cây, có mùi rơm lúa khô nhưng bây giờ mới được uống.

HƠ-BIA BƠ-LAO, *biết ý, nói bóng gió*. — O, con chuột đở qua đường, đàn dê non lại thích uống nước suối làng ta!

XING NHÃ, *hiều ý nhưng cố lảng*. — Chị ở buôn nào đó?

HƠ-BIA BƠ-LAO. — Buôn Gia-rơ Bú.

XING NHÃ. — Tên chị là gì?

HƠ-BIA BƠ-LAO. — *Hơ-bia* Bơ-lao.

XING NHÃ, *nhìn ra xa*. — Chà, rầy của ai mà dài như tiếng khèn vang năm đồi, chín núi, đứng xa còn nghe được?

HƠ-BIA BƠ-LAO. — Rầy của nhà bảy anh em Gia-rơ Bú đó.

XING NHÃ, *cố nén tức giận, hỏi*. — Chà, sao người ta giàu vậy?

HƠ-BIA BƠ-LAO.— Thằng Giêng, tháng Bảy, tháng Mười, bàn tay của tôi tờ và nô lệ nhà Gia-rơ Bú làm nên, sao không giàu được !

XING NHÃ, *chặc lưỡi*. — Tiếng ai đuổi chim đằng xa thế ?

HƠ-BIA BƠ-LAO.— Của *hơ-bia* Đá.

XING NHÃ.— Người đó như thế nào ? Bạn gái hay nô lệ của Gia-rơ Bú.

HƠ-BIA BƠ-LAO.— Nô lệ thôi.

XING NHÃ.— Tại sao họ phải làm nô lệ ? Tội nghiệp !

Hơ-bia Bơ-lao không biết người đang ngồi nói chuyện chính là chàng Xing Nhã. Nàng ngồi kể cho Xing Nhã nghe câu chuyện của gia đình chàng. Giọng kể của *hơ-bia* Bơ-lao nghe êm hơn tiếng kêu rè rè của xa kéo chỉ.

XING NHÃ.— Còn thế nào nữa ! *Hơ-bia* Đá có bị *hơ-bia* Guê đánh không ?

HƠ-BIA BƠ-LAO.— Có, khổ nhiều lắm !

Thấy thái độ bối rối của Xing Nhã, *hơ-bia* Bơ-lao sinh nghi, nàng hỏi :

HƠ-BIA BƠ-LAO.— Anh là con trai tuổi nào đó ?

XING NHÃ.— Chị hỏi làm gì ? Tôi là bạn thân của chàng Xing Nhã, đến thăm mẹ chàng ta.

Biết Xing Nhã đi đường dài, bụng đói, nàng vội chạy đi thổi com. Quả tóc búi đen lánh của nàng đẹp hơn trứng chim *kơ-đơn* rơi trên cái lưng cong lá mía, cái ngực cong nổi lõ trên cái bụng thon kiến vàng. Nàng đi đều, nhún nhảy mà thông thả... Cỗ nàng sừng mướt, đẹp hơn chiếc khâu đồng của cán dao... Tay trái nàng cầm củi *kơ-tu*, củi *é-rang* (1); tay phải nàng xách chiếc nồi lõ, chỉ vừa hai người ăn. Nồi com của *hơ-bia* nấu, sôi như thác chảy, bốc hơi ngùn ngụt như sương mù tháng Bảy.

Nàng xoay đi ba lần, xoay lại ba lần, com đã nằm trong đĩa hoa, com ngồi trong bát. Com trắng như hoa *é-pang*, com cười, com mời khách trẻ.

1 — *Kơ-tu*, *é-rang*: hai loại củi tốt. nhạy lửa.

HƠ-BIA BƠ-LAO.-- Mời anh xơi tạm cơm nhà tôi, gạo mục hòi, nước suối đục, thịt con gà điều tha.

Xing Nhã thấy *hơ-bia* Bơ-lao có lòng giúp đỡ mẹ mình nhiều, con người lại tốt từ bên ngoài vào tận bụng. Chàng nhờ nàng đi gọi mẹ. Xing Nhã đã gọi *hơ-bia* Bơ-lao bằng em.

HƠ-BIA BƠ-LAO.— O *dúk* (1)! *dúk* đến chòi tôi chơi, có khách lạ cần gặp! Mau mau lên! Ôi! Một con chim *gơ-lung* (2) đẹp lắm!

HƠ-BIA ĐÁ.— Tôi làm biếng quá, không có cái áo, cái váy mặc. Làm sao đi với cái áo mặc cụt tay, cái váy ngắn nửa bắp đùi, một trăm lớp giẻ vá, ba người đâm không thủng, bảy người xâu không vào!

HƠ-BIA BƠ-LAO.— Đến chơi sẽ có váy đẹp cho *dúk* mặc.

Hơ-bia Đá thuận ý, theo chân nàng, leo lên rẫy. Xing Nhã thấy mẹ ốm yếu gầy còm, chàng muốn khóc.

HƠ-BIA ĐÁ.— Chào anh em! Anh em đến có việc gì?

XING NHÃ.— Tôi là bạn của Xing Nhã. Ông ấy bảo tôi đến đây thăm bà.

HƠ-BIA ĐÁ, *nghe nói con mình đã khôn lớn, mừng quá, khóc.* — Con ơi! Lúc con còn nhỏ, mẹ công bằng chăn nuôi, cha nuôi con bằng rau rừng, nước suối. Mẹ trông cho con mau lớn để giúp cho cha một bó gianh, để chẻ cho mẹ một sợi lát. Nay cha con bị người ta giết tận làng, mẹ con bị người gian ác bắt tận cổng, họ lừa đi để giữ lợn, giữ chim cho kẻ giàu sang!

XING NHÃ, *nghe tiếng mẹ khóc, không chịu được, đứng dậy.* — Mẹ ơi! Con là Xing Nhã đây!

HƠ-BIA ĐÁ, *sửng sốt.* — *Giàng!* Không đúng đâu!... Con trai nhân vàng nhân bạc của ta đã bị bầy ma quỷ cướp rồi!

XING NHÃ.— Không đúng đâu! Cái váy do chính tay mẹ dệt ở làng, đường kim mũi chỉ của mẹ thêu tại rẫy, con cầm tôi đây.

1 — *Dúk*: tiếng thân mật dùng gọi người già cả.

2 — *Gơ-lung*: loại chim khỏe, hót hay.

HƠ-BIA ĐÁ, *giật vội lấy, quỵ gối xuống, khóc nức nở.*— Giàng ơi! Đúng con trai của mẹ rồi! Cứu mẹ về với, con ơi!

XING NHÃ.— Chưa được đâu, mẹ! Con còn trẻ, con muốn đến xem làng Gia-rơ Bú giàu có như thế nào đã.

Nói xong, Xing Nhã rút lưỡi gươm sáng óng ánh như chớp tháng Bảy, chàng chặt nhanh một bó gậy, đập nát cả đôi lúa mới chín nửa bông của nhà Gia-rơ Bú.

HƠ-BIA BƠ-LAO, *nhìn Xing Nhã, cười, đôi mắt của nàng vui như có một đôi chim cúc cù đang hát. Nghĩ gần xa, nàng hỏi.*— Oi chim! Chúng bay gọi ai đó?

XING-NHÃ, *hiển ý.* — Ở em *hơ-bia* Bơ-lao! Làng này đã có chuột trắng lên *pơ-ra* (1), có con tê giác vào gặm chưa?

HƠ-BIA BƠ-LAO.— Có ai đâu? Thân em đen như gốc cây nương bị cháy xém, đốt lửa không cháy, thả dưới nước không trôi, nằm giữa đường không ai thèm bước. Tay em vụng, không biết thêu đàn bướm lượn trên hoa, thêu hình sao mây trên trời.

Hai người ngồi ăn trầu, hút thuốc, mặt nhìn mặt, tay bắt tay, chân trái của chàng kề bên vế trắng như bông của *hơ-bia* Bơ-lao.

XING NHÃ.— Có một người con trai gãy chân, què tay, đui một mắt ngồi bên em.

HƠ-BIA BƠ-LAO.— Ở anh! Anh có vợ rồi phải không? Bơ-ra Tang là vợ của anh.

XING NHÃ.— Anh xa mẹ từ hồi nhỏ, mất cha từ lúc chưa biết chạy diều, con nhà nghèo đói, ai thèm lấy.

HƠ-BIA BƠ-LAO.— Nàng Bơ-ra Tang không dẫn đường anh đi sao?

XING NHÃ.— Dẫn làm chi? Đã có *hơ-bia* Bơ-lao trồng cây ngô, cây lúa, gốc chuối ở đây rồi!

Xing Nhã nghỉ một ngày, ngủ một đêm, thăm một sáng, nơi chòi của nàng *hơ-bia* Bơ-lao.

1 — *Pơ-ra*: glan.

HO-BIA BO-LAO. — Ở anh Xing Nhã! Chúng ta như chiêng nùm đã treo, như ngọn đèn chai đã cháy rồi.

Tối hôm đó, *hơ-bia* Bo-lao ngồi bên người yêu. Nàng hát miết. Giọng hát của nàng ngọt như rây ngô đang ngâm sữa, như rây lúa đang trở đồng đồng. Nàng hát từ đầu hôm, đến khi trời đã tan mây vẫn còn hát. Ngày hôm sau nữa, cả ba người cùng xuống rây, về làng Gia-rơ Bú. *Hơ-bia* Đá đi trước, *hơ-bia* Bo-lao đi giữa, Xing Nhã đi sau. Đến cổng, Xing Nhã dựng *khiên* và đao ở ngoài. *Khiên* nặng quá làm nghiêng cây cột rờng ở đầu làng phía tây của bảy anh em Gia-rơ Bú. *Hơ-bia* Đá vừa bước lên cầu thang, Xing Nhã giựt dây *gùi*, thốc đồ tuôn xuống sàn, xối rào rào như mưa tạt. *Hơ-bia* Guê thấy vậy, chạy tới, mặt giận dữ.

HO-BIA GUÊ. — Đồ làm biếng, quỉ tha, cộp bắt, làm đồ lúa của bà !

Hơ-bia Guê đánh *hơ-bia* Đá trên đầu, dưới chân, đánh trên lưng và lột chiếc váy mà Xing Nhã đem cho mẹ mặc.

XING-NHÃ, *đứng lại*. — Đánh đi bà ! Đánh cho mạnh nữa đi ! Thật là đồ nô lệ, quỉ tha, quạ cắp thôi ! Cứ đánh đi ! Đánh cho điều hâu trên trời tha hồ bay lượn, cho con sấu đỏ môi ở dưới nước vẫy đuôi, cứ đánh mạnh nữa đi ! *Giàng* Pô, *Giàng* Eo (1) sẽ bắt mất linh hồn đứa nào dừng tay lại.

Pơ-ron Mừng, em thứ bảy của Gia-rơ Bú — ngồi đan *gùi* bên cửa sổ, biết chàng trai kia là con trai của Gia-rơ Kôt ngày xưa bị con voi của mình đâm chết — vội vã gọi *hơ-bia* Guê.

PO-RON MỪNG. — Ở chị *hơ-bia* Guê ! Đừng đánh *hơ-bia* Đá nhiều quá. Năm ngoái khác, năm nay khác. Con chim cuc cu đã đậu trên nóc nhà *róng* (1) kia kia ! Ý *Giàng* muốn thay đổi. Người ta sắp có chuyện lời thôi.

XING NHÃ. — Tại sao bạn lại chặt bỏ cái *gùi* đã đan gần xong ?

PO-RON MỪNG. — Bỏ gì đâu, vì tôi đan không đúng kiểu hoa.

XING NHÃ. — Nếu bạn đan sai hoa ta dùng làm *gùi* cống nước, đan sai lạt ta làm ổ cho gà đẻ không nên sao ?

1 — Tên các thần Đất và Nước.

2 — *Róng* : nhà làng.

PO-RON MUNG. — Ở Xing Nhã! Mời bạn lên ngồi trên chiếc chiếu đã. Chúng ta sẽ nói chuyện sau.

XING NHÃ. — Tôi ngồi ở xó nhà dưới này cũng được. Chúng ta đã quen biết nhau từ lâu, có phải là khách đâu?

Po-ron Mung nghĩ không nên để Xing Nhã ngồi ở góc sàn, chạy đi gọi Gia-ơ Bú ra tiếp.

PO-RON MUNG. — Ở anh Gia-ơ Bú! Anh ra ngoài nhà tiếp khách, có con trai của Gia-ơ Kôt tới chơi.

GIA-Ơ BÚ. — Nó đến đây làm gì? Đồ ma quỷ, thân hình nhỏ bằng con chim *linh* (1) chưa cứng cánh.

Gia-ơ Bú rút sợi dây *mơ-nấp* (2) ném cây *mưng* biết đánh người định giết Xing Nhã, nhưng cây *mưng* và dây *mơ-nấp* (2) chỉ biết đánh lại chủ nó thôi.

GIA-Ơ BÚ. — Các em ơi! Ma quỷ sai khiến, cây *mưng* lại đánh gãy chân của ta rồi!

SÁU EM CỦA GIA-Ơ BÚ. — Anh gọi chúng tôi làm gì đó?

GIA-Ơ BÚ, *quay sang Xing Nhã*. — Mày còn nhỏ đến đây để trả thêm cái xương cho cha mày phải không?

XING NHÃ. — Không, tôi đến chơi thôi.

PO-RON MUNG. — Ở bạn Xing Nhã! Bạn đừng bắt lời người già cả.

XING NHÃ. — Không, tôi không bắt lời họ đâu.

GIA-Ơ BÚ, *nhỏ nước miếng, quay đi tìm vợ*. — Ở *hơ-bia* Guê! Em đi nấu cơm cho con ma, con quỷ này ăn, lấy thuốc nổ xương trong cái giỏ, lấy thuốc rách da trong cái *gùi*, trộn vào cơm đãi khách quý.

Hơ-bia Guê xới cơm xong, tay phải cầm đĩa cơm, tay trái cầm bát canh. Cọ Ghôn hiện về, hất bát cơm bát canh rơi vỡ hết. Po-ron Mung xấu hổ, tức đỏ cả mặt. Chàng bước xuống cầu thang, đi gọi *hơ-bia* Bơ-lao về nấu cơm cho Xing Nhã ăn. Nghe tiếng chân trên rẫy, nàng *hơ-bia* Bơ-lao mới tỉnh lại.

1— *Linh*: chim nhỏ như chim sâu.

2— *Mơ-nấp*: thứ dây biết trói người, theo truyện thần thoại.

HƠ-BIA BƠ-LAO. — Có việc gì anh phải đến chơi với em lúc muôn chim đã về tổ nghỉ trưa rồi?

PO-RON MỪNG. — Em *hơ-bia* ôi! Chim cú cu đã kêu trên mái nhà làng. Anh đến tìm em về nấu cơm cho Xing Nhã, khách của làng khác tới thăm chơi.

HƠ-BIA BƠ-LAO. — Em không muốn đâu, anh giận em. Nếu đi thì em sẽ cùng ăn cơm, cùng uống rượu với khách lạ, em sẽ trả *công* lại cho anh nay mai.

PO-RON MỪNG. — Anh không giận em đâu. Làm sao cho đôi ta còn sống được bên nhau như chim với núi thấp, như gió với rừng già!

Hơ-bia Bơ-lao mang gạo và gà ấp đi trước, Po-ron Mừng vác *ché* rượu theo sau. *Hơ-bia* Bơ-lao bước vào ngưỡng cửa, vừa lúc Xing Nhã nhìn ra ngoài. *Hơ-bia* Bơ-lao chào khách trẻ trước.

XING NHÃ. — Chào chị *hơ-bia* Bơ-lao. Chị tới đây có việc gì?

HƠ-BIA BƠ-LAO. — Chào anh Xing Nhã! Em đến đây không phải vì nợ ông bà ngày xưa, cũng không phải để nhìn mặt anh. Em đến đây để nấu cơm cho khách.

Hơ-bia Bơ-lao vào bếp lấy củi *kơ-lu* nấu nồi đồng, lấy củi *ê-rang* đun nồi lửa, chiếc nồi nhỏ vừa hai người ăn. Nồi cơm của nàng sôi ùng ục như nước chảy, bốc hơi ngùn ngụt như sương mù tháng Bảy. Nàng xoay đi ba lần, xoay lại ba lần.

Nàng lấy bát cơm có cánh bướm, cái đĩa có hoa và chim lượn, dọn cơm. Cơm của nàng nấu trắng như hoa *ê-pang* nở. Năm ngón tay của nàng in hình trên đĩa cơm. Cơm cười, cơm mời khách trẻ.

HƠ-BIA BƠ-LAO. — Ơ anh Xing Nhã! Anh đến đây lúc gà chưa gáy, trai gái làng còn sưởi lửa bếp. Bây giờ, mặt trời đã treo trên ngọn cây phía tây rồi. Em mời anh ăn tạm cơm gạo mục, canh gà điều hâu thều thả, nấu nước suối có mùi lá cây.

XING NHÃ. — Anh không muốn ăn một người cũng như con ong đực không được hút chung một nhụy với ong cái.

Hơ-bia Bơ-lao cười, ngồi xuống bốc cơm ăn. Nàng bốc chỗ nào, Xing Nhã bốc chỗ ấy. Bát canh nào *hơ-bia* ăn thì Xing Nhã mới ăn.

HƠ-BIA BƠ-LAO. — Anh sợ thuốc nổ xương rách thịt phải không ?

XING NHÃ. — Anh chỉ lo con ong không hút chung một nhụy, chỉ lo hoa *ê-pang* không nở một cành.

Gia-rơ Bú vào buồng, lấy chiêng cướp được của cha Xing Nhã ra đánh. Tiếng chiêng kêu rung mặt đất, vang khắp chín tầng mây, nó kêu như rống vào tận màng tai của Xing Nhã. Mặt Xing Nhã đỏ rực, như có lửa củi *kơ-tu* cháy trong tim gan chàng.

GIA-RƠ BÚ, *cười khiêu khích*. — Mày đã nghe chưa, đồ ma quỷ ? Cái xương của cha mày kêu đấy !

PO-RON MUNG — O' Giàng ! O' Xing Nhã ! Anh đừng bắt ý người già.

XING NHÃ. — Ai mà bỏ con sâu trong bụng được ! Dù họ có chửi mắng, tôi vẫn không bỏ được *khien* đao.

Hơi men vào, mặt Xing Nhã càng đẹp. Thật như người đẹp hay có thóc. Bước đi của Xing Nhã trên sàn làm cho xà ngang, xà dọc của nhà Gia-rơ Bú rung rinh.

GIA-BƠ BÚ. — O' con nai bé nhỏ lạc đường của ta ơi ! Mày đâm phải nước miếng của con rắn độc nào mà đại vậy ? Tim của mày bao lớn mà lại muốn làm run sợ bầy nô lệ cả làng ta ?

XING NHÃ. — O' Gia-rơ Bú ! Con voi của ông giết cha ta đâu rồi ? Đem tới đây, ta thi sức với nó thử ?

Gia-rơ Bú thả voi của Pơ-ron Mung, con voi này trước kia đã giết cha Xing Nhã. Nó đánh nhau không sợ rung đôi ngà. Nó hùng hục chạy tới, gió cuốn theo như bão, cái đầu đội rom rạ của dân làng, đôi ngà mở so lệch, chĩa ra trên, dưới. Xing Nhã lùi lại... Chàng nhảy tới nắm chặt đôi ngà của nó giật đi rồi giật lại. Con voi kêu rống « hùm hùm » giận dữ.

GIA-RƠ BÚ, *hoảng hốt*. — O' các em Xing Pú, Xing Pa, Xing La, Pơ-ron Tít, Pơ-ron Pha, Pơ-ron Mung ! Con voi mạnh nhất của chúng ta đã bị Xing Nhã cầm đôi ngà xuống đất rồi.

XING NHÃ. — Ở Gia-rơ Bú! Lấy chiếc *khiên* và cái đao của ông ra đây, múa cho ta xem thử!

GIA-RƠ BÚ, *khiên*, *đao* mới *giơ* lên đã bị *vỡ tan từng mảnh*. — Ở *Giàng*!... Tại sao *khiên* đao của ta như thế này?

XING NHÃ. — Ông già rồi thì *khiên* đao của ông cũng già thôi. Nào, bây anh em của ông hãy đi xem chiếc *khiên* và cái đao của tôi để ngoài cổng làng đi!

Trên trời mây đen to hơn cái núi. Sét rống ì ầm, cổng làng của Gia-rơ Bú nghiêng hẳn về một phía.

GIA-RƠ BÚ, *tức, chửi* -- Thằng Xing Nhã ma quỷ đã làm ngã cổng làng của làng ta!

XING NHÃ. — Ở ông Gia-rơ Bú! Bây anh em nhà ông đến nhắc chiếc *khiên* và cái đao của ta đi!

Gia-rơ Bú uốn mình, hai tay thả xuống lỏng lẻo như sợi dây *mơ-niêng* (1), nắm lấy quai *khiên*. Gia-rơ Bú cố *giơ* lên, mồ hôi chảy đầy trán, đầy ngực nhưng chiếc *khiên* vẫn cứ im như người đương ngủ say giấc. Năm anh em của Gia-rơ Bú xúm nhau bợ lên, chiếc *khiên* vẫn cứ nằm nguyên một chỗ. Po-ron Mừng bước tới, chàng cúi xuống, cố *giơ* lên, *giơ* cao lên, nhưng chiếc *khiên* chỉ nhích cách mặt đất, cao đến lưng một con gà trống nhỏ. Xing Nhã từ từ bước tới. Chàng cầm chiếc *khiên* *giơ* cao lên trời và múa. Xing Nhã múa phía trước, một mảng gianh bay theo gió, múa phía sau, một mái nhà bay theo bão. Nhà Gia-rơ Bú nghiêng đằng tây, ngã đằng đông. Gió từ núi Mơ-đang tới, bão từ núi Hơ-mu đến, thổi xô nhà cửa của làng Gia-rơ Bú. Gà heo bay như lá rụng. Nước suối dâng ngập, làm trôi cả gà, lợn, trâu bò và nô lệ của Gia-rơ Bú.

GIA-RƠ BÚ, *hoảng khiếp, gọi*. — Ở *hơ-bia* Bơ-lao! Em đến bảo Xing Nhã ngừng múa *khiên* đi! Tôi không bắt mẹ nó nữa đâu. Tôi sẽ trả bầy trai gái, nô lệ và của cải cho cha nó.

HƠ-BIA BƠ-LAO, *vùng vằng*. — Tôi không đi đâu, ông đừng lừa phỉnh con gái.

1 — *Mơ-niêng*: dây mảnh, có hoa đẹp nhưng mùi lại hôi.

GIA-RƠ BÚ — Nếu tôi lừa em, em sẽ lấy hết của cải trong nhà tôi và tôi sẽ thành người tôi tớ giữ gà lợn cho em.

Hơ-bia Bơ-lao mặc một chiếc váy dài phủ gót. Cổ chân nàng đeo những chiếc vòng vàng óng ánh. Từ một hè đằng trước, nàng chạy tới chỗ Xing Nhã đương múa, nàng niu lấy đuôi khố của chàng.

XING NHÃ, vội quay lại. — Ai đấy ?

HƠ-BIA BƠ-LAO. — Em là *hơ-bia* Bơ-lao đây !

XING NHÃ. — Ủa, em tới đây làm gì thế ?

HƠ-BIA BƠ-LAO. — Gia-rơ Bú bảo anh đừng múa nữa. Gió thổi đã làm vỡ *ché tuk* một ngăn, *ché kơ-băng* một nhà rồi. Những tôi tớ và nô lệ của Gia-rơ Bú ngã như cây gianh, cây lách ngập nước lũ. Họ chịu trả lại mẹ và của cải cho anh đó.

Xing Nhã hạ chiếc *khiên*. Trời ngừng gió. Nắng hanh. Bầy chim *két*, chim *kơ-luôn* ăn quả xanh trên cành kêu róc róc.

GIA-RƠ BÚ. — Tôi sẽ trả lại hết chiêng *ché* của cha anh.

XING NHÃ. — Được, nhưng nếu mai kia rượu cạn ngọt trở lại, cộp ngũ có người đánh thức, nếu ông lại muốn trở lá *a-rong* (1), tôi sẽ vây ông tận làng, đánh ông tận *buôn*.

Xing Nhã ở một ngày, nghỉ một đêm. Một buổi sáng, trên rẫy cao của *hơ-bia* Bơ-lao.

HƠ-BIA ĐÁ. — Xing Nhã, con trai yêu quý của mẹ ! Bây giờ ta về đi thôi !

XING NHÃ. — Mẹ ơi ! Làm sao ta về trần trường được. Tay ướt, miệng khô. Con trả thù chưa đủ cái xương cho cha con.

Hơ-bia Bơ-lao chạy một vòng quanh rẫy đuổi bầy chim ăn lúa, vừa về tới chòi, ngực nàng ướt sương mai, đôi vú của nàng đẹp tươi như mặt trời đang mọc.

XING NHÃ. — O' em *hơ-bia* Bơ-lao ! Hãy đi mời bảy người vợ của bảy anh em nhà Gia-rơ Bú đến đây hái đồ đi. Em nói là mẹ con của Xing Nhã đã về làng Gia-rơ Kôt từ tối hôm qua rồi.

1 — *A-rong* : loại lá rừng mặt lá ấp xuống đất.

Hơ-bia Bơ-lao đi về làng Gia-rơ Bú, gặp *hơ-bia* Guê ngoài công.

HƠ-BIA GUÊ. — *Hơ-bia* Bơ-lao ! Mẹ con thằng ma quỷ trời phạt ấy về chưa ?

HƠ-BIA BƠ-LAO. — Họ về cả rồi, bây giờ bà đến rẫy hái đồ đi.

HƠ-BIA GUÊ. — Thật không ?

HƠ-BIA BƠ-LAO. — Trời bắt người nói láo.

Bốn vợ của bảy anh em nhà Gia-rơ Bú rủ nhau mang *gui* lên rẫy. *Hơ-bia* Bơ-lao đi trước. Nhìn rẫy lúa của mình bị phá đập hết, *hơ-bia* Guê dậm chân, đập tay khóc thảm thiết.

HƠ-BIA GUÊ. — O' con ma con quỷ cộp bắt ! Mày phá hết cây lúa của bà đang lớn, cây ọt của bà đang lên !

HƠ-BIA BƠ-LAO. — O' anh Xing Nhã ! Mặt trời đã núp xuống ngọn núi phía tây. Bao giờ anh đến đón em đi ?

HƠ-BIA GUÊ, *run sợ*. — *Hơ-bia* Bơ-lao ! Xing Nhã còn ở trong rẫy phải không ?

HƠ-BIA BƠ-LAO. — Không còn đâu ! Mặt trời đã rớt xuống đằng sau núi phía tây rồi. Họ đã quên chuyện cũ.

Mây trắng nằm sát trời cao. Gió bão chạy trốn theo hướng mặt trời lặn. Trời âm lại. Nắng hanh. Bà Ghôn ra hè phơi lúa, thấy Xing Nhã bị con voi của Pơ-ron Mừng kẹp ở giữa đôi ngà, nó đang chạy về *buôn* Gia-rơ Bú.

BÀ GHÔN. — O' ông Ghôn ! Ông hãy nhìn kia ! Thằng Xing Nhã cháu ông đang bị con voi của Pơ-ron Mừng đem đi khắp rừng phía đông, khắp núi phía tây kia !

Cụ Ghôn đang ngủ say, vùng dậy, lấy thuốc tiên liệng xuống để tiếp sức cho cháu. Xing Nhã chuyển mình, cựa chân tay, thở mạnh. Chàng nhảy xuống đất, xốc tới nắm chặt đôi ngà. Con voi bỗng đứng im như một pho tượng nhà mồ. Chàng giằng đôi ngà của nó ra, bẻ gãy dễ như ngọn *mia pơ-ru* (1). Chiếc ngà bên trái Xing Nhã trao cho nàng *hơ-bia* Bơ-lao, ngà bên phải Xing Nhã vút vào xó hè nhà Gia-rơ Bú.

1 — *Pơ-ru* : loại nứa mềm như nứa *mưng*

GIA-RƠ BÚ. — Ơ em Pơ-ron Mừng! Con voi quý của ta đã bị tên quỷ đực bẻ gãy mất đôi ngà rồi.

PƠ-RON MỪNG. — Anh Gia-rơ Bú! Chúng ta chạy đi thôi!

GIA-RƠ BÚ. — Tội gì mà chạy trước con dê non còn máu mẹ trong sừng đó.

Hai bên lại đánh nhau. Năm em trai của Gia-rơ Bú đã bỏ đầu tại gốc cây đa, bỏ thân tại núi lạ. Gia-rơ Bú bứt rứt, ngồi không yên, nằm không được; tay trái lấy chiếc *khiên*, tay phải nắm cán dao, Gia-rơ Bú đi vào phía rẫy của *hơ-bia* Bo-lao.

XING NHÃ. — Ơ Gia-rơ Bú! Ai chạy trước?

GIA-RƠ BÚ. — Hỡi con chim *linh* mọc chưa đủ lông cánh! Hãy múa thử đi!

Xing Nhã quay *khiên* múa. Đất bụi bay mịt mù như mây trời tháng Bảy, Xing Nhã nhảy qua núi, lượn qua suối, phăng qua đèo, nhanh hơn bầy chim *gơ-rừ* (1).

Gia-rơ Bú nhìn theo, tối mảy, tối mặt, không đoán được đường dao của Xing Nhã chĩa về hướng nào cả.

GIA-RƠ BÚ. — Được, bây giờ tao không giết được mày thì tao sẽ tìm cách phá sạch làng mày. L... mẹ nó! Té ra đứa nào cũng đầu đen, máu đỏ cả sao? Ta về sẽ cắt cổ mẹ mày ở nhà thôi.

XING NHÃ, *ngừng múa*. — Ơ Gia-rơ Bú! Ta đang đứng ở phía mặt trời mọc đây rồi. Bây giờ thì người múa trước đi, ta đuổi theo.

Gia-rơ Bú múa lúng túng, múa loanh quanh như con gà ngã nước, như sao lạc đường đi, đường dao chỉ đâm vào giữa trống không. Xing Nhã mới đi một bước đã chém trúng ngay chân Gia-rơ Bú, máu phọt lên trời, đỏ như chiếc dây mây lửa.

XING NHÃ. — Ơ Gia-rơ Bú! Máu gì chảy ở chân ông đấy?

GIA-RƠ BÚ. — Máu con vắt ở núi Hơ-mu cắn tao.

Gia-rơ Bú múa tiếp. Xing Nhã chém luôn cánh tay phải, chiếc dao rơi ròn rên...

XING NHÃ. — Tại sao chiếc dao ông rơi mất rồi?

1 — *Gơ-rừ*: chim ó (diều hâu).

GIA-RƠ BÚ.— Không phải đâu ! Đó là tiếng kêu của chiếc lục lạc trẻ con chơi, tiếng kêu ù ù của con điều đòi gió đấy !

Gia-rơ Bú cố sức múa nữa, nhưng lần này khi hấn chưa kịp trở *khien* thì đã bị Xing Nhã đánh vỡ tung, *khien* rơi xuống đất.

Chỉ còn Pơ-ron Mung và Xing Nhã đánh nhau. Cự Ghôn ở trên trời, vén từng lớp mây đen mây trắng theo dõi không chớp mắt. Hai người đánh nhau bảy ngày bảy đêm. Gió bão, mây mưa, sấm chớp, cự Ghôn đứng giữa. Khi thấy ở Xing Nhã mạnh thì cự bớt sức Xing Nhã đi, khi thấy Pơ-ron Mung có sức hơn, thì cự Ghôn lại tăng sức cho Xing Nhã. Trên trời, dưới đất, mây mưa mù mịt, gió bão âm âm, đổ cây, lở núi. Hai bên đánh nhau từ khi trái *kơ-la* chín, đến mùa kê trổ vẫn không phân thắng bại. Cả hai đều kiệt sức, ngã trước chòi của *hơ-bia* Bơ-lao.

XING NHÃ.— Bạn Pơ-ron Mung ! Chém tôi đi !

PƠ-RON MUNG.— Bạn Xing Nhã ! Giết tôi đi !

Hơ-bia Bơ-lao ngồi dậy. Nàng mặc cái áo thêu hoa, đến chỗ Pơ-ron Mung và Xing Nhã nằm giao đầu nhau. Nàng bước đi uyển chuyển như chân con nai nhung dẫm cỏ non. Đôi bàn tay du đưa nhịp nhàng, khi thì nhìn đẹp như hoa nở, lúc siêng năng tròn trịa như mười ngón tay của cô gái đẹp kéo sợi quay xa. Nàng nghĩ đi nghĩ lại trong bụng : « Bây giờ cắt cổ Xing Nhã sao ? Anh ta còn trai tráng, chàng ấy đến đây để trả thù cho cha, để cứu mẹ già khỏi làm nô lệ. Mà cắt cổ Pơ-ron Mung thì ta mất một người đã quen từ lúc nhỏ ».

Hơ-bia Bơ-lao đương bối rối thì cự Ghôn hất tay đao của nàng, giết chết Pơ-ron Mung.

XING NHÃ, *đứng dậy, nói*. — Tôi không lấy em nữa. Em là con gái dám giết đàn ông.

Nghe Xing Nhã nói như vậy, *hơ-bia* Bơ-lao sợ tái mặt, tia tai. Người nàng lão đảo, bối rối như say rượu. Lỗ tai kêu ù ù. Đôi mắt nàng chỉ thấy rừng cây, núi đá lượn chạy như xoáy đẳng sau đẳng trước.

.

XING NHÃ.— O mẹ ! O em *hơ-bia* Bơ-lao ! Chúng ta đi về *buôn* Gia-rơ Bú lấy trâu bò, chiêng *ché*, dăn bầy nô lệ của nó về làng đi ! O chim *nghiếc* một nghìn ! Chim *kơ-trao* đậu một sườn đồi ! O người nô lệ đứng đó đây ! Các anh có muốn về với chúng tôi không hay muốn ở lại *buôn* cũ ?

NÔ LỆ.— Chúng tôi xin đi theo ông.

Hơ-bia Đá ngồi trên lưng một con voi, Xing Nhã và *hơ-bia* Bơ-lao ngồi chung trên bành con voi ngà vàng. Trâu, bò và nô lệ theo Xing Nhã về *buôn* Gia-rơ Kôt lô nhỏ, lúc nhúc...

Tin bắn đi nhanh lắm. Từ *buôn* phía đông sang *buôn* phía tây, tin đồn Xing Nhã đã bị bảy anh em Gia-rơ Bú giết.

Xing Mun - con của Bang Ra - nghe tin Xing Nhã bị giết liền rên gập dáo mác, quyết đi trả thù cho anh. Quân hai bên gặp nhau, họ tưởng nhầm là địch. Họ đánh nhau nát rừng, vỡ núi. Cuối cùng, sức Xing Nhã đã bị mềm như lá khoai lang luộc. *Khiến* rơi xuống đất.

.

XING NHÃ, *khóc*.— O em Bơ-ra Tang ! Đường ta đi xúc cá đã mọc rêu xanh, đường ta đi hái củi, nơi đồ kiến vàng (1), chỗ anh và em ngồi đã thành *buôn* cũ. Bây giờ anh bị chết ở đất người ta. O em Xing Mun ! Mẹ can anh không chịu, cha giữ anh không ở. Mẹ đốt đuốc, anh chạy đi đêm. Mai kia lớn lên, em nhớ đi đòi nợ cho cha, đi hỏi xương cho anh.

XING MUN. — Có phải anh là Xing Nhã không ?

XING NHÃ. — Có phải em là Xing Mun không ?

XING MUN. — Em trai của anh đây ! Chạm một sợi tóc nữa thì đầu anh rơi mất.

XING NHÃ. — Em đến đây làm gì ?

XING MUN. — Em đi đòi xương cho anh. Tin đồn đằng đông, tin sang đằng tây, họ bảo anh đã bị bảy anh em Gia-rơ Bú giết rồi. Mẹ ở đâu anh ?

1 — Đồng bào thường vào núi, tìm những tổ kiến đồ kiến già đi và lượm lấy trứng kiến về nấu ăn.

XING NHÃ. — Mẹ đương ngồi trên bành voi kia kia.

Xing Mun nhảy thẳng lên bành voi gặp mẹ.

XING MUN, *giọng mừng rỡ*. — O mẹ *hơ-bia* Đá ơi! Tôi là Xing Mun, con của Bang Ra và Xing Guê đây. Người ta bảo anh con bị Gia-rơ Bú giết nên con kéo binh đi đòi nợ. O mẹ! Cô gái nào ngồi trong bành voi kia?

HƠ-BIA ĐÁ. — Nàng *hơ-bia* Bơ-lao vợ của anh Xing Nhã con đó.

XING MUN. — O anh Xing Nhã! Anh có người vợ đẹp như tiên.

XING NHÃ. — Em Xing Mun! Em đón lấy nàng Bơ-ra Tang của anh đi!

XING MUN. — Em không lấy đâu! Bơ-ra Tang là vợ của anh rồi!

XING NHÃ. — Sao em nói thế?

XING MUN. — Anh như cây mọc trước đã từng chịu nắng dầm mưa, anh khôn lớn rồi. Em không cãi lại cái miệng của anh đâu. Nếu anh đồng ý, cho em lấy nàng Bơ-ra Tang.

Một buổi sáng, Xing Nhã cho người về báo cho làng và nàng Bơ-ra Tang biết tin. Bơ-ra Tang mừng quá. Nàng mặc một váy hoa *ké-nam*, váy hoa *é-mao*, váy thêu con bướm, thêu hình *Giàng* thần đỏ rực. Tám vải trên thêu hình ông sao, ở dưới thêu hình ông trăng. Hai bên gót chân nàng đeo lục lạc vàng. Bắp chân của nàng tròn như lá khoai môn, bắp vế trắng tựa ngà voi. Toàn thân nàng đẹp như con cá *é-niêng* bơi lội. Nàng mặc áo đen hoa *hơ-ngâm*, áo gấm màu chàm. Cổ đeo cườm vàng. Búi tóc ghim trâm đồng, trâm bạc. Bước đi của nàng mềm mại như chân voi đực dạo chơi. Nàng lên voi đực đóng bành mây, lên lưng voi cái đóng bành *é-chiên*, đôi voi nghiêng ngà đưa Bơ-ra Tang đi đón Xing Nhã thẳng trận.

BƠ-RA TANG. — O, chào anh Xing Nhã! Em mong anh về sẽ được cái bát đẹp đựng hồ dẹt vải, được cái chậu quý để thoi chỉ thêu. Sáng nay con chim cúc cu đã hết kêu khan tiếng bên rừng rồi!

XING NHÃ. — Chào em Bơ-ra Tang giàu có của ta!

BƠ-RA TANG. — Ơ anh Xing Nhã! Ai ngồi trong bành voi của chồng em kia?

XING NHÃ. — Một người vợ của anh.

Bơ-ra Tang sừng sốt, bối rối như một con chim non sắp cánh. Nàng nhảy vọt lên bành voi, nắm lấy búi tóc của *hơ-bia* Bơ-lao. Hai người giằng xé nhau, Xing Mun phải nhảy lên bành voi cản lại. Tay trái của Xing Mun nắm tay phải của *hơ-bia* Bơ-lao, còn tay phải thì giữ Bơ-ra Tang. Hai nàng nấn nê nhau như miếng *khien* đương mùa.

XING MUN. — Ơ *hơ-bia* Bơ-lao! Ơ Bơ-ra Tang! Hai người là chị em với nhau rồi, sao không biết?

HƠ-BIA BƠ-LAO. — Sao mà không biết? Ai dựng chòi thì người đó được giết mổ, đuổi chim. Không có ta thì Xing Nhã không đánh thắng được Gia-rơ Bú, không đòi xương được cho làng này (1).

BƠ-RA TANG, *tức giận*. — Ơ con diều đen kêu trên rẫy kia hãy im đi! Sao lại để cho chồng ta có thể được cá quên nơm, được chim bẻ ná rồi, mà mày có biết không? Dấu chân mà ta đón chồng ta đi theo đường con voi dài ngà đi ra suối, tiếng hát mà ta đã chỉ chồng ta biết giết người cha Xing Nhã hãy còn đây.

HƠ-BIA BƠ-LAO. — Ơ *Giàng*! Ta không phải là người cướp lúa của chim đâu. Chòi của ta làm, ta có quyền đóng cửa khi bão giông sấm sét.

XING MUN. — Những con ong đều đi hút nhụy về làm tổ. Ơ anh Xing Nhã, nói đi, anh phải bắt nàng nào?

XING NHÃ, *suy nghĩ lâu lắm*. — Anh lấy nàng *hơ-bia* Bơ-lao vì nàng đã giúp ta đánh thắng Gia-rơ Bú, đã giúp ta đòi được xương cha và cứu mẹ *hơ-bia* Đá.

XING MUN. — Ơ mẹ! Mẹ muốn Xing Nhã lấy ai?

HƠ-BIA ĐÁ. — Nàng *hơ-bia* Bơ-lao. Vì nàng ấy đã giúp nhiều cho con trai ta rút được mũi tên mà Gia-rơ Bú đã cắm sâu trong bụng mẹ.

1 — Ý nói: trả thù được cho làng này.

XING NHÃ. — Ý Giàng đã không muốn cho em và anh cùng đi một đường lên rừng bẻ măng, xuống suối xúc cá rồi. Anh muốn em lấy Xing Mun, người có gan đã đi cứu anh về dựng chòi phát rẫy, khiến tôi tỏ cho em.

BƠ-RA TANG. — Không được, chồng của ta đã là một người con trai rất đẹp, da màu nâu đồng, tóc đen như rắn than, cặp mắt long lanh như ong xay, bước đi hùng mạnh chao đều như sóng nước, tiếng người ấy nói chưa xa mà đến nỗi cả người Bih, người Mơ-nông ở đất trâu dẫm ruộng, đến cả người Đoan (1), người Ba-na ở khắp con nước này đều nghe tiếng.

XING MUN, quay hỏi nó lệ và dân làng. — Hỡi dân làng! Hãy nghĩ xem! Nàng nào đã giúp cho anh ta nhiều nhất? Hãy nói, tất cả hãy nói đi!

DÂN LÀNG, giơ cao mác, nhôn nháo như cây lách. — Bà *hơ-bia* Bơ-lao! Bà *hơ-bia* Bơ-lao! Vì bà ấy đã làm cho cây đa ở làng ta sống lại to lớn, mà còn to lớn hơn những gốc đa nào nhiều cành, xanh lá nhất, mà ông bà ta đã kể đến tai lũ tôi rồi.

Tâm sự một ngày, Bơ-ra Tang đồng ý lấy Xing Mun. Xing Nhã lấy *hơ-bia* Bơ-lao. Bốn người lên voi về *buón*. Mãn một mùa. Lúa lên xanh mượt. Trên rẫy, trong làng của Xing Nhã, ngô, kê cũng lên xanh mượt. Trâu bò đi ăn trên đồi khum, đông lỗ nhố, lúc nhúc như bầy kiến, bầy ong. Một buổi sáng, trời đẹp. Sương trồn nắng. Xing Nhã sai nô lệ vào rừng chặt cây *kơ-nia*, những cây gòn to nhất để dựng má cho cha là Giơ-rơ Kót gần núi Bơ-lô.

Tin ấy truyền đi phía đông.

Tin ấy bắn về phía tây.

Từ người Bih căng tai bên bờ sông, người Mơ-nông vút rặng, cầm lông chim trên đầu, ở bên bờ suối, tất cả đều nô nức mang rượu, thịt, chiêng, trống đến mừng lễ dựng nhà má của Xing Nhã.

SONG HING, BƠ-LÉU, NGỌC ANH dịch
VĂN NGHỆ, số 33 - tháng 2-1960

1 — Đoan: người Khách hoặc người Kinh.

Dân tộc Ê-ĐÊ.

BÀI CA CHÀNG ĐAM SAN (KLEI KHAN Y DAM SĂN)

Câu chuyện mở ra trong khung cảnh giàu có của gia đình Hơ-nhi, Hơ-bhi: Đam San — một tù trưởng trẻ đẹp và giàu có — đến thăm nhà hai chị em Hơ-nhi, Hơ-bhi.

Hơ-nhi có sắc đẹp, muốn bắt Đam San làm chồng. Đam San không bằng lòng nhưng do uy lực của Trời ràng buộc, cuối cùng Đam San đành chịu lấy Hơ-nhi.

Mơ-tao Gơ-Rừ, một tù trưởng hung bạo đến bắt nàng Hơ-nhi xinh đẹp. Lúc ấy Đam San đi vắng. Khi về, nghe tin, Đam San liền đi đánh Gơ-Rừ để rửa nhục cho gia đình và cứu vợ. Gơ-Rừ bị Đam San dùng dao đâm chết.

Thời gian sau nữa, tin nàng Hơ-nhi xinh đẹp bay đến tại một tù trưởng giàu có và hùng mạnh hơn là mơ-tao Mơ-xây. Thừa lúc Đam San đi xa làng, Mơ-xây đến cướp Hơ-nhi bỏ lên bành voi mang đi. Tồi lơ chạy đến báo cho Đam San biết. Đam San lại đi đánh Mơ-xây. Nhờ Trời giúp sức, Đam San đánh nổi mơ-tao Mơ-xây.

Ở nhà một thời gian, Đam San vẫn nuôi nhiều khát vọng tự do. Đam San đòi đi bắt Nữ thần Mặt Trời về làm vợ lẽ. Nữ thần Mặt Trời không chịu. Khi trở về, chẳng may cả người và ngựa của Đam San bị lún trong rừng đất nhão của bà Sun Y Rit. Đam San chết. Nhưng Trời lại vẫn bắt Đam San phải đậu thai trong bụng của chị mình là Hơ-âng để tiếp tục làm chồng trong dòng họ của Hơ-nhi, theo tục lệ nối dây.

Truyện này phản ánh những khát vọng tự do, phản ánh những xu hướng muốn phá vỡ trật tự xã hội dưới chế độ mẫu quyền, phá vỡ mọi ràng buộc, của một thanh niên nhưng thanh niên đó chưa đủ sức mạnh.

Những đoạn trích dưới đây là đoạn tả Đam San đi đánh mơ-tao Mơ-xây, đi đón cây thần và đi bắt Nữ thần Mặt Trời về làm vợ lẽ.

Đam San ở nhà một ngày, nghỉ một chiều và một đêm. Một buổi sáng, anh nói :

ĐAM SAN. — O' Bo-lim làng Bơ-lô, ơ Bơ-lô làng Bơ-lang! Hỡi trai làng trèo tài, lặn giỏi! Hỡi dân làng Hon, làng Hun! Đi bắt voi về đây!

Y BƠ-LIM. — Bắt voi về làm gì?

ĐAM SAN. — Ta muốn thế này: buổi sớm mai ta đi câu cá, buổi chiều ta đi bắt cá. Ta đã chán ăn thịt trâu, thịt bò, nay ta muốn ăn cua, ăn tôm. Đi bắt voi về đây!

Voi đem về, Đam San lên voi và dẫn cả đoàn người đông như kiến ra sông.

ĐAM SAN. — Tất cả ta xuống nước đi!

Họ đều lội xuống nước và trong chốc lát, họ đã mang lên đầy cá, cua, tôm. Cả cá sấu bị bắt lúc còn trong hốc đá. Cả rắn đen, rắn nước chưa kịp lủi ra ngoài.

Trong lúc Đam San đang bắt cá, thì *mơ-tao* Mơ-xây nghe tiếng Hơ-nhi và Hơ-bhi giàu đẹp liền cho người nhà đến dò xem. Lúc mấy người này về, Mơ-xây hỏi:

MƠ-XÂY. — Có thật nàng Hơ-nhi đẹp không?

TÔI TỚ. — Bà ấy đẹp thật! Cổ chân tròn như bắp chuối. Lúc gió thổi váy hở thì thấy bắp đùi trắng tinh, sáng chói như chớp. Dân làng nào cũng phải khen đẹp.

MƠ-TAO MƠ-XÂY. — Đóng bành voi ngay!

Họ đi cả một đoàn voi. Voi đực đóng bành mây. Voi cái đóng bành có mái. Những trai làng khỏe mạnh cưỡi cỗ voi. *Mơ-tao* Mơ-xây là một tù trưởng giàu mạnh. Gông cùm tù binh chặt cả làng. Lông chân dày như đắp lên một lớp. Lông mày sắc như mai. Con mắt sáng ngời như đã uống hết một chum rượu, đến nổi một con trâu lớn cũng không dám đi qua trước mặt.

Họ đi đến suối, gặp trai làng và trẻ con tắm. Họ hỏi: — «Này các em! Cái nào là suối nước, con nào là chim mẹ (1)?»

1 — Ý nói: ai là tù trưởng.

TRẺ EM. — Chẳng có cây *kơt*, cây *bua* hay cây *mơ-dot* nào cả. Chỉ có chúng tôi là to nhất.

MƠ-TAO MƠ-XÂY, *hét*. — Ở mấy con mèo mồm, ở mấy con sề vù! Ta hỏi này: ai là đầu suối, ai là chim mẹ, tù trưởng là ai?

GÁI LÀNG. — Ông không biết danh tiếng Đam San à? Đến thần linh cũng đều biết tiếng Đam San. Núi rừng cũng đều biết tiếng. Người chẳng bao giờ phải đi xuống thang, người muốn có bao nhiêu tòi tở được bấy nhiêu. Người chẳng bao giờ đi bộ, người muốn có bao nhiêu voi được bấy nhiêu con.

MƠ-TAO MƠ-XÂY. — Bọn này coi thường người giàu sang! Đồ khốn nạn!

Mơ-tao *Mơ-xây* đi tới đầu làng thấy một cái nhà dài bằng tiếng ngân của một cái chiêng tốt. Hiện trước dài bằng hơi thở con ngựa đang chạy. Gái làng già gạo, tiếng chày cối không ngớt. Ánh sáng của chiếc *khiên* chói lọi như đèn đuốc. Vải sợi nặng trĩu làm cong các sào phơi. Vải đen, vải trắng, vải đủ các màu phơi cùng sào. Người ta ăn thịt bò và thịt trâu. Thịt treo tối cả nhà. Bát đĩa bằng đồng để khắp sàn nhà, đến nổi hết cả chỗ ngồi. Sườn nhà đều chạm trổ. Cầu thang rộng bằng chiếc chiếu, nên hai cặp người, một cặp khiêng chum rượu đi lên, một cặp khiêng chum rượu đi xuống, vẫn không cản trở gì nhau. Thật là nhà một tù trưởng giàu mạnh.

Mơ-tao *Mơ-xây* xuống voi, bước lên hiên nhà, làm cho cột nhà lung lay bảy lần, đi vào, hai tay vừa đi vừa đánh đũa, ngực phồng ra trước, quăng nón sang một bên, rồi đến ngồi giữa nhà. Trẻ con khiếp sợ khóc rống lên, lưỡi tụt vào cổ, họng bị tắc. Cả làng âm tiếng khóc.

TÔI TỞ. — Ở bà, ở bà! Khách vào đây nhà. Người khách chính ngồi ngay giữa nhà, đợi một cách nghiêm nghị. Họ là người Bih cổ đeo vòng răng cạp hay là người Mơ-nông đeo vòng răng rắn? Khắp trong vùng người Ê-đê chúng ta không có ai như họ. Chân họ tron nhẵn như đã cạo. Đùi họ như đã lột da. Thân mình như quả dừa hầu chín, như con sóc khoang lốm đốm hoa. Mắt họ nhìn sáng như hai ba người gộp lại.

Hơ-nhí bỏ chiếc váy cũ ra, bận vào một váy mới, và hỏi Hơ-bhi :

HƠ-NHÍ.— Đã đẹp chưa em?

HƠ-BHI.— Đẹp rồi đấy chị ạ, đẹp cũng bằng hai vườn hoa quả.

Cái váy ấy đen như mây, đen như hoa *hơ-bé*, lóng lánh như một luồng ánh sáng, chói lọi như một chớp lò. Dân làng loáng cả mắt. Ván tóc trên đầu búi chặt như hoa *kơ-nong*. Nàng vén tóc lên hơi cao. Một mái tóc thoát ra ngoài thả xuống đến vai. Tóc nàng dài đến nỗi nếu thả ra thì xuống tận đất như một thác nước và che bóng râm như cả một cây *kơ-nia*. Một cây trâm bạc cắm dọc, một cây trâm chạm cắm ngang giữ cho búi tóc đứng im, gió bão cũng không chuyển.

Nàng đi đứng đĩnh, thân mình uyển chuyển như cành cây *bo-lô* sai quả, mềm dẻo như những cành trên đỉnh cây, gió đưa đi đưa lại. Váy nàng dài đến nỗi thân nàng bước đã xa mà váy còn kéo mãi đằng sau. Nàng đi đứng rất duyên dáng, ngực nhô ra đằng trước, bàn chân này bỏ xuống đất thì cũng vừa lúc gót chân kia đỡ lên, ai cũng phải khen đẹp. Nàng đi như chim phụng bay, như chim điều lượn trên không, như nước chảy dưới suối. Lúc nàng đứng dừng lại hay ngồi xuống thì chẳng ai duyên dáng được đến thế. Tiếng nàng thánh thót đến tai ta rồi người nàng mới bước tới.

HƠ-NHÍ. — Thưa ông đến có chuyện gì?

MƠ-TAO MƠ-XÂY. — Tôi đến chơi, chẳng có chuyện gì. Chứ ông Đam San đi đâu?

HƠ-NHÍ. — Đam San đi vắng, đi săn trong rừng, bắt cá dưới suối để kiếm thức ăn. Mời ông hút thuốc. Thuốc của tôi thái với riu với rựa, thô đến nỗi bỏ vào ống điếu cứ bật ra ngoài, đốt lửa thì nổ tung ra, và lúc hút vào thì chín cả lưỡi. Mời ông dùng tạm cho.

MƠ-TAO MƠ-XÂY. — Tôi đến nhà bà, bà cho thuốc hút. Ở nhà tôi, tôi chỉ hút lá *búc*. Lúc vào rừng thì tôi hút lá *ê-pong*. Khách tới nhà tôi, tôi không còn thuốc mời hút.

HƠ-NHÍ. — Ơ các con! Ra đằng sau, giết một con gà ấp và một con gà đẻ. Giã gạo cho trắng như hoa *ê-pang*. Nấu cơm cho

nhANH, chỉ trong rập miếng trầu. Chín rồi thì vắn ra khỏi lửa, đơm com vào chiếc bát hoa *tam*, đơm vào chiếc đĩa hoa *guôn*, vào đĩa chim *ko-buôn*, chim *ko-tuc*, và đưa mời ông khách quý đến thăm nhà ta.

HƠ-NHÍ. — Kính mời khách ăn com. Com tôi có mùi mốc. Nước tôi có mùi tanh. Và người đãi ông là một con điều con qua.

MƠ-TAO MƠ-XÂY. — Như thế này là quý lắm. Tôi tới nhà bà tôi mới được ăn com. Ở nhà tôi, một quả dừa tôi ăn ba năm, một quả chuối tôi ăn ba ngày.

Nói rồi, Mơ-xây ăn một nắm com bằng đầu con chồn. rồi ăn luôn một miếng bằng đầu con chó mà không biết thẹn. Rau thì chỉ nhặt một tý xiu đầu móng tay mà gà thì ăn luôn một lần ba miếng.

Hơ-nhi cho người đi lấy rượu, lấy chum rượu đen, chum rượu miệng có tám quai. Năm người khiêng chum, mười người đỡ ở dưới, ba người đi lấy lá. Năm người nhét lá vào chum, một người đi mời làng giềng đến cùng uống... Người ta mang chiêng tới đánh, những cái chiêng kêu tiếng đồng, tiếng bạc. Tiếng chiêng phá tan sàn nhà lặn xuống dưới đất, phá tan mái nhà vượt lên trên không.

HƠ-NHÍ. — Hãy đánh trống lên! Hãy đánh lên các điệu mà ông nhà đã dạy cho các con! Đổ thêm nước vào rượu đi! Mời ông khách uống rượu cho. Rượu tôi lạt lẽo, quá chua, chỉ có hơi mùi rượu thôi.

MƠ-TAO MƠ-XÂY. — Không cần ngọt hay chua tôi cũng uống. Cũng như người con gái xấu được con trai tù trưởng giàu mạnh hỏi thì bao giờ cũng ưng. Nhưng đã chiều rồi, bà cho tôi về.

Nói rồi đi, cố ý bỏ quên cây gươm ở bên bếp lửa.

Ra ngoài Mơ-xây kêu: — « Nhờ bà trao tôi cây gươm tôi bỏ quên ».

HƠ-NHÍ. — Hỡi các con, đưa gươm cho khách!

Tôi tớ đưa gươm ra, Mơ-xây không chịu cầm.

TÔI TỚ. — Thừa bà, khách không chịu cầm.

HƠ-NHÍ. — Khách không chịu cầm à? Thôi để ta chịu nhọc tự đưa cho khách.

Hơ-nhi giơ tay đưa gươm, nhưng Mơ-xây với không tới. Nàng xich lại gần nữa. Lúc Mơ-xây với tới thì liền bế cả Hơ-nhi lên, bỏ vào bành voi và thúc voi chạy.

HƠ-NHÍ, *kêu la*. — O em Y Sut, Y Sat! Chạy mau tin anh biết là người ta đã bắt chị ngay trong nhà, ngay trong đất ta. Người ta trói chị như trói bò trâu, canh giữ chị như giữ con *két* con sáo.

Y Sut, Y Sat liền đi. Một anh cưỡi ngựa đực nhanh như con sóc *xia*. Một anh cưỡi ngựa cái nhanh như con sóc *kênh*. Họ chạy hết sức ngựa, làm vỡ đá ba hòn núi và dẫm nát ba đám cỏ gianh. Nhạc ngựa loong coong như người cầm tay rung.

ĐAM SAN. — Hỡi các em! Chiêng treo bếp lửa hay sao mà các em chạy đến (1)? Lại một tù trưởng nào đến cướp nhà ta phải không? Nói mau! Chị em ở nhà có việc gì không?

Y SUT. — Chị ở nhà bị bắt. Người ta trói chị như trói bò trói trâu. Người ta giữ chị như chim *kơ-tia* chim *hơ-rin* bị buộc chân.

ĐAM SAN. — Đứa nào dám cả gan vượt qua đỉnh núi cao nhất? Nó không biết Đam San à? Nó không biết người tù trưởng đầu đội khăn kếp và vai mang túi da (2). Nó không biết Đam San có danh tiếng đến tận thần linh sông núi, không còn một tướng nào là không biết đến Đam San. Nó không biết rằng Đam San đây không có ai bì kịp. Đam San muốn bao nhiêu chiêng, bao nhiêu tời tó, cũng được. Nó không biết vậy hay sao? Đứa nào dám cướp gan hùm? Đứa nào dám sánh cùng gan gấu? Đứa nào muốn biết gan ta đắng hay bùi.

Y SUT. — Nghe người ta nói đó là *mơ-tao* Mơ-xây giàu mạnh.

ĐAM SAN. — Hỡi các con! Chúng ta về ngay! Bỏ lại tất cả đồ đạc ở đây. Hãy trở về ngay! Trở về làng ta ngay! Bỏ lại tất cả

1 — Y nói: chuyện cũ, thường.

2 — Người giàu sang thường quấn trên đầu một khăn nhiều hai lớp và mang túi bằng da thú.

lưới và chài đánh cá. Để lại việc này cho người già cả. Còn các chủ làng, chủ nhà, chúng ta hãy đi tìm xem ai đã lôi kéo cối khỏi chày, ai đã bắt vợ ta như hái quả bí trên giàn, ai vào tận buồng mà bắt vợ ta? Đi nhanh! Chúng ta sẽ đi theo dấu chân ngựa, đi theo phân voi!

Họ đi, cả đoàn đông như một bầy nai, lối nhỏ như bầy kiến cánh. Đoàn người trầy như một đám mối, đám kiến đen. Họ đã về đến làng.

ĐAM SAN.— Hỡi các con! Đi bắt trâu và khiêng rượu về đây làm lễ! Năm trâu *nén* cúng những người đã chết. Bảy chum rượu để cúng cho ta. Ta đi kiếm đứa nào đã bắt vợ ta. Hỡi Y Sut, Y Sat! Các anh có lời lẽ khéo làm cho các tù trưởng không giận dữ, hãy đi gọi về người Bih sẽ tai! Hãy đi gọi người Mo-nông rộng miệng! Hãy gọi từ đông sang tây, những tù trưởng giàu mạnh đội khăn dài xuống đến vai! Tập trung nỗ mác về xếp đầy cả mặt đất! Hãy tập trung nhiều người đến nỗi mắt ngó xa đến đâu cũng còn thấy người của ta đông như kiến đen, như mây, đi hàng dài như sợi chỉ, lối nhỏ như bầy mối. Hỡi anh mặc áo sắt! Hỡi em mặc áo thép! Hỡi người nhanh nhẹn mang gươm và *khiên*, có đi theo ta không?

CÁC TÙ TRƯỞNG.— Chúng ta đi đâu?

ĐAM SAN.— Ta đi giết một tù trưởng giàu mạnh. Ta đi bắt tù binh. Ta đi chiếm đất đai người khác.

CÁC TÙ TRƯỞNG.— Sao chúng tôi lại chẳng đi theo?

Họ ra đi, người đen như đám mây, xám như dây *khua*, đông như mối như kiến. Họ đến suối, rồi đến đầu làng. Làng thật to lớn. Nương rẫy ở cửa rừng đều làm cỏ sạch sẽ. Rẫy chiếm các đỉnh đồi cao. Làng ở lưng chừng sườn đồi. Trên sườn đồi, trâu lối nhỏ đen như những quả dưa chín. Bò đỏ như dưa ương. Trâu bò lúc nhúc như mối trắng, như kiến đen. Nhà cửa nhiều như cát. Nước suối chảy trên những tảng đá bằng. Hàng rào phía thấp bằng mây và sắt, phía cao bằng gai.

Lối đi vào cắm đầy chông, dày đến nỗi nếu có ném vào quả cà thì cà cũng cắm luôn vào đầu chông, nếu có con sóc

nhảy vào thì mình nó đã bị thủng nát trước lúc chan đựng đất. Công vào làm bằng hai lớp tre *mơ-ô* và hai lớp tre *a-lê*. Cột công to bằng ba cây lớn ghép lại.

Họ nhìn vào thấy *mơ-tao* *Mơ-xây* đang ăn uống linh đình, ăn thịt trâu thịt bò như ngày tết đầu năm. Người ta đánh chiêng và trống lớn. Những tay khéo léo đang đánh chiêng *kơ-na hơ-long*. Chiêng nùm và chiêng bằng (1) treo đầy nhà. Những dây thịt bò thịt trâu nhiều đến nỗi tối cả nhà. Bát *mơ-tin* và bát *pơ-rang* đầy sắn, nhiều đến nỗi không còn lối đi lại.

Đam San lên nhà, đứng xem và nghe ngóng. Người ta đánh chiêng, anh đứng nghe chiêng. Người ta ăn thịt bò, anh cũng ăn thịt bò. Người ta ăn thịt trâu, anh cũng ăn thịt trâu. Sáng sớm, anh bỏ đi ra, và lúc đi xuống thang, anh chặt gãy các ống nước.

MƠ-TAO MƠ-XÂY.— Ô các con! Xem chừng kẻ địch Đam San!

Tôi tớ ra ngoài hiên xem lại.

TÔI TỚ.— Thưa ông, thật là kẻ địch! Nó đã chặt gãy các ống nước rồi.

ĐAM SAN.— Mau mở cửa, nằng đốt cháy mặt ta!

MƠ-TAO MƠ-XÂY.— Ô các con ra xem! Nếu là người tốt thì mở cửa, nếu là kẻ địch thì đóng cửa thật chặt.

TÔI TỚ.— Thưa ông, thật là kẻ địch rồi.

MƠ-TAO MƠ-XÂY.— Kẻ địch à? Nó như thế nào?

TÔI TỚ.— Họ đóng khố màu sặc sỡ. Đầu đội khăn đẹp như các tù trưởng. *Khiên* tròn như đầu củ. Gương sáng như mặt trời. Thân mình ở trần như quả dưa, chơ sắn như con sóc. Mắt sáng gấp đôi gấp ba mắt thường.

ĐAM SAN.— Mau mau mở cửa!

1 — *Chiêng nùm, chiêng bằng*: chiêng đồng, một thứ có nùm giô lên, một thứ bằng, vừa là nhạc cụ thông thường của dân tộc Ê-đê, vừa là vật dụng có giá trị trao đổi.

MƠ-TAO MƠ-XÂY.— Đồ chó mực! Đến mà ăn cơm thừa trong nhà bếp!

ĐAM SAN.— O' các con! Ta phá cái hàng rào này!

Ai cũng phá thử hàng rào nhưng chẳng ai phá được! Anh em bà con Đam San cũng không phá nổi.

ĐAM SAN.— Hỡi anh mang áo sắt! Hỡi em mang áo thép! Hỡi các trai làng khỏe mạnh! Phá cho tan cái hàng rào!

CÁC CHỦ LÀNG.— Chịu thôi! Giết chúng tôi đi! Bỏ chúng tôi như vật chẳng ích gì. Chúng tôi không phá được.

Đam San liền phải tự mình phá hàng rào. Xò một xô, hàng rào đã đổ xuống. Đoàn người đông như bầy nai, lỗ nhổ như bầy kiến cánh, tiến vào.

Nhà *mơ-tao* Mơ-xây trước hiên có khắc mặt trăng. Đầu cầu thang chạm mỏ con sáo. Thật là nhà một tù trưởng lớn. Cầu thang rộng bằng chiếc chiếu, đầu hai người đi lên khiêng rượu, hai người đi xuống khiêng rượu cũng không đụng nhau.

ĐAM SAN.— Mau mau xuống đất để ta chặt đầu!

MƠ-TAO MƠ-XÂY.— Tao không xuống được. Tay tao bận sờ vú vợ mày.

ĐAM SAN.— Xuống ngay! Mày không xuống à? Tao sẽ chẻ cầu thang mày. Tao sẽ đốt gianh cháy cả nhà!

MƠ-TAO MƠ-XÂY.— Khoan khoan, để tao xuống đất. Đừng vội đâm tao trước lúc tao xuống.

ĐAM SAN.— Tao không thêm đâm mày trước lúc mày xuống. Con lợn dưới đất tao không đâm thì mày tác cũng không đâm.

Mơ-tao Mơ-xây đi ra. Chiếc *khiên* tròn như đầu con cú, gươm sáng như cầu vồng, và người cầm gươm oai nghiêm như một vị thần. Nó thắt chặt khố lên, bận một áo có nút, rồi nó đi xuống một cách cẩn thận, dè dặt, đi giữa đám đông người như sương buổi sáng.

ĐAM SAN.— Mày múa *khiên* trước đi.

MƠ-TAO MƠ-XÂY.— Cho mày múa trước. Tao là một con gà làng, cựa mới mọc nhọn như gai sắt. Tao là gà rừng, cựa nhọn như gai cây *kơ-cham* chưa ai đập lên.

ĐAM SAN.— Mày múa *khiên* trước đi!

Mơ-tao Mơ-xây liền múa. Tiếng *khiên* chỉ kêu « tốt-kơ-rốt » như hạt *ê-yan* trong quả khô.

ĐAM SAN.— « Kơ-rốt!... Kơ-rốt...! » Mày bắt chước hạt *ê-yan*? Mày bắt chước ai như vậy?

MƠ-TAO MƠ-XÂY.— Tao bắt chước ai ấy à? Tao bắt chước cậu tao.

ĐAM SAN.— Cậu nào?

MƠ-TAO MƠ-XÂY.— Tao bắt chước cả chú tao.

ĐAM SAN.— Chú nào? Tao với mày cùng múa đi.

MƠ-TAO MƠ-XÂY.— Mày không biết tao chỉ chuyên đánh nhau, bắt nô lệ và chiếm đất kẻ khác hay sao?

ĐAM SAN.— Hãy nhìn tao này!

Rồi Đam San múa *khiên*. Nhảy một nhảy, anh vượt qua một đám gianh, nhảy lùi một nhảy, anh vượt qua một bụi tre *mơ-ô*. Anh chạy qua phía tây, chạy qua phía đông. *Mơ-tao* Mơ-xây nhanh nhẹn đuổi theo phía đông, đuổi theo phía tây, tưởng là đuổi kịp. ném lao tới. Nhưng chỉ trúng một cuộn dây bằng da trâu.

ĐAM SAN.— Sao mày cắt cuộn dây? Còn dùi tao mày dành lại làm gì?

Chính lúc ấy Hơ-nhi quăng cho Đam San một miếng trầu cau vào miệng. Anh nhai và thấy sức lực tăng lên gấp bội.

ĐAM SAN.— Này! Chạy đi, tao sẽ đuổi đây!

Anh múa cao cây *khiên*. Tiếng múa giống như gió vù. Anh múa thấp cây *khiên*. Tiếng múa như bão. Một cái chòi vì hơi gió mà lật đổ tan tành. Anh múa mãi, chạy quanh ba dãy núi và đâm nát gianh ba tổng. Anh ném lao bên này, đỡ bên kia, tiến tới, tháo lui, mũi lao như những sao băng sáng ngời trên dùi *mơ-tao* Mơ-xây, nhưng đâm không thủng thịt. Anh đâm đã nhiều lần mà không thủng thịt. Người anh mệt như. Anh thêm thiếp như ngủ đi và thấy mình gặp Trời.

ĐAM SAN.— Hỡi Trời! Tôi chết mất! Tôi đã ném lao nhiều lần mà mũi lao không thủng thịt kẻ địch.

TRỜI.— Phải rồi! Này con, lấy một cái chày giã gạo và ném vào lỗ tai!

Đam San tỉnh dậy, chụp một cái chày ném ngay vào tai kẻ địch. Áo sắt rơi xuống, *mơ-tao* Mơ-xây bỏ chạy, chạy trốn chung quanh chuồng lợn, Đam San phá tan chuồng lợn, chạy trốn chung quanh chuồng trâu, Đam San phá tan chuồng trâu. Rồi *mơ-tao* Mơ-xây lăn đùng xuống đất.

MƠ-TAO MƠ-XÂY.— Khoan ! Xin đừng giết ta. Ta sẽ đền cho một con trâu, ta sẽ đền cho một con voi.

ĐAM SAN.— Sao lại nhận trâu, nhận voi ? Mày bắt vợ tao, chẳng khác gì mày chặt chân tao.

Nói rồi anh phóng lao, cắt đầu và cắm đầu lên cọc bêu ở ngoài đường.

ĐAM SAN.— Hỡi trăm ngàn chim muông ! Hỡi tất cả tôi tớ của *mơ-tao* Mơ-xây ! Tất cả các nơi có về theo ta không ?

Nói rồi tự vào nhà gọi từng người.

DÂN LÀNG.— Sao chúng tôi lại không đi ? Chủ chúng tôi đã chết rồi, đã thối ra rồi.

ĐAM SAN.— Hãy gõ vào phen và xà nhà làng này.

DÂN LÀNG.— Sao chúng tôi lại không đi ? Ông đợi tôi, để tôi cho lợn ăn đã.

ĐAM SAN.— Hỡi tất cả tôi tớ chỗ này chỗ kia ! Đến với ta ! Chủ các người đã chết. Ai chăn ngựa đi kiếm ngựa dẫn về ! Ai quản voi đi kiếm voi về ! Ai giữ trâu đi dẫn trâu về !

DÂN LÀNG.— Sao chúng tôi lại chẳng đi theo ông. Đầu làng đã bị cây rừng mọc choán. Cuối làng cả ột mọc lên (1). Chủ chúng tôi đã chết rồi.

ĐAM SAN.— Hỡi chim muông tôi tớ làng này ! Mau mau đi theo ta ! Chúng ta về luôn đây.

Họ trẩy đi, đông như bầy hươu bầy nai, lố nhố như kiến cánh, như bầy kiến đen, như bầy mối trắng. Và Đam San lại càng là một người chủ lớn, có nhiều chiêng nùm chiêng bằng. Tôi tớ của anh mang đồ đạc về như bầy ong lấy nhụy hoa về, như trai gái lấy nước về.

1— Ý nói: cảnh làng suy tàn, trở nên hoang vu.

ĐAM SAN.—Ơ các con ! Đi lấy rượu và bắt trâu về cúng ! Lấy năm chum rượu và năm trâu hiến cúng linh hồn người chết đã giữ thân mình ta khỏe đánh thắng địch, đã giúp ta bắt được tôi tớ và chiếm đất một tù trưởng lớn. Lấy bảy chum rượu, bảy con trâu cúng thần linh để thần linh khỏi giận, để thần linh che chở ta như cây cổ thụ, không còn ai giàu mạnh bằng ta. Hỡi anh em trong nhà ! Hỡi bà con trong làng trong xóm ! Chúng ta hãy mau mau làm lễ tết đầu năm. Hãy đánh chiêng trống lên ! Chiêng *hơ-long* phải có tay đánh khéo. Voi đực và voi cái cứ liên tiếp ghé hè nhà (1). Hãy làm thịt bò thịt trâu đầy nhà ! Hãy bày bát *mơ-tin* và bát *pơ-rang* ra đầy sán, đến nỗi không còn chỗ ngồi chỗ đứng !

TÔI TỚ.—Đánh chiêng nào hỡi ông ?

ĐAM SAN.—Đánh những cái chiêng kêu nhất. Những chiêng cất trong *gùi* và có đeo lục lạc. Đánh cho tiếng chiêng vượt qua sán nhà vang xuống dưới đất. Đánh cho tiếng chiêng vượt qua mái nhà vọng lên trời và lan ra khắp cả xứ. Hãy đánh cho đến lúc voi và tê giác phải lắng tai mà quên cho con bú ! Đánh cho ếch, nhái và dế cũng phải lắng tai nghe mà không kêu nữa.

Nhà Đam San đông đặc người đến uống rượu. Người lớn trẻ con và các tù trưởng vùng lân cận cùng đến ăn mừng lễ đánh thắng của Đam San. Đam San thì nằm trên võng, tóc thả dài xuống đưng trong một cái chiêng. Tất cả mọi người dự lễ uống rượu, ăn thịt lợn và thịt dê. Thịt lợn thì nấu trong ống tre *a-lé*. Thịt dê thì nướng trong ống tre *mơ-ô*. Trong nhà, các dây treo chiêng nhiều đến nỗi chẳng chịt lấy nhau như màng nhện. Ngoài hiên, vải sợi xanh đỏ vàng treo đầy sán, trông như hoa.

Đam San uống rượu suốt một ngày đêm mà cũng chẳng say. Vừa uống vừa kể chuyện triền miên cho mọi người nghe.

Rượu chảy xuống tràn ngập đất ở dưới nhà đến nỗi giun phải bò ra khỏi đất, dế bò ra khỏi lỗ, ếch nhái nổi lên kêu như là có mưa lụt.

1— Ý nói : có nhiều khách (Voi ghé nhà là đưa khách đến. Trên vùng cao nguyên, hầu hết dùng voi để đi lại).

Trong nhà, người ta đi lại chen chúc nhau, vai sát vai, vú sát vú, trong lòng ai cũng hoan hỉ vì có người tù trưởng thật oai hùng có không biết cơ man nào là chiêng đồng, là voi nhà, là rừng núi, đã từng đánh thắng không biết bao nhiêu là địch. Oai linh vang đến tận các thần núi từ phía đông cho đến phía tây.

Thịt lợn cứ đem thêm. Rượu cứ khiêng tới mãi.

Và người ta bàn tán không cùng, bàn rằng Đam San quả thật là một tù trưởng oanh liệt, dũng cảm hùng cường, cho đến nổi có mệt ngất đi cũng không hề chịu lùi bước. Chàng ta mang chấn choàng trên áo, tai đeo vòng, tay cầm gươm chạm trổ và sắc bén, toàn là đồ dùng của người giàu mới có. Chân chàng to bằng xà nhà, đùi to bằng ống bễ. Chàng khỏe như con voi đực, hơi thở như sấm vang, nằm xuống sàn nhà thì gãy cả sàn nhà; Đam San hùng cường ngay từ trong lòng mẹ.

Chơi bời vui đùa chán chê, rượu trong chum đã hết, dân làng giải tán, ai về nhà nấy.

.

Đam San nghỉ một ngày, ngủ một tối và một đêm. Một buổi sáng, anh gọi :

ĐAM SAN.— O' Y Sut! O' Y Sat! Anh là người nói hăng và tránh được các sự phiền hà, anh biết giúp đỡ tù trưởng. O' anh Y Bo-lim làng Bo-lò! O' anh Y Bo-lô làng Bo-lang, là làng trèo cây giỏi! Hỡi dân làng Hốt làng Hun là làng có lắm người tài!

Y SUT, Y SAT. — Có việc gì mà ông gọi chúng tôi?

ĐAM SAN. — Tôi gọi các anh không phải vì việc này việc nọ. Tôi gọi các chú đi đốn cây *mơ-rua*, đốn cây *kơ-tu*, đi lấy mây song.

Y SUT. — Tại sao chúng tôi lại không đi? Chúng tôi sẽ đi cả. Nhưng ông định đốn cây ở rừng nào? Định đi đường nào?

Họ cùng đi, trăm người đi trước, nghìn người theo sau, mang theo dao và rìu. Từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, họ ùng khắp rừng thưa, khắp rừng rậm.

ĐAM SAN. — Hỡi các con! Ta đồn rùng này. Ai đồn cứ đồn, ai chặt cứ chặt đi! Nhưng này, cây gì thế này?

TÔI TỚ. — Cây này là cây *sơ-mut*. Đây là cây linh hồn Hơ-nhi, Hơ-bhi. Cây *sơ-mut* như thế này còn có một cây ở phía đông nhà Hơ-nhi, Hơ-bhi, còn có một cây ở phía tây hiên nhà. Ấy là cây sinh ra Hơ-nhi, Hơ-bhi. Rễ nó xuống tận âm ty. Thân cây từ suối đất mọc lên, cây rất rậm rạp. Chẳng có cây nào rậm cành rậm lá như cây này. Phải một năm đi mới khắp vòng gốc nó. Phải một tháng mới trèo đến cuối cành nó. Lá dài bằng một sải chân ngựa. Gốc cây sâu xuống tận âm ty. Thân cây cao vút tận trời. Chẳng có cây gì cao bằng nó. Thật là cây quý, cây sống đời đời. Trời đã trồng ra nó và vun gốc cho nó. Nó lớn lên chừng nào là nứt đất mà lên. Cây rậm lá nhiều mà lại biết uốn theo gió rồi lại đứng thẳng lên, không bao giờ gãy. Cây này quả thật là cây thần.

ĐAM SAN. — Vậy thì ta đồn cây này đi! Ai riu mẽ thì mài đi! Ai dao mẽ thì mài đi!

Hơ-nhi, Hơ-bhi đợi Đam San suốt tháng suốt năm.

HƠ-NHÍ. — O' các con! Mau đi bắt voi về!

TÔI TỚ, gọi voi. — O' Đut mày ăn tre *a-lê*! O' Đê, mày ăn tre *mơ-ô*! Chủ mày là Hơ-nhi, Hơ-bhi đi tìm ông Đam San, ông ta đi lấy song, đi lấy chuỗi rùng. Từ lúc ông đi đến nay đã một năm, bao chuyến trăng sáng đã qua và ve sầu đã kêu lại một kỳ khác.

HƠ-NHÍ. — O' các con! Ta hãy đi tìm ông Đam San, có lẽ ông lạc trong rừng, lạc trong các đầm nước đã một năm nay rồi.

TÔI TỚ. — Phải, thưa bà chúng ta đi ngay.

Rồi hai nàng đi. Hai người nhà đi theo. Ba người ăn nói có tài cũng cùng đi theo. Hai nàng gọi thêm một trăm người, tập hợp thêm nghìn người, gọi theo anh em thân thuộc. Trên một con voi đực để bánh mây, trên con voi cái để bánh có mái, những gái làng đẹp để ngồi trong bánh.

Họ đi vào rừng sâu, đi lang thang không có hướng nhất định như lá cây bị gió đưa đi. Đêm ngủ, ngày đi. Họ đến đúng chỗ Đam San đang chặt cây. Họ thấy cây rung rinh liền nói:

HƠ-NHÍ. — Sao lại làm như vậy? Cây này là cây *sơ-mut*, giống như cây ở phía đông nhà ta và ở phía tây hè ta. Cây này là cây tổ tiên của ta từ xưa đến nay, sao lại đốn cây này? Anh muốn chúng tôi chết hết à? Anh cứ ăn tim bò trong một cái mâm, ăn tim trâu trong một cái bát. Anh cứ uống trong chum *tuk* chum *tang*. Anh ở lại, còn chúng tôi về thôi.

Nhưng Hơ-nhi, Hơ-bhi thấy Đam San vui vẻ như một ngày lễ đầu năm. Anh ta và bao người cứ uống rượu, ăn thịt lợn thịt trâu rồi cố đốn cho được cây.

ĐAM SAN. — O' các con! Hãy moi đất lên như lợn moi! Cứ chặt thật mạnh như dê bạng! Cố gắng nữa lên! Làm sao cho nhát rìu sáng chói lên như chớp ban đêm.

TÔI TỚ. — Thưa ông, gốc nó xuống tận dưới nước! Thân nó vươn lên trời. Không biết nó có chịu ngã không?

ĐAM SAN. — Cây đã nghiêng rồi, nó muốn gãy! Nhưng phía sau bở chưa sâu. Hãy đào sâu phía ấy, đào như lợn đào đất! Bỏ cho thật mạnh vào gốc, bỏ như dê bạng nhau! Cho rìu tóe ra lửa.

Đam San đốt đèn soi vào dấu bở cây. Dấu bở đã sâu hoắm. Cây nghiêng nghiêng. Từ gốc đến cành rung rinh muốn ngã. Hơ-nhi, Hơ-bhi muốn bỏ chạy. Hai nàng hết sức khiếp sợ, muốn chạy đi. Hai nàng chạy vòng quanh gốc cây thì cây lại quay tít trên đầu hai nàng. Đam San nói:

ĐAM SAN.— Hỡi Hơ-nhi, Hơ-bhi! Chạy mau đi!

Hơ-nhi, Hơ-bhi chạy sang phía tây, cây cũng nghiêng qua phía tây. Hai nàng chạy sang phía đông thì cây cũng nghiêng theo phía đông. Hai nàng chạy sang hướng người Mơ-nông thì cây cũng nghiêng theo hướng người Mơ-nông. Hai nàng chạy sang hướng người Bih thì cây cũng nghiêng theo hướng người Bih. Hai nàng chạy theo hướng người A-đa-ham thì cây cũng nghiêng theo hướng người A-đa-ham. Đam San kêu to:

ĐAM SAN.— O' Hơ-nhi, o' Hơ-bhi! Chạy theo đường về làng!

Và hai nàng chạy theo đường về làng. Cây cũng ngã theo đường về làng.

HƠ-BHI.— Chị ơi! Em chạy không nổi nữa!

HƠ-NHÍ.— Chúng ta nương nhau mà chạy!

Gói trầu cau rơi tứ tung. Hai người đến gần làng thì cây cũng nghiêng thấp xuống gần. Lúc vừa đến nhà thì cây cũng vừa sập xuống đất với một tiếng kêu khủng khiếp vang lên đến tận trời. Cây ngã xuống làm đổ theo các cây cối khác, nên trong cả vùng, rừng cây bị tan tành hết. Cành cây quật vào không khí gây nên một cơn bão phá tan mọi thứ chung quanh. Cây sập xuống vừa lúc Hơ-nhi vào nhà áo váy tả tơi, Hơ-nhi vật xuống nằm ở cửa.

Đam San cũng chạy về, dọc đường nhặt lấy váy và áo của Hơ-nhi và Hơ-bhi. Anh vừa chạy vừa khóc. Tới nhà gặp Hơ-nhi nằm giữa nhà, bế vào nhà sau, tới buồng lại thấy Hơ-bhi, lại bế luôn, để Hơ-nhi nằm trên một bắp vế mình và Hơ-bhi trên một bắp vế.

Tôi tớ đến thăm hai bà chủ chết, chết kỳ dị như chết đuối chết ma. Họ khóc :

TÔI TỜ.— Hỡi ông, các bà tôi chết cả rồi! Chúng tôi không còn ai nữa! Chúng tôi chỉ còn một mình!

Đam San khóc từ sáng đến tối, từ tối suốt sáng. Thấy tôi tớ tạc tượng để dựng nhà mồ, anh nói :

ĐAM SAN.— Hỡi các con! Hãy đừng vội làm hòm. Hãy đừng vội tạc tượng. Hãy đợi ta về đã. Ta đi hỏi Trời xem Trời có thương người, có cho lại ta những người nấu cơm cho ta, dệt áo khổ chota không. Bà con và tôi tớ hãy lấy chiêng ra đầy nhà mà đánh. Giữ gìn lấy xác Hơ-nhi, Hơ-bhi chết như lúa ngập nước, như cỏ nắng khô. Linh hồn đã bị lạc mất rồi. Hãy mời khách đến ăn uống như ngày lễ tết đầu năm. Cho ai cũng biết tin. Đến cả thần linh trên núi cũng biết. Cho người Bih nghe tin mang trâu đến lễ. Cho người Lào nghe tin mang bò đến lễ. Người Bơ-lô, người Ê-pan nghe tin đưa lợn gà đến viếng. Hãy đánh, đánh chiêng trống lên. Ai khéo tay ra đánh chiêng *hơ-long*. Cho voi đực và voi cái ghé luôn sán nhà đưa khách tới.

Y SUT, Y SAT.— Thưa ông, vậy ông đi đâu?

ĐAM SAN.— Ta đi kể khổ với Thần Nước. Ta đi khóc với Thần Đất. Ta đi lên trời.

Và Đam San lấy gương, mài sắc đến nổi con ruồi đậu lên cũng bị bỏ làm hai.

Anh đi đến nhà Trời, anh gọi :

ĐAM SAN.— O Trời ! Thả xuống một cái thang !

Trời bỏ xuống một cái thang đồng ! Đam San chặt gãy ngay. Trời bỏ xuống một cái thang sắt lấp lánh, Đam San cũng chặt. Trời bỏ xuống một cái thang bạc, Đam San cũng chặt luôn. Trời bỏ xuống một cái thang vàng, Đam San mới chịu lên.

TRỜI.— Cháu đến có việc gì đó ?

Đam San ngồi im không nói gì. Trời đưa thuốc cho Đam San hút. Đam San liền chụp ngay búi tóc Trời.

ĐAM SAN.— Tôi chặt ngay cái đầu Trời đây !

TRỜI.— Tại sao lại chặt đầu ta ?

ĐAM SAN.— Tại sao tôi chặt đầu à ? Vì tôi gọi mãi mà Trời không nghe. Vì Trời không chịu nghe lời than khóc của tôi. Vì tôi đã lễ Trời bao nhiêu rượu, lợn, trâu mà Trời không chịu mở cửa sắt ra. Hãy nhìn lại Đam San này. Xem nước mắt ròng chảy đầy một bát, chảy ngập cả chiếc chiếu. Trời ơi ! Vợ tôi đã chết rồi ; thật đã chết rồi, người nấu cơm và sắm thức ăn cho tôi, người dệt áo khố cho tôi ! Chính Trời trước kia đã cho tôi đến ở nhà vợ tôi. Chính Trời đã cho nàng làm vợ tôi. Chính Trời đã trộn lẫn sơn với dầu. Chính Trời đã buộc cương vào miệng ngựa, buộc dây vào mũi trâu, buộc trai với gái. Chính Trời đã ép buộc chúng tôi lấy nhau, đã dọa tôi rằng nếu không lấy thì bắt tôi làm tôi tớ Hơ-nhi còn nếu tôi lấy Hơ-nhi thì tôi sẽ thành một tù trưởng giàu mạnh, có nhiều chiêng nùm chiêng bằng. Bây giờ tôi đã có nhiều chiêng nùm chiêng bằng, tôi đã có nhiều tôi tớ trai và gái, thì nay ai sẽ nấu cơm cho tôi, ai sắm thức ăn cho tôi, ai dệt khố áo cho tôi ?

TRỜI.— O cháu ! Lấy nhụy hoa *kơ-pô* và nhụy hoa *kơ-pun* luyện đã ba năm và đem tưới cho hai người luôn trong ba buổi sáng.

ĐAM SAN.— Tôi còn làm như thế làm gì ? Hai người đã chết rồi, không đứng dậy được nữa, thân thể đã rữa ra rồi, làm sao nàng còn sống lại được như trước kia, với nét mặt đẹp đẽ, thân hình gọn ghẽ ?

TRỜI.— Con lấy tỏi nhai kỹ và phun vào tai hai người, lấy củ chia quăng lên trên hiên nhà làm phép.

Thế rồi Trời làm cho Hơ-nhi, Hơ-bhi hồi tỉnh lại, hai người tuy trước đã chết như lúa bị ngập nước, như cỏ bị nắng khô, như bị ma quỷ bắt mất hồn.

Đam San trở về nhà, tóc bù rối như người sắp chết. Về nhà, thấy người ta đang đánh trống đánh chiêng. Voi đến ghé trước sân nhà không ngớt. Láng giềng bà con đến ăn uống như ngày lễ đầu năm. Nhiều người đến cạnh người chết và chuẩn bị đưa đám. Họ vào nhà, đông đến nỗi từ xa thấy những ngọn lao ngọn gươm của họ như ánh sáng chiếu lên đám cỏ gianh đầy hoa.

Anh bước lên nhà, thấy quả vợ anh đã chết. Anh khóc.

ĐAM SAN.— Vợ tôi chết như lúa bị cắt, đã chết thật rồi. Tiếc thay người thần linh cho tôi, để tôi được trở thành một tù trưởng giàu mạnh. Tôi là lá đa, tôi quyến luyến với cây đa. Thần linh hãy cho tôi phép làm sống lại vợ tôi, cho nàng tỉnh dậy ăn gan bò trong mâm, ăn gan trâu trong bát, uống rượu trong chum *ché tuk*, trong chum *ché tang*. Hỡi Hơ-nhi, Hơ-bhi ! Tại sao cứ ngủ mãi vậy ? Sao không dậy, không sống lại, sao mắt đã vội quên ? Hãy xem kia, *ché tuk ché ba* (1) cứ liên tiếp đưa ra uống, bò trâu cứ thui mãi, lợn đầy chuồng, trâu có đến sáu chục con. Ta thổi thuốc linh thiêng vào tai em, ta trún vào miệng em !

Như vậy rồi Hơ-nhi, Hơ-bhi sống trở lại, tỉnh lại, đứng dậy rửa tay trong một nồi nước, rửa mặt trong một bát đồng. Hai nàng nói :

HƠ-NHI, HƠ-BHI.— Ô anh ! Sao anh khóc lóc về chúng tôi mãi thế ? Chúng tôi chỉ ngủ thôi. Mà tại sao lại xếp đầy vải bông vải hoa chung quanh chúng tôi như thế này ?

ĐAM SAN.— Ô các con ! Nàng đã sống lại rồi ! Ai giữ trâu đi bắt trâu về. Ai giữ bò đi dắt bò về. Ai giữ chum rượu hãy đi khiêng về. Đánh trống đánh chiêng lên ! Những tay khéo léo hãy đánh chiêng *kot* cho tiếng vàng tiếng bạc ngân lên. Đánh lên chiếc trống *đam bơ-hu*, chiếc

1 — *Ché tuk, ché tang, ché ba* : tên các loại chum dùng đựng rượu. Loại chum này người Ê-đê rất quý, mỗi chum có giá trị trao đổi bằng bốn năm chục con bò.

trống thần mà tiếng kêu át cả sấm vang. Cự đánh lên đi, vì Hơ-nhi và Hơ-bhi đã thật sống lại rồi, Hơ-nhi và Hơ-bhi mà Trời đã cho ta để ta trở thành tù trưởng giàu mạnh, người tù trưởng đầu đội khăn kếp, vai mang túi da.

.

Đam San nghỉ một ngày, nghỉ một đêm và một chiều. Một buổi sáng, anh nói :

ĐAM SAN. — O' Hơ-nhi, O' Hơ-bhi ! Đừng mong đợi tôi nhà !

HƠ-NHI. — Thế anh đi đâu nữa ?

ĐAM SAN. — Tôi đi vào rừng xa. Tôi đi vào rừng không cùng tận. Tôi nghỉ ban đêm. Tôi đi ban ngày.

HƠ-NHI. — Sao lại muốn đi nữa ? Nếu anh muốn chiêng nùm thì đã có ở nhà. Nếu anh muốn chiêng bằng thì ở nhà chưa đủ hay sao ?

ĐAM SAN. — Sao tôi lại đi kiếm chiêng nùm ? Sao tôi lại đi kiếm chiêng bằng ? Tôi đi chơi thôi, đi chơi không, không có việc gì.

HƠ-NHI. — O' anh ! Bao nhiêu chiêng nùm đều là của anh, bao nhiêu voi đều là của anh. Anh là một tù trưởng giàu mạnh, đầu đội khăn kếp, vai mang túi da. Trăm chiêng nùm đã có. Trăm chiêng bằng anh đã có. Trăm con voi, anh đã có. Rừng đầy tràn nôi đồng của anh, đồng nước đầy tràn nôi đồng của anh. Lợn dè anh đầy sà. Tiếng tằm anh vang đến tận Thần Núi ; từ phía tây đến phía đông, ai cũng phải khen anh là người gan dạ, anh dũng, đến nỗi bị thương hay ngắt đi cũng không lùi trước kẻ địch.

ĐAM SAN. — Tôi muốn đi bắt Nữ thần Mặt Trời. Như vậy mới thành tù trưởng hết sức giàu mạnh, có nhiều chiêng nùm chiêng bằng, trên đời không ai bì kịp. Người Lào cũng không hơn. Người Mơ-nông cũng không dám sánh. Lúc đó, tôi đến đầu, tre *a-lê* phải cúi xuống ; tôi đến đầu, tre *mơ-ô* phải khô. Tôi đến đầu, núi sẽ vỡ, suối tan. Tại sao tôi muốn đi ? Tôi nghe nói trong tất cả thần linh ở núi, từ tây sang đông thì Nữ thần Mặt

Trời là người đẹp nhất. Bắp chân nàng tròn. Váy nàng đẹp tuyệt vời. Đừng có mong đợi tôi. Tôi nghỉ mười ngày, tôi ngủ năm đêm, tôi tìm kiếm suốt một năm.

Rồi Đam San cưỡi ngựa ra đi. Chàng khoác áo màu đen màu trắng. Tay cầm lao. Gương giắt thắt lưng. Chàng đến nhà Tăng Mãng.

TĂNG MÃNG. — Thưa anh đi đâu? Có việc gì?

ĐAM SAN. — Tôi đói đến kiếm cơm. Tôi khát đến kiếm rượu uống. Tôi đi tìm dầy *păm-pin*. Tôi thèm thịt bò thịt trâu, đến kiếm ăn.

TĂNG MÃNG. — Đây cơm, đây gà rán, đây rượu cần và bây giờ anh hãy nói chuyện anh cho tôi nghe. Anh đi đâu mà vội vàng như vậy?

ĐAM SAN. — Tôi vội là vì tôi muốn bắt Nữ thần Mặt Trời. Anh ở gần rừng, anh có biết con đường đi tới chỗ nàng nuôi trâu nuôi bò không?

TĂNG MÃNG. — Anh ạ! Tôi chỉ như một đứa trẻ không biết rõ rừng. Tôi chỉ như người đàn bà không biết đường voi đi ở đâu, không biết đường tê giác ở đâu. Tôi không biết trâu bò nàng ở đâu cả.

ĐAM SAN. — Tôi hỏi xem anh biết không vì anh ở gần rừng, vì anh ở giữa đông và tây. Đi, anh giúp tôi, dẫn tôi đến chỗ trâu bò của nàng đi qua. Hãy giúp tôi tới đó!

Rồi hai người đi. Họ ngủ mười đêm trong rừng, ngủ năm ngày, đi luôn một năm. Một người cưỡi ngựa đực, một người cưỡi ngựa cái. Tiếng ngựa chạy nghe như tiếng sông than, như tiếng biển thở. Tiếng vó ngựa trồm lên tất cả rừng núi. Họ đến làng Đam Pạc Quay. Trẻ con trên sàn đứng xem. Phụ nữ đứng ngắm. Ai cũng biết danh tiếng Đam San, biết là một tù trưởng giàu mạnh đầu đội khăn kếp, vai mang túi da. Họ đến đầu làng. Họ đến tận nhà. Người đến buộc ngựa, kẻ đến xem, và ngắm nghĩa. Chỉ hai bước họ đã lên nhà, dậm chân lên sàn nhà làm nhà lắc bảy lần qua phía đông. Đam San móc dao vào phen rồi lại ngồi giữa nhà, trông dềo như con rắn trong hang, con hùm bên bờ suối. Tiếng nói tiếng cười của chàng nghe như

sấm vang sét đánh. Chẳng ở đâu có người cười nói như Đam San.

ĐAM PAC QUÂY. — Hỡi các con ! Mau đưa ông một cái gối ! Mau mang chiếu tới, mau mang tới một cái chăn, dưới trái chiếu trắng, trên trái chiếu đỏ ! Mau mang thuốc lá, thuốc thái nhỏ đựng trong một bát đồng, thuốc nguyên lá đựng trong cả thúng ! Sao cho khách Đam San hút mãi mãi không hết. Nấu một con gà ấp và một con gà đẻ, giã trắng gạo, nấu cơm và đưa mời khách ăn. Đi lấy rượu về, lấy rượu đựng trong chum *ché tuk*, chiếc chum miệng rộng như miệng người Mơ-nông, chiếc chum chạm ở trên, cần ở dưới, chiếc chum quai có vẽ và đáng giá ba voi. Ai đi lấy nước thì đi lấy đi. Ai đánh chiêng đánh đi. Ai cắm ống cần (1) thì cắm đi !

Cắm cần rồi mời Đam San uống trước.

Đam San uống mãi, uống không ngừng.

ĐAM PAC QUÂY. — Hỡi anh ! Bây giờ ta đã uống rượu, đã ăn gà, đã ăn cơm, tôi xin hỏi : có chuyện gì mà anh tới đây ? Có ai đánh cướp nhà, có ai xâm chiếm làng, có ai bắt trai gái trong làng không ?

ĐAM SAN. — Không phải vậy đâu. Không phải tôi đến vì chuyện nọ chuyện kia đâu. Tôi đến nghe tự miệng anh, nhờ anh cho biết chúng tôi đi bắt Nữ thần Mặt Trời được không ?

ĐAM PAC QUÂY. — Ấy chết ! Đường này đầy cọp. Đường đi đầy rắn độc. Anh không thể đi đến Nữ thần Mặt Trời đâu. Người ta đã cắm bẫy trên đường đi hái ớt. Tù trưởng vào chết tù trưởng. Người giàu sang vào cũng chết người giàu sang. Người gan dạ vào chết người gan dạ.

ĐAM SAN. — Chẳng lẽ không ai vào được sao ? Đối với người gan dạ, anh dừng đến mức không bao giờ lùi bước, dầu sắp chết hay ngất đi cũng không lùi, thì có vào được không ? Trời bảo vệ thân thể tôi, anh không cho tôi đi cũng mặc, tôi cứ đi. Tôi đã mang theo bùa ngải trước nay đã giúp cho tổ tiên tôi thắng, mà nay cũng sẽ giúp tôi thắng. Bùa ngải này

1 — Cắm cần vào chum rượu để hút rượu.

giúp cho tôi giết chết tê giác dưới hầm sâu, giết chết hùm cộp giữa rừng rậm. Nói gì thừ bò cạp giữa đường, rết trên ngọn cây! Nói gì hùm và cộp có thể gặp!

ĐAM PAC QUÂY. — Ấy chết! Dưới nước thì dĩa, trên cây thì sên, nó cắn chết. Xương người đầy bìa rừng, xương trâu xương bò đầy núi. Chỗ ấy đã chết biết bao tù trưởng khỏe mạnh và cương quyết. Đất trong rừng là đất đen, nhão như nước. Nhiều tù trưởng đã chết lún trong đất lỏng ấy. Tôi giữ anh lại thôi. Nhất định tôi không thể để anh đi. Tôi làm lễ cho anh một con lợn, một con trâu, nhưng nhất định không để anh vào rừng của Trời, rừng đầy chông gai, nhiều đến nỗi con sóc có nhảy vào thì thân đã bị đâm thủng trước lúc chân sờ tới đất.

ĐAM SAN. — Mặc kệ! Để tôi kiếm một lối đi. Tôi sẽ đi tới chỗ tôi muốn! Gặp hùm tôi sẽ giết hùm!

ĐAM PAC QUÂY. — Lúc đang ở thì anh không ở. Lúc đang đi thì anh không đi. Đốt một cái đuốc rồi đi vào lúc còn tối.

ĐAM SAN. — Khắp nơi, từ người Ê-đê vùng sông lớn, đến người Mo-nông vùng hạ lưu, từ tây sang đông, đứa nào cả gan dám nói Đam San này không phải là một tù trưởng đầu mang khăn kép, vai mang túi da? Ta đây không sợ.

ĐAM PAC QUÂY. — Anh chưa đi à? Ấy chết! Tại sao chưa thắp đuốc mà đi lúc còn đêm tối? Làm sao thấy được để khỏi rơi vào rừng voi, khỏi rơi vào đất lỏng rừng bà Sun Y Rit (1)?

ĐAM SAN. — Bây giờ quá nửa đêm rồi. Gà đã gáy tứ phía. Trời sắp sáng. Thần Ánh Sáng sắp lên.

ĐAM PAC QUÂY. — O' anh! Anh chỉ đi theo ngựa cho đến lúc nào trời còn tối và đất còn rắn. Vì đến lúc mặt trời lên, đất sẽ nhão lại, trở nên mềm lún. Người ta vẫn nói rừng Sun Y Rit như vậy đó.

Rồi Đam San lên đường, đi qua rừng âm u, trèo qua núi rậm. Cổ gianh cắt nát tay anh. Mây cắn nát chân anh. Anh

1 — *Sun Y Rit*: nhân vật trong thần thoại Ê-đê. Theo thần thoại, bà ta ở trong khoảng rừng rộng mênh mông giữa trời và đất.

không có một thứ gì ăn uống. Anh cứ đi mãi, đi mãi, càng đi càng thấy rừng vắng như không có ai ở. Anh đi đến chuồng nuôi trâu, bên trên có thả điều của Trời. Chỗ đó không có ai, đàn ông cũng không, đàn bà cũng không. Đi mãi, gặp một cái hàng rào dưới làm bằng dây đồng, trên làm bằng dây sắt. Anh thoáng thấy làng của người gìn giữ Mặt Trời Mặt Trăng. Tới một chỗ cao, anh chặt một sườn núi, ném xuống bùn làm con đường để vượt qua ranh giới giữa trời với đất. Anh đến một nhà đơn độc, nhà vợ chồng Hơ-kung và Y Du⁽¹⁾ ở với Thần Mặt Trời và Thần Mặt Trăng. Người ta nghe tiếng sấm sét, tiếng mưa rơi y như ngựa thở. Ở đây sáng luôn không có đêm tối. Anh thấy cái nhà Nữ thần Mặt Trời ở. Thang lên nhà là một cầu vồng. Cối giã gạo bằng vàng. Chày cũng bằng vàng, lúc dùng thì ánh sáng lóng lánh ngợp mắt. Anh xuống ngựa, mở yên, trèo lên thang nhà, tin cho trong nhà biết, rồi đứng ở sân hiên nhìn qua nhà của Thần Mặt Trời. Anh ngắm nghía nhà to, ngắm vọi quanh sân nhà, trong nhà đầy chiêng nôm và chiêng bằng. Tôi tớ và trai gái đông như mây. Sườn nhà thép vàng. Tất cả nhà các tù trưởng giàu mạnh chưa có nhà nào như vậy. Anh đi qua cửa, móc dao vào phen, ngồi giữa nhà. Người nhà đi lại từ nhà sau ra đằng trước nhìn Đam San như nhìn một thần linh mà danh tiếng đã vượt qua núi rừng tới Thần Ánh Sáng.

NỮ THẦN MẶT TRỜI.— O' các con! Xem người nào lạ vào ngoài nhà.

TÔI TỚ.— Thưa bà, chúng tôi không biết. Người ấy mặc một cái áo dạ. Lông chân mịn như chuôi dao. Giọng nói như tiếng ve sầu. So với tất cả các tù trưởng không có ai giống như thế.

Nữ thần Mặt Trời thay một cái váy mới. Thấy váy đó chưa đẹp, lại thay váy khác đẹp hơn. Váy này nhấp nhánh như chớp sáng. Tóc nàng chải bóng che xuống hai tai. Nàng đi ra khỏi buồng và tới đâu thì chỗ ấy sáng lên. Dáng đi như chim điều bay, như chim phượng hoàng liệng, như nước chảy êm đềm.

1— *Hơ-kung, Y Du* : tên hai nhân vật trong thần thoại Ê-đê.

Lúc dừng lại, ngồi hay đứng, cũng đẹp không ai so tầy. Tiếng nàng nghe rõ mặc dầu người chưa thấy. Cổ nàng đẹp như cổ con công. Nàng là con của Trời và Đất.

NỮ THẦN MẶT TRỜI.— Anh muốn gì, hỏi người dưới trần thế ?

ĐAM SAN.— Tôi đến đây vì muốn có người nấu cơm cho tôi ăn, dệt vải cho tôi mặc.

NỮ THẦN MẶT TRỜI.— Tại sao anh lại để dao ở không, để vợ anh một mình, để tôi tớ anh ở nề ?

ĐAM SAN.— Dao tôi cầm ở tay, riu tôi đã có cán, và ở trên đất, đàn ông đàn bà đã vừa đôi.

NỮ THẦN MẶT TRỜI.— Sau lưng thì anh yêu một người mà trước mặt thì anh lại cười nói với người khác !

ĐAM SAN.— Tôi muốn có hai vợ lẽ, tôi muốn có một vợ thật đẹp và tôi hứa với nàng tôi sẽ mang nàng xuống trần để lập một gia đình chung với Hơ-nhi, Hơ-bhi.

NỮ THẦN MẶT TRỜI.— Thôi ! Sao lại đi chỗ khác ? Tôi muốn ở lại quê hương của ông bà tôi, ở lại làng của tổ tiên đã sinh ra các thần Mặt Trời Mặt Trăng. Tôi muốn ở lại xứ tôi là chỗ giáp giới giữa trời và đất.

ĐAM SAN.— Sao lại không đi ? Tôi đã chịu khó lấp vũng đất lòng ngập tới đầu gối, ngập tới nách, để đi đến đây.

NỮ THẦN MẶT TRỜI.— Nhưng nếu tôi đi, ở trên đất lợn gà sẽ chết hết. Tê giác, trâu, bò, lừa, ngựa sẽ chết hết. Người Miên người Lào cũng sẽ chết hết. Sẽ không còn đất để làm nương rẫy. Người Ê-đê sẽ không còn nước uống, cây cối sẽ không còn ra trái. Nếu tôi đi, cây cối trong rừng rậm sẽ chết, cây cối trong rừng thưa sẽ khô héo. Lau sậy, cỏ gianh sẽ không còn cây non, không mọc lại nữa. Trên đất sẽ nắng hạn lớn, nước suối sẽ khô. Thôi người đi đi, vì chốc lát, ta sẽ mọc lên đây.

ĐAM SAN.— Không ! Tôi không đi đâu. Với dao và nỏ, tôi đã đi qua rừng, tôi đã giết tê giác dưới vực thẳm, tôi đã giết hùm trong núi cao, đã giết quạ diều trong cây trổng, giết ma quỷ trên các đường đi. Tôi đã hết lòng hết dạ để đến với nàng,

vì tôi muốn ở với nàng, chỉ lúc nào nàng chịu ở với tôi thì tôi mới chịu về.

NỮ THẦN MẶT TRỜI.— Thôi người đi đi! Đi ra khỏi nhà! Vì ta là con của Trời. Người chỉ biết ăn cơm, rửa ráy với nước lá, ta không thể nhận cùng ở chung chạ được đâu.

ĐAM SAN.— Tôi nghĩ tôi thương nàng, nhưng nàng đằng sau lưng thì nói không thương tôi, đằng trước mặt thì cười nói mà không nhận lời. Thôi tôi trở về làng cũ vậy!

NỮ THẦN MẶT TRỜI.—Hãy khoan! Đừng đi bây giờ, vì ta sắp lên! Và như vậy người sẽ chết ngay.

ĐAM SAN.— Tôi không cần chết hay sống. Tôi muốn đi ngay.

Nói rồi anh lên ngựa đi về. Lúc đó, Mặt Trời ló lên trên đỉnh núi. Ngựa Đam San chạy hết tốc độ đến khoảng giữa rừng. Mặt Trời tỏa ánh sáng ra tứ phía. Đất trở nên nhão. Ngựa ngấp đến chân. Mặt Trời lên mãi đến nửa trời, ngựa vẫn còn chạy, bùn ngấp đến bụng. Mặt Trời lên dần mãi đến đỉnh đầu, đất loãng ra như nước, ngựa ngấp mình và cả Đam San cũng ngấp lún vào đất.

Trước lúc lún ngấp, Đam San thấy con bướm bay qua.

ĐAM SAN.— Hỡi Bướm! Cứu ta với!

BƯỚM.— Tôi không cứu được.

Đam San thấy một con chuồn chuồn bay qua.

ĐAM SAN.— Hỡi Chuồn Chuồn! Cứu ta với!

CHUỒN CHUỒN.— Tôi không cứu được.

ĐAM SAN.— Không cứu ta được thì hãy đến làng vợ ta nói rằng ta bị lún trong rừng ma, trong rừng bùn, trong rừng bà Sun Y Rit, trong rừng U Minh đen như mực.

Chuồn Chuồn liền bay đi, đến nhà Hơ-nhi, Hơ-bhi.

CHUỒN CHUỒN.— Hỡi Hơ-nhi, Hơ-bhi! Tôi đến tin cho biết chồng các chị là Đam San chết ngấp trong rừng sập đen.

HƠ-NHI.— Anh ấy ở đâu đến đó?

CHUỒN CHUỒN.— Anh ấy đi bắt Nữ thần Mặt Trời về, bị lún trong rừng đen, rừng đất bùn bà Sun Y Rit.

HƠ-NHÍ. — Nói đùa à? Có thật không?

CHUỒN CHUỒN. — Sao tôi lại nói đùa như vậy được! Thật Đam San chết rồi, chết trong rừng hoang. Ánh nắng lên đã làm đất sập tan ra nước, anh ấy bị ngập trong bùn giữa rừng đen như mực, không gặp được một bà con thân thích nào cả.

HƠ-NHÍ. — O các con! Hãy chạy đến nhà Hơ-âng, chị ông Đam San, nói cho biết ông Đam San đi bắt Nữ thần Mặt Trời bị lún ngập trong rừng U Minh Sun Y Rit.

Tôi tớ đi đến nhà Hơ-âng.

TÔI TỚ. — Thưa bà, chúng tôi đến báo tin bà biết ông Đam San chúng tôi bị lún ngập trong đất lỏng rừng U Minh Sun Y Rit, chỗ giáp trời.

HƠ-ÂNG. — Hỡi các con! Hãy mang trâu bò không kể bao nhiêu ra mà thui, để làm lễ cúng em ta chết trong rừng sập đen!

HƠ-NHÍ, HƠ-BHI. — Hỡi các con! Ta đi làm đám cho ông các con chết trong rừng bà Sun Y Rit. Hãy gọi hàng trăm hàng nghìn dân làng, hãy gọi tất cả tôi tớ của ta. Ta đi làm lễ an táng. Ai giữ ngựa hãy dắt ngựa tới. Ai giữ bò hãy dắt bò tới!

Họ đi rất đông, người mang dao, kẻ mang kiếm. Đám người nhiều như bầy nai, lúc nhúc như bầy kiến cánh, tràn ra như bầy mối, bầy kiến đen. Trong đám người có các tù trưởng người Bih mang vòng răng hùm, có các tù trưởng người Mơ-nòng mang vòng răng gấu. Đám người đông không biết bao nhiêu mà kể.

HƠ-ÂNG. — Ai làm cột mồ hãy làm đi. Ai làm nhà mồ làm đi. Ai thui trâu bò hãy thui đi. Ai đánh chiêng trống hãy đánh lên đi. Ai nấu cơm hãy nấu đi!

Và người ta nghe Hơ-nhi, Hơ-bhi khóc mãi. Nước mũi ra ngập cả mũi. Nước mắt ngập cả tay chân. Khóc suốt ngày, khóc suốt đêm, chẳng còn biết đến ngày đêm gì nữa.

HƠ-NHÍ, *khóc than*. — O anh! Anh như cây đa to lớn. Không có chỗ nào có người tù trưởng oanh liệt như anh. Từ vùng người Bih đến vùng người Mơ-nòng, không có ai như anh.

Tôi cứ tưởng anh chết thì có tạc tượng, có nhà mồ, và có hòm quách làm cả năm, thế mà bây giờ anh lại chết trong rừng sập đen.

Mẹ dặn anh, anh không nghe. Cha dạy anh, anh không nhớ. Anh chơi bời cho đến thiệt thân anh. Từ nay, anh sẽ không ăn cơm, sẽ không uống nước, anh không còn ăn thịt bò thịt trâu. Cơm tôi khô trong đĩa. Gà rán trong mâm khô dần như một con điều gầy, chỉ vì anh bị lún ngập trong đất lỏng rừng đen.

HƠ-BHI, *khóc*. — O' anh, o' anh! tôi tưởng anh chết đang lúc đánh kẻ địch, đang bắt tù binh, tưởng anh đang xâm chiếm đất đai kẻ khác. Thế mà anh lại chết trong rừng hoang vắng. Anh hãy về ăn tim bò trong mâm, ăn tim trâu trong đĩa, uống rượu trong *ché tuk ché tang*.

HƠ-ANG. — Em hỡi! Trước kia em là một tù trưởng giàu mạnh. Nếu em có bị người Mơ-nông bắt mất, nếu em bị một tù trưởng bắt mất thì dù hết bao nhiêu chiêng, hết bao nhiêu voi, bao nhiêu tời tở, chị cũng chuộc lại em. Bây giờ thì em đã chết rồi, chị không còn được thấy mặt, không còn bao giờ chị được gặp em.

HƠ-BHI, *khóc*. — Mẹ khuyên anh không nghe, cha dặn anh không nhớ, anh chơi bời cho đến thiệt thân anh. Nước mũi tôi chảy đầy một bình, nước mắt tôi chảy đầy một bát. Tôi đã khóc hết nước mắt hết nước mũi trong người. Anh không ăn cơm nữa, không uống nước nữa, anh không lấy dây *păm-pin* nữa. Thịt trâu thịt bò không làm no bụng anh nữa. Bây giờ, cơm tôi khô trong đĩa, gà rán đét như con điều gầy. Tôi cứ tưởng anh chết đang lúc đánh kẻ địch, đang lúc xâm chiếm đất đai kẻ khác, thế mà anh lại chết trong rừng sập đen.

HƠ-ANG, *khóc*. — Dao có gãy cán chị còn sửa được. Rìu mẻ chị còn mài được. Chết mất voi đực voi cái chị còn mua được con khác. Nhưng em chết đi thì chị không còn cách nào làm cho em sống lại được. Đau khổ thay!

Lúc ấy một con ruồi (hồn Đam San) bay vào trong miệng Hơ-àng.

Hơ-nhi cho người khiêng tới một trăm chiêng nùm, một trăm chiêng bằng, và nàng chôn vào trong đất lỏng, trong đất mềm, trong rừng hoang của bà Sun Y Rit.

HƠ-NHI. -- Thừa chị, bây giờ chúng ta đã đắp xong mộ, làm xong nhà mồ, giết trâu bò làm lễ, chúng ta phải về làng thôi! Hỡi các con, tôi tớ của ta! Lễ táng đã xong, ta phải về làng thôi! Về làng, ta hãy làm lễ thêm cho những người đã chết, để linh hồn họ giúp đỡ cho ta cầm chắc con dao đi làm rẫy.

Sáng hôm sau, mặt trời mới mọc, năm chum rượu và một con trâu lại dùng làm lễ cầu sức khỏe cho mọi người.

.

ĐÀO TỬ CHÍ dịch

BÀI CA CHÀNG ĐAM SAN

Nhà xuất bản Văn hóa — 1959

ĐAM DI *

Bà Hơ-đam Di từ xưa nuôi một mối thù sâu sắc với tù trưởng Hơ-dây vì Hơ-dây đã cạy vào sức mạnh để cướp chiếc lược quý do tổ tiên của bà để lại. Có điều là Hơ-đam Di chưa có chồng mà lại có thai. Thầy cúng cho biết đứa trẻ sắp sinh đó là con của Thần. Khi Hơ-đam Di đẻ, quả nhiên đứa bé chóng khỏe mạnh lạ thường. Được đặt tên là Đam Di, đứa bé mới chịu nín khóc.

Đam Di lớn nhanh như thổi. Lớn lên, chàng xin phép đi đánh Hơ-dây để trả thù cho mẹ. Và chàng đã dùng sức mạnh đâm thủng tim đối thủ của mình. Sau đó, mẹ chàng hỏi Hơ-be Ê-sun cho chàng làm vợ. Đam Di không bằng lòng. Chàng đòi được yêu một người biết « khơi ngọn đuốc sáng hơn », một cô gái đẹp và có sức quyến rũ lạ thường: Hơ-lung.

* Trong khi dịch, người dịch có tham khảo bản dịch Anh hùng ca Đam Di của Đỗ Thiện. Khi trích tuyển vào tập sách này, người dịch cũng đã sửa lại một số chữ (không theo đúng như bản đã in trong tập san Nghiên cứu Văn học).

Nhưng Hơ-lung lại là vợ chưa cưới của Toan Ngung giàu có. Hai người đánh nhau rất lâu năm. Đam Di nhờ có Mơ-lô, người Mơ-nông xưa là một nô lệ đã được Đam Di kết nghĩa làm anh em, giúp sức giết được Toan Ngung. Và Hơ-lung xinh đẹp thuộc về chàng Đam Di dưng cảm.

Đam Di là chuyện một thanh niên sống trong thời các bộ lạc đã có sự liên minh chặt chẽ, có khát vọng đấu tranh để giành quyền lực hoàn toàn cho nam giới, đấu tranh để phá vỡ mọi ràng buộc về hôn nhân và tôn giáo đương thời.

Đoạn trích dưới đây tả lúc Đam Di phải lấy Hơ-be Ê-sun làm vợ nhưng chàng lại yêu Hơ-lung, chàng đánh nhau với Toan Ngung và cuối cùng giành được thắng lợi.

.

ĐAM MƠ-LÔ.— O, nếu bụng nàng đã muốn có một người chồng như vậy, thì nàng hãy đi theo tôi. Người chồng của nàng, không những thế, mà còn hùng mạnh hơn nhiều nữa. Bởi vì khi chàng đã cầm gươm và đao múa thì sao trên trời cũng chớp mắt, mây trắng cũng cuốn nhanh, chim rừng cũng quàng mắt, và nước suối cũng trườn lên đầu các cây hoa rừng, hoa muôm mà run và nhảy mãi lên. Thôi, nàng hãy báo tin cho anh nàng và cả mẹ cha nàng nữa, biết rằng bây giờ nàng sẽ đi đến nhà một người tù trưởng trẻ và hùng mạnh, tên là Đam Di.

Hạt sương chìm dưới đất. Ánh nắng đi dạo khắp núi đồi. Hai người đi miết, đi mãi. Ê-sun, dáng kiêu hãnh và nhẹ nhàng như một con ngựa trắng, đi trước. Mơ-lô theo sau. Khi mặt trời sắp tròn đi, nước suối nhảy sóng, khỉ gọi bầy, thì họ đã đến làng của Đam Di.

Hơ-đam tay bưng một nồi nước thật to để cho Hơ-be Ê-sun rửa tay, một nồi nước nhỏ hơn để nàng cọ bàn tay, một bát thật đẹp đựng nước trong như hoa chanh mới nở cho nàng rửa mặt và gội tóc, mùi nước thơm ấy sẽ làm cho Hơ-be Ê-sun khi cưỡi voi không biết mùi ẩm của voi, khi cưỡi ngựa không thoáng mùi hăng của ngựa. Bà đã trải những chiếc chiếu đỏ nối từ cửa lớn vào đến buồng của Đam Di để cho Ê-sun bước.

HƠ-ĐAM DI, nói với Ê-sun.— Con hãy vào trong buồng co vách ngăn thật tốt. Ở Ê-sun ! Người con gái đẹp của các thủ lĩnh giàu có đã về nấu cơm cho Đam Di. Ở con trai ta ! Con hãy sửa soạn lễ vật để cúng Thần Trời, Thần Đất đi, vì Ê-sun đã đến nhà ta. Con hãy cho tôi tờ và nỏ lẹ đi giết một con bò, đi thu những ống cần rượu lại, cắm tất cả giẻ đẹp vào trong các miệng ghè rượu quý đã chôn nhiều đêm dưới đất. Con hãy xoa rượu và máu vào chân con, và cho một thầy cúng đội khăn đỏ cúng cầu cho linh hồn Đam Di và Ê-sun được luôn luôn mạnh khỏe, để báo cho các vị thần linh biết, cho tất cả núi non đều nghe thấy, để cho Đam Di khi chiến đấu sẽ vượt trên đầu địch, sẽ hạ được gươm và *khiên* của kẻ thù, cũng như khi mà Đam Di hãy còn là một người non dại (1).

Một năm sau. Khi cây chuối đã trở bông, khi bãi lau đã trở cò, khi tinh nét của Đam Di đã thay đổi như là một con ngựa đực thay cương, một con voi đã chà *a-kut* (2), chàng đã đem công vui dưới trấu, đem đồng quăng vào lửa, vì chàng đã yêu một người con gái khác mà chàng tự cho rằng người đó sẽ khơi được ngọn đuốc sáng hơn. Nàng ấy gọi tên là Hơ-rinh. Nhưng Đam Di mới yêu Hơ-rinh chưa được một mùa hoa gạo đỏ nở, mùa hoa gạo trắng bay, khi mà sữa của nàng chưa nhú chảy trong hai đầu vú, thì nàng đã bảo với Đam Di :

HƠ-RINH.— Tôi không xứng là vợ anh nữa đâu. Một người khác đã đẹp hơn tôi nhiều.

ĐAM DI.— Thế thì ai sẽ xứng đáng là vợ của ta ?

HƠ-RINH.— Nàng Hơ-lung ở đầu phía tây bên nước mà anh thường tắm cho ngựa. Đó là một cây *dăm-tăm* (3) nở trong suối. Trời bảo rằng cây *dăm-tăm* ấy ngó hoa chanh thì hoa chanh nở, ngó mắt chim *nhông* thì chim *nhông* hát, ngó vào ngựa người đàn ông thì người đàn ông dù dở mấy cũng sẽ trở thành một thanh niên múa giỏi *khiên* đao. Đòi vú nhiều sữa của nàng sẽ đầy mãi như dòng sông không bao giờ cạn nước.

1— Ý nói : khi chưa lấy vợ.

2— *A-kút* : cây dùng để điều khiển voi.

3— *Dăm-tăm* : cây có hoa thơm và đẹp.

Bước đi của nàng uyển chuyển và quyến rũ như một cái vây con cá có chữa đang bơi, và giọng nói của nàng cất lên thì tiếng chiêng *lon* (1) đã không còn đòi được một hạt kê vàng.

Từ đó, ban ngày Đam Di không đến gần Ê-sun nữa, ban đêm cũng không nằm bên nhau nữa. Ngọn lửa chỉ soi mặt người này, mà không soi mặt người kia; cái lưng người này tối thì cái lưng người kia sáng. Hai người đã không cùng uống chung với nhau một bầu nước suối. Tình yêu của họ đã rơi rụng đi như những hạt muối đựng trong rổ mà đặt lên trên đầu một người lội qua sông. Một buổi chiều và nhiều buổi chiều khác, Hơ-đam Di đã thấy rõ được việc này.

HƠ-ĐAM DI.— Này Đam Di ơi! Chiếc cuốc có cán đã có kẻ khác muốn làm cho nó sỏ ra, con dao phát rẫy có kẻ lại muốn làm cho nó rơi lưỡi, cánh cung nằm liền trong báng nỏ sẽ chỉ còn là một cánh cung thôi. Bây giờ các con đã không còn ăn cơm một nồi, ngủ chung một chiếu, cùng mơ chung một giấc chiêm bao. Việc này xảy ra không phải do khách lạ từ vùng Mơ-nông tới hay từ dưới biển gây nên, mà chỉ tại cái miệng của một con diều độc ác. Hơ-rinh, chính nó đã làm cho nước trong bầu bị xáo động, cho kiềng bạc bị bẻ đôi. Ở con trai Đam Di! Gió độc không đập lá *liêng* mà lại đập vào tim ruột của mây, lửa không cháy trên núi cao mà lại cháy trong nôi của mẹ.

Ngày hôm sau, khi Đam Di đã ngồi dậy mài gươm, chàng mở mắt trước cả tiếng chày giã gạo của con gái.

HƠ-ĐAM DI.— Mày lại muốn đi đâu nữa mà mài gươm sớm vậy, hử con trai Đam Di?

ĐAM DI.— Con sẽ đi chặt cây trong rừng mà mở một lối đi tốt như đường của bầy chim *túc-nao*, con sẽ tự tìm một mảnh đất có hoa; nếu con chết vì một lưỡi dao hoặc vì một nhát dao phát bờ của một tên hèn yếu thì vô số những con ruồi đen đậu trên các ngọn cây sẽ bay đến xây mồ cho con ở một nơi xa lạ (2). Nếu con chết vì ham mê hoạt động theo ý

1— *Lon*: một loại chiêng kêu hay nhất.

2— Câu nói tỏ ý khinh miệt.

muốn của mình thì các bầy chim ưng, con tê giác, những đàn voi có ngà đẹp sẽ đến qui gối trước mặt con mà khóc.

HO-ĐAM DI.— Ô ời! Tại sao con lại ăn nói như vậy? Ma quỷ nào đã cướp mất hồn đứa con trai yêu dấu của ta? Con ơi, con có hiểu thế nào về nàng Ho-lung, vợ của Toan Ngung không? Con muốn mẹ chết sao?

ĐAM DI.— Mẹ ơi, xin mẹ đừng buộc chân con lại. Sớm mai, mẹ hãy bảo bầy tôi tớ nấu cho con một nồi cơm trắng, còn Đam Mơ-lô thì hãy đi vào rừng cắt gianh khô, bó thành những bó đuốc dài thắp sáng rực cho ta! (*Đam Di quay lại nói với mẹ*) — Ô mẹ, chiếc diều đã có bãi rồi, gió đã no rồi, mẹ hãy cho con trai của mẹ đi lần này, mẹ nhé!

Mặt trời lên. Cỏ xanh mọc trên bờ nước. Bông đã trở hoa trắng. Đam Di và Mơ-lô đã ra khỏi cổng làng. Mơ-lô đi trước, Đam Di đi sau. Giữa đường, họ thấy một con cắc kè nằm úp lưng bên gốc cây to.

ĐAM MƠ-LÔ.— Chúng ta quay về thôi, anh Đam Di ạ! Bắt đầu từ đây sẽ có những điềm không tốt đến với chúng ta.

ĐAM DI.— Tại sao chúng ta lại có thể quay về được? Nước suối có lớn thì rồi nó cũng sẽ rút. Mảnh ruộng của con gái có khô cạn thì rồi sẽ có nước. Sấm sét có giận dữ thì rồi cũng sẽ tan. Nhưng một người anh hùng không bao giờ nên rút *khiên* đao khi trong tay họ cầm bó đuốc còn đang cháy.

Xa xa họ lại nhìn thấy một con mang nữa đang nhảy qua nhảy lại chắn đường.

ĐAM MƠ-LÔ.— Anh Đam Di! Ông bà ngày xưa kể chuyện rằng: Đi đường mà thấy con mang thì đường ấy đã bị ma quỷ chặn ngang; nếu nom thấy con nai thì đường ấy đã bị ma quỷ bịt lối; nếu thấy con rắn hay con rắn nằm giữa đường thì nơi ấy Trời không cho ai qua lại nữa. Chúng ta hãy quay về bắt một con trâu cúng cho ông bà đã.

Nhưng Đam Di vẫn không nghe. Chàng cứ tiếp tục đi. Giữa đường, họ gặp một con voi có cái lưng bằng và to như một tảng đá, tưởng để trên lưng nó một trăm ghè rượu ngon cũng không đủ.

ĐAM DI.— Voi ơi ! Mày hãy chỉ đường giúp cho ta đến thăm nhà của nàng Hơ-lung đi !

VOI, *giương ngà ra đằng trước, đập vòi xuống đất ba lần mới nói.*— Chàng cứ đi theo hướng mặt trời mọc. Đến một hàng rào mà mắt chàng ngó không rõ hết nhà cửa, một nơi mà gió lượn không bằng trên đầu ngọn cỏ, mây muốn che kín làng thì cũng phải khum lại như chiếc cầu vồng. Nơi ấy gái trai đi vào rừng đào măng, đi tìm ổ kiến đông như mối. Bò vàng đứng gặm cỏ lô nhô, lúc nhúc trên đồi, nom như lửa gặm đồi gianh. Ở đấy có một người con gái đẹp mà mỗi bước đi của nàng có thể làm rực sáng cả cỏ cây hoa lá. Quãng đường họ đi chưa bằng đường con ngựa chạy độ nửa hơi thì đã đến làng của cha mẹ nàng Hơ-lung.

ĐAM DI.— Ờ em Mơ-lô ơi ! Cái giếng nước đẹp quá ! Giếng này của ai đây ?

ĐAM MƠ-LÔ.— Anh cả ơi ! Tôi không rõ nữa. Ống nước đẹp nhất trong các làng giàu có chắc là của nàng Hơ-lung, vì các ống này phía dưới trắng bằng đồng, phía trên nạm bằng vàng, óng ánh như quả *kén*. Khách lạ, ai trông thấy người chủ bến nước này thì phải sợ như là sự xuất hiện của các thần linh và sự chớp lòa của sấm sét vậy. Anh Đam Di ơi ! Chúng ta hãy mong sao cho nàng bị đuổi ra khỏi làng như là nàng đã bị thương bởi cây *pung* (1), như là con sâu *a-nanh* đốt nàng thì da thịt sẽ nhức nhối như bị kim đâm. Những vết thương ấy buộc nàng phải có ý định ra tắm ở ngoài giếng mà không tắm bằng nước ở trong nôi, không tắm bằng những ống nước đã được cống từ trên lưng một con voi quí đưa về.

HƠ-LUNG.— Cha ơi, nô lệ ở đằng đông, tôi tớ ở đằng tây, họ bảo rằng bến nước của làng ta là đẹp nhất. Con muốn đi xem thử xem có đúng như lời nói không ?

CHA HƠ-LUNG.— Con gái yêu quí ơi ! Trời đã báo rằng sẽ có những người lạ đến bắt con. Họ đã làm lễ cúng bằng một con

1 — *Pung* : tục truyền cây này có thần linh, ai đụng phải thì sinh ra ngứa dại.

trầu cho các người chết và những ghè rượu cầu xin Thần Trời Thần Đất đem đến điều lành cho họ. Ở Hơ-lung ơi! Trước khi con đi ra làng, cha đã thấy ở mặt con những điều lạ lùng, cô độc như là con mắt của ngôi sao *lu-xin-lăm* (1) xuất hiện buổi chiều, như là chiếc cầu vồng xinh đẹp bị nắng quấy rũ đi. Bây giờ lòng con đã lạc đại như là đã bị cây *pung* đâm vào. Hơ-lung ơi! Thôi con có quyền đi đi vì ý con muốn thế.

Đam Di và Đam Mơ-lô ngồi dưới bóng của cây đa mọc gần bến nước.

ĐAM DI.— Mơ-lô ơi! Khi anh ngủ thì em hãy mở mắt to ra, cho đến bao giờ thấy bóng của nàng Hơ-lung đến!

ĐAM MƠ-LÔ.— Anh cả ơi! Hãy dậy đi thôi! Cái mũi em bảo rằng nó đã ngửi thấy mùi hương của một cành hoa *dăm-tăm* nào sắp lượn đến kia kia!

ĐAM DI, *nằm nói mơ*. — Không phải rồi, đó là Y Lung, người chăn bò đang vác củi đầy vai, cồng ống nước đầy lưng, còn con gái một người tù trưởng giàu có không bao giờ đi như thế; vì lúc nào Hơ-lung bước xuống cầu thang là đã có mười bốn người hầu bên phải, và mười sáu người hầu bên trái rồi.

ĐAM MƠ-LÔ. — Đây kia, Hơ-lung đã đi giữa những người hầu đông đúc rồi. Tóc nàng búi sà trên chiếc cổ cao, màu tóc đen anh ánh như đôi mắt của một con diều. Đôi vú của nàng mọc ra đằng trước nom đầy và trắng như hai quả cà non. Đùi nàng rắn và dịu dàng như chân sóc. Mắt nàng là chớp nắng sáng mai. Đôi chân của nàng lượn như ru trên cỏ. Hoa lá cũng nhìn theo sắc đẹp của nàng mà e thẹn, gió cũng đuổi theo cái váy của nàng mà trêu chọc bông đùa. Ôi chao! Nếu một người con gái nào, dù có đẹp mấy trong làng, nhưng lúc gặp mặt Hơ-lung thì họ sẽ sững sốt lên vì nước da của họ bỗng trở nên đen như da rắn than, và toàn thân họ sẽ xấu đi như một bãi cứt trầu nằm trong đồng lá, hay chỉ bằng một ống nước suối để cho nàng rửa chân. Anh Đam Di! Quả thật là một người con gái đẹp và giàu có đang đi về phía chúng ta.

1 — *Tu-xin-lăm*: sao Hôm.

ĐAM DI.— Em hãy đem mười chiếc bát đồng và hai cuộn vải để biếu cho nàng Hơ-lung xinh đẹp của chúng ta.

HƠ - LUNG, *ngơ ngác*.— Ồ, chàng con trai kia! Tôi là một người con gái và chẳng quen biết chàng bao giờ, và cũng như tôi không quen biết những người giữ ngựa và chăn voi ở làng này. Có thể chúng ta là anh em sao? Trời ơi! Làm sao tôi có thể trở nên một thanh niên chưa vợ hay một con gái chưa chồng, làm sao tôi lại có thể trở thành một cây xoài được đeo trên mình nó những quả xoài hoang. Bây giờ tóc tôi đã có dây choàng trên đầu, có dây buộc dưới chân (1). Chồng tôi là một tù trưởng giàu có, đang khơi những ngọn đuốc để mời khách lạ ăn uống kia kia.

ĐAM DI.— Nàng như là cây *truôn* mơn mớn, dây *rơ-pang* xinh đẹp, đừng để cho nó phải leo trên cành cây *rơ-nút* xấu xí. Toan Ngung là tù trưởng giàu có thì mặc kệ hă. Hơ-lung ơi! Nếu nàng là một cái trăng thì tôi sẽ là một cái sao; nếu nàng là cái điều thì tôi sẽ là Thần Gió, nếu nàng là một quả *kơ-bang* thì tôi sẽ trở thành những con chim, nếu nàng là một cái nhụy hoa thì tôi sẽ trở thành những con ong mật. Giọt sữa của một con cọp cái không thể để cho con nai bú, thì ngôi sao Đam Di và cái trăng Hơ-lung cũng sẽ không bao giờ xa nhau được, dù cho đến lúc mà thần sao ấy có phải để *khiên* đao của mình bị tuốt khỏi tay (2). Nàng Hơ-lung xinh đẹp ơi! Tôi biếu nàng những bát qui và vải đẹp mà Mo-lô đã mang theo.

HƠ-LUNG.— Ta không cần những thứ ấy, vì cha ta đã chắt đầy ngăn rồi. Đam Di hãy ngó kia, ta chỉ muốn có một luồng gió mạnh có thể thổi cuốn tốc cả đời gianh và rút đi tất cả những hoa gianh đang trổ. Ta chỉ muốn có những cây *dăm-tăm* xinh đẹp để làm những chiếc sập chắc chắn trong nhà của mẹ cha ta (3). Ta chỉ muốn có một cái nồi đồng thật to để đựng nước sôi, cái nồi ấy đặt ở gần tường thì làm tường đổ, để ở dưới

1— Ý nói: đã bị cha mẹ ràng buộc trong việc cưới xin.

2— Ý nói: dù có chết.

3— Ý nói: chỉ cần chọn những người khỏe mạnh.

đất thì làm đất sụt. Nó sẽ chứa nước suốt thừa cho ta tắm. Khi đó, ta sẽ không cần đi quá một bước, dù cũng ra đứng ở cái bến nước này.

ĐAM DI. — Ở Hơ-lung ơi! Ta xa nàng thì tim gan sẽ buồn như lá héo lúc trời trưa, như trâu không buồn gặm cỏ, ruột gan ta sẽ chán chường như ong không hút nhụy, như chim chẳng hát ca. Em ơi! Trên trời ta chỉ thấy có một cái trăng. Cái trăng đó đi lên rầy cao, có muốn đến những nơi mà bây ong vàng sống xa đất, có đi thăm bến nước, gốc chanh, nơi mà con cá của nàng Hơ-đieu (1) bơi lội thì cái sao ấy cũng đi theo. Mà dù cho cái sao ấy có bị cái gậy của Thần Sao Băng cuốn đi thì nó cũng ôm cả cái trăng xinh đẹp đó, từ trên trời mà rơi xuống ở một nơi.

Bây giờ, tai của nàng Hơ-lung vẫn còn nghe được tiếng chim kêu, mà sao con mắt của nàng thì như đã in những dấu hiệu lạ lùng, cô độc như những con mắt của ngôi sao *tu-xin-lăm* xuất hiện buổi chiều, như chiếc cầu vồng xinh đẹp đã bị nắng quấy rã đi. Trái tim của nàng bây giờ đã lạc đại giống như bị một cây *pung* từ một nơi xa lạ nào bay tới đâm vào...

HƠ LUNG. — Ở Đam Di! Lúa *bia* đã bắt đầu mọc lại, lúa *dót* đã đến mùa trổ bông. Tôi đã yêu chàng rồi vì chàng là một tù trưởng trẻ, có cái lưng to như một tảng đá, gió thổi chàng không ngã, bão xô chàng không đổ. Chàng có đôi bắp chân nhẵn và dẻo như mây *song*, mây *póng*. Chàng đã đeo một trái tim đẹp và đáng sợ như trái *pung*. Giọng nói của chàng cất lên nghe như sấm giạt đằng đông, chớp giạt đằng tây. Dân làng nghe tiếng nói ấy thì sẽ bảo rằng: « Ông Đam Di là một cái váy đẹp nằm trong một bàn tay (2), là một người khôn hơn tất cả ».

Hơ-lung đã đi theo Đam Di.

Như những cô gái đẹp mê mãi chạy theo một quả quèo đang trôi giữa dòng sông, họ theo miết, theo mãi trái quèo đó

1 — Truyện dân gian: Một nàng ra bến nước tìm cá có váy đẹp để thêu khổ cho chồng, chẳng may bị cá nhảy lên đâm chết. Chồng thương vợ cũng chết theo, sau hóa thành cây chanh mọc bên bờ nước.

2 — Ý nói: người khéo léo, kín đáo.

mà quên cả tiếng khóc của mẹ, tiếng hờn giận của cha, tiếng chửi rủa của thần linh và sấm sét.

Những người hầu đã quay về báo cho chủ biết. Cha của Hơ-lung lập tức sai tôi tớ và nô lệ trong làng kéo đi tìm con gái.

CHA HƠ-LUNG. — Ơ các vị thần ! Các loài ma quỷ đã nguyên rủa con gái giàu đẹp của ta ! Ơ tôi tớ và nô lệ ! Các con hãy đi mời những phù thủy nào biết múa gậy gọi đến đây (1) !

Những thầy phù thủy đội khăn đỏ, chân đi đất, mang gậy tôi. Họ bắt đầu múa, những cái gậy quơ trên đầu, quay trước mắt, kêu vù vù như bầy ong mật đang bay.

CHA HƠ-LUNG. — Gậy ơi ! Nàng Hơ-lung đã lạc chân vào bến nước nào rồi ?

Những chiếc gậy không trả lời gì cả.

MƠ ĐIN, *chú của Hơ-lung*. — Có lẽ nó đã chuẩn bị hai gói thuốc lá, hai chiếc còng và ba gói thuốc khác rồi (2).

CHA HƠ-LUNG, *hỏi tôi tớ*. — Con gái yêu quý của ta đã đi lạc làng nào ?

TÔI TỚ. — *A-ma* (3) ôi ! Chúng tôi không rõ nữa. Cô ta nói với chúng tôi là cô đi hái lá non, đi nhặt búp *le*, đi tìm lá chanh để tắm và rửa mặt. Cô đã đi như một cái bóng. Chúng tôi có gọi nhưng cô vẫn cứ đi như một con cun cút. Mặt cô buồn rầu, lo âu và lặng lẽ như một cái bông bi về chiều. Chúng tôi gọi : « Chị cả Hơ-lung ơi ! » nhưng chúng tôi chỉ nghe thấy tiếng ồ ồ của Thần Núi, Thần Rừng, tiếng của những con vượn bông con giả tiếng người đáp lại. Chúng tôi sợ rằng người ta đưa cô ấy vào trong rừng đẹp, lên tận núi cao, nơi mà thần linh chưa bao giờ bước tới.

CHA HƠ-LUNG, *hỏi lại chiếc gậy của người phù thủy*. — Bảy đêm nữa thì con gái ta có về uống lại nước suối này không ?

1 — Múa gậy để bói quẻ, tìm biết nơi Hơ-lung đi.

2 -- Ý nói : đã đi yêu người khác.

3 — *A-ma* : bác, ông.

CHIẾC GẬY.— Có, người ta sẽ trông thấy nàng về. Nàng sẽ về với một vẻ mặt thật là kỳ lạ, khi thì dịu dàng xinh đẹp như cánh hoa *pang* nói chuyện với lũ ong vàng, khi thì lặng lẽ hung dữ như đôi mắt của một con cọp cái ngồi đếm ông sao; khi thì sững sờ ngầy dại như bị sét đánh ngang tai. Và ông sẽ không hiểu vì sao mà chiếc *còng* trên tay nàng, chiếc *còng* mà mẹ đeo cho từ lúc mới biết dệt biết thêu sẽ không còn nữa.

TOAN NGUNG.— *A-ma* ơi! Những chiếc chiêng mà tôi đã treo trên xà ngang xà dọc sẽ không còn kêu nữa. Và những ngọn lửa đỏ cháy trên các ngọn đèn chai cũng sắp tắt rồi!

CHA HO-LUNG.— Toan Ngung ơi! Nước chưa ngừng chảy dưới suối, hoa chưa ngừng nở trên rừng đâu. Nếu Ho-lung xinh đẹp đã nắm tay, bắt miệng với một người con trai nào khác thì ta sẽ cúng, ta sẽ lễ cho cháu bằng những con bò; còn đưa con gái dại khờ và cầm điếc ấy thì ta sẽ dạy dỗ, khuyên răn nó.

Trong khi đó thì Ho-đam Di ngồi ở nhà, cơm không ăn, nước không uống, mặt buồn bã và cũng quên cả việc gọt đầu bằng những lá *leo* vò nát. Bà đã không nuốt nổi những miếng thịt trâu thịt bò vào trong bụng.

HƠ-ĐAM DI.— Ở các anh em, các cháu và dân làng ơi! Tôi chỉ có một đứa con trai. Đứa con trai yêu quý độc nhất như là cây chuối non mọc giữa rừng. Nó đã đi và biến mất như một con cá con bị lạc vào cái ống mỗi chấn hom nhọn. Ở con trai Đam Di, con trai nhẫn vàng nhẫn bạc của mẹ! Sao mà con lại có thể chết mau chóng như cái bọt nước bị cá đớp; con đã chết vì miệng của một con đàn bà hiểm độc mà không phải con bị chết dưới gươm của một kẻ anh hùng? Đam Di! Mày đã làm cho mẹ khổ từ khi mày chưa biết khóc, mày chưa biết đi. Mày đã chết mà không để cho mẹ được quán ngực mày trong bốn lần vãi, trong bảy lần chấn. Con ơi! Mẹ có ngờ đâu, chính cái ngày mà mẹ được chôn rau cắt rốn của con lại là cái ngày mà con sẽ chết như thế này!

Ở dân làng! Chúng ta hãy đi dựng cho Đam Di một cái nhà mồ, một cái nhà mồ to nhất, có bốn chiếc cột tốt, sơn bằng than vỏ cây *hơ-rong*, đóng một chiếc hòm bằng cây *hơ-rao*. Hãy

lấy máu bò mà vẽ trên mái nhà mồ của nó những con voi, những con chim đứng cúi đầu mãi vì Dam Di đã chết!

Một buổi sáng trong làng của Dam Di. Sương đeo cườm cho hoa cỏ vừa trốn ánh mặt trời. Con gái đi từng đàn ra bến nước, con trai đi từng đàn lên rẫy, chim chóc cũng bay đi ăn sáng. Ngựa đực nhảy, con bò rống, gà vịt đi san sát như tổ ong. Gió đập váy phụ nữ nghe phành phạch. Những con chim cuc cu lượn đi lượn lại trên các sào chỉ đỏ, chỉ xanh. Tiếng con trai gọi, tiếng con gái cười rinh rích như nước đùa nghịch trong ống. Đó là làng của Dam Di.

Qua một mùa. Trời tốt nắng. Để trừng phạt một người « qua sông không giữ lấy thuyền, ăn chim bể ná » (1), Dam Di đã phải đưa chiêng, *ché* và cửa cái của mình cho nàng È-sun bởi vì chàng đã không giữ được lâu chiếc *công* của một người con gái nữa. Sau khi những cái sừng của các con trâu cúng thần đã khô máu, sau nhiều lượt mặt trời đi tiếp sữa cho những cây lúa, cây bắp, cây kê, thì Dam Di lại xin mẹ đi nữa.

ĐAM DI.— Lúa, bắp đã mọc nhiều đêm trên núi, sao dậy rửa mặt nhiều sáng ở trên trời. Con không giấu gì mẹ, con cả *neng* nó muốn đi ăn rong ở các bến nước khác, con cũng muốn tìm chỗ đi chơi đây.

HƠ-ĐĂM DI.— Cái cánh con chim, cái đuôi con cá, và lông quả *pung* đã mọc trong bụng mày rồi! Trời ôi! Con tôi còn nhỏ dại, không biết gì cả. Nó có sợ người ta sẽ gài bẫy, đánh đập, chém giết nó đâu!

ĐAM DI.— Mẹ ơi! Con có thể bay như con chim, có thể lội như con cá, nhưng đôi mắt của Dam Di thì không còn nhỏ như con chim con cá nữa đâu. Mẹ đừng sợ! Con của mẹ đã biết vác nước trong nôi *bung* mà không hề bị chao đảo, đã biết căng dây buộc ngựa và voi mà không bao giờ bị rớt (2).

HƠ-ĐAM DI.— Con ơi! Mẹ phải cho con đi vì ý Trời muốn thế. Làm sao mà ta có thể ngăn chặn được khi gió đã thổi mạnh

1— Ý nói: bội bạc.

2— Ý nói: đã khôn khéo.

trên đầu và nước đã nhảy dưới chân. Xin Thần Trời, Thần Đất, núi non ăn ở với cây đa bến nước làng ta hãy phù hộ giúp đỡ con tôi mạnh khỏe.

ĐAM DI, gọi *Mơ-Lô*.— Chúng ta đi thôi! Em hãy sửa soạn những gói thuốc lá để đem đi bán, và những chiếc ngà voi quý giá nhất để đem đi đổi.

ĐAM MƠ-LÔ.— Chúng ta sẽ đi đến làng nào hở anh?

ĐAM DI.— Làng của Hơ-lung.

Họ đã đi đến nhà của nàng Hơ-lung thật. Ở đó, họ nom thấy một sào vải đỏ phơi đẳng sân phía nam, một sào chỉ vàng phơi đẳng sân phía bắc, một chiếc cầu thang rộng như chiếc chiếu bắc lên sân nhà. Con gái đi cống nước, đùi trắng như thác nước. Voi đực, voi cái buộc ở gốc *ka-nông*, chúng dậm chân đều đều nghe như giã gạo. Gà trống, gà mái nhảy lên nhảy xuống cầu thang trông như nước chảy xuôi chảy ngược. Lợn ăn cám ăn rau trong những công dẹt. Cha của nàng Hơ-lung quả là một tù trưởng giàu có ở vùng này. Đam Di đã đến đầu nhà. Chàng đặt một chân lên chiếc cầu thang thì cả nhà đều lắc lư rung chuyển, chàng đặt thêm chân nữa thì các cột nhà nghiêng kêu « rich. . rēc... », dưới chân cột đều hoác ra những lỗ trống to đến nỗi đầu một con trâu đực có thể chui lọt hết cả sừng. Một lát sau thì tù trưởng đã ra tiếp khách.

CHA HƠ-LUNG.— Tôi xin giơ ba ngón tay chào cá sấu, xin giơ bốn ngón tay chào các người khách lạ mới bước tới làng này.

ĐAM DI.— Cháu đến đây không phải chuyện đi đòi xương cho cha, đi đòi *ché* chiêng cho mẹ. Cháu đến vì chỉ muốn đổi những chiếc ngà voi lấy lợn gà thôi.

CHA HƠ-LUNG, *hỏi vợ*.— Người trẻ tuổi này là ai thế, bà có biết không?

ME HƠ-LUNG.— Tôi làm sao mà thạo hơn con mắt của người đàn ông đã từng dốt đuốc đi chơi hầu khắp trong làng.

CHA HƠ-LUNG.— Tôi cũng không biết họ ở đâu cả, có lẽ là những người đến đây bán sắt, đến đổi dao phạt bờ mà ta đã hẹn năm xưa thôi. Nhà ta chẳng có nợ nần ai, kể cả việc lúa gạo, việc mua vòng tay, mảnh kềm, việc mua gà to như bầy

qua đen hay đông nhiều như đàn châu chấu cũng không có. Bà Hơ-lung ơi ! Bà hãy mời khách lạ vào trong buồng ta để ăn trầu cau và hút thuốc đi.

MẸ HƠ-LUNG, *nói với khách*. — O, thật là thều thả ! Thuốc của nhà tôi xấu như cọng rơm, khô như cọng gianh, chưa dám mời khách trẻ (1).

Nàng Hơ-lung ngồi một mình trong buồng, trông đẹp như hạt ngọc ngồi trong bát hoa đỏ. Nàng cầm một con dao, chọc thủng lỗ vách để nhìn ra.

HƠ-LUNG, *tự nhủ*. — Lạ quá ! Ủa người khách trẻ nào kia ? Ôi chao, tôi biết anh ta rồi, đó chính là Đam Di ! Mẹ ơi ! Mẹ hãy lấy chiếc nồi nhỏ bằng đồng thau, chiếc nồi nấu cơm vừa hai người ăn ; lấy củi *kơ-tu* trên đồi gianh, lấy củi *ơ-rang* trên rừng trắc, chọn những bó củi cháy nhanh như gió thổi ; mẹ hãy cho tôi tờ đi tìm những đợt rau *đăm*, những cành rau *póng* mọc bên bờ sông nào đẹp nhất đưa về luộc cho khách ăn. (*Và nàng thử dò ý mẹ*) — Mẹ ơi ! Mẹ có biết rằng người lạ nào đã được gió mây đưa đẩy đến thăm làng ta đó không ?

MẸ HƠ-LUNG. — O, làm sao mà mẹ được biết anh ta ?

HƠ-LUNG. — Mẹ ơi ! Con tin rằng khách lạ này chẳng phải là người nghèo đâu. Anh ta có thể là một tù trưởng hùng mạnh và giàu có. Mẹ hãy sửa soạn cơm và rau cho khách ăn đi ! Mẹ hãy nói với cha con mời anh ta bằng một vò rượu và một con gà mái sắp đẻ. Con muốn mẹ cho tôi tờ đặt mâm cơm đó lên chiếc chiếu đỏ mà ở dưới đã lót hai chiếc chiếu trắng. Mẹ hãy nói với cha con những lời như thế, nghe không mẹ ?

Đam Di ngủ tại nhà của nàng Hơ-lung một ngày và một đêm. Sáng hôm sau, chàng thức dậy trước lúc mặt trời thức giấc.

ĐAM DI. — Bác của cháu ơi ! Bác có biết người nào muốn mua thuốc và ngà voi của chúng cháu không ? Cháu đến đây chính là để bán những thứ đó.

1 — Ý nói : không được cần tuấn, trang trọng.

CHA HƠ-LUNG.— Có, ta có biết, cháu ạ. Ở dưới bụi mía phía đông, ở đẳng gốc đa phía tây của làng ta có một người muốn đổi ngà voi. Nhưng cháu hãy ngồi đây uống rượu chơi đã. Khi Toan Ngung là rể của ta về thì hẳn sẽ định liệu được việc này.

Con chim *gơ-rú* liệng trên trời cao, con rùa vàng hò dưới đất, con nai tìm đến bãi gianh, Toan Ngung cũng đã về từ lúc mặt trời chấm đuôi chiếc xà ngang rồi ăn lan xuống chiếc xà dọc.

CHA HƠ-LUNG.— Toan Ngung ơi! Có hai khách lạ từ xa đến, muốn bán những chiếc ngà voi này.

TOAN NGUNG.— Cha ơi! Người đó là ai thế? Đó là một con chuột đất chuyên đi đào lỗ hay là một con chim ưng đã quen liệng không mỗi cánh ở trên trời?

CHA HƠ-LUNG.— Khi mà một người con trai chưa đoán được đường đạo của một kẻ sắp múa với mình thì người già cả như ta đây làm sao mà biết được!

TOAN NGUNG.— Thế cha đã biếu người khách lạ này một *ché* rượu chưa?

CHA HƠ-LUNG.— Không, ta còn đợi con về đã. Nếu trong khi con còn đứng trên cầu thang của những người Bih dài tai, còn ở nhà những người Ro-lăm rộng miệng, lúc mà chân con còn dẫm trên lá rừng cây *kơ-tuôn* và rừng *a-đơ-hăm* thì ta không thể giết gà để cúng hồn cho khách lạ. Ta sợ rằng những người chết ở trong làng sẽ làm cho con đau đớn, hay những thần linh xa lạ sẽ có thể ném vào mặt con những cơn giận dữ ghê người.

TOAN NGUNG.— Cha ừ tặng cho hẳn một ghè rượu, cúng cho hẳn một con gà, gieo điềm tốt cho hẳn bằng những hạt gạo, để cho việc đến đây của hẳn sẽ là điều tốt đến với chúng ta!

Một buổi tối, Toan Ngung và Đam Di tay *khiên* tay đao ngồi nói chuyện bên nhau. Họ muốn nhận nhau làm bạn.

ĐAM DI.— Bạn Toan Ngung ơi! Tôi muốn tặng bạn một chiếc ngà voi.

TOAN NGUNG.— O' anh bạn của tôi ơi ! Tôi sẽ tặng lại cho bạn cái gì đây ?

ĐAM DI.— Một cái nào mà bạn có, dù là một quả cà hay một trái ớt cũng quý báu cả.

Sáng hôm sau, khi sao trên trời đã đi rửa mặt, khi gió đã mở cánh diều và hát ca trong các ống nứa thì cha nàng Hơ-lung cùng tôi tớ đến nhà người anh vợ ông ta là bác Mơ-đin.

CHA HƠ-LUNG.— O' Mơ-đin, cậu của con gái tôi ! Anh đã có trái tim cứng như gỗ *pếch* (1), anh có thể như là chiếc đòn tay giữ cho nhà khỏi bão, tôi định muốn gặp anh để hỏi vàng bạc, hỏi men để làm lễ kết bầu bạn cho Toan Ngung với một tù trưởng trẻ, hùng mạnh và giàu có, có được không ?

MƠ-ĐIN.— Tại sao mà chẳng được ! Chớ nếu chuyện này mà xảy ra sẽ không xấu như là một con chim diều hâu phá chòi lúa, một con hồ lợn đi lợn lại trên bờ sông, một con lợn lòi lưng bụi rậm hay như một con gà gò đòi ấp trứng ở bất cứ nơi nào.

CHA HƠ-LUNG, *hỏi Toan Ngung*.— Thế nào, con rể của ta có muốn bắt miệng không ? Bây giờ ta làm một lễ cúng để xin Trời cho hai người kết nghĩa đây.

TOAN NGUNG.— Con đã bằng lòng như vậy.

CHA HƠ-LUNG.— Ở các con ! Hãy buộc trâu lại và thui đi. Hãy buộc những con trâu cái thật to, khi mà chúng nó tắm dưới suối thì không bao giờ nước chảy hết lưng, hãy đánh thức những ghè rượu ngủ nhiều đêm dưới đất dầy, hãy đánh các chiêng lên, đánh cho tiếng chiêng *a-na* kêu trước, rồi đến chiêng *đu*, chiêng *lon* theo sau. Lũ con gái hãy đi vào rừng hái lá để lót vào ghè rượu, lũ con trai hãy đi báo cho Thần Trời, Thần Đất, cho các thú chim bay lợn khắp rừng này biết là Toan Ngung đã kết bạn với Đam Di.

Thịt trâu đã nằm dầy trong các đĩa hoa khi các *ché* rượu đã trở ra nhiều cần để mời khách.

1 — *Pếch* : một loại gỗ rất cứng.

CHA HƠ-LUNG, *hỏi Đam Di.* — Sao và trăng sắp mọc kia kia! Ta không hiểu cháu và Toan Ngung có bằng lòng kết làm bầu bạn với nhau không?

ĐAM DI. — Tại sao cháu lại không nhận lời đó được?

CHA HƠ-LUNG, *gọi tới tớ.* — Anh em hãy cắm thêm nhiều cần vào các ghè rượu và trái chiếu ra để mời khách đi! Trong việc này tôi cũng vụng về như một người đàn bà mà mái tóc dài của họ chưa biết đến hơi của một kẻ đàn ông (1). Cũng như bây giờ tôi chưa biết hết họ tên của một người mà tôi sắp đến khấn vái đây.

ĐAM DI. — Bác vẫn chưa hiểu họ hàng cháu như thế nào sao? Bác là cha của nàng Hơ-lung, bác đã có một người rể. Cháu là bạn của Toan Ngung, cháu sẽ coi anh ta như một người anh đã có một người vợ rất xinh đẹp tên là Hơ-lung. Còn cháu tên là Đam Di, vợ là Ê-sun, người cùng đi với cháu là Đam Mơ-lô, nó là đứa em đã ra đời ngay sau cháu.

Hãy bắt con trâu đen quý nhất mà cái sừng bên trái của nó húc xuống đất thì đất lũng đi như một chiếc gùi, sừng bên phải húc xuống thì đất trời lên như một chiếc trống. Hãy cắm tất cả các cần vào ghè rượu, hãy rót rượu vào trong các bát bằng đồng, gấp thịt vào trong các đĩa hoa và mời bác Mơ-đin làm lễ cúng đi.

MƠ-ĐIN, *bắt đầu cúng.* — « Chúng ta muốn có một người bạn quý có thể tôi luyện họ như một chất men, và coi đó như anh em. Toan Ngung muốn kết nghĩa với Đam Di, cũng như người ta muốn bắt hai con ong mật vào nuôi trong cùng một tổ, hai con gấu đực vào cùng một hang. Nếu như người đó đến chơi với một tình bạn tốt đẹp thì tôi không giữ kín rượu ở trong vò làm gì. Hơn nữa, tôi còn biếu cho họ một con gà sống dài đuôi. Nhưng nếu người đó ăn ở như một kẻ lật gan gà, muốn lừa lọc chúng tôi thì họ sẽ bị bầy cá sấu môi đỏ xé xác khi họ qua sông, bị cọp ba chân móc ruột gan khi họ qua nước lớn ».

1 — Ý nói: chưa khôn ngoan, sành sỏi.

CHA HƠ-LUNG. — Ở tôi tớ ! Hãy đánh những chiếc chiêng treo quần xà ngang xà dọc, dựng những chiếc chiêng đồng để chập ở vách lên ! Hãy đánh những chiếc chiêng quý nhất, những tiếng chiêng kêu thật vang, mà âm thanh của nó làm tắt đi những tiếng nhạc u buồn và ai oán, giống như tiếng sáo đã vút lên, và đánh những chiếc chiêng bằng bạc, đánh nhẹ nhàng để cho âm thanh bay đi êm dịu, để cho tiếng kêu của nó bước ra ngoài ngưỡng cửa, rồi đuổi xa hơn những lớp mây xanh, để cho sấm chớp bớt âm vang giận dữ, để cho những con khỉ và con vượn bị quyến rũ mà quên bám lấy cành cây, để cho con voi và tê giác phải dừng chân bước, để cho con tu hú đang ấp con trong bụng cũng phải rải cánh mà bay, để trời thác nước phải ngừng chảy và bầy ma quỷ cũng phải quên chuyện đi bắt hồn người !

ĐAM-DI, nói với Toan Ngung. — Ở bạn Toan Ngung ! Bạn hãy cầm lấy chiếc ngà voi này, nếu cần bán để đổi lấy bò thì bạn cứ việc bán, nếu bạn đã có nhiều của cải rồi thì hãy để lại trong nhà. Kể từ ngày hôm nay, nếu bạn thấy lúa *bia* lúa *dót* ở trong chòi của tôi thì chớ ngại gì mà bạn không lấy, nếu thấy com ở trong nồi tôi thì bạn chớ ngại gì mà không ăn, nếu rau có tốt hay xấu thì cũng là của cải của chúng ta.

∴

Nhưng, không phải dễ như một con trâu đã bị người ta xỏ dây vào mũi, một *ché* rượu đã bị người ta chôn dưới đất nhiều đêm, một cây rui cây gianh đã bị người ta buộc chặt trên nhà, hay như là lõi cây trắc, cây *bơ-nhoi* đứng giữa trời mà gió lay không chuyển, bão đánh không ròi, giữa Toan Ngung và nàng Hơ-lung có nhiều sự thay đổi như gió lật lá *liếng*, như người con gái và con trai tự mình đã không còn giữ được những chiếc *cồng* quý trong tay, như một kẻ đứng đầu làng bỏ rơi mất thần linh và để xoay đầu các hột gạo nằm ở giữa làng khi ông ta đi tìm đất (1).

1— Theo tập tục, khi đi tìm đất dựng làng, người cầm đầu làng chôn ở nơi đất mới mấy hạt gạo. Qua một đêm, đào lên, nếu thấy có hạt gạo xoay đầu giao nhau thì đất ấy là đất không tốt.

Gió đưa trăng thì trăng theo gió. Tất cả người Bih, người Mơ-nông ở phía nam, người Ba-na ở phía bắc, đều nói rằng Đam Di đi đến đây không phải chỉ ở một ngày, chơi một buổi, mà sẽ ở cho đến khi nào cây chanh ra lá, cây chè mọc rể thì chàng ấy mới chịu về làng.

Một buổi sáng, trăng chưa đi, sao còn mọc, Đam Di đã đưa nàng Hơ-lung chạy về nhà mẹ của chàng.

Gió ngả cánh nghiêng, sấm gầm giận dữ. Mười đêm sau, có tin đồn lan từ núi phía đông, lan khắp rừng phía bắc là Toan Ngung đã quyết đánh nhau với Đam Di. Họ đánh nhau từ lúc cây kê còn ngậm sữa và nói chuyện dưới đất (1) đến khi ngọn nó đã biết ca hát với nắng gió trên trời. Họ đánh nhau rất lâu, dài đến nỗi dừa nước không ra lá, bầu không ra ngọn, bắp không trổ cờ, lúa lại trổ bông dưới đất, khoai lại đào củ trên ngọn, chim lượn cánh ở dưới nước, cá xoe vây ở trên trời (2).

Dân làng của Đam Di thì đã bỏ làng nhập theo các làng giàu mạnh hơn (3). Còn Toan Ngung thì đã góp được một đội quân gồm cả con trai người Bih có tai vĩnh và con trai Mơ-nông có mũi dày. Quân đi thành đám đông, xa trông như nai đàn, xập xèo như bầy ong *xây*, bầy mối, *khiên* đao của họ giơ lên trời chớp nắng, đao mác chĩa lên trời trắng lóa như bóng lách bông lau.

Đam Di vẫn luôn luôn khỏe mạnh, thật đúng như lời dặn năm xưa của người bác đã từng bảo với mẹ chàng: « Em chờ nên bao giờ la rầy đưa cháu của ta. Thần linh đã cho nó như thế, em phải nuôi dạy nó chóng trở thành một kẻ có tiếng tăm như một tù trưởng hùng mạnh nhất ».

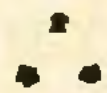
Toan Ngung và Đam Di đánh nhau từ lúc cây tre còn chơi dưới đất đến lúc ngọn nó đã cong lại dịu dàng như một lá gianh

1— Ý nói: lúc hạt mới nảy mầm.

2— Ý nói: đánh nhau dữ dội và lâu dài, làm cho xã hội bị tàn phá, đau khổ.

3— Đam Di đã bỏ làng, đi đánh các tù trưởng khác; dân làng phải đi tìm người đứng đầu làng để bảo vệ cho họ.

và đưa đầy trên trời với gió thì Toan Ngung mới bị rơi đầu (1) dưới mũi kiếm của Đam Mơ-lô. Đùi của Đam Di cũng đã bị cắm đầy các mũi tên của những người Giơ-rai theo Toan Ngung ra trận. Người ta bảo rằng Đam Di còn sống được là nhờ có nàng Hơ-lung xinh đẹp đã rút ra được tất cả những mũi tên cắm ngập trên đùi chàng.



ĐAM DI — Ở dân làng ở phía đông, ở dân làng ở phía tây !
Tù trưởng giàu mạnh của các anh đã chết cũng như một con ngựa tốt đã đứt dây cương, một con voi quí đã mất *a-kút* rồi.
Thế thì bây giờ các người có muốn đến ở với ta không ?

DÂN LÀNG — Một con ngựa đẹp nhờ ở cái yên của nó ; một con voi đẹp nhờ có cái bành của nó ; biển to là nhờ các sóng lớn cứ mùa lượn suốt ngày đêm. Tù trưởng là gốc đa. Chúng tôi là những lá đa nên phải bám theo những gốc đa nào tươi tốt nhất. Chúng tôi sẽ không bao giờ cầm những con dao đâm ngược lại ý ông.

ĐAM DI. — Được, dân làng đã bằng lòng theo ta thì các người hãy đi xem thử nhà Toan Ngung còn được mấy con voi ?

DÂN LÀNG. — Không còn con nào nữa, dù là một cái mảnh ngà nhỏ để cắm lên đầu người Mơ-nông cũng không còn, vì ông ta phải đền xương (2) cho những người Giơ-rai đã theo

1 — Đoạn này, theo tài liệu của Ang-tô-mát-ki, thì khi Đam Di đưa Hơ-lung về làng rồi, Toan Ngung cho quân đến đánh. Đam Di đòi được trả của nhưng Toan Ngung phạt nặng lắm ; Đam Di chưa trả đủ nợ, quân Giơ-rai liền bắn Đam Di bị thương ở đùi. Hơ-lung rút mũi tên ra cho chàng. Đam Di tức, đi đánh lại. Toan Ngung sợ, bỏ trốn vào rừng. Đam Di bắt Đam Mơ-lô vào núi tìm. Mơ-lô bảo Toan Ngung về. Toan Ngung bị ốm, nằm đắp chăn, không về được. Mơ-lô nhảy đến cắt đầu của Toan Ngung đưa về nhà cho Đam Di.

Một số người Ê-đê cho rằng không có đoạn này. Song, nhiều người khác lại xác nhận là có. Đoạn này quan trọng vì nó diễn đạt rõ cuộc xung đột võ trang liên miên và tàn khốc của thời phụ quyền hưng thịnh, nhưng điều đáng tiếc là chúng tôi chưa sưu tầm được đầy đủ.

2 — Ý nói : trả của đền cho gia đình những người chết.

ông ta đi đánh nhau tính đã hơn bốn lần ông trắng tròn lặn rồi.

ĐAM DI. — Thôi, chúng ta hãy cùng đi !

Dân làng lũ lượt kéo đi, đông như một bầy kiến đen, một bầy ong vàng độ cánh. Họ về làng của người tù trưởng mới. Rẫy nương đẹp như cầu vồng trải ra trước mắt họ. Nếp to hạt vừa chín nửa bông, lúa nhỏ hạt đã chín vàng như lá chuối. Những bụi thuốc *kơ-xoa* thơm, những đám nghệ vàng đã mọc nhiều đơm. Những cây chuối để con bèn bìa rẫy. Hoa bi nói chuyện với ong trong bụi cây. Hoa mướp đi chơi với cỏ ở bìa rừng. Về tới nhà, Đam Di mở một hội lớn để ăn mừng thắng trận, mừng sự trở nên hùng mạnh và giàu có, mừng trong nhà có thêm nhiều chiêng bằng, chiêng nôm, có thêm nhiều nô lệ và voi đàn. Làng của Đam Di đã là làng đông đúc nhất, một làng có nhiều *khiến* đao kêu rùng rỗng trong mỗi bước đi, một làng đã thêm nhiều con trai không bao giờ sợ gió bão và sấm chớp.

Thời gian uống tháng uống năm. Dân làng của Đam Di ngày xưa bỏ chạy lên rừng phía tây, xuống suối phía đông, bây giờ nghe tin Đam Di sống, họ bèn lũ lượt kéo nhau về. Vừa đi họ vừa hát. Tiếng hát đi nhanh như con ngựa của cu Ghôn chạy trên trời :

« Hỡi anh chị em ơi !

Hàng trăm người Bih đi trước,

Hàng ngàn người Mơ-nông theo sau,

Hãy đánh chiêng lên !

Hãy đánh trống lên !

Đánh những tiếng chiêng kêu to nhất !

Đánh những tiếng trống kêu to nhất !

Tiếng chiêng phải đến gọi con hồ dầy,

Tiếng chiêng phải đánh thục mặt trời dầy

Để cùng ta, kéo đi thăm cây đa lớn nhất trong làng ! »

DÂN LÀNG. — Ơ tù trưởng Đam Di ! Những con chim ưng đã không dám theo cha nó khi bão to sóng lớn, con cá đã không dám theo mẹ nó khi lụt núi mưa rừng, bây giờ thì họ muốn trở về làng xưa bến cũ của ông.

ĐAM DI. — Tôi đã phạm nhiều lỗi với các người nghèo vì tôi đã gây nên nhiều chuyện bất hòa với người giàu có.

DÂN LÀNG. — Xin ông đừng nói thế.

ĐAM DI. — Tôi chỉ mong rằng khi nào có những sự đe dọa đến với ta thì các người hãy cầm gươm đầy ra giúp tôi; khi nào có những tên kẻ cướp ngoài làng đến, các người hãy cầm tên nỏ đánh lui chúng; khi có xung đột xảy ra thì các người hãy giúp tôi bằng câu nói việc làm.

DÂN LÀNG. — Tất cả chúng tôi đều xin nhận lời ông như nhận trong tai mình những tiếng găm của sấm chớp và thần linh.

Cả một sự đồng tình và hòa hợp như xưa. Từ đó, làng mạc của Đam Di trở nên một làng lớn, có nhiều tôi tớ và nô lệ, có nhiều chiêng nùm chiêng bằng. Tiếng tăm của tù trưởng Đam Di như một cánh diều hâu, bay xa chín đầu đèo, bay đi mười con nước.

NGỌC ANH

sưu tầm và dịch

NGHIÊN CỨU VĂN HỌC số 1, 2 và 3 — 1961

TRUYỆN CỎ

Dân tộc TÀY*

CẦU KHÂY

Ngày xưa, có một chú bé, tuy bé người nhưng ăn một lúc hết chín chỗ xôi. Vì vậy người ta mới đặt tên cho là Cầu Khây. Cầu Khây con nhà nghèo, lên mười tuổi, sức đã bằng trai mười tám, mười lăm tuổi đã tinh thông võ nghệ. Thấy con khỏe và giỏi võ, cha mẹ Cầu Khây thường khuyên con chỉ nên làm điều lành.

Cầu Khây rất có hiếu, luôn luôn nghe lời cha mẹ. Trâu bị tụt hố sa lầy, Cầu Khây kéo lên và vác cả trâu qua cánh đồng lầy. Hồ lớn trong rừng lửa bắt trâu bắt lợn của dân *bản*, Cầu Khây nhổ cả cụm tre đuôi đánh chết hồ. Xác hồ bốn người khiêng không nổi, một mình Cầu Khây cắp nách chạy nhẹ nhàng như không. Tiếng đồn tốt về Cầu Khây lan rộng khắp nơi.

Trong vùng bỗng xuất hiện hai vợ chồng một con yêu tinh. Hai vợ chồng yêu tinh to như hai cây đa cổ thụ. Chúng có nhiều phép thuật ghê gớm. Đêm đêm, chúng đi bắt người và các súc vật về ăn thịt, chẳng mấy lúc *bản* làng ian hoang, có nhiều *bản* không còn ai sống sót.

* Xem chú thích ở trang 29.

Cầu Khây tức giận lắm, quyết chí đi trừ yêu tinh. Mọi đầu cha mẹ Cầu Khây không cho đi, sau vì Cầu Khây năn nỉ mãi nên đành phải bằng lòng. Khi đi, cha mẹ Cầu Khây căn dặn con là nên tìm thêm người giỏi mà hợp sức trừ yêu tinh chứ một mình Cầu Khây e không làm nổi.

Cầu Khây hơn hờ ra đi. Gặp năm trời đại hạn, đến một cánh đồng khô cạn, Cầu Khây thấy rất đông người đang đắp đập dẫn nước vào ruộng. Trong số người ấy có một cậu bé con. Cậu bé này đang dùng nắm tay không để thay vò đóng cọc. Mỗi quả đấm của cậu giáng xuống, cọc tre lại thụt xuống hàng gang tay. Cầu Khây muốn rủ cậu bé cùng đi trừ yêu tinh, bèn lại gần hỏi chuyện. Cậu bé ấy tên là « Năm tay đóng cọc ». « Năm tay đóng cọc » trả lời Cầu Khây rằng :

— Phải đắp đập lấy nước về tưới ruộng không thì lúa chết hết. Một nắm tay tôi khỏe bằng mấy Cầu Khây mà vẫn làm không kịp đây.

Nghe nói thế, Cầu Khây liền nghĩ ra một mẹo. Cầu Khây thách « Năm tay đóng cọc » độ sức, nếu Cầu Khây thua sẽ xin cùng làm xong đập nước với « Năm tay đóng cọc », nếu « Năm tay đóng cọc » thua thì « Năm tay đóng cọc » phải theo Cầu Khây đi giết vợ chồng yêu tinh.

« Năm tay đóng cọc » nhận lời. Hai người đấu võ, và chỉ một lúc thì « Năm tay đóng cọc » đã phải xin thua. Tuy vậy Cầu Khây vẫn cùng với « Năm tay đóng cọc » đắp xong đập nước rồi mới lên đường đi trừ yêu tinh.

Đến một vùng kia, đang đi Cầu Khây và « Năm tay đóng cọc » nghe tiếng tát nước ầm ầm. Tưởng đông người, Cầu Khây và « Năm tay đóng cọc » mò đến xem. Lúc tới nơi chỉ thấy có một cậu bé đang ngàm mình dưới suối, lấy hai vành tai tát nước lên thừa ruộng cao bằng mái nhà. Cầu Khây liền hỏi chuyện và khen cậu bé khỏe. Cậu bé được khen đặc ý nói rằng một vành tai của mình có thể quạt bay cả ba người giỏi như Cầu Khây.

Cầu Khây liền cởi áo xuống nước độ sức với « Lấy tai tát nước ». Cuộc độ sức lần này gay go vì Cầu Khây bị nước té vào tối tăm cả mặt mũi. Mãi sau, lừa miếng, Cầu Khây mới

nhảy vọt lên cao rơi ngay xuống cạnh « Lấy tai tát nước », túm cổ cậu ta ném lên bờ. « Lấy tai tát nước » đành chịu thua. Thế là Cầu Khây được thêm một người bạn nữa cùng đi trừ yêu tinh.

Ba người đi được ít lâu lại gặp một cậu bé khác đang ngồi dưới gốc cây, lấy móng tay đục gỗ thành lòng máng dẫn nước vào ruộng. Cầu Khây liền cùng các bạn lại hỏi chuyện. Cậu bé nọ thản nhiên nói là ở đời không ai có được móng tay khỏe và sắc như mình. « Năm tay đóng cọc » tức khi, hỏi :

— Cậu bé bằng con chuột thế kia thì làm gì nổi ai mà nói huênh hoang thế?

« Móng tay đục máng » trả lời :

— Không làm gì nên à? Anh đã biết Cầu Khây chưa? Một cái móng tay của tôi còn hạ nổi mười Cầu Khây đấy nhé.

Thấy nhắc đến mình, Cầu Khây liền bảo « Năm tay đóng cọc » hãy ra thí võ với « Móng tay đục máng ». Đấu đến lúc mặt trời lên cao thêm một con sào nữa mà vẫn không phân thắng bại. Hai người đành phải chịu hòa.

Được thế, « Móng tay đục máng » càng hăng, cậu ta nói với Cầu Khây đứng ngoài :

— Kể ra anh kia cũng khỏe đấy, nhưng tôi chưa dùng hết sức tôi đâu. Nếu tôi ra sức thì khỏe như hổ, tôi còn bẻ gãy chân như chơi đấy.

Cầu Khây nghe nói vậy liền đứng tấn, hai tay khoanh trước ngực, bảo « Móng tay đục máng » hãy thử vật mình xem. « Móng tay đục máng » sẵn tới, định vit cổ Cầu Khây xuống nhưng không ăn thua gì. Mỗi lần cậu ta lấy sức lên gân thì đất dưới chân chỉ lún xuống, Cầu Khây vẫn đứng trơ trơ. Sau cùng, thấy « Móng tay đục máng » đã mệt, Cầu Khây mới nói rõ tên mình và rủ « Móng tay đục máng » cùng đi trừ yêu tinh. « Móng tay đục máng » giật mình kinh phục và xin làm em út đi theo.

Bốn anh em Cầu Khây thương yêu nhau như anh em ruột đi đến đâu cũng giúp đỡ người khốn khó.

Một hôm, bốn anh em gặp hơn mười người đang gò lưng kéo gỗ trong rừng về làm nhà. Cầu Khây bảo để cho mình

giúp một tay mang về hộ, họ không tin. Thấy anh em Cầu Khây còn nhỏ tuổi, một người trong bọn nói đùa rằng nếu Cầu Khây vác được cây gô thì cả bọn họ sẽ xin nhường bữa cơm sáng. Cầu Khây liền ghé vai vác cây gô chạy như bay, mọi người kinh ngạc, phải hết sức chạy đuổi theo mới kịp.

Anh em Cầu Khây được cuộc. Ăn cơm xong, bốn anh em lại lên đường đến chỗ yêu tinh ở. Chung quanh chỗ yêu tinh ở, *bản* làng xơ xác, cỏ mọc um tùm. Chiều tối, bốn anh em lần vào một *bản*, trong *bản* còn sót lại một bà cụ già. Thấy bọn Cầu Khây toàn là trẻ nhỏ, lại kêu đói, bà cụ nấu cơm cho ăn. Ăn hết nồi này nồi khác vẫn chưa no, sau cùng bà cụ phải nấu thêm một cháo lớn nữa, anh em Cầu Khây ăn hết mới nằm lăn ra ngủ.

Tờ mờ sáng, lúc gà rừng vừa gáy, chim « cắt lợn » (1) vẫn gọi « thủ thủ thủ thì » dưới sàn, anh em Cầu Khây còn đang ngủ say thì có tiếng đập cửa. Biết yêu tinh đã đánh hơi thấy thịt trẻ con, bà cụ liền lay anh em Cầu Khây dậy để đi trốn. Cầu Khây liền bảo bà cụ :

— Cụ không sợ. Cụ cứ vào trong buồng đi. Chúng cháu đang đi tìm để giết yêu tinh đấy !

Nói rồi, Cầu Khây bảo « Năm tay đóng cọc » và « Móng tay đục máng » nấp hai bên cửa. Cầu Khây lên tiếng hỏi. Nghe tiếng trẻ con, yêu tinh mừng lắm. Nó giục mở cửa mau không nó phá nhà. Cầu Khây liền mở cửa. Con yêu tinh vợ vừa thò đầu vào, thè lưỡi dài như quả *núc nác*, trợn mắt xanh lè nhìn Cầu Khây, liếm mép chèm chẹp tỏ vẻ thèm thuồng lắm. « Móng tay đục máng » nhanh tay tóm lấy lưỡi yêu tinh, dùng móng tay cửa dứt đôi ra. « Năm tay đóng cọc » thì đâm một cái làm yêu tinh vợ gãy gần hết răng, máu chảy lút cả găm sàn. Đau quá, yêu tinh hét lên, gió bão nổi ầm ầm, trời đất tối sầm cả lại. Cầu Khây liền nhổ cả một cây bồ quân gai góc sù sì quật vào mặt yêu tinh. Yêu tinh vội vàng bỏ chạy. Bốn anh em Cầu Khây lập tức đuổi theo.

Yêu tinh lừa anh em Cầu Khây đến một thung lũng hẹp, chung quanh núi cao vây tròn thành lòng chảo, bấy giờ nó mới

1— Tên một loại chim, ịch theo nguyên văn tiếng Tày.

quay lại, vén quần đái ra như mưa. Nước dâng lên ngập cả cánh đồng. Anh em Cầu Khây vội trèo lên núi. « Năm tay đóng cọc » thì đóng cọc be bờ ngăn nước lụt. « Lấy tai tát nước » thì lấy tai tát nước ầm ầm qua núi cao. « Móng tay đục máng » thì hì hục ngả cây khoét máng, khơi dòng cho nước chảy sang thung lũng bên kia, còn Cầu Khây thì tiếp tục đánh nhau với yêu tinh vợ.

Yêu tinh vợ cùng thế, chạy về cầu cứu yêu tinh chồng. Yêu tinh chồng nghe nói tức giận chạy ra thì cũng vừa gặp bốn anh em Cầu Khây xông tới. Nó gầm lên như sét đánh, núi sau nhà sạt từng tảng to bằng cái bồ. Thấy anh em Cầu Khây bé nhỏ, nó khinh thường, ngửa mặt lên trời cười sảng sặc đoạn giơ đầu ra bảo anh em Cầu Khây :

— Đồ nhãi ranh, chúng mày muốn gãi đầu tao à? Đầu đây, chúng mày đánh thử đi tao xem !

Nó tưởng nó có phép, không sợ vỡ đầu. Ngờ đâu anh em Cầu Khây khỏe quá, mỗi người vác một tảng đá lớn cùng nện vào đầu yêu tinh chồng. Yêu tinh chồng vỡ óc chết tươi.

Giết xong yêu tinh chồng, anh em Cầu Khây lũng vào hang vây giết nốt yêu tinh vợ rồi mới trở về.

Từ đấy dân trong vùng được yên ổn làm ăn. Làng bản lại đông vui hơn trước.

Theo tài liệu của NGỌC THU

(Khu tự trị Việt Bắc)

HOÀNG THAO viết

PÚ CẤY

Ngày xưa, ở trên ngọn núi Khau-han (1) cao ngất ấy có lão Pú Cấy. Lão rất to lớn. Lão có đôi mắt xếch đỏ ngầu, lông mày rậm lòa xòa che lấp cả hai lỗ mắt. Khi muốn trông gì, lão phải lấy tay gạt đỡ lông mày lên. Lão rất khỏe, khỏe gấp mười người thường. Lão thích ăn thịt nướng lắm. Hàng ngày, lão

1 — Tên một dãy núi cao ở xã Bình-long, huyện Hòa-an (Cao-bằng).

vào rừng đuổi bắt chồn, cáo, hươu, nai về làm bữa. Những ngày mưa to gió lớn không vào rừng được thì lão lại lần vào các *bản* gần quanh để bắt người.

Hồi ấy, các *bản* ở gần Khau-han đều thừa bóng người vì dân cư ở đây phần bị Pú Cấy ăn thịt, phần sợ hãi phải bỏ làng mạc đi làm ăn ở các nơi có làng đông đúc hơn.

Khi không còn tìm bắt được người, Pú Cấy lại đi tìm bắt tôm cua ếch nhái ăn tạm. Nhưng lòng lão vẫn cứ ước ao được ăn thịt người.

Một hôm, lão đi qua *bản* Khuổi-rặc, gặp ba anh em con trai béo tròn đang ngồi quanh bếp lửa hồng. Pú Cấy thích quá, tưởng sẽ được bữa thịt no nê. Lão nhảy bổ lại gần ba anh em kia, đưa bàn tay lông lá lên gạt lòng mày, nhìn họ chòng chọc. Ba anh con trai thấy vậy chột dạ, vội cầm dao quắm lên tay.

Pú Cấy đành không dám nhảy vào bắt. Lão liền đổi giọng, ngọt ngào bảo :

— Ba cháu đấy ư ? Sao không lên rẫy, ngồi làm gì đấy ? Ăn sẵn nướng đấy à ? Cho lão ăn với nhé.

Lão vừa nói vừa chìa bàn tay móng dài đen ngòm ra với lấy một củ sắn. Lão lại dỗ dành anh trẻ nhất đi ra nướng đào thêm sắn về nướng.

Anh con trai trẻ nhất trong bọn nói :

— Chúng cháu là ba anh em ruột, mồ côi cha mẹ từ lâu. Chúng cháu cứ tưởng ở trên đời này không còn có người nữa. Nay gặp *pú* (1) ở đây, chúng cháu vui lắm...

Anh ngừng lại, nuốt xong miếng sắn rồi nói tiếp :

-- Anh em chúng cháu định làm một cái bẫy thật to để tìm bắt cho *pú* những con hươu con lợn lòi thật béo. *Pú* chờ ăn thịt chứ ăn sẵn ngon sao bằng !

Nói rồi không một ai lên nướng lấy sắn cả. Vì họ biết nếu đi một mình thì thể nào cũng bị lão lần theo bắt đem đi mất.

Pú Cấy cười hề hề, vừa nhai nhồm nhoàm vừa nói :

1 — *Pú* : cụ.

— Tốt, tốt ! Nếu các cháu bầy được hươu được lợn cho lão thì hay lắm. Thế thì bao giờ có ?

Lão thè cái lưỡi đỏ lôm ra liếm hai bên mép, đảo đôi mắt nhìn ngược nhìn xuôi.

Ba anh con trai đều nói :

— Ngày mai, cũng vào khoảng buổi trưa như thế này, *pú* cứ lại đây xem.

Pú Cấy gật đầu rồi ra đi. Lão đi được một quãng thì quay lại, đổi giọng, dặn thêm :

— Chúng bay nhớ đấy nhé ! Ngày mai tao sẽ lại, đứa nào dám nói lừa tao thì sẽ phải chết. À, chúng mày tên là gì ?

— Cháu là Lương Cốc, em này là Lương Soong, còn em kia là Lương Ý.

Lão đi khỏi, ba anh em quay lại nhìn nhau, buông dao, ngồi xuống bàn bạc.

Ba anh em Lương Cốc bàn nhau cách bắt Pú Cấy. Thấy nói đến chuyện bắt Pú Cấy, Lương Cốc muốn gật đi nhưng Lương Soong và Lương Ý thì cứ bàn. Hai em đều cùng một ý là làm sao bắt được lão đem trôi sông thì mới hả.

Lương Ý nói :

— Ta làm một cái lồng bằng song thật to. Khi lão đến, ta dụ lão chui vào rồi đem chìm xuống nước thì có gì là khó...

Lúc đầu còn dùng dăng nhưng sau thấy hai em nhất định làm nên Cốc phải theo. Ba anh em liền vào rừng kiếm những cây song già nhất về hơ lửa, đan một cái lồng thật chắc. Ba anh em lần lượt chui vào đập thừ quả thấy cái lồng chắc chắn thật.

Trưa hôm sau, đúng hẹn, Pú Cấy chạy hộc tốc đến gặp ba anh em Lương Ý. Lão không thấy có cái bầy nào mà cũng không ngửi thấy mùi thịt sống. Lão hăm hăm nét mặt, nhe hai bộ răng nhọn hoắt, quát hỏi :

— Bầy lợn lòi đầu ? Lợn lòi đầu ? Chúng bay to gan thật, dám nói lừa tao. Bay sẽ chết !

Lão sấn sỏ lại trước mặt Lương Cốc. Cốc run cầm cập. Ý lại nhẹ nhàng chỉ vào cái lồng bằng song bảo Pú Cấy :

— Đấy đấy, cái bầy lợn lòi đấy. Cháu làm xong rồi còn chờ *pú* lại thử giúp. Nếu bầy chắc thì mới bắt được lợn. Hôm qua có đàn lợn to quá, chúng đến phá hết nương sắn của cháu rồi. Thịt lợn chắc ngon lắm đấy, *pú* muốn ăn thịt lợn hay thịt hươu.

Pú Cây không trả lời, lão giục :

— Chúng mày đặt bẫy đi, tao ngồi đây chờ. Nếu không được lợn thì tao ăn thịt chúng mày.

Lương Cốc lại run lên, lùi nấp vào đằng sau Lương Soong. Lương Ý vò vắn trả lời :

— Được thôi ! Cháu đem lồng bẫy đi đặt đây. À, nhưng *pú* à, phải thử đã chứ.

-- Thử thì thử nhanh lên ! Cứ nói mãi tao thêm thêm!...

Lương Ý bèn nằm bò xuống, chui vào trong lồng, co chân đạp khắp bốn mặt. Rồi Ý chui ra, nói :

— Cháu thì thấy chắc rồi nhưng sức cháu vốn yếu, chỉ sợ có những con lợn lòi khỏe nó phá ra được thì phí lắm. *Pú* chui vào đập thử xem, nếu lồng chắc thì mới bẫy lợn to được.

Lão *Pú Cây* tưởng thật, bắt chước Lương Ý, chui vào lồng. Lương Ý buộc cửa lồng lại thật chắc rồi bảo lão *Pú Cây* đập bốn phía. Lão đập hết sức. Lão đã mệt lắm. Lão nói :

— Được rồi ! Chắc rồi ! Dù có lợn ba trăm cân, hươu chín gạc cũng không phá nổi đâu. Mở cửa lồng cho tao ra, nằm co thế này khó chịu lắm.

Ba anh em Lương Cốc không nói không rằng, khiêng ngay lão đi thẳng, mặc lão kêu la ầm ĩ.

Ba anh em khiêng lão ra sông Dẻ-rào. Ra đến bờ sông, *Pú Cây* biết bọn này định dìm lão xuống sông. Lão đấu dịu, nhẹ nhàng bảo Cốc :

— Này các cháu ơi ! Lão có ba đứa con gái lớn đến tuổi lấy chồng, nhưng lão còn chọn xem ai có sức khỏe và tài giỏi thì lão mới bán con gái cho. Ba cháu có thể làm rể lão được đấy. Các cháu cho lão về nhà rồi lão bán con gái cho.

Vẫn không nói một lời, ba anh em Lương Cốc cứ khiêng lão đi. *Pú Cây* lại dụ dỗ khéo hơn :

— Ba cháu lớn cả rồi, cần phải có vợ. Ở khắp vùng này không có một người nào đẹp cả. Các cháu không lấy con gái lão thì lấy ai ?

Ba anh em Lương Cốc vẫn không nghe. Pú Cấy lại khấn khoản :

-- Nếu ba cháu bằng lòng làm rể lão thì lão sẽ chia cho cả núi rừng của lão, có nhà đá, có chim chóc, có hươu, nai, chồn, cáo. Các cháu và vợ con tha hồ làm ăn sung sướng, không sợ thiếu thốn gì.

Lương Cốc và Lương Soong thấy nói được cả rừng núi, cả chim chóc, cả hươu nai, lại còn cả vợ nữa thì lấy làm thích lắm. Riêng Ý vẫn không chịu. Cốc và Soong biết em không bằng lòng nhưng vẫn cứ đặt lòng nhốt lão Pú Cấy xuống rồi nhanh tay tháo cửa lồng cho lão chui ra.

Pú Cấy thoát chết. Lão liền đưa ba anh em Lương Cốc về nhà. Hai người anh vừa đi vừa nghĩ đến chuyện sẽ có vợ, đến chuyện sẽ có chim, có nai, tha hồ làm ăn sung sướng. Hai người đi không biết mỏi, càng đi càng hăng.

Lương Ý thì không nghĩ thế. Anh thấy đúng là hai anh mình bị mắc lừa. Thế nào rồi cả ba cũng sẽ bị Pú Cấy làm hại. Ý vừa đi vừa lo, lâu lâu Ý lại thở dài nhìn hai anh.

Pú Cấy đưa được ba anh em Cốc lên tới nhà. Lão đưa ba người vào một cái hang đá có kê giường nằm và ba cái ghế. Lão bảo :

— Đây là nhà của lão. Các cháu cứ ở đây. Lão sẽ cho vợ các cháu ra nói chuyện. Đừng đi đâu nữa nhé !

Nói đoạn, lão đóng sập cửa hang lại. Lão vào tít trong cùng hang sâu thẳm tối om om. Một lúc sau, ba cô con gái cao lớn phốp pháp từ trong hang ra, đến trước mặt ba anh em Cốc chào hỏi :

— Ba anh ngồi lên ghế này rồi sẽ nói chuyện. Đã là vợ chồng với nhau, các anh chớ ngại gì hết.

Ba cái ghế trông thật khác thường. Ý lắc đầu làm hiệu cho hai anh đừng ngồi. Nhưng hai anh cứ nói nói cười cười với ba cô chủ lả lơi rồi ngồi phịch xuống ghế. Ý không ngồi,

anh đi sang bên cạnh lò bếp, ngồi xuống một góc củi đang cháy dở.

Vừa ngồi xuống, Lương Cốc và Lương Soong bị dính liền vào mặt ghế. Ba cô gái lẳng lơ kia cứ bả lả nói hết chuyện này sang chuyện khác, cố làm cho hai anh chàng ngốc nghếch ấy không biết rằng mình đã bị cột chặt vào ghế.

Trong lúc đó, Ý dò xét khắp bốn mặt trong hang. Anh nhìn về phía trong cùng hang, thấy Pú Cấy đang xoay xoay giang thẳng cánh tay mài một con dao dài chừng một sải. Lão vừa mài vừa tùm tùm cười. Lâu lâu lão lại thè cái lưỡi đỏ lòm ra liếm hai bên mép.

Quay lại, Ý vẫn thấy hai anh mãi cười đùa với ba chị em con gái Pú Cấy. Lương Ý nghĩ cách tháo thân. Chung quanh toàn vách đá, cửa hang lại bằng gỗ nghiêng đóng chặt. Anh thấy khó có lối thoát thân. Nhân khi không ai để ý, anh bèn chui lẩn vào trong lòng góc củi đang ngồi.

Một lát sau, Pú Cấy thỉnh thoảng đi ra. Lão nhếch mép cười rồi nhẹ tay nhắc hai cái ghế có hai anh chàng khờ khạo đang ngồi vào trong cùng hang... Ba con gái lão cũng vào theo. Chúng bỏ quên Lương Ý nằm nôm nớp ở trong lòng góc củi đang cháy dở bên bếp than gần tàn. Sau khi ăn thịt Lương Cốc và Lương Soong, Pú Cấy cởi trần trùng trục để lộ bộ ngực và bụng đầy lông lá xồm xoàm như một con gấu đen đi ra. Lão vừa xỉa răng vừa chèm chẹp miệng, tới bên bếp lửa thổi phò phò để lấy lửa hút thuốc. Lương Ý run cầm cập, không dám thở mạnh. Pú Cấy lay lay góc củi, Ý lạnh toát cả người, đái ra quần lúc nào không biết. Nước đái theo lòng góc củi chảy vào bếp làm tắt lửa, khói bốc mù lên. Pú Cấy lấy tay dụi mắt, miệng cắn nhản tức tối. Lão lại lay lay góc củi. Khói càng bốc nhiều hơn. Bực quá, lão cầm góc củi lao thẳng xuống sườn núi trước cửa.

Góc củi quay cuồng lăn lộn xuống chân núi làm Ý nằm ở trong cũng choáng váng chết khiếp. Góc củi lăn xuống một đám ruộng lầy dưới chân núi. Nằm lặng đi một lúc lâu, dần dần Ý hoàn hồn, lóp ngóp bò ra. Ý nhìn trước nhìn sau, không thấy Pú Cấy và cũng không thấy một người nào, Ý lủi thủi

tim đường về nhà. Cảnh vật chung quanh vắng teo càng làm anh lạnh người vì sợ.

Lương Ý theo con đường bờ ruộng ngoằn ngoèo đi mãi. Anh nghĩ tới đời sống lẻ loi của mình. Bỗng có tiếng gọi, Ý quay lại thì thấy một chú cua đang đứng đỉnh bờ ngang qua bờ ruộng bên cạnh. Cua hỏi :

— Anh Ý đi đâu về mà sao trông anh buồn thế? Anh có thể cho tôi biết được không?

Ý dừng chân, kể lại đầu đuôi câu chuyện cho Cua nghe. Rồi anh ngậm ngùi tiếp :

— Nay tôi phải sống lẻ loi một mình thì thế nào cũng đến chết thôi! Một mình khó chống được với lão Pú Cấy! Tôi muốn báo thù lão Pú Cấy. Hiềm vì...

Cua thấy Ý nói vậy liền cướp lời :

— Phải rồi, anh Ý nói đúng. Khi nào còn lão Pú Cấy thì loài người loài vật vẫn phải lo lắng không yên thân.

Và, trầm ngâm một lúc lâu, Cua tiếp :

— Nếu anh có muốn giết lão Pú Cấy thì tôi xin đi theo giúp anh. Tôi tuy yếu nhưng cố vẫn được việc.

Ý mừng lắm. Anh bảo Cua :

— Tôi rất muốn giết lão Pú Cấy nhưng tôi thấy sức chúng ta còn yếu quá. Chúng ta phải nhiều người thì mới giết nổi nó. Bây giờ Cua hãy theo tôi, ta sẽ tính cách giết nó sau.

Thế là Lương Ý bắt đầu có bạn. Ý và Cua lặng lẽ cùng nhau vào *bản* Khuồi-rặc. Qua con suối trước *bản*, Ý và Cua gặp cả Bống. Bống quấy quấy cái đuôi tý xiu chào hỏi hai người :

— Anh Ý và anh Cua đi đâu về qua đây? Vì sao hai anh buồn thế? Các anh có thể cho tôi biết được không?

Ý chưa kịp nói thì Cua kể lại chuyện cho Bống nghe. Bống suy nghĩ: « Phải, nếu hết người, hết tôm cua ếch nhái thì lão Pú Cấy cũng chẳng tha mình đâu. Phải theo Cua và Ý đi giết quách lão Pú Cấy trước là tốt hơn ». Bống liền xin theo Ý và Cua.

Trong khi cả ba đang nhỏ to trò chuyện thì Ý thoảng thấy lão Pú Cậy đi qua. Lão đi nhanh lắm. Chắc là lão đi tìm Ý. Ý vội kéo Cua và Bổng cùng chai lặn vào nắp dưới hòn đá bên bờ suối.

Pú Cậy đã ngửi thấy mùi thịt người liền xộc tới tìm. Nhưng cả Ý, Cua và Bổng đã được cô Rêu che kín khiến lão Pú Cậy không sao nhìn thấy. Lúc lão đi khỏi, cô Rêu mới thủ thỉ:

— Lúc nầy ba anh bàn chuyện gì tôi cũng đã nghe rõ cả rồi. Xin các anh cho tôi đi với, tôi cũng tức lão Pú Cậy hay giày xéo lên tôi lắm.

Thế là bọn Ý đã có bốn người. Bốn người cùng một dạ, lặn lữ vào *bản*. Ý thu dọn lại nhà cửa. Lưỡi cày hôm nay hấy chủ nhà có vẻ buồn rầu liền hỏi chuyện. Khi đã rõ chuyện, Lưỡi Cày cũng xin theo và hứa sẽ đi đầu để chọc tiết Pú Cậy.

Năm người uống máu ăn thề, quyết giết chết lão Pú Cậy hung ác. Họ kéo nhau lên hang Pú Cậy giữa một buổi chiều trời quang mây tạnh.

Dọc đường, bọn họ lại được thêm Cáo vằn và Hồ xám nhập bọn đi theo. Phải trèo ba mươi sáu đèo, vượt mười hai suối, qua chín thung lũng mới tới hang Pú Cậy. Ý liền cắt đặt công việc cho từng bạn mình.

Đêm khuya dần, trời tối như bưng. Ngoài vườn, tiếng giun để rên rĩ càng làm cho cảnh đêm khuya thêm ghê rợn. Trong hang, Pú Cậy ngủ ngáy phì phò như kéo bễ.

Gà chột gáy o... o... Lương Ý nhòm qua kẽ vách. Lão Pú Cậy bỗng thức giấc, ngáp dài. Lão khịt khịt mũi đánh hơi rồi giật giọng gọi ba đứa con gái:

— Chúng mày dậy nhìn lại chung quanh nhà xem, tao ngửi thấy mùi thịt đấy. Dậy mau bắt lấy chúng nó, chớ để chạy thoát đứa nào!

Ba đứa con gái lão choàng dậy, vớ ngay mỗi đứa một con dao dài sáng quắc. Cả ba chạy ra soi mới nhìn khắp nơi. Ngoài trời vẫn yên lặng. Chúng quay lại báo lão Pú Cậy:

— Ngoài ấy vắng lắm, không có gì đâu. Mũi bố đánh hơi nhầm rồi.

Nói đoạn, cả ba lại ngáp ngắn ngáp dài chui vào ổ cỏ. Một lát sau, chúng đã thi nhau ngáy ầm ầm. Lão Pú Cấy cũng nằm xuống. Nhưng rồi lão vùng ngay dậy, lồm bồm: « Lũ trẻ con này nói dối ta. Đúng có mùi thịt, ta phải đi xem lấy mới được ». Lão liền mò tới bếp định thổi lửa thắp đuốc đi soi.

Khi lão cúi gằm mặt xuống gần sát bếp để thổi lửa thì Bống liền quẫy mạnh làm tro vung lên khắp mặt. Pú Cấy tức mình, một tay dụi mắt, một tay túm lấy cổ Bống, quát:

— Ai cho mày tới đây? Hà hà! Tao đang đói; tốt lắm! Tốt lắm!

Rồi lão cười hề hề, ngẫm nghĩ một chút, lão bỏ Bống vào trong ống nứa và nói:

— Ta chờ bắt được cả rồi sẽ ăn một thể, một mình mày chẳng bỏ dính răng.

Lão cầm ấm tu nước súc miệng. Cua đã chờ sẵn từ lâu, giờ này đôi càng ra kẹp lưỡi lão. Lão Pú Cấy kêu oai oái. Cùng lúc ấy Cáo vồ gà ở đầu nhà, Hổ bắt lợn ở cuối sân, gà lợn kêu ầm ỹ. Lão Pú Cấy thấy động ở khắp nơi, cuống cuống chạy mò xuống cầu thang. Lão quát tháo ầm ỹ:

— Chúng mày to gan thật, dám đến ăn cắp của tao! Tao phải quật chết toi tất cả chúng mày mới được!

Vừa bước xuống thang, dẫm phải Rêu trơn tuột, Pú Cấy trượt chân ngã lộn cổ từ bậc thang thứ tám xuống đất. Đầu lão bị ngay Lưỡi Cây đón ở dưới chân thang đâm thẳng vào. Đầu lão vỡ toang, óc phọt ra tung tóe. Lão chết không kịp ngáp.

HOÀNG QUYẾT

sưu tầm và biên soạn

KÉN RẺ

Ngày xưa, có một cụ già có một cô con gái độc nhất, cô gái lại là một cô gái đẹp nhất *bản*. Đã đến tuổi gả chồng, chưa ai đến đặt trầu cau, ông cụ đành khuyên con chịu khó làm ăn chịu vạy vì ông cụ cho như thế là số bố con mình vất vả.

Được vài hôm sau, có hai người làm mối đến nhà cụ già cùng một lúc. Hai người làm mối đều cố gắng làm mối bằng

được cho cô gái lấy người nhà mình. Cụ già chẳng biết trả lời sao, đành phải vào hỏi con gái. Cô gái thưa với cha rằng :

— Con chỉ muốn lấy người chồng biết làm biết ăn thôi.

Khốn nỗi trong hai người đến hỏi, biết được ai là người biết làm biết ăn ? Ông già suy nghĩ mãi rồi bảo hai người làm mỗi :

— Hai bác hãy về bảo mỗi anh làm cho già này một cái cây mang đến đây. Nếu con gái lão nó bằng lòng cái nào thì người ấy được lấy nó làm vợ.

Hai người làm mỗi về nói chuyện lại với người nhà. Từ đấy hai anh con trai vội vào rừng đẵn gỗ đẽo cây.

Anh thứ nhất nghĩ rằng : « Làm ở nhà thì có nhiều người biết, mình làm không khéo hoặc hỏng thì xấu hổ, chi bằng làm riêng ở trong rừng, hỏng cái này ta làm cái khác, khi nào được chiếc cây đẹp và tốt sẽ mang về hỏi vợ ». Anh ta liền chui vào một chỗ rừng sâu, kỳ cục làm một mình.

Anh thứ hai nghĩ khác : « Mình chưa biết làm phải vừa làm vừa học, phải hỏi những người biết hơn ». Anh liền đem gỗ ra đầu *bản* để đẽo cây. Gặp ai anh cũng hỏi cách làm. Mỗi người giúp anh một ý, chỉ bảo cho anh làm. Chẳng mấy lúc anh đã làm xong trước một chiếc cây rất đẹp và cũng rất tốt, ai trông thấy cũng phải khen.

Khi cả hai người mang cây đến nhà ông lão để hỏi vợ, cha con ông lão vừa ý ngay chiếc cây của anh thứ hai. Thế là anh ta được cô gái đẹp làm vợ.

NÔNG MINH CHÂU

sưu tầm và biên soạn

MƯỢN THỐC GIỐNG

Ngày xưa, có hai anh em đồng hao cùng đến nhà bố vợ để mượn thốc giống. Người anh vốn là người chăm chỉ, biết làm ăn và có lễ độ. Người em thì thường lơ đãng, làm ăn không sành. Cả hai đều ở xa nên bố vợ cũng chẳng biết ai hay ai dở.

Đến nhà, vừa bày tỏ việc mượn thóc giống, bố vợ cũng vui lòng ngay. Đến bữa cơm, ông bố xới cơm cho hai con rẻ, mỗi bát cơm đều bỏ vào một hạt thóc. Người em nhai phải một hạt thóc liền nhỗ cả miếng cơm đi. Người anh nhai phải hột thóc chỉ khẽ nhả lấy, bỏ ra ngoài. Cơm xong, bố vợ bảo cả hai con rẻ hãy cứ về nhà, chưa cho ai mượn thóc hết.

Lần sau, hai con rẻ lại đến mượn trâu cày. Bố vợ lại dọn cơm cho ăn. Nhưng lúc chia dũa, ông cố ý chia mỗi đôi đều có một chiếc ngược chiếc xuôi. Lúc ăn, người anh so lại, đôi đầu dũa cho đúng rồi mới ăn. Người em cứ nghiêm nhiên bố vợ đưa cho thế nào cứ thế và cơm, chẳng so chẳng đôi đầu dũa gì hết.

Cơm nước xong xuôi, bố vợ mới bảo hai con rẻ :

— Thóc giống và trâu cày của bố chỉ để cho những người biết làm ăn, biết quý tiếc hột gạo, biết phải trái, biết lễ độ. Còn những người ăn không biết quay đầu dũa ắt hẳn ở không biết đầu đuôi, trên dưới ; hột thóc không nhai được thì bỏ một hột thóc ra, nếu vì một hột thóc mà vứt bỏ bao nhiêu cơm gạo, không biết tiếc của thì còn dàu mà biết làm ăn nữa.

Nói xong, bố vợ đóng thóc và dắt trâu cho người anh. Người em đành lủi thủi về không.

NÔNG MINH CHÂU

sưu tầm và biên soạn

*Dân tộc NÙNG **

KHẢ TÀI NGÀO

Ngày xưa, đã lâu lắm, ở một vùng nọ tự nhiên có một con *tài ngào* (1) hiện ra quấy nhiễu. Nó to lớn và khỏe mạnh ghê gớm, chưa ai trông thấy một con hùm xám to lớn khỏe mạnh như thế bao giờ.

Nó cũng lại rất ác, mới được vài tháng mà bao nhiêu trâu, bò, dê, lợn đều bị nó bắt ăn thịt hết sạch. Hết súc vật, nó ăn đến người. Khắp một vùng, ai ai cũng phải kinh sợ. Người ta phải rào *bản*, rào nhà rất kỹ. Trời chưa tối, nhà nào nhà ấy đã phải đóng cửa cài then rõ chặt, không dám bước ra khỏi cửa. Thế mà vẫn không tránh khỏi con *tài ngào* làm hại. Được thế, *tài ngào* càng hoành hành dữ. Nó sục vào *bản* kiếm mồi ngay cả ban ngày.

Mọi người đều muốn trừ thú dữ nhưng ai cũng sợ, không dám làm. Có một anh con trai thấy vậy tức lắm. Anh nhất quyết trừ hại cho mọi người, dù có chết cũng không oán hận.

Ngày ngày, anh vác dao ra bờ suối ngồi mài cho thật sắc. Anh mài một con dao dài bảy thước. Dân *bản* thấy thế, ai cũng mừng. Người ta thay nhau thổi cơm nấu nước cho anh ăn uống. Các cụ già thì đến bàn mưu tính kế với anh. Được mọi người hưởng ứng, anh con trai càng thêm quyết chí.

Đến ngày thứ ba, dao mài sắp được, anh con trai đang ngồi nghĩ mẹo thì có một con cá trê nổi lên mặt nước, hỏi :

* Xem chú thích ở trang 90

1 — *Khả tài ngào* : giết hồ lớn.

— Anh mài dao làm gì mà mài mãi thế ?

Mãi nghĩ, anh trả lời gọn một câu :

— *Khả tài ngáo* !

Cá trê nghe nói vậy liền xin đi giúp anh một tay. Anh bằng lòng. Ngay lúc đó, có một đồng rêu và một bó chông trôi qua. Anh nghĩ cũng dùng được việc bèn vớt lên. Một lát sau, một con mọt và một chú cáo cũng đến xin giúp sức anh giết hổ, anh bằng lòng nốt.

Hôm đi giết *tài ngáo*, anh vác bó chông và đồng rêu đi. Cá trê, mọt và cáo theo sau. Dân *bản* đi tiễn rất đông. Nhiều thanh niên trai tráng tình nguyện theo anh đi giết thú dữ.

Đi một ngày mới đến nơi *tài ngáo* ở. Nó ở trên một tòa nhà sàn rất to. Chung quanh nhà lại chằng lưới nhốt người và các loài vật mà *tài ngáo* bắt về để ăn thịt dần.

Chú cáo luồn vào thám thính rồi ra cho biết là *tài ngáo* đi vắng. Anh con trai liền ra lệnh cho mọi người trèo lên cây ngồi đợi lúc nào *tài ngáo* về ngủ say mới xông vào giết.

Nửa đêm, *tài ngáo* đi đánh chén no nê rồi về nằm lăn ra ngủ. Đợi nó ngủ say, anh con trai mới chia cho mỗi người một việc : cá trê vào nằm sẵn trong đồng tro ở bếp, mọt thì đục nát các mắt lưới, rêu đem rải hết lên cầu thang, chông đem cắm chi chít dưới sàn, những trai tráng đi theo thì bỏ vây quanh trại. Chàng trai ta cầm dao chực sẵn để chém *tài ngáo*. Mọi việc làm xong đầu đấy, anh ra lệnh cho chú cáo vào khuấy đảo.

Gà của *tài ngáo* nhốt trong chuồng, thấy cáo vào, sợ quá, kêu quang quác. Các súc vật khác chẳng hiểu gì cũng kêu rống lên, chạy lung tung. *Tài ngáo* thấy động, thức giấc ngó ra thì thấy lưới đã bị mọt đục nát, các súc vật đang phá chạy tán loạn. Nó hoảng hốt vọt vào bếp thắp lửa, nhưng vừa cúi xuống thổi lửa đã bị ngay cá trê quấy đánh đập, tro bay lên làm bụi mù cả hai mắt. *Tài ngáo* càng sợ, cứ thế mắt nhắm mắt mở chạy ra cầu thang. Thang có rêu trơn tuồn tuột khiến *tài ngáo* lộn cổ xuống đất, bị chông cắm khắp người. Anh con trai cứ thế vung dao chém lia lịa. *Tài ngáo* chỉ kêu được mấy tiếng

rồi chết. Những người bao vây chung quanh đốt đuốc soi và khiêng xác *tài ngáo* về mổ thịt ăn mừng.

Tin giết được *tài ngáo* truyền đi khắp nơi. Ai cũng ngợi khen anh con trai dũng cảm và các loài vật thông minh khác đã giúp anh trừ được hại cho mọi người.

*Theo tài liệu của HOÀNG THỌ và VIỆT HOA
(Khu tự trị Việt Bắc)*

HOÀNG THAO
biên soạn

TIẾNG GỌI « CÔ ƠI ! »

Ngày xưa, khi nhà vua đến tuổi 49, 61, 73 thì triều thần phải làm lễ chúc thọ nhà vua và cầu trời cho nhà vua được sống lâu.

Năm ấy, vua 60 tuổi. Các quan triều thần họp nhau lại để bàn soạn làm lễ chúc thọ nhà vua 61 tuổi. Lão tể tướng rùng mình đến toát mồ hôi trán, nhớ lại cái ngày lễ chúc thọ nhà vua năm 49 tuổi: chỉ vì không làm được linh đình cho vừa lòng vua mà viên tể tướng trước lão đã phải chịu bao nhiêu điều đứng, cuối cùng bị cách chức và đuổi về nhà làm thứ dân.

Bởi vậy năm nay, lão tể tướng già khụ này định làm lễ chúc thọ rất lớn, phần để vừa lòng nhà vua, phần nhân thể vơ vét thêm vàng bạc của dân chúng.

Lão cho làm một công viên rộng và dài hàng trăm trượng, trong công viên sẽ cho xây hàng nghìn lầu ngoan cảnh hai tầng tám góc mái cong để làm nơi chơi bời cho các quan khách lớn bé ở các trấn xa về dự lễ; giữa công viên, lão cho xây một lầu cao chín tầng, mỗi tầng chứa được từ năm trăm tới một nghìn người, dành riêng cho các quan chức trong triều và các bậc kỳ hào giàu có trong kinh thành tới chúc rượu nhà vua.

Lão bắt dân trong nước tính theo đầu người, cứ một trăm người thì phải luân phiên hàng tháng cắt cử năm người

khỏe mạnh đem tiền gạo lên Kinh ăn để xây lầu theo kế hoạch của lão. Dân chúng phải bỏ cả việc nhà việc ruộng để đi xây lầu cho nhà vua. Công việc nặng nề khó nhọc, thêm vào, những cái đấm cái đá của bọn quan quân đã giết hại không biết bao nhiêu là người. Mới được nửa năm, mồ mả dân phu cũng đã lên tới hàng nghìn.

Để có tiền bạc thóc gạo chi tiêu vào việc xây dựng lầu và dùng vào ba mươi ngày lễ, lão tể tướng bắt nhân dân nhất loạt mỗi người phải nộp mười lăm gánh thóc. Vàng bạc phải nộp tùy theo ngôi thứ: thứ dân thì phải có hai lạng vàng hay ba lạng bạc, không có vàng thì phải nộp thay bằng một sừng tê giác hay một đôi ngà voi hoặc bốn chân gấu ngựa; hàng quan lại các trấn xa thì tùy chức vị cao thấp, cai trị đông dân hay thưa dân mà nộp từ ba đến năm trăm lạng. Ngoài ra còn trâu bò gà lợn, các *bản mừng* phải tùy to nhỏ mà nộp nhiều hay ít để chúng có thịt ăn uống phè phỡn.

Phải đóng góp nặng nề, nhân dân khắp nước hết cả thóc gạo, hết cả bạc vàng. Nạn đói lan rộng mãi. Mặc dân đói, bọn vua quan cứ ngày ngày sai lính đi vor vét. Thấy người chết đói, chúng hất sang hai bên đường không chút thương tâm.

Nhân dân mới đầu còn chia nhau từng ống ngô lẻ gạo, cùng nhau rau cháo qua ngày. Nhưng rồi ai cũng hết nhẫn. Nạn đói càng lan rộng.

Ở một *bản* người Nùng kia có hai cô cháu sống chung với nhau. Chồng người cô chết trong khi đi xây lầu cho nhà vua. Cháu tên là Pit-tu. Cha Pit-tu cũng chết trong lúc đi làm phu cho triều đình. Mẹ Pit-tu thương chồng quá khóc mãi đến mù mắt và cũng chết nốt. Hai cô cháu Pit-tu dồn lại ở chung để đỡ nhau sớm tối. Nhà còn được một *tổ* (1) thóc, hai cô cháu thì thăm bàn nhau: « Cừ *tổ* thóc này giã ra, nấu cháo với rau rừng hoặc với củ *pa-pầu* (2) thì cũng đủ ăn chừng một tháng. Phải trông nom cẩn thận kéo chuột ăn hết thì chết đói ».

Pit-tu lấy lá chuối khô che đậy thật kỹ. Ngày nào em cũng mở ra xem lại một hai lượt.

1 — *Tổ*: bồ con đựng được khoảng hai mươi cân thóc.

2 — *Pa-pầu*: một loại củ rừng, ăn rất chát.

Trong khi hai cô cháu Pit-tu còn có gạo nấu cháo thì các nhà láng giềng đã phải vào rừng đào củ mài và củ *pa-pầu* luộc ăn trừ bữa. Nhưng củ rừng rồi cũng dần dần khó kiếm, có người đi cả ngày chẳng đào được củ gì, đành phải nhịn đói.

Người lớn đói, mặt mũi hốc hác; trẻ con đói trông lại càng thảm thương. Chúng khóc sưng vù cả mắt, chúng gào khản cả tiếng, hết cả hơi, nói không nên lời...

Pit-tu thương hại các em lắm, nói với cô đem chia chỗ gạo trong *tổ* cho các bà mẹ nấu cháo cho con họ. Hai cô cháu chỉ để lại một bát chia đôi: nửa nấu cháo sáng, nửa để bữa chiều.

Chiều đó, Pit-tu vừa bắc nồi cháo rau xuống thì trẻ con hàng xóm lại chạy sang xin ăn. Pit-tu đành múc chia cho mỗi đứa lưng bát. Nồi cháo hết sạch, hai cô cháu phải nhịn đói đi ngủ.

Lúc đã hết gạo, hai cô cháu Pit-tu bắt đầu theo bà con vào rừng đào củ. Hai cô cháu vào tận rừng sâu, vì quá chăm chú tìm dây củ mài nên bị lạc. Mãi tới gần trưa, người cô mới tìm thấy một dây củ. Người cô reo lên :

— Đây rồi, cháu ơi! Dây củ mài già, tốt lắm! Thề nào dây này cũng có củ to đấy... Cháu ra ngồi chờ cô trên mỏm đá kia nhé.

Rồi người cô bắt đầu đào củ. Cô đào mãi miết, mỗi nhát thuổng cắm sâu xuống đất lại làm hai cô cháu vui vui trong lòng. Nhưng rồi đào mãi, đào đã khá sâu mà chưa thấy củ. Tay người cô đã run lẩy bẩy, bụng đói cồn cào, mắt hoa lên, người cô đành ngồi phịch xuống đất nghỉ tay. Cỏ cây trước mắt cô đảo lộn...

Chung quanh miệng hố, những tia nắng xuyên qua kẽ lá chiếu xuống mặt đất thành những đốm tròn, báo hiệu trời đã đứng bóng. Tuy nghỉ chưa hết mệt nhưng thấy cháu kêu đói, người cô lại đào ngay. Bỗng một nhát thuổng chạm phải đung củ mài kêu đánh « xoạt ». Người cô reo lên :

— Đây rồi, cháu ơi!

Pit-tu lao nhanh một bước tới ngó xuống miệng hố theo ngón tay chỉ của người cô. Người cô níu đuôi áo cháu lại :

— Khéo kéo ngã xuống đấy thì không lên được đâu cháu ạ!

Pit-tu sung sướng ngoảnh lại nhìn cô. Hai cô cháu nhìn nhau rồi người cô xoa đầu cháu, giọng ghen ngào:

— Chỉ đào độ ba chục nhát thường nữa thì được... Cháu hãy chịu khó ra kia ngồi chờ tý nữa...

Pit-tu ngoan ngoãn trở lại ngồi trên mòm đá, mắt nhìn chăm chăm theo từng nhát thường. Nghĩ tới chỗ sắp được ăn củ mài, em ứa cả nước dãi. Người cô tiếp tục đào khỏe hơn, vừa đào vừa cúi xuống hót đất. Bỗng người cô quay lại vây Pit-tu đến gần mà nói:

— Đấy cháu xem, củ to bằng bắp tay của cháu ấy. Cháu ngồi yên, cô bẻ trước cho cháu một miếng đã nhé...

Nói xong người cô cúi gập người, run run vùi tay xuống đất hố sâu. Pit-tu nín thở chờ đợi... Bỗng tiếng kêu thất thanh của người cô làm Pit-tu giật mình:

— Ối! Cháu mau kéo chân cô, mau lên!

Thì ra, khi cúi xuống bẻ củ mài, người cô trượt tay tì trên miệng hố, đâm đầu xuống đất hố! Hố hẹp người cô không sao lên được.

Pit-tu vội chạy lại, luống cuống ôm hai chân người cô đang giãy giụa và ra sức kéo lên nhưng không nổi, Pit-tu vừa khóc vừa hôn hên:

— Nặng lắm cô à! Cô ơi! Cô làm sao thế này?

Người cô cứ kêu cứu, cháu cứ gọi « cô ơi » (1). Tiếng gọi « cô ơi! » không có trả lời. Không còn ai nghe thấy nữa. Một lát sau, tiếng kêu cứu nhỏ dần rồi tắt hẳn, chỉ còn lại tiếng Pit-tu gọi: « Cô ơi! Cô ơi! »... Gọi mãi không thấy cô trả lời, Pit-tu lay lay hai chân cô. Hai chân của người cô đã cứng đờ... Cô của Pit-tu đã chết.

Thế là Pit-tu bơ vơ giữa núi rừng âm u. Và Pit-tu khóc, khóc mãi. Mệt quá, Pit-tu thiếp đi, ngủ say lúc nào không biết. Trong giấc ngủ li bì, Pit-tu nằm mơ thấy một ông cụ già

1 — Nguyên tiếng Nùng: « A ơi! » (A: cô).

đầu râu tóc bạc, chống gậy trúc, tay cầm phất trần đến gần Pit-tu và hỏi :

— Làm sao con khóc? Con muốn gì ta sẽ giúp con.

Pit-tu liền lay ông cụ già rồi nói :

— Cô con chết rồi. Bây giờ con muốn hóa thành chim để tự sống được và ở ngay trong rừng này để trông nom mồ mả cho cô con và có thể bay đi bay về xem mồ mả của mẹ con. Con còn muốn giết bọn vua quan tàn ác làm ra nạn đói này, làm cho cha mẹ cô chú con đã chết hết nữa.

Ông cụ âu yếm xoa đầu Pit-tu rồi nói :

— Con ngoan lắm. Ta sẽ cho con biến thành chim tu hú.

Đến đấy thì Pit-tu tỉnh giấc. Nhìn chung quanh, Pit-tu không thấy xác cô và cũng không thấy ông cụ già đâu nữa. Pit-tu chỉ thấy cỏ cây rừng núi lạnh lẽo âm u... Pit-tu thấy đói và khát lắm, liền lủi thủi lần mò đi tìm nước uống. Tới một con suối con róc rách, Pit-tu cúi xuống uống nước. Nhìn thấy bóng mình in trên mặt nước, Pit-tu lạ quá : mặt mũi Pit-tu hốc hác, mồm dài và nhọn, mình mẩy mọc toàn lông, năm ngón chân móng nhọn hoắt và xòe ra xa nhau... Pit-tu ngơ ngác...

Bờ suối bên kia có một con cọp vàng đang thè lưỡi đỏ lòm ra uống nước. Pit-tu sợ quá định tìm đường chạy trốn thì lạ sao, Pit-tu bay vụt được lên cây nghiêng già. Thì ra Pit-tu đã hóa thành chim.

Đúng! ông tiên đã cho Pit-tu hóa thành chim. Pit-tu đi tìm cô : xác người cô đã được mối đùn đất lên làm thành một cái mả mới, đất còn ẩm và đỏ như son. Thương cô, Pit-tu lại vọt vĩa trên mả cô kêu gọi luôn mồm : « Cô ơi! Cô ơi! »

Tối hôm ấy, Pit-tu ngủ ở một cành cây. Pit-tu lại nằm mơ thấy ông cụ già hiện lên bảo thêm :

— Con hãy bay về phía mặt trăng lặn. Bao giờ đến một thành phố có ba tòa nhà cao và mái cong thì con vào đấy, vào tầng gác thứ ba. Con sẽ thấy buồng nào có mùi hương thơm tỏa ra thì đó là buồng ngủ của lão vua. Con hãy mở thật mạnh vào hai mắt, lòi được hai con người ra ngoài thì lão vua sẽ chết.

Sáng hôm sau tỉnh giấc, Pit-tu sợ quá. Phải giết bọn vua quan hung ác ấy vì chính vua quan trong triều đã làm ra nạn đói ! Pit-tu bay vút ra khỏi rừng, tìm đến kinh thành và làm đúng như lời tiên dấn. Lão vua chết, bọn quan trong triều không ai biết gì. Sau đó, Pit-tu bay vào các lều của những người đang xây lầu, báo tin tên vua đã bị giết chết. Pit-tu xui họ vào kho lấy vàng bạc thóc gạo rồi nhanh chân rời bỏ nơi ghê rợn ấy về với *bản* làng, với vợ con.

Pit-tu — con chim tu hú — cũng về theo với núi rừng, về với *bản* làng, để được gần gũi bà con, cùng bà con sống một cuộc đời yên ổn.

Và, từ đó, cứ mỗi dịp mùa hè sắp tới, tu hú nhớ tới người cô thân yêu đã bị chết oan uổng, tu hú la ị gọi mãi : « Cô ơi ! Cô ơi ! » ! giọng rất tha thiết, náo nùng...

HOÀNG QUYẾT
sưu tầm và biên soạn

TIẾNG CHUÔNG TRONG RỪNG THẨM

Đã lâu đời lắm, ở *bản* Năm-giai (1), có gần một chục nóc nhà lơ thơ dựng bên sườn đồi cỏ. Dân *bản* rất tốt với nhau, không bao giờ cãi cọ nhau. Họ coi nhau như anh em cùng một tổ tiên. Riêng bà Mã và bà Trương lại càng quý nhau hơn. Nhà hai bà ở sát bên nhau. Thường ngày, vì cùng cảnh góa bụa, nên hai nhà vẫn chia cho nhau từng mẻ trám bó măng hay biếu nhau miếng thịt, miếng cá...

Cả hai bà đều nghèo khó nhưng hiền lành. Bà Trương sinh được một con trai đặt tên là Lý. Bà Mã cũng chỉ có một cô con gái đặt tên là Lọc.

Từ ngày còn nhỏ, Trương Lý và Mã Lọc đã rất thân yêu nhau. Chúng luôn luôn ở bên cạnh nhau, không mấy khi

1 — Tên một *bản* hẻo lánh trên đường Pác-năm đi Nước-hai (Cao-bằng).

rời nhau. Chúng cùng đánh chặt ở dưới gốc đa đầu làng hoặc rủ nhau lên đỉnh đồi chần trâu, theo nhau vào rừng bẻ măng hái quả.

Ngày tháng trôi qua, đôi trẻ xinh xắn ngày thơ đã trở thành trai khôn gái lớn. Vừa 19 tuổi, Lý đã rất khỏe mạnh, thân hình vạm vỡ, chân tay cuộn lên những bắp thịt cứng cáp... Lọc kém Lý một tuổi. Nàng có một màu da trắng như ngà, cái miệng cười tươi như hoa đào nở trên ngàn. Nàng đã biết xấu hổ, hay ửng hồng đôi má khi bắt gặp Lý nhìn mình hoặc khi nghe người ta nói tới Lý. Lý hay giúp đỡ mọi người, làm ăn chăm chỉ; Lọc cũng chẳng chịu thua, nàng lại còn hiền lành ngoan ngoãn nữa. Vì vậy cả hai người đều được bà con trong *bản* rất mến yêu.

Lý và Lọc luôn luôn gần gũi nhau, giúp nhau mọi việc khó, đỡ tay nhau trong lúc vất vả. Họ vẫn rủ nhau vào rừng lấy củi bẻ măng, đốn vầu hái quả như những năm xưa... Trong công việc ruộng nương, họ càng giúp đỡ nhau nhiều hơn. Hàng ngày, họ đỡ nhau nhờ mạ, gánh phân, giúp nhau cào cỏ, tát nước. Đôi bạn thân ấy vui sướng làm lung bên nhau.

Mọi người trong *bản*, từ các ông già bà lão cho đến các anh chị em cùng lứa tuổi, đều thầm mong cho hai người nên vợ nên chồng. Ai cũng quý mến đôi người trẻ tuổi ngoan ngoãn ấy.

Một buổi đầu mùa xuân ấm áp, bà Trương và bà Mã cùng nhau đi ăn giỗ ở *bản* trên. Hai bà nhìn thấy Lý và Lọc đang theo nhau gánh phân ra đồng, cười cười nói nói rất vui vẻ. Bà Trương ngoảnh lại nhìn bà Mã, bà Mã nhìn bà Trương. Cả hai bà cùng nảy ra một ý nghĩ: hai bà muốn cho hai con nên vợ nên chồng. Hai bà bèn bàn nhau kỹ càng rồi cuối cùng hẹn ngày làm lễ ăn hỏi và định sang tháng Tám tiết thu mát mẻ thì sẽ làm lễ cưới cho các con.

Tin đó lan ra rất nhanh, chỉ một buổi mà tất cả thôn xóm đều đã biết. Gặp Lý và Lọc, các anh chị em cùng lứa tuổi bầm nhau khe khẽ hát đùa:

Anh Lý chị Lọc ta ơi!

Bên nhau sát cánh đẹp đôi phương hoàng (1).

Nghe hát, Lý và Lọc bừng đỏ mặt nhưng vẫn mỉm cười sung sướng. Tuy miệng trách nhẹ nhưng trong lòng hai người đều thấy nổi lên một niềm vui khó tả.

Từ đấy, đôi bạn trẻ càng gần gũi nhau hơn, thăm thiết vớ nhau hơn. Và đi đến đâu cũng chỉ thấy người ta bàn tán góp vào cho cuộc tình duyên vô cùng tốt đẹp ấy...

Thế nhưng...

Hôm ấy, bắt đầu vào tháng Tám, dân *bản* đang sốt ruột đón mừng ngày cưới của Lý Lọc như chờ đón một ngày hội lớn. Lý và Lọc đã nghỉ việc, hai người vác cào cỏ lên vai, ở ruộng ra về. Hai người nối gót nhau trên con đường khúc khuỷu, vừa đi vừa riu rít chuyện trò. Tiếng cười nói của Lý và Lọc làm rộn lòng tất cả các bà con khác. Bỗng một đoàn hơn chục con ngựa nhạc nhong nhong từ Pác-năm (2) qua con đường xuyên cánh đồng trước *bản* tiến ra Háng-cáp (3). Đoàn quan quân này đang đi tìm cho nhà vua một số gái tân xinh đẹp để về cung vui lễ thưởng nguyệt trung thu.

Đoàn ngựa đến cách Lý, Lọc một thửa ruộng nhỏ thì dừng lại. Người đi đầu, mũ cao áo dài, ngất ngưỡng trên mình ngựa, một tay vuốt chòm râu chấm ngực, một tay vung roi chỉ trở. Lão đảo đôi mắt cú vọ chăm chăm nhìn theo Lọc. Tự nhiên Lọc sợ hãi cúi gầm mặt, khe khẽ bám Lý đi sau. Cả hai vội vàng rào bước.

Được một quãng, ngoái nhìn trộm lại sau lưng, Lọc thấy lão râu dài vẫn giơ tay chỉ trở theo mình. Nàng bắn khoắn, run giọng bảo Lý :

-- Anh Lý ơi! Hình như đoàn ngựa định đuổi theo ta hay sao ấy! Sao chúng lại quay lại thế nhỉ? Em sợ lắm...

1— Dịch nguyên văn hai câu thơ Nùng :

Cò Lý pí Lọc rà ơi!

Diếp căn hầu đây vùi tôi phương hoàng.

2— Một thị trấn của huyện Nguyên-bình, Cao-bằng.

3— Thị trấn Nước-hai ngày nay (Cao-bằng).

Lý cũng bồn chồn trong dạ nhưng cố giữ bình tĩnh :

— Việc của họ, họ làm. Chúng ta chẳng cần phải biết tới. Thôi, ta về nhà đi!...

Nói đoạn hai người về thẳng nhà. Bước chân vào nhà rồi, đặt cào xuống, Lý vẫn còn lo ngại.

Bọn quan quân đuổi theo thực. Chúng đến đầu *bản*, hai tên lính xun xoe chạy lại giữ ngựa cho lão quan râu dài. Hai tên khác chạy vào túp lều cỏ của Lạc. Hai mẹ con Lạc đang sắp sửa ngồi vào ăn cơm. Bọn lính hách dịch thét lớn :

— Này, mụ kia ! Con bé này ngày nhỏ là con mụ, nay nó đã lớn, nó là con của vua chúa. Đức vua sai ta đến đòi nó vào cung hầu hạ, mụ phải thu xếp ngay cho nó mau mau lên ngựa theo ta !

Thấy quan quân vào *bản*, dân *bản* rất ngạc nhiên và lo sợ. Họ lại càng ngạc nhiên hơn khi thấy lính xông vào nhà bà Mã quát tháo. Họ khẽ đưa mắt nhìn nhau, thì thầm hỏi nhau, không một ai biết là chuyện gì.

Lý thấy có động ở bên nhà người yêu nên hấp tấp chạy sang. Chưa rõ việc gì, Lý cũng cứ đá ngã gục ngay hai thằng lính đứng gác ở ngoài sân. Vào nhà, thấy hai tên lính khác đang hung hăng dọa nạt bà Mã, Lý tức đầy cổ họng, mỗi tay nắm một tên lính lôi xềnh xệch đến cửa, đẩy chúng ra ngoài rồi đóng ập cửa lại.

Thấy Lý chống cự, bọn lính tức giận hăm hăm xông tới phá tung cửa, nhảy vào, Lý vừa đánh nhau với bọn lính vừa che đỡ cho mẹ con Lạc. Nhưng vì chỉ có một mình, Lý bị bọn lính đánh ngã và bị chúng trói giật cánh khuỷu lại. Hai tên lính lôi Lý sang giam tại nhà anh. Bà con trong *bản* thấy vậy lên tiếng xin tha cho Lý và hai mẹ con Lạc nhưng bọn quan quân nhất định không nghe.

Bà Mã mếu máo phân trần :

— Con tôi, tôi đẻ ra, nó mồ côi bố từ ngày lên bốn. Nửa đời người tôi phải nhin đói nhin khát lần hồi nuôi nó từ trứng nước, mong cho nó khôn lớn để nhờ cậy vào lúc tuổi già. Nay sức đã yếu, tôi phải nương cậy vào nó. Vả lại, nó là gái đã có chồng. Tôi không cho nó đi đâu cả. Nó phải được ở

bên cạnh tôi, xem ngày chết của tôi. Vua cả nước cả *mường* tìm đâu chả được gái đẹp, việc gì phải bắt hiếp gái có chồng như con tôi?...

Lão quan râu dài, từ nãy vẫn chưa nhúc nhích, giờ đây mặt lão càng đỏ gay như say rượu, lão lớn tiếng quát :

— À, lão thật ! Con mẹ này già mồm !... Ta tìm cho con đường sung sướng ăn không ngồi nhàn chưa biết ơn lại còn kêu ca chống lại ! Quân bay ! Nọc cổ nó ra, đánh một trận cho tan xác, cho mất cái thói già mồm đi !...

Bọn lính được lệnh, xông tới vạt bà Mã nằm xuống đất rồi thẳng tay vạt một chập đến hai chục roi. Tiếng roi vun vút lẫn trong tiếng gào thét chửi mắng luôn mồm của bà Mã và tiếng nguyên rủa cấm phần của dân *bản* vang lên, làm Lý ở nhà bên đau tưởng đứt từng khúc ruột. Lý cự mình nhưng dây thừng trói chắc quá. Bỗng Lý nảy ra được kế. Lý gọi tên lính gác lại gần mà bảo :

— Các quan ạ ! Nhà vua cho các quan đến lấy Lộc vào cung. Tôi thấy đấy là điều may cho mẹ con Lộc và cũng là điều vinh hạnh cho dân *bản*. Nhưng tại sao lại trói đánh mẹ Lộc như vậy ? Mẹ con Lộc thường nghe theo lời tôi. Nếu các quan muốn Lộc chịu đi theo thì ngoài tôi ra không ai nói được đâu. Các quan cởi trói cho tôi, tôi sang bảo một câu là mọi việc xong hết...

Tên lính gác tin lời, nó cởi trói và dẫn Lý sang nhà bà Mã.

Thấy Lộc khóc sụt sùi, bà Mã đầu tóc rối bù, mặt mũi thâm tím, Lý đứt cả ruột gan. Anh cố nhịn, cắn chặt hai hàm răng lại, rồi nói :

— Mẹ hãy nghe con ! Muốn tránh bị đánh đập, muốn cho Lộc được sung sướng, mẹ nên vui lòng cho em Lộc vào cung. Em Lộc phải nghe anh, muốn cứu sống mẹ già, em nên đi theo các quan. Anh ở nhà sẽ sớm tối...

Nói đến đây, Lý không nèn được lòng căm tức, anh uất nghẹn. Lộc mới nghe Lý nói vậy đã toan xỉ vả Lý về sự thay lòng đổi dạ không ngờ ấy, nhưng thấy Lý ra hiệu thì Lộc hiểu ý. Lộc gạt nước mắt, nói với bọn quan quân :

— Tôi xin nghe theo lời các quan. Tôi sẽ theo các quan vào cung. Nhưng, hôm nay tôi cần phải giúp mẹ tôi gánh ba chục gánh phân bón ruộng. Các quan hãy vui lòng cho tôi làm giúp mẹ tôi một buổi nữa. Xong việc, tôi sẽ xin đi cùng các quan ngay.

Thấy Lý nói vậy, thấy Lộc cũng thuận theo, dân bản không hiểu được bụng dạ hai người thế nào. Họ ngơ ngác nhìn nhau. Một số bức dọc bỏ về.

Lão quan rất mừng. Lão cho phép Lộc được làm theo ý định. Lão cũng sợ sau này Lộc vào cung được vua yêu sẽ có dịp báo thù nếu lúc này lão đánh đập hoạn hộc mẹ con Lộc nhiều quá. Vả lại, bọn chúng đều đã đói meo. Bọn lính thêm thường nhìn con lợn béo tròn của nhà Lý nuôi để làm lễ cưới sắp tới. Lão quan biết ý bọn lính, liền ra lệnh cho bắt lợn làm thịt...

Lý tiếc đứt ruột đứt gan. Con lợn nuôi đã gần hai năm nay, mất con lợn ấy là Lý hết của để cưới vợ. Nhưng có muốn giữ cũng vô ích. Lý đánh nhắm mắt, nuốt xuôi lòng căm giận, quay đi gạt nước mắt thầm. Một lát sau, Lý trấn tĩnh, nghĩ mưu để thoát thân và cứu mẹ con Lộc. Lý bỗng quay lại, vồn vã bảo bọn quan quân:

— Mổ thịt lợn, các quan có cần uống rượu không?

Bọn lính mắt sáng ngời, vỗ vai Lý:

— Có thịt là phải có rượu! Ha ha! Anh có rượu cho chúng ta một vò nhé!... Anh tốt lắm!...

Lý liền về nhà mở vò rượu, lén bỏ thuốc mê vào rồi khệ nệ ôm vò rượu to tướng tới trước mặt lão quan và cung kính nói:

— Được các quan thương tới, chúng tôi không tiếc gì cả. Đây là vò rượu cầm, xin biểu các quan...

Có rượu có thịt, bọn ma đói lăn xả vào ăn uống. Chúng tranh nhau gắp miếng to nhất, nhai nhồm nhoàm nghiêng ngấu như không bao giờ được ăn thịt. Chúng thi nhau mức rượu uống như uống nước lã. Một lát sau, cả bọn chúng, từ lão quan râu dài mặt đỏ gác tới thẳng linh giữ cương ngựa xanh

như tàu lá, đều say mềm như bún. Chúng lão đảo, lim dim đôi mắt, ngã gục ngay bên cạnh đồng mâm bát lồng chông...

Giờ phút mong đợi đã đến. Lý và Lọc xin phép mẹ, chào bà con trong *bản*, lên trốn vào rừng. Hai người định chờ bao giờ lũ đầu trâu mặt ngựa ấy đi khỏi thì sẽ trở về.

Mặt trời đã ngã về tây. Thuốc mê nhạt dần. Bọn lính ngáp dài, vươn vai gọi nhau dậy. Chúng gọi Lọc. Lọc không có đấy. Chúng tra hỏi bà Mã. Bà Mã và dân *bản* trả lời:

— Hai cháu gánh phân xong, thấy các quan còn ngủ, ehúng nó lại rủ nhau vào rừng lấy thêm củi. Xin các quan hãy vui lòng chờ cháu một lúc.

Không cần bà Mã hết lời, bọn quan quân đã biết mình bị mắc lừa. Nhất định Lý và Lọc đã trốn rồi. Lão quan vuốt râu vênh ngược lên, hăm hăm quát tháo:

— Chúng nó rủ nhau vào rừng nào phải chỉ ngay cho ta bắt!... Mau lên!

Bà Mã chỉ vào Lũu rừng phía trước *bản*.

Lão cáo già không tin. Nó cho một số quân lính vào lòng khu rừng trước *bản*, một số khác vào khu rừng đầu *bản*. Chúng sục sạo khắp nơi. Chúng luồn hết cánh rừng này sang cánh rừng khác nhưng vẫn không thấy Lý và Lọc đâu cả. Lão quan tức không đề đâu cho hết, nó quát tháo ra lệnh đốt rừng. Lão hy vọng rừng cháy thì hai người sẽ phải đưa nhau chạy ra.

Lửa bốc lên ngùn ngụt, lan khắp nơi, cháy liền một ngày một đêm làm quang cả rặng núi. Chúng vẫn không thấy tăm hơi Lý và Lọc đâu. Chúng lại chia nhau đi lòng tìm các ngả. Đến một cái hang, chúng thấy hai xác chết cháy đen thui co quắp ôm nhau. Đây là xác của Lý và Lọc.

Thấy kết quả tai hại như vậy, lão quan lo sợ gọi, quân lính lại dọa rằng:

— Chúng bay đi theo ta làm việc lớn cho triều đình. Nay các người dám to gan đốt chết cháy người đẹp, tội ấy là to lắm. Nếu chuyện này đến tai vua thì đầu các người khó lòng mà giữ được. Vậy nuốn sống, các người phải cùng ta hết sức giữ kín. Đứa nào bẻp xép thì mất đầu cả nút đấy, hiểu chưa!

Bọn lính vội vàng tranh nhau vâng dạ. Sau đó, bọn chúng bàn cách lấp liếm cho xong tội ác, rồi cuống quýt nhảy lên ngựa, quất roi, thẳng ra Háng-cáp. Chúng định đi lòng tìm con gái đẹp những nơi khác xa hơn.

Lý và Lọc đã chết cháy.

Bà Trương và bà Mã lẫn lộn gào khóc thê thảm, ai khuyên giải thế nào cũng không nguôi. Bà con trong *bản* nhiều người cũng thương khóc vật vã như khóc người ruột thịt.

Sáng hôm sau, hai bà mẹ đau khổ cùng bà con trong *bản* rủ nhau đem áo quan, xẻng cuốc đi khâm liệm và chôn cất cho Lý và Lọc. Đến hang, mọi người rất ngạc nhiên : mỗi đã đùn đất phủ kín hai xác chết, làm thành một cái mồ mới. Trên đỉnh mồ có hai con ốc nhồi bò sát bên nhau. Đôi ốc như đang giương mắt nhìn mọi người. Bà Trương và bà Mã khẩn :

-- Nếu hai con sống khôn chết thiêng thì phải hiện từ chào hỏi bà con, sao lại chùng chùng hai mắt như vậy ?

Hai con ốc nghe lời, chớp chớp đôi mắt, hiện từ nhìn mọi người.

Thấy hai con đã được mồ yên mả đẹp rồi, bà Trương và bà Mã cảm ơn bà con trong *bản* rồi rủ nhau ra về. Trước khi ra về, hai bà còn vuốt ve hai con ốc lần cuối và dặn dò :

— Lúc còn sống, hai con được mọi người quý mến, nay đã chết, các con khôn thiêng hóa làm kiếp ốc nhồi, các con chớ quên bà con trong *bản* nhé !

Về nhà, dân *bản* bàn nhau đặt tên cho cái hang ấy là hang *Ngườm vô phu* (1).

Từ đó, sáng nào cũng vậy, sáng nào cũng có một hồi chuông boong boong dội từ *Ngườm vô phu* về *bản*, phá tan bầu không khí tĩnh mịch của buổi sớm tinh sương, báo với bà con giờ đi làm đồng. Và, cũng như khi trời đang nắng sắp mưa hay đổi lạnh sang nóng thì cũng có một hồi chuông như thế vang lên. Đó là tiếng chuông của vỏ hai con ốc nhồi Lý và Lọc vậy.

HOÀNG QUYẾT

sưu tầm và biên soạn

1 — *Ngườm vô phu* : hang đức lang quân.

*Dân tộc NHẪNG**

CHU HÙNG Ứ

Xưa, ở một vùng thuộc Giang-tây (Trung-quốc) có ngôi miếu rất thiêng. Người coi miếu nuôi được một con lợn rất to. Bao nhiêu người nài mua, người giữ miếu nhất mực không bán. Ở ngay làng bên, có hai mẹ con sống trong cảnh góa bụa côi cút. Một hôm, bên người em gái có giỗ, cho sang mời. Bà mẹ ở nhà coi nhà để mình con gái đi. Ăn giỗ xong, cô gái trở về. Vừa tới cổng miếu thì con lợn xông, chạy đến, vật ngựa cô ra mà hiếp.

Cô ngất đi hồi lâu mới tỉnh.

Về nhà, ít lâu sau, cô thấy người mệt mỏi và biết là mình đã có thai. Thấy vậy, bà mẹ mắng chửi không ngớt lời. Bà cho rằng con mình đã ăn nằm với một anh trai làng nào đó.

Cô gái đành đem chuyện thực kể lại tình đầu cho mẹ nghe.

Đủ ngày đủ tháng, cô sinh ra một con trai, đặt tên là Chu Hùng Ứ. Lúc Ứ ra đời thì con lợn chết. Mẹ Ứ liền mua cái thủ về ninh, gổ xương cất lên gác bếp.

Ứ lớn lên, lão nhà giàu chủ làng đến gạ Ứ chăn trâu cho lão. Ở vùng ấy, trẻ chăn trâu rất đông, chúng thường đồn trâu tời thả ở vùng chân núi cao chót vót. Dưới chân núi có một cái hồ rất to. Trong hồ có một con trâu nước thường lên ăn lúa của chủ làng. Nước bọt của trâu nước dầy ra dầu, trâu làng tranh nhau đến gặm sạch cỏ ở đấy. Ứ lấy thế làm lạ lắm.

Không những bắt chăn trâu mà chủ làng còn bắt Ứ phải trông coi cả ruộng của nó nữa. Có một lần, trâu nước lên ăn lúa, Ứ đuổi và nhặt được một cái lông. Ứ cầm cái lông định xuống hồ uống nước thì tự nhiên thấy nước rẽ ra, đẹp thành

* Xem chú thích ở trang 98.

lỗi đi. Ú biết đó là cái lông có phép thần, liền cưỡi thể đi thẳng xuống chỗ trâu nước ở.

Ú lấy được rất nhiều nước bọt trâu nước về. Ú khoan lên từng vùng cỏ để trâu làng gặm mà không ra chỗ khác phá phách hoa màu.

Bọn trẻ trâu có lệ hễ ai trèo lên được đỉnh ngọn núi cao chót vót cạnh hồ thì được bầu làm vua. Cả bọn trẻ chẳng đứa nào trèo được. Đến lượt Ú thì Ú chỉ nhoadi mấy cái là lên tới đỉnh. Ú được làm vua, bọn trẻ trâu phải phục tùng và hầu hạ Ú như dân đình hầu hạ một ông vua thực. Chẳng những thế, Ú lại có uy quyền với cả đàn trâu nữa. Chỉ một hôm vắng Ú là trâu nổi loạn, chạy ăn phá phách lung tung.

Một hôm, Ú định cho mổ trâu khao quân. Chủ làng lo Ú thịt mất trâu của mình, vội bắt Ú về để sai vặt ở nhà. Một tối, Ú múc nước rửa chân cho chủ. Ú gói phải ba nốt thịt thừa ở gan bàn chân lão chủ làng. Lão liền bảo : « Ba viên ngọc ấy chỉ huy một vạn binh đấy ». Ú liền đáp lại : « Tôi có sáu nốt bên chân trái và chín nốt bên chân phải, như vậy chắc phải hơn ông. Tôi sẽ làm cho thiên hạ thái bình ». Nghe Ú nói thế, chủ làng liền bắt Ú tống vào ngục tối. Về sau, ngày ngày lão bắt Ú đi gánh nước bằng một đôi thùng không đáy. Nhưng không hiểu sao Ú vẫn gánh được đầy nước.

Lão chủ làng có cô con gái đã lớn, thấy Ú làm được việc kỳ lạ ấy, cô ta nghĩ : « Người này nhất định sẽ làm nên đây ». Dần dà cô gái yêu thương Ú, đem đến cho Ú rất nhiều thức ăn ngon ngọt. Mới đầu Ú nhất định không ăn, sau cô gái vật nài mãi, Ú mới ăn. Cô gái vui sướng bảo Ú : « Tôi sẽ cứu anh ra khỏi nơi này rồi chúng ta sẽ kết nghĩa vợ chồng ». Ú nghe nói rất lo ngại. Cô gái hiểu ý liền hết lời khuyến khích Ú. Rồi cô đến miếu xin một quẻ xem thánh dạy thế nào về cuộc tình duyên này. Cô xóc một quẻ thẻ, thánh dạy trong quẻ rằng : « Đúng giờ Tý hôm nay có một bà cụ đến báo mộng. Đúng giờ ấy, cô cứ lấy ba nén hương thắp lên mà cầu khẩn cho chàng Ú thoát khổ ». Đúng giờ Tý, cô gái thắp ba nén hương trao cho Ú. Ú đi thẳng hương mặt trời lặn.

Chủ làng biết Ú trốn liền hô hoán và cho quân lính đuổi

theo. Ú gãi các nốt thịt thừa ở gan bàn chân mình, lập tức bao cây cỏ đều biến thành quân lính chặn đường đánh quân chủ làng thua chạy liềng xiềng.

Sáng hôm sau, Ú định vào một ngôi miếu vắng để ngủ thì quân chủ làng ở đâu đã lại ập tới. Ú dốc ống đậu đen ra, cầu khẩn, lập tức ống đậu biến cả thành quân lính chống với quân chủ làng để cho Ú chạy. Ú chạy một mạch tới một vùng nước rộng mênh mông, Ú dùng cái lông con trâu nước rẽ sóng chạy sang bờ bên kia. Quân lính của chủ làng không qua được đành tui nguyễn quay về.

Ú lại tìm vào một ngôi miếu khác, xin làm chủ tiều ở đó. Có lần quét miếu xong, Ú liền sai khiến tượng but chạy khắp nhà đề chơi. Người coi miếu thấy vậy rất ngạc nhiên và thầm nghĩ: « Đúng nó là người trời ».

Vài năm sau có tin mở hội chọn người tài ra làm vua. Ú xin với người coi miếu cho mình đi dự. Người coi miếu cho Ú lương thực để Ú lên đường.

Dấu hiệu làm vua treo tit trên ngọn một cây cột cao vút cắm trên nóc cung điện vua cũ. Bắt đầu cuộc tranh ngôi. Trời nổi ba tiếng cồng làm hiệu. Ai cũng cố hết sức trèo lên lấy nhưng không ai trèo được. Đến lượt, Ú như một con sóc, Ú trèo lên rất dễ dàng, chiếm được ngay dấu hiệu làm vua.

Từ khi Chu Hùng Ú lên ngôi, dân tộc Nhắng trở nên hùng mạnh, đánh đâu được đấy. Một lần, Ú đem quân đánh thẳng xuống hương nam (nước Việt-nam ngày nay). Tiến đến đâu, Ú ra lệnh cho quân phạt chuối đánh dấu đường đến đấy để khi lui quân cứ theo dấu chém chuối mà về.

Tiến quân được ít lâu, Chu Hùng Ú thấy đã đi xa quá nên truyền lệnh lui quân. Quân của Chu Hùng Ú kéo về tới vùng Lào-cai ngày nay thì không tìm thấy đường cũ nữa, các cây chuối khi xưa phạt đồ để đánh dấu nay đã mọc cao như cũ. Quân Chu Hùng Ú phải dừng lại làm ăn ở vùng này. Và, tục truyền rằng đấy là nguồn gốc tổ tiên của dân tộc Nhắng ở nước ta ngày nay.

NÔNG TRUNG

sưu tầm và biên soạn

*Dân tộc DAO**

PÙ NÀI HỎ**

Ngày xưa, ở một đỉnh núi rất cao có hai mẹ con một người đàn bà góa chồng. Nhà nghèo xơ xác, hàng ngày, bà mẹ đi làm nương, con trai kiếm củi mang ra chợ bán, hai mẹ con tần tảo lẫn hồi nuôi nhau.

Một hôm đi kiếm củi, anh con trai mồ côi thấy một con rắn rất lớn bị những người đi chợ đánh chết vứt ở rìa đường. Mùi hôi thối xông lên nhức óc. Anh thấy bất tiện liền hi hục dùng dây định bụng kéo xác con rắn bỏ xuống suối cho nó trôi đi. Xác rắn nặng quá, lôi được đến gần bờ suối thì trời vừa tối. Củi không kiếm được, hôm đó hai mẹ con anh đành nhịn đói.

Hôm sau, anh vẫn lại ra làm nốt công việc bỏ dở tối qua. Vất vả cả một ngày nữa mới đẩy được xác rắn xuống suối. Xong việc thì trời cũng vừa tối. Anh lại tay không trở về nhà, thế là hai ngày liền hai mẹ con anh chẳng có gì ăn.

Hôm sau nữa, anh mồ côi có việc đi qua suối. Qua chỗ vứt rắn, anh không thấy xác rắn đâu nữa. Anh vừa toan đi thì nghe tiếng nước động rào rào : dòng nước đang rẽ ra, một người con gái rất đẹp ngoi vào bờ. Lên bờ rồi, cô gái liền hỏi chuyện anh về nhà cửa, gia đình. Cuối cùng cô ngỏ ý muốn về nhà anh xin lửa.

* Xem chú thích ở trang 108

** Tên một con vật tưởng tượng, không có hình thù rõ rệt. Truyện này, lúc sưu tầm được thì không ai nhớ tên. Chúng tôi tạm lấy chữ đó đặt tên cho truyện.

Anh nghĩ mình nhà rách vách nát nên không muốn đưa cô ta về. Tiện có bật lửa làm bằng sừng trâu và rễ móc, anh quay mặt đi, đánh lấy lửa cho cô gái lạ. Nhưng mỗi lần đưa lửa, cô gái lại cố ý làm tắt và nằng nặc viện cớ đòi về nhà mới lấy được lửa.

Anh mồ côi đành phải đưa về. Đến nhà, cô nhận ngay mẹ anh mồ côi là mẹ mình và xưng làm con dâu. Mẹ con anh mồ côi lo mình nhà nghèo quá, không dám nhận. Cô gái ôn tồn trả lời là nhà nghèo mới là nhà mình.

Thấy cô gái khăng khăng một mực như thế, mẹ con anh mồ côi chẳng nói sao được nữa. Bà mẹ đi lấy *mec* (1) nấu cơm. Nhưng *mec* còn được nửa ống, chỉ đủ để nấu cháo. Cô gái thấy mẹ đi làm vội tranh lấy, lóng ngóng thế nào cô làm đồ sạch cả nồi cháo. Mẹ con anh mồ côi không mắng mà còn an ủi. Cả ba đành nhịn đói mà đi ngủ vậy.

Nhà chỉ có mỗi một chiếc chần mông, chần lại bị ẩm. Cô dâu mới vội đem ra lửa để hong. Chẳng may lửa bén cháy chần không còn một mảnh. Mẹ chồng và chồng cũng không nổi mắng một lời. Ba mẹ con đành nằm ngủ không chần không chiếu vậy.

Cô dâu ấy chính là con gái vua Thủy Tề, bữa nọ hóa làm rắn lên trần thế chơi bị người ta đánh chết mà anh mồ côi đã mang xác trả xuống nước. Cô đợi mẹ con anh mồ côi ngủ say mới trở dậy, hóa phép thành một ngôi nhà rất đẹp, có đủ cơm canh ngon lành, rồi đánh thức mẹ chồng và chồng dậy ăn. Hai mẹ con anh mồ côi tỉnh giấc, bàng hoàng còn ngỡ chiêm bao. Nhưng sau thấy ngay đấy đã là sự thực, mẹ con vui mừng khôn xiết. Từ đó gia đình sống rất yên vui.

Một hôm có hai người lính vua sai đi săn. Thấy đàn bà đẹp, hai chú lính vào nói chuyện cho đến chiều, quên cả săn bắn. Đến lúc phải về, hai chú tay không nên sợ lắm. Vợ anh mồ côi liền hóa phép cho hai chú lính bốn con chim bồ câu mang về cho vua.

1 — *Mec* : một loại lúa nương.

Hôm sau, rồi hôm sau nữa cũng vậy.

Lão vua được ăn thịt chim lạ và ngon nên căn vặn tra hỏi hai chú linh. Hai chú linh đành nói thực. Lão vua thích lắm liền truyền lệnh bắt hai vợ chồng anh mò côi vào châu.

Thấy vợ anh mò côi đẹp quá, lão muốn cướp làm vợ nhưng lão còn lo ngại. Lão nghĩ chỉ nên tìm cách làm thế nào bắt tội hoặc giết người chồng đi thì chiếm được vợ. Lão liền ra lệnh trong một thời hạn rất ngắn anh mò côi phải nộp đủ 36 lồng chim, mỗi lồng 36 con. Nếu không nộp đúng hạn, nhà vua sẽ phạt tội và bắt vợ.

Anh mò côi lo lắm, chỉ khóc. Vợ anh dọn cơm cho ăn và bảo anh cứ yên tâm. Anh ăn xong cơm thì vợ anh đan xong 36 cái lồng, dẫn anh treo cả lên cây rồi ngồi dưới gốc mà thồi sáo, chim khắc vào đủ. Anh làm theo quả đúng lời vợ nói. Đúng hạn, anh gánh cả 36 lồng chim lên nộp lão vua.

Lần thứ nhất, lão vua thất bại. Lão bức lắm, ra lệnh cho anh trong nội một ngày phải phát xong một khoảnh nương đủ gieo được 36 ống lúa giống. Anh lo lắng về nhà chưa biết làm thế nào thì vợ anh đã đưa cho một cây kim thần, dẫn anh chỉ cầm kim vạch ngang gốc các cây to, cây to đổ cây nhỏ phải đổ theo. Anh làm y lời vợ và đúng trong hạn một ngày, anh phá được một khoảnh nương đủ gieo 36 ống lúa giống. Lão vua lại bắt anh phải đốt cho thành nương trồng trọt được ngay. Vợ anh lại bày cách cho anh. Sau một cơn mưa, anh ra đốt thành nương, và nhờ phép thần, gieo xong đủ 36 ống lúa.

Lão vua bối rối và tức giận lắm, hội cả quần thần lại bày mưu. Một lão quan bày thêm ba việc khó hết sức nữa. Việc thứ nhất là thu đủ ngay tất cả số lúa đã gieo ấy lại, thiếu một hạt cũng trị tội. Anh mò côi nhận lời. Nhờ phép thần của vợ anh, anh đã được hàng triệu con các loài chim nhặt xong hộ lúa đã gieo trong có nửa ngày. Lão vua cho điếm lại thấy không thiếu một hạt nào. Việc thứ hai là bắt anh nộp đủ 36 gánh mắt các loại cá. Vợ anh liền bảo anh ra chỗ bờ suối hôm nọ gọi lên ba tiếng sẽ có người tới giúp. Anh ra bờ suối gọi đủ ba tiếng thì dưới nước hiện lên một chàng trai đẹp để khôì ngô. Chàng trai ấy nhận là em vợ. Anh liền nhờ lấy cho

minh 36 gánh mắt cá. Cậu em vợ nhận lời và chỉ một lát sau đã cho 36 người gánh đủ 36 gánh mắt cá lên cho anh mang nộp lão vua.

Năm lần thất bại, lão vua chưa chịu từ bỏ ý định cướp vợ và trị anh mồ côi. Việc cuối cùng lão bắt làm là một việc cực kỳ khó khăn. Lão hạn mợ hạn rất ngắn, anh phải nộp cho lão một con vật gì lạ nhất và quý nhất trần đời. Anh mồ côi về kể chuyện lại với vợ. Hai vợ chồng lại ra bờ suối gọi cậu em lên. Ba người bàn định mãi rồi nhất quyết mang nộp cho lão vua con *pù nải hỏ*.

Nghe tin anh mang nộp một con vật quý nhất và lạ nhất là con *pù nải hỏ*, lão vua liền hội tất cả quần thần lại để xem. Bọn vua quan quả chưa được thấy con vật này bao giờ, chúng lạ lắm nên hỏi xem con vật thường ăn uống gì. Vợ chồng anh mồ côi liền tâu là trời nắng thì *pù nải hỏ* ăn than hồng, trời mưa thì ăn than đen. Lão vua tưởng thật liền đưa cho *pù nải hỏ* ăn một cục than hồng. *Pù nải hỏ* vừa nuốt khỏi cổ thì nó đã nổ tung ra thành một đám lửa rất lớn, đốt cháy trụi cả triều đình vua chúa.

Từ đấy, vợ chồng anh mồ côi mới được tự do sung sướng làm ăn nuôi mẹ già.

Theo tài liệu của
TRIỆU KHÌ CHÂU và NÔNG MINH CHÂU
(Khu tự trị Việt Bắc)
HOÀNG THAO biên soạn

NGƯỜI ĐÀN BÀ TIẾT HẠNH*

Ngày xưa, có hai vợ chồng một nhà rất giàu. Hai vợ chồng hiếm hoi, sinh được mỗi một người con gái. Nàng thông minh và đẹp lắm, được cha mẹ rất quý chiều. Con nhà giàu lại xinh

* Truyện này sưu tầm được với đầu đề vốn như thế. Xét kỹ tư tưởng chủ đề thì thấy tên truyện đặt không được thích đáng. Vì chưa đủ điều kiện hiệu đính lại, chúng tôi cứ để nguyên như cũ.

đẹp nên nhiều người quyền cao chức trọng muốn lấy nàng làm vợ. Nhưng đám nào đến hỏi nàng cũng chối từ. Bố mẹ hỏi, nàng trả lời rằng mình không muốn lấy họ, vì lấy họ chẳng khác gì về làm đầy tớ cho họ. Bố mẹ nàng rất không vừa lòng nhưng chỉ có mình nàng là con nên đành phải chiều theo ý nàng.

Sáng sáng, nàng có thói quen ra tắm ở suối chảy ngay cạnh nhà. Một hôm, có một anh học trò nghèo ở xa về thăm gia đình, qua đấy thì trời tối. Anh ngại mình rách rưới, không muốn xin vào ngủ nhờ nhà giàu nên trèo lên cây bên bờ suối ngủ để tránh thú dữ. Chẳng dè, sáng đã quen lệ, cô con gái nhà giàu ra suối, cởi quần áo lội xuống tắm. Nửa chừng, cô nhìn thấy bóng anh học trò nghèo ngủ trên cây in xuống mặt nước. Cô vội vã lên bờ mặc quần áo lại và gọi anh học trò xuống hỏi chuyện. Anh học trò đành kể lẽ thực tình. Cô gái nghĩ mình đã để người con trai này thấy rõ thân thể, vả lại, cũng mến anh học trò nghèo nho nhã nên nói thật ý mình là muốn lấy anh làm chồng. Anh học trò mới đầu còn ngại nhưng sau thấy cô gái thật tình và cũng là người nết na hiền dịu nên nhận lời. Cô gái mừng lắm, liền chạy vào nói cho bố mẹ biết.

Hai vợ chồng nhà giàu chẳng biết làm thế nào, cũng đành phải chiều lòng con gái. Họ ra mời anh học trò vào trong nhà. Vì anh nghèo nên bao nhiêu sinh lễ tốn phí, nhà gái chịu cho cả. Hôm cưới, tiệc cưới ăn rất linh đình; người ta giết không biết bao nhiêu là trâu lợn, vịt gà để mời bà con họ hàng làng bản tới ăn.

Hai vợ chồng mới cưới ăn ở với nhau rất hòa thuận. Người vợ rất thương yêu chồng, mặc dầu chồng là con nhà nghèo. Nhưng ăn ở với nhau chưa được bao lâu thì trong nước có loạn. Triều đình vua chúa sức bắt dân phu phải đi đắp thành đắp lũy rất nhiều, người chồng cũng phải đi làm công việc đó như tất cả những người nghèo khó khác.

Sức vóc học trò có hạn, công việc nặng nề vất vả quá, người chồng không kham nổi. Một bữa đang vác đất đắp thành, người chồng kiệt sức ngã gục xuống chết. Người ta thương tình

vùi tạt xuống một chỗ và cắm cọc đánh dấu chứ cũng không đủ thời gian đắp thành một ngôi mộ hẳn hoi

Người vợ ở nhà vẫn yên trí chờ chồng. Thành quách xây xong, mọi người về cả rồi mà chưa thấy chồng về, chị lo lắng đi hỏi thăm mãi mới biết là chồng mình đã chết. Chị thương khóc thảm thiết và xin phép cha mẹ lên chỗ xây thành để tìm hài cốt chồng về mai táng lại cẩn thận. Bố mẹ sợ con thân gái xa xôi, không muốn cho đi. Nhưng chị cố sức năn nỉ đòi đi bằng được. Thấy con là người tiết nghĩa, bố mẹ chẳng lẽ từ chối mãi, đành phải bằng lòng. Thế là chị sắm sửa ra đi, mang theo vàng bạc và vải vóc để khâm liệm bọc lấy hài cốt chồng mang về.

Đến nơi, chị chẳng quản nhọc mệt vất vả khi đi đường mà đi tìm ngay chỗ chôn chồng mình. Lòng thương chồng làm chị quên mọi sự. Chị hì hục đào bới ngày đêm, cuối cùng cũng thấy được hài cốt của chồng. Chị gói ghém cẩn thận, vác lên vai, trở lại nhà, vừa đi vừa khóc lóc rất thảm thương.

Đức Phật và các thần linh khác thấy vậy muốn thử xem chị có thực tiết nghĩa chung thủy với chồng không. Đợi lúc chị ta lội qua một con suối rộng thì Phật và các thần linh hóa phép thành một đóa hoa thơm đẹp trên đời chưa ai trông thấy bao giờ, đóa hoa trôi qua mặt chị. Chị ta thích quá, đưa tay định vớt thì đóa hoa lại trôi quá đi. Chị lội theo một quãng nhưng vì đeo bọc hài cốt chồng quá nặng nên không theo kịp. Trong lúc thích bông hoa quá, chị bỏ ngay bọc hài cốt chồng xuống suối cho nhẹ để lội theo vớt lấy đóa hoa. Nhưng rồi hoa cũng không vớt được và lúc quay lại thì bọc hài cốt chồng cũng đã trôi đi đâu mất. Chị cố tìm nhưng không sao tìm thấy nữa.

Chị ân hận nhưng đã chậm quá. Và đức Phật cùng các thần linh đều thấy rằng không nên để đàn bà gần bất cứ một sự cám dỗ nào.

HOÀNG THAO biên soạn

Dân tộc MUỜNG*

LỊCH SỬ LÀM RUỘNG

Cơm gạo bở đầu mà có? Ấy là do ông Tá Bố Lèm và những người cùng khổ. Ông Tá Bố Lèm là người cùng khổ nhất *mường*, cơ nghiệp chỉ có một cây nỏ, một ống nước gạo, một cân chỉ gai và một ống tên.

Xưa kia, lúc loài người chỉ mới biết săn bắn, vào một buổi cuối năm, ông Tá Bố Lèm đi vào rừng chặt những cây *bồ trại* (1), những cây *bồ ráng* (2) để về làm nỏ và bắt rắn độc, bắt ong lấy nọc để làm tên thuốc. Hôm sau, ông vào rừng săn, nhưng đi mãi từ rừng này qua núi nọ vẫn không được vật gì. Ông quay trở về, cắt theo gánh cỏ gianh. Đến nửa đường thì tối. Ông Tá Bố Lèm dựng tạm cái lều lợp bằng lá gianh, lá chuối để che mưa, ngủ lại.

Nửa đêm hôm đó, trời đất chuyển động. Sấm ở bên *mường* Bưng chuyển tới, sấm ở bên *mường* Tống chuyển sang. Ông Tá Bố Lèm thức giấc, ngoảnh mặt ra ngó thì trời đất tối đen cả. Một trận mưa rào đổ xuống như lụt lội. Hạt mưa nhỏ bằng quả vả, hạt mưa cả bằng bắp vế, hạt trung bình bằng quả *lờn bơ*. Rồi đến khuya thì ông Tá Bố Lèm nghe dưới chân có con nhái kêu, trên đầu con khi con vượn hót thì trời cũng vừa tan mưa và rạng sáng. Ông nhìn ra thấy ngay trước mặt có đồng rộng như hình con ốc, khe có cá, có nước, có thể vỡ ruộng, đắp bãi, khai *mường* lấy nước. Nước chảy từ đây về sau rừng, nước chảy từ đây về suối giữa làng, chảy liền ra đầm cá *mường* Vạc, *mường* Vành.

* Xem chú thích ở trang 37.

1 và 2 — Tên những cây có thể dùng làm nỏ.

Ông Tá Bố Lèm cầm cây làm dấu, gánh gánh gianh trở về. Ông đi tìm ông *cun* (1) Tôi, *cun* Tàng, *cun* Cương. Các *cun* này đang ngồi chơi, thấy ông Tá Bố Lèm cùng cất tiếng hỏi:

— Ông đi đâu mà đi cả ngày nắng, ngày mưa, sao không nghỉ đến trưa hãy lại?

Ông Tá Bố Lèm mới kể cho mọi người nghe việc mình tìm ra đồng rộng. Mọi người hỏi lại có thật đúng không? Rồi cho đi gọi tất cả mọi người già trẻ, gái trai, lớn bé, ngày mai riu rưa dắt lưng, vào rừng chặt những cây *xăng pét*, *xăng po* (2) để khai nương đắp ruộng. Những con trai, con gái khỏe mạnh thì đem những đàn trâu đen ra cày ngang, đem đàn bò vàng ra cày lại, cày đi cày lại nhiều lần và vỡ thành ruộng, đắp thành bai.

Mọi người lại nghĩ rằng bây giờ lấy giống đâu mà trồng? Họ bàn nhau, cho người sang *mường* Bưng *mường* Bống mua lúa giống. Ở *mường* Bưng *mường* Bống có bán lúa giống, bán một tiền được bốn *cồng* ba, ba tiền được bốn *cồng* năm, và năm tiền được năm *cồng* sáu.

Lúa giống đem về không được đựng vào sọt đan bằng cây nửa *trang tổng* (3) và không được lót sọt bằng lá sung. Sọt phải đan bằng cây nửa *xống* nửa *xăm* trong rừng và phải lót bằng lá *bon ban* (4). Mạ tháng Năm phải ngâm nước một đêm hai ngày, mạ tháng Mười phải ngâm hai đêm ba ngày.

Rồi họ lại cho con trai đem những đàn trâu đen ra bừa ngang, đem đàn bò vàng ra bừa lại, bừa đi bừa lại nhiều lần.

Tháng Bảy lúa lên xanh, tháng Tám, tháng Chín, lúa ra đòng, và tháng Mười bông lúa đã chín vàng. Mọi người, mọi nhà đi xem lúa xem nương. Họ bàn nhau phải lấy những tấm lụa vàng ra mà buộc lúa; hạt lúa mới quý hơn vàng, phải lấy con

1 -- Một chức quan của dân tộc Mường xưa kia.

2 -- Tên những thứ cây ở rừng.

3 -- Nửa *trang tổng* và lá sung là những thứ đồng bào Mường trước đây kiêng không dùng đựng và lót lúa, cho rằng đựng sẽ hỏng mạ giống.

4 -- Tên một thứ lá rừng.

dao nạm chuôi bạc, chuôi ngà cho nàng dâu đi hái. Song họ lại nghĩ rằng bây giờ ta giàu mùa sau ta khó, ta nên lấy thân lúa mà buộc lúa, lấy hái thường cho nàng dâu đi gặt mà thôi.

Và cũng từ đấy, ngoài việc săn bắn, người Mường có thêm lúa gạo để ăn.

MAI VĂN TRÍ

sưu tầm và biên soạn

TRUYỆN CỎ TÍCH MIỀN NÚI

Nhà xuất bản Văn hóa — 1957

TRƯỜNG NGỰA

Ngày xưa ở vùng Thạch-bi, có một lão quan *lang* rất gian ác. Mỗi khi được lệnh của quan trên sức lên châu, lão này lại bắt dân *mường* bỏ cả công ăn việc làm đi theo hầu hạ.

Một hôm, trên đường đi châu về, lão gặp một người cưỡi ngựa đi có vẻ rất ung dung khoáng trá. Lão thèm thuồng ước sao có được một con ngựa. Người cưỡi ngựa biết ý liền hỏi :

— Sao nhà *lang* không mua ngựa mà đi ?

Lão *lang* hỏi lại :

— Thế mua ngựa đẹp như con này thì mua ở đâu được ?

Vênh vênh bộ râu mép, người cưỡi ngựa cười mà rằng :

— Nhà *lang* cứ ra chợ mua trứng ngựa về mà ấp.

Mừng quá không kịp hỏi thêm cặn kẽ, lão quan *lang* quát dân *mường* rảo bước về nhà. Lập tức lão triệu tập gia nhân bắt đi mua trứng ngựa. Nhưng lão không chịu bỏ tiền túi ra mua mà lại bắt dân làng mỗi người phải nộp một ít. Sợ quan, dân làng phải bóp bụng im lặng và nộp tiền. Tiền dân nộp đã đủ, tất cả được ba quan rưỡi. Lão quan *lang* ngồi tính toán mua trứng ngựa hết ba quan, còn bao nhiêu dành mua lương nuôi ngựa.

Sáng hôm sau, lão sai đầy tớ com đùm com gói đi mua trứng ngựa. Người đầy tớ bần khoản lo lắng. Mấy ngày trời lang lang từ nơi này sang nơi khác, người đó vẫn không tìm đâu a trứng ngựa. Một hôm, đến một cái chợ gần đường, người đầy tớ thấy một bà già bán quả gấc. Người này mừng rỡ, tưởng là trứng ngựa, liền lại hỏi :

— Thưa mẹ, quan tôi bắt đi mua trứng ngựa, tôi tìm mãi không thấy. Đây có phải trứng ngựa thì mẹ bán cho tôi.

Nghe nói « quan mua trứng ngựa », bà mẹ bật cười và nghĩ ngay được một mưu để lừa lão quan lang. Bà mẹ đáp :

— Phải, trứng ngựa đấy, anh trả tôi bao nhiêu tiền ?

— Ba quan.

Bà mẹ bán ngay. Anh đầy tớ vui sướng ra về. Tưởng trứng ngựa thật, lão quan lang mừng lắm. Theo lời dặn của bà mẹ, lão cho mang « trứng ngựa » lên đồi gianh gần nhà đề ấp, và ba ngày sau, lão ra xem thì thấy đúng như lời bà mẹ, « trứng ngựa » có một lỗ thủng. Lỗ thủng đó chính là lỗ một chú chuột đã khoét để chui vào ăn gấc, lão quan lang lại tưởng là ngựa đã nở và chui ra ngoài đi đâu mất. Lão liền bắt gọi tất cả dân làng từ già đến trẻ phải đến để tìm ngựa cho lão. Dân làng rất bức tức và cũng rất buồn cười về nỗi lão quan lang ngu ngốc nhưng vẫn phải cùng nhau đi tìm. Tiếng hò reo vang cả khu rừng. Nghe tiếng động, chú chuột trong quả gấc chui ra, chạy mất vía. Tên quan đi đầu trông thấy bèn thúc : « Ngựa đấy rồi, đuổi đi ! Đuổi đi ! Không bắt được ngựa là chết cả làng đấy ! »

Dân làng ra sức đuổi, mọi người mồ hôi nhễ nhại nhưng chốc chốc vẫn nhìn nhau mà cười.

Nghe dân cười mà chưa bắt được ngựa, lão quan lang tức uất lên tận cổ. Lão quát tháo bắt dân làng đuổi nữa. Chuột chạy mất biến vào hang. Dân làng không biết cứ đuổi mãi.

Đến một ngọn đồi, dân làng gặp một chú hoẵng.

Hoẵng chạy vào một hốc đá, nhân dân tóm được mang về, nói dối đấy là ngựa. Lão quan lang vuốt râu mép đắc chí nhe răng cười, suốt đêm lão trần trọc ngủ không yên.

Tang sáng hôm sau, lão đã cho đòi các ụ đến tập cho lão cười ngựa.

Muru kể đã bàn sẵn, vốn biết tính con « hoẵng ngựa » của quan hay nhảy vọt nên các ậu khóa cổng lại và bắt đầu bồng quan lên lưng ngựa. Dân làng đến đông chật cả sân, kẻ giữ đầu, người giữ chân, người vuốt vuốt bộ lông khen « hoẵng ngựa » của quan đẹp. Quan đắc chí tuy tay chân quan run lên cầm cập. Chạy được một vòng đến gần cổng, « hoẵng ngựa » nhảy chồm lên, « ngọc thể » của quan rơi đập một cái. Đau quá nhưng trước mặt dân, quan cũng phải làm ra vẻ không đau. Một ậu nói :

— Bầm quan, cưỡi ngựa phải can đảm, quan phải làm sao khôn hơn nó mới cưỡi nó được.

Dân làng bịt miệng mà cười.

Quan lại ung dung lên « ngựa » và bần này thì có trời đánh cũng không sao ngã được nữa. Các ậu đã có sáng kiến là buộc thật chặt quan vào lưng « ngựa », tha hồ « ngựa » phi. Lão quan lang sợ bay tóc trắng, muốn thôi lắm rồi nhưng miệng cứ há ra không nói được. Dân làng nhảy lên cười khoái chí, khen mãi ngựa quan mới đẻ mà khỏe hơn ngựa nhà dân. Các ậu liền bảo :

— Thôi quan cưỡi thạo rồi, bây giờ ta mở cổng để quan đi ra đường dạo mát.

Cổng vừa mở, vụt một cái, « ngựa » của quan như một mũi tên, lao ra ngoài, phi nước đại đưa quan đi dạo mát qua các ruộng lầy, đồi trọc, rừng sâu...

Dân làng rầm rập chạy theo để xem. « Hoẵng ngựa » tưởng bị đuổi như hôm trước nên ra sức phi nước đại, và cả người cưỡi vào các gốc cây.

Lão quan lang máu me tràn ra tai ra mũi.

« Hoẵng ngựa » phi đến hốc đá hôm qua thì dây đứt, lão quan lang rơi thịch xuống đất chết và chú « ngựa » ngạo nghệ nhảy tót lên một mỏm đá cao, ngoảnh mặt vĩnh biệt chào quan.

TY VĂN HÓA HÒA-BÌNH
sưu tầm và biên soạn

TRUYỆN CUỘI

Trong kho tàng văn học truyền miệng của dân tộc Mường, đây là một loại truyện dã kích, châm biếm chế độ nhà lang rất sắc bén, được nhân dân lưu truyền rộng rãi. Nội dung của loại truyện này đề cao trí tuệ của nhân dân, và nói lên sự ngu ngốc và tham lam, bỉ ổi của bọn quan lang. Theo các cụ phụ lão và các cán bộ văn hóa tỉnh Hòa-bình cho biết thì trước đây nhà lang rất ghét loại truyện này. Chúng cấm nhân dân không được kể, ai không tuân sẽ bị phạt vạ hay phạt tù.

Truyện Cuội có nhiều loại: Cuội với gia đình, bè bạn, dân làng; Cuội với cọp và với nhà lang. Theo chỗ chúng tôi biết thì chuyện Cuội không có một cốt thống nhất; truyện được sáng tạo và phát triển theo từng thời đại, tùy từng địa phương cho hợp với đối tượng dã kích. Dưới đây, chúng tôi giới thiệu một số truyện trong phần Cuội với nhà lang.

ĐÀN VỊT GIÒI

Sau khi giết được Cọp, Cuội khăn gói đến *mường* Vang chơi. Đi đường mệt, Cuội ngồi nghỉ bên bờ hồ rộng. Giữa hồ nước, một đàn vịt giới bơi lội tung tăng. Cuội đếm một con, hai con... năm con... mười con... và nhiều lắm. Đang mải ngắm đàn vịt, tiếng nhạc ngựa vang lên sau lưng làm Cuội giật mình. Quay lại, Cuội thấy một lão *lang* ngạo nghễ ngồi trên ngựa tía. Thấy Cuội, lão lên giọng hách dịch:

— Thằng kia, mày làm gì đấy? Sao không tránh cho ngựa tao đi? Mày không biết đất nước này của ai ư?

Nhanh trí, Cuội đáp:

— Bẩm *lang*, con đi chăn vịt. Con không biết hồ này thuộc đất của *lang*.

Vừa nói Cuội vừa chỉ đàn vịt giới giữa hồ. Thấy đàn vịt đông đen như kiến cỏ, con vỗ cánh, con ngụp đầu, bơi bơi lội lội, máu tham nổi lên, lão *lang* gạ Cuội:

— Mày bán đàn vịt cho tao.

— Bẩm *lang*, không bán được ạ. Đây là đàn vịt cơm áo của con, bán đi con biết lấy gì sinh sống sau này. Con xin biếu *lang* vài đôi để nhắm rượu thôi ạ.

Lão *lang* không chịu, cứ gạn mua cả đàn. Cuội vờ từ chối, van xin mãi. Cuối cùng, lão *lang* dọa :

— Tao thương mày mới hỏi mua. Cánh đồng này của tao, hồ nước của tao. Đây là đất của tao cai trị. Mày không bán, tao tịch thu đàn vịt.

Thế là Cuội « đành phải bán đàn vịt cơm áo » của mình với giá mười đồng bạc trắng. Khi nhận tiền, Cuội vờ buồn rầu bảo *lang* :

— Vịt của con quen chủ, *lang* chớ lừa ngay. Đợi chúng ăn no, *lang* hãy lừa về. Lừa bây giờ, nhớ chủ, chúng nó tản đi mất.

Nói xong, Cuội chào *lang*, đi thẳng.

Khi mặt trời đã sang bên kia dãy núi, xem chừng vịt đã ăn no, lão *lang* hí hửng chèo thuyền ra lừa đàn vịt về. Nhưng vừa tới nơi thì ôi thôi, đàn vịt đồng loạt tung cánh lên bốn tầng mây. Bây giờ lão *lang* ngu ngốc tham lam mới biết mình bị mắc lừa. Lão vội lên bờ tìm Cuội nhưng tìm đâu cho thấy ?

CHIẾC ÁO THẦN

Sau khi được mười đồng bạc, Cuội giấu bạc vào trong một chiếc áo rách bươm. Cứ mỗi chỗ vá bỏ vào một hai đồng, xong việc, Cuội thủng thủng ra chợ. Khi qua gian hàng bán chiêng, cồng, xanh, niêng, Cuội thấy trong đám khách chợ có một lão *lang* khác cũng đang xem hàng. Cuội lách vào đứng cạnh. Một lát sau, Cuội hỏi mua một chiếc cồng nhỏ. Ngã giá rồi, Cuội cởi cái áo rách ra, rũ một cái, bạc kêu xúng xoảng. Rũ hai cái, bạc rơi xuống đất. Cuội nhặt tiền trả nhà hàng năm đồng. Lão *lang*, nhà hàng và cả khách đi chợ quanh đấy ai cũng ngạc nhiên trở mắt nhìn Cuội.

Cuội lại hỏi mua chiếc niêng. Rồi lại rũ áo, tiền lại kêu xúng xoảng và rơi ra một đồng, hai đồng... năm đồng... Lần này lão *lang* không nén nổi tò mò nữa, bèn hỏi Cuội :

— Cái áo rách của anh có phép gì mà lạ vậy ? Sao lại rũ ra tiền ?

Cuội đáp :

— Đây là chiếc áo tiền áo bạc của *Then* (1). Thấy tôi nghèo khổ không sắm được niềng, không mua được cồng, *Then* thương hại, ban cho tôi áo này. Khi ban áo, *Then* có dặn dùng áo này muốn mua gì cứ rũ tiền ra nhưng không được tham lam, nếu tham lam, *Then* sẽ thu mất phép. Được áo này, tôi đã đỡ nghèo khổ.

Nghe nói áo thần có phép rũ ra tiền, muốn gì được nấy, lão *lang* lập mưu chiếm cái áo. Đầu tiên, nó gạ Cuội :

— Anh bán cho ta chiếc áo, ta sẽ đưa anh một số tiền để mua sắm.

Cuội lắc đầu.

— Hay anh đổi cho ta chiếc áo gấm này?

Lão *lang* chỉ vào chiếc áo mặc trên người. Chiếc áo nhà *lang* rất đẹp.

Cuội vẫn không bằng lòng. Cuội bảo :

— Áo gấm của nhà *lang* tuy đẹp, nhưng không bằng cái áo rách này. Áo này sẽ giúp tôi mua thêm nào trâu, nào ngựa, và biết bao nhiêu thứ quý giá khác, tôi không đổi đâu.

Gạ không được, lão *lang* quay sang dọa :

— Nếu mày không đổi, tao sẽ bỏ tù.

Nó tin chắc dùng biện pháp này sẽ hiệu quả. Nhưng Cuội vẫn rắn rỏi đáp :

— Thà tôi chịu tù còn hơn là đổi.

Thấy Cuội không sợ, nó lại ngon ngọt :

— Mày nể tao một tí chứ? Đổi cho tao, tao phụ thêm cho mày mấy đồng bạc và một con dê. Đây con dê tao vừa mới mua.

Cuội nhìn mấy đồng bạc, liếc mắt nhìn con dê, vờ suy nghĩ, rồi nói :

— Thật nể nhà *lang* quá nên tôi mới đổi. Ai lại áo rách đi đổi áo lành và... một con dê bao giờ. Dừng một lát, Cuội nói tiếp :

— Áo này *Then* cho tôi, chỉ riêng tôi dùng được thôi. Đổi cho nhà *lang*, nhỡ nhà *lang* không dùng được, thì cũng đừng trách tôi, có thuận thế tôi mới đổi.

1 — Thần trên trời.

Lão *lang* đồng ý và cuộc trao đổi được tiến hành ngay trước công chúng.

Được áo rồi, lão *lang* rất hý hửng, lão ngắm, lão vuốt, lão trôm vào mình, lão vắt lên vai, rồi lão khệnh khạng đi khắp chợ xem hàng.

« Ta sẽ giàu nhất thế gian, ta sẽ giàu nhất thế gian », lão nghĩ bụng thế. Đến chỗ bán ngựa, lão *lang* hỏi mua cả đàn. Không thềm mặc cả, nhà hàng nói bao nhiêu, lão *lang* gật trả bấy nhiêu. Khi trả tiền, lão bắt chước Cuội, rung rung cái áo rồi rũ một cái thật mạnh. Không có tiếng xúng xoảng, không một đồng xu rơi, chỉ thấy bụi mù bay tung cả lên. Càng rũ, bụi càng nhiều. Lão *lang* mồ hôi rõ giọt, mặt tái mét đi. Có tiếng xì xào, tiếp đó là những tiếng cười xen tiếng thét vang lên: « Thăng điên, thăng điên! Anh em ơi, lại mà xem thăng điên! » Người đi chợ được một mẻ cười vỡ bụng. Bấy giờ thì lão *lang* đã biết tác dụng của chiếc áo thần. Bị tên trước đám đông, lão lên ngựa chuồn thẳng, lòng đầy căm tức.

CON DÊ THẦN

Có một nhà *lang* nọ cho con gái về nhà chồng. Trong ngày vui mừng đó, lão mời các bạn *lang* ở các *mường* xa gần đến uống rượu. Biết tin ấy, Cuội mặc áo gấm vào rồi dắt chú dê nhỏ thùng thảng ra đường...

Một lát sau, một tên quan *lang* cưỡi ngựa đi đến. Thấy Cuội mặc áo gấm nhà *lang*, tay lại dắt con dê, lão quan *lang* này lên tiếng:

— Chào ông bạn, ông bạn dắt dê đi đâu đấy?

— Tôi đi ăn cưới đây.

Nghe Cuội đáp, lão *lang* reo lên:

— Đi ăn cưới à? Thế chúng ta cùng đi cho vui! Nhưng, ông bạn dắt dê thế thì đi đến bao giờ mới tới. Từ đây đến đó, cưỡi ngựa cũng phải mất ngót nửa ngày đường đấy.

Cuội cười :

— Ấy, tôi lại nghĩ khác. Tôi sợ đến sớm quá phí thời gian nên cho dê đi thủng thẳng chơi. Chả giấu gì bác, dê của tôi là dê thần, có sức chạy nhanh hơn gió. *Lang* bác cưới ngựa phải đi gấp kéo muộn. Chiều tôi đi cũng vẫn còn vừa.

Nghe Cuội nói, lão *lang* cho là Cuội điên, nếu không thì cũng là ngớ ngẩn. Ai đời người lại cưới dê ! Lão định lên ngựa nhưng tính tò mò buộc chân hãm lại. Lão bảo Cuội :

— Tôi không thể tin được những lời ông bạn nói. Dê thì làm sao mà cưới được ? Nếu quả dê ông bạn là dê thần thì chúng ta cùng đi thi. Ông bạn nghĩ sao ?

Cuội chậm rãi đáp :

— *Lang* bác không tin à ? Nhưng rồi *lang* bác phải tin. Chiều nay thế nào chúng ta chả gặp nhau trong tiệc rượu !

— Tôi và ông bạn cứ thi nhé, — lão quan *lang* nửa thách thức, nửa mỉa mai — nếu tôi thua, xin biếu ông bạn con ngựa, ngược lại, nếu ông bạn thua, ông bạn sẽ mất cho tôi con dê.

Cuội cười :

— *Lang* bác thua cuộc mất thôi ! Ngựa bác yếu thế, độ sao sức dê con này. Cỏ thi thời thi cho vui. Cuộc làm gì phí của.

Tưởng Cuội nói khoác nên sợ, lão quan *lang* làm giả :

— Tôi nhất định cho ngựa thi với dê thần, có thua cũng cam tâm. Chúng ta làm giao kèo !

Thế là hai bên viết giao kèo, và họ chọn nhà khách của lão *lang* tổ chức đám cưới kia làm đích. Ký xong giao kèo, lão *lang* nhảy phóc lên ngựa, ra roi đi.

Đợi lúc tên *lang* khuất vào rừng xa, Cuội mới ôm con dê chiếu hường chạy tắt rừng. Qua mấy ngọn núi, vài quãng rừng, Cuội đến đích. Cuội cột dê dưới sán rồi lên nhà ăn trầu uống nước. Trong khi chờ đợi, Cuội nhặt những bã trầu dưới đất, bỏ dồn thành một đống. Xế chiều, lão *lang* kia tới, người ngựa mệt nhọc, mồ hôi nhễ nhại nhưng lão vẫn vui, chắc mẫm mình thắng cuộc. Buộc ngựa xong, lão hí hửng lên nhà khách. Nhưng lão vừa lên khỏi cầu thang, Cuội đã cất tiếng chào, rồi chỉ vào đống bã trầu mà bảo :

— Sao *lang* bác giờ mới tới? Chắc *lang* bác mệt lắm nhỉ? Tôi đợi *lang* bác mãi sốt cả ruột, ngồi buồn, nhai không biết bao nhiêu là trầu nữa. Bây giờ theo giao kèo thì xin phiền *lang* bác cho tôi con ngựa.

Lão *lang* tiếc của điếng người. Để gỡ lại, nó hỏi mua con « dê thần ». Cuội nói :

— Dê của tôi rất quý, quý vô giá, tôi không bán đâu, mà có bán, chắc *lang* bác cũng không đủ tiền mua.

Lão *lang* bực mình, cố chạy vạy được mười nén bạc và nói mãi, Cuội « nề lòng », bán cho con dê.

Nhận tiền xong, Cuội lên ngựa ra đi, lão *lang* ở lại đánh chén. Rượu vào nhời ra, lão khoe khoang, tán tụng con dê quý. Tiệc tan, lão ngất ngưỡng dắt dê ra cưỡi cho mọi người xem. Nhưng vừa nhảy lên, dê con không chịu nổi, quỵ xuống, hất lão ngã sóng soài. Lão lóp ngóp bò dậy giữa tiếng cười chế nhạo của mọi người. Lão ngượng quá, đánh bung mặt mọ lúi mắt.

CÂY GẬY THẦN

Theo lệ, đến mùa khô ráo (1), bọn quan *lang* thường tổ chức những cuộc săn bắn lớn. Nhân dân rất khổ vì những cuộc đi săn này. Đi săn xa phải phục dịch nhà *lang*, săn được thú lại phải nộp hết. Nhưng lệ *lang* đã đặt, không theo không được.

Nhân dịp này, Cuội định xỏ tên *lang* địa phương một võ thật cay. Đêm trước hôm đi săn, Cuội đem giấu sẵn vào bụi cây cạnh chỗ ngồi ăn cơm một ống cơm lam, một gói thịt nướng, và giấu vào bụi rậm gần bãi nộp thú sau khi săn được một con hươu nhung.

Sáng sau, theo tiếng cồng hiệu lệnh, dân làng, kẻ dao mác, người cơm dùm cơm nắm, ra bãi tập trung. Cuội ở nhà trùm

1 — Ở miền rừng núi nước ta, mùa ráo là mùa khô ráo từ khoảng tháng 11 đến tháng 3.

chăn ngủ. Thấy vắng Cuội, lão *lang* rất bức, lão cưỡi ngựa tới, kéo chăn, lôi Cuội dậy. Cuội vờ năn nỉ xin ở lại chuẩn bị lương ăn và đi mượn vũ khí. Lão *lang* không cho, cứ lôi tuột Cuội ra bãi.

Dọc đường, mặt Cuội buồn thiu. Dân làng hỏi, Cuội chỉ đáp :

— Tôi ngủ quên, không kịp làm cơm ăn, không mượn được dao mác, chuyến này bị phạt vạ mất. Tôi phải cầu trời mới xong.

Khi đi qua miếu thờ *Then*, Cuội tạt vào. Tưởng Cuội chuồn, lão *lang* rẽ ngựa vào theo. Thấy Cuội đang thắp thì trước ống hương, lão *lang* quát :

— Cuội, mày vào đây làm gì ? Định trốn phải không ?

Cuội đáp :

— *Lang* không cho tôi ở nhà làm lương ăn, mượn vũ khí, *lang* định mưu phạt vạ tôi, tôi phải vào đây kêu với *Then*. Giờ thì tôi không sợ nữa. *Then* đã cho tôi chiếc gậy thần này.

Nói đoạn, Cuội giơ cao một cây gậy tre cho lão *lang* xem, rồi vác lên vai đi ra, mặt mũi hớn hở.

Thấy thế, lão *lang* càng tức. Lão ra lệnh dân làng không ai được cho Cuội ăn cơm, không được giúp sức Cuội trong khi săn bắn. Lão nghĩ bụng : « Để xem phép gậy thần của mày linh thiêng đến đâu, mày sắp đến ngày hết sống rồi, Cuội ạ. »

Đến chỗ ăn cơm, có người thương Cuội, định san sẻ cho Cuội chút ít. Nhưng, tên *lang* giám sát kỹ quá, không ai cho lên được.

Cuội vẫn bình thản, ca hát nghêu ngao. Lão *lang* ức quá, hăn bắt Cuội phải mang cơm ra ăn ngay trước mặt hăn, nếu không có, tức là trái lệnh, Cuội sẽ mắc tội chống lại nhà *lang*, và sẽ bị phạt vạ rất nặng.

Ai cũng lo cho Cuội nhưng Cuội đã bình thản nói với dân làng :

— Tôi đang no chưa muốn ăn chứ muốn ăn thì gậy thần lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ.

Nghe nói thế, lão *lang* càng điên tiết. Lão gầm lên, tay lăm lăm khẩu súng:

— Mang cơm ra ngay, mang cơm ra ngay. Tao sẽ giết mày, tao sẽ giết mày!

Lão *lang* dứt lời, Cuội mím cười đứng dậy, giơ cao « gậy thần », miệng đọc to một câu « thần chú »:

— « Gậy thần, gậy thần! Giúp đỡ nhân dân nắm cơm, gói thịt! »

Đọc xong, Cuội thẳng tay lao mạnh « gậy thần » vào bụi, và chạy lại vạch lá mang ra một nắm cơm và một gói thịt. Dân làng thấy thế, vui mừng reo lên. Cuội lấy cơm ăn và chia thịt cho dân làng trước đôi mắt nầy lửa của lão *lang*.

Ăn xong, mọi người tỏa vào rừng săn bắn. Cuội vác gậy đến một gốc cây, đốt lửa ngồi sưởi. Lão *lang* trông thấy, nghĩ bụng: « Được, mày muốn làm gì thì làm, chiều, không có thú nọp, mày sẽ biết tay tao! »

Chiều, kết thúc cuộc đi săn, kẻ được cáo, người được thỏ, ai cũng có thú vật nọp nhà *lang*. Khi gọi đến Cuội, không thấy Cuội nọp gì, lão *lang* quát:

— Cuội, mày định chống lại tao phải không? Muốn sống nọp ngay thú vật.

— Tôi không có vũ khí, không có người hợp lực, lấy đâu ra thú vật nọp *lang* được.

Cuội thản nhiên đáp vậy.

Lão *lang* rit lên:

— Thế gậy thần của mày đâu? Gậy cơm, gậy thịt của mày đâu?

Không đợi lão *lang* dứt lời, Cuội đã cười vang, vừa cười vừa nói:

— Xin cảm ơn *lang*, không có *lang* nhắc, tôi quên khuấy đi mất. Giờ thì muốn nọp gì cũng được.

Nói xong, Cuội giơ cao gậy tre, miệng đọc lớn:

— « Gậy thần, gậy thần! Giúp đỡ nhân dân một con hươu béo ». Và Cuội lại lao một cái, « gậy thần » lao thẳng vào bụi

rậm. Có tiếng hươu kêu, mọi người chạy lại, một chú hươu nhưng đã bị trói gò nằm đấy từ bao giờ rồi.

Thật là kỳ lạ, dân làng lại reo mừng inh ỏi. Riêng lão lang cứ há hốc mồm ra, mắt trợn trừng, hết nhìn con hươu nhưng lại nhìn chiếc gậy. « Phải chiếm gậy thần, phải chiếm gậy thần, của quý thế, không thuộc nhà lang thì phí biết mấy ! », nghĩ thế, lão dịu giọng nói với Cuội :

— Cuội, ta mừng cho anh có chiếc gậy thần. Nhưng, ta làm chủ nó xứng hơn anh. Anh hãy nhường lại cho ta, ta đổi cho anh khẩu súng này.

Biết lão lang đã mắc mưu, Cuội lắc đầu vờ không bằng lòng. Mãi sau, đợi lão lang phải nhờ dân làng nói giúp mỗi người một câu, Cuội mới thuận.

— Nề dân làng tôi mới đổi. Nhưng lang phải làm theo hai điều : một là lang phải trả lại Cuội và dân làng tất cả thú đã nộp, hai là nếu sau này lang không dùng được gậy thần thì cũng không được thù Cuội.

Lão lang mừng rơn, chỉ làng mà nói :

— Có dân làng chứng kiến, ta chấp nhận cả hai điều kiện.

Cuội nhận súng xong, trao « gậy thần » cho lão lang. Được « gậy thần », lão lang rất đắc chí, lão giơ cao gậy thần, đồng loạt tuyên bố với dân làng :

— Ta trả lại dân làng tất cả thú đã săn được. Ta không thèm những thứ cây cỏ lạ nhép nữa. Có gậy thần, ta sẽ săn cọp săn voi, bắt bò tót, sơn dương. Ta sẽ săn những thú to, chim quý. Bây giờ ta sẽ bắt ngay một chú cọp cho dân làng xem.

— Và lão bắt được Cuội, giơ cao gậy, miệng đọc to như bò rống :

— « Gậy thần, gậy thần ! Bắt cho quan lang một con cọp lớn.

Đọc xong, lão vênh mặt, thẳng tay phóng mạnh « gậy thần » vào một bụi cây. Không có tiếng cọp kêu nhưng lão vẫn phi ngựa tới. Lão rẽ lá tìm. Mấy con sóc sợ hãi vừa chạy vừa kêu chí chöhe. Bây giờ dân làng mới hiểu. Họ cười vang, cười đến vỡ cả núi rừng. Lão lang then tím cả mặt, giận run người lên. Nó định đòi lại khẩu súng và thú săn nhưng thấy cả rừng người dao mác đang nhìn hấn cười, hấn sợ quá, đành thúc ngựa cút thẳng về nhà, không dám ngoảnh cổ lại.

CON CHÓ MẬT

Bị Cuội lừa, ức quá, ngày đêm lão *lang* nghĩ cách trả thù. Một hôm, hăn nghĩ ra một kế, liền đến nhà Cuội. Theo tục lệ, khi *lang* đến nhà dân, dân phải phục dịch rượu thịt. Biết Cuội nghèo, *lang* chủ tâm đến để kiếm cớ, phạt vạ Cuội.

Thấy *lang*, Cuội làm ra vẻ lo lắng. Sau khi đã nấu nước chè đặc mời *lang* uống, Cuội xin phép vào nhà làm cơm.

Ở trong bếp, Cuội thỉnh thoảng lấy chân đá con gà kêu đánh « quác », lúc thì lấy nước vẩy vào than hồng bật lên tiếng « xèo xèo ». Lão *lang* rất hài lòng, nghĩ thầm : « Cứ thế này, chả mấy chốc mà Cuội sạt nghiệp ».

Gần trưa, Cuội mới lấy một ít sắn khô giã nhỏ trộn với đậu đen, ngào với mật, nắm từng nắm thuôn thuôn dài dài như lõi ngô, rồi bắc chảo lên bếp đồ. Khi sắn chín, Cuội bí mật mang ra vườn, rải sắn mật bên những gốc cau, bụi chuối, chỗ này một hòn, chỗ kia vài cục.

Quá trưa, xem chừng ruột gan nhà *lang* đã cồn cào vì đói, Cuội mới dắt con chó ghẻ ra vườn. Cuội lấy roi đánh, chó kêu oăng oăng. *Lang* ở trên nhà ló cổ ra xem, thấy cứ mỗi lần đánh chó, Cuội lại cúi xuống nhặt cái gì xam xám đen đen bỏ vào đĩa. Lão rất lấy làm lạ.

Một lát sau, Cuội bưng một đĩa đầy ắp bánh sắn vào, gãi đầu gãi tai, nói :

— Chẳng mấy khi *lang* đến nhà tôi, tôi đã giết gà nướng thịt, thối xối, nhưng nghĩ rằng các món ấy *lang* ăn đã chán nên không muốn dọn ra. Có con chó mật, nhờ giới ngày ngày cung cấp cho ăn món lạ, nay *lang* đến, hình như nó cũng mừng, cố vắt ruột được một đĩa đầy, xin mời quan nếm thử.

Vừa nói, Cuội vừa đặt đĩa sắn xuống bàn. Sắn đậu đen ngào mật bóng nhẫy, trông như « cứt chó » chính cống. Lão quan *lang* ngần ngại. Để đánh tan sự nghi ngờ, Cuội nhón một miếng cho vào miệng nhai rất ngon lành. Thấy vậy, lão *lang* cũng nhón một miếng đưa lên mũi ngửi, thấy thơm, lão cho vào miệng. Sắn ngọt, bụng đói, lão chén hết cả đĩa.

Ăn xong, lão *lang* muốn chiếm con chó. Lão bảo Cuội đổi cho lão mà lấy một con chó khác đẹp hơn, béo hơn. Cuội không nghe. Chờ cho tên *lang* khản khoản mãi, Cuội mới bằng lòng. Nhưng Cuội xin *lang* nhớ cho một điều là chỉ khi nào nhà đói quá không có gì ăn thì mới nên bắt chó mật làm ra thức ăn. Nếu nhà đang còn cái ăn mà tham thì phép sẽ mất.

Được chó, lão *lang* rất mừng. *Lạp* (1) công, chả phượng, gân gấu, vôi voi, gia đình họ hàng bè bạn nhà lão ăn đã nhàm rồi, chỉ có món này mới thật là lạ. Về nhà, hăn cho mời ngay họ hàng bè bạn tới để thưởng thức món quà hiếm có.

Khi mọi người đến đông đủ, lão quan *lang* đứng lên, đồng dục nói :

— Trời ban cho tôi món quà quý, tôi không nỡ hưởng một mình. Hôm nay, tôi mời họ hàng bè bạn đến để cùng thưởng thức. Quà tuy ít, nhưng ăn ít ngon nhiều. Người ta thường nói : « Miếng ngon nhớ lâu, đòn đau nhớ đời ». Xin các vị đợi một chút, càng đói ăn càng ngon đấy ạ.

Trong khi chờ đợi, mọi người trầm trồ bàn tán, đoán già đoán non, không ai hiểu là món quà gì. Lão quan *lang* nhìn mọi người bàn tán, ra vẻ thú vị lắm.

Đợi mọi người phải giục ba lần bảy lượt, lão *lang* mới dắt chó ra vườn, thượng cẳng chân, hạ cẳng tay, nện cho chó một trận. Tội nghiệp con chó, bị đánh đau quá, nó kêu oăng oăng, cắt dải vải ra. Lão quan *lang* nhặt một đĩa đầy, hý hửng bung vào. Nhưng vừa bước chân lên đến cầu thang thì mũi khăm khăm từ món quà kia bốc ra thối hoăng, không ai chịu được. Họ khạc, họ nhổ, họ ọe, họ nôn. Họ chửi lão quan *lang* một trận mất mặt mất mặt nhật. Có người còn đòi nhét cắt chó vào miệng lão. Lão sợ quá, đành xin lỗi và đành thuật lại chuyện bị Cuội lừa cho mọi người nghe.

1—Thịt ăn tái của đồng bào miền núi, giống như dưới xuôi ta ăn nem.

THUỐC CHỮA MẮT

Nghe đến tên Cuội, tất cả bọn quan *lang* đều giật mình. Trong bọn chúng, hầu như không ai không bị Cuội chơi khăm. Chúng bàn cách trị tội Cuội. Chúng cho tay sai đến bắt Cuội bỏ vào rọ kín vút vào chuồng cho trâu dẫm chết, còn bọn chúng thì mỗ bò ngả rượu chè chén với nhau.

Cuội bị bỏ rọ ném vào chuồng trâu, tưởng phen này sẽ chết. Nằm trong rọ, Cuội tính kế thoát thân. Nhưng nghĩ mãi không ra. Bỗng Cuội nghe tiếng ho sù sù của mẹ Lẹ — mẹ là cô một lão *lang* — mắt mẹ vốn kèm nhèm, nhưng mẹ lại chuyên nghề *lang* bằm chữa mắt. Nảy ra một kế, Cuội cười âm lên. Nghe tiếng cười, mẹ *lang* Lẹ hấp hay đôi mắt, nghên cổ nghe ngóng. Lúc biết đích xác tiếng cười vang lên từ chuồng trâu, mẹ mới chậm rãi hỏi :

— Ai làm gì trong chuồng trâu mà cười dữ thế ?

Cuội không trả lời mà chỉ nói lăm bằm :

— Sương quá, sương quá, giời ôi ! Thật là ở hiền gặp lành !

Mẹ *lang* càng ngạc nhiên, mẹ quơ gậy đi vào chuồng trâu. Không thấy ai, chỉ thấy một cái rọ, mẹ lại hỏi :

— Ai nói ai cười ở đâu đấy ?

— Tôi đây.

Bấy giờ Cuội mới đáp. Cuội nói :

— Quan *lang* thương tôi nghèo, cho vào đây chữa mắt. Mắt tôi kèm nhèm thế mà vào đây mới một lúc đã sáng bạch ra rồi. Bà *lang* ơi, thuốc này hay hơn thuốc của bà nhiều lắm !

Nghe nói mắt kèm nhèm chỉ ngồi vào rọ một lúc là khỏi, mẹ *lang* xin Cuội cho vào chữa. Cuội nói :

— Trong này chật lắm, chỉ ngồi được một người thôi. Vả lại tôi cần phải ngồi lâu, càng lâu mắt càng sáng. Bà muốn chữa, lên xin với quan *lang*.

Mẹ *lang* muốn mắt khỏi ngay nên bảo Cuội :

— Mất tôi cũng kém lắm, anh làm phúc giúp tôi, cho tôi vào ngồi một tý, tôi không dám quên ơn anh đâu.

Cuội cướp lời :

— Tôi cũng rất nề bà, nhưng tôi còn phải đợi nhà *lang* ra mở rọ đã.

— Để tôi mở cho.

Không chờ Cuội có bằng lòng hay không, mụ *lang* Lẹ đã lấy dao cắt toang dây buộc miệng rọ. Cuội chui ra ngay rồi giúp mụ *lang* chui vào xong thì buộc chặt miệng rọ lại.

Ngồi mãi, mắt chẳng sáng ra tý nào, sốt ruột, mụ định lên tiếng hỏi Cuội, nhưng chưa kịp mở mồm thì đàn trâu đã rung mõ (1) về chuồng. Mụ *lang* bây giờ mới hiểu sự việc, mụ la thét thất thanh đề cầu cứu. Bọn quan *lang* nghe tiếng kêu khóc thê thảm vọng lên từ chuồng trâu, chúng chắc là tiếng kêu của Cuội nên rất đặc ý. Khi tiếng kêu tắt, chúng cất tiếng cười, định ninh là Cuội đã chết. Giữa lúc ấy thì Cuội bước vào, ôm bụng cười ngặt nghẽo :

— Chết Cuội, Cuội về nhà, mời *lang* ra xem bà *lang* Lẹ.

Bọn *lang* nghe nói, hoảng hốt chạy ra chuồng trâu, kéo rọ ra xem thì mụ *lang* Lẹ đã nát như như tương.

BÈ ĐÁ NỒI, BÈ BUỔI CHÌM

Bọn *lang* ức quá, chúng lại sai người bắt Cuội. Lần này, chúng quyết định vớt Cuội xuống sông. Chúng đan một chiếc rọ lớn, lấy đá cột vào xung quanh. Xong đâu đấy, chúng báo cho dân làng biết mai đến xem chúng hành hình Cuội.

Sáng hôm sau, bọn quan *lang* cho tay sai khiêng Cuội ra bờ sông. Dân làng có mặt ở đấy, ai cũng thương xót Cuội nhưng không có cách nào cứu được.

1— Trâu ở miền núi thường đeo mõ ở cổ để khi lạc người ta dễ tìm.

Bọn *quan lang* muốn kéo dài thời gian để uy hiếp nhân dân và kéo dài sự khùng khiếp của Cuội trước giờ chết nên chưa cho ném xuống sông vội.

Bỗng nhiên, từ trong rọ, Cuội cười vang lên. Mọi người ngạc nhiên. Một người hỏi Cuội :

— Sắp chết đến nơi, sao anh còn cười được?

Cuội đáp :

— Tôi cười bọn *quan lang* ngu ngốc. Chúng định giết tôi, nhưng lại làm cho tôi sống. Chắc dân làng cũng đã nghe câu : « Bè đá nổi, bè bươi chìm ». Tôi sắp trở về với dân làng, tôi vui quá nên tôi cười.

Hiều ý Cuội, dân làng vỗ tay. Có người reo lên thích thú :

— Bè đá nổi, bè bươi chìm ! Bè đá nổi, bè bươi chìm !

Bọn *lang* nghe thấy thế, lập tức chúng bắt dân làng nộp bươi đóng bè giết Cuội. Làm xong, chúng cho ném ngay xuống sông. Thấy Cuội và rọ chìm chìm dưới nước, bọn *lang* chắc Cuội chết nên yên trí về nhà.

Dân làng bị bọn *lang* đuổi về, mặt rầu rầu nhưng lòng vẫn đầy hy vọng.

Dọ bươi chìm hết đà, bắt đầu nổi lên, đưa Cuội lênh đêngh trên mặt nước. Cuội bị trôi co trong dọ, không tài nào lái vào bờ được, đành để dòng nước trôi xuôi. Trôi mãi đến một quãng sông hẹp, thấy trên bờ có mấy em bé chăn trâu, Cuội gọi to :

— Các em ơi, các em có ăn bươi ra mà vớt.

Mấy em bé thích quá, vội bơi ra, kéo bè bươi vào bờ.

Cuội thoát nạn. Chia bươi cho các em ăn, còn lại bao nhiêu, Cuội đóng một gánh nặng, tất tả đi xuống *mường* dưới, vào nhà một lão *quan lang*. Cuội nói :

— *Lang* con cho con gánh bươi ngọt xuống biếu *lang*, và *lang* con nghe nói dưới này có trâu tốt nên muốn mượn về mấy hôm để lấy giống.

Lão *lang* này tưởng thật, nhận bươi và bằng lòng đưa trâu cho Cuội mượn. Cuội dắt trâu về, thay quần áo mới, rồi cười

trâu đến nhà *lang*. Thấy Cuội trở về với con trâu đen nhánh, lão *lang* vô cùng kinh ngạc, phải trấn tĩnh hồi lâu mới lên tiếng được :

— Cuội, tao tưởng mày đã làm mồi cho cá rồi!... Sao mày lại về được?... Con trâu nào đây, mày nói cho tao nghe!

Cuội cười :

— Con dại quá, giá lúc ấy con cứ im lặng không nói gì đi bè đá thì được lời to. Đi bè bươi chỉ được một trâu thôi, thiệt quá!

Thấy chuyện lạ, *lang* giục Cuội nói rõ đầu đuôi. Cuội thưa :

— Lúc con và bè bươi bị các quan quăng xuống sông, con tưởng chết ngay. Bị uống nước, con ngất đi, lúc tỉnh dậy thì lạ quá, con đã ở trong lâu đài của vua Phúc Tín (1). Vua Phúc Tín hỏi con mang bươi đi đâu, con nói là con mang bươi ngọt của *lang* xuống biếu. Vua Phúc Tín cảm ơn rồi rít, thết con bữa tiệc, cho bộ quần áo mới và gửi tặng *lang* con trâu này. Tiệc xong, Vua Phúc Tín cho trâu rẽ nước đưa con lên. Vua Phúc Tín nhắn con về thưa lại với *lang* là dưới ấy nước nhiều, đá ít, giá *lang* chở xuống cho một bè đá để nung vôi xây nhà thì vua Phúc Tín sẽ biếu *lang* một đàn voi.

Nghe Cuội nói rõ sự tình, lòng tham nổi lên, lão quan *lang* lập tức ra lệnh cho Cuội và dân làng chuẩn bị sẵn sàng một bè đá để mai lão thân xuống dâng vua Phúc Tín đòi lấy đàn voi.

Khi bè đá làm xong, *lang* từ biệt vợ con rồi chui vào rọ. Dân làng khiêng ra sông, chõ ném Cuội hôm qua. Đến nơi, *lang* giục dân làng cho đi ngay. Cuội điều khiển, dân làng hớn hờ hò lên một lượt rồi tung rọ xuống sông. Ừm một tiếng, nước tóe lên, một lát sau bong bóng sủi tăm. Thế là hết đời lão *lang* tham lam gian ác.

ĐÀO VĂN TIẾN
sưu tầm và biên soạn

1 — Vua Thủy Tề.

Dân tộc MÈO •

LỊCH SỬ TRỜI ĐẤT VÀ LOÀI NGƯỜI ••

Chử Lầu (1) sinh ra trời đất trong có bảy ngày. Trời sinh ra trước, đất sinh ra sau. Ngày ấy trái đất rất đẹp và có nhiều thứ hoa quả. Hoa của trái đất rất to, to bằng cái thúng một. Tuy nhiên, trên trời chưa có mặt trời và trăng, sao, cho nên mặt đất còn tối tăm. *Chử Lầu* mới tạo ra mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao để soi sáng cho trái đất. Ngài tạo ra những 10 mặt trời và 9 mặt trăng. Các ngôi sao thì ở rất thấp. Loài người khi bấy giờ không phải lao động mà vẫn cứ có ăn; họ cho mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao là những khối đá có lửa sáng, sợ nó sẽ rơi xuống đè chết, nên xin với *Chử Lầu* treo chúng lên cao. *Chử Lầu* không bằng lòng; ngài chỉ hóa phép làm ra một bức màn màu xanh lơ bao bọc lấy đất cho trăng, sao có rơi khỏi đụng phải trái đất.

Mặt trời là giống đực, mặt trăng là giống cái. *Chử Lầu* hà hơi cho chúng có linh hồn và sinh khí. Chúng hút liền trong bảy năm, làm mặt đất khô cạn. Bảy năm đó là một ngày liền, không có đêm. Mặt đất đã khô cạn, *Chử Lầu* mới làm ra các loại cỏ, các loại cây, các loại súc vật, cuối cùng mới làm ra loài người.

Thật ra thì lúc đầu, nước và đất trộn lẫn nhau; về sau *Chử Lầu* mới phân chia rõ rệt ra làm hai, bấy giờ cây cỏ, súc

* Xem chú thích ở trang 148.

** Đây là một số truyền thuyết của dân tộc Mèo (còn gọi là Mông) giải thích về sự cấu thành của trời đất và loài người. Những đề mục là do chúng tôi thêm vào.

1 — Còn gọi là *Nđồ-chử*, tức Ngọc Hoàng thượng đế.

vật và loài người mới có chỗ sống. Súc vật là do *Chử Lầu* lấy đất làm thành. Loài người cũng vậy. Người ta lúc đầu mặc quần áo bằng lá cây, thức ăn không nấu chín. Người ta dần biết dùng đá ném vào núi đá cho tia lửa bật ra, lửa cháy vào các cây cỏ khô; bấy giờ người ta mới biết dùng lửa để nấu chín thức ăn. Cùng lúc ấy, *Chử Lầu* cũng sinh ra cả cây cỏ ở trên mặt trăng nữa. Cây cỏ ở mặt đất mọc lan tràn rất nhanh, cây nọ đổ, cây kia lại mọc lên. Loài người mới lấy các ngọn cây làm thành những mũi tên để bắn lên chống cự với mười mặt trời và chín mặt trăng. Chín mặt trời và tám mặt trăng bị trúng tên nên tắt ngấm. Còn lại mỗi một mặt trời và một mặt trăng thoát chết, bỏ chạy lên thật cao và trốn kín vào một nơi. Vì thế dưới đất có một thời kỳ không có ngày mà chỉ có đêm. Đêm ấy cũng dài đúng bảy năm liền. Người ta liền cầu xin mặt trời và mặt trăng quay lại với trái đất. Các con hồ cũng xin như thế. Mặt trời và mặt trăng không nghe. Mãi sau khi nghe tiếng gà gáy lần thứ bảy, chúng mới chịu trở lại.

Từ đó, các con gà sống đều có mào đỏ trên đầu: *Chử Lầu* đã thưởng cho chúng vì chúng có công gọi mặt trời và mặt trăng lại sau bảy năm vắng mặt.



Khi mặt đất đã khô, *Chử Lầu* lấy một cục đất nặn thành con người đầu tiên và hà hơi làm cho nó sống. *Chử Lầu* lại đặt vào trong bụng nó một linh hồn, đặt vào cuống họng nó tiếng nói. Lập tức con người trở nên hoạt động, biết nhìn, biết nghĩ, biết nói, biết đi đứng... và do đó con người biết lấy vợ lấy chồng.

Con người đã có thức ăn, có súc vật để dùng nhưng *Chử Lầu* vẫn chưa cho họ có quần áo mặc: họ phải ở trần truồng. Hàng ngày, *Chử Lầu* vẫn trực tiếp giao thiệp với họ.

Về sau, *Chử Lầu* thấy phiền nhiễu quá nên không giao thiệp trực tiếp với người ở mặt đất nữa. Muốn báo gì cho loài người biết, *Chử Lầu* chỉ làm về ban đêm và sai một người con gái làm trung gian đi báo họ bằng mộng.

NẠN HỒNG THỦY

Một hôm, nước dâng lên ngập hết mặt đất, nước dâng cao đến tận trời. Mọi người chết hết, chỉ còn có bốn người, hai trai hai gái, tìm cách thoát chết. Họ ngồi vào hai cái trống rất kín. Một cặp ngồi trong trống sắt, chiếc trống này nặng nên về sau cũng bị đắm. Chỉ còn một cặp ngồi trong trống gỗ *ndông neng* rất nhẹ, trống theo mặt nước nổi lên đến tận trời là thoát. Trong trống của hai người này có đủ các hạt giống ngũ cốc.

Truyện này xảy ra lúc loài người đã sống được 9.000 năm trên mặt đất. Năm đó có hai anh em ruột đang đi làm ruộng, ban đêm họ bỗng trông thấy một ông cụ già hiện lên phá hủy tất cả những thứ mà họ đã làm được ban ngày. Người anh tức lắm, muốn giết chết ông già đó nhưng người em can ngăn và bảo anh hãy đến hỏi chuyện trước đã. Hai anh em liền đến hỏi thì ông già bảo rằng:

— Các anh làm một nhọc vô ích vì các anh sẽ không được gặt hái đâu. Đến tháng Bảy này nước sẽ dâng lên tràn ngập hết mặt đất.

Hai anh em đoán chắc đấy là *Chử Lầu*, liền gắng hỏi xem ông già bảo nên làm thế nào để thoát chết. Ông già liền dặn người anh cả có tinh nóng nảy phải làm một cái trống lớn bằng sắt, lúc nào nước dâng lên thì cùng vợ vào ngồi trong ấy. Với người em, ông cụ lại dặn làm một cái trống bằng gỗ nhẹ, trong đó chứa thêm được cả người chị ruột anh ta, các giống gia súc mỗi thứ một đôi, lương thực và các loại hạt giống ngũ cốc. Hai anh em nghe lời ông cụ, về nhà làm ngay những việc đó. Quả nhiên đến tháng Bảy, trời mưa bốn ngày đêm liền, nước dâng lên ngập hết mọi thứ. Hai vợ chồng người anh cả chui vào trong trống sắt. Hai chị em người em út chui vào trống gỗ. Trống sắt đắm, hai vợ chồng người anh cả chết, chỉ còn lại hai chị em người em út sống sót ngồi trong trống nhẹ nổi lên đến tận trời.

Lúc hai chị em lên đến trời, *Chử Lầu* trông thấy mới hỏi là họ làm thế nào mà lên được tận đây. Người em kể lại nạn lụt ở dưới đất. *Chử Lầu* nhìn xuống quả nhiên thấy nước ngập

mệnh mông. Người liền cho rồng xuống hút nước. Con rồng hình dáng như chiếc cầu vồng, xuống hút nước, chẳng mấy lúc nước cạn dần. Trống của hai chị em cũng xuống theo. Hạ xuống được đến mặt đất thì vừa hết đúng năm mươi ngày đêm. Mặt đất lúc này còn ướt, mềm nhão những bùn. Vừa lúc ấy có một con điều hâu rất lớn tới đậu ngay bên cạnh trống; hai chị em liền bám vào cánh nó. Nó bay đi, tha theo cả chiếc trống, bay mãi rồi đem đặt tất cả lên một nơi cao ráo. Nhưng chim điều hâu chẳng còn tìm được thức gì ăn cho khỏi đói. Hai chị em nghĩ tới công chim đã cứu mình liền cắt thịt trong người ra cho chim ăn để trả ơn. Mỗi người cho điều hâu ba miếng thịt của mình: một miếng lấy ở sau đầu, một miếng ở dưới cánh tay, một miếng ở gần gót chân. Vì thế loài người sau này mới có gáy, có nách và khoeo chân. Hai chị em dùng những hạt giống mang theo được trong trống gỗ ra gieo trên mặt đất. Được ít lâu, người em đến tuổi trưởng thành, anh ta muốn lấy chị làm vợ. Người chị không bằng lòng, bảo với em rằng:

— *Chử Lầu* cấm không để cho anh chị em ruột lấy nhau bao giờ.

Người em liền bảo chị rằng hiện nay trên mặt đất chỉ còn có hai người, nếu không lấy nhau thì biết làm thế nào. Người chị lưỡng lự mãi, cuối cùng hai chị em bàn cách thử hỏi *Chử Lầu* xem *Chử Lầu* định sao.

Hai chị em liền hỏi ý *Chử Lầu* bằng cách tung lên núi hai hòn đá mài: hai hòn đá lăn từ trên núi xuống cánh đồng mà vẫn không rời nhau. Họ lại tung lên trời hai chiếc kim: hai chiếc dính chặt vào nhau rơi xuống. Hai người lại ném hai đồng tiền lên trời: hai đồng tiền vẫn rơi xuống cùng một chỗ mà không lìa nhau. Cho rằng *Chử Lầu* cũng bằng lòng rồi, bấy giờ hai chị em mới ăn ở với nhau thành vợ chồng.

Được ít lâu, người vợ có mang và lúc đẻ, đẻ ra một vật tròn như quả trứng. Tưởng đứa con ở trong quả trứng, hai vợ chồng liền đập ra. Nhưng trong trứng không có gì, chỉ thấy những mảnh trứng vỡ ra rơi xuống đất biến thành nhiều đứa bé. Thấy vậy, hai vợ chồng liền đập thêm cho nó vỡ thành nhiều mảnh nhỏ, được thêm nhiều đứa trẻ khác nữa. Vì vậy mặt đất mới lại có loài người ở sau khi nạn Hồng Thủy đã qua...

VÌ SAO CÓ NHIỀU THỨ TIẾNG NÓI ?

Loài người ngày ngày càng sinh sôi nẩy nở rất đông. Họ vẫn nói cùng một thứ tiếng và vẫn nhớ tổ tiên mình là hai chị em ruột đã thoát nạn Hồng Thủy ngày xưa. Họ nghĩ tới đời sống êm đẹp ở trên *Du-giang-ca* (1) nên rất muốn cùng nhau trở về trên ấy. Họ liền bàn với nhau và xây một cái tháp rờ cao để lấy đường lên trời. *Chử Lầu* thấy vậy liền nói :

— Bọn chúng xây được tháp cao như thế chính vì chúng nói chung một thứ tiếng và ở cùng một nơi. Phải phân chia chúng ra mới được !

Thế là *Chử Lầu* liền làm cho loài người nói nhiều thứ tiếng khác nhau. Vì nói tiếng khác nhau, không hiểu được nhau nên họ đành phải chia nhau ra đi, ở khắp mọi nơi trên mặt đất.

Giống người Mèo sinh sôi nẩy nở rất nhanh chóng và chẳng bao lâu đã trở thành một dân tộc mạnh mẽ. Ngày đó, họ còn ở trên núi miền địa cực rất rét, nước quanh năm đóng băng và mặt đất lúc nào cũng đầy tuyết phủ. Mùa đông của họ rất dài, đêm cũng rất dài, dài đến sáu tháng, mọi người đều phải mặc quần áo lông.

Vua của người Mèo trước kia là một đứa bé nằm trong bụng mẹ ba năm mới ra đời. Vua còn cầm đầu nhiều dân tộc khác nữa. Một lần, người Mèo có việc xích mích về đất ở với một dân tộc láng giềng. Hai bên phải đưa đến nhờ nhà vua xét xử. Nhà vua liền bảo mỗi bên phải từ đây ra đi ngay lúc chập tối và quay về đây đúng lúc mặt trời mọc. Bên nào quay về đúng hẹn thì sẽ được làm chủ đất đai. Nếu nửa chừng về đến đâu gặp mặt trời mọc thì chỉ được làm chủ đất đai ở đấy. Người Mèo ra đi, lúc quay về vừa đến đỉnh núi cao thì gặp mặt trời mọc. Từ đấy, người Mèo phải ở trên miền núi cao.

Đầu tiên người Mèo còn ở vùng cực của trái đất, dần dần mới dịch mãi sang vùng rừng núi miền Hồ-nam, Vùng Cửu-châu, Vân-nam, miền tây bắc Việt-nam và rồi sang ở tận cả nước Lào.

HOÀNG THAO biên soạn

1— Thượng giới (tức trên trời).

MẮT LẠI SÁNG

Đã lại lắm rồi, người Mèo chúng ta có một anh con trai tên là Páo. A Páo mồ côi cha mẹ từ nhỏ, ngày ngày lang thang khắp núi này núi kia để kiếm củ nuôi thân.

Một hôm A Páo đang dẫn củ bông nghe thấy tiếng gầm thét dữ tợn. Thì ra một con cọp xám đang đuổi một chú nai con. Chú nai con hốt hải chạy đến xin A Páo cứu mạng. A Páo dũng cảm cứu thoát nai con khỏi nanh vuốt cọp xám. Từ đó, nai con và A Páo thân thiết chẳng khi nào rời nhau.

Một chiều có nắng đẹp, có gió mát, nai con và A Páo đang nghịch quả *pa-pao* (1), bông nghe một tiếng quát lớn:

— Thằng kia, tao hỏi mày sao dám bắt nai của tao?

A Páo đứng phắt dậy, ra hiệu cho nai con trốn vào rừng và trả lời:

— Đây là bạn của tôi chứ!

Tiếng quát lớn ấy là ở từ miệng một tên cưỡi ngựa. Tên cưỡi ngựa hạ lệnh cho bọn theo hầu đuổi bắt nai con rồi lại quát lớn:

— Thằng bé con này láo, mày phải bắt nai con về đây!

A Páo chẳng nghe. Bọn người hầu tên cưỡi ngựa cũng chịu, chẳng tìm nổi nai con. Tên cưỡi ngựa béo phì đỏ mặt lên, tức giận.

— Thế thì trời thằng trẻ con này về nhà.

Lập tức, A Páo bị trời gô lại như con lợn và bị khiêng vút vào một nhà. Nhà ấy là nhà cao cửa rộng, mái lợp gỗ thông. Nhà ấy là nhà tên béo phì cưỡi lưng một con ngựa to. A Páo nhìn cái nhà ấy, chẳng nghĩ ngợi gì nhiều mà còn thấy vui vui, còn hơi mừng mừng. Nhà thế này thì chắc phải giàu, phải sướng. Nhưng không phải thế! Nhà tên béo phì thật là giàu, lợn không thèm sục vào đến trong nhà, gà chẳng thiết đi kiếm ăn xa. Ấy thế mà A Páo thì suốt ngày đói ăn, lại đói cả ngủ.

1— *Pa-pao*: một thứ quả cầu bằng vải, cách chơi giống như chơi còn.

Lại phải đánh bạn với cái cối xay bắp rất nặng và chiếc dao bầu to để thái cỏ ngựa. A Páo làm suốt ngày suốt tối. Nhớ bạn nai, nhớ rừng cây tha hồ chạy chơi, A Páo khóc, khóc thâm...

A Páo lớn lên, làm gì cũng được. Và đánh *pa pao* rất giỏi. Một tết, A Páo đi lấy cỏ ngựa về qua gốc cây to, thấy đám con trai, con gái bằng tuổi mình, váy áo mới và đẹp, đang túm tụm kháo nhau về tài đánh *pa pao* của hai cô con gái, cho là trần gian chẳng còn có ai tài hơn. A Páo ức lắm, cãi với họ :

—Chỉ nói dối. Trần gian còn có bao nhiêu người tài hơn chứ!

— Thế à ! Mà giỏi thì đánh thi với hai cô đi.

Nhưng, chúng nó tức là hai cô con gái khoe mẽ kia lại là con cưng của chủ A Páo, của tên béo phì. A Páo phải nhịn vậy thôi.

Câu nói của A Páo được truyền đi. Bọn thanh niên xôn xao, bắt A Páo phải đánh *pa pao* thi với hai cô con gái con chủ. Hai cô thua mãi, thua liểng xiểng.

Tên béo phì tức quá, đánh A Páo đau như cả người. Nó nghĩ xay bắp, thái cỏ ngựa chỉ cần tay chân là đủ. Đánh *pa pao* mới cần thêm mắt tinh. Thế là nó chọc mù ngay mắt A Páo đi. Tất nhiên mù cả hai mắt thì A Páo lại càng khổ lắm.

A Páo không chịu mãi thế. A Páo trốn khỏi nhà thằng béo, mò mẫm bò, leo suốt sáu, bảy ngày ròng rã. Mệt quá, ngủ thiếp đi, A Páo tỉnh dậy thấy tiếng xì xào. Tưởng lần này thì chết thật. Nhưng không phải. Đó là buổi họp của các loài thú cầm giận tên béo phì, tính kế trả thù. A Páo nghe tiếng Cáo già nói :

— Tòì bắt gà, gà phải kêu, gà kêu thì hăn biết, hăn biết thì hăn đuổi. Tòì chạy tất hăn cũng chạy theo. Nhưng ngộ nhờ anh Gấu không đá vào mắt nó, lại đá vào mắt tôi, tôi mù thì sao ?

— Sợ gì, thuốc đây này ! Đắp một tý là khỏi mù ngay.

Nói đoạn, Khi nhảy lên cây vơ một nắm lá non vào mồm nhai nát rồi bỏ ra, giơ lên cho Cáo già xem.

Thú vật đi cả. A Páo bò đến, sờ thấy miếng lá Khi vừa nhò ra, lấy đắp lên mắt, quả nhiên chỉ một lát, hai mắt A Páo lại sáng như cũ.

Tết đến. Có cỏ xanh, có hoa đào. Lại tự do, lại được sáng mắt. A Páo đi chơi khắp các đồi núi và hát vang lên. Nai bấy

giờ đã lớn, may đến tìm A Páo kết bạn thân thiết như cũ. Một hôm, Nai ông A Páo đi chơi, gặp một đồng bạc, A Páo bèn đánh thàn vòng bạc trắng đeo vào cổ, vào tay cho thích. Nai cho A Páo ăn sừng non của nó, A Páo khỏe mạnh, đẹp trai đến rồi các cô gái bấy giờ chỉ ước được đánh *pa pao* với A Páo thôi. Mê A Páo nhất lại là hai cô gái ác con tên béo phì. Nhưng A Páo chẳng yêu ai vội, A Páo nói:

— Tóc các cô ít lắm, đầu các cô bé lắm. Tôi không thích đầu.

Vì thế cho nên, từ đấy, phụ nữ Mèo mới dọn thêm tóc, quấn vào cho tóc nhiều lên và đầu to ra.

Tên béo phì biết A Páo đã sáng mắt, hấn ngạc nhiên lắm. Hấn định chạy ra xem có thật không, nếu thật thì lại bắt về xay bắp, thái cỏ ngựa cho hấn, nếu còn làm điều gì hấn không bằng lòng thì hấn chọc cho mù mắt lần nữa. Nhưng vừa ra khỏi cổng thì nghe trong nhà có cướp, hấn quay trở lại. Gấu nép trên cây đại trúng vào hai mắt hấn. Hấn mù, nhà cửa, lợn gà, rừng núi nó chẳng còn trông thấy gì. Hấn nghĩ không thấy gì nghĩa là mất hết. Tiếc của, hấn ngã lăn ra chết thẳng.

Còn A Páo và nai con, bấy giờ thì nai đã lớn, lại vẫn là đôi bạn thân, lại vẫn đánh *pa pao*, vẫn hát, vẫn đi chơi, chẳng sợ gì cả.

BÌNH THANH sưu tầm

MẠC PHI biên soạn

CON NGỰA VÀNG

Ngày xưa, ở vùng thượng lưu sông Ngâm, dưới chân núi Pù-tả-kha(1), có một anh nông dân Mèo nghèo khổ, không người thân thuộc, không cha, không mẹ, sống cô quạnh trong một túp lều cỏ lụp xụp cheo leo ở sườn núi rậm rạp.

Ngày hai buổi, anh dắt dao quắm lên rừng phá hoang, đốt rẫy, gieo lúa lốc, trồng lúa mạch. Bầu bạn thân yêu nhất của anh chỉ có đôi lợn ỷ. Anh quý hai con lợn ấy lắm. Ban ngày,

1 — Tên một ngọn núi cao ở phía bắc tỉnh Hà-giang.

anh thả nó vào rừng mò kiếm củ nâu, củ *pa-pầu*; đêm đến, anh nhốt nó vào trong chuồng có rải cỏ êm ấm. Cái thú nhất của anh là ngắm cảnh hai con lợn vục mồm vào máng rau, ụt ịt nhai choàm choạp.

Một buổi trưa, Đin đang chống *bảng* (1) nhìn đôi lợn ăn bỗng thấy một con lợn lạ chạy đến, vục mồm xuống máng cùng ăn với đôi lợn nhà. Cho là lợn dưới *bản* lạc về, anh cũng cử cho ăn, cũng vuốt ve âu yếm như đối với hai con lợn của mình. Lâu ngày, ba con lợn cùng lớn lên như thổi, quẩn quít bên Đin, làm cho Đin quên rằng trong ba con lợn kia có một con lợn lạ.

Hôm ấy là ngày thứ bốn mươi chín, kể từ hôm con lợn lạ lạc tới. Con lợn lạ được Đin cho ăn uống đầy đủ nên cũng béo tròn như đôi lợn nhà. Đêm ấy gần về sáng, Đin nằm mê thấy một ông già đầu tóc bạc phơ chống gậy vào nhà, lần đến nhìn cái *bảng* một lúc lâu rồi ông cụ tiến đến bên giường Đin, phe phẩy cái phát trần có chòm lông dài và dịu dàng nói:

— Bấy lâu ta được con cho ăn uống chu đáo. Ta thấy con là người hiền lành, chịu khó, ta muốn giúp con cũng có đủ ăn đủ mặc như những người khác. Ta sẽ để lại cho con vài cái lông này. Nó sẽ giúp con nhiều điều tốt. Con biết dùng nó, nó sẽ cho con no ấm.

Nói hết lời, ông già vụt bay lên trời và biến mất.

Bừng mắt dậy, mặt trời đã ló soi qua kẽ vách vào nhà. Đin xuống sàn, gọi lợn cho ăn. Nhưng hôm nay anh không thấy con lợn lạc tới kia đến ăn cùng với lợn nhà nữa. « Rú ù rú! rú ù rú! », anh gọi mãi nhưng vẫn không thấy tăm hơi nó đâu. Anh bồn chồn trong dạ: « Hay con lợn lạ kia là ông tiên trá hình? Mà... quả thật, tính đến hết hôm qua thì đúng là đã 49 ngày, con lợn lạ ấy đến với ta... »

Nhìn lại, anh vẫn chỉ thấy đôi lợn nhà ụt ịt thản nhiên tranh nhau ăn.

Chờ lợn ăn xong, như thường lệ, Đin xách *bảng* xuống sông rửa và cống nước về nhà.

1 — *Bảng*: ống đựng nước, làm bằng bương, hoặc vầu.

Nhưng, 1, quá, nước hôm nay không chịu vào *bằng*. Anh ấn *bằng* xuống nước nhiều lần, lần nào nước cũng không vào. Anh đặt *bằng* xuống đất. Anh ngồi phệt xuống, suy nghĩ, tìm tòi.

Anh nhìn dòng sông, nó vẫn lừ lừ trôi như những ngày thường nước vẫn xanh biếc. — Nhưng tại sao hôm nay nước không chịu vào *bằng*? Anh nhớ tới lời nói của ông già trong giấc mơ đêm qua. Anh chợt nhìn thấy ở miệng *bằng* có dính mấy cái lông lợn. Anh liền nhặt từng cái lông lợn để xuống đất. Rồi anh lại đem *bằng* xuống sông mức nước. Lại thay! Lần này nước rào rào vào *bằng*. Đin rất ngạc nhiên, lẩm bầm:

— Có phải mấy cái lông lợn kia cản nước vào *bằng* không?

Đin tò mò, đổ nước trong *bằng* đi, lấy mấy cái lông lợn vừa rồi dính vào miệng *bằng* rồi lại xuống mức nước. Quả nhiên cũng như lần đầu tiên, nước nhất định không chịu vào *bằng*.

Đin quả quyết một mình:

— Không còn nghi ngờ gì nữa! Đúng! Rõ ràng mấy cái lông lợn kia nó có sức kỳ nước.

Để thử xem có thật đúng như vậy không, Đin giắt vài cái lông kỳ quặc ấy vào hai lỗ mũi rồi vục đầu xuống nước. Anh vẫn thở được bình thường, không bị ngạt khó chịu như những khi trước anh lặn xuống sông vớt rêu chẵn lợn. Anh lấy lá gói kỹ mấy cái lông lợn ấy lại, giắt vào cặp quần. Đin xách *bằng* nước về nhà, vừa đi vừa ngâm nghĩ. Anh lẩm bầm nhắc lại câu nói của ông già: « ...Ta để cho con vài cái lông... nó sẽ cho con no ấm... »

..

Suốt đêm hôm ấy, Đin trằn trọc không sao ngủ được. Anh nhớ lại chuyện « thầy Tàu đề của » ở dưới vực sâu sông Ngâm mà anh đã được nhiều người kể lại. Chưa ai dám lặn mò tới vực đó. Theo người già truyền lại thì của ấy đề rất sâu, sâu tới ba bốn mươi sải, không ai dám lặn xuống; kẻ nào dám cả gan lặn xuống vực đó thì hoặc chết tươi ngay, hoặc có về được đến nhà thì cũng ốm mòn mà chết...

Nhưng ngày nay, Đin đã có mấy cái lông lợn làm bùa hộ mệnh thì có lặn xuống được không? Đin tin tưởng chắc chắn

minh sẽ lặn được tới tận đáy vực sâu đề mờ của. Rồi Đin nghĩ tới cuộc đời tươi đẹp mai sau khi đã có của. Anh sẽ dùng của ấy để tậu trâu, mua ruộng, làm nhà và... cưới Piai, con gái đẹp của ông Thôn Pèng mà bấy lâu anh vẫn thầm yêu trộm nhớ. Anh sẽ được đủ ăn đủ mặc như những người khác trong bản. Anh sẽ không bị bọn *quảng* khinh rẻ bắt nạt như ngày nay nữa...

Cái viễn ảnh của cuộc đời sung sướng ấy cứ lặn quẩn trong đầu óc Đin. Đin thấy thú thú êm êm và ngủ say lúc nào không biết.

Trời hửng sáng. Sương tháng Sáu nhuộm một màu hồng nhạt, bay từ các khe suối ra như những tấm lụa mỏng, đến quẩn quanh những sườn đồi núi. Đin vùng dậy. Anh xuống thẳng chuồng lợn, đổ vào máng cả một sọt khoai. Lên ăn vội bát cơm nguội lót dạ rồi Đin đeo dao quắm vào người và ra đi.

Men theo bờ sông Ngâm, Đin thẳng tới chỗ vực sâu mà người ta vẫn đồn là nơi đề của. Dòng nước cuồn cuộn trôi, vực xanh biếc sâu thăm thẳm kia quả thật vô cùng ghê rợn. Những kẻ yếu bóng vía thì chỉ nhìn cũng đủ rùng mình. Nhưng tin ở bùa hộ mệnh, Đin nhất định vượt tất cả. Đin mạnh bạo thực hiện ý định của mình. Anh giở bọc lấy mấy cái lông lợn giắt vào hai lỗ mũi, cởi quần áo, rồi nhảy ùm xuống nước.

Đin lặn một hơi dài. Dòng nước trong vắt, mát rượi làm Đin vô cùng dễ chịu. Đin bơi, Đin nhìn, Đin tìm nơi đề của. Nhưng Đin không thấy gì lạ ở dưới lòng sông ngoài những bụi rêu xanh rậm rì, những con cá lạ to bằng con lợn. Đin thần thờ, nghi hoặc...

Bỗng, một ánh lửa thấp thoáng đằng xa dọi tới làm Đin kinh ngạc. « Ở đáy vực sâu này lại có đèn sao? Có lẽ đèn của Long Vương chăng? »... Đin ngừng lại, nhìn kỹ, rồi cương quyết đến tận nơi để xem. Đin nhoai khỏe hơn, gập quăng nước xiết, người Đin cứ lao veo veo, Đin càng tiến nhanh tới gần thì ánh lửa càng thêm sáng, ngọn lửa càng to hơn. Dòng nước cứ đưa mạnh Đin đi. Bỗng Đin hoa cả mắt, cơ hồ nhìn không thấy gì nữa : một khối ánh sáng chói như ánh mặt trời buổi đang trưa

đập vào mắt *Đin*. *Đin* phải vịn vào một tảng đá lớn, đứng lặng một lúc lâu mới mở được mắt và mới quen dần với ánh sáng kỳ lạ ấy.

Ánh sáng ấy toát ra từ một con ngựa, ối chao ôi! một con ngựa, một con ngựa vàng!

Đin dụi mắt định thần rồi mon men lại gần con ngựa. *Đin* rụt người, từ xa với tay tới nắm và lắc thử một chân trước con ngựa. *Đin* lắc một chân, rồi lắc cả hai chân trước nhưng hai chân ngựa chắc nịch không hề lay chuyển mặc dầu *Đin* đã vận dụng hết mười « con sức » rất khỏe của mình.

Đin mệt nhoài và bắt đầu thấy bụng đói như cào. *Đin* nghĩ có lẽ phải trở về ăn cơm và cho đòi lợn ăn kéo nó đói thì tội nghiệp. Nhưng, chả nhẽ lại trở về tay không! *Đin* lần đi xung quanh con ngựa, xem lại một lượt để biết rõ là con ngựa như thế nào? *Đin* đến phía đuôi ngựa, thấy ở gần chân sau có cả một đống phân ngựa. *Đin* cúi nhặt hai nắm.

Vừa mệt, vừa đói, vừa mang hai nắm phân ngựa trong tay, *Đin* không thể bơi xa được. *Đin* phải đạp rất mạnh để ngoi lên ngay giữa vực sâu. Lên bờ, *Đin* nhìn lại những cục phân ngựa thì đấy toàn là những hòn vàng tròn trĩnh sáng loáng và nặng trĩu...

Đin vội trở về. Từ ngày được những hòn vàng ấy, *Đin* làm nhà, mua ruộng, tậu trâu và thực hiện cái mộng cưới *Piai* về làm vợ.



Hai vợ chồng *Đin* chịu khó, cần cù thức khuya dậy sớm làm ăn nên mỗi ngày một khá. Đời sống càng ngày càng dễ chịu hơn lên.

Tin *Đin* « phát hoạnh tài » (1) đến tai bọn *quảng* trong bản. Chúng sai thủ hạ gọi *Đin* đến hỏi có sao lại chóng giàu như vậy. Lúc đầu, *Đin* còn cố giấu nhưng sau bọn chúng dùng hết lời đe dọa và vu cho *Đin* là đi ăn cướp thì *Đin* đành phải

1 — Phát tài, trở nên giàu có một cách bất ngờ và nhanh chóng.

nói thật. Nhưng Đin chỉ nói thật một phần, Đin không dả động đến mấy cái lông lợn thần bí kia.

Bọn *quảng* bàn bạc với nhau rất lâu rồi cuối cùng chúng phong cho Đin chức *khán lâm* và bắt buộc Đin mỗi tháng ba lần đi lấy phân ngựa vàng nộp cho chúng. Mỗi lần, Đin phải nộp cho lão chánh mười cục, lão lý tám cục, lão phó sáu cục và lão *mã phải* bốn cục.

Từ đó, đều đều tháng ba lần, trong cả một năm, tròn mùa hè nồng nực cũng như mùa đông rét buốt thấu xương, Đin phải lặn xuống vực sâu mò vàng cho chúng.

Được vàng, bọn *quảng* đã giàu lại giàu thêm. Nhưng, lòng tham của chúng thật là không đáy. Chúng lại thay đổi kỳ hạn và mỗi lần nộp vàng Đin phải nộp nhiều gấp đôi trước. Thế là hàng ngày Đin phải đi lấy vàng, mất cả thì giờ làm ăn. Công việc ruộng vườn đồng áng đều giao phó cả cho người vợ trẻ tuổi và ông bố vợ già nua. Cảnh túng thiếu lại dần dần đến với vợ chồng Đin.

..

Kể từ ngày Đin phải nộp vàng, tính đến nay đã qua hai cái Tết. Một hôm, bốn thằng trong bọn *quảng* bàn bạc với nhau : « Lấy vàng thế này mãi thì rất chậm và cũng không tiện. Hơn nữa đề con ngựa vàng ở đáy sông, nhờ có ai biết, nhất là bọn quan trên biết, thì đến mất cả. Chi bằng ta nghĩ cách lấy quách nó về đề ở nhà ông chánh, ta muốn lấy lúc nào cũng được. Như thế con ngựa sẽ vĩnh viễn là của ta, không sợ đi đâu mất nữa... »

Chúng bèn gọi Đin đến, đem ý định của chúng nói cho Đin biết và bàn cách đi lấy con ngựa quý ấy.

Đin thấy làm được như vậy thì cũng đỡ khó nhọc cho mình. Nếu đem được ngựa về, anh sẽ có thì giờ giúp vợ trông nom nương rẫy. Đin liền đồng ý làm theo lời bàn của chúng.

Lão chánh chọn được ngày lành tháng tốt và cau một đêm chè chén lu bù, thuốc sái say sưa ở nhà lão *mã phải*, từ canh hai, chúng đã bắt Đin dẫn chúng ra đi. Để công việc được kín đáo, cả bốn tên đều không đem theo đầy tớ.

Đến chỗ định làm việc thì trời đã tang tảng sáng.

Chúng giao cho Đin một chiếc búa to, một thanh ba minh (1), một cái sọt bằng song đan rất chắc. Chúng giữ một đầu dây thừng, còn đầu kia thì chúng buộc vào sọt thả xuống theo Đin. Chúng dẫn đi dẫn lại Đin rất kỹ lưỡng:

— Được ngựa rồi mày phải bỏ vào sọt ngay và giật dây thừng báo hiệu để chúng tao biết mà kéo lên. Nhớ nhặt hết những cục vàng tròn nhé!

Đin lặn thẳng một mạch đến chỗ ngựa vàng. Anh bắt tay ngay vào việc. Trước hết anh đục đá ở hai chân trước của con ngựa. Trời! Đá rắn làm sao! Vừa cầm búa đập nhát đầu tiên, Đin đã thấy tê buốt cả một bên người. Nhưng Đin cũng cố đục để lấy kỳ được con ngựa về cho chúng. Anh nghĩ thầm: « Khó nhọc lần cuối cùng này nữa thôi! »

Quá trưa, Đin mới đục được hai chân trước. Mệt quá, Đin thở hổn hển; anh phải đứng tựa vào tảng đá nghỉ ngơi một lúc lâu để lấy lại sức. Rồi, Đin lượn vòng ra đằng sau đít ngựa. Anh vừa cầm chiếc ba minh lùa vào dưới móng ngựa thì « phập » một cái, con ngựa vàng đã giơ chân đá thẳng vào ngực Đin. Đin chỉ kịp « hự » một tiếng là đã ngã ngửa người, bất tỉnh nhân sự. Dòng nước trong vắt đưa anh trôi về phía hạ lưu.

Mặt trời đã đứng đỉnh đầu, bọn lão chánh vẫn chưa thấy động tĩnh gì. Chúng sốt ruột, thở dài nhìn nhau. Bỗng tên *mã phải* khẽ nói vào tai lão phó:

— Để tôi xuống xem mới được. Không khéo thằng khố rách áo ôm ấy đã lấy được ngựa và chuồn đi mất rồi!

Vừa dứt lời, nó đã đứng dậy, toan cởi quần áo để nhảy xuống sông.

— Không được! Không được! Anh không biết nước ở đây sâu hàng mấy chục sải à? Hạng anh xuống chỉ có chết!

Lão phó vừa nói vừa ghì vai tên *mã phải* bắt nó ngồi xuống. Nhưng tên này nhất định không nghe. Lão phó cũng đành đứng dậy và lăm lăm bỏ nhào xuống vực.

1 — *Ba minh*: một loại đinh ba.

Thấy vậy, lão lý vội quăng điếu thuốc đang hút dở, hùng hổ đứng lên :

— Các chú bơi lặn có ra cái quái gì ! Để tôi xuống trước ! Vừa buông lời, lão lao ngay xuống vực. Ba tên kia không kịp giữ lại, nhón nhác nhìn nhau.

Nhưng rồi, lão chánh đã hốt hoảng dậm chân thét lớn :

— Chết, chết ! Thằng Lý mà vớ được thì nó lấy cả mất !

Và lấy sức gạt phăng *mã phải* và lão phò ra hai bên, lão chánh quăng mình xuống vực theo lão lý.

Hai tên kia thấy vậy cũng kêu lên :

— Hồng hết ! Hồng hết ! Họ sẽ lấy hết, chẳng đến lượt mình đâu. Phí cả công lao châu chực từ sáng sớm ! Phí cả công phục dịch từ tối hôm qua ! Ta cũng phải xuống theo mới xong.

Cả hai thằng cùng phóng người xuống vực sâu.

Việc xảy ra nhanh quá, dân làng không ai biết gì. Ngay cả Đin cũng không biết. Chỉ có núi rừng âm u và những thác nước réo ầm ầm là biết câu chuyện bí mật ấy.



Đin không chết. Bị ngựa đá vào ngực, anh điếng người, ngất đi. Dòng nước đưa anh về phía dưới. Đin bị mắc vào một cành cây ngâm mình dưới nước và dần dần hồi tỉnh. Đin lóp ngóp bò vào bờ. Sợ bốn thằng cường hào bắt tội, Đin không dám về nhà. Đin lẩn vào rừng nghe ngóng. Được tin dân bản tán xà xì xào về chuyện bốn con một đàn tự nhiên mất tích, Đin biết chắc chắn rằng « thần giữ cửa » ở vực sâu sông Ngâm đã bắt bốn đứa tham tàn ấy phải đền tội.

Sung sướng quá, Đin về bản. Anh được tự do, ngày ngày cùng vợ con làm ruộng, cuốc nương. Đời sống dần dần trở nên tươi vui, no ấm.

HOÀNG QUYẾT
sưu tầm và biên soạn

Dân tộc THÁI •

THẦN SẮT

Xưa có anh nông dân một mình sống ở cái lều ven rừng. Anh không có một tác sắt nên làm ăn rất vất vả. Anh chặt củi bằng đá, đẽo cây bằng gỗ, đào hố tra bấp bằng đầu que. Khổ sở hết chỗ nói, thế mà nghèo vẫn hoàn nghèo.

Anh khổ quá nên người xấu xí đến nỗi con gái thấy anh không thèm nhìn mặt, trẻ con thấy anh vội chạy đi xa, người già thấy anh chỉ biết ôm mặt khóc.

Còn anh, chỉ biết than thở một mình. Chim muông, thú vật thấy cảnh khổ của anh sợ lây sang mình rồi cũng bỏ đi chỗ khác. Khu rừng đã hoang vắng lại càng hoang vắng thêm. Đến con suối róc rách bên lưng núi cũng không nói với anh những tiếng an ủi mà cứ lặng lẽ trôi xuôi.

Một hôm anh nằm mơ thấy but hiện lên bảo :

— « Ngày mai con ra cửa thấy có ba người cưỡi ba con ngựa vào xin ngủ trọ thì con cứ cho, đừng ngại gì nhà chật ».

Quả nhiên, chiều hôm sau, anh thấy một người ruổi ngựa đi qua. Người đó mặc áo trắng tinh, cưỡi con ngựa cũng trắng. Ánh bạc tỏa ra lạnh toát. Người đó dừng ngựa trước lều hoạnh hộc : « Nhà người có chỗ cho tao trọ. Mau thu xếp cho tao ! » Anh ngược nhìn nói : « Lều rách của tôi không có chỗ xứng đáng nên xin ngài đi nơi khác ».

Lúc sau, anh lại thấy một người toàn thân giát vàng chói lọi, cưỡi một con ngựa vàng, ì ạch ra dáng bệ vệ đi tới. Hơi vàng làm mây đen kéo đến đằng trước, khi núi lạnh tỏa ra sau nhà, anh sợ quá cũng từ chối không cho vào.

* Xem chú thích ở trang 39.

Chiều đến lúc trăng gần lên, anh thấy một người toàn thân đen, xấu xí nhưng khỏe mạnh, cưỡi con ngựa cũng đen và to lớn lại đến xin trọ.

Vùng trời ráng hồng đỏ ửng, gió mát thổi lửa hương thơm của núi rừng tới, chim đậu nóc nhà riu rít. Suối chảy mạnh nhảy chồm lên tảng đá như nói: « Mách anh, mách anh cho người nghỉ trọ ».

Anh nông dân tự trong lòng mình thấy vui bèn ưng ý.

Nhưng lạ quá sớm hôm sau đây, anh không thấy người đó và con ngựa đâu cả, mà chỉ thấy ở chỗ ngủ có một cục sắt đen sì.

Anh mới ngẫm nghĩ đoán rằng hai người đến trước có lẽ là thần bạc, thần vàng. Anh nghĩ tiêng tiếc, nhưng con chim sau nhà hót: « Chả tiếc, chả tiếc » và con thú đầu ngõ kêu: « Cục sắt quý quý, cục sắt quý quý ».

Anh liền lấy cục sắt mang ra làm cày, làm cuốc, khai phá ruộng nương. Mùa đến, những thảm lúa vàng óng ánh hiện ra. Trên mâm cơm anh ăn những hạt gạo ngọc.

Từ đó, nhờ có sắt và làm ăn chăm chỉ, đời sống của anh khá dần lên.

Con gái đi qua nhìn anh vui vẻ, trẻ con thấy anh tiu tít bám xung quanh, người già thấy anh đều mừng rỡ. Chim chóc thấy anh ca hát liu lo, muông thú thấy anh nô đùa trong nắng, và con suối trong rừng kia cũng ngày đêm reo mừng như cuộn thác.

CẨM NGỌC VẠN sưu tầm
VIỆT TÂN biên soạn

GIÀ CÚ VÀ HOÃNG

Một buổi chiều, Hoảng thung dung đi kiếm ăn. Nó leo đèo lội suối, tới bãi hoang nọ đợi lật quả cóc (1). Nhưng không có gió to, quả cóc không rụng. Hoảng chỉ nhìn cóc trên cành mà thèm. Hoảng cất bước chán ngán trở về. Chợt có tiếng bảo:

1 — Cóc: một thứ quả hoảng rất hay ăn.

— Chớ vội bác Hoẵng!

À! Té ra già Cú gọi. Hoẵng liền hỏi:

— Bác gọi tôi ư?

— Phải, bác có muốn ăn cóc không?

— Có chứ!

Cú ưỡn bụng ra, mắt lim dim ngái ngủ:

— Chà, tôi ăn no quá, không muốn cất bước nữa. Giá bác đến sớm tôi đã hái cho vài quả.

Kỳ thực nó chẳng muốn cho anh chàng Hoẵng này đến ăn tranh phần. Nó muốn cả quả trên cây, cả quả dưới đất, nên tìm cách đuổi khéo anh Hoẵng. Làm ra vẻ thân mật, Cú nói:

— Bác hãy đi kiếm ăn nơi khác. Sáng mai bác lại đây thật sớm, tôi sẽ rung cành cho cóc rụng. Đến từ lúc tôi kêu « *kết cóc! kết cóc!* » (1).

Hoẵng cảm ơn Cú rồi ra đi, mừng thầm ngày mai được bữa no.

Bóng tối chưa tan, sương sớm còn lạnh vô cùng, mọi vật còn ngủ say cả, Cú đã cất tiếng « *kết cóc! kết cóc!* » liền một thôi.

Hoẵng sợ tỉnh, vội vàng ba chân bốn cẳng chạy tới. Bông sương lơ mờ, gió lạnh rung cành lau cành sậy... Tiếng Cú vẫn đồ dờn. Hoẵng đã đến nơi, còn đang ngờ ngác, thì bỗng Cú đổi giọng « *hók sục! hók sục!* » (2) mà cứ thế kêu một hồi.

Hoẵng tái người, cảm cồ lao mình chạy trốn. Hoẵng vấp ngã và làm đổ cây Vừng đen. Hạt vừng vãi tung tóe, bắn vào mắt gà rừng kiếm ăn cạnh đó. Gà bị bụi mắt, cào bới tứ tung, bới phải tổ kiến. Kiến vỡ tổ, chạy loạn xạ, đốt căn lung tung. Chú sóc đang ăn bị chàm túi bụi. Sóc bị đốt, kêu la ầm ỹ và cũng cần quàng xiên, cần đứt cả dây Bì đao quả bằng cái bờ rơi phịch xuống sông trâu đang gặm cỏ. Trâu vừa đau vừa hoảng, ngiếch sừng lên chạy, chạy qua suối, chẳng may dẫm

1 — *Kết cóc* : nhặt cóc.

2 — *Hók sục* : dáo dăm dáo chọc. Những tiếng « *kếp cóc* » « *hók sục* » nghe gần như tiếng cú kêu. Người ta gán luôn ý nghĩa đó cho cú.

phải nàng Cua nên lưng Cua có vết chân trâu từ đấy. Nàng Cua suýt chết hẹp, lấy làm căm lắm, chuyển này Cua quyết lên *Then* (1) kiện.

Then mở tòa xử kiện. Gọi Trâu lên, Trâu nói :

— Tại Bí đao làm tôi đau quá, giật mình tôi chạy bạt mạng.

Gọi Bí lên, Bí há miệng nứt nẻ thưa :

— Chính Sóc đã cắn đứt cuống tôi, nên tôi bị thương thế này.

Đến lượt Sóc nói :

— Kiến đốt tôi đau quá, tôi cắn lung tung.

Then bực mình :

— Chà ! Chúng mày loạn thực ! Vậy cái Kiến đâu ?

Kiến lên, *Then* quát :

— Sao mày đốt Sóc ?

— Tổ chúng tôi bị Gà phá, ức quá chúng tôi làm càn.

Gà lại thưa :

— Tại Vừng bắn vào mắt tôi.

Vừng khai :

— Không phải tôi muốn thế, tại Hoẵng đề giập người tôi !

Hoẵng được gọi lên. Hoẵng thông thả bước vào :

— Già Cú tai ác đánh lừa tôi. Nó gọi tôi đến lật cóc, rồi nó hô người lấy dao đâm. Trong lúc hoảng sợ chạy trốn, tôi vấp phải bác Vừng.

Then nói :

— À ! Thế là mọi việc đều tại Cú.

Cú già bị trời dẫn đến phơi bộ mặt gian ác, tham lam hại bạn, nó đã phải nhận hình phạt thích đáng. Còn các bạn rừng từ đó hiểu nhau lại sống hòa thuận vui vẻ.

Các bạn xem mắt Cú bị đóng danh nên mới vàng khè. Cỏ bị bẻ cho nên lúc nào cũng lệch. Cú không dám đi kiếm ăn ban ngày là vì xấu hổ với chúng bạn.

LÊ VIẾT THANH sưu tầm
CẨM CƯỜNG biên soạn

TÌNH ANH EM

Thời trước có hai anh em, cha mẹ mất sớm, sống với nhau rất êm ấm. Hai người làm việc chung với nhau và ăn ở cùng một nhà.

Nhưng đến khi lấy vợ, người anh dần dần thay đổi tính nết. Anh ta muốn làm giàu riêng cho mình nên đối đãi với em càng ngày càng lạnh nhạt.

Năm ấy, vì hai anh em chịu khó cày cấy, bón phân nên lúa rất tốt. Sắp đến mùa gặt, sợ em lấy mất phần nên người anh vội vàng tìm cách chia gia tài cho em ra ở riêng. Anh ta chiếm nhiều ruộng tốt, chỉ cho em một ít ruộng xấu. Người em phải ra cuối đồi dựng một túp lều để ở. Từ đó, người anh trở nên giàu có và người em càng ngày càng túng thiếu.

Sợ em hay đến xin xỏ cứu giúp, người anh luôn luôn tránh mặt. Thấy em lên đầu *bản*, thì anh ta xuống cuối *bản*. Ở trong *bản*, anh chỉ thích chơi với nhà giàu, kết nghĩa anh em với một người trong bọn. Mỗi khi bắt được con cá, con lươn, săn được con hươu, con nai, anh đều mời họ đến ăn mà tuyệt nhiên không bao giờ gọi đến em. Trái lại, khi gặp ngày mùa bận rộn hay có việc gì cần cấp, anh mới tìm em để đỡ tốn tiền thuê người làm. Em tuy nghèo nhưng lần nào cũng vui vẻ đến giúp.

Người chị dâu thấy thế động lòng thương, chị bèn khuyên chồng nên đối đãi với em tử tế. Nhưng người anh vẫn nghĩ rằng chơi với người giàu là phải và không tin em tốt bằng bạn.

Một hôm anh vào rừng bắn được một con nai rất lớn. Anh định gọi bạn đi khiêng về cùng ăn chứ không gọi em. Người vợ thấy thế bèn bàn mưu với chồng thử xem bạn tốt hay em tốt. Nghe theo lời vợ bàn, đến nhà bạn, anh làm ra vẻ hoảng hốt :

— Tôi đi săn chẳng may bắn trúng một người. Bây giờ làm thế nào, anh giúp tôi với.

Bạn lắc đầu thở dài, trả lời gọn lỏn :

— Trời mưa, rãnh nhà ai nhà ấy xê !

Người anh lại đến nhà em, cũng làm ra vẻ hoảng hốt :

— Anh đi săn chẳng may bắn trúng một người. Bây giờ làm thế nào, em giúp anh với.

Người em lo lắng, nghĩ một lúc rồi an ủi anh :

— Đã trót bắn chết thì khiêng về làm ma vậy. Rồi anh em ta cùng nhau thu xếp tiền và xin lỗi gia đình họ chứ biết làm thế nào.

Lúc bấy giờ người anh mới tỉnh ngộ, nói thật chuyện và rủ em đi lấy nai. Khi khiêng nai ở rừng về qua nhà bạn, hai người cố ý để đuôi nai cọ vào vách và kêu sần sạt. Người bạn đang ăn cơm nghe động chạy ra xem. Khi nhìn thấy không phải khênh người chết mà là một con nai to tướng, anh ta đỡ người ra tiếc rẻ :

— Thế mà anh lại bảo là người thì ai biết đâu mà giúp anh được.

Người anh bấy giờ đáp :

— Thôi, chào bạn ! Mưa rơi nhà tôi, anh em tôi xẻ rãnh lấy vậy !

Từ đấy hai anh em trở lại sống cùng nhau, yêu thương đậm ấm.

*LUƠNG VĂN CHỜNG sưu tầm
BẾ NHẬT DIỆU biên soạn*

GIẾT QUỶ

Xưa có một con quỷ hung ác chuyên ăn thịt người có bốn cái mồm và năm cái mũi. Người ta gọi nó là quỷ Bốn-mồm-năm-mũi (*Sí-pá-hả-lăng*). Trước có anh Voi Con thấy nó ác quá, đã đến đánh nó, quăng nó xuống ao. Nhưng bốn cái mồm của nó há ra uống cạn nước ao. Anh Voi Con đi khỏi, nó lại bò lên, năm cái mũi tuôn đầy nước ao như cũ.

Nó ăn thịt không biết bao nhiêu là người. Cả vùng tang tóc, bỏ cả làm lung, bỏ cả lấy vợ lấy chồng. Đến phiên anh Khó nộp mạng — « Khó » nghĩa là khổ, nghèo — mẹ anh muốn đi chết thay anh, nhưng anh không chịu. Hai mẹ con cùng khóc. Sau, anh Khó nói :

— Sống thì sống cả, chết thì chết hết. Tôi phải đi giết nó!

Rồi Khó ra ngồi ở ngã ba đường, cầm một con dao dài, hì hục mài, mài mãi. Người qua lại tò mò hỏi, anh đáp:

— Tôi mài dao cho sắc để đi giết Bốn-mồm-năm-mũi. Ai không sợ chết theo tôi!

Ai cũng ngẩn ra một lúc rồi lảng đi, lắc đầu thờ dài. Khó không nản chí, vẫn ngồi kiên nhẫn mài dao.

Bữa kia, có vua Ốt đến. Vua Ốt đội mũ xanh, mặc áo đỏ. Sau khi nghe Ốt hỏi, Khó cũng đáp như trên. Mời đầu Ốt cười, sau Ốt lại buồn vì không có tài cán gì. Cuối cùng vua Ốt nhận lời Khó, hăng hái chạy đi rủ thêm bạn hữu.

Rồi đến chúa Ong. Chúa Ong hỏi, Khó cũng đáp như trên. Chúa Ong ngẫm nghĩ rồi cũng vẫy hai tay áo, chạy đi làm theo lời Khó dặn.

Vua Ốt và chúa Ong đi, rồi về, mỗi người rủ được một bạn. Một là vua Rêu mặc quần áo xanh. Một nữa là vua Rắn mặc quần áo đen sọc trắng. Vừa bắt đầu bàn việc thì lại thấy vua Bí và vua Rùa bò đến xin nhập bọn, theo sau hai vua là chàng Cáo và chàng Khi. Ai cũng ghê thẳng quỷ hung dữ nhưng cũng lại tin ở sức đông người. Chỉ có chàng Khi hèn kém, cười nói ba hoa một lúc rồi bỏ các bạn, chạy mất.

Anh Khó hỏi Cáo có tài gì tài nhất. Cáo đáp có tài bắt gà tài nhất. Khó bèn dặn mỗi người một câu rồi cả bọn tản đi, hẹn lúc nào gà gáy một lần thì khởi sự.

Đêm ấy Bốn-mồm-năm-mũi đi ngủ sớm, ngáy vang ầm lên, chắc mắt tỉnh giấc sẽ được ăn thịt anh Khó. Các vua người nào người ấy lặng lẽ đem quân vào nhà quý. Gà gáy một lần, Cáo theo lời anh Khó dặn, nhảy ngay vào chuồng gà nhà quý, bắt gà kêu quang quác. Quý tỉnh giấc, giận lắm, định chạy xuống bắt sống Cáo.

Nhưng lệ của nó, mở mắt ra là đã phải ăn ngay rồi làm gì mời làm. Nó thò tay vào chỗ xoi bốc một nắm. Dè dàu, vua quân Rắn đã mai phục bên trong, ngóng đầu đợp luôn và quẩn lấy tay nó, giữ lại. Hoảng sợ, nó giật phắt tay ra, chạy lại gác bếp tìm bụi nhùi và đá đánh lửa. Bất đồ vua quân Ốt đã đợi

sẵn, tung bột ột vào đầy mắt nó. Nó bưng mắt, sờ soạng cúi xuống thối lửa. Vừa ghé mồm xuống thì vua quân Rùa đã nhất loạt thò cổ phun phì phì ngay giữa lòng bếp. Không hiểu đầu đuôi ra sao, quý bèn soài chân chạy ra cửa. Vua Bì hạ lệnh. Hàng ngàn quân Bì tới tập từ mái nhà lăn xuống đầu nó. Nó nhoài ra sân *ảng*, ngửa mặt hỏi trời xem muốn cho nó sống hay chết. Vua quân Ong sà xuống đốt sừng vù cả mặt mũi nó. Nó hoang mang không biết ai đánh nó mà tài giỏi thế bèn thét lên « Không ở được rồi! » và tìm đường chạy. Nhưng vừa đặt chân xuống thang thì nó đã kêu « ới » lên một tiếng, ngã lộn xuống đất. Thì ra vua quân Rêu đã yên lặng nằm sẵn trên các bậc thang, đợi đúng dịp là cùng túm chân nó vắt xuống. Anh Khó xông đến vác dao băm luôn. Băm mỗi tay, rách áo mà vẫn chưa nát hết người nó. Máu quý chảy tràn trên mặt đất thành những giòng suối nhỏ đỏ ngầu.

Giết được quý rồi, vua quân Ong kéo đi rợp trời báo tin cho *bản mường* đầu đầu cũng biết mà mừng. Người và loài vật hươu nai, hồ báo, chim quạ, khỉ vượn đều kéo đoàn đi đón toán quân anh Khó. Hội vui mở suốt ngày suốt đêm không dứt.

MẠC PHI biên soạn

ANH VOI CON

Ở một vùng kia có bốn người rất khỏe. Họ quen nhau, thường hay săn bắn với nhau. Rồi tới một buổi săn nọ...

Ra khỏi đầu *bản*, họ thấy một bác đàn ông đang đóng cọc rào ruộng. Cọc còn đầy mấy bó mà bác ta đã thỏ phì phò, mồ hôi nhễ nhại, nện được mấy nhát vồ lại phải buông tay xuống nghỉ một lúc. Người đi đầu sốt sắng sẵn tay áo lên:

— Nào để tôi giúp một tay. Bác yếu thế đóng đến bao giờ mới xong mười bó cọc này?

Nói rồi làm luôn. Vồ chỉ có một chiếc. Anh ta chẳng cần vồ, cứ thoăn thoắt cầm suốt một lượt cọc rồi dùng trán bõ mỗi cọc một cái ngấp sâu xuống đất đến non nửa thước. Chỉ một

thoáng sau, bác đóng cọc không còn cọc đóng nữa. Từ đó, anh ta nổi tiếng là anh Đầu Sắt (*ải Hua Lếch*).

Lại gặp một con suối lũ, nước đỏ ngầu dâng lên cuồn cuộn. Dân vùng đánh trâu ra ruộng bị nghẽn lại không ai dám qua. Người thứ hai tiến lên trước người thứ nhất, vui vẻ hỏi han dân vùng rồi chau mày ra vẻ cũng lo lắng thay.

— Ủ, người đã vậy chứ cả đàn trâu chẳng lo bị lũ cuốn đi mất ư ?

Và anh ta nói to :

— Không sao, không sao, tôi đã có cách...

Thế là mỗi tay xách bỗng một con trâu, anh ta phăng phăng lội qua lội lại, chẳng mấy chốc đã đưa hết đàn trâu sang suối. Dân bản mừng rỡ :

— Ôi, người đầu mà khỏe, mà tốt vậy. Thật đúng là anh Trâu Mộng (*ải Quái Luông*). Từ đó, Trâu Mộng trở thành tên anh và anh cũng thích cái tên đó lắm.

Vào rừng, họ gặp hai mẹ con con gấu đang ăn mật ong. Gấu mẹ thích chí được bữa no nê, nhắm tịt cả hai mắt lại, móc được mật, quài tay đưa cho gấu con đứng đón ở đằng sau. Người thứ ba bèn vượt lên trước người thứ nhất và thứ hai. Anh ta rón rén lại gần và đỡ tay trên gấu con. Gấu con tức giận, kêu om lên. Gấu mẹ quay phắt lại, chồm hai tay định cào, không dè đã bị anh ta tóm luôn, nhấc bổng gấu lên quật vào gốc cây bình bịch. Gấu mẹ chết liền. Anh lại vờ tay quật chết nốt gấu con. Thật xứng đáng với cái tên anh Giết Gấu (*ải Khả Mi*) mà từ đó về sau người ta quen dùng để ca ngợi anh.

Bỗng đâu có một đàn voi âm âm xông tới, xéo nát cây cỏ, nát ruộng nương, qua đâu là tai hại đến đó. Bốn người đều giật chưa biết tinh sao thì người thứ tư thét to một tiếng, gạt ba người đi trước lui ra sau, một mình anh chạy lên chặn đàn voi lại. Hung hăng dẫn đầu là con voi đực ngà dài hai thước. Thấy người, nó rống rung chuyển cả đất, bỏ hai chân trước định tung vòi quật. Anh thứ tư thét một tiếng ra oai rồi vọt qua đầu voi, nhảy lên lưng voi, dùng hai tay bóp vào gáy voi ấn xuống. Hai bàn tay anh ghè gớm quá đến nỗi voi chưa rú

lên đau đớn, từ từ khuyu xuống và chết. Đàn voi xúm lại vây anh. Anh tùm con nọ lẳng vào con kia. Cả đàn ngã lỏng chổng, con gầy ngà, con què cẳng, chạy mất không bao giờ dám bén mảng đến vùng đó nữa. Dân làng biết ơn và bái phục anh. Ngay ba anh Đầu Sắt, Trâu Mộng, Giết Gấu khỏe như thế cũng phải khiếp cái sức lực của anh và rất kính anh về tấm lòng quả cảm hiếm có. Họ tôn anh làm anh cả và gọi anh là anh Voi Con (*ả Chạng Nọi*).

Từ buổi đi săn đó, Voi Con, Giết Gấu, Trâu Mộng, Đầu Sắt kết làm anh em, đối với nhau thân hơn ruột thịt. Voi Con xứng đáng làm anh cả vì chẳng những anh có sức lực hơn mà anh còn thông minh, tài trí hơn cả ba người kia gộp lại.

Bốn anh em thi nhau làm lưng, tối mắt tối mũi, suốt ngày suốt đêm. Dân bản còn thêm kính phục họ về cái nết chăm làm. Thường người ta hay nói « làm như Trâu Mộng, làm như Voi Con » hoặc « tay chân rắn như Đầu Sắt ». Và người ta cũng còn hay nói : « Òi chao ! Được sức khỏe như họ thì có biết mệt bao giờ ». Thực ra, bốn anh tuy khỏe nhưng cũng là người, cũng vẫn biết mệt. Một hôm Trâu Mộng đang làm bỗng thở dốc một hồi rồi hỏi cả bọn :

— Này lạ nhỉ, chúng mình làm mãi, làm mãi, mệt cũng không nghỉ, nghỉ chưa hết mệt đã làm, sao thóc gạo cứ đi đâu hết, chẳng bao giờ đủ ăn, khổ mãi thế này ?

Chẳng ai biết đáp sao, Voi Con cũng không trả lời, chỉ giục ba em cứ làm đi rồi đâu khắc có đó. Mấy hôm sau Voi Con rủ ba em đi đòi nợ nhà Chúa.

Chúa vừa tức vừa buồn cười, vừa lạ. Chúa cho gọi anh em Voi Con lên nhà và hỏi họ :

— Mày dám đòi nợ Chúa, thế là một tội đáng chết. Chúa không vay mày mà mày dám đòi nợ Chúa, thế là mười tội đáng chết. Giờ Chúa hỏi nhà chúng mày giàu có bằng nhà Chúa không mà Chúa phải vay và vay thì vay những gì ?

Chúa hỏi xong, cả Chúa lẫn bọn người hầu cận đều cười ngặt nghẽo. Voi Con nghiêm mặt bảo Chúa :

— Nhà tôi không giàu bằng nhà Chúa vì năm nào Chúa cũng vay nợ nhà tôi và nhà các anh em tôi... Nay Chúa nghe đây.

Đoạn anh tính cặn kẽ cho Chúa nghe mỗi năm anh nộp mất bao nhiêu thuế má, biếu xén mất bao nhiêu lợn gà v.v... Anh lại bảo những của cải thóc gạo đó chính là của anh, không phải của Chúa. Chúa lấy đi là Chúa vay nợ. Vay nợ thì phải trả nợ. Nợ mãi không trả thì phải đến đòi.

Chúa nổi giận, quát quân lính bắt bốn anh em Voi Con nhốt vào hầm sắt đợi ngày đem ra chợ giết. Hầm khoét vào thành núi, đây kín bằng một chiếc nắp sắt nặng không biết mấy trăm ngàn cân, chỉ biết mỗi lần đóng hay mở nắp là phải dùng đến hàng trăm người xúm lại vằn mới xuể. Đầu Sắt, Trâu Mộng và Giết Gấu định hè nhau đẩy nắp sắt ra nhưng nặng quá không đẩy nổi, Voi Con bảo ba em tránh ra rồi thỏ ba, bốn cái thật mạnh, co chân đạp thốc một cái. Chiếc nắp bật ra, bay lên trời rơi xuống đè nát một khu lâu Chúa.

Bốn anh em nhảy ra, bắt lấy Chúa dọa giết. Chúa van xin, rồi mở hết kho tàng, mặc sức bốn anh em muốn lấy bao nhiêu thì lấy, miễn là tha chết cho Chúa. Voi Con bảo :

— Chúng tao chỉ đòi đủ số nợ của chúng tao thôi. Còn những thức khác chúng tao không thèm lấy thừa.

Gia đình bốn anh em Voi Con thấy họ gánh thóc lúa gà vịt của nhà Chúa về, sợ quá run lên, kêu trời kêu đất âm ỉ. Chẳng những không mừng còn khóc lóc bảo họ thà giết bố giết mẹ đi còn hơn. Không lấy thóc gạo mà ăn cho khỏi đói còn đuổi họ đi nơi khác kéo Chúa hỏi tội. Và trách mãi trời đất đã gieo tai họa cho *mường bản*. Họ tức mình bỏ đi nơi khác, định tìm chỗ đất tốt phá ruộng phát nương làm ăn một mình vậy.

Nhưng được ít lâu, họ bỗng nghe tin Chúa đã bắt hết gia đình họ, lấy hết của cải thóc lúa của họ, phá hết nhà cửa họ, còn tìm họ để giết đi nữa. Voi Con tức tốc dắt ba em chạy tới lâu Chúa. Chúa cho quân ra cản. Nhưng sắt không bằng họ, trâu không bằng họ, đến voi họ cũng chỉ coi như đàn lợn cỏ, huống gì lũ quân lính ấy. Họ nắm Chúa lôi ra. Chúa lại van

xin thê thảm hơn lần trước nhưng họ không tha nữa vì Chúa còn mắc thêm tội sảo quỷ rất xấu. Họ cứu hết thân thuộc và mọi người bị Chúa bắt giam từ trước, lấy lại đủ số của cải rồi đem Chúa nhốt vào hầm sắt. Chúa khóc, Voi Con bảo :

— Sao sợ hầm sắt lại còn bắt người nhốt vào hầm sắt ?

Rồi anh đẩy kín nắp hầm lại...

Khi đó gia đình họ mới dám lấy thóc lúa đòi nợ nấu ăn. Dân *bản* càng thêm mến phục họ. Họ lại thi nhau làm lụng, thường rủ nhau săn bắn, chẳng mấy chốc họ đã sung túc no đủ và dân *bản* cũng được sung túc theo.

MẠC PHI biên soạn

*Dân tộc XÁ **

CHÀNG LÚ VÀ NÀNG ỦA

Hồi ấy, vua *Then* ở trên trời sinh được một nàng công chúa rất đẹp. Công chúa lớn lên, *Then* đâm ra phải lòng chinh con gái mình. Một hôm, *Then* định ép công chúa cùng *Then* làm điều xấu xa nhưng công chúa không chịu. Giận lắm, *Then* bèn nghĩ kế hành hạ công chúa, đẩy công chúa xuống trần, bắt mãi mãi phải chịu đau đớn.

Hồi ấy, dưới trần gian, ở Mường-sại thuộc châu Thuận-châu bây giờ, có hai vợ chồng người đứng đầu *mường* hiếm hoi, ước mãi mới đẻ sinh đôi được hai cô con gái, cô chị tên là Cẩm Sôm, cô em tên là Ngân Liếng. Hai chị em xinh đẹp, quần quít bên nhau, khi lớn lên được cha mẹ làm nhà riêng cho ở trên bờ sông Đà. Lúc ấy, cha mẹ hai cô đã già, chỉ mong sao kén được cho hai cô mỗi cô một người chồng thật hiền, thật giỏi.

Công chúa, con vua *Then*, bị đẩy xuống trần biến thành một quả sung chín thơm ngào ngạt. Một hôm, hai chị em Cẩm Sôm và Ngân Liếng xuống sông Đà tắm, bỗng ngửi thấy hương thơm sực nức rồi thấy một quả sung chín đỏ lửng lững trôi đến. Hai cô thích quá vớt lên rồi bửa đôi ra, chia nhau cùng ăn. Ăn xong, hai cô nghe thấy trong người đổi khác. Dần dần thành ra có mang. Cha mẹ hai cô biết rõ chuyện, một mặt lo sợ cho các con bị ma quỷ làm hại, một mặt đi kén rể ngay. Kén được hai chàng trai, một chàng bắt cá sông giỏi, một chàng săn thú rừng giỏi, tên là Khun Păng và Khun Pái. Khun Păng

* Xem chú thích ở trang 212.

lấy Cẩm Sôm, cô chị. Khun Pái lấy Ngân Liếng, cô em. Hai cô tuy lấy chồng nhưng vẫn quấn quít thương yêu nhau như khi còn con gái. Đến kỳ sinh nở, hai cô cùng hẹn nhau, hễ một bên đẻ con trai, một bên đẻ con gái, thì sẽ cho chúng nó thành vợ chồng với nhau.

Cẩm Sôm đẻ được con trai, đó là chàng Lú.

Ngân Liếng đẻ được con gái, đó là nàng Ủa.

Lú thì khỏe mạnh. Ủa thì xinh đẹp, mềm mại. Hai đứa trẻ quấn quít với nhau chẳng khác gì Cẩm Sôm và Ngân Liếng hồi nhỏ. Khi ăn, khi chơi, khi vào rừng hái rau, dẫn củi, chàng Lú và nàng Ủa săn sóc nhau, nhường nhịn lẫn nhau. Lớn lên, Lú và Ủa yêu nhau.

Ông ngoại của Lú và Ủa già lắm rồi, mới gọi hai chàng rể đến đề chia đất cho. Bố mẹ chàng Lú được phần *mường* gốc. Bố mẹ nàng Ủa được phần *mường* ngọn. Khi chia tay nhau để đi theo bố mẹ, Lú và Ủa đau đớn lắm, thề với nhau sống chết không rời nhau, quên nhau. Tuy thế, mỗi tình của Lú và Ủa cũng chưa gặp trở ngại gì, họ vẫn được tự do đi lại thăm nhau.

Khi ấy, bên cạnh *mường* nàng Ủa, có một *mường* lớn khác. Người cầm đầu *mường* ấy tên là Khun Chai. Khun Chai nghe tiếng đồn nàng Ủa đẹp lắm, không ai đẹp bằng, thì nảy ra ước muốn lấy Ủa làm vợ. Khun Chai cho người hầu đeo gươm sang *mường* nàng Ủa cầu hôn.

Ngân Liếng, mẹ nàng Ủa, thương con, thương cháu, vẫn nhớ lời hẹn với chị Cẩm Sôm là hễ một bên đẻ con trai, một bên đẻ con gái thì lớn lên sẽ cho chúng nó được thành vợ chồng. Nhưng bố nàng Ủa là Khun Pái thì lo sợ. Vì Khun Chai là người cầm đầu *mường*, nhiều người, nhiều quân lính, lại giàu có, sinh lễ mang cho toàn là châu với báu, ngọc với ngà. Không nhận lời Khun Chai thì phải đánh nhau với Khun Chai và sẽ bị thua mất. Thế là cả bố và mẹ nàng Ủa cuối cùng đều nhận lời gả nàng Ủa cho Khun Chai vậy.

Nàng Ủa biết tin, bèn khóc to lên rồi ngã vật xuống, chết ngất. Bố mẹ lay gọi thế nào cũng không tỉnh lại. Lúc ấy, có một đàn quạ vàng bay qua. Sực nhớ tới chàng Lú, mẹ nàng Ủa bèn ngửa mặt lên nhờ đàn quạ bay đi gọi Lú tới ngay cứu Ủa.

Đàn qua bay đến báo, Lú cảm ơn đàn qua rồi chạy bay ra đồng tìm ngựa. Được ngựa, không cần yên cương, Lú cứ thế phóng thẳng sang *mường* nàng Ủa vượt qua rừng cây, đèo cao, khe sâu. Giữa đường, ngựa đứt hơi chết. Lú cứ thế chạy bộ. Đến một khoảng rừng già, Lú gặp một toán đi săn. Chẳng hỏi nửa câu, Lú nhắc người đi săn bỏ xuống đất rồi nhảy lên ngựa người đó đang cưỡi, tiếp tục phóng đi.

Tới nơi, Lú quỳ xuống hà hơi cho Ủa và cất tiếng gọi. Ai gọi Ủa cũng không tỉnh, nhưng Lú gọi một tiếng là Ủa tỉnh ngay. Ủa hãy còn yếu, Lú được ở lại săn sóc Ủa. Hai người nhân cơ hội, ngày ngày cùng rong chơi, ca hát, tình nghĩa thấm thiết còn hơn vợ chồng.

Theo phong tục, con gái lớn được cha mẹ cất nhà cho ở riêng. Một hôm, Ngân Liếng sang thăm con gái vào lúc vừa sáng rõ. Dè dàu bắt gặp chàng Lú và nàng Ủa ngủ muộn chưa dậy. Nghe tiếng mẹ hỏi, Ủa nói dối — « Vì hôm qua trót ăn gạo nương trộn lẫn gạo ruộng nên mọc thêm chân ». Ngân Liếng lật chần lên, gọi chồng đến, chửi mắng chàng Lú và đuổi Lú đi, cấm không cho sang nữa.

Từ đó, nàng Ủa bị bố giam ở trong nhà. Khun Chai cũng cho kẻ hầu gái sang canh gác thêm và gấp rút sửa soạn lễ cưới. Bọn hầu gái nhà Khun Chai tinh ranh, ngày đêm hầu hạ nàng Ủa chu đáo đến nỗi Ủa không lúc nào lánh được mặt chúng. Ngày cưới càng gần, Ủa càng gầy vồ, héo hon. Nàng nghĩ chỉ có tự tử mới thoát được tay Khun Chai. Một đêm khuya, Ủa vờ ngủ say, làm rơi gối xuống gầm sàn. Nàng rón rén xuống nhặt gối và trốn biệt vào rừng già. Trời sắp sáng, Ủa càng bối rối. Nàng vồ vào một cây tùng cao vút than thở:

— Cây tùng! Cây tùng! Cây tùng thương tôi thì ngã xuống cho tôi tự tử tít trên ngọn cây, khi nào chàng Lú đến, cây tùng hãy thả tôi xuống.

Cây tùng nghe lời Ủa, từ từ ngã xuống đón nàng Ủa lên. Trước khi thắt cổ tự tử, Ủa còn cầu xin sau khi chết hãy cho giữ nguyên vẻ mặt lúc sống để chàng Lú trông thấy khỏi kinh hãi.

Cây tùng lại dựng thẳng lên. Nàng Ủa tự tử giữa mùa đàn nhạn bay về. Đàn nhạn nhìn thấy Ủa chết, bay vội đến báo tin cho Lú. Lú như điên dại, nhờ chim dẫn đường tìm đến khu rừng già nọ.

Bấy giờ bố mẹ nàng Ủa cũng cuống quit tìm con. Cả một khu rừng chỉ có một cây tùng cao này thôi. Biết là Ủa tự tử trên đó nhưng cây cao, chẳng ai trèo lên được. Mọi người chỉ biết đứng dưới nhìn lên.

Chàng Lú đến, hai tay vỗ vào thân cây, xin trả xác Ủa cho Lú. Cây tùng từ từ ngã xuống. Ủa chết, mặt vẫn hồng hào tươi đẹp như lúc sống, hơn nữa, lại có hương thơm ngan ngát cả một vùng. Người *mường* nàng Ủa cho là tại Lú mà Ủa chết, nên tức giận, giơ chày, giơ gậy, nhặt đá ném vào mặt Lú. Lú không biết đau, chỉ biết khổ vì Ủa chết. Chàng ôm xác Ủa than vãn, oán trách rất thảm thiết, ai nghe cũng động lòng. Mọi người hạ gậy gộc, vũ khí xuống, để im cho Lú khóc than. Theo truyền thuyết, thì hiện nay mộ nàng Ủa còn di tích trên cánh đồng Nà-it (Mường-sại). Dân địa phương gọi là *lon náng Ủa* (gò nàng Ủa).

Chàng Lú thương nhớ Ủa, không ăn, không ngủ, không ca hát chơi bời, Cha mẹ chàng Lú bèn cưới vợ cho Lú, cô gái ấy tên là nàng Mạnh.

Lú phải lấy nàng Mạnh càng không thể quên được nàng Ủa. Lú đi tắm, thấy Ủa dưới nước. Lú chải đầu, thấy Ủa trong gương. Không sống mà xa Ủa nổi, Lú cầm dao nhọn đâm cổ chết. Máu tuôn ra chảy dài theo cột sần. Mẹ Lú ngồi dưới gầm nhà giã gạo, tưởng con đánh đổ nồi nước nhuộm, còn gọi lên hỏi xem tại sao lại vó ý thế. Máu Lú chảy lan xuống đất, thấm đến đâu hoa mào gà đỏ thẫm mọc lên đến đó. Bây giờ, người ta còn gọi hoa mào gà là hoa Khun Lú.

Hồn chàng Lú bay lên gặp hồn nàng Ủa đang đợi ngoài công trời. Hai người dắt nhau vào gặp vua *Then* để kêu oan với *Then*. Nhìn thấy chàng Lú và nàng Ủa, *Then* nhớ lại chuyện công chúa trước, bèn giấu nổi bức tức, giả vờ hỏi:

— Chúng bay là vợ chồng hay là anh em?

Chàng Lú sợ hãi, nói dối là vợ chồng không phải là anh em. *Then* lúc đó mới nổi giận thét mắng rồi sai thần tướng bắt hai người biến thành hai ngôi sao đứng ở hai bờ sông Ngân Hà, chỉ cho nhìn nhau, không cho gặp nhau.

Bây giờ, đêm trăng sao sáng tỏ, ngẩng lên vẫn thấy sao chàng Lú mọc ở đầu, sao nàng Ửa mọc ở cuối, giải sông Ngân vắt vặc ở giữa. Hai ngôi sao ấy chẳng bao giờ được cùng sáng một lúc, sao Lú tỏ thì sao Ửa mờ, vĩnh viễn chàng Lú nàng Ửa phải chịu hành hạ, đau đớn.

LÊ TUẤN VIỆT sưu tầm

MẠC PHI biên soạn

Dân tộc *VÂN-KIỀU**

NÊ-ANG A-NHA

A-nha đã đi qua mấy làng rồi mà vẫn còn nghe tiếng Nê-ang giã gạo.

Khi nghe tiếng Nê-ang cười, lòng A-nha thấy mát mẻ vô cùng.

Rừng núi ngân theo tiếng hát của A-nha. Tiếng hát bay qua rẫy, qua làng. Hoa *yeng*, hoa *ca-ruông* nở theo tiếng hát. Tiếng hát càng cao, bàn tay cầm rìu của A-nha càng khỏe.

Phía rừng xa là nhà Nê-ang. Nhà Nê-ang có trâu lớn, trâu con, có hàng trăm heo, gà. Trong nhà Nê-ang có *ché* rượu vừa người ôm, có chiêng đồng đầy chái. A-nha không màng những thứ đó. A-nha chỉ ưng nhìn Nê-ang sớm chiều vừa giã gạo vừa đợi chờ tiếng sáo của anh. A-nha chỉ ưng đôi mắt của Nê-ang sáng như ánh trăng, chỉ ưng đôi môi Nê-ang đỏ tươi như màu hoa *tang* buổi sớm. Đôi môi có nụ cười không bao giờ tắt.

Ngày nào cũng vậy, khi lũ làng đã kéo nhau về, A-nha vác rìu lên vai, rút sáo bên lưng, anh trèo qua ba trái núi cao và lội qua một dòng suối sâu trong vắt. Tiếng sáo vang lên, dồn dập, say sưa. Đến trước cửa nhà Nê-ang, tiếng sáo lại càng cao, cao mãi. Nê-ang ngừng tay giã gạo, nhìn quanh quẩn. Đột nhiên, Nê-ang chạy vút vào một bụi cây bên bờ suối.

Mặt nước suối trong soi bóng hai người. Cho đến khi tiếng *tét-hú* vang lên, A-nha lại cầm rìu quay về. Tiếng chày giã gạo của Nê-ang lại nhịp nhàng như cũ...

* Xem chú thích ở trang 222.

Sớm nay, bóng hai người lại soi trên dòng suối. Gió thổi tóc hai người quện lấy nhau.

— A-nha! Cái khố của anh rách quá, không có người thêu cho khố mới. A-nha lại bảo thầy mẹ em cho cưới em đi. Hai đứa ta làm vợ làm chồng, anh khỏi mặc rách, em khỏi đợi chờ.

A-nha sưng sờ ngó Nê-ang :

— Thầy mẹ Nê-ang biết Nê-ang yêu anh rồi sao ?

— Không phải thế đâu, nhưng mẹ cha vừa bảo em rằng : « Đẳng Đông có người cưới ngựa đến hỏi con làm vợ, đẳng Tây cũng có người cho tôi tớ đến muốn hỏi con làm vợ. Con ưng ai ? » Em không trả lời cha mẹ. Anh đến xin cưới em đi. Em không muốn xa anh nữa đâu. Em muốn cùng anh ăn ở một nhà.

A-nha nắm chặt bàn tay Nê-ang. Anh cúi đầu suy nghĩ. Lát sau, A-nha nói :

— Anh không có trâu, không có heo. Anh không có bạc nén, không có nồi đồng. Cả đến thanh la, đến vòng đeo, đến chiêng anh cũng không có. Anh biết lấy gì làm lễ cưới em ?

Nê-ang cười vang dòng suối :

Cha em thương em lắm. Miệng em nói bao giờ cũng vừa tai cha em. Chưa bao giờ cha em làm trái lời em nói, anh cứ đến nói với cha đi. Anh hãy tin miệng em nói thật.

Buổi chiều, A-nha chít khăn đen, đeo khố thêu hoa đến nhà Nê-ang. Nê-ang ngồi bèn khung cửi. Nàng không nghe rõ tiếng A-nha nhưng nàng cũng đoán biết từng lời. Nê-ang chỉ nghe thấy tiếng cha. Mỗi tiếng của cha làm ngực Nê-ang muốn vỡ :

— Cái mặt mày đẹp nhất làng, cái tay mày khỏe nhất làng, mày hát hay không ai bằng nhưng mày không khôn bằng đứa bé. Các chúa làng ở trước mặt tao, ở sau lưng tao đều muốn hỏi nó, tao còn không gả. Mày là thằng mồ côi không có nhà chòi dựng lúa, tao gả con sao được !

Nê-ang bỏ khung cửi, vừa khóc vừa chạy đến níu tay cha :

— Con ưng lấy A-nha làm chồng.

Cha Nê-ang đẩy con sang bên :

— Chiêng *la-lo* nó không có, chiêng *quang-hộp* nó cũng không; thanh *la mọt* nó không còn một chiếc, thanh *la sri* nó không được cầm đến bao giờ. Chớ nói nữa, tai cha nghe không vào nữa rồi!

Nê-ang ngã gục xuống chân cha, miệng khóc không thành tiếng. A-nha nhìn người yêu, trong bụng như có con chồn, con cáo chạy. Bỗng anh quay phắt ra ngoài.

Ánh trăng vàng như màu lá úa. Suối nước rì rào nước nở. A-nha đến bên bờ suối. Hoa lá trong đêm run rẩy. Bông hoa, cành lá ướt sương đêm hay bàn tay A-nha chưa khô nước mắt? Anh không hiểu...

* *

Rầy đã phát xong. Trời bắt đầu mưa cho người ta trả lúa. Nhưng hai bàn tay A-nha như không còn sức khỏe. Lũ làng chưa trả hết nửa *ang* giống, A-nha đã bỏ rầy đi.

Hôm nào cũng vậy, A-nha đến ngồi trên tảng đá bên bờ suối, hòn đá mà A-nha và Nê-ang vẫn ngồi. Rừng cây rì rào, nước nở. Ngày qua ngày...

Một hôm Nê-ang trốn nhà ra suối. Hai người gặp nhau, khóc không thành tiếng, nói không thành lời. Hồi lâu, Nê-ang lên tiếng trước:

— A-nha ơi! Em không thể xa anh được. Em đau vừa khỏi vội đến tìm anh.

A-nha rơi nước mắt. Anh nắm chặt tay người yêu. Hơi thở của Nê-ang thơm như mùi mật ong, nóng như hơi lửa phả vào mặt anh. Nhưng chỉ trong giây lát, A-nha kéo tay lại:

— Anh không có chiêng, không có trâu bò, ta yêu nhau sao được?

— Em không cần những thứ đó! Em chỉ muốn ở cùng anh một nhà.

Từ đó, bên bờ suối vắng, không đêm nào không có bóng hai người, im lặng đến như sợ cả thú rừng nghe tiếng nói.

Một đêm, trước khi về, Nê-ang nói vội:

— Em sẽ leo qua núi cao đến ở cùng anh. Em không thể ở xa anh được nữa.

Nê-ang rẽ lá quay về, A-nha sung sướng nhìn theo.

Một ngôi sao từ đâu vụt đến, sáng lóe trên trời rồi tắt hẳn. Trời tối đen, lạnh lẽo.

Đêm sau, rồi đêm sau nữa,... Mười ngày đêm ngồi bên bờ suối, A-nha vẫn không thấy Nê-ang trở lại.

Trai làng ngó thấy A-nha, họ cười tinh nghịch :

— A-nha ơi ! Vá lại khố cho đẹp, mai mốt đi ăn cưới Nê-ang. Nê-ang sắp lấy chồng rồi !

Gái làng nhìn anh thương hại :

— Nê-ang định trốn theo anh, cha mẹ nó bắt được. Nó đã bị giam trong buồng rồi.

A-nha không tin lời gái làng. Nê-ang quen sống ở nhà cao, quen có tôi tớ trong nhà, Nê-ang ở cùng với A-nha sao được. A-nha nghèo đói hơn một người tôi tớ.

Mỗi ngày A-nha một gầy đi. Bước chân anh không nhanh nữa, mắt anh không sáng nữa. Ngày ngày, A-nha lấy rựa khắc lên hòn đá — hòn đá mà A-nha và Nê-ang vẫn ngồi — một bài thơ :

*Sao ở trên trời nhiều lắm,
Em hãy chọn ngôi nào sáng nhất.
Khi em nhìn xuống đất,
Muốn tìm quả đậu em ăn,
Hãy tìm quả ngon em ạ.
Em muốn tìm rau xanh,
Hãy tìm lá rau thơm ngát...*

Bài thơ khắc được đến đây thì A-nha mệt lả. Anh trở về nhà, nằm lịm đi bên bếp lửa.

Hôm sau, A-nha lại lần từng bước đến bên bờ suối. Trên hòn đá có một chiếc điều bằng đồng và một chiếc vòng bạc. Chiếc điều hát của người trai nào đây ? Chiếc vòng bạc của Nê-ang. Nê-ang đã đến với ai ? A-nha thấy đau trong ngực. Anh định quay về thì gặp một già làng. Già làng bảo :

— Cháu ơi ! Chiều qua Nê-ang tới đây. Nó đợi lâu không thấy cháu. Nó lấy cành cây làm bút, chép bài thơ của cháu vào lá. Nó vừa chép vừa khóc. Chép xong, nó để cái điều và chiếc

vòng lên hòn đá. Nó nói với già rằng : « Tôi đang đau nặng, không thể đến với A-nha ngay. Cái điếu này để A-nha hút thuốc, cái vòng này gửi A-nha làm tin ». Bước chân nó đi không vững nữa rồi !

A-nha lặng im không nói : A-nha biết Nê-ang vẫn còn yêu mình. Và hiện nay Nê-ang đang đau.

Ngày qua ngày, tin Nê-ang đau truyền đến một nhiều.

— Nê-ang khóc muốn cạn khô nước mắt.

— Nê-ang kêu tên A-nha lúc ngủ, gọi tên A-nha lúc thức.

— Nê-ang mê sảng cả ngày.

Lòng Nê-ang như có người cào xé. A-nha nhìn về phía nhà Nê-ang. Nê-ang chắc gầy lắm. Nước da nàng liệu có hồng tươi như trước ? A-nha nghĩ đến hai con mắt của cha Nê-ang. A-nha không sợ hai con mắt đỏ như mắt cọp ấy nữa rồi.

Chờ khi mặt trời lên cao, A-nha đến nhà người yêu.

Cha Nê-ang đứng bên hàng rào, mắt tròn xoe :

— Mày ra rừng đào củ mà ăn ! Con gái tao muốn chết vì mày rồi ! Thằng mỗ còi khố rách đừng vào nhà tao !

Bụng A-nha muốn xé lão già nhưng miệng A-nha phải nói lời êm dịu :

— Hãy cho con gặp Nê-ang một lát. Nê-ang gặp con, thần linh sẽ cho Nê-ang khỏi bệnh.

Mẹ Nê-ang mở cửa :

— Nê-ang đang muốn phá buồng đi tìm nó. Cho Nê-ang gặp nó không Nê-ang chết bây giờ !

A-nha bước vào nhà Nê-ang. Chân A-nha như đi trên đồng lửa.

Nê-ang đã nằm gục bên cửa buồng. A-nha cúi xuống người yêu. Hơi thở của nàng phả vào mặt anh, thơm như mùi mật ong. Anh nắm lấy bàn tay lạnh giá của người yêu :

— Nê-ang ! Tôi đã đến với Nê-ang đây.

Nê-ang mở mắt. Đôi mắt, không còn sáng như ánh trăng, nhìn A-nha hồi lâu. Tiếng Nê-ang nhẹ như gió, nóng như lửa :

-- A-nha! Em yêu anh! Em đi trước! Em... chờ... anh!

Hai mắt Nê-ang nhắm lại. Đôi môi nàng mấp máy. Hơi thở thơm như mùi mật ong đã ngừng lại mất rồi!...

..

Ngày, đêm, A-nha thần thờ ở đỉnh gò, bờ suối. Đôi chân đi miết, bụng chẳng hiểu đi đâu. Ở đâu, A-nha cũng thấy nụ cười của Nê-ang và đôi bàn tay lạnh giá của nàng. Tiếng chim hót, tiếng nai kêu, A-nha đều nghe như tiếng nàng:

-- A-nha! Em yêu anh! Em đi... trước! Em chờ... anh!

Cho tới một hôm, chân A-nha không còn đi được nữa. A-nha đến bên bờ suối, quỳ xuống cạnh hòn đá. A-nha dùng con rựa đã cùn, khắc nốt lên hòn đá — hòn đá mà A-nha và Nê-ang vẫn ngồi — bài thơ:

*Đến cái khăn anh còn không có
Lũ làng phải cho anh;
Anh sống khổ từ đầu năm đến cuối,
Lúa đã mọc lên rồi mà anh chẳng được ăn.
Anh khổ từ khi mới lọt lòng,
Anh khổ từ ngày biết đi, biết đứng,
Em thương anh vì anh không cha mẹ, anh em,
Em thương anh vì anh sống đời cơ cực.*

A-nha không đủ sức khắc trọn bài thơ.

Một hơi thở đâu đây thơm như mùi mật ong phả tới...

Một tiếng nói đâu đây nhẹ như gió, nóng như lửa:

— « ...Em chờ... anh! »...

A-nha ôm gọn hòn đá vào lòng. Mặt trắng lao mình xuống cuối...

Mặt trắng không còn nữa...

ĐINH VĂN THÀNH
sưu tầm và biên soạn

Dân tộc BA-NA •

SỰ TÍCH CÁC DÂN TỘC

Hồi đó, nước dâng lên tràn ngập bốn phía. Chỗ nào cũng là nước. Nước cuốn trôi hết nhà cửa. Nước chìm ngập các buôn, làng. Cây cối trong rừng đều ngập sâu dưới nước. Trừ những đỉnh núi cao nhất, còn lại thì đều bị mất tăm.

Loài người chết gần hết, chỉ còn hai chị em Mai và O sống sót. Hai người bám được vào chiếc trống lớn. Sóng đưa hai chị em bập bênh trôi nổi...

Một buổi sáng, hai chị em giạt vào sườn một quả núi. Hoa quả reo mừng. Chim chóc liu lô chào đón. Sau khi tìm trái chín ăn đỡ đói lòng, Mai gọi em lại gần mà nói:

— Chị là con gái. Em O là con trai. Hai đứa ngủ chung một chòi không được đâu. Mỗi đứa phải làm nhà ở riêng. Lúc nào có mặt trời, chị cùng em O đi kiếm trái cây. Lúc nào không có mặt trời nữa, em O về nhà của em mà ngủ.

Ngày hôm đó, hai người làm được hai nhà chòi. Một cái ở bên này, một cái ở bên kia núi. Khi mặt trời lặn, ai về nhà người ấy.

Sáng hôm sau, Mai bừng mắt dậy, chị bỗng giật mình: bên chỗ chị nằm có một người trai. Chị tưởng mình ngó không đúng nhưng nhìn kỹ, chị nhận ra là O. Mai tức quá, lay O dậy:

— Em trai ơi! Em trai lớn nằm với chị gái cùng một chỗ thì không được. Em làm như thế *Giàng* (1) không ưng cái bụng. Ông Sấm, ông Sét không để chị em ta sống đâu!

• Xem chú thích ở trang 49.

1 — *Giàng*: Trời

O gạt nước mắt bảo chị :

— Ở chi Mai ! Chị chờ cho em là xấu ! Đêm qua em ngủ ở bên kia núi. Sáng nay không hiểu sao chân em không đi mà lại đến đây. Chị đừng nghĩ cái bụng em xấu ! Chị hãy tin miệng em nói thật.

Ngày hôm đó, hai chị em đi tìm trái ăn, Mai giận em, không nói một lời. Tối đến, hai chị em Mai lại chia tay nhau, ai về ngủ ở chòi của người ấy.

Sáng ra, O giật mình tỉnh dậy trước. O ngo sang bên cạnh : đúng chị Mai rồi ! Chị Mai đang ngủ say, tiếng ngáy đều đều. O lay Mai dậy :

— Chị Mai ơi ! Con ma, con quỷ lại cống em sang với chị. Em không biết em tới đây lúc nào. Chân em không đi vì bụng em không muốn. Chị gái hãy tin miệng em nói thật.

Buổi chiều, Mai một mình dựng một nhà chòi ở nơi khác, không cho O biết. Mai nghĩ : Làm xa nơi cũ nửa ngày đường, O không biết, ma quỷ cũng không biết.

Sáng hôm sau, Mai tỉnh dậy đã lại thấy O nằm bên cạnh mình. Chị hét :

Thằng O kia ! Tao không giết được mày, tao nhả xuống nước chết đây ! Mày là con heo rừng chứ không phải là người nữa rồi !

Mai chạy ra cửa. Mai bỗng giật mình : một ông già râu tóc bạc như sợi bông đứng chặn Mai lại. Ông già bảo :

— Con hãy vào ngồi cạnh em trai con. Ta là *Giàng* ở trên trời xuống, ta muốn nói chuyện với hai con.

Mai sợ quá, la to :

— Thằng O kia ! Mày làm việc bậy bạ, *Giàng* đến bắt mày đó ! Nói đoạn Mai ngồi sụp xuống sàn. *Giàng* kéo hai người lại gần nhau, *Giàng* nói :

— Loài người không cho hai chị em cùng cha mẹ lấy nhau. Nhưng loài người đã chết hết rồi, chỉ còn Mai và O. *Giàng* không muốn loài người chết hết. *Giàng* đã cống O lại ngủ cạnh Mai. Bụng hai người đều không muốn thế, nhưng các con phải nghe *Giàng*. Trên mặt đất còn phải có loài người để trông con chim, con thú, cái rừng, cái biển cho *Giàng*. Hai con phải lấy nhau làm chồng, làm vợ.

Mai vùng lên, chạy ra ngoài cửa. O đẩy *Giàng*, định phá liếp chạy ra. Nhưng *Giàng* đã giữ lại và nói :

— Các con phải nghe lời *Giàng* !

Và, *Giàng* kéo hai chị em Mai, O lại gần nhau. Cửa chòi bỗng đóng chặt lại.

Từ đó, trên đỉnh núi cao có một đôi vợ chồng sống hòa thuận bên nhau. Hết trái cây, *Giàng* cho trái cây. Không có lúa, *Giàng* cho lúa giống.

Năm này qua năm khác. Mai đã sinh được đứa con đầu, rồi đến đứa con thứ hai, và cứ như thế Mai và O sinh được một đàn con đông không biết bao nhiêu đứa. Mai và O đặt tên các con là Ba-na, Xê-đăng, Hờ-rê, Mơ-nông, Kinh, Chàm...

Nước rút dần, rút dần. Khi vợ chồng Mai, O đứng trên đỉnh núi cao đã nhìn ۆược khắp nơi trên mặt đất thì đàn con đã lớn.

Một hôm, Mai và O gọi các con lại. Vợ chồng bảo các con :

— Đỉnh núi thì hẹp. Nước đã đi hết rồi. Mặt đất đã có cây mọc. Ta không thể ở mãi đây để nhờ *Giàng* nuôi sống. Các con lớn rồi, các con nghĩ sao ?

Người con lớn suy nghĩ một lát rồi nói :

Chúng con muốn về mặt đất. Mỗi đứa sẽ chọn một chỗ để làm nương, làm rẫy. Khi nào nhớ đến cha mẹ, chúng con sẽ về đây.

Người mẹ hỏi các con khác. Ai cũng trả lời như người anh cả, tuy ai nấy đều lưu luyến cảnh gia đình đang cùng nhau sum họp. Mai, O đành nghe lời các con.

Từ hôm đó, các con của Mai, O lần lượt trèo lên ngọn cây cao nhất trên đỉnh núi. Họ nhìn ra bốn phía để chọn lấy nơi ở của mình. Ai cũng tìm lấy nơi có rừng có núi. Chỉ có Kinh vì thích ăn muối nên xin cha mẹ cho ra ở gần bờ biển.

Ngày chia tay, Mai và O tiễn các con xuống tận chân núi. Hai người cầm tay các con, dặn dò :

— Các con phải thương yêu nhau. Các con phải nhớ các con cùng chung cha mẹ. Cha mẹ các con cùng chung giọt máu. Những lúc các con có sự gì nguy nan, các con hãy lên núi ở với mẹ cha.

ĐINH VĂN THÀNH
sua tầm và biên soạn

*Dân tộc GIƠ-RAI**

GUƠM THẦN SA-ĐÊ (1)

Ngày xưa, có một thời kỳ người Chăm tiến quân lên xâm lược, đánh phá các dân tộc ở vùng rừng núi. Quân Chăm đông lắm. Họ đi đông chi chít như kiến rừng, nhiều như lá cây, không một sức mạnh nào cản nổi.

Một hôm, quân họ đi vào một khu rừng núi vô cùng hiểm trở. Đến đấy thì họ lạc đường. Còn đang quanh quẩn tìm lối, họ chợt nghe tiếng trẻ khóc ở một nơi gần đấy. Họ liền tìm tới thì thấy tiếng trẻ khóc phát ra từ một ngôi nhà sàn hẻo lánh. Họ trèo lên thang, vào nhà, một mặt để xem có việc gì xảy ra nhưng một mặt cũng để hỏi thăm đường đi. Họ ngạc nhiên hết sức vì trong nhà chỉ có mỗi một đứa bé con đang nằm khóc. Họ chán nản, than phiền với nhau là nhà không có người lớn để cho họ hỏi thăm đường. Bỗng nhiên, đứa bé nín khóc và bảo họ :

— Nếu các người cho ta một thứ gì thật quý thì ta sẽ chỉ đường cho.

Thấy đứa trẻ nhỏ dại nói vậy, người Chăm cười ầm lên ra vẻ chế nhạo. Đứa bé lại nói :

— Nếu vậy ta không chỉ đường cho các người ra khỏi đây nữa.

Cho là đứa bé nói nhảm, người Chăm không tin. Họ bỏ xuống và tiếp tục tự mình tìm lấy đường đi. Nhưng rồi đi mãi,

* Xem chú thích ở trang 236.

1 — Còn gọi là Bơ-Đao. Ngoài dân tộc Giơ-rai ra, người Ba-na, Rơ-ngao, Ha-gu cũng có một truyện tương tự.

đi mãi, chỗ nào họ cũng chỉ gặp những rừng và núi. Loanh quanh luẩn quẩn tới chiều tối, họ lại thấy mình ở vào đúng chỗ mà sáng ngày họ mới ra đi.

Họ đành dừng chân lại nghỉ ngơi. Họ vẫn nghe thấy tiếng đứa bé khóc trong ngôi nhà hẻo lánh. Lần này, họ lại tìm đến, hy vọng sẽ gặp bố mẹ đứa bé ở nhà. Nhưng khi vào nhà, họ vẫn thấy có mình nó nằm khóc. Nó bảo :

— Ta khóc mặc ta ; các người đi cả một ngày rồi, chắc là đói lắm. Vậy các người có muốn nghỉ thì cứ nghỉ.

Người Chàm liền dỗ :

— Này chú bé, chú hãy chỉ đường cho chúng ta đi thôi ! Ban sáng chú đã hứa với chúng ta như thế rồi kia mà !

Đứa bé đáp :

— Ta không hứa gì cả. Hãy cho ta một thứ gì thật quý, ta sẽ chỉ đường cho các người ngay. Nếu không thì nhất định chẳng bao giờ các người ra khỏi đây được.

Người Chàm nghe đứa bé nói vậy vẫn chưa tin. Họ còn bức mình thêm là khác. Họ bỏ mặc đứa bé nằm đấy một mình. Sáng hôm sau, quân họ lại kéo đi. Nhưng rồi năm ngày liền, cứ sáng sớm họ ra đi, chiều tối họ lại thấy mình về đến chỗ cũ. Họ bắt đầu lo lắng và tin lời đứa bé. Cuối cùng họ phải cho đứa bé một vật quý là một cục sắt. Bấy giờ đứa bé mới chỉ đường cho họ ra thoát khỏi khu rừng hiểm trở.

Đứa bé giữ gìn cục sắt rất cẩn thận. Đứa bé lớn lên thành một chàng trai khỏe mạnh. Bấy giờ anh ta muốn đem cục sắt ấy rèn gươm. Anh ta mang đến một lò rèn gần đấy để thuê rèn.

Người chủ lò rèn tên là Oi-Don. Oi-Don là một người thợ rèn rất giỏi. Chung quanh lò rèn của Oi-Don lúc ấy có rất đông người đang đứng nói chuyện. Trong số những người ấy có một anh chàng cụt tay tên là Păn-Đang. Păn-Đang đang làm một chiếc bao gươm rất đẹp bằng mỗi một tay của mình. Khi chàng trai trẻ kia mang cục sắt tới rèn gươm thì Oi-Don nhận làm ngay. Oi-Don bỏ cục sắt vào lò, nung cho đỏ. Cục sắt sáng lên rực rỡ, làm lóa mắt mọi người. Ai cũng phải công nhận nó sẽ thành một thanh gươm rất quý.

Lúc rên cục sắt đã thành hình gươm, Oí-Dơn toan mang ra mài vào đá cho thêm sắc bén. Anh nhúng thanh gươm vào vại nước cho nguội. Thanh gươm đỏ hồng hút cạn ngay vại nước. Anh lại nhúng gươm vào các vại nước khác, nước trong các vại đó cũng bị hút khô cạn và thanh gươm vẫn cứ đỏ rực rực, không sao cầm mà mài được. Oí-Dơn lạ quá. Anh ta liền mang thanh gươm ra hắt con sông gần đấy để nhúng xuống. Nước sông cũng vẫn bị thanh gươm hút cạn khô và thanh gươm không nguội chút nào.

Păn-Đang vẫn đi theo xem Oí-Dơn rên gươm, anh ta đứng ở gần đấy. Lúc này, anh ta đang vót mây để làm bao gươm. Anh ta vô ý làm đứt tay, máu chảy ròng ròng. Tự nhiên Păn-Đang nghĩ thầm : « Có lẽ gươm muốn lấy vài giọt máu của ta chăng ? ». Nghĩ vậy, Păn-Đang liền rỏ mấy giọt máu của mình vào thanh gươm đang đỏ rực ấy. Thanh gươm hút khô mấy giọt máu và hút luôn cả Păn-Đang biến mất vào thanh gươm. Lúc Păn-Đang bị hút hết vào thanh gươm thì thanh gươm bắt đầu nguội và trở nên sắc bén vô cùng. Đó là thanh gươm thần Sa-Đê. Nhờ có gươm thần Sa-Đê ấy mà các dân tộc ở vùng rừng núi giữ gìn mãi được quê hương đất nước của mình chống mọi cuộc ngoại xâm.

ĐỖ THIỆN

sưu tầm và biên soạn

NÀNG NAI-VÀNG

Ngày xưa tại một làng kia, có một *pơ-tao* (1) rất giàu có. *Pơ-tao* đã có hai vợ, vợ cả là Pha, vợ hai là Phu. Nàng Phu ở riêng một nơi, tính tình hiền hậu, chăm chỉ làm lụng. Còn Pha thì ở với *pơ-tao*, bụng đã độc ác, chân tay lại lười nhác. Nhà có một vườn rau mà Pha cũng không chịu chăm bón gì.

Một hôm, *pơ-tao* đi thăm vườn rau. *Pơ-tao* chợt thấy một con nai vàng đang gặm cỏ trong vườn. Ông vội vác ná và dắt

1 — *Pơ-tao* : Vua.

chó đuổi săn nai. Nai chạy vào rừng. Đuổi đến giữa rừng thì không thấy vết chân nai đâu nữa. Giữa rừng có một căn nhà nhỏ. *Pơ-tao* bước vào trong nhà và thấy một người con gái rất đẹp. Ông hỏi :

— Cô chỉ có một mình ở giữa khu rừng này sao ?

Cô gái trả lời :

— Dạ ! Chỉ một mình em.

Và nàng hỏi thêm :

— Anh đi đâu ?

— Tôi đuổi theo con nai vàng.

— Anh có yêu con nai vàng không ?

— Con vật mà, yêu sao được ?

— Em chính là con nai vàng đấy !

— Thật không ?

— Thật.

Người con gái ấy chính là nàng Nai-vàng. *Pơ-tao* và nàng Nai-vàng lấy nhau, đưa nhau về làng ở.

Hai người lấy nhau đã lâu mà vẫn chưa có con. Đến năm thứ ba, nàng Nai-vàng mới có mang. Tới kỳ sinh nở của nàng Nai-vàng, *pơ-tao* rất lo lắng, cả ngày chỉ quần quanh trong buồng của nàng.

Vợ cả *pơ-tao* là Pha tìm cách hại nàng Nai-vàng. Pha muốn đuổi *pơ-tao* ra khỏi buồng, bèn nói :

— Đàn ông gì mà không biết xấu hổ, cứ quanh quần ở buồng đàn bà để !

Pơ-tao nghe vậy đành bỏ vào làng chơi. Pha liền lấy vải bông bịt kín mắt nàng Nai-vàng lại. Nàng Nai-vàng để được ba đứa con trai rất xinh đẹp đều bị Pha bắt đem bỏ vào *ché* rồi thả xuống sông. Sau đó, Pha bắt ba con chó con bỏ vào chiếu nàng Nai-vàng nằm rồi đi gọi *pơ-tao* về. Pha nói :

— Hôm qua ông nói Nai-vàng là vợ ông nhưng hôm nay thì rõ là vợ của chó ! Nó đẻ ra ba đứa đều là chó cả !

Pơ-tao hốt hoảng chạy vào buồng của nàng Nai-vàng xem và thấy quả thật có ba con chó trên chiếu của nàng. Ông hỏi :

— Sao mày đẻ ra chó ? Có phải mày đi chơi với chó không ?

Nàng Nai-vàng không biết trả lời ra sao.

Pha liền bảo chồng :

— Thôi, ông cứ cho nó ở chung với lợn, thế là xong !

Pơ-tao nghe lời Pha, bắt nàng Nai-vàng vào ở trong chuồng lợn, ăn chung với lợn, tối nằm chung với lợn.

Ba đứa con của Nai-vàng bị Pha bỏ vào *ché* thả xuống sông, được nước chảy cuốn đi. Có một bà già là bà Pôm, ra sông giặt áo, thấy cái *ché* liền vớt về. Bà đưa trẻ vẫn còn sống và được bà Pôm nuôi nấng, chăm sóc tử tế. Nhờ vậy, ba anh em khôn lớn dần. Một hôm, Pha đi qua nhà bà Pôm, thấy ba đứa trẻ đang chơi đùa với nhau, Pha biết ngay đó là con nàng Nai-vàng. Lừa lúc bà Pôm đi vắng, Pha liền nấu một nồi cháo gà, bỏ thuốc độc vào rồi cho ba đứa trẻ ăn. Khi bà Pôm trở về thì ba đứa trẻ đã chết tất cả. Bà Pôm buồn lắm, bỏ chúng vào cái *ché* cũ rồi đem chôn ở sau vườn.

Ít lâu sau, trong *ché* mọc lên một thứ cây lạ. Cây đó nở ba bông hoa rất đẹp, ai đi qua cũng trầm trồ khen ngợi. Nghe đồn đại về thứ cây lạ, vợ hai của *pơ-tao* là nàng Phu cũng đi xem. Biết đây là ba đứa con của Nai-vàng bị Pha hại, nàng Phu liền lấy lửa đốt bỏ vào trong *ché*. Cây liền biến thành người, hoa biến thành ba anh em. Nàng Phu đưa cả ba về nuôi nấng chăm sóc tử tế.

Thời gian trôi qua, ba anh em đều đã khôn lớn. Nàng Phu kể hết chuyện cho chúng nghe, rồi cho về nhà *pơ-tao*. Ba anh em ra sông đi thuyền về. Dọc đường, gặp một bọn cướp chặn đường, ba anh em đánh tan bọn cướp và lấy được của chúng rất nhiều vàng bạc quần áo.

Về tới làng, hai anh em đứng ở ngoài cổng để người anh cả vào nhà *pơ-tao* một mình. Lúc ấy, nhà *pơ-tao* đều đi vắng. Người anh lớn ra chuồng lợn. Thấy mẹ là nàng Nai-vàng vẫn ở trong đó, anh phá tan chuồng lợn, dẫn mẹ ra ngoài, đưa áo quần đẹp cho mẹ mặc. Hai mẹ con nhận ra nhau, mừng mừng tủi tủi. Nàng Nai-vàng hỏi : « Còn hai em con đâu rồi ? » Người con cả đưa nàng ra cổng. Bốn mẹ con gặp nhau đông đủ, vui vẻ.

Sau đó, bốn người bỏ làng *pơ-tao* mà đi, không trở lại nữa.

*Dân tộc Ê-ĐÊ**

HƠ-KUNG VÀ Y-DU

Về nguồn gốc của Y Du, người ta không ai biết cả. Chỉ nhớ rằng người ta nhặt được Y Du trong một túp lều hoang ở ngoài đồng. Hình như khi người ta đánh nhau thì cha mẹ Y Du bỏ chạy và đánh rớt Y Du lại.

Y Du cũng không phải tên đặt từ khi mới sinh. Người bắt được Y Du là mẹ Y Yang. Mẹ Y Yang bắt được Y Du trong túp lều ngoài đồng. Bà chẳng biết tên đứa bé là gì. Thấy nó nằm chơ vơ một mình, hỏi không ai nhận, bà liền dịu nó lên lưng mang về. Về đến đầu làng, bà cho đứa bé bú. Nó không chịu bú. Nó chỉ khóc. Không biết tên để dỗ cho nó nín, bà nảy ra một ý nghĩ: « Có lẽ đứa bé lạ nên không chịu nín, không chịu nói. Vậy thì hãy thử nấp một chỗ mặc cho nó ngồi một mình xem nó có nói gì không. Chắc chắn nó sẽ kêu tên thật của nó để gọi mẹ ».

Nghĩ vậy, bà mẹ Y Yang liền nấp vào một chỗ. Quả nhiên bà nghe thấy tiếng gọi: « Y Du ! Y Du ! » Bà mừng lắm, luôn mồm lắm nhằm hai tiếng « Y Du » cho nhớ. Nhưng chỉ một chốc bà đã quên mất và gọi trêch ra là « Y Da ». Bà cứ « Y Da ! Y Da ! » vừa đi vừa gọi đứa bé như thế để dỗ nó. Đứa bé không chịu nín. Nó cứ khóc hoài, khóc đến sứt ruột. Mỗi lúc về đến nhà, bà buột miệng thế nào lại gọi đúng hai tiếng Y Du. Bảy giờ đứa bé mới chịu nín ăn và uống. Y Du thành tên nó từ đấy.

* Xem chú thích ở trang 245.

Y Du lớn lên ở nhà bà mẹ Y Yang. Càng lớn, Y Du càng lực lưỡng khỏe mạnh. Y Du rất khéo chân khéo tay và chơi cái gì cũng thạo. Chơi thả điều với Y Yang, bao giờ điều của Y Du cũng lên cao hơn và chẳng hề bị đứt dây. Điều của Y Yang bao giờ cũng thấp hơn điều của Y Du và dây điều luôn luôn bị đứt.

Một hôm, hai anh em cùng đi chơi thả điều. Điều của Y Yang lại bị đứt dây. Phải đi nhặt điều từ sáng sớm như một tên ăn trộm, Y Yang tức lắm. Y Yang ghen tức với Y Du nên tìm cách chặt đứt dây điều của Y Du. Vì vậy hai người cãi nhau rất kịch liệt từ lúc đi cho tới lúc về ăn cơm.

Ngồi vào ăn cơm, Y Yang vẫn còn âm ỉc. Y Yang ăn vội vàng cho xong trước. Trong lúc Y Du còn đang ăn cơm rất ngon lành thì Y Yang lấy một chiếc chiêng bằng ra gõ. Chiêng Y Yang gõ bỗng kêu thành tiếng: « Tơ-ruc tơ-ru ! Tơ-ruc tơ-ru ! Y Du nô lệ, Y Yang con chủ nhà ! Tơ-ruc tơ-ru ! Tơ-ruc tơ-ru ! Tơ-ruc tơ-ru ! ».

Nghe thấy vậy, Y Du không hề tức giận. Y Du còn bảo Y Yang :

— Tốt lắm ! Tiếng chiêng anh cả đánh nghe thật là hay ! Nó làm cho tôi ăn cơm thêm ngon. Anh hãy đánh nữa đi ! Tôi ưng nghe tiếng chiêng ấy lắm !

Tuy nhiên, sau đó, Y Du không nói thêm gì nữa. Những ý nghĩ mới nảy ra trong đầu Y Du. Y Du giữ kín những điều đó trong tim trong ruột. Và, sáng hôm sau, Y Du lẳng lặng ra đi. Y Du đến tìm em gái út của Y Yang là Hơ-kung để nói chuyện.

Vì là lần đầu tiên Y Du tới nên Hơ-kung không tiếp. Y Du đành phải trở lui. Riêng Hơ-kung tuy không tiếp nhưng nàng cũng biết đó là ai rồi. Lòng Hơ-kung cũng đã xốn xang rung động vì Y Du rồi. Cho nên, khi Y Du tới lần thứ hai thì Hơ-kung nói :

— Có lẽ Y Du sẽ làm anh cả của tôi.

Y Du hỏi lại :

— Hơ-kung nói sao ? Tôi mà sẽ là anh cả của Hơ-kung ư ?

Hơ-kung đáp :

— Đùng ! Chắc chắn là như vậy.

Y Du lắc đầu :

— Không chắc đâu ! Nhưng nếu Hơ-kung đã nghĩ thế thì Hơ-kung hãy cứ gọi lên xem nào !

Hơ-kung bẽn lẽn gọi to :

— Ở anh cả Y Du của em !

Y Du thưa ngay :

— Phải, anh đây.

Hơ-kung tiếp :

— Hãy thử thổi sáo lên xem nào !

Tiếng sáo đâu đã réo rắt vang lên như chính Y Du đang thổi ở trong nhà.

Hơ-kung lại nói thêm ;

— Hay thử hát lên xem nào !

Tiếng hát ở đâu đã véo von vang lên như chính Y Du đang hát ở trong nhà.

Hơ-kung liền vui lòng tiếp Y Du. Để dễ dàng nhận ra Y Du, Hơ-kung liền cắt trộm lấy một mẫu khố của Y Du. Sau lần gặp ấy, Y Du ra về, và, ngay hôm sau, anh thấy trong người mệt mỏi, không sao trở dậy đi ăn cơm được. Y Du tìm vào trong một vựa thóc, đập chần nằm ngủ.

Được tin Y Du mệt, Hơ-kung liền mang cơm và rau đến tận chỗ Y Du nằm. Hơ-kung nói :

— Ở anh cả Y Du ! Vì tôi đã tiếp anh cho nên anh như vậy đấy. Tôi đã hiểu anh rồi. Tôi đã giữ vật này, nét vẽ này đúng là nét vẽ ở chiếc khố đẹp của anh. Anh hãy tin tôi.

Và, để cho Y Du thêm chắc chắn, Hơ-kung liền lật chần lên chỉ cho Y Du xem lại chiếc khố của mình. Đuôi khố bị mất một mẫu thực. Y Du đã hiểu ra. Từ đấy, hai người yêu nhau và tìm cách gặp gỡ nhau luôn.

Ngày mùa tới, lúa ngoài rẫy chín vàng. Nhà ai cũng phải đi canh rẫy. Y Yang cũng bắt Y Du cùng đi canh rẫy với mình. Y Yang cho làm hai cái chòi, một chòi ở phía nam, một chòi ở phía bắc. Đêm đến, Y Yang và Y Du mỗi người ngồi ở một chòi canh lúa.

Nhưng Y Yang không biết rằng Y Du và Hơ-kung đã yêu nhau, đêm nào hai người cũng tìm gặp nhau để trò chuyện. Một đêm, Y Yang bỗng để ý thấy bên chòi của Y Du vắng lặng như không có người. Y Yang ngò vức, cất tiếng gọi. Không một tiếng trả lời. Y Yang kinh ngạc, chạy sang xem thì thấy chòi Y Du bỏ trống. Y Du đi đâu từ lúc nào không rõ. Y Yang bực lắm. Sáng sau về nhà, Y Yang tóm ngay lấy Y Du, hỏi :

— Đêm qua đi đâu ?

Y Du thản nhiên đáp :

— Tôi đi làm một việc rất cần.

Câu chuyện qua. Tối ấy đi canh, Y Du lại bỏ chòi để đến với Hơ-kung. Nhưng lần này Y Du lại ra lệnh cho cái *ki-pă* (1) và quạt *tát-bơ-lát* (2) ở lại chòi rằng :

— Nếu anh cả Y Yang gọi thì *ki-pă* phải kêu lên như ta thổi và *tát-bơ-lát* phải quạt mạnh lên như ta đang đuổi thú rừng.

Dặn xong, Y Du ra đi. Y Du lại tới với Hơ-kung. Y Du đi được một lúc thì Y Yang lên tiếng :

— Ờ Y Du ! Mày thức canh hay ngủ rồi ?

Nghe tiếng Y Yang gọi, *ki-pă* và *tát-bơ-lát* cùng lên tiếng. Y Yang tin là Y Du đang thổi *ki-pă* và quạt *tát-bơ-lát*. Nhưng rồi đến gần sáng, Y Yang không gọi nữa. Y Yang xuống chòi, lẳng lặng đi dạo một vòng quanh rẫy rồi đến chòi của Y Du. Đứng dưới chòi, Y Yang cất tiếng gọi :

— Ờ Y Du !

Tù và *ki-pă* lại kêu « tu... tu... » và quạt *tát-bơ-lát* lại quạt phành phạch như lời Y Du dặn. Lần này có cả tiếng *đinh buốt* (3) nữa. Không thấy Y Du thừa, Y Yang liền trèo lên chòi. Trên chòi chỉ có *ki-pă*, *tát-bơ-lát* và *đinh-buốt* kêu một mình, Y Du đi đâu không rõ. Y Yang tức lắm. Sáng ra về nhà, gặp Y Du, Y Yang tóm ngay lấy khố, hỏi :

— Đêm qua đi đâu ?

1 — *Ki-pă* : một loại tù và.

2 — *Tát-bơ-lát* : một thứ quạt phát ra tiếng động lớn, đồng bào Ê-đê dùng để đuổi thú rừng tới phá rẫy

3 — *Đinh-buốt* : một loại sáo.

Y Du vặn lại :

— Đi đâu ! Anh không nghe thấy tiếng *ki-pă*, *tát-bơ-lát* và *đinh-buốt* của tôi sao ?

Y Yang quát lớn :

— Sao tao không nghe tiếng ! Tao nghe tiếng nhưng đến sáng, bước lên chòi, tao có thấy mặt mày đâu !

Y Du thản nhiên trả lời :

-- Anh nói đúng. Lúc đó tôi phải đi làm một việc rất cần.

Y Yang chẳng biết nói sao. Y Yang để tâm rình xem Y Du đi làm việc gì. Đêm đó, hai anh em lại đi canh rẫy. Y Du lại bỏ chòi đến với Hơ-kung. Nhưng, lần này, Y Yang không gọi Y Du như mấy lần trước. Mặc cho *ki-pă* và *tát-bơ-lát* kêu một mình, Y Yang mò về làng. Y Yang vào tất cả các nhà có con gái, vào tất cả các nhà khác để tìm Y Du. Không thấy Y Du đâu hết, Y Yang vừa lạ lùng vừa tức bực. Y Yang hùng hục đi qua nhà mình, qua nhà em gái mình. Tới đây, Y Yang nghe có tiếng người đang thì thầm trò chuyện. Y Yang liền lắng tai thì nhận ra đó là tiếng Y Du và Hơ-kung. Y Yang chợt hiểu ra tất cả. Y Yang giận sôi người. Y Yang liền đập cửa xông vào, định tâm giết cả Y Du và em gái.

Cuộc xô xát bắt đầu. Y Du và Hơ-kung phải bỏ chạy. Hai người định dắt nhau tới ở một nơi khác rất xa.

Y Du và Hơ-kung dắt diu nhau đi. Họ đi vào rừng sâu. Tới vùng người Bih, hai người lập thành bộ tộc Bih, tới vùng người Mơ-nông, hai người lập thành bộ tộc Mơ-nông, tới vùng người Ê-đê, hai người lập thành bộ tộc Ê-đê, tới vùng người Giơ-rai, hai người lập thành bộ tộc Giơ-rai v.v... Mỗi bộ tộc ấy lại nói một thứ tiếng khác nhau. Do đó, Y Yang không biết tiếng để hỏi thăm theo đường Y Du và Hơ-kung đã chạy qua. Y Yang đành phải quay theo về, trong lòng vẫn căm tức Y Du và em gái mình vô hạn.

Về tới làng, Y Yang đắp một ngôi mộ *đăh* (1), coi như Y Du và Hơ-kung đã chết, mặc dầu Y Yang biết rất rõ là hai người chưa chết.

1 — *Đăh* : mộ giả, trong không chôn xác người chết.

Trong khi ấy, Y Du và Hơ-kung đã đến ở một nơi rất xa trong một khu rừng lớn. Hai người mệt nhọc vì vừa phải chạy trốn lạc lõng hàng mấy tháng ròng. Tuy yêu nhau nhưng hai người chưa dám coi hẳn nhau là vợ chồng. Hai người còn muốn thử thêm một lần nữa. Họ quyết định hai người cùng bắt đầu mỗi người sẽ làm một việc gì đó, nếu xong cùng một lúc thì hai người mới được lấy nhau, không xong cùng một lúc thì hai người phải chia ly nhau.

Y Du chọn việc ngăn thác để lấy nước làm ruộng. Hơ-kung chọn việc xe bông để dệt một chiếc chăn. Y Du sẽ đắp đập ngăn thác Srê-rốc. Nơi Y Du làm việc gần với thác nước Đơ-rai Hơ-ling. Hơ-kung thì ngồi ngay bên thác Srê-rốc để dệt chăn. Hai người bắt đầu làm việc cùng một lúc.

Nhưng rồi công việc làm của Y Du lại xong trước. Tuy xong trước nhưng Y Du không báo tin cho Hơ-kung biết như đã giao hẹn với nhau từ đầu. Y Du muốn đợi Hơ-kung cùng xong một lúc để hai người được lấy nhau. Trong lúc chờ đợi, Y Du nấp một chỗ, vừa nướng cá ăn vừa ngắm trộm Hơ-kung. Cùng lúc ấy, Hơ-kung cũng nấp nhìn sang chỗ Y Du làm việc. Hơ-kung cũng muốn biết tình hình công việc của Y Du để điều khiển công việc của mình sao cho cùng xong một lúc để hai người được lấy nhau. Không dè vừa nhìn sang thì Hơ-kung đã gặp ngay đôi mắt của Y Du đang ngắm trộm mình. Hơ-kung ngượng quá, bỏ chạy. Thấy Hơ-kung bỏ chạy, Y Du vứt con cá nướng đang ăn dở xuống suối, đuổi theo. Hơ-kung chạy mãi, chạy mãi, Nàng lên đến tận mặt trời thì nấp trốn vào trong đó. Y Du đuổi mãi; đuổi mãi mới lên tới mặt trăng. Mặt trời và mặt trăng ở cách xa nhau, mỗi cái lại đi một ngả nên Y Du không thể đuổi kịp được Hơ-kung nữa. Từ đó, hai người đành phải xa nhau cho tới ngày nay. Ngày nay thỉnh thoảng có *mơ-lan-bi-lun* (1) thì đó chính là lúc Y Du tìm cách đi đến gần để được nhìn thấy mặt người yêu của mình là nàng Hơ-kung xinh đẹp.

ĐỖ THIÊN

suu tầm và biên soạn

1 — *Mơ-lan-bi-lun* : nguyệt thực.

HƠ-BIA NGO VÀ Y RÍT

Ngày xưa, ở giữa biển có một hòn đảo lớn, dân cư rất đông đúc và giàu có. Nhưng rồi một hôm, tất cả dân ngoài đảo đều bị hồ ăn thịt hết, trừ một em gái bé. Em gái đó tên là Ngo. Em được một con hồ đầu đàn giữ lại nuôi nấng. Lớn lên, em thành một cô gái xinh đẹp và giàu có, vì em được thừa hưởng tất cả của cải của những người đã chết. Ngoài những của cải ấy, Ngo lại có một pho tượng « lợn ba mũi », hai con chó, con gà sống Bơ-rim Bơ-ram, vỏ cây *kơ-xin* đặt trên thỏ ngựa, yên ngựa bằng vàng, các loại áo đen, áo đỏ, áo bằng vàng và các đồ dùng hiếm có quý giá khác.

Chuyện hồ ăn thịt hết chỉ chừa lại có mình *hơ-bia* Ngo truyền vào đến tận đất liền. Ở đây có một làng đông đúc và giàu có khác. Một năm sau khi biết chuyện ngoài đảo, có một bà cụ già kể lại cho cháu trai là Y Rít nghe. Dần dần, chuyện đó lan ra rộng rãi, cả làng đều biết. Người ta đồn đại nhiều về nàng Ngo và nếu muốn nói đến sự giàu có, thường thường người ta đem ví với nàng.

Trên đất liền, hồi này có một ông vua. Lão vua này rất độc ác. Một bữa kia, theo thường lệ, lão cho mở hội *Mơ-năm Thun* (1). Trong ngày hội đó, người ta phải làm một chiếc giường *kơ-nun* cho lão vua. Giường *kơ-nun* cứ bảy năm phải làm lại một lần. Năm nay chính là năm phải làm lại chiếc giường đó.

Được tin người ta làm giường *kơ-nun*, bà của Rít bảo cháu :

— Cháu ơi ! cháu không nên đến chỗ người ta làm giường cho nhà vua. Đến đấy, người ta sẽ bắt cháu vẽ để trang hoàng cho giường *kơ-nun*. Cháu sẽ phải vẽ và vẽ những bức tranh xấu xí thì không thể xóa đi được.

Y Rít không nghe lời bà ; Y Rít trốn bà để đến xem người ta trang hoàng lộng lẫy cho chiếc giường *kơ-nun*. Quả nhiên, người ta mời Y Rít cùng vẽ lên giường đó. Y Rít đành phải nhận

1 — *Mơ-năm Thun* : hội uống rượu mừng năm mới.

lời. Y Rít chưa biết vẽ gì cả. Anh ngẫm nghĩ mãi và chợt nhớ tới chuyện nàng Ngo ở ngoài đảo mà bà nội đã kể cho mình nghe. Anh liền cầm bút vẽ ngay một con lợn ba mũi, hai con chó, con gà sống Bơ-rim Bơ-ram, vỏ cây *kơ-xin* rất dài, chiếc yên ngựa bằng vàng. Sau đó Y Rít vẽ tới nàng Ngo với các áo vàng, áo đen, áo đỏ và các vật quý giá khác.

Y Rít vẽ xong, ai trông thấy cũng phải khen đẹp. Người ta không xóa những bức tranh của Y Rít. Người ta cứ để nguyên chiếc giường *kơ-nun* với các bức vẽ của Y Rít mang tới cho lão vua.

Lão vua bèn gọi Y Rít tới, cho Y Rít uống rượu thật say. Lão hỏi :

— Ai vẽ những tranh đó ?

Y Rít đường hoàng trả lời :

— Chính tôi đã vẽ những tranh đó.

Lão vua nở một nụ cười nham hiểm :

— Những cái nhà người vẽ thật là đẹp ! Tất nhiên nhà người phải trông thấy những thứ đó thật thì mới vẽ nên được. Vậy thì nhà người phải đi lấy tất cả những thứ ấy về đây cho ta. Nhà người lấy được, ta sẽ chia nhà ở của ta cho nhà người. Ta sẽ cho nhà người nhiều nô lệ. Nhà người và ta sẽ giàu có ngang nhau. Nhưng, nếu nhà người không lấy được thì ta sẽ chém đầu.

Y Rít quay về nhà, trong lòng rất buồn rầu, lo sợ. Gần đến nhà, Y Rít bật khóc rưng rức. Bà Y Rít thấy vậy hỏi cháu :

— Làm sao cháu khóc ?

Y Rít kể lại đầu đuôi mọi việc cho bà nghe. Bà nghe xong, bà thở dài, bảo Y Rít :

— Chỉ tại cháu không nghe lời bà đấy thôi. Được rồi, đã vậy thì cháu cứ cố gắng làm đi, không việc gì phải khóc lóc. Cháu hãy đi giã gạo nấu cơm ăn. Ăn xong, cháu hãy đến gốc cây *gu-ga* (1) trên bờ biển mà chờ. Rồi sẽ có người giúp cháu.

Y Rít liền đi giã gạo thổi cơm. Ăn xong, Y Rít ra thẳng ngoài bờ biển, nằm chờ ở dưới gốc cây *gu-ga*. Chờ một lúc

1 — *Gu-ga* : cây đa.

lâu, không thấy gì, mệt quá, Y Rit ngủ thiếp đi lúc nào không rõ.

Một con quạ lớn ở đâu bay tới đậu ngay trên ngọn cây *gu-ga*, kêu ầm ĩ. Y Rit sức tỉnh và rất bức mình. Anh bảo quạ :

— Quạ ơi ! Sao mày lại tới đây làm ầm ĩ trong lúc ta đang có việc lo buồn như thế này ? Mày sung sướng chứ ta có sung sướng gì đâu !

Quạ hỏi :

— Y Rit ơi ! Anh có việc gì lo buồn thế ?

Y Rit đáp :

— Ta đang lo lắng khổ sở lắm. Nhà vua bắt ta làm một việc rất khó khăn, ta chưa biết mình sẽ sống chết ra sao. Số phận ta đang ở họng con voi, ở bụng con hổ, ở mồm bọn có thể lực, giàu có đây !

Quạ lại hỏi :

— Phải chăng vì thế mà anh lạc lõng ra tới đây ? Anh hãy nói cho tôi biết, nhà vua bắt anh làm những việc gì nào ?

Y Rit trả lời :

— Nhà vua bắt ta đi tìm nàng Ngo về cho lão lấy làm vợ. Lão lại bắt ta lấy cả các thứ quý của nàng về cho lão nữa. Ta có biết nàng Ngo bây giờ ở đâu đâu !

Quạ vui mừng vỗ cánh đoán bảo Y Rit :

— Anh không sợ ! Tôi biết chỗ ở của nàng Ngo, nhưng nếu tôi bảo chỗ ở của *hơ-bia* Ngo cho anh thì anh thưởng tôi cái gì nào ?

Y Rit mừng quá, vội nói :

— Ta sẽ thưởng ngay cho Quạ những thứ Quạ muốn.

Quạ nói :

— Tôi thích một vò rượu ngon và bảy quả trứng gà.

Y Rit liền đưa ngay cho Quạ một vò rượu và bảy quả trứng gà. Quạ lấy rượu và trứng xong lại nói :

— Cám ơn Y Rit đã thưởng công cho tôi trước. Nhưng tôi không muốn lão vua lấy *hơ-bia* Ngo làm vợ đâu. Tôi muốn Y Rit sẽ lấy *hơ-bia* Ngo làm vợ. Nếu Y Rit bằng lòng thì Y Rit hãy đưa một hạt ngọc, một đôi hoa tai, một chiếc nhẫn, một

gói cơm nếp, tôi sẽ mang những thứ đó ra ngoài đảo làm mồi cho Y Rit lấy nạng.

Y Rit thích quá. Anh giao ngay cho Qua một hạt ngọc, một đôi hoa tai, một chiếc nhẫn và một gói cơm nếp. Qua tha tất cả những thứ đó bay ra ngoài đảo. Đến chỗ *hơ-bia* Ngo ở, Qua đậu ngay xuống nóc nhà, kêu « ak !... ak !... » ầm ĩ. *Hơ-bia* Ngo thấy vậy, trách Qua :

— Ớ Qua ! Sao mày lại tới đây kêu ầm ĩ trong khi ta đang phải ở một mình buồn khổ như thế này ? Bố mẹ ta chết đã lâu rồi. Mày sung sướng chứ ta có sung sướng gì đâu ?

Qua nói :

— Hỡi nàng Ngo xinh đẹp ! Sao nàng lại trách tôi như vậy ? Tôi mang đến cho nàng một tin mừng. Tôi đã tìm cho nàng một người biết phát những cây nhỏ, đốn các cây to. Người ấy biết xén các bờ ruộng, biết đuổi vẹt và chim *ác-mó*.

Hơ-bia Ngo hỏi lại :

— Qua nói gì vậy ? Người biết phát cây nhỏ, đốn cây to, người biết xén các bờ ruộng, biết đuổi vẹt và chim *ác-mó* ấy là ai ? Qua hãy cho ta hay, ta sẽ thưởng cho Qua tất cả những thứ gì Qua thích.

Qua nói :

— Tôi thích một vò rượu ngon và bảy quả trứng gà.

Hơ-bia Ngo liền đưa ngay cho Qua một vò rượu và bảy quả trứng gà. Qua lấy rượu và trứng xong liền giao lại cho *hơ-bia* Ngo ngọc, hoa tai, nhẫn và gói cơm nếp của Y Rit. Qua nói :

— Đây là những thứ người ấy gửi cho nàng. Đó là một chàng trai tài giỏi và đẹp đẽ, nàng có thể tin được. Nàng có muốn lấy người đó làm chồng không ?

Hơ-bia Ngo đáp ngay :

— Có.

Qua liền bảo :

— Nếu vậy nàng hãy đưa cho tôi một nắm tóc của nàng, một hạt ngọc, một chiếc nhẫn, một chiếc chăn và một gói cơm

nếp để tôi mang tới cho chàng. Tôi sẽ mang Y Rít tới đây cho nàng.

Hơ-bia Ngo vội giao cho Qua một nắm tóc của mình, một hạt ngọc, một chiếc nhẫn, một chiếc chăn và một gói cơm nếp. Qua tha tất cả những thứ đó bay về đất liền. Qua đậu xuống ngọn cây *gu-ga*. Y Rít đang ngồi chờ. Qua giao các thứ của *hơ-bia* Ngo gửi cho Y Rít và nói :

— Đây là các thứ của nàng Ngo gửi cho Y Rít. Nàng đã bằng lòng và gửi cho anh cả một chiếc chăn để làm tin. Y Rít hãy cùng tôi đến ngay kéo nàng Ngo xinh đẹp phải chờ đợi.

Y Rít liền trèo lên lưng Qua. Qua cõng Y Rít bay vùn vụt qua biển lớn, tới đảo của *hơ-bia* Ngo. Đặt Y Rít xuống cạnh *hơ-bia* Ngo, Qua nói :

— Ờ nàng Ngo xinh đẹp ! Chồng của nàng đã đến đây rồi !

Nói xong, Qua cất cánh bay bổng lên trời, vừa bay vừa kêu : « ak !... ak !... » âm ỹ.

Hơ-bia Ngo và Y Rít lấy nhau.

Hai người ăn ở với nhau, một tháng sau, con gà sống Bơ-rim Bơ-ram mới biết chuyện. Nó gáy to lên để báo tin cho con hồ vằn nuôi *hơ-bia* Ngo biết. Nghe tiếng gáy của con gà sống Bơ-rim Bơ-ram, Hồ biết *hơ-bia* Ngo đã lấy chồng. Hồ liền mang rất nhiều thú vật khác đến tận chỗ *hơ-bia* Ngo giấu Y Rít, gọi Ngo ra hỏi :

-- Có phải con đã lấy chồng rồi phải không ?

Hơ-bia Ngo chối :

— Không, không phải như vậy đâu.

Hồ bảo :

— Không can gì mà phải nói dối. Chắc chắn là con đã lấy chồng vì gà sống Bơ-rim Bơ-ram gáy báo cho chúng ta biết chuyện đó.

Hơ-bia Ngo đành thú thực :

— Đúng, con đã lấy chồng, nhưng nói ra sợ Hồ sẽ ăn thịt mất,

Hồ lắc đầu mà nói :

— Chúng ta không ăn thịt chồng con đâu. Chúng ta không muốn con phải cò độc mãi. Con hãy cứ bảo chồng con ra đây.

Hơ-bia Ngo liền đưa Y Rit ra và nói cho Y Rit rõ đây là con Hồ đã nuôi mình khôn lớn. Y Rit không sợ nữa. Hồ liền gọi :

— *Hơ-bia* Ngo, con hãy đưa chồng con xuống hăn dưới này cho chúng ta xem mặt, cho chúng ta xem đám cưới này có tốt lành không ?

Hơ-bia Ngo lại phải đưa Y Rit xuống dưới nhà sàn. Hồ ngấm nhìn một lúc rồi nói :

— Người này tốt lắm, có thể ở đây mãi với con được.

Từ đấy, Hồ thường đi đi về về với vợ chồng Ngo. Lần nào về, Hồ cũng chia cho vợ chồng Ngo và Qua các thức thịt thú rừng Hồ bắt được.

Ít lâu sau, Y Rit nhớ mẹ, nhớ làng ; Y Rit bàn với vợ :

-- Chúng ta ở đây đơn độc quá, chẳng có ai cùng đi làm nương rẫy, cùng đi lấy nước, cùng uống rượu vui chơi. Chúng ta nên rời bỏ nơi này.

Hơ-bia Ngo nói :

— Em cũng muốn như vậy lắm nhưng làm thế nào vượt qua biên được ! Lại còn Hồ nữa, Hồ nuôi em, bằng lòng cho em lấy anh, bây giờ chúng mình bỏ đi, chắc Hồ không chịu đâu.

Y Rit bảo vợ :

— Nếu em bằng lòng về làng với mẹ anh thì anh có cách về được. Chúng ta sẽ đi lấy củ *ê-ninh* về nấu rượu cho Hồ uống thật say, và trong lúc Hồ ngủ say, chúng ta trốn đi. Rượu của ta uống hôm đó nấu bằng gạo nếp, ta uống ít, ta sẽ không say.

Hơ-bia Ngo bằng lòng. Hai vợ chồng bắt đầu chuẩn bị mọi thứ để trốn về đất liền. Một tháng sau, rượu bằng củ *ê-ninh* đã nấu xong, *hơ-bia* Ngo ra lệnh cho gà sống Bơ-rim Bơ-ram gáy rõ to để báo tin và để mời Hồ đến uống rượu. Gà Bơ-rim

Bơ-ram gáy được một lúc, Hồ đã kéo thêm một đàn hồ khác tới uống rượu. Hồ uống nhiều rượu quá, chưa xong bữa đã say mềm, nằm lăn ra ngủ như chết. Y Rít và *hơ-bia* Ngo vội vàng dắt một con vật rất lớn, lớn gấp 5, 6 lần con voi gọi là con *a-ré a-ran* tới để xếp các thứ quý giá mang đi. Hai người không quên mang theo cả các loại chiêng và *ché* đựng rượu.

Ra tới bờ biển, vợ chồng *hơ-bia* Ngo cưỡi lên lưng *a-ré a-ran*, lần theo một sợi dây song rất lớn của Y Rít đã chăng sẵn để vượt biển về đất liền. Lúc hai người ra tới giữa biển thì gà sổng Bơ-rim Bơ-ram mới biết. Nó liền gáy to lên để đánh thức và báo tin cho Hồ rõ là *hơ-bia* Ngo và Y Rít đang vượt biển về đất liền với mẹ, với dân làng. Hồ thức dậy, ào ào đuổi theo ra tận biển. Chúng cũng bám vào sợi dây song, lội xuống nước, đuổi theo *hơ-bia* Ngo và Y Rít đến cùng. Thấy thế nguy, *hơ-bia* Ngo đành phải rút dao chặt đứt sợi dây, đàn hồ ngã xuống biển chết hết, trừ một đôi vợ chồng Hồ đi sau cùng, vì còn ở gần bờ, nước nông nên thoát nạn.

Hơ-bia Ngo và Y Rít cố sức lần được vào bờ. Chẳng bao lâu, hai vợ chồng đã về được tới nhà. Bà nội Y Rít rất mừng. Gia đình Y Rít vừa sum họp được một tháng thì lão vua đã cho người tới hỏi xem Y Rít về chưa. Bà của Y Rít trả lời là Y Rít đã về. Người của lão vua liền bước lên thang, vào trong nhà. Hắn thấy nhà Y Rít sang trọng khác thường, vợ chồng Y Rít đang ngồi chơi giữa rất nhiều đồ vật quý giá. Hắn vội vã quay về nói chuyện cho lão vua biết là Y Rít đã lấy *hơ-bia* Ngo và trở nên giàu có vô cùng. Hắn lại khéo léo tả lại sắc đẹp của *hơ-bia* Ngo cho lão vua nghe. Lão vua rất tức giận. Lão nghĩ mưu để chiếm lại *hơ-bia* Ngo trong tay Y Rít. Lão liền cho gọi vợ chồng Y Rít tới chầu.

Vợ chồng Y Rít tới nơi, lão vua vờ đối đãi rất tử tế. Lão mời hai vợ chồng Y Rít uống rượu và ngỏ ý là lão muốn lấy *hơ-bia* Ngo làm vợ. Nếu Y Rít bằng lòng để *hơ-bia* Ngo cho lão thì lão sẽ chia cho Y Rít một nửa đất nước và của cải của lão. Y Rít không bằng lòng. *Hơ-bia* Ngo cũng trả lời là Nàng chỉ lấy Y Rít mà thôi. Sau đó hai vợ chồng Y Rít cáo từ lão vua để về nhà mình.

Sắc đẹp và tài khéo léo của *hơ-bia* Ngo làm lão vua say mê ngơ ngẩn. Lão ngẫm nghĩ và nhất quyết tìm đủ mọi cách để chiếm được *hơ-bia* Ngo. Lão lại cho gọi Y Rít tới, bắt Y Rít tìm cho mình sữa của một con gấu vừa đẻ con xong. Nếu Y Rít không lấy được sữa ấy cho lão thì lão sẽ trị tội thật nặng.

Y Rít lo lắng trở về. *Hơ-bia* Ngo ra đón. Thấy nét mặt chồng không vui, *hơ-bia* Ngo liền hỏi chuyện. Y Rít kể lại rằng lão vua bắt mình đi tìm sữa gấu mới đẻ con cho lão. *Hơ-bia* tươi cười cắt một nắm tóc của mình đưa cho Y Rít rồi nói :

— Việc ấy không có gì đáng lo sợ. Anh cứ cầm nắm tóc của em vào hang gấu trong núi làm tin, gấu sẽ cho anh sữa mang về.

Y Rít mừng rỡ, cầm nắm tóc của vợ, tìm vào hang gấu. Y Rít vừa vào tới cửa hang, một con gấu mẹ đã nhảy xổ ra định vồ. Y Rít vội ném nắm tóc vào gấu, gấu dừng ngay lại. Gấu cầm nắm tóc xem rồi hỏi Y Rít :

— Anh là chồng *hơ-bia* Ngo, cháu gái của ta phải không?
Y Rít đáp :

— Đúng vậy.

Gấu lại hỏi :

— Tốt lắm, như vậy anh đã là cháu ta. Cháu muốn gì bây giờ?

Y Rít ngỏ ý muốn xin ít sữa về cho lão vua. Gấu liền bảo Y Rít đi kiếm một quả bầu tới, vắt cho Y Rít một bầu sữa đầy. Y Rít cảm ơn gấu, xách bầu sữa thẳng tới chỗ lão vua. Thấy Y Rít lấy được sữa gấu, lão vua vẫn chưa từ bỏ ý định chiếm vợ của Y Rít. Lão lại bắt Y Rít kiếm sữa hổ cho lão. Lần này, Y Rít không lo lắng như lần trước. Y Rít đã có nắm tóc của vợ làm tin. Y Rít vào thẳng hang hổ. Hổ cái xong ra, Y Rít giơ ngay nắm tóc của *hơ-bia* Ngo cho hổ nhận thấy và xin hổ ít sữa. Hổ cái cho Y Rít sữa ngay. Hổ lại còn cho cả một hổ con về chơi với vợ chồng Y Rít nữa. Được sữa hổ rồi, lão vua vẫn chưa chịu. Lão lại bắt Y Rít đi lấy sữa voi cho lão. Y Rít yên trí đi tìm sữa voi. Voi cho Y Rít sữa và một voi con mang về cho lão vua. Lão vua độc ác được sữa voi xong lại ra điều

kiện cho Y Rit phải lấy được trứng của rắn thần Yang Mơ-ta mang về, lão mới chịu chia đôi đất nước và tài sản của lão cho Y Rit.

Trước điều kiện khó khăn ấy, Y Rit vẫn không nản trí. Y Rit tìm rắn thần và xin bằng được trứng của rắn thần Yang Mơ-ta mang về. Lần này lão vua không thể mượn cớ gì được nữa, lão đành chia một nửa gia tài cho Y Rit.

Tuy nhiên, lão vẫn ăm ức. Càng nhớ tới sắc đẹp của *hơ-bia* Ngo, lão càng nung nấu cái ước vọng chiếm được nàng làm vợ, mà muốn chiếm được nàng thì phải hại được Y Rit trước tiên. Lão lại cho gọi Y Rit tới. Lão nói :

— Ta đã chia cho nhà ngươi một nửa gia tài của ta vì nhà ngươi làm được một số việc khó khăn mà ta muốn. Ta hãy còn một nửa gia tài nữa. Bây giờ nhà ngươi phải kiếm cho ta một ít mật hoa *tong-bi*. Nhà ngươi kiếm được, ta sẽ cho nhà ngươi một nửa số của cải của ta còn lại nhưng nếu nhà ngươi không kiếm được thì ta sẽ chặt đầu.

Y Rit lại cầm nắm tóc của vợ ra đi. Mặc dầu mật hoa *tong-bi* là một thứ rất khó kiếm nhưng cuối cùng Y Rit cũng kiếm được mang về cho lão vua. Lão vua gian ác tuy rất uất ức nhưng rồi cũng phải chia cho Y Rit một nửa số của cải còn lại như lời lão đã cam kết.

Đến đây, Y Rit tưởng đã hết chuyện. Anh vui vẻ toan trở về với nàng Ngo xinh đẹp của mình thì lão vua hiềm độc kia đã ra một điều kiện khác. Điều kiện lần này khắt khe hơn cả. Lão bắt Y Rit phải lấy cho lão một sợi dây mây một đốt và một cây tre *ê-gút* không có đốt nào. Cả hai thứ này phải dài bằng chiều dài nhà lão ở. Lão hẹn nếu Y Rit lấy được thì Y Rit muốn gì lão cũng cho, không lấy được thì lão sẽ giết Y Rit và sẽ lấy *hơ-bia* Ngo làm vợ.

Lần này Y Rit không thể không lo sợ. Những thứ lão vua đòi hỏi ấy là những thứ không thể có được ở trên đời. Y Rit ra về, vừa đi vừa khóc vì lo sợ. Vừa về tới nhà, *hơ-bia* Ngo đã ra đón và hỏi :

— Làm sao anh khóc ?

Y Rít kể lại việc lão vua bắt mình đi kiếm các thứ khó khăn kia. *Hơ-bia* Ngo đã tươi cười bảo Y Rít :

— Sẽ có đủ các thứ đó. Anh hãy cứ đến xin thần Mơ-tao Tơ-lua và thần Kơ-bua Lăn, các thần linh ấy sẽ cho anh.

Nói đoạn, *hơ-bia* Ngo dẫn đường cho chồng tới chỗ ở của hai vị thần Mơ-tao Tơ-lua và Kơ-bua Lăn. Y Rít hăm hở ra đi và chẳng bao lâu anh đã xin được hai vị thần linh đó các thứ mà lão vua đòi hỏi.

Ngày Y Rít vác sợi dây mây một đốt và cây tre *é-gút* không đốt về cho lão vua là ngày sung sướng nhất. Anh tin chắc lão vua phải thua cuộc, lão không còn giở trò gì gian ác ra được nữa, anh và *hơ-bia* Ngo sẽ được hưởng hạnh phúc mãi mãi bên nhau. Quả nhiên, khi lão vua đem sợi dây mây một đốt và cây tre *é-gút* ra đo với chiều dài của nhà lão ở, các thứ bằng nhau chẵn chẵn. Lão đành phải thua cuộc và nộp cho vợ chồng Y Rít tất cả những của cải còn lại. Lão trở nên nghèo khổ. Cuối cùng, lão phải xin làm nô lệ, ở chăn lợn chăn gà cho vợ chồng Y Rít và *hơ-bia* Ngo.

ĐỖ THIÊN

sua tầm và biên soạn

Dân tộc MƠ-NÔNG*

ANH HÙNG TAM-RẮC

Ngày xưa, các dân tộc miền núi — và cả người Chăm nữa — đều đoàn kết với nhau rất chặt chẽ. Giữa các bộ lạc sống trên đất liền không bao giờ có sự xích mích xảy ra. Mọi người coi nhau như anh em một nhà.

Trong khi ấy, có một bộ lạc khác từ ngoài biển kéo vào xâm lấn. Bọn họ rất đông, rất mạnh và cũng rất hung dữ. Những trận đánh nhau ác liệt xảy ra ở phía tây nam miền núi Gô-đông. Những trận đánh ấy kéo dài bao nhiêu ngày tháng, bây giờ không còn ai nhớ nữa.

Người Chăm là người bị bộ tộc xâm lược ấy tiến đánh đầu tiên. Họ chiến đấu rất dũng cảm, chết bao nhiêu người rồi họ vẫn không nhụt chí. Nhưng rồi dần dần họ yếu thế, phải chạy sâu vào miền rừng núi và cầu cứu các bộ lạc anh em khác. Các bộ lạc anh em khác đều sẵn lòng cứu giúp. Họ liền cùng với người Chăm kéo xuống đánh đuổi bộ lạc từ ngoài biển kéo vào xâm lấn kia. Quân họ kéo đi đông lắm, trùng trùng như bầy mối, bầy kiến, khi thế mạnh mẽ như gió như mưa, như hổ rừng, voi núi...

Người điều khiển họ chính là anh hùng Tam-Rắc. Tam-Rắc rất khỏe và tài giỏi. Tam-Rắc lại có nhiều phép lạ kỳ. Quân của Tam-Rắc đóng ở một vùng rừng núi cao rộng. Trên đỉnh một ngọn núi cao nhất, Tam-Rắc cho cắm một lá cờ rất to. Khi nào gió thổi lá cờ tạt về phía biển ấy là lúc Tam-Rắc kéo quân xuống đánh bật bộ lạc xâm lược ra gần bờ biển. Khi nào

* Xem chú thích ở trang 257.

gió thổi lá cờ tạt về phía núi rừng, ấy là lúc Tam-Rắc cho quân rút lui. Lúc ấy cũng là lúc bộ lạc xâm lược lại tiến vào. Cuộc chiến đấu cứ giằng co như thế mãi.

Quân của cả hai bên đều mỏi mệt, cả hai bên đều bị thiệt hại rất nhiều. Giữa lúc ấy, do sơ ý, anh hùng Tam-Rắc bị quân địch bắt được. Tam-Rắc liền hóa phép biến mình thành hai người. Một người thì để cho quân địch bắt, còn một người trở về với quân của mình, điều khiển quân mình đánh phá kẻ thù rất dữ dội.

Người Chăm lúc này cũng vẫn chiến đấu rất dũng cảm. Họ có một thủ lĩnh tên là Sam-Ca. Sam-Ca hợp sức cùng với Tam-Rắc, quyết đánh thắng kẻ thù. Cuối cùng, với sự cố gắng và lòng dũng cảm, Tam-Rắc, Sam-Ca cùng với người Chăm và các bộ lạc anh em khác đánh bại được kẻ xâm lược.

Sau khi đánh xong kẻ thù, Tam-Rắc bị kiệt sức. Tam-Rắc quyết định tự tử. Sau khi dặn mọi người không nên quên mình, Tam-Rắc cầm gươm tự sát.

Tam-Rắc chính là người của bộ tộc Rơ Gơ-lai. Quê hương Tam-Rắc nay là *buôn* Bu-Mông. Tam-Rắc là một vị anh hùng chung nên tất cả các bộ tộc khác cũng như người Chăm đều thờ cúng.

Về sau này, anh hùng Sam-Ca của người Chăm cũng chết ở gần bộ lạc Rơ Gơ-lai, bên cạnh chỗ Tam-Rắc chết trước. Người ta liền thờ cả hai người và gọi chung là thần Bu-Mông.

ĐỖ THIÊN

sưu tầm và biên soạn

Dân tộc XÊ-ĐĂNG*

NÀNG REN-ĐẮC (HAY LÀ NÀNG HOA NƯỚC)

Ngày xưa, ở vùng dân tộc Xê-đăng có một tù trưởng tre, đẹp và giàu có tên là Bang. Nhân dân được sống tự do, sung sướng với hoa rừng, núi non, khe suối. Bấy giờ trong khu rừng nọ có một mù đàn bà độc ác tên là Long. Mụ Long chuyên sống với bầy ma quỷ khát máu.

Một hôm, mụ đến gốc cây mà mụ đã đánh dấu để hái những quả cây chín đỏ mọng về ăn. Bất thần thấy một chú khỉ đứng trên cành, mụ cười nham hiểm rồi quơ gậy nói:

— Đồ quỷ tha, ma bắt! Sao mi dám ăn trộm của cái nhà ta? Muốn sống hãy cắt ngay đi. Nếu không ta gọi rắn dữ đến cắn chết bây giờ!

Khỉ đáp:

— Mụ không nên dọa tôi vì tôi là dòng họ bất tử! Mụ Long ngạc nhiên, hỏi lại:

— Có phải mày cũng là ma quỷ hay sao mà lại nói được tiếng người?

Khỉ điềm tĩnh đáp:

— Ngày xưa tôi là một cô bé. Tôi bị một tên phù thủy gian ác bắt để moi gan, uống máu. Thần linh thấy thế tức giận, phạt nó chết và cho hồn tôi nhập vào xác khỉ.

— Thế mày có muốn tao giúp mày trở lại kiếp người mà còn đẹp gấp bội xưa không?

* Xem chú thích ở trang 262.

Hồn cô gái ngây thơ đáp :

— Muốn lắm !

Mụ Long gian ác gật đầu và ra điều kiện :

— Muốn vậy, từ nay mày phải ở với tao một năm, làm tất cả công việc của một tôi tớ nhỏ mới được.

Hồn cô bé ngây thơ vui vẻ nhận lời. Nhưng thời gian cô bé ở theo nó là thời gian cô bị nó hành hạ, đánh đập tàn nhẫn nhất.

Chẳng bao lâu, dân làng biết tin có một con khỉ biết nói đang bị mụ Long ức hiếp. Trai trẻ kéo lên nhà *róng* (1), ngồi bàn bạc với nhau để đến cứu nó. Họ bí mật gài bẫy lừa bắt mụ Long đem vút nơi xa rồi cùng chạy đến nhà mụ. Nghe tiếng giã gạo, một người trong nhóm thanh niên gọi lớn :

— Bớ khỉ ! mày có nhà không ?

Khỉ dừng chày giã gạo, trả lời :

— Có, tôi đây !

— Eo ôi, mày không biết mụ Long là tên phù thủy hung ác hay sao mà đến ở với nó ?

Nghe ra, khỉ sụt sùi, than khóc :

— Tôi biết hấn độc ác rồi nhưng không theo nó thì sao tôi được sống lại kiếp người. Các thần núi, thần nước linh thiêng ở khắp con nước, ở tận núi cao này đều đã nghe lời thề của nó.

Khỉ vừa dứt lời, bỗng nhiên gió nổi lên đầy trời. Mây mù kéo đen nghìn nghịt. Núi đứng sững như chết. Từ trong lòng một cây cổ thụ trước nhà, bỗng phát ra tiếng nói vang như sấm động :

— Bớ khỉ ! con hãy rời bỏ nhà mụ Long ác độc đi ! Hồn mụ ta sắp phải sa ngục rồi. Con cứ về làng sống với bà con. Chẳng bao lâu nữa ước mơ của con sẽ được toại nguyện.

Tiếng nói linh thiêng kia vừa dứt, đất trời bỗng trở lại quang đãng như thường. Nhưng lúc khỉ về làng, một số chị em phụ nữ và các bà già ngỡ khỉ là ma quỷ về hãm hại con cháu họ nên họ xúm vào đánh đập, chửi rủa thậm tệ.

1 — Nhà làng.

Bỗng nhiên gió lại cuồn cuộn nổi lên. Không khí u ám, nặng nề, trời căng ra như sắp nổ. Từ trong lòng gốc cây cổ thụ lại vang lên giọng nói ồ ồ như sấm :

— Bớ khỉ ! con hãy chạy đi, ta sẽ chỉ đường cho !

Nghe tiếng nói của thần, mọi người đều ngẩng mặt lên trời kêu nài, than thở :

— Xin thần tha tội cho chúng tôi. Chúng tôi đã trót đại hành hung một người mà chúng tôi tưởng là ma quỷ !

Rồi họ lại vạt nài khỉ :

— Khỉ ơi, em hãy ở đây làm rầy, cùng nghe đàn, cùng uống nước con suối này với chúng ta. Đừng giận chúng ta nữa !

Nhưng khỉ chỉ cúi đầu cảm ơn vì khỉ còn phải nghe lời thần khuyên bảo.

Dân làng khẩn vái xong, trời lại dịu sấm chớp và sáng dần ra. Mây xanh, mây trắng nhón nhơ như múa lượn trên đầu. Chim rừng kêu. Mang, nai đi từng đàn lên rầy. Đêm ấy, khỉ nhìn sao *ha-lon* (1) mà đi mãi trong rừng sâu. Nhưng, hôm sau, mặt trời thức dậy chậm hơn mọi ngày. Mây rục lên như mặc áo đỏ. Gió ngừng thổi. Suối không cười. Đàn tắt tiếng. Dân làng sợ hãi, chạy về đứng trước nhà *róng*. Một cụ già, đầu tóc bạc phơ, chống gậy đến bảo tù trưởng Bang rằng :

— Có một cô gái trẻ, sáng như mặt trời, đẹp như mặt trăng, từ trên cành cây rơi xuống, từ trong hoa đỏ nở ra sắp đến với người. Người đã ăn ở tốt với dân làng, trời muốn người lấy cô. gái đẹp ấy làm vợ. Thôi người hãy giả làm một kẻ nghèo khó đi săn bắn, đến rước cô ta về đi !

Nói xong, cụ già biến mất. Biết là thần linh muốn giúp mình, tù trưởng Bang vội vã cầm rìu, mang *ná* (2) ra đi. Mặt trời bỗng sáng lại như mọi ngày. Trên rừng, muôn chim đua nhau ca hát. Hoa trắng, hoa vàng, hoa đỏ nở đẹp bên nước đầu làng.

Hồn cô gái trẻ đội lốt khỉ kia nghe lời thần linh dạy, ước ao muốn sống lại kiếp người nên vẫn cần cù đi miết. Đường

1— Sao hôm.

2— Ná : nỏ.

xa, chân đã rớm máu. Cổ khô như sắp bong. Bông cô thấy một dòng suối bạc chảy long lanh trước mặt. Cô vội vã chạy tới. Nhưng kẻo thay, dòng suối này chính lại là sào huyết của con rắn Pi hung ác, con rắn chúa của các thủy động và sông ngầm. Cô gái sắp được thần linh giúp cho trở lại kiếp người không hay biết gì cả. Cô cúi mình xuống dòng nước trong như ngọc để uống. Bông có một bàn tay lông lá, quờ quào trên mặt nước, bóp lấy cổ cô, quật ngửa ra. Đó là mục Long. Mục giận dữ gầm lên:

— A, con khốn nạn! mày đã bỏ nhà tao, tao sẽ giết mày, tao sẽ giết mày!

Hồn cô gái cầu, van lạy:

— Bà ơi, tôi có định trốn đâu, chính thần đã bảo tôi đi.

— A!... mục Long nghiêng răng, quát tháo — Thần, thần, ba đời, chín kiếp mày sẽ được xem thần thánh của mày đây!

Mục vừa nhổ toẹt một bãi quết trâu trên mặt nước thì sông đang yên lành bỗng dậy sóng. Gió cuốn ào ào. Mặt nước rẽ ra: con rắn Pi khổng lồ hiện lên. Đôi mắt nó đỏ rực như hai quả núi bốc cháy, miệng há to như hang đá, lưỡi phì ra như sóng cuộn, đuôi quất mạnh như bão táp quật đổ cây lớn trong rừng.

Thấy rắn Pi tài phép hơn mình, mục Long sợ xanh cả mặt, mục sững sờ như người sắp chết. Đang cơn nguy biến ấy một trận gió mạnh nổi lên. Thần cây hiền lành lần nữa lại hiện ra cứu khỉ:

— Bớ khỉ, con đừng sợ. Hỡi rắn Pi! mày phải giết chết mục Long độc ác cho ta!

Rắn Pi sợ sức mạnh của thần cây, tuân lệnh. Nó há rộng miệng, xòe đôi bàn tay lông lá tóm lấy mục Long và vò xác mục như vò một chiếc lá khô. Thần cây bèn nói:

— Đưa hồn mục ấy cho ta trị nó!

Rắn Pi vâng theo lời dạy của thần. Thần cây lại ra lệnh cho rắn Pi phải nuốt xác khỉ, còn phần hồn cô bé thì trả lại cho thần.

Xác khỉ đã nằm trong bụng rắn. Thần cây liền bắt mục Long và tên phù thủy phải hóa thành những con kên kên (1), mình

1 — Một loại chim lớn cùng loài với diều hâu.

mấy hồi thối, chuyên đi ăn xác chết và đồ dơ bẩn. Từ đó mới có các con chim ác lượn trên rừng núi Xê-đăng.

Sau đó thần cây hạ lệnh cho ánh sáng mặt trời nhập vào cây cỏ thơm đẹp nhất trên núi cao làm thân người, lấy nhụy hoa làm mũi, lấy hai giọt sương long lanh làm đôi mắt, lấy dòng suối làm tóc, lấy tiếng sáo làm giọng nói, lấy hai búp hoa làm đôi vú, lấy hoa hồng chớm nở làm miệng, — và cho hồn cô bé nhập vào. Trên đất Xê-đăng bỗng hiện ra một cô gái đẹp tên là Ren Đắc. Ren Đắc lấy tù trưởng Bang cần cù và dũng cảm làm chồng. Hai người ăn ở với nhau, sinh được nhiều con cái. Họ là tổ tiên của những người sống trên rừng núi đông bắc tỉnh Còng-tum.

NGỌC ANH

viết lời và biên soạn

NỮ THẦN ĐĂNG-GIAI (1)

Ngày xưa có hai vợ chồng một ông vua lấy nhau đã từ lâu nhưng không có con. Trong cung còn có rất nhiều cung tần mỹ nữ khác nhưng cũng không một ai sinh được một hoàng tử hoặc công chúa nào để nối nghiệp cho vị vua đó. Nhà vua và hoàng hậu rất buồn.

Một hôm, vua cho thiết lập đàn tràng để cúng thần, cầu thần cho mình một đứa con. Thần My-Kây động lòng liền bàn với vợ là nữ thần Đăng-Giai, cho nữ thần Đăng-Giai xuống hạ giới đầu thai làm con gái hai vợ chồng vị vua này một thời gian. Nữ thần Đăng-Giai bằng lòng và sửa soạn đi ngay.

Thời kỳ ấy, trong xứ sở của vị vua đó, có một con quái vật rất hung ác. Đó là một con chim hung thần có sừng nhọn và cứng như sừng tê giác, có mỏ cứng và dài. Chim hung thần thường bay đi khắp nơi, bắt người và súc vật về để ăn thịt.

1 — Ở Lào và Thái-lan cũng có một truyện tương tự. Truyện này là của đồng bào Tơ-dơ Ră, một ngành thuộc dân tộc Xê-đăng.

Người ta đã tìm mọi cách để trừ nó nhưng không nổi. Nhân dân lúc nào cũng nơm nớp lo sợ nó tới sát hại, phá phách.

Sau khi lập đàn cúng thần được ít lâu thì một đêm, hoàng hậu nằm mơ thấy một việc rất lạ. Hoàng hậu mơ thấy mình đang ngồi chơi thì có một viên đá rất đẹp từ trên trời rơi xuống. Hoàng hậu há miệng đón lấy viên đá vào bụng. Viên đá đó sáng rực lên một lúc lâu rồi mới tắt. Đến đấy thì hoàng hậu tỉnh giấc. Sáng hôm sau, hoàng hậu kể lại giấc mơ cho chồng nghe. Nhà vua liền cho đòi một ông thầy cúng rất giỏi tới đoán mộng. Thầy cúng đoán rằng đó là điềm nhà vua sắp sửa có con.

Quả nhiên, đầu vú hoàng hậu bắt đầu thâm lại: hoàng hậu đã có mang. Đúng chín tháng sau, hoàng hậu sinh một nàng công chúa mà ngay từ lúc mới đẻ, người ta đã biết nàng sẽ là một người tuyệt đẹp. Vợ chồng vị vua rất mừng và ra sức nuôi nấng chăm nom công chúa. Ngày tháng thấm thoát trôi qua, chẳng mấy lúc công chúa đã 16 tuổi. Nàng quả là một cô gái nét na và đẹp tuyệt vời. Vua là hoàng hậu bắt đầu nghĩ đến việc kiếm cho công chúa một tấm chồng xứng đáng.

Trong khi ấy, con chim hung thần càng ngày càng hung tợn. Không một ngày nào nó không bay đi đây đó, làm hại mọi người. Người ta kêu lên đến tận tai vua và đòi hỏi nhà vua phải có phương sách trừ con ác quỷ. Nhà vua không biết làm thế nào hơn là cầu người tài giỏi ra giúp. Nhà vua hứa ai trừ nổi con chim hung thần ấy thì nhà vua sẽ nhường ngôi cho.

Tin nhà vua sẽ nhường ngôi cho người nào có tài giết nổi ác quỷ lan ra khắp nước. Nhưng đợi mãi cũng chẳng thấy một ai dám ra làm việc đó. Nhà vua lo buồn hết sức. Công chúa thấy vua cha như vậy liền hỏi chuyện. Nhà vua kể hết cho con gái nghe chuyện chim hung thần làm hại muôn dân. Công chúa nghe xong liền vui vẻ nói với cha:

— Xin cha yên lòng, con sẽ giết con chim hung tợn ấy để trừ hại cho mọi người.

Nghe con gái nói, nhà vua vui mừng vô hạn. Nhà vua rất kiêu hãnh vì có một cô con gái can đảm mặc dầu ông chưa biết con gái mình sẽ dùng cách gì để giết nổi con chim tài giỏi nhưng vô cùng hung tợn kia.

Hai cha con vừa nói chuyện với nhau được vài ngày thì bỗng một hôm, nhân dân nhốn nháo chạy tới báo tin là chim hung thần đang bay lượn trên cánh đồng gần thành trì. Nó đang sắp sà xuống phá phách và xé xác người vô tội để ăn thịt. Nhà vua lo sợ quá, vội gọi công chúa ra mà bảo :

— Chim hung thần đã tới, con có cách gì hãy ra mà giết nó để cho yên lòng mọi người thôi !

Công chúa vâng lệnh và xin cha cho mình một số quân lính. Nàng bắt quân lính mặc toàn quần áo mới. Ngoài gươm đao ra, công chúa còn cho quân lính mang theo cả hai giỏ đầy những hoa thơm. Trước khi ra đánh nhau với chim hung thần, công chúa nói với vua cha cho lập một đàn để cúng thần. Thần My-Kây hiện xuống, giao cho công chúa một chiếc cung và một chiếc tên thần. Công chúa liền cầm cung và tên thần ấy đi đầu, dẫn đoàn quân ra đánh nhau với ác điều.

Chim hung thần thấy công chúa dẫn quân tới, trong bụng vui mừng lắm. Nó hy vọng được ăn xương uống máu no nê. Đoàn quân ra tới nơi, nó há mỏ thật to, đập cánh lia lịa. Gió bão nổi lên âm ầm, tiếng quẹt mỏ của nó vang động như sấm sét rung chuyển cả núi rừng. Nhưng nàng công chúa xinh đẹp đã giương cung đặt tên, nhắm trúng ngực chim bắn tới. Vì là cung tên thần nên chỉ một phát, con ác điều đã bị trúng tên lăn ra chết liền. Mọi người reo hò vang dậy, chúc mừng nàng công chúa xinh đẹp đã đánh thắng chim hung thần trừ hại cho dân.

Thấy con gái tài giỏi khác người, vua và hoàng hậu rất sung sướng. Sau đó ít ngày, nhà vua làm lễ nhường ngôi cho con gái. Thế là công chúa lên làm vua.

Nàng lên làm vua được đúng hai năm thì chết. Lúc chết, nàng vừa tròn mười tám tuổi. Nàng đã trở về Thượng giới với chồng là thần My-Kây. Nàng chính là nữ thần Đấng-Giai, vợ thần My-Kây, xuống đầu thai làm con gái hai vợ chồng ông vua hiếm con kia.

ĐỖ THIÊN

sưu tầm và biên soạn

HẠT BÍ NGÔ*

Ngày xưa, ở vùng kia, có một gia đình hai vợ chồng già hiếm con. Hai vợ chồng chỉ sinh được một cô con gái rất xinh đẹp. Hai vợ chồng rất chiều quý con gái. Cô gái lớn lên, càng bội phần xinh đẹp. Nhưng vừa đến tuổi lấy chồng, cô gái bỗng ốm nặng và chẳng bao lâu thì chết.

Bố mẹ cô gái đau buồn hết sức. Nhất là bà mẹ, bà thương con quá, bà không nỡ đem chôn xác cô con gái thân yêu của mình. Bà chạy khắp nơi, hết làng này sang làng khác, để xem ai có phương thuốc gì cứu nổi con gái bà sống lại. Bà đi, đi mãi, cuối cùng, bà gặp một người phù thủy. Người này bảo bà rằng:

— Tôi không có thứ thuốc gì cứu được con bà nhưng tôi có thể mách bà đến tìm một vị thần linh coi về sự sống của loài người. Vị thần linh đó có thể giúp bà được.

Nói đoạn, người đó chỉ đường cho bà mẹ đến tìm gặp vị thần linh ấy. Bà mẹ vội vàng ra đi. Bà đi ngày, đi đêm, đi mãi miết. Chẳng mấy bữa, bà đã được gặp vị thần linh coi sóc về sự sống của loài người. Bà kính cẩn xin vị thần linh ấy cứu sống cho con gái mình. Vị thần linh mỉm cười, bảo bà:

— Ta có một thứ thuốc có thể làm người chết sống lại nhưng thứ thuốc này còn thiếu một vị. Nhà ngươi phải đi tìm được vị thuốc ấy về đây cho ta. Như vậy mới có thể cứu được con gái ngươi.

Bà mẹ có con gái vừa chết ấy mừng rỡ vô cùng. Bà nói với vị thần linh:

— Xin thần cứ cho tôi biết vị thuốc đó là vị gì, tôi sẽ tìm bằng được. Tôi thương quý con gái tôi lắm, tôi có thể chịu đựng được tất cả mọi sự vất vả ở đời để cứu sống con gái tôi.

Vị thần bèn nói:

— Vị thuốc đó là hạt bí ngô.

* Ở Miến-Điện, Khor-me cũng có một truyện tương tự.

Bà mẹ reo lên:

— Chao ôi! Hạt bí ngô thì nhà ai chẳng có! Tôi xin đi kiếm về ngay đây!

Vị thần linh ngăn bà lại và nói:

— Hạt bí thường thì dễ kiếm, đúng như nhà người nói. Nhưng hạt bí cần để làm được thuốc đây không phải là hạt bí thường. Nó phải là một hạt bí của nhà nào không có vợ chồng, con cháu, họ hàng hoặc nô lệ đã chết kể từ trước tới nay mới được.

Bà mẹ ngẫm nghĩ một chút rồi nói với vị thần linh:

— Được, xin Người hãy giúp tôi. Hạt bí đó dù khó kiếm, nhưng vì thương yêu con gái tôi, tôi sẽ tìm bằng thấy.

Nói đoạn, bà ta từ biệt vị thần linh để đi tìm một hạt bí như lời thần linh dặn. Bà đi khắp rừng này, núi nọ. Bà đi hết ngày này sang ngày khác. Bà đi khắp làng này sang làng kia. Gặp nhà nào bà cũng vào, gặp người nào bà cũng hỏi. Nhưng bất cứ ở đâu người ta cũng cười và bảo bà rằng:

— Sao bà gàn dở vậy? Có nhà nào là nhà không có vợ chồng, con cháu, họ hàng hoặc nô lệ không chết từ trước tới nay!

Bà không tin lời họ. Bà cứ đi và đi mãi. Cho tới một ngày kia, bà đã thấy không tài nào tìm nổi một hạt bí như lời vị thần linh dặn, bà đành quay về nói với vị thần linh ấy rủ lòng thương mà cứu cho con gái mình sống lại. Bà gặp vị thần đó trong một cánh rừng rậm. Vừa trông thấy bà, vị thần linh đã hỏi ngay:

— Nhà người đã tìm được hạt bí ấy chưa?

Bà mẹ trả lời:

— Chưa. Tôi không thể nào tìm được hạt bí như thế. Tôi đã vào mọi nhà, tôi đã gặp mọi người. Nhà nào cũng có cha mẹ, vợ chồng, con cháu họ hàng hoặc nô lệ đã chết.

Vị thần nọ mới cười mà bảo bà rằng:

— Tất cả mọi vật đều có sống và có chết. Vì vậy không bao giờ nhà người có thể tìm thấy một hạt bí ngô như ta dặn cả. Ở đời không có cái gì là bất diệt. Sự đau buồn của nhà người cũng là một việc chung của tất cả mọi người: nó cũng

giống sự đau buồn của tất cả các bà mẹ khác có con chết. Như vậy nhà người còn tìm cách làm cho con gái sống lại làm gì?

Bà mẹ nghe ra; bà búi ngủi trở về để chôn cất cô con gái yêu quý của mình.

ĐỒ THIỆN

sưu tầm và biên soạn

NÀNG TIÊN GẠO *

Ngày xưa, làng kia có một cô gái đẹp nhưng rất nghèo. Cô nghèo xơ nghèo xác, ngày mùa chưa hết, gạo thóc nhà cô đã cạn rồi. Cô lại phải nuôi một bà mẹ già yếu. Ngoài mẹ ra, cô chẳng còn ai là người thân thích họ hàng.

Tuy nhà nghèo nhưng bản tính mẹ con cô vốn là người giàu lòng từ thiện. Gặp những người nghèo khổ cùng cảnh ngộ như mình, cô thường hết lòng giúp đỡ. Nhiều khi mẹ con cô phải ăn ít hoặc nhịn đói để cứu giúp người khác.

Trong làng ấy lại có một lão nhà giàu. Lão này ngày xưa cũng nghèo khổ, và lúc còn nghèo khổ, lão cũng biết thương người. Chính vì chỗ đó mà lão đã được gặp một bà cụ già nghèo đói nằm xin ăn ở một gốc cây, nhân một hôm lão ta đi làm rẫy. Bà cụ già nghèo đói ấy đã xin ăn lão. Lão đã động lòng và cho bà cụ cả chỗ cơm mình mang đi ăn để làm rẫy, trong khi chính bụng lão cũng đói meo. Lão không ngờ sau đó về nhà, lão đã có cả một đồng lúa lớn giữa nhà. Đồng lúa không biết do ai mang tới. Các ngày sau cũng vậy. Mỗi ngày lão được một đồng lúa. Nương rẫy của lão lại được mùa thêm và lão trở nên giàu có nhất làng. Nhưng khi đã giàu có, tính tình lão thay đổi khác hẳn. Lão độc ác và keo bẩn không ai bì nổi. Cũng như nhiều kẻ giàu có khác, lão chỉ bo bo giữ của và làm giàu, ai khổ sở đói rét mặc ai.

Một buổi, lão nhà giàu ấy đi chơi. Lão bắt gặp hai mẹ con cô gái đẹp tốt bụng nọ. Lão bảo bà mẹ:

— Cho con gái về làm đầy tớ hầu ta, ta sẽ cho thóc gạo mà ăn.

* Còn gọi là nàng tiên Xơ-Ri. Chuyện về nàng tiên Xơ-Ri thì một số lớn các dân tộc ở Tây-nguyên đều có. Truyện này là của đồng bào Hà-lang, một ngành thuộc dân tộc Xê-đăng.

Bà mẹ cô gái không ưng, nhưng cô gái lại bằng lòng vì cô thương mẹ. Cô nghĩ mình chịu khó làm đầy tớ cho lão nhà giàu, tất sẽ được nhiều gạo cho mẹ ăn no, mặc ấm. Cô xin với mẹ và về làm đầy tớ cho lão ta.

Cô làm việc rất chăm chỉ và ngay thẳng. Cô vẫn tốt bụng với mọi người. Nhưng cô không được toại nguyện: mẹ cô vẫn bị nhịn đói vì lão nhà giàu không trả công cho cô, không cho cô gạo để nuôi mẹ. Cô rất buồn và không biết than thở cùng ai.

Một đêm kia cô nằm ngủ cạnh một vựa thóc. Trong giấc ngủ say, cô mơ thấy một người đàn bà đẹp tuyệt vời, đến ngồi bên cạnh mình nói chuyện. Người đàn bà đẹp ấy vuốt tóc cô triu mến, thân yêu như một người mẹ. Cô gái còn đang bàng hoàng chưa hiểu thì người đàn bà đẹp ấy đã nói:

— Ta là Xơ-ri, là Nàng Tiên Gạo đây. Ta thấy em ngoan ngoãn và biết thương người nên ta muốn giúp em để em nuôi được mẹ già. Cái lão nhà giàu chủ của em, ta ghét lão lắm. Ta đã giúp đỡ, làm cho lão trở nên giàu có nhưng lão xấu bụng quá thể. Đó là một sự lầm lẫn của ta.

Người đàn bà đẹp nói đến đây thì gà bắt đầu gáy sáng. Cô gái nghèo sức tỉnh và thấy hai tay mình còn nắm đầy những nắm thóc vàng óng ánh. Tuy nhiên, cô cho đó chỉ là một giấc mơ, cô không để ý gì nhiều.

Ít ngày sau, cô bị lão chủ nhà đuổi đi. Lão chẳng trả cho cô một nắm thóc công nào. Lão đổ tội cho cô đã ăn cắp thóc gạo và chiêng *ché* của lão mang về nuôi mẹ.

Cô gái buồn rầu trở về. Hàng ngày, cô lại vào rừng kiếm củi, đào củ, bóc măng nuôi mẹ như xưa.

Một hôm, cô đi bóc măng và đào củ trở về, dọc đường, cô gặp một bà lão già nghèo đói đang nằm rên rỉ bên một gốc cây. Trông thấy cô, bà lão chìa tay xin ăn. Chẳng nghĩ ngợi gì, cô liền nhóm lửa, nướng củ, nướng măng cho bà lão ăn. Bà lão ăn một lúc hết trơn cả chỗ củ và măng cô vừa kiếm được. Ăn xong, bà cụ còn đòi uống nước. Cô gái lại lẻo đẻo ra suối xách nước cho bà cụ uống và rửa tay. Nhưng lúc cô xách nước về thì không thấy bà cụ đâu nữa. Chỗ bà cụ ngồi lúc nãy chỉ còn lại một chiếc thùng không. Cô gái đành phải quay về. Cô

mang theo cả chiếc thúng đó, định bụng lần sau sẽ mang đi để nếu gặp bà cụ thì sẽ trả lại.

Nhưng cũng từ đó, cô không bao giờ thấy bà cụ ấy nữa. Có chiếc thúng ấy trong nhà, nương rẫy nhà cô mùa nào cũng tốt gặp bội. Chiếc thúng đó lúc nào cũng đầy ắp những thóc gạo. Đó chính là thúng của Nàng Tiên Gạo đã tặng cho cô gái tốt bụng mà cô không biết. Cô gái càng giàu có, cô càng năng giúp đỡ người nghèo khổ hơn xưa.

Trong khi ấy, lão nhà giàu độc ác và keo bần ngày càng gặp khó khăn. Nương rẫy nhà lão mất mùa luôn. Lão nghèo túng mãi đi và cuối cùng lão phải xin làm tôi tớ cho người khác. Lão nghèo khổ bởi vì Nàng Tiên Gạo không ở với lão nữa.

ĐỖ THIÊN

sưu tầm và biên soạn

NÀNG TIÊN CÁ (1)

Ngày xưa có một anh chàng đánh cá làm một túp lều nhỏ bé ở ngay cạnh một cái hồ rất lớn. Hồ đó rộng như biển, mắt thường không sao nhìn thấu bờ bên kia.

Anh ta rất nghèo ; hàng ngày anh ta phải vác lưới đi đánh cá kiếm ăn. Thuyền của anh ta là một chiếc thuyền nhỏ và cũ nát. Ngồi trên thuyền, bơi ra giữa hồ rộng, anh ta vừa quăng lưới kiếm cá vừa gõ chiếc chiêng đem theo để giải buồn. Anh ta vốn là một người yêu đời, hay hát. Giọng hát véo von của anh luôn hòa với tiếng chiêng du dương, bay lướt trên mặt nước trong xanh.

Một đêm trăng đẹp, sóng nước long lanh như dát vàng, anh chàng đánh cá yêu đời ấy tìm được một chỗ mới để đánh cá. Chỗ này rất nhiều cá, anh ta bơi thuyền thẳng tới, hăng hái quăng lưới xuống nước. Một lát sau, anh kéo lưới lên thì thấy rất nặng tay. Anh vui mừng, tin chắc được một mẻ cá lớn. Nhưng lưới lên gần hết trên mặt nước, anh chàng rất lạ lùng vì thấy một bàn tay người giơ lên vẫy vẫy, có vẻ bối rối sợ hãi

(1) Truyện này và truyện chàng Rôk là của đồng bào Ta-co, một ngành thuộc dân tộc Xê-đăng.

lắm. Và một giọng nói trong vắt như tiếng chiêng của anh hăng đánh vọng lên :

— Chàng đánh cá quý mến của em ơi ! Em xin chàng, chàng hãy thả em ra, chàng hãy trả lại tự do cho em !

Mới đầu, anh chàng đánh cá cũng sợ hãi và kinh ngạc. Nhưng rồi anh trấn tĩnh được. Anh mạnh bạo kéo lưới lên. Anh đã nhìn thấy trong lưới của mình có một cô gái rất đẹp, da cô gái trắng như bạc và tóc đen như than. Cô gái cựa quậy trong tấm lưới mãi nhưng không sao gỡ thoát. Đôi mắt cô nhìn anh như cầu khẩn anh buông tha. Anh thích thú đứng ngắm cô ta một lúc lâu rồi không hiểu nghĩ ra sao, anh buông thả một đầu lưới xuống nước cho cô ra thoát.

Người con gái đẹp ấy chính là một nàng Tiên Cá. Nàng Tiên Cá xưa nay vẫn ở dưới đáy hồ, đêm đó đi chơi trăng và nghe chàng đánh cá hát, chẳng may sa lưới. Được chàng trai buông thả, nàng Tiên Cá vội vã trở về thủy cung, trong lòng không khỏi không thầm cảm ơn chàng trai nghèo nhân hậu. Hình ảnh chàng trai đã in sâu vào đầu óc nàng, mặc dầu mới gặp nhau lần đầu.

Bữa đó, anh chàng đánh cá nghèo đánh cá xong trở về lều nằm nghỉ. Anh luôn luôn nghĩ đến cuộc gặp gỡ kỳ lạ vừa rồi. Lúc nào trước mắt anh cũng hiện ra hình ảnh người con gái đẹp có làn da trắng bạc và mái tóc mềm đen lánh như than.

Chẳng bao lâu, anh thấy rõ rằng mình đã yêu người con gái ấy. Nàng Tiên cá cũng vậy. Qua một thời gian, nàng cũng đã thấy mình đem lòng thực sự thương yêu chàng trai đánh cá nghèo, gia sản không có gì ngoài một túp lều nát với tấm lưới và một chiếc thuyền con. Hàng ngày, chàng đánh cá mang thuyền tới chỗ gặp gỡ người đẹp bữa nọ mà đánh chiêng và ca hát để bày tỏ nỗi lòng. Những lúc đó, nàng Tiên Cá cũng ngồi im, lắng tai nghe tiếng hát, tiếng chiêng trầm bổng từ trên mặt nước vọng xuống. Nàng thấy lòng mình thổn thức bồi hồi...

Trước mối tình chân thật của người trai nghèo và giọng hát du dương ấy, nàng Tiên Cá không thể làm được mãi. Một đêm trăng đẹp, nàng liền bỏ thủy cung, lên thẳng trên bờ. Nàng đến lều chàng trai. Hai người lấy nhau. Cuộc tình duyên của họ đẹp như trăng nước. Họ gắn bó yêu nhau như giọng hát quện lấy tiếng chiêng...

Chẳng bao lâu, hai vợ chồng đẻ được hai đứa con trai rất xinh. Da đứa nào cũng nâu hồng như da bố. Mắt đứa nào cũng tròn và tóc thì đen lánh như than hết tóc mẹ. Lớn lên, họ đều lấy vợ người một làng gần đấy. Họ sinh con đẻ cái và con cái họ mắt đều tròn, tóc đều đen vì đây là những người thuộc dòng giống nàng Tiên Cá. Cuộc sống gia đình đầm ấm cứ như thế trôi qua.

Bỗng một đêm, một trận bão lớn nổi lên. Mưa to. Gió lớn. Và, gió cuốn nàng Tiên Cá ra hồ mất tăm. Chàng đánh cá nghèo đau đớn khóc lóc sao cũng không thấy vợ trở về. Chàng lại cưỡi thuyền đò sóng ra chỗ gặp gỡ nhau thuở xưa đánh chiêng và hát vọng xuống nước. Nhưng tiếng chiêng và giọng hát của chàng lúc này không được như xưa nữa. Đau buồn, thất vọng vì cuộc chia ly không ngờ ấy, chàng đánh cá ngày một héo hon. Cuối cùng chàng ốm nặng và chết trên bờ hồ. Người ta đem chôn chàng ngay bên cạnh túp lều nhỏ cũ, túp lều của chàng đã được cùng vợ là nàng Tiên Cá chung sống những ngày sung sướng nhất đời.

Chàng đánh cá chết được ít lâu thì bỗng có một hôm, nàng Tiên Cá lại xuất hiện. Nàng rẽ nước lên bờ, tìm đến túp lều cũ. Túp lều đột nát và quanh vắng. Nàng hiểu ngay rằng người chồng yêu quý của mình đã chết rồi, không bao giờ còn gặp nhau được nữa. Từ đó, đêm nào nàng cũng lên ngồi cạnh túp lều mà than khóc. Nàng đau đớn khóc than, nhưng cũng như chồng nàng trước kia, tiếng khóc của nàng không thể làm người chồng yêu quý của nàng sống lại.

ĐỖ THIÊN

sưu tầm và biên soạn

CHÀNG RÔK

Ngày xưa ngày xưa, bên dòng sông Phăm hùng vĩ, có một làng tên là Kông-mơ-xú. Kông-mơ-xú là quê hương của chàng Rôk.

Ở phía đông nam núi Dách, cách làng Kông-mơ-xú chừng năm ngọn núi, chín đầu đèo, có một con chim đại bàng to lắm. Cánh nó dài gấp bảy cột nêu đâm trâu, mắt nhìn xa thấu biển,

chân nó có mười hai cái vuốt nhọn, thấm máu, trông đến ghê người.

Năm nào cũng vậy, cứ đến mùa hè thì con đại bàng hung ác lại bay đi khắp các *buôn* quắp những cô gái xinh đẹp nhất đem về làm vợ.

Một sáng, đúng vào một buổi sáng của một đêm có trăng tròn nhất, nó bay đến làng Kông-mơ-xú. Nó rống lên ồ ồ, hơi thở của nó bốc ra, xông thối cả một vùng.

Các bà mẹ già đương đào măng trên rẫy thấy nó đều ngừng tay làm việc, khẩn khoản cầu xin :

— Ông chim ơi ! nếu ông muốn đòi đến một trăm con trâu, đến mười bộ chiêng, bộ *ché*, chúng tôi cũng chịu nộp nhưng ông hãy tha cho con cháu *buôn* này.

Nhưng đại bàng vẫn cậy vào sức mạnh, nó đang rộng đôi cánh đen, quạt tung các nóc nhà dài, quạt đổ cầu thang, quạt bay bò, lợn và quắp một cô gái đẹp nhất của Kông-mơ-xú đang ngồi núp trong chiếc *ché* xưa bay đi...

Cô gái đẹp ấy là em ruột chàng Rôk.

Bà mẹ chạy về nhà chẳng tìm thấy con đâu nữa, dậm chân kêu khóc thảm thiết :

— O con gái yêu của mẹ, con gái tóc dài, mắt đẹp như sao đã bị con quỷ bắt mất rồi !

Buổi chiều, Rôk đi rẫy xa về thấy em gái đã bị đại bàng cướp, chàng buồn đến phát khóc. Một ngày, hai ngày, ba ngày, Rôk chẳng thiết ăn gì, mà chỉ lo tìm cách cứu em. Các cụ già trong làng tìm tòi an ủi. Một cụ già cao tuổi nhất trong làng, nửa đêm đến tìm gặp Rôk :

— Cháu ơi, muốn đánh chim đại bàng cũng chẳng dễ đâu. Cháu có thấy con sông Phăm hùng vĩ đằng trước làng ta không ? Sông ấy có nhiều cá sấu, nước chảy nhanh như gió. Nếu vượt qua nó được, cháu sẽ thấy dưới gốc cây *na-ra* (1) to lớn có một ông cụ râu dài, mắt sáng như mặt trời. Ông cụ ấy biết nhiều phép kỳ lạ, có thể chỉ đường cho cháu đi tìm em gái.

1 — *Na-ra* : cây vả.

Nghe nói, Rôk mừng quá, suốt đêm không ngủ. Sáng hôm sau, Rôk chạy vào rừng, đẽo một chiếc thuyền nhỏ để vượt sông.

Biết tin Rôk đi, cả làng đều băn khoăn, lo lắng, sợ Rôk bị đại bàng hại. Nhưng Rôk đã quyết chí rồi, Rôk phải cứu em gái cho bằng được.

Rôk đội thuyền nhỏ ra sông. Cả *buôn* đều đi theo tiễn.

Gió lên, sóng dậy. Gió đưa thuyền của Rôk trôi xa dần... Tự nhiên mây đen nghịt kéo tới bay là là mặt nước. Trời nổi cơn giông tố. Sấm sét ầm ầm. Sóng dữ đánh tan thuyền Rôk. Bỗng đâu một con sóng thần to lắm, to hơn mái nhà *rông*, ập tới, đẩy Rôk giạt vào bờ. Rôk nằm mê man, bất tỉnh. Lúc Rôk mở mắt thì lạ thay, cây cỏ thụ *na-ra* đã sừng sững trước mắt rồi! Mừng quá, Rôk chạy nhanh như gió, chạy một mạch đến gặp cụ già mà anh hằng mơ ước. Cụ già đầu tóc bạc phơ nằm ngửa mặt nhìn trời, hỏi Rôk:

— Cháu đến đây làm gì?

Rôk quỳ xuống đáp:

— Cháu đến đây nhờ *vọt* (1) bày cho đường đi đánh đại bàng để cứu em gái.

Cụ già ôn tồn bảo:

— Được, nhưng cháu phải lượm hết những quả *na-ra* nào ngon nhất, đem đến cho già ăn đã.

Rôk ngoan ngoãn làm theo. Một lát sau, cụ già khoát tay bảo:

— Rôk ơi! cháu không phải lượm nữa. Già muốn thử xem cháu có kiên nhẫn hay không thôi. Hãy bước lại gần đây! Cháu muốn đánh chim đại bàng để cứu em gái là một chuyện rất tốt, nhưng muốn làm được việc lớn thì trước hết cháu phải có tinh thần dũng cảm và chịu khổ mới được. Ở đây có một đàn lợn rừng, lông vàng như trái *keng*, nanh cong và trắng như ngà voi, chiều nào chúng cũng lội qua sông Phăm này để ăn quả *na-ra*. Trong mồm con lợn đầu đàn có một viên ngọc rất quý. Nhờ viên ngọc ấy mà đàn lợn kia có thể đi trên sóng dữ, cưỡi trên

1 — *Vọt*: cụ (tiếng để gọi những người mình quý trọng)

gió bão và có một sức mạnh chiến thắng được mọi thú dữ trong rừng. Muốn lấy được viên ngọc ấy, cháu phải hết sức bình tĩnh và nhanh nhẹn mới được. Cháu hãy làm theo lời ta dặn. Mỗi lần ăn quả *na-ra*, con lợn đầu đàn thường nhả viên ngọc quý để dưới gốc cây. Muốn lừa nó, cháu phải chịu khó nhặt cho được thật nhiều quả *na-ra* rồi rải khắp từ gốc cây ra đến bờ sông. Đàn lợn tham ăn kia sẽ bỏ viên ngọc mà ăn xa dần; khi đó cháu sẽ lấy được viên ngọc.

Rôk làm đúng như lời cụ già và lấy được viên ngọc.

Mừng quá, Rôk chạy đến gốc cây *na-ra* gặp lại cụ già. Cụ ân cần bảo Rôk:

— Cháu ơi! mơ ước của cháu chỉ mới đạt được bước đầu thôi. Cháu hãy ngậm viên ngọc này và đi ra giữa sông. Đến nơi nào có dòng nước xoáy mạnh nhất, cháu hãy nhìn xuống: dưới đáy sông có một thanh kiếm cắm ngược mũi lên. Chung quanh thanh kiếm ấy có từng đàn cá sấu hung ác bảo vệ nó. Nếu cháu lấy được thanh kiếm ấy thì cháu mới đánh thắng nổi đại bàng.

Rôk quý xuống lạy cụ già rồi ra đi. Đến chỗ có xoáy nước giữa sông, chàng nhìn xuống thấy từng đàn cá sấu đỏ môi cứ trừng mắt, nhe những hàm răng nhọn hoắt, nhô đầu lên như định nuốt. Rôk rùng mình, lùi lại. Nhưng nghĩ tới em gái, nghĩ tới mẹ già đang đau khổ, Rôk kiên quyết lặn xuống.

Đàn cá sấu hung tợn như cảm phục tinh thần của Rôk, chúng ngoan ngoãn lợi nép sang một bên, vây đuôi chào Rôk. Rôk vẫy tay chào lại rồi há miệng cắn mũi kiếm vào răng, rút mạnh lên. Đoạn, Rôk gật đầu ba lần, cảm ơn đàn cá sấu rồi ngoi lên mặt sông. Chàng giơ cao thanh kiếm, đi trên sóng trở về làng Kông-mơ-xú. Nhân dân được tin Rôk đã trở về, chạy ra bờ sông đón chào mừng rỡ. Đêm đó, Rôk ngủ một mình trên nhà *rông*. Nửa đêm, có một con vàng anh rất đẹp, bay đi, bay lại dưới ánh trăng, cất lời ca gọi Rôk:

— Rôk ơi, hãy dậy theo ta đi đánh đại bàng. Ta là chim của cụ già dưới gốc *na-ra* đây. Ta là chim của cụ già đây.

Mừng quá, Rôk liền cầm kiếm bước xuống. Chim vàng anh bay trước, Rôk vác kiếm theo sau. Đường đi qua bảy đèo cao, ba sông lớn, chín suối sâu, Rôk đã phải chống lại với không

biết bao nhiêu là cọp dữ, với bao nhiêu là voi đực lệch ngà rất hung ác.

Đang đi, một cây *lé-lé* rất to bỗng ngã xuống chắn đường của Rôk. Cây ấy có một phép rất kỳ lạ : hễ Rôk định rúc qua, nó nằm xuống; Rôk định bước qua nó lại cất ngọn cao lên. Xoay tính mãi vẫn chẳng vượt qua được, Rôk đành phải hỏi thăm một chú cò. Cò ngúc ngoắc cái cổ dài, đáp :

— Khó lắm ! Biết điều thì Rôk hãy trở lại. Chân ta dài, cổ ta cao, đầu ta đã bạc như thế này, ta cũng đành chịu không trèo qua được cây *lé-lé* đâu !

Thất vọng, Rôk quay sang hỏi chú chim cuốc đang ngồi trong bụi rậm. Cuốc tròn xoe mắt, kinh hãi đáp :

— Khó lắm. Biết điều thì Rôk hãy trở lại. Chân ta thấp, cổ ta bé, lưng ta còng như thế này, ta cũng đành chịu không chui qua được cây *lé-lé* đâu !

Tức quá, Rôk giơ cao thanh kiếm, kêu lên :

— *Giàng* ôi ! Sống chết thế nào ta cũng phải đánh nhau với con quỷ cản đường này !

Chàng giơ cao kiếm định chém thì cây *lé-lé* bỗng từ từ dựng thẳng dậy. Trên những cành cây lá xanh biêng biếc bỗng nở ra những chùm hoa trắng xóa, rơi vãi khắp đường đi như đón chào Rôk.

Rôk sung sướng vẫy tay ba lần, ngoảnh mặt lại bốn lần chào cây *lé-lé*. Lúc tới sào huyết của đại bàng thì lại có một hòn đá lớn nằm chặn lấy cửa hang. Rôk hết sức đẩy nhưng hòn đá không nhúc nhích. Rôk ngồi xuống suy nghĩ. Một con chim gõ kiến bay qua, bay lại, biết Rôk đang bối rối bèn ngỏ ý giúp đỡ :

— Chàng Rôk ơi ! Ở nhà mẹ tôi có một chiếc búa trời là gia tài của ông ngoại tôi để lại, nó có thể phá được cửa hang này. Tôi sẽ thừa với mẹ tôi để cho chàng mượn nhưng chàng phải giết cho được chim đại bàng. Nếu chàng thua nó, mẹ con tôi sẽ chết hết.

Mừng quá, Rôk đứng dậy, đưa tay lên trời thề với chim là sẽ giết bằng được đại bàng. Chim gõ kiến liền trao lưỡi búa

quý báu cho Rôk. Rôk đến trước cửa hang, đánh mạnh xuống hòn đá, hòn đá bỗng nổ tung như sấm động. Đại bàng đang ngủ, giật mình bay xò ra, giờ mười hai chiếc vuốt nhọn hoắt định phanh thây Rôk.

Tức giận, Rôk giờ cao thanh kiếm chặt sả vào cánh phải. Đại bàng phun ra một vòi lửa xanh lè, nóng rực, hắt vào mặt Rôk. Rôk lại giờ cao thanh kiếm chặt vào cánh trái. Đại bàng phun ra một luồng mây tối đen, hắt vào mặt Rôk. Nhờ viên ngọc quý nên Rôk không việc gì. Hai bên đánh nhau ba ngày ba đêm, hết trên trời lại xuống đất. Trên mình Rôk đã mang đầy thương tích, nhiều lần Rôk ngất đi. Nhưng nhớ tới lời dặn của ông tiên, nhớ tới mẹ già, em gái, Rôk lại đứng dậy đánh nhau với đại bàng và cuối cùng, Rôk đã đâm trúng tim nó. Chim đại bàng hung ác rống lên ghê rợn rồi đâm xuống hố sâu đầy rắn rết, hùm, beo mà chết.

Rôk sung sướng chạy vào hang, cứu được em và tất cả những cô gái xinh đẹp đã bị đại bàng giam hãm. Anh em Rôk gặp nhau vô cùng mừng rỡ. Trên đường về, dân các buôn chạy ra hai bên đường đón chào người thanh niên dũng cảm.

NGỌC ANH

sưu tầm và biên soạn

*Dân tộc HƠ-RÊ**

HAI DÒNG SUỐI

Roóc và Ép là hai anh em ruột cùng sống chung trong một căn nhà nát. Cha mẹ họ đã bị chúa làng giết chết. Cả hai anh em sống cơ cực trong cảnh nghèo khổ. Nương rẫy không có, họ chỉ có một con rựa cùn để đào củ kiếm ăn. Tuy vậy họ vẫn không được ở yên với tên chúa làng hung ác. Tên này đang tìm hết cách để bắt anh em Roóc và Ép làm nô lệ cho nó.

Không thể sống như thế mãi. Ép bàn với anh đi nơi khác kiếm kế sinh nhai. Roóc vốn là người lười biếng. Lúc đầu, y chần chừ không muốn nghe em vì y cho rằng dù sống đói rét nhưng không phải trèo đèo lội suối vẫn hơn. Ép nói đến hết lời, Roóc mới chịu nghe theo.

Một buổi sáng, hai người trai nghèo khổ đó lên đường. Họ không biết đi về phương nào để tìm thấy một cuộc đời bình yên, no ấm. Sau khi suy nghĩ, Ép và anh cùng ngược dòng suối đi lên.

Hai người đi mãi, tới ngày thứ tư, họ đến một đoạn đường làm cho họ dừng chân suy nghĩ. Đó là ngã ba suối. Ở đó có hai dòng suối nhỏ chảy vào con suối họ đang men theo. Họ cùng nhau bàn bạc. Ép hỏi:

— Anh Roóc ơi! Anh theo dòng trong hay dòng đục?

Roóc suy nghĩ: « Bên dòng suối đục, chắc có *buôn* làng nào nên người ta làm nước vẫn lên. Ở đấy chắc có nhiều thóc gạo và từ đây tới đó chắc không xa ». Roóc trả lời em:

* Xem chú thích ở trang 267.

— Tao đi theo dòng suối đục.

Ép cầm tay anh, dẫn dò :

— Tôi đi theo dòng suối trong. Nếu ai tìm được nơi nào tốt, phát rẫy tra lúa xong thì đi tìm nhau đến để cùng làm cùng ăn.

Rồi, Ép gạt nước mắt, từ giã anh. Roóc cũng vội vã đi, không dẫn dò em một tiếng.

Roóc đi mãi đến lúc trăng lên thì chân đã mỏi, bụng đã đói. Y ngồi xuống một gốc cây. Đang thiu thiu ngủ, y chợt nghe tiếng đàn khỉ kêu gần đầu đấy. Y đứng dậy đi về hướng đó để mong nhặt những trái chín khỉ vứt lại. Đàn khỉ thấy có tiếng động, vội vàng bỏ chạy. Roóc nhặt một trái cây rơi định đưa lên miệng thì đã có một con khỉ cái rất lớn đến gần. Con vật cầm lấy tay Roóc và ra hiệu muốn làm vợ y. Lúc đầu, Roóc còn kháng cự nhưng về sau, nghĩ đến nỗi kiếm ăn vất vả, Roóc bằng lòng lấy khỉ. Roóc nghĩ : « Khỉ sẽ nuôi ta ».

Từ đó, Roóc không khi nào nghĩ đến em nữa.



Ép luồn rừng đi mãi. Gai góc làm sây da, chảy máu, nhưng anh vẫn không nản chí. Vượt qua đèo, qua suối, một ngày kia, Ép đến một nội cỏ. Trên nội cỏ có từng đàn trâu không người chăn dắt chạy rông. Anh vào *buôn*. *Buôn* làng vắng ngắt. Ép đến từng nhà. Nhà nào cũng không có một ai. Vết máu loang đầy sàn. Đến đâu cũng vậy. Ép lên tiếng gọi cũng không có một lời đáp lại. Chiều hôm đó, Ép đến một nhà ở cuối *buôn* để nghỉ chân. Anh nhìn quanh. Cuối nhà có một trái bầu lớn, giữa nhà có một bếp lửa. Ép đề ý nhìn. Trong bếp có một đóm than đỏ. Ngay khi đó, có hai người con gái đẹp từ trong quả bầu bước ra. Họ nhìn Ép và hỏi Ép từ đâu tới. Ép nói ý định của mình là tìm nơi *buôn* làng tốt để mượn rìu rựa, vay thóc giống, phát nương, tra lúa. Hai người con gái đẹp khuyên Ép nên tìm nơi khác vì ở đây đã mấy hôm liền có đôi chim đại bàng đến bắt người. Chúng đã bắt hết ba trăm dân làng. Hiện nay trong *buôn* không một người sống sót. Cha mẹ hai nàng cũng đã bị

đại bàng ăn thịt. Chỉ riêng hai chị em nàng trốn được vào trong quả bầu mới thoát. Một người gái đẹp nói thêm :

— Cứ lúc nào thấy có khói bếp bay lên là chim đại bàng tìm đến. Bởi vậy em và chị Loang cứ ngồi trong bầu, chờ đêm khuya mới dám nhóm lửa thổi cơm.

Càng nghe chuyện, Ép càng tức giận hai con đại bàng gian ác. Anh bảo hai chị em Loang cứ yên tâm, anh quyết giết đại bàng để trả thù cho những người đã chết. Hôm đó, Ép thức suốt đêm để làm ná, vót tên, Ná và tên của Ép, không người nào mang nổi.

Hôm sau, khi trời sáng rõ, hai chị em Loang lại chui vào trong quả bầu. Ép nhóm bếp đốt lửa. Chim đại bàng được ở trên núi cao trông thấy khói, vội bay đến. Núi rừng chuyển động dưới cánh chim. Nghe tiếng đại bàng bay gần tới, Ép xách ná chạy xuống sân. Con quái vật lao đầu vào trong nhà. Ép giương ná bắn lại. Đại bàng hộc lên và quay lại, nhào đầu xuống Ép. Cuộc giao tranh quyết liệt kéo dài đến nửa ngày. Cuối cùng, Ép bắn chết con đại bàng. Xác con quái vật nằm chặt cả nường rẫy. Ép mổ bụng nó ra. Trong cái bụng khổng lồ vẫn còn hơn trăm xác chết. Ngay lúc đó, một con chim xanh đậu trên nóc nhà cất tiếng bảo Ép lấy củ kiệu lùa vào mũi, vào tai, vào miệng mọi người cho họ sống lại. Ép làm theo. Quả nhiên hơn trăm xác chết sống lại. Ép khuyên mọi người không nên về nhà vội vì lo có thể chim đại bàng cái sẽ tìm đến để trả thù chẳng.

Sáng hôm sau, Ép lại đốt lửa. Chim đại bàng cái bay tới thật. Lần này, cuộc giao tranh khốc liệt hơn. Khi Ép bắn chết con quái vật thì người anh đã đầy thương tích. Ép lại làm theo lời chim xanh và cứu sống được những người bị chim đại bàng cái nuốt, trong đó có cha mẹ của hai chị em Loang.

Trong hội giết trâu ăn mừng, *buôn* làng đã gả hai chị em Loang cho Ép. Từ đó, Ép sống một cuộc đời no đủ. Hàng ngày, công việc rừng rẫy đã xong. Ép ngồi thổi sáo để hai vợ hát theo.

Tuy sống trong cảnh yên vui nhưng hàng ngày Ép vẫn nhớ đến anh. Một hôm, Ép từ giã mọi người để đi tìm Roóc. Ép trèo đèo lội suối đến ngã ba xưa và anh men ngược theo dòng suối đục. Một đêm, Ép nghe có tiếng người ru con đâu đấy. Nghe tiếng quen quen, Ép vội đến gần. Một con khỉ cái hiện ra, nó nắm chặt tay anh và ra hiệu muốn lấy anh làm chồng. Ép rút dao đuôi đánh con vật tinh quái. Con khỉ cái chạy miết vào rừng.

Ép đến bên gốc cây có tiếng ru con, và kinh ngạc nhận ra người ru con đó là anh ruột mình. Ép gọi anh từ trên cành cây xuống và Ép nói rõ ý định của mình. Thấy nhờ em mà sắp được sống cảnh yên vui, Roóc vội vàng đập chết hai con và đi theo Ép.

Về đến nhà Ép, Roóc được mọi người chiều chuộng đủ thứ. Cả ngày y không động tới việc gì. Thấy hai vợ của em đẹp quá, y liền nghĩ cách chiếm đoạt.

Một buổi sáng, Roóc rủ Ép vào rừng kiếm gỗ. Khi đến miệng một cái hố sâu, Roóc nói lừa em rằng dưới ấy có vết chân mặt trời. Ép tưởng thật, ngó xuống xem. Lập tức Roóc đẩy Ép xuống. Y giả vờ khóc lóc và trở về báo tin cho mọi người biết rằng Ép đã bị thú rừng hãm hại.

Từ đó, Roóc tìm cách dụ dỗ, đe dọa chị em Loang để bắt hai người lấy mình. Vì sợ bị Roóc giết, hai người gái đẹp đành phải tìm cách khất lần.

Ép nằm dưới hố nghĩ ngợi. Anh không ngờ Roóc lại hại mình như thế. Vừa đói, vừa khát, thành hố lại cao như bờ vực hiểm, Ép đành nằm đợi chết.

Ở nhà, Ép có một con chó. Một hôm, chó vào rừng và vô tình đến bên miệng hố. Chó nhìn xuống hố thấy Ép. Từ hôm đó, chó bớt phần cơm của mình để bỏ xuống hố nuôi chủ. Ép nhớ nhà, nhớ vợ quá, anh ra hiệu cho chó về lấy sáo đem ra. Chó đem sáo lại. Tiếng sáo của Ép đã làm cho mọi người kéo đến bên miệng hố. Thấy có người rơi xuống hố, voi cùng bè bạn đi lấy dây song dồng xuống. Ép được kéo lên và voi đưa Ép về làng.

Nghe tin Ép đã trở về, lũ làng tới báo cho chị em Loang và mọi người cùng nhau đi đón. Ép về đến nhà, anh nhìn quanh không thấy Roóc đâu. Ép vừa gọi vừa tìm. Đến khi mở cửa buồng ra, anh đã thấy Roóc treo cổ lên xà nhà. Ép tìm cách gỡ xuống và cứu sống anh. Roóc cứ một mực xin để cho chết, vì y không dám nhìn mặt mọi người. Ép an ủi anh. Từ đó, gia đình Ép lại vui vẻ như xưa.

Một buổi sáng, Roóc bỏ nhà đi. Y đi mãi không về. Mấy hôm sau, Ép men theo dòng suối tìm anh. Ép hỏi thăm mọi người. Bà con đi rừng báo cho Ép biết: Roóc đã nhảy xuống suối. Xác chết của Roóc đang trôi về dòng suối đục.

ĐINH VĂN THÀNH

sưu tầm và biên soạn

VIÊN NGỌC ƯỚC

Ua không có cha, không có mẹ. Ua có người yêu tên là Gô. Ua và Gô nghèo đói như nhau, hai người ở cách xa nhau một ngày đường. Chúa làng ở đầu sông Re bắt Ua về nhà từ khi Ua mới biết đeo gùi trên lưng.

Ua lớn lên, mùa phát rẫy, chúa làng bắt Ua đi làm rẫy, chặt cây to như cây trai làng vẫn chặt. Khi lúa chín nó bắt Ua ngồi suốt lúa từ sớm mai cho đến lúc trăng lặn. Chặt cây nhiều quá, hai tay sưng lên, khỏi rồi, hai bàn tay lại nát ra vì suốt lúa, Ua không bao giờ no cả. Hàng ngày, ở rẫy về, Ua hái lá thuốc để chữa tay đau, hái trái cây để ăn cho đỡ đói. Ua suốt xong lúa, chúa làng bắt Ua nằm coi chòi lúa ở ngay ngoài rẫy. Hạt lúa chất đầy chòi, miệng Ua muốn ăn mấy hạt nhưng bụng lại nhớ đến lời chúa làng: « Ở Ua! Hạt thóc của tao có ma, mày nuốt vào bụng, ma nó theo vào bụng. Lúc chết mày sẽ hóa thành hạt thóc để người ta ăn thịt đấy ».

Một hôm, con trai chúa làng qua chòi lúa. Nó ngó thấy Ua nằm ôm bụng. Nó đá vào bụng Ua, miệng nói:

— Mày nằm ngó giống con chó già nhà tao!

Ua tỉnh dậy. Con trai chúa làng cười « a a » rồi đi thẳng.

Ua xách ống nứa ra sông lấy nước uống cầm hơi.

Gió thổi nhẹ nhẹ. Nước ôm lấy chân Ua. Đôi chân gầy như cành cây khô. Ua thở dài, cúi xuống mức nước. Bỗng Ua giật mình, ngừng tay.

Nước ở giữa hồ sủi lên. Nước reo như tiếng đàn *tô-rung* dồn dập. Ua lùi dần vào bờ, tay dụi mắt để ngó cho đúng. Một cô gái đẹp từ giữa chỗ nước sủi hiện lên, áo *cà-tu* (1) có thêu nhiều hoa đẹp.

Cô gái đẹp đến gần Ua. Miệng Ua chưa kịp kêu thì tay Ua đã bị cô gái đẹp giữ lấy :

— Vua Nước có con gái bị đau đã lâu. Thần linh bảo Ua biết thuốc. Tôi đến đón Ua đi chữa bệnh cho con Vua đây.

Ua la lên :

— Tôi không biết thuốc. Tôi không chữa được bệnh cho con Vua Nước. Nếu tôi biết thuốc tôi cũng chẳng đi đâu ! Tôi đi không ai coi chòi, chúa làng biết, chúa làng giết tôi mất.

— Ua chớ trái lời Vua Nước. Vua Nước to hơn chúa làng. Ua không đi, thần linh không ưng bụng.

Mặt nước rẽ làm đôi. Cô gái đẹp dắt Ua qua đầu nước liền lại đó.



Con gái Vua Nước có lần lên đất chơi bị ve cắn sưng mình mẩy. Loài tôm, loài cá đến thăm không biết bệnh gì. Thần Nước không biết lấy lá cây gì làm thuốc. Con gái Vua Nước bị đau đã ba lần trăng tròn, ngày không ăn, đêm không ngủ.

Ua đến thăm bệnh cho con gái Vua Nước. Ua bảo Vua cúng thần linh. Cúng xong, Ua lấy ve ra.

Con gái Vua Nước khỏi bệnh. Vua Nước hỏi Ua muốn được đền ơn những gì. Ua nói :

— Tôi là kẻ mồ côi nghèo khổ. Tôi muốn hết khổ.

1. — Cà-tu : váy.

Vua Nước đưa cho Ua một viên ngọc quý :

— Ta cho Ua viên ngọc này. Ua muốn gì hãy nói cho ngọc biết, ngọc sẽ làm Ua được toại nguyện. Ua sẽ khỏi khổ.

Ua chơi ở nhà Vua Nước ba hôm rồi xin về.

Về đến chòi lúa, Ua sững sờ dừng lại. Dấu chân con chim, con sóc ngồn ngang. Lúa trong chòi vơi mất một nửa. Một già làng gặp Ua, nói :

— Ua đi đâu ba tháng bây giờ mới về? Mặt Ua đẹp thêm ra nhưng con sóc, con chim ăn gần hết lúa trong chòi rồi. Chúa làng đang cho tôi tớ đi tìm Ua để bắt tội đó.

Già làng đi khỏi, Ua ngồi ôm đầu. Sợ chúa làng quá, nước mắt rơi ướt cả áo. Một lúc lâu, Ua chợt nhớ tới viên ngọc ước. Ua lấy ngọc ra, ước :

— Tôi đói rồi, ngọc cho tôi ăn cơm đi ! Tôi mất lúa rồi, ngọc cho tôi lúa đi !

Một mâm cơm hiện ra trước mắt. Mâm cơm nhiều thức ăn ngon như mâm cơm của chúa làng. Một chòi lúa to bằng ba chòi lúa của chúa làng bỗng hiện ra sau lưng. Chòi lúa đầy thóc. Ua sung sướng, vừa ăn cơm vừa nghĩ tới Gô. Ua nói với ngọc :

— Người thương của tôi đang làm tôi tớ cho chúa làng ở đầu sông Re. Gô khổ lắm. Ngọc đưa Gô về đây với tôi. Ngọc hãy cho tôi nhà, cửa, trâu bò. Ngọc hãy cho tôi chiêng đồng, *ché* rượu nhiều hơn của chúa làng !

Ua vừa nói xong, bên tay phải Ua đã có một ngôi nhà rộng lớn, dưới sàn nhà có hàng trăm trâu, bò đi lại. Ua bước lên nhà. Trong nhà, chiêng, *ché* nôi bày xếp gọn gàng từng thứ. Ua đứng ngó không biết mỗi con mắt. Ngay lúc đó Gô bước vào.

Hai người nhìn nhau, nước mắt sung sướng ứa ra.

Sớm hôm sau, Ua đến gặp chúa làng. Chúa làng trông thấy Ua, nói :

— Con Ua cộp bắt kia ! Mày làm hại lúa tao rồi ! Tao làm thịt mày cho chó tao ăn !

Ua không sợ nữa. Ua nói :

— Tôi làm mất của chúa làng nửa chòi lúa. Tôi đền cho chúa làng một chòi khác to hơn. Chúa làng cho người đi mà lấy lúa về. Tôi không giữ lúa cho chúa làng nữa đâu.

Con trai chúa làng cầm con rựa thật bén ra trước mặt Ua. Nó quát :

— Mày đi trước, tao đi sau. Có lúa tao lấy lúa, không có lúa, tao lấy thịt mày !

Thằng con chúa làng theo đến trước nhà Ua. Cái nhà to quá, đẹp quá. Nó đứng lại, không dám vào. Ua gọi Gô :

-- Anh Gô đưa con chúa làng đi lấy thóc để Ua đi bắt cá làm cơm.

Ua bước vào nhà, ước có *ca-tu* và áo đẹp như áo và *ca-tu* của con Vua Nước. Khi Ua bước ra, con trai chúa làng thấy Ua đẹp quá, ngó giống hoa *trang*, hoa *pơ-nang*. Nó nói mãi mới được một câu :

— Tôi không lấy lúa đâu. Tôi muốn lấy Ua làm vợ. Ua cười :

— Mày nói nghe không vào tai tao. Mày ác hơn con chó nhà tao. Mày hãy lấy lúa về mà ăn cho xong chuyện !

Con trai chúa làng về nói chuyện lại với bố. Bố nó liền gọi tôi tớ mang dao, mác, kiếm, nà đi cướp nhà Ua.

Lũ làng chạy đến báo cho Ua biết. Ua nói với viên ngọc :

— Ngọc chờ cho chúng nó tới đây.

Một dãy núi cao mọc ngay gần nhà chúa làng. Bọn tôi tớ của chúa làng trèo hết bốn lần ông trăng tròn cũng không qua được. Chúng đành chịu. Ua và Gô sống một cuộc đời sung sướng bên nhau.

ĐINH VĂN THÀNH

sua tầm và biên soạn

*Dân tộc SRÊ ****CHÀNG TỜ-RÁ-TRANG-LAN***(hay là truyện Thủy thần)*

Ngày xưa, có một ông già tên là Giô-Buô. Giô-Buô có hai cô con gái xinh đẹp, cô chị là Nơ-ga, cô em tên là Nơ-gi. Ba cha con cùng làm nghề đánh cá và bẫy gà rừng để sinh sống.

Một hôm, sau khi đã đánh được khá nhiều cá nhỏ màu trắng như bạc, hai chị em Nơ-ga, Nơ-gi về trước. Ông lão Giô-Buô về sau vì còn phải tạt vào rừng xem xét lại các bẫy gà đặt từ hôm qua. Vào đến nơi, ông lão rất vui mừng khi thấy bẫy nào cũng đã sập xuống và bắt được rất nhiều gà. Ông liền gỡ bẫy, thu tất cả gà mang về.

Trên đường về, ông lão Giô-Buô đang vui sướng thì bỗng gặp một con quái vật; nó làm ông rất hoảng sợ. Đó là một con rắn rất to, to bằng hai vòng sải tay. Miệng rắn phun phè phè ra lửa đỏ rực và nói thành tiếng người: « A-ru-ú ! A-ru-ú ! ».

Ông già Giô-Buô chột dạ, hỏi lại :

— Rắn thần muốn gì ?

Rắn vẫn phun phè phè thành tiếng : « A-ru-ú ! A-ru-ú ! »

Biết rắn đòi ăn thịt con gái mình, ông già Giô-Buô càng lo sợ. Ông biết đó là một con rắn thần, nếu không làm rắn vừa ý thì sẽ tai hại cho cả làng. Ông cố trấn tĩnh, hỏi thêm :

— Được rồi, nhưng rắn muốn ai, con Nơ-ga à ?

* Xem chú thích ở trang 280.

Rắn phun phè phè thành tiếng « Không ». Ông già lại hỏi :

— Thế muốn con Nơ-gi à ?

Bấy giờ rắn mới gật đầu và rẽ sang một bên đường, nhường lối cho ông già về nhà sửa soạn mang con gái út là Nơ-gi ra nộp.

Ông già Giô-Buô ra về, trong lòng rất đau buồn, càng nghĩ ông càng thương cô gái út xinh đẹp và hiền lành. Về đến nhà, vì thương con quá, ông ngất đi. Mọi người đến cứu chữa hồi lâu ông mới tỉnh. Ông liền kể lại chuyện gặp rắn thần và rắn thần đòi ăn thịt Nơ-gi. Dân làng còn đang lo sợ, phân vân thì Nơ-gi đã nói :

— Tôi xin ra cho rắn thần ăn thịt để cứu cả làng.

Thấy Nơ-gi sẵn lòng hy sinh như thế, dân làng rất cảm kích. Người ta liền làm tiệc tiễn và mang tới tặng Nơ-gi đủ thứ chăn, váy, áo, chiêng, vòng, nhẫn và các thức ăn giống như đưa tiễn tặng một người chết. Nàng Nơ-gi xinh đẹp liền mặc các thứ váy áo đẹp nhất, đeo vào người những vòng những nhẫn đẹp nhất rồi cúi chào cha, chị và mọi người, chạy ra chỗ rắn thần hẹn để cho rắn thần ăn thịt. Chị của Nơ-gi là Nơ-ga cũng chạy theo tiễn đưa em một quãng. Thực ra trong bụng Nơ-ga rất mừng vì thấy mình vẫn được sống.

Nơ-gi chạy ra bãi cát gần bờ sông thì đã thấy một con rắn rất to đang nằm chờ. Miệng rắn vẫn phun phè phè ra lửa đỏ. Nơ-gi băng mình chạy tới cho rắn ăn thịt. Nó-ga chỉ nhìn đến đấy, và tin chắc Nơ-gi không sao thoát khỏi miệng rắn, Nơ-ga bỏ chạy về nhà, báo tin cho cha và dân làng là Nơ-gi đã bị rắn thần nuốt sống.

Nhưng sự thực không phải thế. Con rắn ấy chính là một vị thủy thần tên gọi To-rá-trang-lan đội lột. To-rá-trang-lan là một chàng trai rất xinh đẹp và có nhiều phép thuật. Lúc Nơ-gi băng mình chạy tới thì To-rá-trang-lan hiện ra nguyên hình. To-rá-trang-lan ôm lấy Nơ-gi và cùng nàng kết làm vợ chồng. Hai người nằm ngủ ngay trên bãi cát bên sông.

Ngủ một lúc lâu, Nơ-gi trở mình tỉnh dậy trước. Thấy chồng ngủ say, cái xác rắn lột ra để một bên, muốn cho chồng

không lộn vào hình rắn nữa, Nơ-gi liền lấy trộm xác rắn đem chôn xuống dưới cát rồi trở lại nằm cạnh chồng như cũ. Lúc Tư-rá-trang-lan tỉnh dậy, tìm mãi vẫn chẳng thấy cái xác rắn lộ ra ở đâu, chàng liền hỏi vợ :

— Nàng có thấy áo của ta đâu không ?

Nơ-gi chối :

— Không, em cùng ngủ với chàng. Chúng ta cùng ngủ say, làm sao mà biết được !

Tư-rá-trang-lan cho là điều hâu đến tha của mình đi. Chàng tìm điều hâu vặn hỏi. Điều hâu thật thà đáp :

— Không, tôi không lấy, tôi cũng không trông thấy ai lấy áo của Tư-rá-trang-lan.

Tư-rá-trang-lan bực mình lắm. Chàng chạy đến hỏi nước, hỏi các cây cối và súc vật chung quanh thì nước, cây cối và các súc vật đều lắc đầu. Mỗi lúc hỏi đến con chim *Thật* thì chim *Thật* mách là chính Nơ-gi mang áo xác rắn ấy vùi giấu xuống cát. Tư-rá-trang-lan quay lại căn vặn vợ rất gay gắt nên Nơ-gi đành phải chỉ chỗ vừa chôn áo xác rắn mà nói :

— Em không muốn chàng mặc áo đó nữa. Chàng thành rắn, em sợ chàng ăn thịt em lắm !

Tư-rá-trang-lan lắc đầu và cam đoan không ăn thịt ai cho Nơ-gi yên lòng. Sau đó, chàng hỏi thăm căn kẽ về tình hình gia đình của Nơ-gi. Chàng được vợ cho biết nhà nàng nghèo lắm.

Tư-rá-trang-lan không những đẹp trai, khỏe mạnh, có nhiều phép thuật mà lại còn là một người có rất nhiều của cải. Chàng muốn cho Nơ-gi và gia đình nàng cùng được hưởng hạnh phúc nên rủ Nơ-gi đưa mình về nhà nàng. Tư-rá-trang-lan đi trước, Nơ-gi đi sau. Về đến nhà, Nơ-ga là người trông thấy trước tiên, chị ta rất lấy làm ngạc nhiên trước một chàng trai trẻ đẹp như thế. Ông già Giô-Buô ra đón tiếp chàng rẽ đội lột rắn rất ân cần, tử tế. Tư-rá-trang-lan hỏi thăm sức khỏe bố vợ xong liền cầm một chiếc chiêng mà gõ. Chiếc chiêng ngân nga và hát lên rằng :

Nàng Nơ-gi yêu quý

Nàng nghèo quá !

*Nhà nàng chỉ có trâu già, ngựa già,
Gà vịt nhà nàng gầy gò,
Nàng Nơ-gi yêu quý! Nàng chỉ có thể thôi ư?
Ta, ta không muốn
Nàng khổ cực như thế này mãi,
Hỡi nàng Nơ-gi yêu quý của ta ơi!*

Tiếng chiêng vừa dứt, Nơ-gi đã lăn ra ngủ say. Tơ-rá-trang-lan liền bảo bố vợ:

— Bố ở nhà để con ra chợ mua cho Nơ-gi các đồ dùng của người Chăm làm ra. Con đi có thể lâu lâu mới về. Ở nhà, bố phải giữ và bảo Nơ-gi không được ra ngoài bố ạ.

Nói rồi Tơ-rá-trang-lan ra đi. Đến xứ sở của người Chăm, Tơ-rá-trang-lan được họ tiếp đón rất trọng thể. Các ông Hoàng bà Chúa người Chăm cho giết một trâu và một lợn mời Tơ-rá-trang-lan ăn. Tơ-rá-trang-lan ăn. Nhưng, chợt nhớ tới vợ, chàng lại lấy chiêng ra đánh. Chiêng lại ngân nga và hát lên rằng:

*Nàng Nơ-gi yêu quý!
Nàng hãy trở dậy,
Lấy củi mà đun,
Nấu cơm mà ăn cho khỏi đói.
Nhưng, nàng không được bước ra khỏi nhà,
Nàng phải nghe lời,
Hỡi nàng Nơ-gi yêu quý của ta ơi!*

Trong khi ấy, Nơ-gi vẫn ở nhà. Nàng đã có mang và luôn luôn tưởng nhớ đến chồng. Đối với bố và chị, Nơ-gi vẫn tỏ ra mình là một người hiếu thảo. Nàng không biết là trước hạnh phúc của nàng, chị Nơ-ga của nàng đã đem lòng ghen tị. Hôm đó, Nơ-gi đang ngủ bỗng nghe thấy tiếng hát của chiêng ngân nga vọng tới. Nàng vùng dậy, lấy củi lấy gạo nấu cơm. Nơ-ga đã có ý hại em để cướp chồng em. Đợi Nơ-gi nấu cơm xong, Nơ-ga liền rủ Nơ-gi đi tắm. Nơ-gi bằng lòng. Ông già Giô-Buô nhớ tới lời dặn của con rể, cản Nơ-gi lại. Nhưng Nơ-gi nể chị, cứ đi. Ra đến bờ biển, Nơ-gi định ăn một quả cam và một quả trứng rồi cởi váy áo xuống nước tắm. Nơ-ga đã cầm ngay dao nhọn đâm chết, lột lấy váy áo rồi đầy xác Nơ-gi

xuống biển. Giết Nơ-gi xong; Nơ-ga mặc tất cả váy áo của em gái vào người rồi quay về. Chị ta lại độn một quả bầu vào bụng, giả làm có mang như Nơ-gi. Chị ta về nhà đánh lừa cả bố, định bụng đánh lừa cả Tơ-rá-trang-lan để được làm vợ chàng trai xinh đẹp ấy.

Việc làm của Nơ-ga không ai biết nhưng Mặt Trời biết. Mặt Trời là ông tổ của chàng Tơ-rá-trang-lan. Thấy Nơ-gi bị giết oan, Trời liền ra lệnh cho loài cá nuốt xác Nơ-gi vào bụng. Con cá *dút* nhỏ quá, nói với cá mẹ:

— Bụng của tôi nhỏ quá, vậy cá mẹ *bô-ia* hãy nuốt xác nàng Nơ-gi đi!

Cá mẹ *bô-ia* liền nuốt xác Nơ-gi vào bụng, nuốt luôn cả con dao mà Nơ-ga đã dùng để giết Nơ-gi. Vào trong bụng cá, Nơ-gi sống lại và khỏe mạnh như thường. Nàng ở trong bụng cá ba ngày ba đêm. Trong khi đó, nàng sinh được một con trai. Đưa con trai lớn lên rất nhanh. Lúc đó, cá *bô-ia* mới giạt vào bờ. Con trai Nơ-gi liền dùng dao mổ bụng cá cùng với mẹ chui ra. Quả trứng Nơ-gi định ăn trước lúc bị Nơ-ga giết lúc này đã nở thành một con gà con và quả cam cũng hãy còn. Hai mẹ con Nơ-gi mang cả gà và cam ra. Nàng trồng quả cam xuống đất, quả cam tức thì mọc rất nhanh chóng thành một cây cam lớn, ngọn vươn cao sát tận trời. Nơ-gi cùng con trai trèo lên cây cam. Nàng lên hẳn trên trời; con trai nàng ở trên một cành cam cao nhất với con gà. Con gà đã biết gáy, cây cam đã ra quả, quả sai trĩu trĩt và chín đỏ ối cả một vùng, ai trông thấy cũng thích.

Trên mặt biển, lúc bấy giờ người ta đi lại bằng thuyền độc mộc. Các thuyền thường ghé vào bờ mua cam của con trai Nơ-gi. Tơ-rá-trang-lan đi mua các thứ của người Chăm đã xong xuôi cũng đang trên đường về bằng thuyền. Qua đấy, Tơ-rá-trang-lan theo mọi người cho thuyền vào mua cam. Chàng không biết người con trai có cây cam ấy là con trai mình. Lúc Tơ-rá-trang-lan hỏi mua cam thì con trai chàng bỗng lóe sáng thành một làn chớp. Mặt Trời liền bảo Tơ-rá-trang-lan:

— Nhà ngươi hãy nhìn chiếc nhẫn của đứa trẻ này đeo nơi tay. Nó chính là con nhà ngươi. Mẹ nó là Nơ-gi hiện đang ở trên này với ta đấy.

Nghe Trời nói, Tư-rá-trang-lan bỗng bàng hoàng cả người. Chàng nhìn chiếc nhẫn ở tay đứa con trai đang đứng trên một cành cam cao nhất. Chiếc nhẫn ấy đúng là nhẫn chàng đã trao cho vợ trước khi đi. Chàng ân hận là mình đã ra đi quá lâu để đến nỗi vợ con bị thất lạc. Chàng liền nhận lấy con trai. Theo tục lệ, Tư-rá-trang-lan nắm một nắm xôi và ném đến phía đứa con: nắm xôi chui ngay vào miệng nó một cách rất dễ dàng. Chàng liền chạy lại ôm lấy con. Hai cha con nói chuyện với nhau một lúc rồi cùng xuống thuyền ra về.

Thuyền của cha con Tư-rá-trang-lan ra đến giữa biển thì gặp một vị thần biển — Vị thần biển này làm ra gió bão, toan chìm đắm thuyền của cha con Tư-rá-trang-lan. Tư-rá-trang-lan lại phải khoác áo xác rắn, đội lột thành một con rắn như ngày xưa rồi nhảy xuống biển đánh nhau với thần biển. Thần biển bị thua, phải xin giảng hòa. Cha con Tư-rá-trang-lan lại bơi thuyền đi tiếp. Khi về gần tới làng của bố vợ ở, Tư-rá-trang-lan ghé thuyền lại và cùng con lên bộ, tìm đường về làng xưa.

Ông già Giô-Buô vẫn còn sống. Từ ngày Nơ-gi đi tắm với Nơ-ga bị chết, không lúc nào ông già được vui vẻ. Nay thấy con rể về cùng với một đứa con trai lạ, ông mừng lắm. Vào đến nhà, con trai Tư-rá-trang-lan tưởng mẹ đã về trước nên gọi to:

— Mẹ ơi! Con đói bụng lắm rồi, mẹ cho con ăn cơm đi.

Nơ-ga đang làm cơm. Nghe con trai Tư-rá-trang-lan gọi, Nơ-ga giả vờ làm mẹ nó, bưng cơm ra. Nhưng đứa con trai đã nhận ra Nơ-ga là kẻ tàn ác. Nó tức giận, bưng cả mâm cơm đánh vào đầu Nơ-ga. Nơ-ga ngất đi. Nó liền kể lại đầu đuôi câu chuyện cho Tư-rá-trang-lan nghe. Nghe xong Tư-rá-trang-lan phải khuyên can mãi nó mới tha thứ cho người chị mẹ tàn ác.

Khi mọi việc tạm xong, đứa con trai liền ngẩng lên trời gọi mẹ xuống ở cùng. Nơ-gi từ trên trời bước xuống. Cả nhà đoàn tụ vui vẻ.

Ở nhà vợ một thời gian, Tư-rá-trang-lan muốn về quê mình ở một biển nợ để thăm bố mẹ. Tư-rá-trang-lan và Nơ-gi mang con cùng về quê chơi. Nơ-ga cũng xin đi theo. Tận lúc

này, Nơ-ga vẫn còn ý định cướp chồng của em gái. Cả nhà đi đến bờ một con sông nọ, lữa lúc Tơ-rá-trang-lan không đề ý, Nơ-ga lại du Nơ-gi ngã xuống sông. Nơ-gi chìm mất tăm. Lúc Tơ-rá-trang-lan quay lại không thấy vợ, chàng hỏi thì Nơ-ga trả lời :

— Nơ-gi vô ý ngã xuống sông chết rồi.

Nơ-ga không biết Tơ-rá-trang-lan có nhiều phép thuật nên tưởng mình làm thế thì rồi Nơ-gi phải chết và mình sẽ lấy được Tơ-rá-trang-lan. Ai ngờ Tơ-rá-trang-lan đã rút trong người ra một chiếc gậy thần. Chàng cầm gậy đập xuống mặt nước mấy cái thì Nơ-gi đã từ dưới nước nổi lên và sống lại. Mọi người tiếp tục đi cho ra tới bờ biển. Đang đi trên bờ biển, Nơ-ga lại thừa cơ đẩy Nơ-gi xuống biển. Vừa lúc ấy, một con cá voi bơi qua. Cá voi liền nuốt xác Nơ-gi vào bụng. Tơ-rá-trang-lan lại phải dùng gậy thần làm cạn một góc biển, bắt cá voi và giải thoát cho Nơ-gi.

Nơ-ga vẫn chưa chịu từ bỏ ý định hại em. Lúc mọi người đến một vùng biển sâu khác, Nơ-ga lại tìm được cách dìm Nơ-gi xuống nước cho chết ngạt. Nhưng Nơ-gi chưa chết thật, nàng chỉ bị ngạt hơi. Trong lúc bị ngạt ngất đi, nàng đã bị một con sò rất lớn đớp vào trong bụng và khép miệng lại. Chẳng bao lâu, con sò đó bị các người Chăm đi kéo lưới bắt được. Thấy con sò to quá, họ khiêng về để vào một chỗ.

Lần này thấy mất Nơ-gi, Tơ-rá-trang-lan lại hỏi Nơ-ga thì Nơ-ga nói dối là Nơ-gi bị lạc. Tơ-rá-trang-lan bức lắm, quyết định bỏ dở việc về quê thăm bố mẹ để đi tìm vợ. Chàng đuổi Nơ-ga và con trai về ở với ông già Giô-Buô, còn mình thì lang thang đi tìm nàng Nơ-gi yêu quý. May sao chàng lại đến đúng nhà người Chăm bắt được con sò lớn trong bụng có Nơ-gi. Tơ-rá-trang-lan không hay biết gì về việc đó nhưng trời đã sai một con chim đến báo cho chàng biết là đêm đêm Nơ-gi vẫn bước ra khỏi vỏ sò. Tơ-rá-trang-lan liền đề ý rình thì rồi quả có một đêm, chàng bắt gặp Nơ-gi ở trong vỏ sò bước ra thực. Chàng mừng lắm, chạy tới ôm lấy vợ mà than khóc. Lúc này Nơ-gi đã chán việc đời nhưng rồi thấy chồng tha thiết quá, nàng lại phải cùng chồng lên đường về quê sau khi đã ở chơi nhà người Chăm ấy một ít lâu.

Mùa khô ráo đến, đó cũng là mùa đánh cá. Dân làng lại thấy hai vợ chồng Tư-rá-trang-lan và Nơ-gi ở nhà bố vợ là ông già Giô-Buô tốt bụng. Mùa đánh cá, dân làng kéo nhau đi đánh cá rất đông. Nơ-gi cũng theo dân làng đi đánh cá. Nhờ phép thuật của chồng, hôm nào Nơ-gi cũng bắt được rất nhiều. Trong khi đó, thấy không còn cách nào cướp được chồng của em gái nữa, Nơ-ga bắt đầu mơ ước sao mình cũng bắt được một con rắn thần như số phận tốt đẹp của Nơ-gi. Nơ-ga cũng đi bắt cá nhưng chú ý đến cá thì ít mà chỉ chú ý đến rắn thì nhiều. Quả nhiên, một hôm Nơ-ga bắt được một con rắn từ dưới nước bò lên. Đó là một con rắn độc nhưng Nơ-ga lại tưởng là rắn thần. Nơ-ga hí hửng bắt về. Nơ-ga nuôi rắn trong một chiếc sọt đựng cá, rắn ăn hết cả cá rồi bỗng lớn lên một cách dị thường. Nơ-ga phải bỏ vào một chiếc vại, vại không chứa nổi. Nơ-ga lại phải bỏ vào một cái chum to, chum cũng vỡ toang. Tuy vậy không một ai sợ rắn cả vì nó tỏ ra rất hiền lành.

Đến mùa làm rẫy, Tư-rá-trang-lan rủ cả nhà đi làm rẫy. Dân làng cũng theo lên núi làm rẫy rất hăng. Con rắn không lờ theo Nơ-ga từng bước. Nơ-ga ở đâu, nó ở đấy. Hai hôm đầu, rắn vẫn tỏ ra hiền lành ngoan ngoãn như mọi khi.

Nhưng rồi, sang đến hôm thứ ba, nó không hiền lành nữa. Nó vờ như đùa giỡn, bò lại và bắt đầu nuốt hai chân Nơ-ga trước. Nơ-ga hiểu ngay sự thế nguy hiểm nhưng không sao tìm cách thoát được. Rắn nuốt dần từ chân cho đến ngang người, rồi đến ngực. Rắn nuốt đến đâu, người Nơ-ga lạnh toát đến đấy. Nuốt xong Nơ-ga, con rắn độc không lờ ấy bò xuống suối nằm ngâm mình.

Vợ chồng Tư-rá-trang-lan mãi làm nên không biết Nơ-ga đã bị rắn nuốt. Một lát sau, Tư-rá-trang-lan ngẩng lên thì không thấy Nơ-ga đâu nữa. Chàng lên tiếng hỏi. Các cây cối chung quanh vốn ghét Nơ-ga là con người nham hiểm nên đồng thanh bảo rằng: « Nơ-ga đi nấu cơm ». Chỉ có một cây con ở gần rẫy của Tư-rá-trang-lan trả lời nửa úp nửa mở:

— Chị ấy đi xuống suối rồi. Bụng chị ta to lắm!

Tơ-rá-trang-lan đã đoán ra sự thê. Chàng vội cùng con trai chạy xuống suối. Tới bờ suối, chàng lại khoác chiếc áo xác rấn vào người rồi lội xuống nước. Thấy con rấn độc không lồ kia đang nằm ngâm mình, Tơ-rá-trang-lan bảo nó :

— Nhà ngươi hãy ngàng cồ lên để ta đeo cho chiếc vòng này.

Con rấn độc vội nghe lời, ngàng cao cồ lên. Tơ-rá-trang-lan liền đeo cho nó một chiếc vòng rồi buộc một sợi dây thật to vào chiếc vòng ấy. Chàng lên bờ kéo rấn độc lên theo nhưng không nổi. Chàng phải kiếm hai con voi buộc vào cho nó kéo mới kéo nổi con rấn độc đã nuốt Nơ-ga lên trên bờ.

Kéo được rấn lên bờ rồi, Tơ-rá-trang-lan liền mổ bụng nó cho Nơ-ga chui ra. Nơ-ga còn sống nhưng toàn thân Nơ-ga đã thối và có rất nhiều sâu bọ. Tơ-rá-trang-lan đem giội nước, sau đem ra để giữa trời mưa mà thân thê Nơ-ga vẫn không hết sâu bọ. Mặc dầu biết Nơ-ga là người xấu, Tơ-rá-trang-lan vẫn muốn cứu cho Nơ-ga khỏi chết. Chàng buộc phải dùng đến phép thuật. Chàng đem chặt Nơ-ga ra thành những mảnh nhỏ rồi bỏ vào nồi, bung cho thật chín. Bung chín rồi để qua một ngày, xương thịt Nơ-ga lại liền nhau, Nơ-ga sống lại và trở nên đẹp đẽ hơn xưa.

Nơ-ga sống lại rồi, Tơ-rá-trang-lan dặn Nơ-ga không được ra đứng dưới ánh sáng mặt trời. Nhưng, chứng nào tật ấy, Nơ-ga không chịu nghe lời răn dạy của Tơ-rá-trang-lan. Nơ-ga chạy ra ngoài trời, tức thì Nơ-ga biến thành một con mối cái.

Tơ-rá-trang-lan biết không sao cứu nổi Nơ-ga nữa. Chàng đành để cho người chị vợ xấu tính ấy sống kiếp mối cái bản thủ suốt đời...

ĐỖ THIÊN

sưu tầm và biên soạn

*Dân tộc CHÂM**

HOÀNG TỬ KHỎE

Thời kỳ đó có một ông vua không có con. Vua liền ra lệnh cho mời tất cả những nhà chiêm tinh đến để đoán số. Các nhà chiêm tinh xem đủ các sách rồi tâu với vua rằng :

— Nếu bệ hạ muốn có con thì bệ hạ phải bày của bố thí ra khắp các bờ ruộng. Nhưng, nếu có con thì chính đứa con ấy sẽ làm cho bệ hạ phải nghèo khổ, vậy xin tùy bệ hạ lựa chọn và quyết định.

Nhà vua trả lời là mình chỉ muốn có một đứa con, dù sau có vì con mà nghèo khổ cũng cam lòng.

Sau đó, có bao nhiêu vàng bạc, châu báu, của cải, nhà vua đều đem bày ra các bờ ruộng để bố thí cho kẻ nghèo. Chẳng bao lâu hoàng hậu có mang thực. Đủ chín tháng mười ngày, hoàng hậu sinh được một con trai. Mới bảy ngày đã phải cho ăn tới ba nhúm cơm mà hoàng tử vẫn khóc vì đói. Người ta phải cho ăn cả một bát, hoàng tử vẫn khóc. Cuối cùng, người ta phải cho ăn ba liễn cơm, hoàng tử mới nín.

Nhà vua thấy hoàng tử ăn nhiều quá sợ hoàng tử chết nên lại cho mời các nhà chiêm tinh đến hỏi và xem số cho hoàng tử. Các nhà chiêm tinh cho biết, nếu hoàng tử ăn nhiều thì sống, không ăn nhiều thì chết. Họ còn bảo đến năm mười một tuổi, hoàng tử ăn một bữa sáng hết một con gà, bữa chiều cũng một con nữa, như vậy mới đủ sức.

* Xem chú thích ở trang 282.

Nhà vua nghe nói lấy làm lo lắng liền vào bàn với hoàng hậu. Hoàng hậu trả lời là thần thánh đã cho hoàng tử là con thì sao còn lo ngại như thế được. Vua nghe ra và không giết hoàng tử nữa.

Hoàng tử mỗi ngày một lớn như thổi, và, đúng như các nhà chiêm tinh đã nói, hoàng tử ăn rất khỏe. Nhà vua cứ mỗi ngày một nghèo đi. Hoàng hậu thấy vậy cũng không phản nản gì. Năm hoàng tử lên 11 tuổi thì mỗi bữa phải ăn hết một con dê mới đủ no. Nhà vua tuy nghèo nhưng vẫn chịu đựng được. Năm hoàng tử lên 15 tuổi thì mỗi bữa phải ăn hết một con trâu. Lúc này, nhà vua không thể kham nổi nữa nên nói với hoàng hậu là phải giết hoàng tử đi. Hoàng hậu chẳng biết làm thế nào hơn đành phải bàn với nhà vua là dẫn hoàng tử vào rừng rồi làm đổ một cây to cho cây đè chết hoàng tử để khỏi mang tiếng.

Nhà vua liền dẫn hoàng tử vào chơi trong rừng. Trông thấy một cây muôm rất lớn, nhà vua vờ bảo hoàng tử đứng ở gần gốc để mình lấy muôm cho hoàng tử ăn. Lừa lúc hoàng tử không chú ý, vua liền chặt đổ cây. Cây muôm đè kín và vùi sâu hoàng tử xuống đất. Nhà vua quay về, nói dối mọi người là hoàng tử đã bị cây muôm đổ đè chết.

Nhưng, ngay chiều hôm đó, hoàng tử ung dung vác cả cây muôm đổ về cung. Hoàng tử ném cây muôm vào góc sân, nói với mẹ:

— Con vác cây muôm này về trồng để cho cha mẹ có bóng mát và đến mùa thì hái quả ăn.

Sau đó, hoàng tử xin mẹ một thỏi bạc một cục sắt rất to để đến thuê thợ rèn đánh cho mình một chiếc rìu. Cục sắt hoàng tử mang đến nặng quá, thợ rèn không sao đánh nổi. Hoàng tử phải bảo thợ rèn kéo bể nung để mình tự rèn lấy. Rèn xong rìu, hoàng tử vẫn cho thợ rèn cả thỏi bạc rồi vác rìu lên vai, ra đi tìm kế sinh nhai. Thấy hoàng tử có một sức khỏe lạ kỳ như vậy, người ta đặt tên cho chàng là hoàng tử Khỏe.

Đến một nơi kia, hoàng tử Khỏe gặp một người con trai tên là Ta-Sa. Ta-Sa đang kéo một chiếc xe. Hoàng tử hỏi:

« Tại sao anh lại kéo xe ? ». Ta-Sa đáp : « Tôi rất khỏe, một mình tôi kéo lấy, không cần trâu ». Hoàng tử thách Ta-Sa nhấc thử chiếc riu của mình. Ta-Sa hăm hở nhấc lên nhưng không sao nhấc nổi. Ta-Sa đành chịu thua và xin nhận hoàng tử làm anh. Từ đó, hoàng tử Khỏe và Ta-Sa đi khắp đó đây. Hai người thương yêu nhau như anh em ruột thịt.

Một hôm đi đường, hoàng tử và Ta-Sa gặp một người đang chặt dây mây để nộp thuế cho nhà vua. Người ấy tên là Ha-vi-ha-va. Hoàng tử Khỏe liền hỏi :

— Anh bạn ơi, anh lấy mây làm gì mà vất vả thế ?

Ha-vi-ha-va trả lời :

— Tôi lấy dây mây này đã năm năm nay ; tôi chặt gần hết mây của cả năm quả núi. Tôi không lấy gì làm vất vả vì tôi khỏe lắm.

Hoàng tử Khỏe bảo Ha-vi-ha-va :

— Anh bảo anh khỏe vậy anh thử nhấc cái riu của tôi xem có nổi không ? Nếu anh nhấc nổi, chúng tôi sẽ xin tôn anh làm anh cả.

Ha-vi-ha-va liền nhấc thử chiếc riu nhưng không tài nào nhấc nổi. Hoàng tử Khỏe liền nhổ ngay một bó cây mây ném mạnh lên đỉnh năm trái núi, những cây mây hóa thành những con trăn lớn chạy đi chạy lại cuốn gió ào ào. Ha-vi-ha-va hoảng sợ, bái phục sức khỏe của hoàng tử nên vội tôn hoàng tử làm anh cả và xin đi theo. Thế là ba anh em lại lên đường đi khắp đó đây.

Một hôm, ba anh em hoàng tử Khỏe gặp ba người rất lạ. Một người đuôi nhọn, một người mũi khoằm, một người có hai bàn chân như chân vịt. Ba người này đang đánh cá trên mặt biển. Anh em hoàng tử Khỏe liền hỏi xin người đuôi nhọn một ít cá ; cá của họ bắt được đều to bằng con voi, con hổ. Người đuôi nhọn bảo đến hỏi người mũi khoằm. Anh em hoàng tử Khỏe đến hỏi người mũi khoằm, người này lại bảo hỏi người đuôi nhọn. Hai người ấy cứ đùn đẩy cho nhau mãi. Người chân vịt thấy vậy, phát khùng lên, mắng hai người kia :

— Khi có người xin cá, cho thì cho, không cho thì thôi, sao lại cứ người này đùn cho người khác ?

Măng đoạn, người chân vịt bốc cho anh em hoàng tử Khỏe một năm cá, năm cá đó nhiều đến nỗi phải nửa chiếc thuyền lớn mới chở hết. Anh em hoàng tử Khỏe cảm ơn rồi mang cá vào một làng gần đấy nấu ăn. Dân làng không đủ củi, anh em hoàng tử Khỏe đành mang vào rừng để kiếm được đủ củi nấu. Nhưng có củi lại không có lửa. Trông thấy trên ngọn núi có khói, có nhà, hoàng tử Khỏe liền cử Ta-Sa đi xin lửa.

Nhà ấy là nhà vợ chồng một lão phù thủy. Mẹ vợ lão phù thủy thấy Ta-Sa đến liền hỏi :

— Cháu đến đây làm gì ?

Ta-Sa trả lời mình đến xin lửa. Mẹ phù thủy liền bảo Ta-Sa lại gần chiếc khung cửi mình đang ngồi dệt vải. Lúc Ta-Sa tới gần, lura lúc bất ngờ, mẹ phù thủy rút cái thoi sắt ra đánh chết Ta-sa ngã vào trong một nồi nước lớn. Hoàng tử Khỏe đợi mãi không thấy Ta-Sa về liền cho Ha-vi-ha-va đến đó tìm. Ha-vi-ha-va cũng bị mẹ phù thủy lura và đánh chết như Ta-Sa lúc này.

Đợi lâu quá không thấy hai em về, hoàng tử Khỏe liền tự mình đến tận nhà mẹ phù thủy. Mẹ dùng cách lúc này định lura để giết nốt hoàng tử Khỏe. Nhưng hoàng tử Khỏe đã nhanh nhẹn gạt tay một cái làm thoi sắt của mẹ phù thủy gãy đôi. Hoàng tử tóm lấy cổ mẹ phù thủy, bắt mẹ phải đền mạng hai người em kết nghĩa của mình. Mẹ phù thủy sợ quá liền nói :

— Tôi có cây thuốc hồi sinh, xin để cho tôi sống, tôi sẽ làm hai người lúc này sống lại.

Hoàng tử Khỏe để cho mẹ phù thủy làm Ta-Sa và Ha-vi-ha-va sống lại đâu đó rồi mới trói mẹ, khâu cả mồm cả mắt mẹ lại, ném mẹ vào một xó nhà. Hoàng tử Khỏe dặn mẹ rằng khi nào chồng mẹ về có muốn đuổi theo bọn hoàng tử thì cứ đi theo dấu bã mía khắc gập. Sau đó ba anh em lại ra đi, mang theo cả cây thuốc hồi sinh của mẹ phù thủy.

Đến chiều, chồng mẹ phù thủy về. Vai lão vác hai voi cái, tay còn xách một voi con. Về nhà, lão gọi mãi chẳng ai ra mở cửa. Lão đập cửa vào, thấy vợ như thế, lão vội cởi trói và cắt chỉ khâu mắt khâu mồm vợ ra. Vợ lão kể chuyện lại. Lão nổi giận, bắt vợ thịt ngay một voi để ăn cơm rồi đuổi theo anh em hoàng tử Khỏe để trả thù.

Lúc đi, anh em hoàng tử Khỏe đã nhờ hết mía ở ruộng nhà lão phù thủy mang đi, vừa đi vừa ăn. Lão phù thủy cứ theo dấu bã mía mà đuổi. Đuổi kịp, lão xông vào đánh cả ba người. Hoàng tử Khỏe liền ra lệnh cho Ta-Sa đối địch. Nhưng Ta-Sa yếu hơn, Ta-Sa bị lão phù thủy đánh ngã và di tụt xuống đất chỉ còn hờ mỗi cái đầu. Ha-vi-ha-va thấy vậy xông vào nhưng cũng bị lão phù thủy đánh ngã như Ta-Sa vừa rồi. Hoàng tử Khỏe liền nhảy vào đánh và chỉ trong nháy mắt đã tóm được lão phù thủy, nhấc bổng lên, ném mạnh xuống đất khiến toàn thân lão cắm phập vào trong đất ngập đến tận cổ. Hạ xong lão phù thủy, hoàng tử Khỏe liền móc các em mình lên. Hoàng tử Khỏe liền đá mạnh vào đầu lão phù thủy. Đầu lão bay sang Trung-quốc. Hoàng tử Khỏe cùng với các em sang theo tận Trung-quốc. Sang đến nơi, vừa lúc vua Trung-quốc đang ra lệnh cho khiêng cái đầu ấy vứt đi. Hàng nghìn người mó vào khiêng nhưng không nổi. Vua Trung-quốc ban lệnh nếu ai khiêng nổi chiếc đầu lâu hôi bẩn ấy vứt đi thì vua sẽ gả công chúa cho. Hoàng tử Khỏe nghe tin, lại tận nơi, đá một cái, chiếc đầu lâu bẩn mãi sang tận nước Xiêm-la (1). Vua Trung-quốc bèn gả công chúa út cho nhưng hoàng tử Khỏe không nhận và xin cho Ta-Sa lấy công chúa thay mình. Trước khi ra đi, hoàng tử Khỏe giao lại cho Ta-Sa cây thuốc hồi sinh và dặn Ta-Sa trồng trong vườn để có thuốc cứu mọi người sau này. Hoàng tử lại dặn Ta-Sa không được cho người lạ vào vườn vì nếu không làm đúng, cây thuốc sẽ bay lên trời mất và hoàng tử Khỏe cũng sẽ chết. Sau đó hoàng tử Khỏe cùng Ha-vi-ha-va sang nước Xiêm-la. Đến nơi, hai người đã thấy hàng ngàn người đang khiêng chiếc đầu lâu lão phù thủy vứt đi nhưng không khiêng nổi. Hoàng tử Khỏe lại đá chiếc đầu lâu bay ra ngoài bể. Vua Xiêm-la liền gả con gái cho nhưng hoàng tử Khỏe để cho Ha-vi-ha-va lấy công chúa Xiêm-la thay mình. Hoàng tử Khỏe chỉ xin vua Xiêm-la một hòn núi đá dùng để lát đường về quê cha đất tổ mình là nước Chăm.

Ta-Sa ở Trung-quốc quên lời dặn của anh, để cho người lạ vào vườn. Quả nhiên, cây thuốc hồi sinh bay thẳng lên trời

1 — Ngày nay gọi là Thái-lan.

mất và hoàng tử Khỏe tự nhiên cũng chết. Ta-Sa buồn lắm. Ta-Sa liền bỏ Trung-quốc sang tận Xiêm-la tìm Ha-vi-ha-va. Hai anh em nhớ nước quay về và ít lâu sau cả hai người cùng chết ở tổ quốc mình là nước Chăm yêu quý.

ĐỖ THIÊN

sưu tầm và biên soạn

CHIẾC HÀI VÀNG *

Ngày xưa, có một bà già có hai cô con gái, một cô con nuôi, một cô con đẻ. Cô con nuôi tên là Mu-ga-giô, cô con đẻ tên là Mu-ha-lốc. Hai cô cùng đẻ một ngày, cùng một tuổi Ngựa. Hai cô cũng lại giống nhau như hai giọt nước, chẳng thể biết ai là chị, ai là em. Vì vậy bà mẹ không được vui lòng lắm.

Một hôm, bà bảo Mu-ha-lốc gọi Mu-ga-giô bằng chị, Mu-ha-lốc không ưng liền trả lời mẹ :

— Mu-ga-giô cũng giống con, cũng bằng con, sao mẹ lại bắt con gọi nó là chị? Con nhất định không chịu, mẹ muốn làm gì con thì làm!

Bà mẹ phân vân quá. Bà nghĩ mãi mới tìm ra được một cách khu xử. Bà bảo Mu-ga-giô :

— Mu-ga-giô này, như vậy thì hôm nay mày hãy gọi Mu-ha-lốc bằng chị và xưng là em; ngày mai, mày lại gọi nó bằng em và xưng là chị. Mỗi đứa sẽ được thay nhau làm chị một ngày. Như vậy là công bằng phải không?

Không đợi Mu-ga-giô trả lời, Mu-ha-lốc đã nói tranh :

— Mẹ ạ, như thế không được. Nếu đã gọi con là chị thì phải gọi mãi mãi hoặc nếu gọi là em thì cũng phải gọi mãi mãi. Thay đổi như thế con xấu hổ lắm. Người ta sẽ cười và như thế con sẽ phải trốn đi thật xa mới khỏi tủi hổ...

Bà mẹ chẳng còn biết làm thế nào hơn. Bà đành nhờ vào may rủi. Bà liền đưa cho hai cô con gái mỗi người một cái rọ giống nhau và bảo cả hai đi bắt cá : ai bắt được nhiều mang

* Chuyện này giống chuyện Tấm Cám của dân tộc Kinh.

về trước sẽ là chị, bắt được ít phải là em. Mu-ga-giô và Mu-ha-lốc cùng đến một cái ao lớn có rất nhiều loại cá. Mu-ga-giô liền lội ngay xuống nước bắt cá. Mu-ha-lốc vốn lười nhác nên cứ quanh quẩn chơi trên bờ, Mu-ga-giô giục :

— Ha-lốc, mày không xuống bắt cá thì còn đợi gì nữa đấy !

Ha-lốc không thèm trả lời; cô ả vẫn cứ chơi đùa như thường. Một lát sau, thấy Mu-ga-giô đã bắt được nhiều cá quá, Mu-ha-lốc đành phải lội xuống vẫy. Cô ả luôn mồm kêu lạnh để thôi không bắt nữa vì đã nghĩ ra một mưu sâu. Cô ả bảo Mu-ga-giô :

— Mu-ga-giô này, nước lạnh như thế mà mày dầm từ nãy đến giờ ! Hãy lên ngồi nghỉ, sưởi nắng một lúc kéo lại phải cảm đấy.

Mu-ga-giô vốn chất phác, vả lại thấy mình bắt cũng được nhiều cá nên nghe lời Mu-ha-lốc. Cô lên bờ, ngồi ở một gốc cây, quàng thêm chiếc khăn vào người cho ấm. Chẳng dè cô ngủ quên đi, quên khuấy cả rọ cá của mình vẫn để dưới bờ ao.

Trong khi Mu-ga-giô ngủ ngon lành thì Mu-ha-lốc nhìn rọ cá của Mu-ga-giô một cách thèm thuồng. Cô ả nghĩ bụng : « Nó là con nuôi, đời nào ta phải gọi nó bằng chị ! Nhưng mẹ đã bảo đi bắt cá, đứa nào được nhiều thì là chị. Nó bắt được nhiều thế kia thì hẳn sẽ được là chị ta. Không được ! Nếu vậy thì nhục lắm ! Tốt hơn hết, ta hãy trút tất cả cá của nó sang rọ của ta là êm chuyện. Ta sẽ là chị nó, như thế thích biết bao nhiêu ! »

Nghĩ xong là làm liền, Mu-ha-lốc trút tất cả cá của Mu-ga-giô sang rọ của mình và toan xách về trình mẹ trước. Vừa lúc ấy, Mu-ga-giô thức giấc. Cô chạy lại xem rọ cá thì thấy chỉ còn rọ không. Cô hỏi Ha-lốc :

— Mu-ha-lốc, sao mày lấy hết cá của tao ?

Mu-ha-lốc chối bai bãi :

— Mày, mày đừng có già mồm đồ điều cho tao đi. Tao bắt cá tận chỗ kia, tao biết đâu đến cá của mày đấy.

Biết chắc chắn chỉ có Mu-ha-lốc lấy trộm cá của mình, Mu-ga-giô tức lắm. Nhưng, thấy Mu-ga-lốc chối, Mu-ga-giô không

nói nữa. Cô không nói nữa vì sợ Mu-ha-lốc đánh và về xúc xiêm với mẹ nuôi thù ghét mình. Cô càng nghĩ càng buồn hơn là bức tức.

Mất hết cá, Mu-ga-giô không dám về nhà ngay vì về không có cá thì không sao tránh khỏi bị mẹ nuôi đánh mắng. Cô đành lại lội xuống ao bắt cá, vừa bắt cá vừa khóc. Cô bắt một lúc lâu nhưng chỉ được ba con trê và một chú cá-bống (cá bống) Mu-ga-giô thấy đã muộn, đành xách rọ với vài con cá lèo tèo ấy về nhà. Mu-ha-lốc đã trình mẹ rọ cá ăn cấp được của mình, nói dối là tự tay mình bắt. Thấy Mu-ga-giô bắt được ít cá, bà mẹ bắt Mu-ga-giô phải gọi Mu-ha-lốc bằng chị sau khi đã mắng cho Mu-ga-giô một trận. Bà ta lại phạt Mu-ga-giô bằng cách bắt Mu-ga-giô phải đi chăn một đàn dê mới mua.

Lúc nộp cá cho mẹ nuôi làm thịt, thấy chú cá Bống xinh đẹp nên Mu-ga-giô đã bí mật giữ lại để chơi. Mu-ga-giô đem thả Bống xuống giếng nước. Ngày ngày, mang cơm đi ăn để chăn dê, Mu-ga-giô không quên mang đến bên bờ giếng ngồi ăn và bớt miếng phần cho Bống một ít. Mỗi lần ném cơm xuống giếng cho Bống, Mu-ga-giô lại nói :

— Bống ơi ! Bống ơi ! Em hãy bơi lên mặt nước này để chị ném cơm xuống cho mà ăn.

Cứ như thế, Bống lớn lên và quẩn quít với Mu-ga-giô như ruột thịt. Nhưng hành động của Mu-ga-giô không lọt qua mắt ả Mu-ha-lốc tai quái. Thấy ngày ngày Mu-ga-giô đi chăn dê cứ ra ngồi bờ giếng mới ăn cơm, Mu-ha-lốc để ý rình. Một hôm, Mu-ha-lốc đứng rình và đã biết rõ đầu đuôi. Mu-ha-lốc ghét quá, tìm cách làm hại. Hôm sau, thừa cơ Mu-ga-giô đang bận tìm dê lạc sang vườn nhà bên cạnh, Mu-ha-lốc đợi đúng đến trưa, vác một bát cơm ra giếng, Mu-ha-lốc bắt chước tiếng Mu-ga-giô, gọi xuống :

— Bống ơi ! Bống ơi ! Em hãy bơi lên mặt nước này để chị ném cơm xuống cho mà ăn.

Cá Bống quen lệ, tưởng vẫn là Mu-ga-giô như mọi bữa. Bống từ từ bơi lên mặt nước. Mu-ha-lốc cầm dao chém Bống đứt ngay làm ba đoạn, rồi mang về kho ăn dần và không cho mẹ biết.

Khi đã tìm thấy dê, Mu-ga-giô liền về nhà lấy cơm mang ra giếng. Nàng áy náy, sợ Bống đói vì hôm nay cho Bống ăn chặm quá lệ thường. Nhưng, ngồi bên bờ giếng gọi Bống đến sáu, bảy lần mà vẫn chẳng thấy tăm hơi Bống đâu. Đoán có sự chẳng lành xảy ra, Mu-ga-giô ngồi ôm mặt khóc. Nàng khóc vì mình chỉ có con vật độc nhất ấy để an ủi mình trong những lúc buồn rầu, cô độc thì nay con vật ấy đã mất, không bao giờ còn được gặp lại nữa. Và từ đó, Mu-ga-giô buồn bã, ngày ăn không ngon, đêm ngủ không yên. Nhớ Bống, không ngày nào Mu-ga-giô không khóc.

Một đêm, trong giấc ngủ, Mu-ga-giô nằm mơ thấy Bống hiện về. Bống nói với nàng:

— Chị ơi ! chị đừng buồn, đừng khóc nữa, nếu chị thương em thì chị hãy đi đào lấy xương em để trong ống tre mà bỏ vào vỏ dừa rồi đem chôn ở ngã ba đường. Như vậy, ngày nào chị cũng được thăm viếng em khi chị đi chăn dê qua đó. Chính con Mu-ha-lốc nó đã lừa em và hại em. Nó ăn thịt em xong, xương của em nó giấu trong ống tre chôn ở gần vại nước ấy.

Mu-ga-giô tỉnh dậy, nàng bàng hoàng cả người. Sáng hôm sau, nàng làm theo lời Bống dặn trong giấc mơ thì quả nhiên tìm thấy chiếc ống tre đựng xương cá chôn ở gần vại nước. Mu-ga-giô liền đem chỗ xương ấy bỏ vào vỏ dừa và chôn ở ngã ba đường. Hàng ngày, Mu-ga-giô đi chăn dê qua đều rẽ vào thăm mộ Bống, vun xới chăm sóc chẳng khác người ta vun xới chăm sóc ngôi mộ của một người ruột thịt.

Một hôm, Mu-ga-giô vào thăm mộ Bống, nàng ngạc nhiên khi thấy cạnh mộ có một chiếc hài vàng rất đẹp. Mu-ga-giô liền nhặt lấy mang về và giấu kín một chỗ vì sợ mẹ nuôi và Mu-ha-lốc biết. Cùng ngày ấy, một chú quạ bay qua mộ Bống cũng thấy một chiếc hài vàng khác. Quạ liền cắp lấy chiếc hài rồi bay thẳng đến cung vua, bỏ rơi chiếc hài ngay trước mặt vua. Từ ngày Mu-ga-giô và quạ bắt được hai chiếc hài vàng ấy, nắm xương của Bống chôn trong mộ biến mất.

“ Bữa ấy, vua đang ngồi chơi, ngai bỗng thấy một chiếc hài vàng rất đẹp rơi xuống trước mặt. Ngai nhặt lên ngắm nghía.

Chiếc hài đẹp quá, nhà vua đoán chắc là của một cô gái rất đẹp và khéo tay nào đó. Ngài liền truyền lệnh ra khắp nước cho tất cả các cô gái phải vào cung để thử hài: Người nào đi vừa vặn sẽ được tuyển làm hoàng hậu. Chẳng bao lâu, từ khắp các nơi trong nước, các cô gái đều lũ lượt kéo đến để thử hài. Ai cũng hy vọng mình sẽ đi vừa để được làm hoàng hậu. Nhưng bao nhiêu người thử rồi vẫn chưa một chân ai ướm thật vừa vặn. Mẹ nuôi Mu-ga-giô cũng được tin ấy, mẹ liền tất bật sửa soạn cho con gái là Mu-ha-lốc đi ướm hài. Mu-ga-giô cũng muốn đi. Nàng liền xin với mẹ nuôi nhưng mẹ nuôi không cho. Mu-ga-giô cực thân ngồi khóc. Mẹ nuôi thấy vậy liền đổ lộn một thùng vừa vưng vừa lạc vừa thóc vào với nhau rồi bảo Mu-ga-giô:

— Tao đổ nhầm lạc, vưng và thóc vào với nhau rồi. Được! mày muốn đi ướm hài tao sẽ cho đi nhưng phải nhặt cho xong thùng ấy, thứ nào ra thứ ấy đã.

Mẹ tưởng làm thế thì Mu-ga-giô không bao giờ làm xong được để đi. Mu-ga-giô cũng biết ác ý của mẹ nuôi nhưng nàng vẫn cứ ngồi nhặt. Đức Pô-đê-va-ta (Đức phật Quan âm) thấy vậy động lòng thương Mu-ga-giô. Ngài liền cho một đàn kiến biết bay tới nhặt giúp vưng, một đàn diều hâu tới nhặt lạc để riêng ra từng thứ. Chỉ một loáng, công việc khó khăn ấy đã xong xuôi. Mu-ga-giô hí hửng mang đến nói với mẹ nuôi:

— Mẹ ơi! Con làm xong rồi đây mẹ ạ.

Mẹ mẹ nuôi ngạc nhiên hết sức nhưng rồi mẹ vẫn không muốn cho Mu-ga-giô đi. Mẹ liền vò rối một nắm tơ rất to và bảo Mu-ga-giô:

— Đi đâu rồi hãy đi, mày phải gỡ xong cho tao nắm tơ này và quấn nó vào ống suốt cẩn thận đã.

Mu-ga-giô cực quá, nàng vừa ngồi gỡ tơ vừa khóc. Đức Pô-đê-va-ta lại thương tình, Ngài cho một chú kiến rất to tới giúp. Kiến bò lên ống suốt, chỉ cho Mu-ga-giô từng đầu mỗi tơ bị rối. Nhờ kiến nên Mu-ga-giô làm chỉ một lúc đã xong. Nàng vui mừng mang ống suốt vàng óng những tơ tới trước mặt mẹ nuôi và nói:

— Mẹ ơi! Con làm xong rồi đây mẹ ạ.

Mụ mẹ nuôi không còn cách nào giữ Mu-ga-giô nữa. Mụ đành phải để cho Mu-ga-giô đi.

Như chim sồ lông, Mu-ga-giô liền trèo lên chòi canh, nơi giấu chiếc hài vàng bắt được bữa nọ, bọc nó vào trong áo và đi thẳng tới kinh đô. Tới hoàng cung, Mu-ga-giô ướm chân vào chiếc hài của nhà vua bắt được thì lạ thay, chiếc hài vừa khít. Nhà vua lập tức ra lệnh làm lễ cưới và sắc phong cho Mu-ga-giô làm hoàng hậu. Lúc ấy, Mu-ga-giô mới rút chiếc hài vàng của mình ra cho vua xem. Nhà vua vô cùng kinh ngạc vì thấy hai chiếc hài giống nhau như đúc, đem chấp lại thì rõ ràng là một đôi hài của một người. Vua liền hỏi Mu-ga-giô:

— Chiếc hài này do ai làm ra? Ái khanh lấy được ở đâu vậy?

Mu-ga-giô liền kể lại đầu đuôi từ chuyện đi bắt cá, được con cá Bống, nuôi cho đến lúc Bống chết và chôn ở ngã ba đường rồi thì được chiếc hài. Vua nghe xong liền bảo vợ:

— Nếu vậy thì đúng là đức Pô-đê-va-ta đã dẫn nàng đến đây cho ta!

Được tin Mu-ga-giô ướm vừa hài của nhà vua và được tuyển làm hoàng hậu, mụ mẹ nuôi Mu-ga-giô tức lắm. Mụ ghen cho số phận con gái đẻ của mụ là Mu-ha-lốc. Ngay sáng hôm sau, mụ liền tới hoàng cung xin với nhà vua:

— Tâu bệ hạ, hôm nay hạ thần khánh thành nhà mới, Mu-ga-giô lại là con của hạ thần, kính xin bệ hạ ra ơn cho Mu-ga-giô được về nhà chơi với hạ thần ít ngày. Sau đó, thần sẽ xin đưa nó về cung hầu bệ hạ.

Nhà vua bằng lòng và dặn khi xong việc phải đưa Mu-ga-giô về cung đúng hẹn. Người mẹ nuôi liền dẫn Mu-ga-giô về nhà. Vì ghen tức, suốt dọc đường, mụ không nói một câu nào với Mu-ga-giô. Về nhà, mụ chẳng cho Mu-ga-giô ăn uống gì hết. Mụ mặc cho Mu-ga-giô lả đi vì đói và đêm đến, mụ cũng chẳng cho Mu-ga-giô chăn chiếu gì cả. Mụ bỏ mặc Mu-ga-giô ngủ rét trên mặt đất. Sáng sớm hôm sau, mụ sai Mu-ga-giô ra mấy gốc

dừa cạnh ao trảy dừa cho mụ. Mu-ga-giô vâng lời. Mụ mẹ nuôi liền sai Mu-ha-lốc mang một chiếc-cuốc theo ra, đợi lúc Mu-ga-giô trèo lên sẽ cuốc bật gốc cho cây dừa đổ xuống để giết Mu-ga-giô. Mu-ga-giô ngay tình trèo lên cây dừa hái quả. Đợi Mu-ga-giô trèo lên đến gần ngọn, Mu-ha-lốc liền cuốc gốc dừa. Thấy vậy, Mu-ga-giô liền truyền sang cây dừa bên cạnh. Cây dừa thứ nhất đổ, Mu-ga-giô không chết. Mu-ha-lốc liền chặt sang cây thứ hai. Cây thứ hai gần đổ thì Mu-ga-giô đã truyền kịp sang cây thứ ba. Mu-ha-lốc lại chặt cây thứ ba là cây gần bờ ao nhất. Mu-ga-giô hết đường. Cây dừa đổ xuống ao, chìm Mu-ga-giô chết đuối.

Mu-ga-giô chết rồi liền hóa thành một con rùa vàng sống ở dưới ao.

Giết xong Mu-ga-giô, Mu-ha-lốc liền vào nhà kể chuyện lại với mẹ. Hai mẹ con hí hửng bảo nhau phen này Mu-ga-giô chết rồi thì Mu-ha-lốc hẳn được làm hoàng hậu. Hai mẹ con lập tức dắt nhau lên kinh đô và ra mắt nhà vua. Mụ mẹ tâu :

— Tâu bệ hạ, hôm đó dắt Mu-ga-giô về, không hiểu sao đến nửa đường nó bỏ trốn. Hạ thần đã cho tìm khắp nơi nhưng không thấy nó đâu. Vì sợ bệ hạ quở trách, thần phải mang đứa con đẻ của thần tới. Nó đẹp cũng không thua gì Mu-ga-giô đâu. Vả lại, cả hai đứa đều là con của hạ thần. Xin bệ hạ tạm vui lòng. Chừng nào hạ thần tìm thấy Mu-ga-giô, hạ thần xin đưa nó vào cung hầu bệ hạ ngay.

Tâu xong, mụ phủ phục xuống khóc lóc thảm thiết, làm như thương xót Mu-ga-giô thực sự. Nhưng nhà vua không bằng lòng, ngài phán :

— Ta không bằng lòng như thế. Nhà ngươi đã trót mang con đẻ của nhà ngươi đến thì cứ để nó ở đây cho ta. Nhà ngươi phải về tìm bằng được Mu-ga-giô của ta mới xong.

Mụ mẹ nuôi Mu-ha-lốc đành phải nhận lời. Mụ ra về nhưng có đến nửa tháng sau vẫn không thấy mụ mang Mu-ga-giô tới. Nhà vua buồn lắm, liền bày cách cùng quần thần đi săn cho khuây khỏa. Nhà vua ra lệnh cho các cận thần và quân hầu

mang cung tên dao mác và lửa chó đi săn. Đi quanh đi quẩn thế nào mọi người lại đến đứng ngay cái ao mà Mu-ga-giô hái dừa bị mẹ con Mu-ha-lốc chặt gốc cây cho ngã xuống và chết đuối. Đến bên ao, tự nhiên nhà vua bản thân không muốn bước đi nữa. Ngài buồn rầu nhớ tới Mu-ga-giô khôn xiết. Ngài không muốn khóc trước mặt quan quân nhưng nước mắt cứ trào ra ròng ròng. Tự nhiên, ngài truyền bảo quan quân :

— Không hiểu sao khi đến gần ao này ta thấy trong lòng buồn bã và đau khổ vô hạn. Hay là có sự gì chẳng? Các người khà xuống ao này mò xem có gì lạ không rồi lên tàu cho ta biết rõ.

Quan sĩ liền đổ xô xuống ao mò kiếm. Mò mãi, họ chỉ bắt được có con rùa vàng liền đem lên dâng vua. Nhà vua vừa cầm lấy con rùa vàng, thì rùa vàng đã rên rĩ như than khóc. Tự nhiên nước mắt nhà vua cũng ứa mãi ra. Thấy sự lạ, nhà vua ra lệnh cho quan quân quay về, mang theo cả con rùa vàng. Về đến cung, nhà vua cho rùa vào một chiếc chậu to bằng vàng để nuôi. Ngày nào, vua cũng đến thăm rùa. Mỗi lần thấy nhà vua, rùa vàng lại rên rĩ như than khóc. Rùa vàng rên rĩ bao nhiêu thì nước mắt nhà vua lại ứa ra bấy nhiêu; trong lòng nhà vua đau đớn, buồn rầu vô hạn.

Mu-ha-lốc thấy ngày nào vua cũng lại bên chậu nuôi rùa vàng mà khóc lóc buồn bã thì bực mình ghen tức. Đợi một bữa nhà vua cùng các quan quân đi săn vắng nhà, Mu-ha-lốc liền bắt rùa vàng mổ thịt ăn một mình. Mai rùa không ăn được, Mu-ha-lốc ném phứt ra đằng sau cung điện.

Lúc vua đi săn về, quên lệ, ngài lại đến bên chậu vàng thăm rùa thì đã không thấy rùa đâu nữa. Ngài giật mình kinh hãi, vặn hỏi Mu-ha-lốc. Mu-ha-lốc chối quanh là không biết ai bắt trộm. Vua tức giận lắm, truyền lệnh cho gọi người thầy tướng giỏi nhất nước vào để bói xem ai là thủ phạm. Mu-ha-lốc thấy khó lòng giấu nổi, đành phải tâu thật với nhà vua rằng chính mình đã ăn thịt rùa vàng.

Nhà vua căm tức Mu-ha-lốc vô cùng. Ngài quát hỏi :

— Trong cung thiếu gì lợn, dê, gà, ngỗng! Nhà ngươi muốn ăn gì cũng có, hà tất phải ăn thịt rùa vàng của ta! Ăn như thế là nghĩa thế nào?

Mu-ha-lốc ấp úng viện cớ loanh quanh. A nói mình đang có thai nên thêm thịt rùa. Nhà vua càng căm giận vì từ ngày Mu-ha-lốc vào cung, nhà vua chưa ăn nằm với ả lần nào. Trông nét mặt vua tím lại, Mu-ha-lốc sợ quá, vội cải chính là mình không có thai. Tuy nhiên, việc ấy cũng qua vì nhà vua thấy nó cũng là một sự đã rồi, có giết Mu-ha-lốc cũng không lấy lại được rùa vàng như trước nữa.

Chiếc mai rùa Ha-lốc ném ra sau cung điện lúc này đã hóa thân thành một con chim biết nói. Một hôm, chim đến đậu ngay trên nóc cung điện mà hót. Tiếng hót nghe sao ai oán thế! Già trẻ, gái trai ai nghe tiếng chim hót cũng thấy lòng tê tái, xót xa. Nhà vua cũng vậy, ngai bèn bảo chim:

— Chim khôn của ta ơi! Nếu thật chim là Mu-ga-giò yêu quý của ta hóa thân thì chim hãy đậu lên tay ta xem nào!

Nhà vua vừa nói vừa run run chìa bàn tay ra trước mặt. Con chim lạ đã sà xuống đậu ngay lên tay vua. Nhà vua liền cho làm một chiếc lồng bằng vàng khảm ngọc để nuôi chim. Từ đó, nhà vua và chim cứ quấn quít lấy nhau. Mặt nhà vua không sao vui được mỗi khi chim hót. Thấy vậy, Mu-ha-lốc lại ghen tức. Đợi một bữa nhà vua đi vắng, ả lôi chim ra làm thịt ăn một mình. Lúc nhà vua về, thấy lồng chim trống không, ngai chột dạ, hỏi Mu-ha-lốc:

— Thế nào, chim quý của ta lại bị mất rồi sao?

Lần này thì Ha-lốc nói dối khôn khéo hơn. ả tâu:

— Muôn tâu bệ hạ, thần thiếp đang nấu ăn trong bếp thì con chim sỏ lồng bay tới. Chẳng may chim ngã vào nồi nước sôi nên thiếp phải vặt lông làm thịt dâng bệ hạ xơi.

Nói đoạn, Mu-ha-lốc đưa ra một đĩa thịt chim khác để đánh lừa nhà vua. Nhà vua không ăn và cũng không nói một lời nào. Ngai giận Mu-ha-lốc vô hạn.

Lông chim, Mu-ha-lốc đã đem vớt ra sau nhà. Chẳng bao lâu, lông chim biến hình, mọc thành những cây trúc rất xinh. Có một bữa, nhà vua dạo chơi ra sau nhà, thấy hàng trúc mọc đều đặn, ngai ngạc nhiên thốt lên:

— Xưa nay có ai trồng trúc ở đây! Sao ở đây lại mọc lên một hàng trúc đẹp đến như thế này!

Mu-ha-lốc nghe lỏm thấy nhà vua nói thế, nghĩ bụng : « Thế này thì ta lại phải chặt trúc mà đút vào bếp thì mới xong chuyện được ». Rồi, thừa cơ nhà vua đi săn bắn, Mu-ha-lốc vác dao ra chặt hết các khóm trúc xinh đẹp ấy về làm củi đun. Vỏ trúc tước ra, muốn làm cho mất hết tăm tích, Mu-ha-lốc đem chôn sâu xuống đất ở một chỗ cách cung điện đến hai ba ngày đường.

Nhưng chôn được ít lâu, vỏ trúc đã biến hình mọc thành một cây thị xanh tươi ở cạnh đường đi. Thấy cây thị có nhiều bóng mát, một bà cụ già tới ở ngay dưới gốc, dựng một chiếc quán bán hàng. Ở mãi chẳng thấy cây thị ra hoa kết trái, bà cụ lấy làm lạ bèn nói :

— Quái ! Cây thị tươi tốt thế này mà sao chẳng thấy bói được quả nào !

Vừa dứt lời, lúc ngẩng lên, bà cụ đã thấy trên cây thị có một quả rất to chín mọng màu vàng ửng, nom rất đẹp mắt. Hương thơm bay ngào ngạt khắp nơi. Bà cụ thích quá, ước ao :

— Ước gì ta được quả thị kia mà ngấm mà chơi thì sung sướng quá !

Bà cụ ao ước như thế mấy lần liền thì lạ thay, quả thị đã rụng xuống, rơi trúng vào trong thúng của bà cụ. Bà cụ toan ăn, nhưng rồi thấy quả thị đẹp, bà không nỡ ăn ; bà để dành, rấm vào trong thạp gạo. Từ đấy, mỗi lần đi đâu vắng nhà về, bà lại thấy nhà cửa sạch sẽ tinh tươm, cơm nước làm sẵn rất ngon lành để phần. Mới đầu bà cứ ăn uống tự nhiên nhưng rồi bà để ý rình để tìm ra sự thật lạ lùng ấy.

Một hôm, bà vờ gánh hàng đi chợ bán như thường lệ. Đi được một quãng dài, bà liền lộn lại, đứng nấp vào một chỗ gần nhà để xem xét tình hình. Bà thấy trong nhà có một cô gái rất đẹp đang quét tước dọn dẹp. Bà ngạc nhiên vô cùng thầm nghĩ : « Cô gái này là ai, ta có thấy mặt cô ấy bao giờ đâu ? Hay là cô ta ở trong quả thị chui ra » ? Nghĩ thế, bà lão liền rón rén lại gần thạp gạo mở ra xem thì thấy quả thị chỉ còn trơ có lần vỏ. Bà liền mang vỏ ấy giấu vào một chỗ khác. Sau đó bà ho lên để đánh tiếng và chạy thẳng đến chỗ cô gái đang làm cơm. Cô

gái thấy động, hoảng sợ bỏ chạy về phía thạp gạo. Nhưng vô thị không còn nữa. Cô đành đứng sững ra giữa nhà. Bà già liền cười và hỏi :

— Tại sao con lại ở trong quả thị ra để giúp già như thế ?

Cô gái liền thuật lại chuyện mình. Cô chính là Mu-ga-giô hóa thân. Thấy bà cụ phúc hậu nhân từ nhưng cô độc, Mu-ga-giô muốn giúp đỡ bà chút ít.

Bà cụ lấy làm lạ lắm. Bà hỏi :

— Như vậy khi con ở trong quả thị thì con ăn bằng gì ?

Mu-ga-giô vừa cười vừa đáp :

— Con chẳng ăn gì cả, nhưng nếu con muốn ăn gì thì cũng có ngay.

Bà cụ liền nhận Mu-ga-giô làm con nuôi. Từ đó, Mu-ga-giô sống với bà cụ.

Mấy hôm sau, Mu-ga-giô bảo bà cụ :

— Mẹ ơi, mẹ hãy đến kinh đô, vào hoàng cung mời đức vua tới đây chơi. Nếu vua có hỏi thì mẹ cứ nói là mời ngài tới dự bữa tiệc tân hôn.

Bà cụ lo lắng, hỏi Mu-ga-giô :

— Nhà của mẹ dột nát thế này, sao con lại định mời vua tới chơi ? Nếu ngài tới thật thì mẹ lấy gì mà tiếp đãi ?

Mu-ga-giô nói :

— Mẹ cứ yên tâm làm theo lời con dặn. Ở nhà con khắc lo liệu đầy đủ mọi thứ.

Bà cụ chiều lòng con gái nuôi, lúc cút đi bộ đến kinh đô, vào tận hoàng cung để mời vua. Bà cụ phải khấn khoản nói mãi nhà vua mới chịu đi, nhưng nhà vua lại ra một điều kiện : phải trải thảm dài suốt từ hoàng cung cho tới tận cửa nhà bà cụ. nhà vua mới đi. Bà cụ đành phải nhận lời và lo lắng quay về. Đến nhà, bà cụ ngạc nhiên vô cùng vì thấy gian lều cũ của mình đã biến thành một tòa lâu đài nguy nga tráng lệ chưa từng thấy, đồ ăn thức uống đầy đủ và sang trọng không sao kể xiết. Thấy bà về, Mu-ga-giô ra đón. Nàng hỏi :

— Nhà cửa như thế này mẹ đã vui lòng chưa? Mẹ có mời đức vua đến cho con không?

Bà cụ liền kể lại chuyện đến hoàng cung mời nhà vua như thế nào và nhà vua đòi hỏi những gì. Mu-ga-giô tươi cười bảo mẹ nuôi:

— Được, mẹ cứ đến tâu với vua là sẽ có thăm dài trải từ nhà ta cho đến hoàng cung để ngài đi.

Bà cụ lại lên đường. Vừa bước chân ra khỏi cửa, bà đã thấy thăm dẹt trải suốt từ nhà mà đi. Bà cứ theo lối thăm dài trải sẵn ấy đến tận cung vua, vừa đi vừa đoán chắc Mu-ga-giô là một nàng tiên chứ không phải người trần. Vào đến hoàng cung, bà tâu với vua:

— Tâu bệ hạ, thần đã cho trải thăm và căng màn che phía trên suốt từ hoàng cung cho tới nhà thần, xin kính mời bệ hạ lên đường ngay cho.

Vua bước ra xem thì thấy quả đúng như lời bà cụ nói. Nhà vua không giấu nổi ngạc nhiên trước công việc khó khăn mà bà già đã làm được ấy. Lúc đó đang trưa, mặt trời còn cao, nắng gắt, nhà vua liền bảo bà cụ ở về trước còn mình thì đợi lúc mặt trời xuống thấp cho đỡ nắng sẽ đi kiệu tới sau. Bà cụ y lời, về trước. Mu-ga-giô đã đứng đón ngay ở cửa và hỏi:

— Mẹ ơi, mẹ có nói gì về con cho đức vua biết không? Bà cụ đáp:

— Không, mẹ giữ kín, mẹ không nói cho một ai biết hết.

Mu-ga-giô liền bảo mẹ nuôi đi mời tất cả họ hàng, người quen kẻ thuộc lại ăn tiệc, nói dối họ là nhà có giỗ. Mọi người đến đông đủ nhưng trong lòng họ không khỏi nghi ngờ vì thấy xưa nay bà cụ rất nghèo. Một lát sau, họ thấy dọn ra rất nhiều bánh trái, các món ăn lạ và ngon. Họ vội hỏi:

— Ai làm những thức ăn này?

Bà cụ đáp là mình làm. Bà cụ không dả động gì đến Mu-ga-giô. Trong khi ấy, Mu-ga-giô vẫn ẩn kín trong buồng mà không ai biết.

Lúc mặt trời đã xuống thấp, nhà vua đi kiệu tới. Vừa bước chân vào cửa, lòng nhà vua đã thấy buồn bã, đau đớn vô cùng. Bà cụ ra đón, đưa nhà vua vào ngồi trong một căn rạp mới dựng. Vua ngồi đó nhưng lòng dạ lại mơ màng nghĩ tẩn đầu đầu. Ngai không biết rằng Mu-ga-giô, người vợ yêu quý mới được cùng mình chung sống có một ngày đang đứng sau tấm màn che sau lưng mình.

Lát sau, Mu-ga-giô quăn thuốc lá và bảo mẹ nuôi mang ra mời nhà vua hút. Nàng lại dặn nếu nhà vua có hỏi ai quăn thuốc thì cứ nói là người quen làm giúp. Bà cụ liền đặt thuốc lên một chiếc mâm vàng mang ra dâng vua. Trông thấy điệu thuốc quăn khéo, nhà vua sững sờ cả người : ngài đã từng được hút những điệu thuốc như thế này rồi, đó là những điệu thuốc do tay hoàng hậu Mu-ga-giô quăn. Nhà vua hấp tấp hỏi :

— Ai quăn cho bà cụ những điệu thuốc này ?

Bà cụ trả lời đúng như lời Mu-ga-giô dặn. Nhà vua không tin. Ngài bần thần suy nghĩ một lúc rồi ra lệnh cho mọi cô gái đến dự tiệc, nếu ai quăn được khéo như điệu thuốc của bà cụ mang dâng thì người ấy sẽ được tuyển làm hoàng hậu. Các cô gái đều quăn thử nhưng không một ai quăn được điệu thuốc khéo như thế. Trong lúc ấy, Mu-ga-giô lại làm bánh ngọt bảo mẹ nuôi bưng ra cho vua ăn. Trông thấy bánh, nhà vua càng thêm ngạc nhiên. Ngài gọi bà cụ đến cạnh, hỏi nhỏ :

— Bà cụ hãy nói thực cho ta biết ai là người làm bánh và quăn những điệu thuốc này.

Bà cụ vẫn trả lời đúng như lời Mu-ga-giô dặn. Nhà vua bực tức quát lên :

— Bà lão nói dối ! Ở đây nhất định không ai có thể làm bánh và quăn thuốc khéo đến thế, khéo đúng như hoàng hậu Mu-ga-giô của ta !

Đứng nấp trong buồng, nghe thấy nhà vua nói thế, Mu-ga-giô bỗng trạnh lòng nhớ tới cái ngày hạnh phúc ngắn ngủi xưa kia. Nàng bất giác buông một tiếng thở dài buồn bã. Chẳng ngờ nhà vua nghe thấy tiếng thở dài đó. Ngài vội vã chạy vào. Trông thấy Mu-ga-giô, nhà vua chạy ngay đến cầm lấy tay mà khóc

lóc than thở. Sau đó, nhà vua ra lệnh làm ngay một chiếc kiệu thật đẹp để đưa hoàng hậu Mu-ga-giô về cung.

Đêm đó, Mu-ga-giô kể cho nhà vua rõ đầu đuôi câu chuyện đau buồn mà mình phải chịu đựng do mẹ con Mu-ha-lốc gây ra. Nàng nói: « Ha-lốc nó ghen tức và thù hằn thiếp rất to lớn, to lớn như khoảng cách từ trái đất của người sống đến tận chỗ bóng tối của người chết đấy bệ hạ ạ! » Nghe chuyện Mu-ga-giô, bấy giờ nhà vua mới hiểu ngọn ngành và tâm địa mẹ con Mu-ha-lốc.

Trong khi đó, Mu-ha-lốc nằm ngủ ở ngoài hiên bỗng tỉnh dậy. Nghe tiếng nói chuyện. Ha-lốc nhận ngay ra tiếng Mu-ga-giô. Ắ hoảng hốt nghĩ thầm: « Thôi chết! Con Mu-ga-giô đã sống lại và nó sẽ thay quyền ta ở đây mất thôi! » Sáng hôm sau, Mu-ha-lốc dậy thật sớm, vào buồng Mu-ga-giô. Ắ chào hỏi Mu-ga-giô rất tử tế và viện lý rằng ắ tưởng Mu-ga-giô đã chết nên phải thế chân lấy vua cho hợp tục lệ. Mu-ga-giô không đáp. Thấy Mu-ga-giô đẹp hơn trước, mồm Ha-lốc thì nịnh nhưng bụng ắ thì lại nghĩ cách phải làm thế nào để mình đẹp hơn Mu-ga-giô thì mới mong chiếm được lòng yêu của nhà vua. Ắ liền hỏi Mu-ga-giô làm thế nào mà lại trắng trẻo đẹp đến thế. Mu-ga-giô liền bảo:

— Em phải lấy một chiếc chậu lớn đổ đầy nước đang sôi rồi nhẩy cả người vào ngồi ngâm một lúc mới được như thế đấy.

Mu-ha-lốc tưởng thật, vội vã cáo lui. Về buồng riêng, ắ thực hiện đúng lời Mu-ga-giô nói, hy vọng sẽ trắng đẹp hơn Mu-ga-giô. Nhưng ắ vừa nhẩy vào thì đã chết bồng ngay lập tức.

Cầm giận con người gian hiểm độc ác, Mu-ga-giô liền ra lệnh cho xả thịt Mu-ha-lốc, làm một hũ mắm rồi gửi cho mẹ Mu-ha-lốc, nói dối là của Ha-lốc gửi biếu.

Được hũ mắm, mẹ Ha-lốc rất sung sướng, khen vung lên là con gái mình hiếu thảo. Bữa cơm nào mẹ cũng vác hũ mắm ra ăn.

Hũ mắm hết dần... Một hôm mẹ Ha-lốc vét hũ thì thấy dưới đáy hũ có một chiếc đầu lâu, hai bàn chân và một bàn tay đeo

nhân. Nhìn chiếc nhân — nhân của Ha-lốc — mẹ mới hiểu rõ rằng mình đã ăn hết hũ mắm làm bằng thịt con gái mình.

Mẹ kêu khóc rầm trời. Mẹ chạy thẳng đến cung vua để hỏi. Đến nơi, mẹ thấy Mu-ga-giô đang ngồi chơi. Mẹ kêu lên: « Ô, sao con này lại ngồi được ở đây? » Mẹ cho rằng mình trông lầm. Mẹ hỏi:

— Tâu hoàng hậu, trước kia người ở làng nào?

Mu-ga-giô liền đáp:

— Tôi là con gái nuôi của một bà ở gần đây.

Chỉ mới nghe có thế, mẹ mẹ Mu-ha-lốc đã ù té chạy ra ngoài. Mẹ kêu khóc như một người hóa dại...

ĐỖ THIỆN
sưu tầm và biên soạn

PHÒ MÃ «SỌ DỪA »*

Ngày xưa, có một ông già sống với một cô con gái ở gần một khu rừng. Nhà rất nghèo, hàng ngày, hai cha con thường phải vào rừng kiếm củi bán lấy tiền nuôi nhau. Đã đến tuổi, nhưng vì thương cha già yếu, cô gái chưa chịu lấy chồng.

Một hôm, hai cha con mang xe vào rừng hái củi như thường lệ. Hai cha con mang theo một rá cơm, một bầu đựng nước và một con dao quắm. Vào đến rừng, trước khi chặt củi, hai cha con ngả cơm ra ăn để lấy sức. Ăn xong, cô gái khát, liền đi tìm nước uống. Đi một lúc lâu, cô gặp một dòng suối từ giữa các hốc đá phun lên và chảy đầy vào một chỗ trũng trước hang núi. Dòng nước trong vắt, ngon lành. Cô gái liền uống một hơi thật thỏa thích rồi cởi quần áo lội xuống tắm.

Khi tắm xong, cô gái mới chợt nhớ ra mình quên không đem theo bầu để lấy nước cho cha. Cô quay lại kể chuyện với cha. Hai cha con liền dắt nhau theo đường cũ tới chỗ có nước.

* Chuyện này cũng giống với chuyện Sọ Dừa của dân tộc Kinh.

Tới nơi, tia nước không còn nữa và nước trong chỗ trũng trước cửa hang cũng đã cạn khô. Hai cha con rất ngạc nhiên. Tìm mãi không ra một giọt nước, hai cha con đành phải kéo nhau về sau khi đã lấy được một xe củi đầy.

Bảy ngày sau, cô gái thấy trong người đổi khác: cô đã có mang. Bụng cô mỗi ngày một to. Tưởng cô chữa hoang, dân làng liền ngả vạ. Cha con cô gái lo quá, đành phải nói thực việc uống nước và tắm trong rừng hóm nọ. Dân làng nghe rồi cũng tin và không bắt vạ nữa.

Chín tháng sau, cô gái trở dạ đẻ. Cô đẻ ra một đứa bé không chân không tay. Nó tròn như một quả dừa. Vì hình thù đứa bé như vậy nên người ta đặt tên cho nó là Sọ Dừa.

Sọ Dừa lớn mau như thổi. Bảy tháng, Sọ Dừa đã biết nói. Một tuổi, Sọ Dừa đã biết lặn vào rừng chơi một mình, và ba tuổi thì Sọ Dừa đã biết chẵn dê. Thấy Sọ Dừa như vậy, dân làng ai cũng yêu mến. Nhút nhát nhất là trẻ con, vậy mà gặp Sọ Dừa, chúng không sợ; trái lại, chúng còn thích chơi với Sọ Dừa là khác.

Vua nước Chàm rất giàu có. Nhà vua có một đàn trâu tới ba mươi vạn con, phải dùng nhiều người mới chăn nổi. Nhà vua lại có ba cô con gái. Ba nàng công chúa tuổi suýt soát nhau, nhan sắc cả ba đều chim sa cá lặn. Nhà vua và hoàng hậu rất quý chiều ba nàng công chúa.

Một hôm, Sọ Dừa nói với mẹ:

— Mẹ ơi! Mẹ đến nói với vua thuê con chăn trâu cho vua đi! Con thích chăn trâu lắm mẹ ạ.

Mẹ Sọ Dừa cười mà bảo con rằng:

— Con chân tay chẳng có, đi đâu thì cứ lặn lông lốc chur quả dừa, chẵn dê còn sợ mất hưởng hồ chăn trâu cho vua! Mẹ chẳng nói đâu con ạ.

Sọ Dừa năn nỉ bắt mẹ đi bằng được. Sọ Dừa cam đoan sẽ chăn dắt được đàn trâu cho nhà vua. Bà mẹ thương con, không nỡ làm con không vui nên ra đi. Bà tìm đến cung vua, xin vào hầu. Quân lính của nhà vua ra hỏi:

— Bà đến có việc gì?

Bà mẹ Sọ Dừa đáp :

— Tôi đến xin vua nuôi con tôi để nó chăn trâu cho vua. Quân lính liền vào trình. Vua cho mẹ Sọ Dừa vào. Ngài hỏi :

— Con bà muốn ở chăn trâu cho ta phải không ?

Mẹ Sọ Dừa vội thưa :

— Vâng, đúng thế.

Và bà mang hết những điều con mình dặn ra nói với vua. Vua phì cười. Cười xong, vua bảo :

— Đàn trâu của ta nhiều tới ba chục vạn con, ba chục người chăn không xuể, họ vẫn còn để lạc. Con bà không chân, không tay như thế khó mà chăn nổi !

Nói vậy nhưng rồi nhà vua cũng cho gọi Sọ Dừa tới. Sọ Dừa cam kết một mình chăn đàn trâu sẽ không để thất lạc con nào. Vua liền thuận cho Sọ Dừa chăn thử. Mẹ Sọ Dừa ra về, trong lòng vô cùng lo ngại. Bà lo Sọ Dừa để lạc trâu của nhà vua thì sẽ phải tội. Sọ Dừa ở lại trong cung vua từ đấy.

Sáng hôm sau, quân lính lừa đàn trâu ra khỏi chuồng. Họ đặt Sọ Dừa lên lưng trâu rồi đuổi đàn trâu vào sâu trong rừng, mặc Sọ Dừa một mình chăn dắt. Trên đường về, quân lính người nào cũng chắc mẫm Sọ Dừa sẽ để lạc mất trâu. Tuy không nói ra nhưng ai cũng cho mẹ con Sọ Dừa là đại dột.

Trưa ấy, vua sai nàng công chúa thứ ba mang cơm ra chỗ Sọ Dừa chăn trâu. Tới nơi, công chúa ba thấy đàn trâu đang cùng nhau ăn cỏ nhưng nàng không thấy Sọ Dừa đâu hết. Nàng cất tiếng hỏi to :

— Sọ Dừa đâu mà ta không thấy ?

Sọ Dừa vội thưa :

— Tôi đây !

Thưa xong, Sọ Dừa lặn lội bên chân công chúa ba. Công chúa đưa cơm cho Sọ Dừa ăn xong thì ra về. Tối đến, Sọ Dừa nhẩy lên lưng một con trâu đầu đàn và lừa cả đàn trâu về chuồng. Vua cho kiểm lại thì thấy không thiếu một con nào. Mọi người đều ngạc nhiên. Riêng nhà vua là người lấy làm lạ

lùng nhất. Nhà vua nghĩ thầm : « Ta cho hàng ba chục người đi chẵn trâu mà ngày nào cũng bị lạc mất trâu, nay Sọ Dừa chỉ có một mình, hẳn ta lại không có chân tay, vậy mà hẳn chẵn dất không để mất con nào, lạ thật ! Ta phải tìm hiểu cho ra điều này mới được ! »

Hôm sau, Sọ Dừa lại lừa trâu vào rừng. Khi đi, vua ra lệnh cho Sọ Dừa phải mang theo một con dao quắm để chặt dây buộc hàng rào vì hàng rào nhà vua đã đổ nát nhiều. Vua dặn Sọ Dừa phải lấy một bó dây to. Sọ Dừa vâng lệnh.

Trưa hôm đó, công chúa ba lại mang cơm cho Sọ Dừa. Việc Sọ Dừa chẵn trâu không để lạc con nào cũng làm công chúa ba phải suy nghĩ. Ra tới chỗ Sọ Dừa chẵn trâu, nàng nấp vào một chỗ để xem Sọ Dừa chẵn trâu và chặt dây ra sao. Nàng ngạc nhiên hết sức vì thấy Sọ Dừa hóa phép ra rất nhiều người. Già có, trẻ có, những người ấy chặt dây và chẵn trâu cho Sọ Dừa. Công chúa ba biết ngay Sọ Dừa là người có phép thuật. Nàng đứng xem trộm một lúc rồi cất tiếng gọi Sọ Dừa ra nhận cơm như hôm qua. Nghe tiếng công chúa ba, Sọ Dừa vội hóa phép cho mọi người kia biến cả xuống đất rồi chàng lăn lại bên công chúa để nhận cơm. Công chúa ba nán lại nói chuyện với Sọ Dừa một lúc rồi ra về. Nàng bắt đầu để ý tới Sọ Dừa và định bụng không nói với một ai về những điều mình vừa được biết.

Thấy công chúa mang cơm cho Sọ Dừa về chậm, vua liền vặn hỏi. Công chúa nói dối là mình lạc đường. Trong khi ấy, Sọ Dừa lại hóa phép ra rất nhiều người đi chặt dây và chẵn trâu cho mình. Tối đến, Sọ Dừa sai những người đó buộc tất cả những bó dây đã chặt được vào sừng trâu rồi lừa trâu về. Vua cho điếm lại trâu. Vẫn đủ số. Vua lại cho quân lính gỡ tất cả dây cuốn trên sừng trâu xuống. Phải một trăm xe mới chở hết chỗ dây. Vua và mọi người hết sức ngạc nhiên. Ai nấy đều phục Sọ Dừa là một người tài giỏi khác thường.

Hôm sau, Sọ Dừa lại dậy sớm, lừa trâu ra khỏi chuồng để đi chẵn như thường lệ. Công chúa ba lại xin mang cơm cho Sọ Dừa. Ra tới nơi, nàng lại nấp vào một chỗ. Nàng trông thấy rất nhiều người, đủ cả đàn ông, đàn bà, người già, trẻ con, họ

đang tui tit làm mọi việc cho Sọ Dừa. Nàng lại thấy cả voi, hổ, báo, gấu, hươu, nai, bò rừng và các giống chim đẹp như công, phượng, vẹt, trĩ, sáo v.v... đua nhau tới chào múa trước mặt Sọ Dừa. Quả thật là một cảnh tượng vô cùng đẹp mắt, công chúa ba chưa được thấy bao giờ. Trong khi ấy, tiếng kèn, sáo, trống, chiêng ở đâu vẳng nổi lên rộn rã như chào mừng. Lắng nghe, công chúa còn thấy cả tiếng chó cắn, gà gáy, mèo kèn, tiếng người hát cười vui vẻ chẳng khác một nơi đông đúc. Công chúa ba thích quá. Nàng trèo lên một cây cao để nhìn cho rõ. Bỗng nhiên, nàng thấy Sọ Dừa biến thành một chàng trai trẻ đẹp như thiên thần từ trong vỏ Sọ Dừa bước ra. Chàng đi lại giữa tiếng nhạc du dương, đẹp như mặt trăng rằm tỏa sáng. Trông chàng, công chúa ba ngơ ngẩn cả tâm hồn. Nàng đã yêu chàng Sọ Dừa. Vừa lúc đó, hình như chợt nhớ ra sắp tới lúc công chúa ba mang cơm cho mình, chàng Sọ Dừa vội hóa phép cho mọi người biến xuống đất, các thú vật kéo nhau vào rừng, còn mình thì lại chui vào cái vỏ Sọ Dừa như cũ. Tận lúc ấy, công chúa ba mới tụt xuống đất. Vờ làm như mới ra tới nơi, nàng cất tiếng gọi, giọng nàng âu yếm khác thường:

— Anh cả Sọ Dừa đâu ra mà xơi cơm?

Sọ Dừa lặn tới bên chân công chúa. Nhận cơm xong, Sọ Dừa nói:

— Xin công chúa đừng gọi tôi là anh cả. Công chúa cứ gọi tôi như cũ thì hơn.

Công chúa ba nói:

— Trước kia khác, bây giờ khác, trước kia lạ, bây giờ thân. Trước kia, bao nhiêu người không chán nổi đàn trâu, bây giờ chỉ một mình chàng, không những chàng trông nom xuề mà còn lấy được cả dây về để buộc rào. Em thấy chàng vất vả bao nhiêu, em càng thương chàng như một người anh cả của em bấy nhiêu.

Sọ Dừa không khỏi không bền lén. Chàng nói:

— Trước kia, nàng gọi tôi là một chàng trai, tôi chưa biết nói thế nào, giờ đây nàng lại gọi tôi là anh cả, tôi càng không biết nói thế nào để đền đáp tấm lòng quý hóa ấy.

Hai người trò chuyện với nhau mãi. Lúc công chúa ra về, mặt trời đã xế bóng. Thấy nàng về quá chậm, vua đàm nghi. Vua căn vặn gắt gao, công chúa ba chỉ nói là mình đi lạc đường. Nàng nhất quyết giữ kín những điều mình đã biết về chàng Sọ Dừa tài giỏi.

Hôm sau, vua không sai công chúa ba mang cơm cho Sọ Dừa nữa. Vua sai công chúa cả và công chúa hai. Công chúa ba buồn lộ ra ngoài mặt. Nhưng công chúa cả và công chúa hai đã từ chối :

— Chúng con không đi đâu. Nó không có chân tay, nó chỉ biết lặn lông lốc. Trông thấy nó, chúng con đã đủ chết khiếp. Chúng con không dám tới gần nó nhưng nếu nó không có cơm ăn, nó sẽ chết đói mất. Em ba của chúng con đã quen, xin cứ để cho em nó mang đi.

Nhà vua đành lại phải để công chúa ba mang cơm cho Sọ Dừa. Công chúa ba sung sướng không sao nói hết. Nàng xách giỏ cơm đi. Tới nơi, nàng đã thấy Sọ Dừa hiện thành một chàng trai trẻ đẹp như thiên thần. Chàng vẫn đi lại giữa đám đông, coi sóc họ làm việc. Chàng bước đi bước lại trong tiếng nhạc du dương, đẹp như mặt trăng rằm tỏa sáng. Công chúa ba đứng nhìn trộm chàng không chán mắt. Một lát sau, nàng mới đánh tiếng gọi Sọ Dừa tới nhận cơm. Sọ Dừa lại vội hóa phép cho mọi người biến xuống đất còn mình thì lặn lông lốc lại bên chân công chúa, nhận phần cơm như thường.

Chiều hôm đó, trời nổi cơn bão lớn. Mây đen ùn ùn kéo tới, gió xoáy từng cơn dữ dội, mưa trút nước xuống như thác đổ. Sọ Dừa vội cho lừa trâu về chuồng. Công chúa cả và công chúa hai đang nấu cơm trong bếp. Rét quá, Sọ Dừa lặn vào gần bếp để sưởi. Trông thấy Sọ Dừa, công chúa cả và công chúa hai kêu rầm rĩ và ra sức xua đuổi. Sọ Dừa cứ lặn xả vào. Chàng vờ chạm phải chân công chúa cả. Công chúa cả mắng Sọ Dừa thậm tệ. Sọ Dừa lại vờ lặn chạm phải chân công chúa hai. Công chúa hai cũng mắng Sọ Dừa thậm tệ. Nghe tiếng ồn ào, công chúa ba chạy xuống. Nàng trách các chị đã xử không tốt đối với Sọ Dừa.

Từ mấy hôm nay, nhà vua vẫn thắc mắc vì không biết Sọ Dừa làm cách nào mà chần trâu và chặt được dây buộc một cách tài tình như thế. Nhà vua muốn thử Sọ Dừa lần nữa. Sáng hôm sau, khi Sọ Dừa sắp lùa trâu đi ăn thì nhà vua gọi Sọ Dừa tới. Ngài bảo :

— Hàng rào của ta hỏng mất nhiều, dây buộc đã đủ nhưng hiện nay còn thiếu nữa để thay. Vậy nhà ngươi hãy vừa chần trâu vừa chặt cho ta ít nữa. Chặt xong, nhà ngươi cứ bó lại và đánh đồng ở ven rừng. Ta sẽ cho quân lính ra khiêng.

Sọ Dừa vui vẻ nhận lời. Trước thái độ ấy, nhà vua cũng đoán chắc Sọ Dừa phải có một sức mạnh huyền bí nào đó chứ nếu không thì đã không dám nhận.

Công chúa ba thì càng ngày càng thêm yêu mến Sọ Dừa. Nàng đã sắp một chiếc khăn tay đẹp, bọc sẵn một khăn trầu cau để đem tặng Sọ Dừa. Khi mang cơm trưa cho Sọ Dừa, nàng lại nấp vào một chỗ. Nàng nghe thấy tiếng người cười đùa ầm ĩ và tiếng chặt nữa chi chát vang lên trong rừng. Nhưng khi nàng lộ mặt ra thì những tiếng đó đã vắng bật, rừng núi lại im lặng như tờ. Nàng tới gần rừng thì thấy nửa đã được chặt xuống và bó thành từng bó lớn. Sọ Dừa đang nằm gần đấy để chần trâu. Công chúa liền đưa cơm cho Sọ Dừa. Nàng trao luôn cả chiếc khăn đẹp bọc trầu cau. Sọ Dừa giở ra xem rồi hỏi :

— Công chúa cho tôi vật này để làm gì ? Trầu này ai tằm ? Công chúa âu yếm đáp :

— Tay em tằm trầu này cho anh cả ăn, xin anh cả chớ nói cho ai biết. Còn vật này em tặng anh cả để sau này anh cả có lấy vợ thì nhớ tới em, nhớ tới những ngày chúng ta được gần nhau.

Mặt công chúa ba hồng lên như hoa đào mới nở. Sọ Dừa cảm động lắm. Chàng nói :

— Như vậy tôi sẽ đời đời nhớ ơn công chúa.

Công chúa ba chỉ đồng nửa, hỏi :

— Chàng chặt những cây nửa này lúc nào mà chóng thế ?

Sọ Dừa đáp :

— Tôi chặt từ buổi sáng kia.

Công chúa liền gạn :

— Vậy chàng chặt như thế nào, chàng chặt thử cho em xem với.

Sọ Dừa vội thoái thác :

— Hiện giờ tôi mệt lắm, vả lại nửa chặt cũng đã đủ dùng. Để khi khác tôi chặt cho mà xem.

Biết Sọ Dừa tìm cách từ chối khéo, công chúa ba chỉ tằm tìm cười. Nàng đợi Sọ Dừa ăn cơm xong mới ra về, trong lòng vò cùng vui sướng.

Công chúa ba đi khỏi, Sọ Dừa lại hóa phép ra nhiều người và sai họ đi chặt nữa tiếp. Họ chặt một lúc, bó lại, có tới một trăm xe đầy mới chở hết. Chiều về, Sọ Dừa báo với vua là mình đã chặt xong nữa và xin vua sớm mai cho người ra khiêng về.

Sáng hôm sau, vua cho một tốp lính mang hai chiếc xe vào rừng lấy nữa. Vào tới chỗ để nữa, tốp lính kinh ngạc hết sức vì thấy phải một trăm xe mới chở hết : họ liền chạy về tâu với vua. Vua không giữ nổi ngạc nhiên. Ngài thầm phục và yêu mến Sọ Dừa lắm. Để chở chỗ nữa ấy, vua phải cho đi mượn tất cả xe ở quanh vùng về. Do việc mượn xe ấy, mọi người đều được biết là chàng Sọ Dừa rất tài giỏi : không chân tay, Sọ Dừa vẫn làm được những việc khó khăn phi thường.

Ở chẵn trâu cho nhà vua được mười lăm ngày, Sọ Dừa liền xin về thăm mẹ. Về tới nhà, Sọ Dừa nằng nặc đòi mẹ phải vào cung dạm hỏi công chúa cho mình làm vợ. Bà mẹ không dám đi. Bà nói :

— Con xấu xí như thế này, đức vua không gả con gái cho đâu. Cũng chẳng có công chúa nào thèm lấy con đâu. Con đừng bắt mẹ làm một việc tủ hỏ và đại dột như thế.

Sọ Dừa bảo mẹ :

— Mẹ không lo, mẹ cứ đi. Thế nào cũng có một công chúa bằng lòng lấy con. Thế nào nhà vua cũng gả một công chúa cho con, mẹ đừng ngại.

Và Sọ Dừa ép mẹ phải đi dạm công chúa cho mình bằng được. Vì thương con, bà mẹ lại ra đi. Bà nghĩ thầm : « Minh cứ

nói khéo, được hay không, không quan trọng, miễn nhà vua không bắt tội là được rồi ».

Đến cung vua, quân canh cản bà lại, hỏi :

— Bà đi đâu ?

Mẹ Sọ Dừa nói thực :

— Tôi là mẹ Sọ Dừa, nó vẫn ở chẵn trâu cho đức vua. Nó bắt tôi phải đến hỏi công chúa cho nó làm vợ. Vậy các chủ hãy cho tôi gặp đức vua.

Quân canh không nín được cười. Họ cười âm ỉ nhưng cuối cùng họ cũng vào tâu với vua. Vua cho gọi mẹ Sọ Dừa vào. Mẹ Sọ Dừa tâu rõ đầu đuôi việc Sọ Dừa muốn lấy một nàng công chúa làm vợ. Vua bảo :

— Ta có ba nàng công chúa nhưng không biết con trai bà muốn lấy nàng nào ? Vậy bà hãy về bảo con bà tới đây.

Bà mẹ liền về gọi Sọ Dừa tới. Vua cho gọi cả ba nàng công chúa ra. Vua chưa hỏi, công chúa cả và công chúa hai đã tỏ vẻ khinh bỉ và nói :

— Hắn không chân không tay, đi đâu thì lặn lòng lổc như quả dừa, ai thèm lấy hắn !

Vua hỏi công chúa ba. Công chúa ba hờn hờ đáp :

— Con rất yêu quý chàng Sọ Dừa. Con bằng lòng lấy chàng.

Vua rất vui lòng. Ngài bảo :

— Ta cũng rất yêu quý chàng Sọ Dừa. Vậy ta cho phép con lấy chàng. Sọ Dừa sẽ là phò mã của ta.

Nói đoạn nhà vua ra lệnh chọn ngày lành tháng tốt để làm lễ cưới. Vua lại cho báo tin để khắp mọi nơi biết là Sọ Dừa và công chúa ba sắp làm lễ thành hôn. Đến ngày cưới, vua sai quân lính làm các thứ thịt hươu, nai, dê, thỏ, công, phượng và các giống thú vật trên rừng, dưới biển để mời dân tới dự tiệc. Người dự tiệc đều mang các báu vật, các thứ hoa quả ngon lành tới mừng. Vua lại cho mở hội vui chơi. Cuộc vui lễ thành hôn ấy kéo dài đúng một trăm ngày đêm chẵn.

Tiệc mở được ba ngày ba đêm thì vua cho gọi công chúa ba tới. Ngài hỏi :

— Sắp tới ngày làm lễ thành thân rồi, làm thế nào để chàng rể tới làm lễ cùng con được? Con hãy hỏi mẹ con, chàng xem sao?

Công chúa ba liền đi ngay. Một chốc, nàng quay về tàu với vua:

— Chàng Sọ Dừa sẽ tới làm lễ như một người bình thường. Xin cha mẹ chờ lo ngại.

Hoàng hậu ngạc nhiên hỏi:

— Làm thế nào chàng rể của ta lại tới làm lễ như một người bình thường được?

Công chúa ba thưa:

— Chàng sẽ chui từ vỏ sọ dừa ra. Chàng sẽ như một người trai trẻ bình thường nhưng chỉ khác là chàng đẹp lắm. Da chàng còn trắng hơn da con. Mắt chàng còn trong sáng hơn cả mắt con. Chàng sẽ đeo một chiếc nhẫn quý, trên đời chưa ai từng được thấy.

Hoàng hậu liền đem chuyện ấy nói với đức vua. Chẳng dè công chúa cả và công chúa hai đứng trong buồng nghe lỏm được. Hai nàng liền bàn nhau đến buồng vợ chồng Sọ Dừa rình xem. Đêm ấy, hai nàng được trông thấy Sọ Dừa biến thành một chàng trai trẻ từ trong vỏ dừa bước ra. Chàng đẹp như một vị thiên thần, chàng đẹp như mặt trăng rằm tỏa sáng. Chàng ngồi cạnh công chúa ba. Hai người sao mà xứng đôi! Sắc đẹp của chàng Sọ Dừa làm công chúa cả và công chúa hai mê mẩn cả tâm thần. Hai nàng than thở với nhau: « Chúng mình dại quá! Thế là em ta được một người chồng xứng đáng. Hạnh phúc biết chừng nào! » Ngoài miệng than thở như vậy nhưng trong lòng, nàng nào cũng thêm muốn và tính mưu kế để lấy được chàng Sọ Dừa. Công chúa cả và công chúa hai, cả hai đều muốn lấy tranh chồng của cô em út.

Một trăm ngày đêm đã qua. Tiệc cưới vẫn. Mọi người ai về nhà nấy. Cung điện trở lại vắng vẻ, bình thường....

Một hôm, công chúa ba bảo chồng:

— Mọi người đã về hết rồi, chàng không nên cứ ở mãi trong cái vỏ xấu xí ấy nữa. Chàng hãy ra trông nom công việc xem quân lính họ chăn trâu ra sao đi!

Phò mã Sọ Dừa không chịu. Chàng chỉ ra khỏi võ ban đêm, khi mọi người đã ngủ hết. Tang tảng sáng, chàng lại chui vào trong võ dừa như cũ. Công chúa ba bức lăm. Một đêm, lừa chồng ngủ say, nàng lấy trộm chiếc võ dừa đem giấu kín một nơi. Lúc Sọ Dừa tỉnh dậy toan chui vào võ như mọi khi thì đã không còn võ nữa. Chàng rét quá, vội vớ chăn đắp và năn nỉ với vợ đem trả mình chiếc võ quen thuộc. Công chúa ba chối là mình không giấu. Cả ngày hôm đó, phò mã Sọ Dừa đành đắp chiếu nằm còng queo một chỗ. Rét, chàng rên rỉ rất khổ sở. Công chúa ba lấy rất nhiều vải đắp thêm cho chồng. Năm sáu hôm sau, phò mã đã quen khí hậu, công chúa mới nói thật là mình đã vứt cái võ xấu xí kia đi rồi. Phò mã Sọ Dừa chẳng biết làm thế nào, đành chỉ cười. Công chúa ba nói thêm:

— Vì trước kia chàng cứ ở trong cái võ xấu xí ấy nên hai chị của em chê cười. Nay em giấu đi, hai chị chẳng còn gì để nhạo báng vợ chồng ta nữa.

Từ đấy, phò mã Sọ Dừa sống như một người bình thường. Hàng ngày chung đụng với nhau, thấy phò mã Sọ Dừa đẹp người, đẹp nết, công chúa cả và công chúa hai càng yêu chàng mê mết. Hai nàng luôn nghĩ cách chiếm lấy chàng làm chồng, mặc dầu ngoài miệng vẫn chuyện trò vui vẻ với chàng và em gái.

Tin phò mã Sọ Dừa đã rời bỏ cái võ tròn trùng trục xấu xí và trở thành một chàng trai khôi ngô, tuấn tú lan ra khắp nước. Ai cũng vui mừng và chúc cho vợ chồng chàng được hưởng hạnh phúc dài lâu.

Một hôm, Sọ Dừa đưa vợ về quê thăm mẹ. Mẹ chàng không nhận ra chàng nữa. Chàng bảo vợ bưng một mâm bánh ra biếu mẹ. Bấy giờ mẹ chàng mới nhận ra con trai và con dâu. Hai vợ chồng chàng đến thăm ông ngoại. Ông ngoại cũng mãi mãi mới nhận ra. Về thăm quê xong, phò mã Sọ Dừa cho đóng một chiếc thuyền lớn để đi buôn. Chàng muốn đem vợ đi xa một chuyến để vợ chồng cùng biết đây biết đó.

Thuyền đóng xong, hai vợ chồng sửa soạn lên đường. Sợ phải xa chàng phò mã đẹp trai mà mình hằng thầm yêu trộm nhớ, công chúa cả và công chúa hai cũng xin theo. Vợ chồng

Sọ Dừa bằng lòng. Ngày mà bốn người ra đi, vua và hoàng hậu mang rất nhiều quan quân và dân chúng ra tận bờ biển để tiễn đưa rất trọng thể.

Trước lúc thuyền nhỏ neo ra khơi, phò mã Sọ Dừa tháo chiếc nhẫn quý mình vẫn đeo ra đeo vào tay vợ. Sau đó, vợ chồng chàng mời hai chị lên thuyền. Thuyền ra khơi. Ngoài khơi sóng vỗ rất rào, cảnh trời biển bao la thật là ngoạn mục. Trong khi phò mã Sọ Dừa bận điều khiển thủy thủ thì ba chị em công chúa đứng ngắm cảnh. Nhác trông thấy công chúa ba đeo chiếc nhẫn quý, hai công chúa chị đòi xem. Công chúa ba tháo nhẫn đưa cho hai chị xem. Hai công chúa chị giành nhau, ai cũng muốn xem trước, chẳng may lỡ tay đánh rơi ngay chiếc nhẫn xuống biển. Hai nàng hoảng hốt kêu lên. Công chúa ba giật mình và trong lúc hoảng hốt, sợ chồng mắng vì để đánh mất nhẫn quý, nàng vội nhảy theo xuống biển để tìm. Hai công chúa chị hô hoán lên nhưng không kịp: công chúa ba đã chìm lìm xuống đáy biển sâu. Hai công chúa chị vội vàng đến báo cho phò mã Sọ Dừa biết cái tin không may ấy. Phò mã Sọ Dừa vội chạy tới chỗ vợ mình vừa ngồi. Trên chiếu chỉ còn lại chiếc mền vải quàng vai và chiếc khăn bọc trầu cau. Không còn cách nào cứu nổi vợ nữa, chàng vật mình lăn khóc rất thảm thiết. Hai công chúa chị động lòng cũng khóc theo tuy trong bụng ai nấy cũng đã có phần hy vọng rồi đây sẽ được làm vợ chàng em rể của mình.

Trước sự không may to lớn ấy, phò mã Sọ Dừa cho quay thuyền lại. Chàng quyết định không đi buôn nữa và trở về báo tin buồn cho vua cha và hoàng hậu biết. Thuyền cập bến, phò mã Sọ Dừa cùng hai chị vợ vội vã lên bờ, về cung báo tin buồn. Vua và hoàng hậu vật mình khóc lóc rất đau đớn. Hai người quyết giữ phò mã ở lại với mình cho đỡ xót thương người con gái út xấu số chết non.

Tin công chúa ba bị chết đuối ngoài biển lan ra, nhân dân ai cũng thương tiếc. Riêng phò mã Sọ Dừa, chàng ngơ ngơ ngẩn ngẩn như người mất hồn. Lúc này, hai công chúa chị được dịp săn sóc chàng. Hai nàng đua nhau chiều chuộng chàng, tìm đủ mọi cách làm cho chàng vui vẻ. Ngày ngày, hai nàng tự

tay bưng com rót nước cho chàng. Đêm đêm, hai nàng thay nhau thức để tẩm trầu, quần thuốc cho chàng. Trước sự săn sóc ấy, phò mã Sọ Dừa vẫn không sao nguôi được nỗi nhớ thương người vợ xấu số. Chàng khóc hết ngày này sang ngày khác. Người chàng rạc đi như một cây khô.

Thực ra, trong khi mọi người đau buồn như thế thì công chúa ba chưa chết. Lúc nàng nhảy xuống biển mò được chiếc nhẫn đeo vào tay thì nàng bỗng thấy người nhẹ nhõm khác thường. Chiếc nhẫn kỳ lạ đã có phép làm cho nước bề không làm nàng ngạt thở. Gặp một chiếc vỏ xà cừ rất to, công chúa ba liền biến thành một đứa bé con, chui vào ở kín trong vỏ xà cừ. Sóng biển đưa chiếc vỏ xà cừ đi khắp nơi; cuối cùng nó giạt vào một bãi cát. Công chúa ba từ trong vỏ xà cừ bước ra. Trời biển mênh mang, bãi biển vắng lặng. Nàng ngỡ chẳng biết lối nào mà tìm đường về. Nhớ tới chồng, nàng thương cảm, sụt sùi khóc lóc. Khóc chán, nàng lại chui vào ở trong cái vỏ xà cừ.

Kể từ hôm nhảy xuống biển và vào ở trong vỏ xà cừ tính ra đã được hơn một tháng. Hôm đó, có vợ chồng một ông già kiếm vỏ xà cừ đi qua chỗ công chúa ba đang ở. Từ xa, hai vợ chồng ông lão đã nghe tiếng khóc. Ngỡ có đứa trẻ nào lạc lỏng, vợ chồng ông lão vội lần tới nơi có tiếng khóc. Tới nơi, tiếng khóc đã im bặt từ lúc nào rồi, hai vợ chồng chỉ thấy một chiếc vỏ xà cừ rất lớn nằm chơ trên bãi cát hoang. Hai vợ chồng đoán tiếng khóc chỉ từ trong chiếc vỏ xà cừ ấy phát ra. Họ lễ mễ khiêng về nhà. Họ để vào một góc vườn và cũng từ đấy họ không thấy chiếc vỏ xà cừ ấy có một biến đổi gì khác lạ.

Hai vợ chồng ông lão không con rất nghèo. Hàng ngày, hai vợ chồng phải đi nhặt vỏ xà cừ về bán để sinh nhai. Một hôm, nhân cả hai vợ chồng ông lão cùng đi vắng, công chúa ba mới ở trong vỏ xà cừ bước ra. Biết đây là một đôi vợ chồng nghèo nhưng tốt bụng, công chúa ba muốn giúp đỡ. Nàng liền hóa phép làm ra một mâm com rất ngon lành, lại hóa phép làm ra cả trầu cau, nước trà và thuốc lá nữa. Nàng để tất cả những thứ đó giữa nhà rồi lại thu hình vào ở trong cái vỏ xà cừ. Lúc hai vợ chồng ông lão về, họ rất ngạc nhiên. Họ tìm hiểu xem ai đã giúp mình nhưng không sao tìm nổi. Sau cùng, đói bụng

quá, hai vợ chồng cứ đánh liều ăn thử. Ăn xong thấy chẳng việc gì, hai vợ chồng cất dọn mâm bát tươm tất nhưng trong lòng chưa hết hoài nghi.

Hôm sau, hai vợ chồng ông lão lại ra đi từ sáng sớm. Trong khi họ đi vắng, công chúa ba lại từ trong vỏ xà cừ bước ra, hóa phép làm thành cơm nước ngon lành để phần như hôm qua. Và rồi ngày nào cũng như vậy, vợ chồng ông lão đi làm về là đã thấy có cơm nước sẵn sàng. Hai vợ chồng cứ ăn uống như thường, nhưng họ cũng bắt đầu để ý tìm hiểu.

Một hôm, hai vợ chồng ông lão vờ đi làm việc như thường lệ. Họ đi một quãng xa rồi quay về, ngồi rình một chỗ. Công chúa ba vô tình, nàng lại từ trong vỏ xà cừ bước ra làm cơm nước như mọi khi. Hai vợ chồng ông lão liền chạy bổ vào, nắm chặt lấy tay nàng, hỏi :

— Con ở đâu mà lại vào ở trong cái vỏ xà cừ ấy? Vì sao con lại giúp đỡ vợ chồng già như thế?

Công chúa ba vừa khóc vừa kể lại sự tình. Nàng chỉ nói mình bị ngã xuống biển. Nàng giấu biệt, không nói cho vợ chồng ông già biết mình là công chúa ba, vợ chàng Sọ Dừa tài giỏi. Nàng nói vì thấy vợ chồng ông lão tốt bụng nên có ý giúp đỡ để hai vợ chồng già đỡ vất vả được phần nào.

Hai vợ chồng ông già liền khuyên nàng không cần phải vào ở trong cái vỏ xà cừ như trước nữa. Hai vợ chồng nhận nàng làm con nuôi. Họ cố làm cho nàng vui vẻ. Nhưng rồi, ngày nào công chúa ba cũng cứ buồn rầu khóc lóc. Nàng khóc vì nhớ chồng, nhớ cha mẹ. Thấy vậy, hai vợ chồng ông già cho mời tất cả con trai con gái quanh vùng tới chơi với nàng. Lúc nào quanh công chúa cũng có vài ba người bạn. Mặc cho các bạn cười đùa vui vẻ, công chúa ba cứ mặt ủ mày chau. Vì nể bố mẹ nuôi nên chỉ những lúc vắng vẻ một mình, công chúa ba mới dám khóc.

Một hôm, công chúa ba hỏi hai vợ chồng ông lão :

— Nước ta có vua không?

Hai vợ chồng ông lão trả lời rằng có. Công chúa ba lại hỏi :

— Nhà vua có nhiều con không?

Hai vợ chồng ông lão đáp :

— Vua có ba công chúa. Hai công chúa chị chưa có chồng. Công chúa út thì lấy chàng Sọ Dừa nhưng nghe đâu khi đi biển, nàng đã bị chết đuối vì nhảy xuống biển để vớt một chiếc nhẫn.

Động đến mối thương tâm, công chúa ba phải cố nén lòng mới khỏi khóc. Nàng hỏi tiếp :

— Thế vợ chết đuối, phò mã Sọ Dừa có khóc không? Chàng đã lấy vợ khác chưa?

Hai vợ chồng ông lão bùi ngùi đáp :

— Có, chàng thương vợ lắm. Ngày nào chàng cũng khóc, tháng nào chàng cũng khóc. Chàng khóc hàng năm nay rồi. Dù ai khuyên giải thế nào chàng cũng không nguôi được nỗi đau lòng. Hai công chúa chị đã hết sức chăm sóc, chiều chuộng chàng nhưng chàng vẫn không quên được người vợ xấu số. Chàng không chịu lấy vợ nữa.

Nghe vợ chồng ông lão nói đến đây, công chúa ba bật khóc rưng rức. Thấy vậy, hai vợ chồng ông lão ngạc nhiên, hỏi :

— Vì sao con khóc?

Công chúa ba vội nói thác đi :

— Con khóc vì nghe thấy câu chuyện thương tâm quá! Ở đời, chẳng có mấy người thương vợ được như phò mã Sọ Dừa đâu.

Rồi công chúa ba lảng sang chuyện khác. Nàng quyết giữ kín tông tích mình. Hai vợ chồng ông lão cũng không nghi ngờ gì hết.

Một hôm, công chúa ba bảo mẹ nuôi mua về ít sợi bông để mình dệt mũ bán. Bà lão mua bông về, công chúa liền se sợi, nhuộm màu và dệt thành hai chiếc mũ *đa-lă* rất đẹp. Nàng giao hai chiếc mũ ấy cho mẹ nuôi và rút chiếc nhẫn quý đeo vào tay cho bà. Nàng dặn :

— Bây giờ mẹ mang hai cái mũ này vào tận cung vua mà bán thì sẽ được rất nhiều tiền. Chiếc nhẫn này, mẹ giữ lấy để phòng thân. Có ai hỏi, mẹ cứ nói nhẫn ấy là của con gái mẹ và mũ ấy là do con gái mẹ dệt.

Bà lão chẳng hiểu ra sao. Thấy nói mang mũ vào tận cung vua bán được nhiều tiền thì bà lão đi. Bà đến tận cửa hoàng cung mà rao bán. Quân lính báo với vua, vua cho gọi bà vào. Vua cầm xem hai chiếc mũ *đá-lã*. Ngài giật mình và cho gọi ngay hoàng hậu, công chúa cả, công chúa hai và phò mã Sọ Dừa tới. Cả nhà xúm vào xem hai chiếc mũ *đá-lã*. Ai cũng nhận ra ngay đường kim mũi chỉ là đường kim mũi chỉ của công chúa ba. Cả nhà òa khóc vì thương nhớ.

Bà lão bán mũ kinh hãi quá. Bà không hiểu nguyên cớ thế nào mà khi trông thấy hai chiếc mũ, cả gia đình nhà vua đều khóc. Đang lúc bà còn lúng túng sợ hãi thì vua đã hỏi:

— Ai dệt những mũ này cho bà mang bán?

Bà lão đáp:

— Tâu bệ hạ, con gái tôi dệt.

Vua lại hỏi:

— Có đúng là con gái bà đẻ ra không?

Bà lão thấy không thể nói dối được vua. Bà đành nói thực:

— Không. Đây là con gái nuôi của tôi thôi.

Và bà kể lại chuyện hai vợ chồng bà bắt được một cái vỏ xà cừ lớn, trong đó có một người con gái. Vợ chồng bà nuôi người con gái ấy làm con nuôi.

Nghe xong chuyện, lấy làm lạ, vua liền sai giữ hai chiếc mũ cẩn thận đoạn cho bà lão về đem con gái lên để vua xem. Vừa lúc ấy, phò mã Sọ Dừa thoáng trông thấy chiếc nhẫn bà cụ đeo nơi tay, Sọ Dừa liền bảo bà cụ đưa cho xem. Cầm đến chiếc nhẫn, nước mắt phò mã đã ròn ròn. Đó chính là chiếc nhẫn chàng đã đeo vào tay vợ lúc xuống thuyền. Công chúa cả, công chúa hai đều cũng nhận ra đấy chính là chiếc nhẫn mình đã giành nhau xem để đến nỗi đánh rơi xuống biển. Lập tức, phò mã Sọ Dừa theo về nhà bà lão. Chàng tin tưởng rằng con gái nuôi của bà cụ đúng là vợ mình.

Khi bà cụ và phò mã Sọ Dừa về gần tới nhà thì công chúa ba đã trông thấy. Nàng chạy trốn vào trong nhà. Mẹ nuôi nàng về đến cửa, gọi:

— Con ơi! Con hãy ra mở cửa để cho một ông hoàng người tới xem mặt con.

Công chúa ba đứng trong nhà trả lời:

— Mẹ ơi! Ông hoàng nào muốn xem mặt con mẹ hãy mời ông ấy vào trong nhà. Con không ra đâu.

Phò mã Sọ Dừa nhận ra ngay giọng nói của vợ mình. Chàng xin phép bà lão rồi chạy vào trong nhà. Chàng vừa vào tới nơi thì công chúa ba đã sụp xuống, ôm lấy chân chàng mà khóc. Nàng vừa khóc vừa kể lại tình đầu. Phò mã Sọ Dừa cũng không cầm được nước mắt cảm thương. Hai vợ chồng ông lão bấy giờ mới vỡ nhẽ. Hai người vừa thương cảm vừa mừng vui. Họ chúc vợ chồng phò mã Sọ Dừa được đoàn tụ dài lâu mãi mãi.

Sau đó, phò mã Sọ Dừa đưa vợ về trình diện với cha mẹ và hai chị. Vừa gặp mặt, vua và hoàng hậu đã ôm ngay lấy nàng gái út mà khóc lóc kể về những nỗi nhớ thương. Hai công chúa chị cũng khóc. Họ khóc vì thương công chúa ba phải trải nhiều nỗi gian truân, họ khóc vì mừng gia đình được đoàn tụ. Hai công chúa chị khóc nhiều hơn cả. Bởi vì, bên cái thương, cái mừng, hai nàng còn canh cánh một nỗi buồn khó nói. Tận lúc này, hai nàng vẫn yêu Sọ Dừa, một tình yêu mà hai nàng biết không bao giờ được thỏa nguyện.

Chuyện vợ chồng phò mã Sọ Dừa được đoàn tụ truyền ra khắp nước, nhân dân ai cũng vui mừng. Nhà vua cho mở hội khánh chúc đoàn viên. Ngai triệu hai vợ chồng ông lão nghèo đã bắt được và nuôi công chúa ba lên kinh đô, thưởng cho hai người rất hậu. Ngai cho hai vợ chồng ông lão một làng để thu thuế, một trăm xe lúa, một xe tiền kẽm và cả hai chiếc mũ *đal-lă* do tay công chúa ba đã dệt ra.

Về sau, khi vua thắng hà, phò mã Sọ Dừa được lên nối ngôi. Hai vợ chồng chàng sống một cuộc đời cực kỳ sung sướng.

ĐỖ THIÊN

sưu tầm và biên soạn

*Dân tộc KHO-ME (NAM-BỘ)**

NÊ-ANG KANG RÊY

Ngày xưa, có hai vợ chồng một người tiều phu rất nghèo khổ và đông con. Hai vợ chồng có tới mười hai cô con gái. Hai vợ chồng làm ăn quần quật cả ngày mà vẫn không đủ nuôi con. Thấy cả nhà thường thường phải nhịn đói, một hôm người chồng bảo vợ :

— Chúng ta làm ăn vất vả mà vẫn không sao nuôi nổi các con no ấm. Giờ đây chúng mỗi ngày một lớn, không lẽ ta để các con chết đói chết rét hay sao? Có lẽ ta nên đem bỏ chúng vào trong rừng, nhất định thần phật sẽ phù hộ, cứu vớt chúng thoát khỏi đói rét đấy !

Hai vợ chồng bàn định mãi, cuối cùng không còn cách nào khác, họ đành phải lìa bỏ cả đàn con vậy. Người mẹ vờ mang lũ con vào rừng lấy củi, rồi, lừa lúc chúng không đề ý, bà lủi trốn về nhà, bỏ mặc chúng lạc lõng trong rừng sâu. Cả mười hai chị em đều sợ hãi vô cùng. Riêng cô em út là Nê-ang Pu tuy sợ nhưng vẫn chịu khó tìm tòi lấy lối về. Cô tìm ra đường và dẫn được mười một chị về nhà.

Nhưng, chẳng được bao lâu, hai vợ chồng người tiều phu đành lại rút ruột mang mười hai người con đi bỏ một lần nữa. Lần này, họ mang chúng đi thật xa mới bỏ để chúng không tìm được lối về. Mười hai chị em không sao tìm được lối về thật. Chúng phải nhịn đói mấy ngày liền, sức đã gần kiệt. Giữa lúc ấy, chúng gặp một mục hung thần tên là Xăng-tô-mê-a. Xăng-tô-mê-a liền mang cả mười hai chị em về nhà mục. Mục vốn góa

* Xem chú thích ở trang 287.

chồng và chỉ có mỗi một người con gái rất xinh đẹp và ngoan ngoãn. Mẹ định tâm nuôi mười hai chị em Nê-ang Pu lớn lên rồi sẽ ăn thịt. Vì vậy mẹ cho mười hai người ăn uống rất đầy đủ. Chẳng bao lâu, mười hai chị em Nê-ang Pu đã trở thành một bầy thiếu nữ xinh tươi, bất cứ ai trông thấy cũng phải ước ao được lấy làm vợ.

Một hôm mẹ Xăng-tô-mê-a ra lệnh cho quân hầu mang giết người chị cả của Nê-ang Pu để làm tiệc. Ra lệnh xong, mẹ bỏ đi chơi rong một lúc cho đói ngấu để chốc nữa về ăn cho ngon miệng. Trong khi mẹ ra lệnh như thế có một vị thần đã nghe rõ cả đầu đuôi. Vị thần đó liền hóa thành một con chuột bạch. Chuột bạch đào thủng chân tường thành một cái hang, chui vào chỗ mười hai chị em Nê-ang Pu bị giam và chỉ đường cho chị em Nê-ang Pu trốn thoát tay mẹ hung thần. Lúc mẹ Xăng-tô-mê-a quay về ăn tiệc thì đã thấy bao nhiêu mồi ngon của mình mất hết. Mẹ tức giận lồng lên, ra sức đi tìm kiếm mọi ngả.

Trong khi ấy, mười hai chị em Nê-ang Pu được vị thần chỉ đường đã đi đến gần một kinh thành. Trời tối, chị em Nê-ang Pu trèo lên cây ngủ. Sáng ra, người hầu cận của nhà vua ra giếng múc nước cho vua rửa mặt bắt gặp. Người ấy liền dẫn tất cả mười hai chị em Nê-ang Pu vào trình vua. Nhà vua thấy chị em Nê-ang Pu đẹp và hiền hậu nên lấy tất cả mười hai người làm vợ và cho các nàng vào ở trong cung.

Tin nhà vua lấy cả mười hai chị em Nê-ang Pu làm vợ đến tai mẹ hung thần Xăng-tô-mê-a. Mẹ vô cùng căm tức. Mẹ giao con gái lại cho một người trong lâu đài của mẹ trông coi. Mẹ hóa phép biến thành một nàng công chúa hết sức xinh tươi và khéo léo đến ngồi ở bờ giếng gần hoàng cung. Người hầu cận của nhà vua lại ra múc nước như mọi khi. Bắt gặp nàng công chúa giả do mẹ hung thần Xăng-tô-mê-a biến dạng, người ấy lại dẫn vào dâng vua. Nhà vua so sánh thấy công chúa này đẹp hơn, khéo léo hơn chị em Nê-ang Pu rất nhiều nên lại lấy làm vợ. Nhờ phép thuật và khôn khéo, công chúa giả làm nhà vua mê mết. Nhà vua hết sức chiều chuộng nàng công chúa giả này. Vì vậy, mẹ hung thần Xăng-tô-mê-a núp trong cái vỏ công chúa ấy tha hồ hunh lạc nhà vua. Mẹ được nhà vua cho quyền muốn làm gì cũng được như ý.

Mụ bắt đầu tìm cách trả thù mười hai chị em Nê-ang Pu. Lừa lúc nhà vua đi vắng, mụ sai lính hầu bắt giam cả mười hai chị em Nê-ang Pu xuống hầm sâu để hoang đã lâu ngày. Trước khi nhốt chị em Nê-ang Pu xuống đó, lính hầu phải móc mắt của cả mười hai người giao cho mụ cất đi. Lính hầu phải thi hành lệnh đó. Nhưng rồi chỉ mười một người bị móc mù cả hai mắt. Riêng Nê-ang Pu, nhờ khéo léo lặn lút nên nàng chỉ mất có một mắt.

Khi bị nhốt dưới hầm sâu, tất cả mười hai chị em Nê-ang Pu đều đã có thai đến thời kỳ sinh đẻ. Ở dưới hầm sâu, họ phải sống rất khổ sở. Cũng may Nê-ang Pu chỉ bị chột nên còn biết đường biết lối đi lại hầu hạ, giúp đỡ các chị mình. Vì bị bỏ đó, nên các chị Nê-ang Pu đã phải ăn thịt cả những đứa trẻ mới đẻ. Nê-ang Pu không làm việc đó. Nàng giấu kín con vào một chỗ và nói dối là đứa bé đẻ ra đã chết ngay để không ai đòi ăn thịt nữa. Vì vậy con Nê-ang Pu sống sót. Nhờ Nê-ang Pu cố gắng làm việc, trồng trọt và chăn nuôi, thức ăn tương đối tạm đủ dần, chị em Nê-ang Pu đã được no. Bấy giờ Nê-ang Pu mới nói thật với các chị là con mình hãy còn sống. Cả nhà mừng rỡ hết sức. Họ chăm sóc, nuôi cho đứa bé mau khôn lớn và đặt tên nó là Rô-thi-xen.

Rô-thi-xen thường lên được ra khỏi hầm để đi chơi mà không ai biết. Rô-thi-xen thường đánh đáo và chơi chọi gà với các trẻ khác. Có lần Rô-thi-xen được cuộc cả một con gà chọi rất to, rất khỏe. Từ đấy, Rô-thi-xen chơi chọi gà không thua bao giờ. Nhờ con gà ấy mà Rô-thi-xen kiếm được nhiều thức ăn khác về cho mẹ và các bà chị của mẹ mình. Cuộc sống cứ như thế trôi qua, chẳng mấy lúc Rô-thi-xen đã lớn thành một chàng trai trẻ.

Một hôm, mụ hung thần Xăng-tô-mê-a đang ở trong buồng với nhà vua thì nghe tiếng trẻ con reo hò inh ỏi. Mụ nhìn qua cửa sổ thì thấy Rô-thi-xen đang chơi chọi gà. Khuôn mặt Rô-thi-xen làm mụ chột nhớ tới một người nào đó. Mụ cố nhớ xem người đó là ai nhưng không sao nhớ nổi. Nhưng mụ cảm thấy ghét và nảy ra ý định giết Rô-thi-xen. Mụ liền gọi Rô-thi-xen vào hỏi rồi bắt Rô-thi-xen mang đến cho con gái mụ là Nê-ang Kang Rêy ở lâu đài cũ của mụ một bức thư. Mụ hứa nếu Rô-thi-xen đưa được thư cho con gái mụ về thì mụ sẽ thưởng rất nhiều

tiền bạc. Không thể từ chối được, Rô-thi-xen ra đi. Khi đi, mục hung thần cho Rô-thi-xen ăn mặc quần áo hoàng tử và cưỡi ngựa nhưng chỉ được đi một mình.

Dọc đường, một hôm Rô-thi-xen mệt quá, chàng liền buộc ngựa lại và nằm xuống ngủ ở cạnh một gốc cây. Ống đựng thư của mục hung thần Xăng-tô-mê-a gửi cho Nê-ang Kang Rêy treo ở cổ ngựa. Trong khi Rô-thi-xen ngủ, một con mối bò qua cắn đứt dây cho ống thư rơi xuống. Mối mở bức thư ra đọc thì thấy thư của mục Xăng-tô-mê a viết rằng : « Nếu người con trai đưa thư này đến nơi thì con hãy giết đi ». Mối bèn xé bức thư ấy và viết một bức thư khác bỏ vào. Trong thư Mối viết : « Nếu hoàng tử này đưa thư đến thì con hãy lấy làm chồng ». Mối buộc lại ống thư vào cổ ngựa như cũ.

Lúc tỉnh giấc, Rô-thi-xen lại lên ngựa đi đến lâu đài Nê-ang Kang Rêy ở. Rô-thi-xen không biết tí gì về việc Mối đã đánh tráo bức thư để cứu mình.

Từ khi mục hung thần Xăng-tô-mê-a giao cho những người ở lại trông coi, công chúa Nê-ang Kang Rêy lớn lên thành một cô gái rất mực xinh đẹp và ngoan ngoãn.

Sáng đó, Nê-ang Kang Rêy định ra vườn xem hoa thì tiếng vó ngựa của Rô-thi-xen đã dồn dập phi tới làm nàng chú ý. Nàng nhìn ra cửa thì thấy người canh cổng không cho Rô-thi-xen vào. Rô-thi-xen đang bức tức và định sinh sự với người canh cổng. Thấy vậy, Nê-ang Kang Rêy liền chạy ra. Gặp Nê-ang Kang Rêy đẹp quá, Rô-thi-xen hết cả bức tức. Chàng xuống ngựa, chào hỏi. Nê-ang Kang Rêy liền mời chàng vào trong lâu đài. Rô-thi-xen vội đặt bức thư của mục Xăng-tô-mê-a lên chiếc mâm bạc do người hầu của Nê-ang Kang Rêy mang tới để dâng đến cho nàng. Sau đó chàng mới nhìn ra quanh phòng thì thấy đồ đạc rất sang trọng lộng lẫy. Trong khi ấy, mọi người trong lâu đài đều to lắng vì không biết bức thư kia mang tin lành dữ thế nào ? Nê-ang Kang Rêy cử một người lão bộc ra đọc thư. Người lão bộc vừa dứt lời, cả lâu đài đã reo hò mừng rỡ. Họ rất sung sướng vì thấy Rô-thi-xen khôi ngô và hùng mạnh sẽ là chồng Nê-ang Kang Rêy : chàng sẽ là chủ tòa lâu đài sang trọng này, và như thế thực là xứng đáng.

Lễ thành hôn giữa Rô-thi-xen và Nê-ang Kang Rêy được cử hành ngay ngày hôm sau. Tiệc cưới rất linh đình. Làm lễ thành hôn xong, Nê-ang Kang Rêy liền đưa chồng đi xem khắp mọi nơi trong lâu đài. Nàng giới thiệu với chồng rất nhiều của cải lạ kỳ và quý báu trên đời không ai có. Cuối cùng, hai vợ chồng đến một gian phòng nhỏ, cửa đóng kín mít, ngoài cửa lại khóa bằng một chiếc khóa rất to. Nê-ang Kang Rêy chỉ vào gian buồng, nói :

— Gian buồng này chứa những vật rất bí mật. Trước khi đi, mẹ dặn em không được cho một ai người ngoài được biết những vật bí mật đó vì nếu để tiết lộ thì cả mẹ và em đều sẽ chết. Nhưng đối với chàng, giờ đây chàng đã là chồng em, chàng là người ruột thịt, em có thể mở cửa cho chàng vào xem.

Nói đoạn, Nê-ang Kang Rêy toan mở khóa thì Rô-thi-xen đã cản lại mà rằng :

— Em không cần mở, em chỉ nói cho anh biết đó là những vật gì cũng đủ.

Nê-ang Kang Rêy liền thấp giọng nói :

— Trong đó có một chiếc bàn, trên bàn đặt một chiếc vại bằng bạc, trong vại đựng mắt của mười hai người đàn bà mà mẹ em thù ghét. Cạnh chiếc vại còn có một chiếc lọ nhỏ đựng thuốc. Thuốc đó có thể chữa được khỏi bệnh mù, có thể gắn được mắt vào chỗ cũ. Giữa chiếc vại đựng mắt và lọ thuốc còn có chiếc gậy thần. Gậy thần ngăn cách không cho mắt và thuốc gần nhau.

Nghe Nê-ang Kang Rêy vừa nói xong, Rô-thi-xen đã hiểu ra ngay đó là mắt của ai rồi. Chàng rất mừng và cũng rất căm giận mẹ vợ của mình, lúc này chính đã là vợ vua. Chàng cố trấn tĩnh và ngay đêm đó, giữa lúc vợ ngủ say, Rô-thi-xen lấy chìa khóa, mở cửa gian buồng bí mật lấy trộm tất cả các thứ và ra đi. Chàng định bụng mang thuốc và mắt về chữa cho mẹ và các bà chị của mẹ nên không muốn cho Nê-ang Kang Rêy biết. Chàng ra đi ngay sau khi chỉ đám hôn lên trán người vợ ngày thơ và xinh đẹp một chiếc hôn từ biệt.

Lúc tỉnh dậy, không thấy chồng nằm cạnh, Nê-ang Kang Rêy biết ngay có chuyện chẳng lành đã xảy ra. Nàng chạy tìm Rô-thi-xen khắp nơi trong lâu đài nhưng không thấy. Nàng liền giục quân hầu đóng ngựa cùng mình đi tìm. Nàng kiên quyết dõi theo dấu chân ngựa của chồng, theo bằng kịp để được cùng người yêu sống chung đến mãi kiếp.

Nàng đuổi theo, đuổi miết, trong lòng vô cùng lo lắng. Trong khi ấy, Rô-thi-xen cũng thúc ngựa chạy nhanh mong chóng tới kinh thành để chữa mắt cho những người thân yêu. Nhưng ngựa của Rô-thi-xen không chạy nhanh hơn ngựa của Nê-ang Kang Rêy. Chẳng bao lâu, chàng đã bị Nê-ang Kang Rêy đuổi gần kịp.

Trong lúc bối rối vì sợ dân mặt vợ thì lỡ việc, Rô-thi-xen lại gặp ngay chủ mối bữa trước. Mối cho Rô-thi-xen một mảnh vỏ cây và dặn :

— Chàng phải đi bằng được đến đích của mình rồi hãy gặp vợ mà trần tình sau. Nếu gặp nhau ngay bây giờ thì sẽ hỏng việc. Muốn Nê-ang Kang Rêy không đến gần được thì chàng chỉ ném mảnh vỏ cây này xuống đất và vung mạnh chiếc gậy thần lên trời. Như thế Nê-ang Kang Rêy và quân hầu của nàng sẽ bị ngăn cách, không sao đuổi kịp.

Nói đoạn, Mối bỏ đi mất.

Vừa lúc ấy, Nê-ang Kang Rêy đã phóng ngựa gần đến nơi. Nàng cất tiếng gọi. Rô-thi-xen rất cảm động và thương vợ, nhưng nhớ tới việc lớn, chàng dẫn lòng ném mảnh vỏ cây xuống đất và vung chiếc gậy thần lên trời. Đất lập tức sụt xuống thành một hồ nước rộng mênh mông, ngựa của chàng bỗng bay vút lên trời như một cơn gió thổi. Thế là Nê-ang Kang Rêy đành ở lại bên bờ hồ, nàng chỉ còn biết cất tiếng gọi theo chồng đến lạc cả giọng.

Rô-thi-xen phóng ngựa bay một mạch đến kinh thành. Chàng vào ra mắt vua và tâu trình tường tận mọi sự. Vua bây giờ mới biết rõ Rô-thi-xen là con trai mình và mẹ hoàng hậu mà mình vẫn hằng yêu dấu là hung thần biến dạng. Nhà vua liền cho phép Rô-thi-xen dùng gậy thần bắt hoàng hậu hiện lại

nguyên hình là mục hung thần Xăng-tô-mê-a ác độc. Rô-thi-xen liền đánh chết mục để trả thù, đoạn chàng vội vã chạy đến thăm gặp mẹ. Chàng lấy mắt và thuốc thần chữa lại mắt cho mẹ và mười một chị mẹ mình lành lặn như xưa.

Nhà vua rất mừng và định truyền ngôi cho Rô-thi-xen là hoàng tử độc nhất của mình. Nhưng Rô-thi-xen từ chối. Chàng cũng không mặt mũi nào quay lại gặp Nê-ang Kang Rêy xinh đẹp và ngoan ngoãn là người vợ vừa mới cưới của mình nữa. Chàng xin với cha mẹ cho mình đi tu. Và, chàng ra đi, không bao giờ quay lại nơi kinh kỳ xa hoa lộng lẫy.

Nê-ang Kang Rêy thì vẫn cứ đứng bên bờ hồ, nhìn theo hút bóng chồng. Nàng cho quân hầu trở về, còn mình thì kiên quyết ở lại chờ cho tới ngày chồng trở lại. Nàng chờ, chờ mãi, chờ mỗi mắt vẫn chẳng thấy bóng Rô-thi-xen. Nàng chờ cho đến lúc kiệt sức, gục xuống một gốc cây, chết trong niềm chờ mong tuyệt vọng...

Hiện nay, mãi tận vùng Ăng-co (1) còn có một sóc (2), tên là *Kông-pông-hao* (bờ tiếng gọi) và một sóc tên là *Kông-pông-leng* (bờ từ già). Đó là di tích nơi trước kia nàng Nê-ang Kang Rêy đứng gọi và chờ chồng và là nơi Rô-thi-xen từ biệt mẹ cha ra đi không bao giờ trở lại.

ĐỖ THIÊN

sưu tầm và biên soạn

CHÚ THỎ TINH KHÔN

Chú thỏ tinh khôn là một truyện dân gian có từ lâu đời của đồng bào Khơ-me, đặc biệt đồng bào Khơ-me Nam-bộ cũng thường kể. Nó gồm nhiều truyện nhỏ, có thể kể riêng từng đoạn một nhưng nếu đem sắp xếp có hệ thống thì nó cũng thành hẳn một tác phẩm có giá trị.

HỒ BỊ THỎ LỪA

Thỏ nằm ngủ ở một gốc cây. Đang ngon giấc thì bị một quả cây gió thổi rụng xuống, rơi trúng đầu. Thỏ đau ê cả đầu. Đang

1— Thuộc địa phận nước Cam-pu-chia ngày nay.

2— Làng, xóm.

nhăn nhó thì bỗng nghe tiếng « huych » rất to, Thỏ hoảng hồn, tưởng động đất nên bỏ chạy thục mạng.

Bỗng nhiên gặp Hồ, Hồ giữ Thỏ lại, hỏi :

— Sao mày chạy nhanh thế ?

Thỏ vội đáp :

— Đất đang nứt, sụt xuống đằng sau tôi kia kia ! Sắp nứt sụt đến đây nữa, không chạy đề mà chết à ?

Hồ nghe nói, hoảng hồn, cũng phá chạy theo Thỏ nốt. Nhưng Hồ chẳng chạy nhanh bằng Thỏ được, mệt tưởng đứt hơi. Đang chạy, Hồ bỗng gặp thần gió Dê-va-ta. Thần gió Dê-va-ta hỏi :

— Làm sao mà ngươi chạy dữ thế ?

Hồ vội đáp :

— Thỏ nó bảo đất nứt sụt sắp chuyển đến cả đây. Tôi sợ quá nên phải chạy trốn.

Thần gió phì cười bảo :

— Nhà ngươi ngây thơ quá ! Đất bao giờ nứt sụt được !

Hồ nghe thấy nói thế tin ngay và rất căm Thỏ đã dám lừa mình. Hồ chạy theo vết chân Thỏ, nhất định bắt Thỏ để ăn thịt. Chạy một quãng, Hồ gặp ngay Thỏ đang ngon giấc ở một gốc cây. Hồ đặt chân chặn lên mình Thỏ, quát :

— Vì mày nói láo nên tao phải chạy bỏ hơi tai, suýt chết. Tội ấy đáng để tao ăn thịt mày, không còn oan uổng gì nữa nhé !

Thỏ cố lấy bình tĩnh, hỏi lại Hồ :

— Thưa bác Hồ, bác định ăn thịt cháu thật đấy à ? Nhưng cháu nói thật, dù sao thì tất cả các loài vật đã bầu cháu làm vua rồi, bác vẫn chưa rõ ư ?

Hồ không tin nhưng cũng không dám ăn thịt Thỏ ngay. Thỏ thấy Hồ đã chợn liền lên giọng oai vệ bảo Hồ :

— Nhà ngươi phải để ta cười lên lưng vì ta là vua các loài vật, nhà ngươi không tin cứ thử mà xem, các loài thấy ta đều sợ một phép.

Nói đoạn, Thỏ nhảy phắt cười lên cổ Hồ. Hồ bán tin bán nghi nhưng cũng cứ thử đi xem Thỏ nói có đúng hay không ?

Quả nhiên, đi đến đâu, các loài vật đều chạy trốn hết cả. Chúng chạy trốn vì sợ Hồ chứ không phải sợ Thỏ. Hồ to xác nhưng ngờ nghệch, không biết thế. Chú Thỏ nhép láu cá vội nói ngay :

— Hồ ! Nhà ngươi thấy chưa ? Tất cả các loài đều sợ ta, ta là vua kia mà !

Hồ tưởng thật, vội để Thỏ xuống, cúi đầu khấn khoản xin lỗi mãi. Trước khi đi, Thỏ còn đỉnh đạc đe Hồ :

— Thôi được, lần này nhà ngươi chưa biết, ta tha cho, lần sau không được thế nữa !

THỎ DỪNG MƯU THOÁT CÁ SẤU TRẢ THÙ

Từ ngày lừa Cá Sấu một lần đến giờ, Thỏ không dám bèn mảng đến bờ sông để ăn cỏ tươi và uống nước mát nữa. Thỏ thường nghĩ chắc chắn Cá Sấu thù và rình mình để trả thù ghê lắm.

Nhưng ở trong rừng hoặc cánh đồng ăn mãi cỏ già cũng chán. Nghĩ đến cỏ non ngoài bờ sông và nước sông trong mát đã đủ thèm rõ rãi. Một hôm, Thỏ đánh liều, vừa đi vừa nghĩ thầm : « Lâu ngày chắc Cá Sấu cũng quên việc cũ rồi. Ta cứ thử ra bờ sông đánh chén một bữa xem sao ».

Thỏ ra đến bờ sông, chén cỏ tươi. Cá Sấu đoán biết ý Thỏ, cứ vờ như không. Mặc cho Thỏ đến gần, Cá Sấu không động đậy, không tỏ vẻ gì giận dữ thỏ cả. Thỏ yên trí, tưởng Cá Sấu quên chuyện cũ nên cứ dằng hoàng đánh chén.

Nhưng, đợi lúc Thỏ đến vừa tầm, Cá Sấu vươn mình đớp tôm Thỏ vào miệng. Cá Sấu còn muốn làm cho Thỏ phải chết khiếp đi rồi mới nuốt. Nó liền hút gió kêu « Hút !... Hút !... Hút !... Hút !... »

Thỏ sợ run người nhưng cố giữ bình tĩnh, nghĩ thầm có lẽ chỉ làm cách nào cho Cá Sấu há mồm ra một cái là mình thoát. Thỏ bèn gõ gõ vào hàm Cá Sấu mà bảo :

-- Nhà ngươi kêu « Hút ! Hút ! » như vậy ta chẳng sợ đâu. Có chẳng ngươi kêu « Ha ! Ha ! Ha ! » thì ta mới sợ.

Cá Sấu nghe Thỏ nói đâm tức mình liền kêu « Ha !... Ha !... Ha !... Ha !... ! mồm Cá Sấu há ngoác ra để hỏ cả hai hàm răng dài và nhọn như răng bừa.

Lập tức, Thỏ co cẳng nhảy vút ra ngoài, đứng cách Cá Sấu rõ xa rồi quay lại, chế :

— Oí chú Cá Sấu ngu dại kia ! Từ nay đã có mồi trong mồm thì đừng kêu « Ha !... Ha !... » nữa nhé !

Nói xong Thỏ chạy biến vào rừng, mặc cho Cá Sấu tức nhẩn răng, xều rãi...

THỎ VÀ DÊ KẾT BẠN

Một hôm, Thỏ vào một khu vườn ăn vụng chuối, chẳng may vương bầy. Chủ vườn trông thấy, tỏ sợ quá liền vờ chết thảng. Chủ vườn tới nơi, tưởng Thỏ chết thực, xách tai Thỏ lên mà nhieéc :

— Mày khỏe ăn vụng chuối của tao lắm thì mày chết ! Giờ chẳng trốn nữa đi tao xem !

Nói đoạn, chủ vườn xách Thỏ về nhà ném vào một xó và bảo vợ đi kiếm quả chua về nấu thịt Thỏ. Thỏ liền vùng dậy bỏ chạy nhưng chủ vườn đã kịp vờ được chiếc gậy ném theo. Thỏ bị trúng gậy, què một cẳng, đau điếng người nhưng cũng vẫn cố liều chạy thoát.

Đang chạy, Thỏ gặp một chú Dê thông minh. Dê mò mẫm chẳng biết lối nào mà đi kiếm thức ăn. Thỏ liền bảo Dê :

— Này bác Dê, em bị gãy một chân, bác thì mắt nhìn không rõ. Vậy chúng ta nên đánh bạn cùng chung sống giúp đỡ lẫn nhau. Em gãy chân nhưng mắt sáng, bác bị mục tật nhưng chân khỏe. Bác để em cưỡi lên lưng, em sẽ chỉ đường cho bác, ta cùng kiếm ăn không thì khổ lắm, bác ạ !

Dê bằng lòng ngay.

Thỏ liền leo lên mình Dê, chỉ đường cho dê cùng mình đi kiếm cỏ ăn.

THỎ CỨU DÊ THOÁT BỊ HỒ ĂN THỊT

Dê và Thỏ đang đi lang thang trong rừng bỗng lại gặp Hồ. Hồ vẫn nể Thỏ nhưng muốn ăn thịt Dê. Thỏ biết ý Hồ, liền bảo Dê :

— Này bác Dê ! Hồ nó đang rình ăn thịt bác đấy.

Dê sợ quá, năn nỉ nhờ Thỏ cứu. Thỏ thương Dê, nhận lời và dẫn Dê cứ để mặc mình đối phó với Hồ.

Lúc đi gần tới Hồ, Thỏ làm bộ hoạt bát hăng lên mà bảo Dê rằng :

— Này, ta cần sáu con hồ để lột da làm đệm ngủ cho đỡ rét mà mới lấy được có năm thôi. Ta vừa thoáng thấy đây có một con nữa, người phải đi mau mau đuổi kịp nó để ta bắt lấy mới được !

Nghe Thỏ nói thế, Hồ chẳng còn hồn vía nào, vội vàng cúp đuôi chạy miết. Một chú khỉ trên cây thấy Hồ hốt hoảng chạy trốn như thế liền hỏi :

— Tại sao bác Hồ phải chạy như thế ?

Hồ kể chuyện lại. Còn hốt hoảng, Hồ kể không được rành mạch lắm. Khỉ tò mò muốn lại xem xem hai con vật ấy là hai con gì, liền rủ Hồ đi cùng. Hồ vẫn sợ, từ chối. Khỉ nói cứng :

— Bác sợ gì mới được chứ ! Lại đi, tôi xem thế nào tôi xé nát xác chúng nó ra cho bác ăn thịt.

Hồ còn ngập ngừng. Khỉ đoán Hồ sợ mình lừa liền cam đoan với Hồ rằng :

— Bác Hồ này, bác cứ lại xem. Chẳng tin, tôi với bác ta buộc đuôi vào nhau cùng đi.

Hồ bùi tai, bằng lòng. Khỉ và Hồ buộc đuôi vào với nhau rồi cùng đi lại chỗ Dê và Thỏ. Trông thấy vậy, Thỏ liền kêu to :

— A, con khỉ kia ! mày trốn đi đâu để tao tìm mãi từ nãy đến giờ. Tao đang thiếu một con hồ để lột da làm đệm đây. Thôi được, bây giờ mày đã đến và đem theo cả con hồ cho tao lột da, tao cũng tha tội cho mày đấy.

Hồ nghe Thỏ quát Khi như thế, toàn thân run lên cầm cập. Hồ vội vàng bỏ chạy. Hồ vừa chạy vừa hồn hèn bảo với Khi:

— Chạy trốn mau, ta không ở được đây đâu!

Khi đã buộc đuôi mình vào đuôi Hồ, bị Hồ kéo, chạy nhanh không kịp, kêu ầm ĩ. Hồ càng sợ càng ra sức chạy như gió thổi. Chạy một quãng dài lắm, mệt lử, Hồ mới dám dừng lại mà nói:

— Ôi chú Khi, ta mệt quá, không thể nhích thêm một bước nào nữa đâu!

Chẳng thấy Khi trả lời, Hồ quay lại thì thấy Khi đã chết nhẵn răng từ bao giờ rồi.

THỎ BỊ SÊN CHO MỘT BÀI HỌC

Thỏ có tính xấu là hay chơi khăm, nhưng được cái chỉ chơi khăm những kẻ gian ác. Tuy nhiên, tính chơi khăm chẳng đáng trách lắm bằng thói hợm mình, mặc dầu Thỏ cũng rất ít khi hợm mình. Dù sao nó cũng là một tính xấu, nhiều người không ưa. Trong số những người không ưa ấy, có chú Sên. Sên định tâm bữa nào tiện dịp sẽ cho Thỏ một bài học đích đáng.

Gặp hôm Thỏ lang thang ra ao uống nước, Sên liền lại gần, hỏi:

— Nghe đồn bác Thỏ chạy nhanh nhất trong mọi loài có phải không?

Thỏ vênh râu đáp:

— Đúng lắm! Trong các loài bốn chân, chẳng loài nào chạy kịp ta đâu.

Nghe Thỏ huênh hoang, Sên càng bực mình; Sên nắm ngay lấy cơ hội, thách Thỏ:

— Ấy là bác độ với loài bốn chân chứ nếu bác chạy với các loài khác, ví tất bác đã được. Tôi hỏi bác, bác có dám chạy thi với tôi không đã nào?

Thỏ đâm tự ái, hét lên:

— À ! Chú Sên ranh này dám coi thường ta sao ? Ta chưa nghe ai nói Sên chạy nhanh hơn Thỏ bao giờ. Được, chạy thì chạy, ta phải làm cho chú biết tài ta mới được !

Sên thủng thẳng chọc Thỏ thêm :

— Cũng chẳng cần chạy lặn đầu xa, ta chỉ chạy quanh bờ ao một vòng cũng đủ rõ tài nhau đấy bác Thỏ ạ.

Thỏ nhận lời thách thức của Sên.

Sên liền bảo Thỏ đợi mình sửa soạn một lát. Sên đi gọi tất cả các bạn lại, bàn nhau :

— Bọn ta không thể chạy nhanh bằng hăn được nhưng ta có cách làm cho hăn mở mắt ra, lần sau đừng có huênh hoang hợm mình như thế. Chúng ta hãy chia nhau ra đứng dọc suốt bờ ao. Hăn chạy đến đâu cũng sẽ gặp một đứa trong bọn ta, nếu hăn hỏi thì ai là người đứng trước hăn cứ việc trả lời. Như thế, ta chẳng cần phải chạy mà Thỏ vẫn tưởng là ta chạy nhanh hơn hăn.

Cả bọn Sên liền làm theo kế đó. Chúng dàn ra thành một vòng dài khắp dọc bờ ao. Một chú đến bên Thỏ, giục :

— Nào ! bác Thỏ xong chưa, ta bắt đầu chạy thi chứ ?

Thỏ không biết được mưu sâu của Sên nên bắt đầu chạy. Thỏ chạy thực mạng, có bao nhiêu sức lực đều trở ra hết. Chốc chốc, Thỏ lại hỏi :

— Thế nào, chú Sên đâu rồi ?

Một chú Sên đứng trước Thỏ đã thưa ngay :

— Có tôi đây !

Nghe tiếng Sên đáp trước mặt, tưởng Sên chạy trước mình, Thỏ lại cố sức chạy thêm. Một lử người mà lần nào hỏi cũng thấy tiếng Sên ở phía trước. Cuối cùng, mệt quá, Thỏ đành phải dừng lại nghỉ. Một chú Sên đứng trước mặt Thỏ, mỉa :

— Bác thua rồi nhé, lúc nào tôi cũng chạy trước bác. Từ nay bác đừng huênh hoang là mình chạy nhanh nhất nữa bác Thỏ ạ !

Thỏ then đỏ mặt, vội vã rút lui...

THỎ NỔI TIẾNG QUAN TÒA

Một hôm có người nghĩ thầm : « Người ta nói rằng thỏ là một giống rất thông minh nhưng ta thì ta chưa biết thực hư ra sao cả. Ta phải thử mới được ». Người đó liền viết thư cho Thỏ như sau :

« Cách đây mấy tháng, có người lấy trộm của tôi một con trâu. Không phải trâu đực, cũng không phải trâu cái. Nói người ta lấy trộm của tôi năm ngoái thì không đúng mà nói là mất năm nay cũng không đúng. Nói rằng một người bà con họ hàng lấy thì sai nhưng nếu nói là người ngoài lấy thì cũng sai. Vậy nhờ chú Thỏ làm ơn bảo cho tôi biết người ta lấy trộm của tôi trâu đực hay trâu cái, ai lấy và lấy vào lúc nào ? »

Viết xong, người ấy mang thư lại cho Thỏ xem. Thỏ đọc xong, nảy ý định thử tài các quan, liền chuyển đến cho các quan. Các quan xem xong đều lắc đầu chịu phép và nói :

— Việc thưa kiện này làm không đúng phép. Ai làm đơn kiện như thế này là người điên.

Thỏ lắc đầu :

-- Thưa, họ không điên đâu, họ làm đúng đấy. Họ nói không phải trâu đực cũng không phải trâu cái : như thế là trâu thiếu. Họ nói nó bị ăn trộm không phải năm ngoái cũng không phải năm nay : như vậy là nó bị ăn trộm vào đêm cuối cùng của năm qua nhưng đồng thời cũng là đêm đầu tiên trước khi sang năm mới. Còn người ăn trộm không phải bà con họ hàng, cũng không phải người ngoài ; như thế thì là anh rề.

Các quan và cả người làm giấy đều trở mặt ngạc nhiên vì thấy Thỏ nói đúng quá. Ai cũng phải phục Thỏ là thông minh. Từ đó, Thỏ nổi tiếng quan tòa giỏi.

THỎ XỬ KIẾN YÊU TINH PHẢI THUA

Có một người vừa mới cưới vợ, anh ta rất yêu quý vợ, cả ngày chẳng muốn rời xa một bước.

Một ngày kia, nhà vua bắt lính đi đánh nhau. Anh ta phải đi lính, trong lòng rất đau khổ vì phải xa vợ chưa biết đến bao

giờ mới được về. Người vợ đi tiên một quãng xa. Hai vợ chồng dùng dằng mãi chẳng muốn rời tay. Đến một gốc đa nọ, hai vợ chồng dừng lại trò chuyện với nhau một lúc nữa. Sau đó, người chồng mới gạt lệ ra đi, người vợ cũng ngậm ngùi quay về nhà cũ.

Ở gốc đa ấy có một con yêu tinh; nó được trông thấy cả hai vợ chồng và nghe rõ mọi chuyện. Người chồng đi rồi, nó liền hóa phép theo người vợ về nhà. Thấy chị ta đẹp, nó liền nảy ý định cướp lấy làm vợ. Nó hóa phép biến mình giống người chồng như lột và gọi cửa vào nhà. Người vợ ngạc nhiên tưởng chồng về thật nên hỏi chuyện. Yêu tinh nói dối là nhà vua không bắt mình ra lính nữa. Hai người ăn ở với nhau, người đàn bà vẫn đinh ninh đấy là chồng thật của mình.

Trong khi ấy, người chồng thật đi lính ra trận lập được nhiều công to. Anh ta được ban thưởng rất hậu. Hết đánh nhau, anh ta mãn lính về nhà. Anh ta rất sung sướng được về với vợ.

Về đến nhà, thấy cổng đóng chặt, anh lên tiếng gọi. Người vợ ra mở cổng. Thấy chồng cũ, chị nghĩ thầm : « Ô, đây chính là chồng mình ! » Lúc quay vào nhà, trông thấy yêu tinh, chị lại kêu lên : « Ô, đây cũng chính là chồng mình ! » Chị ngạc nhiên quá, chẳng hiểu sự thế ra sao nữa.

Yêu tinh cứ vờ như không biết, hỏi người chồng thật :

— Mày ở đâu mà dám nhận vợ tao là vợ mày ?

Người chồng thật tức mình vặn lại :

— Người đàn bà này chính là vợ tao. Tao cưới được vài ngày thì phải ra lính đi trận. Mày ở đâu đến mà dám nhận xằng vợ tao là vợ mày ?

Hai bên cãi nhau mãi, chẳng bên nào chịu bên nào. Cả hai giống nhau quá nên người vợ cũng chịu, không biết ai là chồng thật, ai là chồng giả.

Việc đành đưa lên nhờ quan phân xử. Quan cũng bối rối, hỏi người vợ :

— Người nào là chồng chị ?

Người vợ chịu không trả lời được. Quan cũng đành chịu, không phân xử được. Người chồng thật ức quá, bỏ ra đi, định bụng tìm một người quen nào đó đến làm chứng. Anh ta rất buồn. Đang đi bỗng gặp chú Thỏ, Thỏ hỏi anh trước :

— Anh đi đâu đấy ?

Người chồng thật kể lại sự tình. Thỏ cười mà bảo rằng :

— Đừng sợ, để tôi sẽ giúp cho.

Cả hai kéo nhau đến chỗ quan xử kiện. Thỏ bảo quan :

— Quan không xử được, để tôi xử cho. Hãy lấy cho tôi một chiếc chai có cổ nhỏ, nếu ai chui lọt vào trong chai thì người ấy chính là chồng thật.

Yêu tinh nghe nói trong bụng mừng thầm vì tin chắc chỉ có mình mới có phép chui lọt vào trong chai. Quan cho mang chai đến, yêu tinh bèn hóa phép, thu nhỏ lại bằng ngón tay út rồi chui lọt vào trong chai một cách dễ dàng. Lập tức, Thỏ bảo người chồng thật đập nút thật kín rồi đem ném xuống sông. Thỏ bảo quan :

— Nó chính là yêu tinh vì nếu người thật thì nó không làm như thế được. Có vậy mà quan cũng không biết cách xử !

Nói đoạn, Thỏ chạy tuốt vào rừng, chẳng cần nhận lời cảm ơn.

ĐỖ THIÊN

sưu tầm và biên soạn

TRUYỆN NGẮN

*Dân tộc TÀY**

CHÉ MÈN ĐƯỢC ĐI HỌP

NÔNG MINH CHÂU

Cái tên của cô gái Tày mà khó gọi như gái Nùng. Khi nói tới, ai cũng chú ý. Cả chị em nữ thanh niên ở Bản-chu này đều gọi cô là *ché*, tưởng cô là gái đàn chị. Nhưng có phải đâu. Mèn vẫn là gái nhỏ, tuổi tròn mười tám. So với năm sáu chị em trong *bản*, Mèn vẫn là gái đàn em. Lúc nào cũng bẽn lẽn. Nói với ai cũng cúi mặt xuống, mân mê vào bàn tay mới nói. Chị em hỏi Mèn bao giờ đi làm dâu, Mèn cười và đáp:

— Khi nào chị em trong *bản* đi làm dâu hết, mới đến lượt Mèn.

Mèn nói đúng lắm. Tuổi Mèn còn như năm gặp mưa, làm gì Mèn phải lấy chồng sớm. Mèn tuy nói vậy nhưng không sao không bùi ngùi trong lòng. Vì ở cái vùng trên núi này, cứ gái mười tám là lo đến phận làm ả. Mèn đã thấy Luyến ở cái nhà bên kia núi, mới mười sáu tuổi đầu mà phải lấy chồng, ngày cười khóc hu hu như đứa trẻ bị đòn. Mèn đã qua tuổi Luyến rồi. Dù mẹ Mèn có thương Mèn đến đâu cũng phải gả chồng. Mèn nghĩ vậy song cũng chưa nơi nào đặt trầu cau nên Mèn vẫn say mê công tác cho xóm. Có khi chập tối, Mèn còn

* Xem chú thích ở trang 29.

trèo sang quả núi để mời bà con đến họp. Mèn cũng sợ hổ, sợ báo, nhưng có việc, Mèn tự nhủ trong lòng :

— Con hổ, con báo ở xa đường ta đi lắm.

Rồi cứ như thế, dốc cao Mèn bảo thấp, rừng vắng Mèn hát *lượn* cho vang. Đồng chí phân đoàn thanh niên định kết nạp Mèn vào đoàn. Khi nói chuyện với Mèn, Mèn lắc đầu :

— Em có đi thoát ly được đâu mà vào Đoàn thanh niên ! Em xin làm người thanh niên xóm thôi.

Đồng chí cán bộ lại phân công chị em, nói rõ công việc vào đoàn cho Mèn, Mèn mới hiểu. Mèn mượn người viết giúp lá đơn. Từ đó, Mèn là một đoàn viên thanh niên lao động. Mèn được biết về đoàn. Mèn càng gần Đảng. Cái hăng hái của Mèn càng rõ rệt. Mèn nghĩ lúc mượn người viết đơn, Mèn xấu hổ đỏ cả mặt. Đoàn bảo Mèn đi học. Đêm nào Mèn cũng cầm quyển sách, cái đèn. Một số cụ già thường hỏi Mèn :

— Học đến bao giờ mới biết chữ ?

Mèn lại cúi mặt xuống, cười tủm tỉm :

— Học mãi. Học biết chữ, còn học biết tính nữa.

Có lúc Mèn nói đùa với chị em :

— Mèn học cho biết viết thư sau này lấy chồng, nước nhà thống nhất, anh đi bộ đội tặn Nam-bộ, còn viết thư cho anh ấy về nhà ăn tết.

Mới đi học, Mèn tập viết chữ nào xong, tay đã che kín chữ đó lại. Anh giáo viên trong *bản* vẫn là quen thuộc, nhưng hễ anh giáo bước lại gần, hai bàn tay Mèn lại lom khom che kín cả trang giấy. Anh giáo viên toan cầm đến quyển vở, Mèn kéo soạt nhanh như chớp cho vào trong bọc rồi chối :

— Không nên cái chữ đầu. Đừng xem !..

Bây giờ đã khác hẳn rồi. Cái xấu hổ của Mèn hình như không còn nữa. Mặc ai đứng cạnh, Mèn cũng nắn nót viết từng trang giấy. Đêm nào cơm xong cũng cầm quyển sách bước xuống cầu thang thỉnh thịch. Lớp thiếu ai, hôm sau Mèn đã đến tặn nhà hỏi han, giúp đỡ. Bà con trong tổ tấm tắc khen :

— Cò Mèn chăm học lắm, biết nhiều rồi.

Mỗi lần như vậy, Mèn lại được dịp nói :

— Các bà, các *ché* rủ nhau đi học cho đông vui !

Đồng chí cán bộ bình dân xóm đêm nào từ lớp học về cũng lâm bầm :

— Không có cô Mèn thì xóm ta khó có thành tích. Cô này là một con người khá đấy.

••

Trời vẫn nắng. Nắng ngày này sang ngày khác. Khi ngọn núi sau nhà nướng xong mặt trời, ai đã lên đỉnh núi quét lên bốn chân trời mọi màu hồng nhạt. Đêm đêm, mặt trăng ngồi trong thúng vàng. Không còn một đám mây trắng, mây đen nào bận cùng. Và, đêm nào cũng vậy, không ai bảo ai mà các cụ già cũng lộc cộc từng đôi guốc tre, nhà trên xuống, nhà dưới lên, tụ tập bàn bạc. Cụ thì chống cằm. Ông thì hai tay bắt lấy đầu gối. Con muỗi nào số không may là bị bàn tay đánh cái đốp. Cụ thì câu này, ông kia trả lời câu nọ :

— Cái thần làng năm nay không biết đến rồi.

— Cái con lợn bé lắm. Ngày « đại tế » « *lùng tung* » còn có con trâu, ông « thần nông » mới hả.

Có cụ trách cả lịch cổ :

— Người ta bảo năm nào có mười hai con rồng thì con này ý lại con nọ, không con nào chịu phun nước. Năm nay cái lịch mới có ba con rồng mà tháng Tư rồi vẫn chẳng có hột mưa, cơ sao thế?...

Cụ Tập tuổi cao hơn, nghe xong các cụ khác rồi kéo một tiếng dài « hừ... », thở phào một cái, tay vuốt qua bộ râu :

— Cái ngày mồng hai tháng Hai hàng năm, ngày ấy « nàng tiên » phơi quần áo mà năm nay ngày ấy lại mưa. Quần áo « nàng tiên » bị ướt. Bây giờ các « cô » lại bắt ông trời nắng lại mấy tháng để phơi. Thánh đã truyền lại có sai đâu. Liệu mà cúng tế thế nào cho nàng tiên cất quần áo !

Mỗi người làng nghe xong, gật gù. Một vài cậu thanh niên nghe xong khúc khích cười, đi mất.

Nghe những tiếng lo toan đêm qua, sớm nay, Mèn chải tóc góc nhà cũng cầm nhăm gương thành lược. Nhìn xuống những đám ruộng bậc thang ở dưới *bùn*, luống cày vẫn còn tro tro. Chim gáy từng đôi chọi nhau phành phạch. Mỗi năm như bây giờ, sớm dậy, đàn vịt non đã bạn cùng những con cuốc, con cò, lù gù bờ ruộng. Đêm nằm, tiếng nước đuổi nhau xuống suối đánh vào tai rầm rầm. Nhưng năm nay phải đào xuống giữa suối mới có gánh nước dùng. Đám nương bên kia núi, vẫn phản lại toàn màu đen thui thui. Mèn đưa chiếc gương soi má. Nắng tháng Tư đã cướp mất cái má đào của các cô gái Bản-chu. Má Mèn cũng bị nắng lấy lúc nào không biết. Vừa cất chiếc gương vào thắt lưng, Mèn tự nghĩ:

— Không cháy nổi cái bụng đã nghĩ đâu.

Mèn kéo mạnh hai múi thắt lưng lại. Hai chiếc sọt đã lót lá kỹ từ hôm qua, nhấc lên vai Mèn nhẹ nhàng. Bố Mèn ở nhà bước ra liền quở:

— Cái đời nào dạy mày làm thế? Giống nào thuộc giống ấy, bắt bò đi đầm như trâu, có mà trời tha. Cái năm mày còn bú, mẹ mày phát đám nương Khuổi-bon, chỉ vì nương hơi bằng, gặp mấy trận mưa, năm ấy có được hái bông nào đâu!

Bố Mèn lại thấp giọng:

— Thôi con ạ, làm việc khác. Được ăn thì đời cò đã làm, còn đến bây giờ mới toan! Dành công vào việc khác, còn khỏi người đồn chuyện.

Mèn nghe bố nói toan buông đôi sọt trên vai xuống. Ngoảnh lại nhìn mẹ không thấy nói gì, Mèn tần ngần: « Rành rành hợp phân đoàn, chị em đã nói rõ. Nơi không tát nước đắp phai được thì lấy thóc rẫy gieo thẳng xuống ruộng, sau này dù có nước cũng sống. Còn hạn, ta gánh nước tưới. Nơi khác làm đã được ăn, chứ cứ để ruộng đợi trời mưa thì bao giờ? »

Mèn nghĩ lại vẫn không sai chỗ nào nhưng cũng không dám nói với bố một câu. Nói ra, bố lại quở là loại lạt non buộc tre già, gót chân day môi miệng. Mèn nghĩ vậy nên đôi sọt cùng chiếc đòn vẫn dính chặt sau vai. Cái chân đưa Mèn đi lừ

đừ. Bó Mèn vẫn cái giọng cũ, hăm hăm nói theo sau. Nhưng tai Mèn vầu đầy lúi những tiếng đó. Đôi sọt lắc lư càng lúc càng nhanh...

Đêm nào cũng vậy, nhà vừa lên đèn, đầu *bản* đã có tiếng mõ lóc cộc. Hạp thanh niên, hạp phụ nữ, hạp tồ... đầu cũng xòn xao hai chữ: chống hạn. Đám ruộng bảy sào của Mèn tra lúa rẫy, nay mọc cao bằng nắm tay. Một vài đám khác làm theo cũng vừa đám ngọn. Làng *bản* ai cũng khen :

— Cái Mèn, tóc vừa quắn lên đầu hai năm nay mà nó biết lo trước tình sau. Đây, trông ruộng nó mà coi. Bao người cứ bảo không được ăn rồi ngồi chờ mưa !

Chị em chúng bạn gặp Mèn cũng nói :

— *Ché* Mèn à, tốt lắm rồi !

Mèn lại cúi mặt xuống, mím cười, thông thả đáp :

— Nhiều người vẫn chưa tin đâu.

Ngày nào Mèn cũng ra xem qua đám ruộng một lần. Màu xanh ngày một lặn hết màu đất. Hôm nay, cơn gió nhẹ lặng lẽ bước qua ngọn lúa rung rung, Mèn càng mở cờ trong bụng. Không hẹn mà chiều nào Long cũng qua đây. Mỗi lần thấy Mèn, Long lại hỏi :

— Hôm nào gặt lúa rẫy ở ruộng, đây giúp tay nhá !

Mèn toan ngoảnh lại để đáp, Long đã bước đi xa. Mèn biết hôm hạp tồ, Long phản đối việc này nhiều nhất. Ý Long nói là mĩa mai. Mèn cũng chả cần trả lời, Mèn tự nghĩ : « Không phải riêng Long. Trong *bản* còn một số người như Long. Nếu lúa này không được gặt thì còn thành chuyện ».

Mèn đang nhìn chăm chăm theo Long thì đằng sau có tiếng :

— *Ché* Mèn à, sau này làm cốm gửi cho Long một ống !

Đó là Thại. Thại cùng tuổi Mèn. Hai bạn gái lúc nào cũng có nhau. Mèn quay lại :

— Gửi cho ống trấu ấy !

— Thế chiều nào còn hẹn nhau ra đây !

— Bực không! Chiều nào cũng y như hên. Cứ được nơi một câu vào đám ruộng, hân mới hả.

Hai chị em rũ ra cười. Hai con cò trắng trông đám ruộng xanh, tưởng có nước, nghiêng cánh để đậu, bỗng nhìn rõ hai chị em cười ròn rã, lại phải tung cánh bay lượn một vòng rồi đi nơi khác.

Bóng của hai chị em dài hơn đám ruộng. Cái núi phía tây đang ngọam một nửa mặt trời. Nắng vừa chói ngang mặt. Gió mỗi lúc mỗi mạnh. Hai chiếc thắt lưng vải chàm hình như không đủ sức giữ nổi hai tà áo dài đằng sau đang tung phất. Đám mây đen đến cướp ngọn núi, nuốt hân mặt trời. Trống trời đang nổi lên âm âm. Lũ trẻ đang thúc mạnh đàn trâu kịp về *bản*. Nhà nào nhà ấy ngoài sàn rồi rít, mẹ kéo phen, con kéo áo. Trời tối sầm lại. Con mưa đầu hạ đã đổ xuống. Màn trời một màu trắng đục. Mọi người đem ống bương ra hứng nước, nét mặt mừng rỡ. Đêm nay không một ai tụ tập nữa. Kế hoạch chống hạn, những tiếng than trời, đêm nay tạm im thin thít với giấc ngủ ngon lành. Gió mưa đánh cây tre đầu *bản* kêu canh cách cũng chẳng ai biết tới.

Sáng dậy rộn tiếng người nói trâu đi ngoài ruộng. Những ruộng bậc thang nước cũng chảy qua bờ trắng xóa. Cụ Tập vừa dậy cũng đã giở quyển lịch cổ chữ Hán, lật đi lật lại từng trang rồi lẩm bầm:

— Hôm qua ngày « *đinh* » mà trời cũng mưa, năm nay làm ăn khó thật!

Đặt lịch xuống đầu gối, cụ nhìn ra ngoài ruộng. Những bước chân trâu đi bắn nước lên tung tóe. Nét mặt già cũng nở lên nụ cười hai ý: trách ông trời đã phá cái « *linh thiêng* » của quyển lịch cổ và vui với đám ruộng đã có nước.

Tất cả mọi người đang vui, thế mà mặt Mèn nhăn. Sáng nay đi làm về, Mèn chỉ ăn mỗi một bát cơm rồi ra đầu cầu thang, hai tay đặt trong bọc, mắt chăm chăm về phía đám ruộng. Màu xanh của lúa đang xanh với màu nước. Thật là một cảnh nên thơ nên đối nhưng với Mèn lại nên thơ nên than. Bao

nhiều người đi làm về qua bờ ruộng cũng dừng chân lại. Câu nào cũng như câu nào :

— Lúa rẫy cấy ruộng bây giờ nước ngập gốc rồi. Cái công của Mèn đổ đi hết. Chuyển hướng chuyển hung gì !

Cả một số anh chị em chúng bạn trước đây không bằng lòng làm theo Mèn, bây giờ qua bờ cũng oang oang :

— Thanh niên năm Năm mươi tám, người ta thay trời làm mưa, vất đất ra nước còn thanh niên năm Năm mươi tám của mình thì « thay nôi làm cơm, bắt rẫy xuống ruộng ».

Ác nhất, nói to nhất lại là Long, Lãng. Hai anh này từ hôm Mèn mới tra xong lúa, đã ra đến tận bờ ruộng, lấy que bới hột thóc lên, than thở với hột thóc để Mèn nghe :

— Khổ tâm mày chưa. Cái đời mày đến tay này thì nghèo. Chả có con cháu nối nghiệp mày nữa nhé !

Hôm nay hai anh cùng nhô lên một cây lúa và nói :

— Mày khóc to lên, để chủ mày ra tát nước này đi, thôi đám mây mưa đi, mày mới lòng sông.

Nói xong câu nào, Lãng và Long lại quay mặt vào với nhau, cười ha hả. Mấy anh chị khác đứng cạnh bảo :

— Các anh nói không phòng hậu !

— Phòng lụt, phòng hạn còn phòng hậu nữa kia à? ..

Những câu nói như vậy, hôm nay chọc vào tai Mèn. Mèn ăn như nuốt xuống cạnh, đi như bước trên cây. Cả những sợi tóc lơ thơ rủ xuống mặt, Mèn cũng không muốn gạt về bên tai nữa.

Và, cũng sau trận mưa, bố Mèn bước vào cũng nói, bước ra cũng rửa. Nhìn vào mặt Mèn là mắt bố đục ngầu. Cả nhà chỉ có đám ruộng bảy sào to nhất, bờ thóc chính ở đấy, bảo Mèn không tuân. Đã tra lúa rẫy xuống ruộng, bây giờ nước ngập gốc, vài hôm nữa thành dưa. Mấy lần bố giục Mèn bắt con trâu đi cấy lại để cấy lúa khác. Mèn vừa treo cái chạc trâu tới cán cây định ghé vai nhấc cái cây lên nhưng lại thôi. Mèn tự trách :

— Sao vội nhẹ dạ thế, bao lâu nay đã kiên nhẫn !

Ngoảnh lại, Thại cũng vừa đến. Thại đã biết rõ sự việc:

— Cừ để vài ngày nữa, nếu không nên, ta sẽ giúp nhau cấy lại. Cấy lúa khác cũng chưa muộn.

Mèn nhìn Thại không như mọi bận. Gặp nhau là chuyện, cười như lửa cháy gianh tươi, tay đập lưng nhau chi chát. Mèn không biết lấy câu nào đề nói với Thại. Bố Mèn cũng đứng đấy. Thại quay về phía bố Mèn:

— Cừ để mặc Mèn, bác ạ. Mấy ngày nữa quả nó úa, cháu sang giúp Mèn cấy lại.

Mèn nhìn ruộng cấy lúa vẫn còn xanh xanh. Thấy nhiều người qua bờ đứng chân, Mèn càng lộn ruột. Giá mà nó như cái thúng khâu, Mèn đã bung nó vào chỗ kín từ bao giờ. Nhưng nó là đám ruộng bầy sào, bỏ vào đâu cho được.

Không riêng trong làng nữa, ngay mẹ Mèn bao lâu nay không nói gì, hôm nay cũng trách:

— Con mới lớn chưa biết làm ăn, con lại không nghe bố. Đấy, có được ăn đâu? Sang năm có mà củ rừng đứt dây!

Mẹ Mèn nhiều con, nhưng Mèn là con út, mẹ quý Mèn như con một. Mẹ thương Mèn lắm. Nhưng làng bản người ta trách nhao nhao. Mẹ Mèn lo nạn đói như năm xưa, cả nhà phải tan nát đi tìm ăn.

Mèn không nói được câu nào, lặng lặng tay gạt qua nước mắt. Đưa chiếc gương trong thắt lưng lên soi, lại nhớ đến câu: « Không cháy được cái bụng đã nghĩ. »

Đám mây xanh khổng lồ biết rõ sự tình, vội kéo mặt trời đỏ ối lên đặt đầu núi, chói hắt vào mặt Mèn...

— Ông trời năm nay ác quá! Mưa một trận lại nắng mấy trận. Làm ăn thế nào?

— Trời cho sống cũng dễ, chết cũng dễ.

— Cái ruộng khô trên núi, khó với trời lắm.

Những tiếng than trời, trách trời lại bắt đầu. Ruộng ngoài đồng, đám có nước cũng gần cạn, đám không nước cũng gần nẻ. Những bó lạt buộc mạ vừa chẻ, nghiêng mình trên gác bếp

cũng thở dài, lo cho số phận phải dùng vào việc buộc gầu, buộc cọn. Mấy tháng qua, cụ Tập xem hết quyển sách này đến quyển nọ, chọn tránh ngày nào là ngày « chuột » ngày « trâu »... để cấy lúa đầu mùa. Nhưng sáng nay chẳng mở gì đến sách nữa, cụ vuốt qua bộ râu, nhìn lên vòm trời :

— Mong một là ngày Canh Tý, có lẽ còn nắng dai !

Còn Mèn mấy sáng nay phải lom khom trên đám ruộng. Tay vốc từng nắm phân bỏ vào hốc lúa. Đỗ lòng buồn của Mèn, chốc chốc ông trời lại mời nàng gió đến nghịch ngợm cây lúa. Lúa cười xòe xòe. Mèn tự nhủ :

— Cứ như vậy mười ngày nữa cho ta yên lòng. Nếu sau này được gặt, Long mà qua bờ, ta phải nhảy lên để kéo tay xuống. Không giúp gặt sẽ cho mấy câu mời được !

Một mình nghĩ xa lắm, nghĩ từ lúc đồng chí cán bộ bình dân xóm khen Mèn, nói chuyện gì với Mèn ; nghĩ lúc gặt, lúc ăn cơm ; nghĩ lúc suýt phải cày lại cái ruộng này... Mặc ai đi lại trên bờ, Mèn không hề ngừng nhìn lên.

Bao nhiêu việc làm của Mèn khi về tới nhà đều uổng. Bố Mèn vẫn cái mực cũ. Hôm nay, bố đã sửa xong chiếc cày, c耨 xong, liền phân công gia đình :

— Mai cả nhà đi tra đố cho xong !

— Còn bố đi đâu ?

— Đi cày cái đám ruộng lên chứ để làm gì ? Mạ mùa đang tốt !

Mèn biết sáng mai nhất định bố tự tay đi cày đám ruộng đó lên. Mèn không biết cách nào nữa Thại đâu ?...

*
* *

Đêm nay, mười bốn tháng Bảy ta. Những bánh mật từng đôi chap một, bám chắc lấy chiếc dây thừng ở cạnh vách. Ngoài sân Mèn đã có những tiếng trách nhau :

— Chậm thế ! Bánh dính chân phải không ?

— Đủ người đâu mà bảo chậm !

— Tác phong thanh niên thật !

Những cây vầu rải sàn bị những bàn chân anh chị đánh xuống kêu lạch cách. Trong nhà, mẹ Mèn cũng vừa buông xong chiếc màn. Tắt phụt ngọn đèn, nhường cho những ánh trăng xuyên qua giát đặt lên trên màn những mảnh tròn trắng.

Ngoài sân vẫn rộn tiếng cười tiếng nói. Mặt trăng nhô hẳn ra khỏi chiếc màn xanh, hình như đang tùm tùm cười. Tần vặn hai lần ngọn đèn hoa-kỳ mà nó vẫn sáng riêng trong thông phong của nó. Viết xong con số cuối cùng, Tần đặt bút:

— *Bản* ta cử một người đi dự Đại hội thanh niên tích cực toàn huyện. Tôi đọc tiêu chuẩn nhé.

Long nguyệt một cái:

— Tiêu chuẩn hắc thể chịu, *bản* ta chưa có ai.

— Ta lựa chọn cẩn thận đã nào!

— *Ché* Thân phân đoàn trưởng đi nhận nghị quyết được rồi.

Có một tiếng nói chầm chậm:

— Kể cũng đúng đấy.

Mọi người lại im lặng. Nhận cựa người một cái, thu gọn tà áo đằng sau lại:

— *Ché Mèn á vè!*

Nhận là gái đàn chị, nói xong đưa tay bẻ mấy ngón chân rồi định nói tiếp, nhưng bị mấy tiếng chen vào:

— Đúng lắm rồi!

— Không sai đâu!

— Tôi cũng có ý kiến đó. Nhưng...

Bỗng có tiếng to:

— Tôi thấy cũng cần phải xét.

Nghe xong câu « phải xét » của Lãng, Nhận liền bỏ tay ra trước mặt, cướp hết ý kiến mọi người:

— Này, tôi kể thành tích...

Ngay lúc đó, bàn tay của Mèn giơ lên trong ánh trăng, vỗ dộp vào vai Nhận. Nhận phải dứt lời, giơ hai bàn tay lên đỡ

và nắm lấy bàn tay của Mèn kéo xuống đầu gối. Hai mươi ngón tay sạm màu nắng giữ chặt lấy nhau. Ngọn đèn trông thấy cũng phải nhí nháy cười rung cả bóng.

Mèn đánh Nhạn không phải vì ghét Nhạn. Mèn muốn Nhạn đừng thuật lại chuyện Mèn. Mèn cho việc đó rất nhỏ so với người đoàn viên nên Mèn vội tranh nói :

— Đừng kể ! Cái đó đi đến đâu, Nhạn à. Tôi đề nghị...

Mèn chưa dứt lời, đã có ý kiến chen vào ngay :

— Tôi, tôi có ý kiến.

Nhưng cũng không nhanh bằng Thại, chả cần đợi ai cho phép, Thại nói át cả mọi người :

— *Ché* Mèn hiện nay đã biết chữ rồi nhé. Cái lớp vẫn duy trì. Còn chống hạn, gần đây bố Mèn gặp tôi đã nói là không có Mèn chuyển hướng thì nhà không đầy lùi được cái đói tháng Ba tới. Bao nhiêu người làm theo hiện nay ai chả khen. Cảm ơn *ché* Mèn lắm. Thế thì đủ tiêu chuẩn đi hội huyện rồi...

— Tôi nói một câu đã !

Thại lại tiếp :

— Còn bao nhiêu anh chị không tin được ăn, không vun thì chớ còn nói bao nhiêu câu chua như dấm, *ché* Mèn vẫn vững lòng. So với toàn huyện vẫn nhỏ, nhưng so với việc làm mới như vậy, ở vùng ta là xứng đáng rồi...

Mẹ Mèn tuy buông màn xuống, vẫn lắng tai nghe từng tiếng nói ngoài sân. Khi nghe xong tiếng cuối cùng của Tần : « *Ché* Mèn mai chuẩn bị sớm nhé », từ trong màn, bà cũng phải vọng ra :

— Con gái mà đi họp tận châu với người, không được đâu. Tần đi thay nó.

Ngoài sân lại có tiếng :

— Đấy, trong nhà không cho đi, ta cứ cứ làm gì !

Hơn hai mươi năm rồi, từ ngày mẹ Mèn đến làm ăn ở cái *bản* trên ngọn núi này, mẹ Mèn không bao giờ bước chân tới huyện. Mẹ tưởng như xưa. Cô gái vùng cao mà đến huyện, đến tỉnh, có mà đề con trai ở đó làm giỡ. Mẹ có biết đâu những

cái bản thiu nó ngăn cách giữa vùng cao với vùng thấp của hồi Tây ngày nay đã cùng Tây trôi phăng xuống biển. Người vùng cao không những đến huyện, tỉnh mà còn đến tận Hà-nội nữa.

Biết ý mẹ như vậy, Thái, Thân và Nhạn cùng một lúc có ý kiến trả lời mẹ Mèn, nghe chừng mẹ Mèn đã đồng ý, mới quay lại. Người ta tiếp tục nốt cuộc họp. Mẹ Mèn nghe xong, khắc lăm bầm một mình cùng chiếc quạt cọ :

— Con cái làm cho nhà, cho *bản* cũng được đi huyện. Cái bụng của người cách mạng, của Cụ Hồ rộng biết từng nào !

Ánh trắng vội chếch về phía tây, hình như tránh đường cho Mèn đi. Quả thực, sáng hôm sau ngọn núi chưa nhả mây hồng, thắt lưng vải chàm gần chấm gót, tay nải bám lấy một bên người, gói cơm *lèng* trong khăn mặt trắng xách tay, chiếc nón trắng đánh vào đùi lạch cạch, tất cả đều cùng Mèn bước ra đầu *bản*. Các cô gái lúa xanh cùng anh chàng giò đứng đón bên đườn, cất tiếng hoan hô say sưa dào dạt.

19-9-1948

tác giả tự dịch

CHÉ MÈN ĐƯỢC ĐI HỌP
Nhà xuất bản Văn học — 1958

KỊCH

*Dân tộc TÀY**

CHỜ GÀ GÁY

Kịch một màn

NÔNG ÍCH ĐẠT

CÁC VAI

ANH KHANH : 25 tuổi, bần nông người Tày, tham gia phong trào Việt Minh bí mật.

BÀ KHANH : 47 tuổi, mẹ Khanh, quần chúng tốt của đoàn thể Việt Minh.

DƯƠNG KHANH : 50 tuổi, bố dương Khanh, nghiện thuốc phiện, lạc hậu, tham lợi.

ÔNG CẤP : 45 tuổi, tổ trưởng Việt Minh.

CHÁNH TỔNG : 50 tuổi, phần tử phản cách mạng.

BANG TÁ tức **TOÀN** : 35 tuổi, cán bộ cách mạng, người Kinh, lãnh đạo phong trào (lúc đầu Toàn giả làm bang tá).

LÍNH DỒNG I.

LÍNH DỒNG II.

BỐN LÍNH KHỔ XANH.

MỘT ĐỘI KHỔ XANH.

Chuyện xảy ra vào hồi cuối năm 1944, lúc phong trào Việt Minh đã lên cao ở vùng Cao-Bắc-Lạng, nhân dân miền núi đã hoàn toàn tin tưởng và đi theo Cách mạng, kể lại những giờ phút tối tăm cuối cùng ở rừng núi đang tan rã và bình minh sáng sủa bắt đầu hừng lên trong sự ra đời lịch sử của đoàn Giải phóng quân Việt-nam.

* Xem chú thích ở trang 29.

LỚP I

ÔNG CẤP và BÀ KHANH

BÀ KHANH, *đang sửa soạn đồ đạc để mai dọn nhà.* — Không biết đi đâu mà đến bây giờ vẫn chưa thấy về cho thế này?

Có ánh lửa ngoài phía cầu thang bên trái.

Dượng thẳng Khanh đấy à?

Tiếng bên ngoài đáp: — Em thôi, bá ạ.

BÀ KHANH. — Chú Cấp đấy à? Lên nhà đã, chú đi đâu đấy?

ÔNG CẤP, *lại gần bếp sưởi lửa.* — Em chạy qua các nhà dặn bà con một chút, bác đi đâu rồi?

BÀ KHANH. — Đi chợ.

ÔNG CẤP. — Đi chợ làm gì?

BÀ KHANH. — Đi tìm mua thuốc phiện.

ÔNG CẤP. — Lại thuốc phiện.

BÀ KHANH. — Nhà còn hơn đồng bạc định để mua muối ăn tết thì nài van lấy đi bằng hết. À, chú chẻ dùm tôi mấy cái lạt để buộc cái gánh nhé.

Bà Khanh đi lấy dao và mảnh tre đưa ông Cấp.

ÔNG CẤP. — Đâu, đưa em chẻ cho.

BÀ KHANH, *càng lộ bực bội.* — Lắm lúc chỉ muốn đập nát cái bàn đèn của nó đi.

ÔNG CẤP. — Phải cái lão nghiện ngập thì để khuyên bảo dần thôi, đập đi rồi nó lại làm cái khác, có khó gì đâu.

BÀ KHANH. — Bực mình quá lắm rồi, chú ạ. Tôi càng nghĩ càng khổ tâm. Ngày bố thẳng Khanh chết đi thì cháu nó còn nhỏ quá, tôi thì đang ốm, không bước đi bước nữa thì không có nơi nương tựa, nên buộc lòng phải lấy nó....

ÔNG CẤP. — Có ai bảo sao đâu bá? Nhà có người đàn ông thì vẫn hơn.

BÀ KHANH. — Nhưng nào có nhờ vả được nó cho cam! Nó làm được bao nhiêu cũng không đủ nó hút, mẹ con tôi lại phải nuôi báo cô nó. Mà từ ngày thẳng Khanh đi tham gia cách mạng thì nó dẫn vật tôi mãi.

ÔNG CẤP. — Cái nghề thuốc sái thì nó hay lừa, nó mong cháu Khanh về là để đỡ chân đỡ tay bả cho nó rảnh thân nằm quèo hút thuốc đây thôi.

BÀ KHANH. — Ở nhà thì thế còn thằng Khanh thì tám tháng nay không thấy tin đâu cả. Tôi sốt ruột mà lo cho nó quá, chú ạ.

ÔNG CẤP. — Đi bí mật phải thế mới được, có khi nó vẫn quanh quẩn ở vùng này mà mình cũng không thể biết được đâu. Khi nào nó cần liên lạc với chúng mình thì mới lộ ra thôi. Không việc gì mà lo, người ta không bằng mấy mình ấy chứ.

LỚP II

Thêm KHANH rồi bớt ÔNG CẤP và BÀ KHANH

KHANH, nhẹ nhàng ở phía bên phải ra. — Chú, Mé (1)!

ÔNG CẤP. — Kia cháu Khanh. Chết! chú giật cả mình!

BÀ KHANH. — Con!

ÔNG CẤP. — Ở đâu hiện về thế này?

BÀ KHANH. — Sao mấy tháng nay con không cho mé biết tin tức gì cả?

KHANH. — Con bận lắm, mé ạ.

BÀ KHANH. — Con có được khỏe không?

KHANH. — Con khỏe, mé trông con thì biết.

BÀ KHANH. — Chết thôi này, ướt hết cả người rồi, đi vào đây sưởi lửa đã.

ÔNG CẤP. — Cháu về có việc gì đấy, bao giờ đi?

KHANH. — Cháu về tìm chú có công việc cần rồi lại đi ngay thôi.

ÔNG CẤP. — Việc gì thế?

KHANH. — Bây giờ chú với mé đi vận động ngay lấy năm ống gạo đem vào hang nấu cháo để lát nữa các đồng chí đi qua đây ăn nhé.

1— Mé: mẹ

BÀ KHANH. — Bao giờ thì đi qua ?

KHANH. — Gà gáy.

ÔNG CẤP. — Gà gáy à ?

KHANH. — Vâng, đúng gà gáy.

ÔNG CẤP. — Có bao nhiêu người mà ăn những 5 ống gạo cháo ?

KHANH. — Độ 25 người.

BÀ KHANH. — A *lúi* (1)! Đi đâu mà đông thế hả con ? Không sợ lộ à ?

KHANH. — Mé đừng hỏi nhiều, đi đi đã.

ÔNG CẤP. — Này, nhưng mai chúng nó về đồn làng này ra *bản* « cái », cháu biết chưa ?

KHANH. — Cháu biết rồi.

ÔNG CẤP. — Ra ngoài ấy rồi liên lạc hơi khó khăn đấy. Ngoài ấy nhiều « chó săn » lắm, mà lại xa núi nữa.

KHANH. — Gặp lúc khó khăn như thế thì phải liệu vượt qua, chú ạ. Nhất định ta vẫn hoạt động được như thường. Nhưng thôi, chú đi lo việc này cho cháu đi đã.

ÔNG CẤP. — Không chắc cả xóm có còn nổi 5 ống gạo đâu.

KHANH. — Tìm thêm bột *báng* nấu lẫn vào cũng được, miễn là có cái ăn cho đỡ đói để đi ngay, kéo trời sáng mà còn quanh quẩn ở vùng này thì nhớ hết việc. Đi đi chú, mé ! Đi ngay đi ! Để tôi nhẽ cái gai rồi tôi đi theo ngay.

BÀ KHANH. — Đâu, để mé nhẽ cho.

KHANH. — Ấy không, để con nhẽ lấy, mé cũng đi đi, đi ngay giúp chú thì mới kịp !

ÔNG CẤP. — Nhưng đi đâu nhiều thế nhỉ.

KHANH. — Chú đừng hỏi nhiều nữa, cứ đi đi rồi sẽ biết sau, tò mò thế là hay hỏng việc lắm đấy.

ÔNG CẤP. — Ờ, đi thôi bá ạ.

Ông Cấp vào cửa trái, bà Khanh định vào theo.

KHANH. — À, đừng đâu mé ?

1— Tiếng kêu đầu lúi, tỏ sự ngạc nhiên hoặc lo lắng.

BÀ KHANH. — Dượng đi mua thuốc phiện, con ạ.

KHANH. — Lúc nào cũng thuốc phiện ! Kim mé đề đâu ?

BÀ KHANH. — Có cành gai bưởi lúc chiều mé ngắt cũng còn kia, lấy gai bưởi mà nhề, đừng nhề kim có hơi sắt, nó thối chân ra đấy.

Tiếng ông Cấp gọi ở ngoài

— Đi thôi bá ơ !

BÀ KHANH, vào. — Tội ra ngay đây !

Khanh với cành bưởi bẻ gai ngồi xuống nhề, sân khấu im lặng một phút.

LỚP III

Thêm LÃO QUANG, rồi CHÁNH TỔNG và LÍNH DŨNG

Có tiếng động ngoài sân bên phải

KHANH, tay sờ vào súng lục, lùi vào buồng.

Lão Quang về.

KHANH. — Dượng đấy à ?

LÃO QUANG. — Ô, Khanh về đấy à ? Tiếng ai xi xào đi qua sau vườn nhà ta vậy ?

KHANH. — Mé với chú Cấp đấy.

LÃO QUANG. — Họ đi đâu thế ?

KHANH. — Đi có việc, dượng đi đâu về khuya thế ?

LÃO QUANG. — Ái già, hôm nay linh đoan nó về rình suốt ngày, quanh quần mãi mới mua được lạng thuốc. Anh về còn đi nữa không ?

KHANH. — Có, con về thăm mé, thăm dượng một lát rồi con lại đi ngay. Bảo dượng cai dân đi thì dượng chẳng nghe !

LÃO QUANG. — Dượng cũng cai mấy lần rồi đấy nhưng thử lần nào là nó vật vã đến khổ. (*Lục bàn đèn trong gành ra chuẩn bị hút*) Ừ, tốt lắm, dượng đang mong anh về.

KHANH. — Mong tôi về làm gì ?

LÃO QUANG. — Chắc hẳn anh cũng biết rồi, tình thế bây giờ nó khác lắm, anh ở trong ấy mãi không yên đâu. Rồi không chóng thì chầy đến bị bắt hết về nhà pha thôi.

KHANH. — Ai bảo dựng thế?

LÃO QUANG. — Dựng biết chứ, dựng còn biết nhiều chuyện lắm cho nên dựng tìm người nhắn tin cho anh về nói chuyện mà không nhắn được. Hôm nay anh về thật là may.

KHANH. — Những chuyện gì mà nhiều?

LÃO QUANG. — Nó lòi thòi rắc rối lắm, mình mà không nhanh thì đến bị tù oan vì chúng nó hết.

KHANH. — Vì ai?

LÃO QUANG. — Còn ai nữa, cái bọn đồng chí Toàn của anh ấy chứ ai.

KHANH. — Sao? Ai bảo dựng thế?

LÃO QUANG. — Đâu đâu người ta cũng nói, bàn đèn nào cũng bàn tán suốt đêm suốt ngày không hết chuyện về bọn thẳng Toàn nên dựng lo cho anh lắm.

KHANH. — Chuyện bàn đèn có một thì họ nói mười, chả nên nghe họ đâu.

LÃO QUANG. — Đề dựng nói hết đã nào! Thiên hạ này không có chuyện gì là lọt qua họ đâu. Anh có biết thẳng Toàn nó là người thế nào không?

KHANH. — Dựng còn lạ gì người ta nữa mà hỏi, đồng chí Toàn là cán bộ.

LÃO QUANG. — Không đâu anh ơi! Người ta biết rõ hết tông tích của nó rồi. Đây này, nó là người Kinh, năm kia nó ở dưới xuôi lên đây làm phu chở đồ ở sông Máng chán rồi lại xoay ra cắt tóc, loanh quanh thế nào ăn hết cả vốn mới mò mẫm sang Hàng-tháng, Táp-ná dạy học cho trẻ con nuôi miệng, dần dà rồi ra vùng Nguyên-bình này.

KHANH. — Thế thì có làm sao đâu hả dựng?

LÃO QUANG. — Ấy thế thì còn cách mạng, cách miếc gì nữa, chỉ là đi tha phương cầu thực thôi. Cái bọn người Kinh thì tài cái miệng lắm.

KHANH. — Dượng đừng đi nghe người ta mà nói nhảm thế !

LÃO QUANG. — Nhảm là thế nào ? Người ta nói ầm chợ, ầm châu lên đấy thôi. Bây giờ nó lại tụ tập thêm mấy thằng Nùng ở Lục-khu, mấy thằng Mán, mấy thằng học trò to đầu ở Nước-hai đi theo cho có vầy có cánh. Khéo rồi chúng nó đến thành một bọn cướp mất đấy, anh ạ. Nghe nói nó sấm sủng rồi đấy.

KHANH. — Sao mà dượng khờ thế, bọn quan lại tổng lý nó phao chuyện lên như thế để nói xấu chúng tôi mà dượng cũng tin.

LÃO QUANG. — Úi chào ! Nói với anh thật khờ, đến một vạn đừa Kinh còn chưa chắc có một đừa tốt hướng hồ là một thằng lang thang như thế.

KHANH. — Kinh hay Tây thì có khác gì nhau, ở đâu chẳng có người thế họ, kẻ thế kia.

LÃO QUANG. — Đừa nào chả mua đất bán rẽ, chẳng bắt nạt, khinh rẽ chúng mình ; đừa nào chả liến thoắng cái mồm để kiếm ăn !

KHANH. — Dượng cứ vợ đừa cả năm. Bọn Tây đã gây cho họ đầu óc xấu với ta rồi nhưng vẫn có nhiều người tốt. Đồng chí Toàn nhất định là người tốt, người ta phải rời bỏ gia đình, cha mẹ, vợ con ra đi, lặn lội từ dưới xuôi lên trên này, chịu đói, chịu khổ, tin yêu chúng mình, rủ chúng mình cùng nhau đánh đuổi Tây Nhật để chúng mình khỏi khổ mà dượng lại không tin người ta.

LÃO QUANG. — Ban đầu dượng cũng tin thế nhưng biết tung tích chúng nó rồi thì dượng không tin nữa.

KHANH. — Tung tích gì, đi làm cách mạng thì phải đi khắp đó đây để giác ngộ, tổ chức mọi người chứ !

LÃO QUANG. — Hừ ! Đi khắp mọi nơi làm cách mạng, có đi lừa người ta để ăn thì có. Bao nhiêu là gia đình ở vùng này bị chúng nó lừa, nhà mình đi đào từng củ *pấu*, dè từng hạt muối ăn mà *mé* anh cứ phải dành gạo dành muối cho chúng. Nay nói đánh Tây, mai nói đánh Nhật, gần hai năm giờ nay có làm được cái chó gì đâu ?

KHANH. — Dượng đừng nói quàng, nói bậy rồi khổ đến thân đấy!

LÃO QUANG. — Anh có lớn mà chẳng có khôn, dượng thay bố anh nuôi anh khôn lớn, dượng nói thì anh phải biết nghe chứ.

KHANH. — Nhưng dượng nói tôi không nghe được.

LÃO QUANG. — Chuyện nó rành rành ra đấy, đừng có theo chúng nó nữa, về nhà với dượng, với mẹ làm ăn, không có thì luy đến thân đấy, con ạ. Cách mạng gì cái bọn lang thang ấy!

KHANH. — Khổ quá! Chỉ mấy tháng tôi không về thôi mà sao dượng lại thay đổi thế, dượng đâm ra u mê rồi đấy.

LÃO QUANG. — Mẹ con anh sao mà giống nhau thế, cứng đầu cứng cổ, nói thế nào cũng không biết nghe, cứ đi chui rúc ở rừng ấy, nào còn biết tin tức ở ngoài này nữa đâu!

KHANH. — Dượng tưởng thế đấy chứ, có việc gì ở ngoài này mà chúng tôi không biết.

LÃO QUANG. — Thế anh có biết rằng các đồn hiện nay đều tăng thêm binh lính súng đạn không? Thầy chánh cũng được thêm đông không? Nay mai quan quân người ta đi lùng bắt sạch các anh về không?

KHANH. — Chúng tôi biết lắm chứ.

LÃO QUANG. — Thế thì phải liệu thân trước đi!

KHANH. — Nhiều lính nhiều súng thì làm gì? Mà bắt sao nổi chúng tôi?

LÃO QUANG. — Đến con hùm con hổ là chúa sơn lâm mà người ta còn săn được huống hồ các anh. Thầy chánh bảo tôi khuyên anh nên ra thú.

KHANH. — À... thôi chết tôi rồi! Dượng lại đi mon men với còanh tổng rồi. Tôi dặn ông thế nào ông lại quên hết rồi. Đã bảo bọn tổng lý là tay chân của Tây, thế mà lại còn cứ đi giao thiệp với bọn chó săn ấy.

LÃO QUANG. — Sao tôi lại không nhớ lời anh. Nhưng mỗi lúc một khác, tôi cũng phải biết suy xét chứ. Người ta khôn bằng vạn mình ấy, có quyền thế, có binh lính, có súng đạn, mình thì thắm thía gì...Mà nhất là mấy thằng ấy, tôi càng rõ chúng nó tài năng như thế nào rồi.

KHANH. — Thế là ông lằm to rồi đấy. Tôi khuyên ông nên biết nghĩ lại ngay đi mà tiếp tục giúp đỡ cách mạng, chờ nghe theo bọn chúng làm hại cách mạng thì hối không kịp! Thôi, tôi đi đây.

DÔNG I, thét. — Đứng im! Giơ tay lên! (*Vụt hiện ra cửa trái*).

KHANH, nhìn lão Quang, chột hiệu. — A, mày hại tao rồi!

CHÁNH TỔNG, vụt ra nhanh. — Im! (*Lại phía Khanh, rút khẩu súng lục của Khanh*) Cho tao mượn khẩu súng. (*Cầm lấy khẩu súng bước lui ra*) Được rồi, bây giờ bỏ tay xuống. (*Nói với lão Quang*) Sao lúc chiều gặp tôi, lão không cho tôi biết là có nó ở nhà?

LÃO QUANG. — Dạ, thưa thầy, nó mới về lúc nãy đấy ạ.

CHÁNH TỔNG. — À ra thế. (*Bảo đông*) Đứng ra ngoài cửa kia, cầm chắc súng đấy! (*Nói vọng ra ngoài*) Mấy đứa kia đâu? (*Có thêm ba tiếng dạ ba phía góc nhà*) Đứng đâu đứng đấy, nhìn cho tỉnh nghe không! (*Có ba tiếng dạ*) Hễ đứa nào chạy ra là bắn. (*Dạ vang*). Đấy mày cứ yên tâm ở đây, đừng đi đâu vội mà đại dột nhé, lính tao nó bắn tin lắm đấy... Này Khanh ạ, mày nên về nhà đi thôi, thế là khôn, đi mãi sao thoát, mà tội gì lại rủ nhau chui rúc vào rừng mà ở, ra làng to mà ở có vui không?

KHANH. — Chúng tôi không thích ở làng to.

CHÁNH TỔNG. — Thì bây giờ các quan cho về ở đấy.

KHANH. — Không cần.

CHÁNH TỔNG. — Sao mày đại thế, bố mày ngày xưa cũng vì đại dột bướng bỉnh với các quan Tây lục lộ nên mới chết oan. Bây giờ mày lại cũng muốn thế hay sao?

KHANH. — Phải, bây giờ tôi cần trả thù cho bố tôi.

CHÁNH TỔNG. — Nghĩa là mày định giết các quan Tây ?

KHANH. — Đừng thế.

CHÁNH TỔNG. — Thế mày lấy gì mà đánh, lấy súng gỗ đi đập vỡ được pháo đài à ? Tây không đấu sao nổi với súng Tây ?

KHANH. — Thế mà rồi chúng tôi sẽ thắng oanh liệt, còn các anh thì sẽ thất bại nhục nhã.

LÃO QUANG. — Ân nói với thầy chánh thì phải liệu lời chứ !

KHANH. — Không việc gì đến mày.

CHÁNH TỔNG. — Thôi lão Quang để tao nói, bây giờ mày nói nó có nghe đâu nữa mà nói. (Với Khanh) Vừa nãy, lão Quang nói đúng đấy ; các quan tăng lính, tăng súng đạn khắp các nơi, quân bây giờ như ong như kiến ấy, đi đến đâu là vàng cả cánh đồng ; súng to, súng nhỏ, súng dài súng ngắn có đủ. Mày đừng đại mà đi theo bọn Việt Minh cộng sản chống lại các quan nữa, chống không nổi đâu.

KHANH. — Ai chống nổi ai, sau này sẽ biết.

CHÁNH TỔNG. — Mày ngốc lắm, đi theo mấy thằng giặc ấy làm gì ? Về theo tao, tao sẽ dẫn lên thú với các quan châu, quan đồn ; tao cam đoan cho mày sẽ không phải tù tội mà còn có thể làm việc quan nữa. Dẫm cứt trâu thì đại, dẫm cứt ngựa thì khôn, mày ạ.

KHANH. — Hừ ! Nói dễ nghe thế ! Tôi không có tài ra luồn vào cúi như các người đâu.

CHÁNH TỔNG. — Mày biết thằng Cát chứ gì ? Nó cũng đi bí mật với mày hồi năm ngoái đấy, chữ nghĩa nó còn giỏi hơn mày, nó lại khôn ngoan bằng mấy mày mà nó còn về thú nữa là mày. Bây giờ quan cho nó làm thầy ký ở đồn, sướng bao nhiêu !

KHANH. — Kể gì cái thằng nhát gan ấy.

CHÁNH TỔNG. — Nó được thưởng cả tiền lẫn muối đấy... Mày mà về thì cũng sẽ được thế và có khi còn hơn nữa...

LÃO QUANG. — Phải đấy, việc này thầy chánh đã nói với dượng, nhưng lúc nãy anh nóng quá, dượng chưa kịp nói thì anh đã át đi. Anh mà nghe thầy thì nhà ta có thể được bạc nghìn và hàng tạ muối đấy.

CHÁNH TỔNG. — Rồi cả dượng cả con ra châu mà làm việc quan, thế có sợ không?

LÃO QUANG. — Thầy chánh đã hứa xin quan cho dượng làm kỳ mục đấy.

KHANH. — Mày cứ tối mắt lại vì tiền, vì thuốc phiện, vì muối, vì kỳ mục thì rồi mày chết không ai thương đâu.

CHÁNH TỔNG. — Thôi lão Quang đừng nói nữa, đã xung khắc thì ai người ta nghe mình nữa mà nói. Chắc mày cũng biết rằng tao đã làm đến chức chánh tổng thì cũng không phải là thằng ngu xuẩn gì nữa. Tao biết nghĩ lắm, tao nghĩ rằng mày, mé mày và dượng mày cũng là người Tày cả, tao không muốn làm cùng giống, cùng nòi phải khổ. Tao chỉ cần mày giúp tao triệt mấy thằng Kinh nó lén lút ở vùng này, rủ rê bọn mày quấy rối địa phương thôi. Mày nên suy nghĩ cho kỹ, đừng đi với chúng nó nữa.

KHANH. — Tôi càng suy nghĩ kỹ, càng thấy cần phải đi theo người ta, vì người ta làm việc tốt. Thế các quan cũng có người Kinh sao ông không triệt?

CHÁNH TỔNG. — Ấy chết! Thằng này ngu quá, nói thế tức là mày không biết phân biệt người Kinh các quan là những người Kinh tốt, người ta có học rộng tài cao, cho nên mới làm được dân chi phụ mẫu. Sao mày lại đem bì với bọn giặc!

KHANH. — Giặc mà lại biết thương yêu mọi người, biết đi làm việc cứu nước cứu nòi!

CHÁNH TỔNG, *cười đều cảng.* — Hừ! Mấy cái thằng lang thang trong rừng như cáo đi ăn đêm, như chuột rúc bờ tre mà gọi là đi cứu nước, cứu nòi! Cứu cái mồm ấy à? Rắn nhai mà cũng đòi biến thành rồng! Mày không biết câu người ta nói « bạn với Kinh chết đói » hay sao? Chúng nó chỉ lấy miệng đi tán ăn thôi, còn mấy thằng Nùng Lục-khu thì chỉ tài trộm trâu, mấy thằng Mán đói kia, thì làm sao lại đi đánh bạn với chúng nó? Chúng nó rửa chân cho người Tày mình cũng không đáng ấy chứ!

KHANH.— Các quan dân chỉ phụ mẫu học rộng tài cao của các ông dạy các ông cách ăn nói buộc đuôi ngựa đá nhau như thế đấy. Từ nay trở đi thì đừng hòng xúc xiêm cho dân tộc này ghét dân tộc nọ nữa. Kinh hay Tây, Nùng hay Mán cũng sẽ càng ngày càng tốt, một lòng một dạ với nhau thôi. Chỉ những đứa đi bám gót giặc làm hại giống nòi thì mới không đáng rửa chân cho chúng tôi thì có.

CHÁNH TỔNG.— Thằng này khó dạy thật!

KHANH.— Không ai dạy được ai ở đây cả, mà trái lại tôi nói cho các người biết : các quan của các người sắp đến lúc không có chỗ đi rồi đấy. Các người có khôn hồn thì nên cải tà quy chính ngay đi, đi theo Cách mạng, lấy công mà chuộc tội thì hơn. Để sau này còn hòng sống với vợ con, bố mẹ.

CHÁNH TỔNG.— Lại cái giọng lưỡi của mấy thằng Kinh nó mồm cho, tao mà bắt được chúng nó thì tao cắt hết lưỡi cho hết đời nói láo. Các quan nói không sai tí nào. Bọn chúng mày đi đến đâu là cũng thuyết, thuyết cả chúng tao! Một đảng các quan có đầy đủ súng đạn, quân lính hùng mạnh, chả theo lại đi theo chúng nó hai tay không với ba tấc lưỡi à?

KHANH.— Tôi không thuyết mà tôi nói thật để cho các người có thân thì lo.

CHÁNH TỔNG.— Đúng là cộng sản nó mồm cho chúng mày. Đồ ếch nhái bây giờ cũng biết mở mồm rồi đấy. Bây giờ mày sống hay chết cũng ở tay tao mà mày còn nỏ mồm! Lưỡi tao chỉ đảo một cái là viên đạn ở cửa kia sẽ bay xuyên qua ngực mày ngay.

KHANH.— Tôi có nói điều gì quá đáng đâu.

CHÁNH TỔNG.— Thôi, câm mồm! Bây giờ tao ra hai điều kiện cho mày chọn. Một là mày nghe tao, quay về thú và khai thằng Toàn ra thì sẽ được tha tội lại được thưởng; hai là chính mày sẽ bị bắt nộp quan rồi bị chém đầu bêu chợ Nguyên-bình. Đấy, muốn chọn đảng nào thì chọn.

KHANH.— Tôi chẳng phải khai ai cả. Tôi không chọn những con đường ấy, tôi chỉ có một con đường cách mạng.

CHÁNH TỔNG, thét.— Trói nó lại, lão Quang! Đóng dấu, đưa thùng vào đây!

KHANH.— Không cần phải trói, tao không thêm trốn. Có phải một mình tao làm cách mạng đâu, còn hàng nghìn hàng vạn người, bắt sao hết được.

Dòng quăng thùng vào, lão Quang ngấp ngừng.

CHÁNH TỔNG, thét.— Trói lại! Mày còn thương nó à? Nó có cho mày một lúc được mấy lạng thuốc phiện, mấy yến muối không? Trói!

KHANH.— Không!

CHÁNH TỔNG.— Trói! Hễ động tao bắn chết ngay!

Lão Quang cầm thùng trói.

KHANH.— Hừ! Chúng mày tưởng thế là đắc thắng rồi sao? Liệu rồi mày có chui vào ống quần các quan nhà mày ở được mãi không?

CHÁNH TỔNG.— Câm mồm! Nào, bây giờ tao xem mày đi con đường nào? Đến gà gáy, các quan về đây thì mày sẽ thấy con đường của mày.

KHANH.— Đúng, đến gà gáy sẽ thấy...

Ngoài cửa có tiếng thét: « Ai! Đứng lại! »

Có tiếng đáp: « Tôi về nhà tôi thôi! »

LÃO QUANG.— Ấy, người nhà đẩy các anh ạ. Thưa thầy, mẹ thằng Khanh nó về đấy ạ.

CHÁNH TỔNG, nói to.— Cho nó vào.

LỚP IV

KHANH, LÃO QUANG, CHÁNH TỔNG, thêm BÀ KHANH

BÀ KHANH.— Thôi chết rồi! Con! Dượng Khanh! Sao thế này?

LÃO QUANG.— Đấy, mẹ về mà bảo con.

BÀ KHANH.— Thầy chánh, thầy ở đâu đến đây? Cháu nó về thăm tôi, sao thầy lại trói nó?

CHÁNH TỔNG.— Nó đi làm giặc, nó nói láo, cứng đầu cứng cổ.

BÀ KHANH.— Con... sao con bảo...

KHANH.— *Mé đừng sợ, mé ạ.*

CHÁNH TỔNG.— Nó to gan lắm.

BÀ KHANH.— Dượng Khanh, sao ông không xin thầy chánh cho nó?

LÃO QUANG.— Úi chao, bảo nó có nghe thì mới xin được chứ! Đấy, con bà thì bà về mà bảo, mà xin!

KHANH.— Nói với nó làm gì nữa cho thêm bần mồm, *mé* ạ. Nó đã đi thậm thọt bảm gót bọn tổng lý để được ăn, được hút rồi. Nó đi báo chánh tổng về đây quây làng không cho ta rút vào lán đấy.

BÀ KHANH, *dau đớn*.— Trời ơi! Có thật không dượng Khanh?

LÃO QUANG.— Mẹ con mày ngu lắm. Tao nghĩ chín lắm rồi, tao sợ nó chết nên tao mới...

KHANH.— ...Nên mày mới định đem tao nộp cho các quan để có nhiều tiền, nhiều thuốc phiện chứ gì? Đồ khốn nạn!

BÀ KHANH.— Mười mấy năm giờ mẹ con tôi ăn ở với ông như bát nước đầy mà ông nỡ...

LÃO QUANG.— Ơ hay, khờ lắm! Thì bây giờ tao vẫn tốt...

BÀ KHANH.— Tốt thế này à? Tốt mà đi gọi người về bắt làng xóm, bắt con à?

CHÁNH TỔNG.— Ấy, này, phải nể tao chứ! Âm ỉ lên, tao lại cho lòi cổ nó đi ngay bây giờ?

BÀ KHANH.— Vâng, tôi xin lỗi thầy, nhờ thầy làm phúc tha cho cháu.

CHÁNH TỔNG.— Thì tao có muốn bắt nó đâu, mày về bảo nó nghe thì tao tha ngay thôi mà.

BÀ KHANH.— Con! Thầy chánh bảo con khai thế nào hở con?

KHANH.— *Mé đừng cuống lên thế, mé.* Nó bắt con khai đồng chi Toàn đấy, *mé* có đồng ý không?

BÀ KHANH — Khai đồng chi Toàn à?

CHÁNH TỔNG.— Phải đấy. Thằng Toàn người Kinh làm cộng sản đấy mà!

KHANH.— Khai cho nó bắt đi nộp quan chặt đầu người ta để chúng nó lấy thưởng.

BÀ KHANH, *ngẫm nghĩ*. — Không! Không! Đồng chí Toàn là người tốt lắm.

CHÁNH TỔNG.— Đấy, cả mày cũng còn muốn bị trói đấy, mày cũng bênh thằng Toàn đấy. Không khai thằng Toàn ra thì phạm tội.

BÀ KHANH.— Tôi tưởng đi ăn trộm ăn cướp của người ta, đi hà hiếp người ta mới phạm tội chứ nó thì phạm tội gì?

CHÁNH TỔNG.— Im! Đừng có già mồm! Nó đi làm cộng sản chứ còn tội gì nữa!

BÀ KHANH, *chỉ lão Quang rồi bủ lu bà loa*. — Ông ơi, ông giết mẹ con tôi rồi, ông ơi!

CHÁNH TỔNG.— Im!

BÀ KHANH.— Ông phải cởi trói cho nó, cứ cởi nó ra đã.

CHÁNH TỔNG.— Muốn cởi thì phải khai ra. Ha ha! có khó gì đâu!

BÀ KHANH, *giận nất lên tận cổ, chạy lại rút đòn gánh toan phang lão Quang*. — Chỉ tại cái thằng chó này! Cha bố cái thằng nghiện oặt, thằng so vai rút cổ vào báo hại nhà tao!

Lão Quang chạy nép vào phía chánh tổng.

CHÁNH TỔNG.— Im! Không thì ông cho trói nốt mày vào bây giờ!

Ngoài cửa lại có tiếng thét: « Ai! Đứng lại! »

Mọi người đều lắng tai nghe, có tiếng bên ngoài nói: « Cho tôi vào gặp thầy chánh. »

CHÁNH TỔNG.— Việc gì đấy?

Tiếng ở ngoài: « Bẩm thầy, đèo Sam-kha báo về nói có một đoàn quân kéo về đây. »

Có tiếng gà gáy.

CHÁNH TỔNG. — Tốt ! Đấy, vừa dùng gà gáy, quan đồn kéo quân về giúp vây làng đấy. Mẹ con mày liệu đi, quan về kia rồi. Liệu nghĩ cho mau đi, có nghe lời tao thì được yên lành, không thì chết đến nơi rồi đấy.

LÃO QUANG. — Bẩm thầy, thế quan cũng về ?

CHÁNH TỔNG. — Chứ sao ! Tao cho đồng đi báo quan về giúp vây làng này để sáng mai đồn cho yên trí kéo có đũa nào nó lại trốn đi nữa thì phiền. Cái làng này là ghê lắm, có thể nó trốn cả làng đi chứ không chơi.

LÃO QUANG. — Dạ. (*Quay lại nói với bà Khanh*) Thế có phải mẹ con mày ngu không ? Sao tao lại không biết nghĩ, tao đã biết trước tình thế này kia mà !

KHANH. — Mày đi bám gót người ta thì làm gì mà mày không biết.

LÃO QUANG. — Quan quân đã kéo về kia rồi, không phải chuyện cãi vã nhau nữa đâu. Đừng có ương gàn, bướng hão nữa, mê muội gì với mấy cái thằng tha phương cầu thực ấy nữa. Quay về khai mẹ chúng nó ra là tốt đẹp mọi đường.

BÀ KHANH. — Con ơi ! Làm thế nào được bây giờ ? Giời đất ơi !

KHANH. — Mé à, cứ yên tâm.

LÃO QUANG, *hơi chột dạ, nói riêng với chánh tổng.* — Thưa thầy... hay là... có thể...

CHÁNH TỔNG. — Có thể cái gì ?

LÃO QUANG. — Hay là có thể là quân Việt Minh đang kéo về.

CHÁNH TỔNG, *cũng ngại.* — Ai bảo ? Mày chỉ nói láo. (*Ngẫm nghĩ một giây*) Đồng đâu ?

Tiếng bên ngoài : « Dạ ! »

CHÁNH TỔNG. — Một đứa chạy đi ngay ra phía Sam-kha xem cho đích xác quân nào kéo về đây rồi chạy về báo cho tao ngay !

Tiếng bên ngoài : « Dạ. »

LÃO QUANG. — Hay cời trời cho anh ấy, thầy ạ.

CHÁNH TỔNG, *ngần ngừ, hoang mang một phút.* — Làm gì mà cuống me lên thế!

Tiếng ở ngoài : « Ai đứng lại ! »

Cò tiếng đáp : « Tòì, đông đây. Cho tòì vào gặp thầy chánh ngay ! »

CHÁNH TỔNG, *bảo lão Quang.* — Đấy ! (*Hỏi ra ngoài*) Thằng Nho đấy phải không ?

Tiếng bên ngoài : « Dạ, bẩm phải ạ ! »

CHÁNH TỔNG, *đôi sắc mặt mừng rỡ.* — Thế nào ?

Dông II ra.

DÔNG II. — Bẩm thầy...

CHÁNH TỔNG. — Ồ, tốt lắm ! Thế nào có gặp quan không ? Đi nhanh nhĩ.

DÔNG II. — Dạ, con đi một mạch không nghỉ. Thưa thầy, có gặp quan ạ.

CHÁNH TỔNG. — Quan bảo sao ?

DÔNG II. — Bẩm thầy, quan đồn đi vắng. Con gặp quan Bang mới đổi về ở đấy, con đưa giấy, quan xem rồi khen tốt, rồi bảo con chạy về báo trước với thầy rằng thầy phải ở đây chờ quan đến, có bao nhiêu lính đông thì cho « sắp mǎng » (1) ở đầu xóm để đón quan.

CHÁNH TỔNG. — Mày chạy ra gọi chúng nó đi « sắp mǎng » đón quan. Khi quan tới thì trình quan là tao đang bận bắt Việt Minh và mời quan vào đây nghe không ?

DÔNG II. — Dạ. (*Vào*)

CHÁNH TỔNG, *gọi to ra ngoài.* — Chúng mày đâu ?

Các đông thưa bên ngoài : « Dạ. »

CHÁNH TỔNG. — Chúng mày đi theo thằng Nho lên đầu xóm đón quan.

CÁC DÔNG. — Dạ.

CHÁNH TỔNG. — Hừ ! Mẹ cha mày ! Mày tưởng mày đánh lừa được cả bố mày đấy hử.

1 — *Sắp mǎng :* sắp hàng.

LÃO QUANG.— Dạ, thầy thật quả là người sáng suốt ạ.

CHÁNH TỔNG.— Thôi, bây giờ thì không còn thì giờ để nói chuyện nhiều nữa đâu. Nghe tao nhắc lại đây này: Khanh! Mày về thú và khai thẳng Toàn ra thì sẽ được một nghìn đồng bạc với một tạ muối, không thì về âm phủ.

LÃO QUANG.— Thôi đừng trù trừ nữa, anh ơi! Một nghìn đồng bạc, lại một tạ muối nữa! Mỗi chén muối bây giờ những một hào bạc! Đi tìm đâu một lúc được ngần ấy của hả con ơi!

CHÁNH TỔNG.— Còn phần thuốc phiện của lão nữa.

LÃO QUANG.— Dạ, còn mười lạng thuốc nữa, mười lạng hút được nửa năm giới!

CHÁNH TỔNG.— Còn chân kỳ mục nữa.

LÃO QUANG.— Dạ, vâng, anh Khanh ơi! Bà nó, tôi sẽ được làm kỳ mục! Bà không mừng à? Anh không vui à! Anh khai đi! Anh nghe thầy chánh đi!

KHANH.— Hừ! Thế là đủ cả tiền bạc, thuốc sái, danh vọng nhỉ! Thật là khốn nạn cho mày quá!

CHÁNH TỔNG.— Khồ lắm, cứ ương gàn bướng hão mãi! Mày không ăn thì mày cho chúng tao ăn với chứ. Quan đã đến kia rồi! Về đi, khai chúng nó ra thì chúng mình đều có lợi, đều sung sướng cả. Tao cũng được « mề-day »! Kia bà Khanh bảo cháu đi, không thì nó chết đến nơi rồi!

BÀ KHANH.— Con ơi! Khồ lắm mẹ lắm!

LÃO QUANG.— Dượng xin con, dượng van con, con nói đi, con nhận với thầy chánh đi!

CHÁNH TỔNG.— Kia! Ánh đuốc đã sáng cả đầu làng kia rồi!

BÀ KHANH.— Khanh ơi!

KHANH.— Mẹ cứ mặc con.

Có tiếng gà gáy xung quanh xóm.

CHÁNH TỔNG.— Khồ quá! (Nhìn ra ngoài) Kia kia! Lão Quang, mày nhìn ra xem có phải không?

LÃO QUANG, *cũng ngó theo ra phía ngoài.* — Dạ, phải ạ, đi theo quan toàn là lính khố xanh.

CHÁNH TỔNG. — Đấy, mẹ con mày ra mà nhìn, mở mắt cho to xem quân nào kia.

Bà Khanh và Khanh cùng ngó ra. Bà Khanh có vẻ sợ hãi. Khanh vẫn bình tĩnh.

BÀ KHANH. — Trời ơi ! Chúng nó đến thật kia rồi, giăng ra đi con !

CHÁNH TỔNG. — Thế nào ? Mày điên rồi hay sao thế ? Hay sợ quá mà hóa câm rồi, khai đi chứ ! (*Quay bảo lão Quang bảo bà Khanh*) Kia đồ nó đi, để nó chết không thì uổng quá !

LÃO QUANG. — Dượng van anh, dượng lạy anh. Kia *mé* nó, bảo con đi !

BÀ KHANH. — Con ơi, làm thế nào bây giờ ?

KHANH, *ngẫm nghĩ.* — Mẹ để con khai.

CHÁNH TỔNG, *mừng rỡ.* —Ồ ! thế thì tốt lắm.

LỚP V

Thêm BANG TÁ và HAI LÍNH KHỐ XANH

Chánh tổng ra đón, vãi chào tận cửa. Lão Quang cũng vãi tận đất.

CHÁNH TỔNG. — Bẩm lạy quan lớn. (*Chào xong lui vào*)

BANG TÁ, *bảo đông 1.* — Cho mày xuống với chúng nó dưới kia.

(*Dông lui. Hai lính khố xanh thay thế, một gác cửa, một đứng gần Bang tá*) Chánh tổng đâu ?

CHÁNH TỔNG. — Dạ, bẩm quan lớn, con đây ạ.

BANG TÁ. — Chánh Tam đây hả ?

CHÁNH TỔNG. — Dạ, bẩm phải. Chính con ạ.

BANG TÁ. — Dông của thầy lên báo xin quân về giúp thầy, quan đồn bạn nên tôi về đây ngay. Tôi khen thầy làm việc quan đặc lực lắm. Đâu, Việt Minh đâu ? Đưa nào ?

Bà Khanh lạy rồi rít, toan nói.

CHÁNH TỔNG. — Im, con mẹ kia, đề quan hỏi. Bầm quan lớn nó đây ạ! (*Chỉ vào Khanh*).

BANG TÁ. — Tốt lắm! Thế những đứa này? (*Chỉ bà Khanh và lão Quang*).

LÃO QUANG. — Dạ bầm quan lớn, con là bố dượng nó, còn đây là mẹ nó.

BANG TÁ, *gật gù*. — À... Thế thầy về bao vây làng mà sao lại gọi được nó về thú?

CHÁNH TỔNG. — Dạ, bầm quan lớn, bây giờ thật quả không dám giấu quan lớn. Con rình mò mấy tháng nay, mất ăn mất ngủ, vất vả lặn lội gần một năm giờ khuyên dỗ nó, hôm nay nó mới nghe đây ạ.

BANG TÁ. — À nó nghe rồi à?

CHÁNH TỔNG. — Bầm quan vâng ạ.

BANG TÁ. — Thầy giỏi lắm.

LÃO QUANG. — Bầm quan lớn, con cũng...

CHÁNH TỔNG, *dường hắng át giọng*. — E hèm!

Lão Quang cắt hừng

CHÁNH TỔNG. — Bầm quan lớn, con đang khuyên nó khai cả tên Toàn và bọn chúng nó ra ạ.

BANG TÁ. — Thế à? Thế thì thầy sẽ được hậu thưởng.

CHÁNH TỔNG, *đưa khẩu súng lục của Khanh cho Bang tá*. — Bầm quan lớn, đây là khẩu súng của tên Khanh ạ.

BANG TÁ. — Tốt, đưa tôi! Còn giấy má gì nữa không? Không có truyền đơn à?

CHÁNH TỔNG. — Dạ, bầm không còn gì ạ.

BANG TÁ. — Thế nó đã khai với thầy những gì rồi?

CHÁNH TỔNG. — Bầm quan lớn nó chưa khai gì cả.

BANG TÁ. — Thật không?

CHÁNH TỔNG. — Dạ, bầm nó gan lắm ạ.

BANG TÁ. — Tốt! Phen này thì nó sẽ phải khai. Nếu bắt được thằng Toàn thì thầy chánh nhất định được «mề-day».

CHÁNH TỔNG.— Dạ, đội ơn quan lớn. Bẩm thừa quan, con theo gót các quan, con cũng mong có ngày các quan thấy công lao của con. Lão Quang này cũng giúp đỡ con nhiều, và hiện nó đã nộp đơn lên châu xin quan chèn kỳ mục đang khuyết đây ạ.

BANG TÁ.— Được, tôi sẽ tư lên cụ tuần cho.

LÃO QUANG, *vài tặn đất*. — Dạ, đội ơn quan lớn vạn bội ạ.

BANG TÁ, *chỉ vào mặt chánh Tam, thét lính*. — Trói nó lại! (*Bỏ kính, bỏ khăn xếp, hiện ra khuôn mặt đồng chí Toàn, cán bộ Việt Minh lãnh đạo đội Tuyên truyền giải phóng quân*). Nhưng bác Quang này, bác chóng quên tôi quá!...

Hai lính khố xanh chĩa súng về phía chánh tổng và lão Quang thét: « Tình chi! (1) »

LÃO QUANG, *run bắn người*. — Giờ ơi! Đồng chí Toàn!

CHÁNH TỔNG, *khuyu xuống, sụp lạy* — Lạy các quan.

TOÀN.— Vâng, Toàn đây, bác ạ. (*Quay chào bà Khanh*) Chào bá.

BÀ KHANH, *cuống quít*. — Ôi! đồng chí Toàn, sao đồng chí lại ăn mặc quần áo của chúng nó?

TOÀN.— Mặc quần áo của chúng nó để đi đánh chúng nó cho dễ, bá ạ. Chúng tôi đã đánh xong đồn Phai-khắt rồi.

BÀ KHANH.— Thế à đồng chí? Thế bọn quan, bọn lính đâu?

TOÀN.— Chúng nó theo mình hết rồi, cả lính cả quan đều xin đi theo Việt Minh cả. Đồng chí Khanh làm thế nào để nó bắt được thế?

KHANH.— Tại lão này đây. Nó đi dẫn chánh tổng về đây vây làng giữa lúc tôi vừa về tới nhà.

TOÀN.— Sao bác Quang lại thế? Năm ngoái, tôi dặn bác là nên giúp đỡ chúng tôi làm cách mạng mà sao bây giờ bác lại đi báo chánh tổng về bắt Cách mạng?

LÃO QUANG.— Dạ, xin đồng chí tha tội cho lão ngu dốt tối tăm không biết gì. Chánh tổng nó dỗ con.

BÀ KHANH.— Chỉ biết thuốc phiện, biết tiền, biết muối, rõ dơ cái mặt!

1 — *Tình chi*: đứng yên.

KHANH.— Lại còn tấp tễnh định làm kỳ mục nữa đấy! (*Quay sang chánh Tam*) Còn thằng này! Mày đã thấy rõ ai mạnh ai yếu chưa? Những thằng Kinh, thằng Nùng, thằng Mán của mày đấy! (*Chỉ vào hai lính khố xanh*).

CHÁNH TỔNG.— Bầm lay các ông, lay các quan, các quan tha tội cho con.

KHANH.— Chậm rồi.

CHÁNH TỔNG.— Dạ, con biết tội...

KHANH.— Các quan mày binh hùng tướng mạnh, súng ống tối tân, mạnh sao bằng mọi người chúng tao, cả toàn dân Việt-nam cùng đứng lên đánh chúng mày!

TOÀN.— Các đồng chí, trời tên chánh tổng rồi giải nó đi.

Chánh tổng, lão Quang lay van rồi rút.

Một lính khố xanh trời chánh tổng lại.

LÍNH KHỐ XANH.— Im! Đừng yên!

TOÀN, nói với Khanh.— Chúng tôi vừa chuyển xong kho súng, đang thu dọn đồn, thì thấy đồng đến báo. Biết là đồng chí gặp nguy hiểm nên phải kéo về ngay.

KHANH.— Tôi vẫn bình tĩnh chờ các đồng chí về. (*Quay lại bà Khanh*) Mé hết lo rồi chứ?

BÀ KHANH.— Tôi sợ quá, đồng chí Toàn ạ. Tôi không hiểu ra sao cả, cứ tưởng phen này thì thằng Khanh chết mất thôi.

TOÀN.— Chết sao được, chúng tôi còn phải sống lâu để đuổi hết Tây hết Nhật đi rồi còn hưởng độc lập chứ! Phải không các đồng chí?

HAI LÍNH KHỐ XANH.— Phải.

TOÀN.— Còn bác Quang từ nay phải nhớ sửa đổi tính nết và cai dân thuốc phiện đi nhé. Chúng tôi không bắt bác đâu.

KHANH.— Đấy, người Kinh tốt hay xấu? Từ nay thì bỏ cái đầu óc bần thủ ấy đi, đừng có ghét Kinh, khinh Nùng, rẻ Mán nữa.

Tiếng gà còn gáy quanh làng, trời ửng hồng.

HẠ MÀN

Tháng 8-1957

tác giả tự dịch

CÙNG BẠN ĐỌC

Biên soạn tuyển tập này, chúng tôi nhằm mục đích giới thiệu với các bạn đọc những tinh hoa của văn học các dân tộc thiểu số. Căn cứ vào những khó khăn trong việc sưu tầm và dịch thuật, việc biên soạn tuyển tập này đã theo những phương châm, phương pháp như sau:

— Gắng giới thiệu được nhiều tác phẩm của nhiều dân tộc khác nhau nhưng không vì thế mà đưa vào tuyển tập những tác phẩm kém giá trị. Tuy nhiên, đối với một số bài thơ văn, tuy không hay lắm nhưng đã được phổ biến nhiều trong nhân dân thì chúng tôi vẫn giới thiệu.

— Việc biên dịch, không những phải chuyển đạt được nguyên ý mà còn cần gắng có văn điệu (vì đại bộ phận văn học các dân tộc thiểu số là thơ ca, văn vần). Tuy nhiên, không vì nệ văn điệu mà hại lời, hại ý, hại tới phong cách dân tộc của tác phẩm. Do đó, có một số bài chỉ dịch ra nghĩa đen thật chính xác. Trái lại, cũng có một số bài, chúng tôi đành bằng lòng với những bản phỏng dịch vì không có nguyên văn để đối chiếu.

— Việc khảo dị, chỉnh lý các tác phẩm là một công việc lâu dài và phức tạp. Hiện nay sưu tầm được thế nào thì ghi chép và dịch như thế ấy (trừ một số tác phẩm đã có sẵn văn bản). Vì vậy, mức độ chính xác của các văn bản chỉ là tương đối. Những tác phẩm chúng tôi đã biết rõ xuất xứ và tác giả thì đều có ghi rõ, những tác phẩm có giá trị nhưng chưa xác định được xuất xứ và tác giả thì đành bỏ trống.

— Việc tuyển dịch văn học các dân tộc Việt Bắc và Tây Bắc chủ yếu dựa vào Sở Văn hóa hai khu tự trị Việt Bắc và Thái-Mèo (mỗi khu thành lập một tổ sưu tầm biên dịch). Riêng phần Tây Nguyên và các dân tộc thiểu số ở Nam-bộ thì do nhiều tổ khác nhau hoặc một số anh em lẻ tẻ cung cấp tài liệu. Nhóm biên soạn — gồm những người trực tiếp chỉ đạo các tổ biên dịch — chịu trách nhiệm xét duyệt cùng với Ban biên tập Nhà xuất bản. Ngoài ra, trong việc tuyển dịch cũng như xét duyệt, chúng tôi có tranh thủ sự giúp đỡ hoặc cộng tác của một số cán bộ người Kinh am hiểu văn học các dân tộc thiểu số.

— Nội dung tuyển tập này xếp đặt theo thể loại, bắt đầu từ tục ngữ, thơ ca, truyện thơ, truyện cổ, sau cùng là các loại văn xuôi mới: truyện ngắn và kịch. Trong từng thể loại lại chia ra từng dân tộc, sắp xếp theo tình hình địa lý; trong từng dân tộc một, các tác phẩm được giới thiệu cổ trước kim sau. Tác phẩm của nhà thơ dân tộc nào được xếp vào phần thơ ca của dân tộc ấy và đối với một số nhà thơ có tiếng, chúng tôi in kèm theo mấy dòng tiểu sử.

Một điều đáng tiếc là trong hoàn cảnh hiện nay, chúng tôi chỉ mới giới thiệu được các bản dịch mà chưa thực hiện được việc in các tác phẩm bằng chữ dân tộc hoặc phiên âm tiếng các dân tộc ra chữ quốc ngữ.

Trên đây là một số điểm chúng tôi thấy cần phải trình bày với bạn đọc. Lần đầu tiên làm một tuyển tập tương đối toàn diện về văn học của các dân tộc thiểu số nước ta — một công việc rất khó khăn và phức tạp — chắc không tránh khỏi nhiều thiếu sót, chúng tôi chân thành mong được sự chỉ bảo của các bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA

MỤC LỤC

	Trang
VÀI NÉT VỀ VĂN HỌC CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ	
<i>Hà văn Thư</i>	5

TỤC NGŨ

— Tục ngữ Tày	29
— Tục ngữ Xán-diêu	35
— Tục ngữ Mường	37
— Tục ngữ Thái	39
— Tục ngữ Êa-na	49

THƠ CA

Dân tộc Tày

— <i>Phuổi pác</i> (vốn cổ)	51
— <i>Lượn thàng</i> (vốn cổ)	62
— Xuống chợ lấy muối	<i>Nguyễn văn Lò</i> 66
— Đi bộ đội	<i>Nông viết Toại</i> 67
— Việt Bắc chúng ta	<i>Nông viết Toại</i> 69
— Đan đôi dân hoa	<i>Hoàng quang Trọng</i> 73

HOÀNG ĐỨC HẬU

— Nhà pha	74
— Đi phu	74
— Quan gì quan này!	74
— Dàng ba huyện	76
— Không đề	77
— Tàu bay	77

NÔNG QUỐC CHÂN

— Bộ đội Ông Cọ	78
— Thơ gửi Ba Bề	81
— Khâu áo	83
— Việt Bắc - Tây Nguyên	84
— Tim trâu	86
— Bài thơ dâng Đảng	87

Dân tộc Nùng

— Oán ông thầy so bát tự (vốn cồ)	90
— Lấy chồng bé (vốn cồ)	91
— Lòng mẹ nơi địch hậu	<i>Lạc Dương</i> 91
— Bắc cầu sang làng Cao	<i>Nông văn Bút</i> 92
— Nhìn qua bản em	<i>Trương Mai</i> 93
— Hiến pháp ban hành như mùa xuân	<i>Mã thế Vinh</i> 95

Dân tộc Nhắng

— Chồng ép duyên (vốn cồ)	98
— Tình yêu hai ta (khuyết danh)	99
— Bài ca cách mạng (khuyết danh)	101
— Mặt trời mới	<i>Nông Trung</i> 103
— Anh hãy trở về	<i>Giàng Lý</i> 105

Dân tộc Xán-đu

— Lại chung cơm	<i>Bằng bắc Hải</i> 107
-----------------	-------------------------

Dân tộc Dao

— Mười hai tháng hoa (vốn cồ)	108
— Đỉnh núi Pha-lông	<i>Tin Wong</i> 110
— Chiến thắng	<i>Chi Wong</i> 111

BÀN TÀI ĐOÀN

— Ra sức giết giặc Tây	113
— Chân trời sáng rực	114
— Làm đôi công	116
— Giấc mơ	117
— Muối của Cọ Hồ	119

Dân tộc Mường

— Hát mừng nhà mới (vốn cổ)	121
— Hát <i>xường</i> (vốn cổ):	130
Nam nữ đối ca	130
Đóng khung cửi	134
— Hát <i>dum</i> (vốn cổ):	135
Đi lính thú	135
Quen nhau từ nhỏ	136
— Về làm dâu (vốn cổ)	137
— Than thân (vốn cổ)	138
— Ngày cưới của em (khuyết danh)	139
— Anh cán bộ người Kinh (khuyết danh)	140
— Mộ bên đường (khuyết danh)	141
— Dẫn đường (khuyết danh)	142

ĐINH SƠN

— Đừng nghe lời nói dối của giặc Tây	143
— Huỗi-phạ (trích)	145

Dân tộc Mèo

— Anh cướp em về (vốn cổ)	148
— Ta đi hoạt động (khuyết danh)	150
— Nhớ đến Chính phủ	Vừ thị Daa 151
— Nhớ tháng Bảy 1958	Giàng páo Lý, Giàng a Súa, Vừ a Sùng và Sùng a Sinh 152

Dân tộc Thái

— Tình ca (vốn cổ):	153
Lành đồn xa	154
Ươm hỏi	156
Chung lứa, chung nòi	160
Đời thanh xuân	162
Dẫn dò	166
— Hát thách (vốn cổ)	167
— Nam nữ đối ca (vốn cổ)	171
— Mời người thương xoi trầu (vốn cổ)	174
— Cảm ơn người đẹp đưa trầu (vốn cổ)	175
— Bông hoa gạo (khuyết danh)	176

		Trang
— Lò văn Giá, thanh niên yêu nước	Lò văn Mười	180
— Em là con gái châu Yên (khuyết danh)		183
— Thương anh	Cầm thị Lã	185
— Em tắm	Bạc văn Ủi	185
— Nhớ vợ	Cầm vinh Ui	186
— Chào đất nước	Kim Xương	187
— Trê lại	Quy Nhân	189
— Ôn Đảng	Quy Nhân	190
— Cây vả, quả tai chua	Cầm Giang	192
— Nghĩ về Mường-muội	Cầm Liên	194
— Bỏ áo rách	Pành Túng	195
— Nghe mưa	Lò văn Nôi	197
— Hợp tác xã bản Phang	Văn Yên	198
— Vội vã đón Cụ Hồ	Lò văn Cạy	199

LÒ VĂN THỨ

— Dân như vịt, tạo phỉa như quạ (trích)	202
---	-----

CẦM BIỂU

— Lúa chó dầy	203
— Nhớ bản cũ	204
— Cầu vào bản	205

HOÀNG NÓ

— Chân đôn giặc	208
— Chị em công nhân cầu đường	209

Dân tộc Xá

— Đời nô lệ	Khun Sảng	212
— Nỗi khổ ngày xưa (trích)	Lò thị So	213
— Que củi	Nui Ót	214
— Dẫn con	Cụ Bêng	214
— Cái lễ p, vòng tay	Hà sinh Hày	215

Dân tộc Lự

— Con thỏ (khuyết danh)	217
— Có hai người (khuyết danh)	218

Dân tộc Puộc

— Thương anh du kích bản Mo (khuyết danh)	219
— Người Puộc (khuyết danh)	220

Dân tộc Vân-kiều

- O-oát (vốn cổ) 222
- Gặp nhau giữa đường (vốn cổ) 223
- Khi gan mật đã ụng nhau (vốn cổ) 224
- Nhà ta xa, bản ta xa (vốn cổ) 225
- Tôi bước lên cái chòi của em (vốn cổ) 225

Dân tộc Ba-na

- Đam So (vốn cổ) 227
- Khóc Đúp Hơ-phít 229
- Thương người cộng sản (khuyết danh) 231
- Thương anh cán bộ Ka Văg 234

Dân tộc Giơ-rai

- Tôi biết ghét Tây vì có Đảng Kơ-so Bơ-lêu 236
- Oì Dàng! Siu Ken 237
- Nhớ lại mẹ cha Siu Ken 238
- Làng chúng ta Siu Ken 241
- Con cú đi sau lưng lũ bay Nay Phin 242

Dân tộc Ê-đê

- Giúp nhau mọi việc (vốn cổ) 245
- Lời thề kết bạn (vốn cổ) 245
- Lời nhớ cây sáo (vốn cổ) 246
- Đàn Bơ-rố (vốn cổ) 247
- Chuyện nhớ (vốn cổ) 249
- Anh đến từ nơi xa (vốn cổ) 250
- Hỡi bạn Hơ-ỉnh Hơ-rinh Y Hông 251
- Bài ca đoàn kết Y Hông 253
- Giữ đất nước không cho vào tay kẻ xâm lược Y Hông 255

Dân tộc Mơ-nông

- Tiếng gọi của A-ma Trang Long (khuyết danh) 257
- Nhớ em Hơ-bia Xơ-ri 258
- Bài thơ ca ngợi (khuyết danh) 259

Dân tộc Xê-đăng

- Đợi anh nhiều (khuyết danh) 262
- Khăn đỏ (khuyết danh) 263
- Giữ lấy rừng (khuyết danh) 264
- Làng (khuyết danh) 265

	Trang.
Dân tộc Hơ-rô	
— Gọi hạn gái (vốn cổ)	267
— Người đẹp (vốn cổ)	268
— Bài kêu gọi <i>chi-xêng</i> (khuyết danh)	269
— Thôi ngủ đi con (khuyết danh)	271
— Đường <i>Bôk Hồ</i> (khuyết danh)	272
— Bóng cây <i>kơ-nia</i> (khuyết danh)	274
Dân tộc Ka-tu	
— Bài hát con trâu (vốn cổ)	276
— Nếu ai chưa hiểu (khuyết danh)	277
— Tên (khuyết danh)	278
Dân tộc Xrê	
— Thơm mùi sữa trắng (khuyết danh)	280
Dân tộc Chăm	
— Bài thơ địch vận (khuyết danh)	282
— Đầu năm nhớ quê	Thạch Srây Mạnh 283
Dân tộc Khơ-me Nam-bộ	
— Hội kín về, sen hồng nở (khuyết danh)	286
— Niết-bàn còn xa mà ta vẫn sương	Trịnh Yuth 291
TRUYỆN THƠ	
Dân tộc Tày	
— Nam Kim - Thị Đan (trích)	299
Dân tộc Mường	
— Út Lót - Vi Diệu (trích)	308
— Hùy Nga - Hai Mối (trích)	315
Dân tộc Thái	
— Tiễn dặn người yêu (trích)	330
— Chàng Lú và nàng Ủa (trích)	341

Dân tộc Ba-na— **Đĩa Đon**

351

Dân tộc Giơ-rai— **Xing Nhã (trích)**

361

Dân tộc Ê-đê— **Đam San (trích)**

390

— **Đam Di (trích)**

417

TRUYỆN CỔ**Dân tộc Tày**— **Cầu Kháp**

439

— **Pù Cậy**

443

— **Kén rề**

451

— **Mượn thóc giống**

452

Dân tộc Nùng— **Khả tài ngào**

454

— **Tiếng gọi « Cô ơi ! »**

456

— **Tiếng chuông trong rừng thẳm**

461

Dân tộc Nhắng— **Chu hùng Ứ**

469

Dân tộc Dao— **Pù nải hồ**

472

— **Người đàn bà tiết hạnh**

475

Dân tộc Mường— **Lịch sử làm ruộng**

478

— **Trùng ngựa**

480

— **Truyện Cuội (trích)**

482

Dân tộc Mèo— **Lịch sử trời đất và loài người**— **Mắt lại sáng**— **Con ngựa vàng**

	Trang
Dân tộc Thái	
— Thần sắt	513
— Già Cú và Hoảng	514
— Tình anh em	517
— Giết quý	518
— Anh Voi Con	520
Dân tộc Xá	
— Chàng Lú và nàng Ủa	525
Dân tộc Vân-kiều	
— Nê-ang A-nha	630
Dân tộc Ba-na	
— Sự tích các dân tộc	536
Dân tộc Giơ-rai	
— Gươm thần Sa-đê	539
— Nàng Nai Vàng	641
Dân tộc Ê-đê	
— Hơ-kung và Y Du	544
— Hơ-bia Ngo và Y Rít	550
Dân tộc Mơ-nông	
— Anh hùng Tam Rắc	560
Dân tộc Xê-đăng	
— Nàng Ren Đắc	562
— Nữ thần Đẳng Glai	566
— Hạt bí ngô	569
— Nàng tiên Gạo	571
— Nàng tiên Cá	573
— Chàng Rôk	576
Dân tộc Hơ-rê	
— Hai dòng suối	581
— Viên ngọc ước	586

Trang

Dân tộc Xrê

— Chàng To-rá Trang Lan

589

Dân tộc Chăm

— Hoàng tử Khỏe

598

— Chiếc hài vàng

603

— Phò mã Sọ Dừa

617

Dân tộc Kơ-me Nam-bộ

— Nè-ang Kang Rêy

634

— Chú thỏ tinh khôn (trích)

640

TRUYỆN NGẮN

Dân tộc Tày

— Ché Mèn được đi học

Nông minh Chân

651

KỊCH

Dân tộc Tày

— Chờ gà gáy

Nông ích Đạt

663

CÙNG BẠN ĐỌC

685

HỢP TUYỂN THƠ VĂN VIỆT-NAM

(sáu tập)

Tập I : VĂN HỌC DÂN GIAN

Tập II : VĂN HỌC THẾ KỶ XI - XII

*Tập III : VĂN HỌC THẾ KỶ XVIII —
NỬA THẾ KỶ XIX*

Tập IV : VĂN HỌC 1858-1930

Tập V : VĂN HỌC 1930-1945

Tập VI : VĂN HỌC DÂN TỘC THIỀU SỐ

VĂN HỌC DÂN TỘC THIỀU SỐ

In 4.200 bản bìa thường và 1.020
bản bìa cứng bọc vải khổ 16,5×24
tại xưởng in CTHD Lê văn Tân
136, phố Hàng Bông — Hà-nội
Xong ngày 1 tháng 5 năm 1962
Số xuất bản 201. Số in

Gửi lưu chiểu tháng 5 năm 1962

Bìa của VĂN CAO

